



ORHAN
PAMUK

Tuyết

*"Cuốn sách không thể thuộc về thời đại chúng ta."
- Margaret, glivood*

Tuyệt

Orhan Pamuk

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

SỰ IM LẶNG CỦA TUYẾT
THÀNH PHỐ CHÚNG TÔI LÀ MỘT CHỖN THANH BÌNH
HÃY BỎ PHIẾU CHO ĐẢNG CỦA ALLAH!
CÓ THẬT LÀ ANH VỀ ĐÂY ĐỂ VIẾT VỀ BẦU CỬ VÀ NHỮNG VỤ TỰ SÁT?
XIN PHÉP GIÁO SƯ CHO HỎI MỘT CÂU
TÌNH YÊU, TÔN GIÁO VÀ THI CẢ
“TÍN ĐỒ HỒI GIÁO CHÍNH TRỊ” CHỈ LÀ CÁI TÊN DO PHƯƠNG TÂY VÀ ĐÁM THỂ TỤC ĐẶT CHO CHÚNG TÔI
MỘT THIẾU NỮ TỰ SÁT KHÔNG CÒN ĐƯỢC GỌI LÀ NGƯỜI HỒI GIÁO NỮA
ÔNG CÓ PHẢI LÀ NGƯỜI VÔ THẦN KHÔNG?
TAI SAO BÀI THƠ NÀY HAY?
Ở CHÂU ÂU CÓ MỘT THƯỢNG ĐẾ KHÁC HAY SAO?
NẾU KHÔNG CÓ THƯỢNG ĐẾ THÌ ĐÂY LÀ Ý NGHĨA CỦA MỌI THỐNG KHỔ MÀ NGƯỜI NGHÈO PHẢI CHỊU ĐỪNG?
TÔI KHÔNG TRANH LUẬN VỀ TÔN GIÁO CỦA MÌNH VỚI MỘT NGƯỜI VÔ THẦN
ÔNG LÀM THƠ NHƯ THẾ NÀO?
TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU THỰC SỰ MONG MUỐN GÌ ĐÓ TRONG ĐỜI
NƠI KHÔNG CÓ ALLAH
“TỔ QUỐC HAY KHĂN TRÙM”
ĐỪNG BẠN, SÚNG CỎ ĐẠN THẬT ĐẤY
TUYẾT RƠI ĐẸP XIẾT BẠO
ÂN HUỆ ĐÃ ĐẾN VỚI ĐẤT NƯỚC VÀ NHÂN DÂN
NHƯNG TÔI KHÔNG NHẬN RA AI TRONG ĐÓ
ĐƯỢC NHÂN DÂN LỰA CHỌN LÀM ATATÜRK
ALLAH ĐU CÔNG MINH ĐỂ BIẾT ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ VẤN ĐỀ CỦA LÝ TRÍ HAY XÁC TÍN, MÀ LÀ CÁCH SỐNG CUỘC ĐỜI
TÔI, KA
THỜI KỲ TỰ DO DUY NHẤT Ở KARS
NGHÈO KHỔ KHÔNG PHẢI LÀ LÝ DO KHIẾN CHÚNG TÔI ĐẾN VỚI THƯỢNG ĐẾ
CAN ĐÁM LÊN, CON GÁI ƠI, CỨU TRỢ TỪ KARS ĐANG ĐẾN!
KHÁC BIỆT GIỮA TÌNH YÊU VÀ SỰ KHỔ AI CỦA ĐỢI CHỜ
CÁI ANH ĐÁNH MẮT - KHÔNG CHỈ LÀ EM
BAO GIỜ MÌNH LẠI GẶP NHAU?
CHÚNG TÔI KHÔNG NGU, CHÚNG TÔI CHỈ NGHÈO THÔI
TÔI KHÔNG THỂ, CHỪNG NÀO CÒN CÓ HAI LINH HỒN NGỤ TRONG THỂ XÁC TÔI
MỘT KẺ VÔ ĐẠO Ở KARS
KADIFE SẼ KHÔNG CHẤP NHẬN ĐÂY
TÔI KHÔNG LÀM TAY SAI CHỖ AI CẢ
ÔNG SẼ KHÔNG CHẾT THẬT ĐÂY CHỨ?
LỜI THOẠI DUY NHẤT ĐÊM NAY LÀ MÃI TÓC KADIFE
VUI KHI CÙNG KHỐC
CHÚNG TÔI THỰC SỰ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH LÀM ÔNG SUY SỤP
LÀM GIÁN ĐIẾP HAI MANG CHẮC KHÔNG ĐƠN GIÁN
MỖI NGƯỜI CÓ MỘT BÔNG TUYẾT
CHỊ SẼ ĐÓNG GÓI HÀNH LÝ
PHỤ NỮ TỰ SÁT VÌ KIỂU HẪNH
HÔM NAY CHẴNG AI Ở ĐÂY ỪA KA NỮA

Thành phố biên giới Kars năm 1992, do tuyết lớn mà ba ngày liền bị cắt lìa khỏi thế giới bên ngoài. Ka, một nhà thơ gốc Istanbul vừa trở về sau thời gian lưu vong tại Đức, thấy mình kẹt giữa một sân khấu nơi các màn kịch diễn ra chòng chéo: Chính kịch Tôn giáo - Chính trị giữa phe Hồi giáo cực đoan và phe Chính quyền thế tục, bị kịch tình ái giữa hai chị em sắc sảo và một tên khủng bố điển trai, hề kịch đảo chính bất thành của một cựu diễn viên nhà hát, tất cả diễn ra trên nền tấn trò đời các cô gái trẻ tự sát, được cho là vì bảo vệ tấm khăn trùm đầu Hồi giáo trên mái tóc mình. Vốn chỉ muốn yên ổn theo đuổi người đẹp là bạn học cũ cũng như nàng thơ mới tìm lại được, Ka đã vô tình một cách có ý thức trở thành một vai cốt yếu giữa những màn kịch đan cài ấy, thay đổi nghiệt ngã số phận của bản thân cùng những người xung quanh.

Sau thế giới trung đại trong *Pháo Đài Trắng*, hay *Tên Tôi Là Đỏ*, tiểu thuyết mới nhất của Pamuk quay về với nước Thổ hiện đại và những vấn đề của nó, đem lại cho tác giả “*sự phấn nộ ngang nhau từ giới Hồi giáo chính trị và giới Âu hóa trong người Thổ*”, cũng như danh tiếng vang dội hơn nữa trên văn đàn thế giới và thành công lớn về thương mại.

Tặng Rüya

Chúng ta thường chú tâm đến khía cạnh nguy hiểm của sự việc: thằng ăn cắp thật thà, tên sát nhân hiền hậu, kẻ vô thần mê tín.

Robert Browning, “Lời biện giải của giám mục Blougram”

Chính trị trong một tác phẩm văn học cũng giống như phát súng lục giữa buổi hòa nhạc: thô bạo, dù ta không thể lờ nó đi được.

Chúng ta sẽ nói đến những chuyện khó chịu...

Stendhal, “Tu viện thành Parma”

Vậy thì hãy hủy diệt nhân dân, tước đoạt mọi quyền của nhân dân, bịt mồm nhân dân lại. Bởi vì sự khai sáng theo lối châu Âu còn quan trọng hơn nhân dân.

Dostoevsky, Ghi chép cho “Anh em nhà Karamazov”

Con người phương Tây trong tôi xáo động.

Joseph Conrad, “Tù nhân quan phương Tây”

SỰ IM LẶNG CỦA TUYẾT

Chuyến xe đi Kars

Sự im lặng của tuyết, người đàn ông ngồi ngay sau tài xế xe buýt nghĩ. Ông chắc sẽ gọi những gì đang cảm nhận trong tâm tư là “sự im lặng của tuyết”, nếu đang là mở đầu cho một bài thơ.

Trong tích tắc cuối cùng ông vừa kịp lên được xe buýt đi từ Erzurum đến Kars. Sau chuyến xe buýt từ Istanbul kéo dài hai ngày xuyên qua băng tuyết bão bùng, ông đến được bến xe buýt của Erzurum và đang lúc ông xách hành lý trên tay, ngược xuôi dọc các hành lang băng tuyết lạnh lẽo tìm chuyến đi tiếp đến Kars thì một người bảo ông có một xe sắp khởi hành.

Nhân viên soát vé của chiếc xe buýt Magirus cũ kỹ giục ông nhanh chân lên để khỏi phải mở cửa khoang hành lý mà gã vừa khóa lại. Vậy là du khách của chúng ta phải vác chiếc túi du lịch Bally to màu đỏ sẫm theo người và đặt nó kẹp giữa hai chân. Ông ngồi ngay cạnh cửa sổ, mặc chiếc áo choàng dày màu xám tro mua cách đây năm năm trong một cửa hàng Kaufhof ở Frankfurt. Chúng ta cũng nên kể trước là chiếc áo choàng ấm áp và chải chuốt này rồi sẽ khiến ông phải ngượng ngập và khó xử trong những ngày sắp tới ở Kars, đồng thời nó cũng đem lại cho ông cảm giác an toàn.

Ngay khi xe buýt vừa chuyển bánh, du khách bên cửa sổ đã giương mắt hy vọng nhìn thấy được gì mới mẻ, ông quan sát các cửa hàng tồi tàn bán tạp hóa, bánh mì, mấy quán trà đồ nát chạy ven đường phố ngoại ô Erzurum. Tuyết đã lại bắt đầu rơi, dày đặc hơn và bông to hơn so với tuyết trên suốt chặng đường từ Istanbul về Erzurum. Nếu du khách của chúng ta không quá mệt mỏi vì chuyến đi và chú ý hơn vào những bông tuyết trên trời rơi xuống như lông tơ trắng muốt thì biết đâu ông đã linh cảm được rằng cơn bão tuyết đang mạnh dần lên, rằng ông đang dẫn vào một hành trình sẽ làm biến động cả cuộc đời mình, và có thể ông sẽ quay lưng. Nhưng ông đâu nghĩ tới chuyện đó. Mắt ông ngược lên nhìn ánh sáng còn lưu luyến lại trên cao trong khi đêm buông xuống, và không hề nghĩ rằng những bông tuyết ngày càng rơi dày đặc hơn trong làn gió đang báo trước một cơn bão tuyết, mà là dấu hiệu nhắc về niềm vui và sự trong trắng từ thời thơ ấu ông từng biết ngày xưa.

Du khách của chúng ta đã trải qua những năm tuổi thơ hạnh phúc ở Istanbul; ông trở về cách đây một tuần, lần đầu tiên sau mười hai năm, để lo đưa tang mẹ mình. Ông ở lại bốn hôm, sau đó bập vào chuyến đi Kars không hề hoạch định trước. Mãi về sau ông vẫn còn nhớ về vẻ đẹp của mưa tuyết đêm nay, niềm vui nó mang lại chưa từng có gì ở Istanbul xưa sánh được. Ông là một thi sĩ, trước đây nhiều năm ông từng viết trong một bài thơ mà độc giả Thổ Nhĩ Kỳ hầu như không biết, chỉ một lần trong đời tuyết sẽ rơi trong giấc mơ của chúng ta.

Trong khi nhìn tuyết rơi dai dẳng và im lặng như trong giấc mơ của mình, du khách bên cửa sổ chìm vào một cơn mộng tưởng mà ông vẫn thầm ước xưa nay, một cảm giác trong trắng và vô tội. Ông tràn ngập lạc quan và thành thật tin mình sẽ coi được chốn này là nhà. Một lát sau, ông làm một việc mà từ nhiều năm không làm nữa và vốn cũng chẳng định làm: ông thiếp đi trên ghế.

Chúng ta hãy tận dụng thời gian ông ngủ để thăm thì kể vài chi tiết tiểu sử. Ông sống lưu vong đã được mười hai năm bên Đức song chưa bao giờ bận tâm nhiều đến chính trị. Lòng đam mê đích thực, mọi suy nghĩ của ông, là đều dành cho thi ca. Ông năm nay bốn mươi hai tuổi và

sống độc thân (chưa bao giờ có vợ) Trông ông co ro trên ghế, không ai nhận ra rằng ông là người khá to cao so với người Thổ. Nước da ông trắng (sẽ còn nhợt nhạt hơn nữa trong chuyến đi này), tóc ông vàng hung. Tính ông nhút nhát ư cô độc. Nếu biết được là sau khi thiếp đi do xe lắc lư nên đầu ông ngã vào vai và sau đó tuột xuống ngực người ngồi bên cạnh, chắc ông sẽ xấu hổ lắm. Du khách đang ngã vào người ngồi cạnh mình kia vốn là một người thật thà, có những dự định trong sáng, và chỉ vì những đức tính ấy mà ông luôn sầu muộn như các nhân vật của Chekhov - cả đời thụ động và thúc thủ. Về đề tài sầu muộn thì sau này chúng ta sẽ còn nhiều dịp nói đến. Du khách của chúng ta đang nào cũng không ngủ được lâu trong tư thế kém dễ chịu này, vì vậy tôi muốn nói luôn tên ông là Kerim Alakusoğlu, mà ông không ư lắm và do vậy thích được gọi theo họ tên viết tắt là Ka, một điều tôi sẽ tuân thủ trong cuốn sách này.

Từ hồi còn đi học ông đã khẳng khái viết tên Ka dưới các bài tập về nhà và bài kiểm tra, ở đại học ông cũng ký vào sổ điểm danh là Ka, chịu mọi tranh cãi với các giáo viên và viên chức. Ông xuất bản các tập thơ với cái tên Ka đã được mẹ, gia đình và bạn bè chấp nhận, vì thế tên này ở đất Thổ và trong cộng đồng Thổ ở Đức đã có được ít tiếng tăm và mang chút gì kỳ bí. Giờ thì mới đủ thời gian nói có thể, nhưng cũng như người lái xe sau khi rời ga xe buýt Erzurum chúc hành khách một chuyến đi tốt đẹp, tôi cũng muốn thêm vào một câu: “Chúc đi vui vẻ nhé, Ka thân mến!” Song tôi cũng chẳng giấu gì mọi người: tôi là một bạn cũ của Ka và trước khi bắt đầu kể chuyện này thì tôi đã biết hết những gì đang đợi ông ở Kars rồi.

Qua Horasan, xe buýt rẽ về phía Bắc đi Kars. Trên đường cua vòng vèo lên dốc, khi một chiếc xe ngựa đột ngột hiện ra và lái xe phải phanh gấp thì Ka thức giấc. Không mất nhiều thì giờ, ông lấy ngay không khí bằng hữu đang lan tỏa trong xe do nỗi sợ chung. Khi xe đi sát bờ vực trên các đoạn cua phải giảm tốc độ, mặc dù ngồi ngay sau lái xe ông cũng đứng dậy như các hành khách đằng sau để nhìn xuống đường cho rõ hơn, khi một hành khách sốt sắng khác đang tự nguyện giúp lái xe chùi hơi nước bám trên kính bỏ lỡ đi một góc, Ka sẽ đưa ngón trỏ chỉ cho ông ta thấy (chẳng ai để ý đến cổ găng này). Khi bão tuyết dữ dội hơn và cần gạt nước bất lực trên kính chắn gió trắng xóa, giống người lái xe, ông cũng cố gắng đoán đường nhựa bị phủ kín dẫn đến đâu. Các biển báo giao thông bị tuyết phủ hết. không sao đọc nổi. Khi bão tuyết nổi lên dữ dội hơn, lái xe tắt đèn pha và đèn trong xe để nhận ra đường rõ hơn trong ánh sáng nhấp nháy. Các hành khách không chuyện trò với nhau nữa, sợ hãi quan sát những ngõ nhỏ trong khu dân cư nghèo nàn phủ tuyết, ánh đèn mờ đục hắt ra từ những ngôi nhà một tầng đổ nát, những con đường đến mấy làng phía xa đã bị vùi lấp và vực sâu hiện ra mập mờ trong ánh đèn xe. Nếu có chuyện trò với nhau thì họ cũng chỉ hạ giọng thì thầm.

Người ngồi cạnh đã để Ka ngã vào lòng ngủ cũng thì thầm hỏi lý do ông tới Kars. Để nhận ra Ka không phải người trong vùng.

“Tôi là nhà báo”, Ka thì thầm. Điều này không đúng. “Tôi đến Kars vì cuộc bầu cử địa phương và những người phụ nữ tự sát.” Điều này thì đúng.

“Tất cả các báo Istanbul đều viết về chuyện ông thị trưởng ở Kars bị giết và những cô gái tự sát,” người kia nói, và Ka không rõ anh ta tự hào hay xấu hổ.

Ba hôm sau, người nông dân mảnh khảnh và dễ coi này sẽ gặp lại Ka, mặt đầm đìa nước mắt trên phố Halit Paşa đầy tuyết phủ. Suốt chuyến đi, thỉnh thoảng anh ta lại bắt chuyện với Ka.

Ông được biết là anh vừa đưa mẹ đến Erzurum vì nhà thương ở Kars không tốt lắm; anh ta làm nghề chăn gia súc ở một làng gần Kars; họ sống cũng chật vật nhưng không hề bất mãn; vì những duyên cớ đầy bí hiểm mà anh ta không nói cho Ka biết. Anh không tiếc thương cho chính mình mà tiếc thương đất nước, và anh vui mừng thấy một người có học như Ka vì những vấn đề của Kars mà lặn lội từ tận Istanbul về đây. Trong những lời mộc mạc và tư thế tự hào của anh có gì đó thật cao quý khiến Ka kính nể.

Ka cảm thấy dễ chịu với sự có mặt của anh ta. Ông nhớ đến sự thanh thản mà ông không hề biết đến trong mười hai năm trên đất Đức, từ hồi mà ông còn vui sướng khi hiểu được một người yếu nhược hơn mình và bày tỏ sự cảm thông với họ. Đó là hồi ông còn cố gắng nhìn thế giới xung quanh với con mắt của một người đàn ông biết thương cảm và yêu mến. Bây giờ ông lặp lại nỗ lực đó và ông nhận thấy mình ít sợ cơn bão tuyết hơn, họ sẽ không lao xuống vực, mà sẽ tới được Kars, cho dù có muộn giờ.

Mười giờ tối, quá mất ba tiếng, xe rẽ vào đường phố phủ tuyết của Kars. Ka không nhận ra được thành phố ngày xưa nữa. Ông không thấy nhà ga từng hiện ra trước mắt mình trong một ngày mùa xuân cách đây hai mươi năm, khi ông đến đây trên một chuyến tàu có đầu kéo chạy hơi nước, hay khách sạn Cộng hòa - "Phòng nào cũng có điện thoại" - mà ông được xe ngựa chở đến sau khi trước tiên đi một vòng khắp thành phố. Tựa như tất cả đã tan biến và mất tăm dưới lớp tuyết. Một, hai chiếc xe ngựa đợi ở bến xe buýt gợi nhớ đến ngày xưa, nhưng thành phố buồn thảm và nghèo nàn hơn so với những gì Ka từng mục kích và ghi nhớ.

Qua cửa kính xe phủ băng, Ka thấy những ngôi nhà chung cư bằng bê tông giống như hàng loạt ngôi nhà mọc lên ở Thổ trong thập kỷ vừa qua, những biển quảng cáo bằng nhựa trong khiến mọi địa phương trông lừa tựa như nhau, và những khẩu hiệu bầu cử treo trên dây căng ngang đường.

Vừa trèo xuống khỏi xe và bước thụt vào lớp tuyết mềm, cái lạnh tê tái xốc ngược lên dọc chân. Trong khi hỏi thăm đường đến khách sạn Lâu Đài Tuyết, mà ông đã đặt giường qua điện thoại từ Istanbul, ông nhìn thấy vài bộ mặt quen quen trong đám người đồng hành đang nhận vali từ tay người soát vé, tuy không nhận rõ được ai trong mưa tuyết.

Ông gặp lại họ trong nhà hàng Đất Xanh sau khi đã sắp xếp xong đồ đạc trên phòng. Một người đàn ông mệt mỏi và lo âu, nhưng điển trai và tự tin với phong độ của mình, một bà béo tròn nhưng linh hoạt, chắc là một đôi. Ka nhớ đến họ trong khung cảnh Istanbul hồi thập kỷ bảy mươi, hồi hai người là những điểm sáng trên sân khấu thời kỳ cách mạng. Người đàn ông tên là Sunay Zaim. Trong khi mải mê quan sát hai người, ông chợt thấy người đàn bà rất giống một cô bạn cùng lớp hồi tiểu học. Ông cũng nhận ra màu da nhợt nhạt như xác chết đặc trưng cho dân nhà hát của mấy người đàn ông quanh bàn và tự hỏi: nhóm diễn viên này làm gì trong buổi đêm tháng Hai tuyết phủ tại thành phố khổ ho cò gáy này? Trước khi rời khỏi nhà hàng mà trước đây hai mươi năm khách ruột toàn là công chức thất cựa vạt, Ka tin là đã nhận mặt được một người hùng của phái tả vũ trang còn sót lại từ hồi những năm bảy mươi đang ngồi ở một bàn khác. Nhưng ký ức của ông về người ấy cũng dường như ngập dưới lớp tuyết, giống như thành phố tàn tạ và xám xịt, giống như nhà hàng này.

Vì tuyết mà chẳng có ma nào ra phố, hay vỉa hè đóng băng này lúc nào cũng vắng bóng người? Ông chăm chú đọc các biểu ngữ bầu cử dán trên tường, quảng cáo những khóa học dự bị của trường đại học và các nhà hàng, những áp phích mới tinh của chính quyền kêu gọi chấm dứt nạn tự sát: "Con người là tuyệt tác của Thượng đế, tự vẫn là báng bổ Thượng đế!"

Qua cửa kính phủ băng của quán trà thừa khách, Ka thấy một nhóm đàn ông ngồi quây quần bên tivi. Ít nhất thì hình ảnh những ngôi nhà cổ bằng đá do người Nga xây cũng làm ông thư thái một chút, vì trong ký ức của ông chúng đã biến Kars thành một thành phố đặc biệt.

Khách sạn Lâu Đài Tuyết là một điển hình duyên dáng của trường phái kiến trúc Baltic ở Nga. Phải đi qua một khung cửa vòm và một khoảng sân mới vào đến ngôi nhà hai tầng có cửa kính cao hẹp ngang. Ka thấy có chút kích động khi đi dưới khung cửa vòm xây trước đó hơn trăm năm, đủ cao để xe ngựa dễ dàng lọt qua, nhưng ông quá mệt nên chẳng buồn tự hỏi tại sao. Tôi cũng muốn nói luôn là tâm trạng bối rối ấy liên quan đôi chút tới những lý do khiến Ka đến Kars hôm nay: trong khi đến thăm tòa soạn báo *Cộng hòa* ở Istanbul trước đây ba hôm, Taner, người bạn thời trẻ đã kể cho ông biết ở Kars sắp có bầu cử địa phương. và ở đó giống như ở

thành phố Batman - có một dịch vụ tử của các cô gái trẻ. Taner gợi ý ông hãy đến đó nếu sau mười hai năm ông định chứng kiến thực tế Thổ Nhĩ Kỳ và viết về nó. Để làm cái công việc chẳng ai muốn nhận này, Taner có thể lo cho ông một thẻ nhà báo tạm thời. Ngoài ra ông còn nhắc là cô bạn gái xinh đẹp Ipek của hai người đang ở Kars. Mặc dù đã chia tay với Muhtar cô vẫn sống ở đó, cùng với bố và em gái tại khách sạn Lâu Đài Tuyết. Ka nhớ đến sắc đẹp của Ipek trong khi lắng nghe lời Taner, cây bút chính luận của tờ *Cộng hòa*.

Ka nhẹ cả người khi khóa cửa phòng 203 trên lầu hai. Cậu nhân viên lễ tân Cavit đang ngồi xem ti vi ở tiền sảnh trần cao đã đưa chìa khóa cho ông. Ông cẩn thận lắng nghe trong người. Trái với lo lắng từ trước cả lý trí lẫn tình cảm trong ông đều không xáo động gì trước chuyện Ipek có thể đang ở ngay đây, trong cùng khách sạn. Như những người chỉ nhớ lại cuộc sống yêu đương đậm bạc của mình như một chuỗi khổ sở và bẽ bàng, Ka sợ yêu như sợ thần chết.

Nửa đêm. ông mặc đồ ngủ đi lại trong phòng. Trước khi lên giường ông đẩy rèm cửa hé ra một chút nhìn những bông tuyết dày và nặng rơi hoài không nghỉ.

THÀNH PHỐ CHÚNG TÔI LÀ MỘT CHỖ THANH BÌNH

Những quận ngoại vi.

Tuyết luôn đánh thức trong Ka cảm giác thuần khiết, khóa lấp đi và khiến ông quên mọi bất thỉu, lầy lội và tăm tối của thành phố, nhưng đêm đầu tiên ở Kars ông đã không còn cảm thấy tuyết là trong trắng nữa. Ở đây, tuyết làm người ta mệt mỏi, bức bối và kinh sợ. Tuyết rơi suốt đêm. Tuyết vẫn không ngừng rơi cả buổi sáng khi Ka đi vào thành phố, ngồi trong các quán trà ních đầy người Kurd thất nghiệp, phỏng vấn các cử tri, diễn vai một phóng viên mẫn cán với giấy bút lăm lăm trong tay, cả khi ông leo lên những con đường dốc đóng băng trong mấy quận nghèo và trò chuyện với ngài cựu thị trưởng, ông phó thống sứ và gia đình các cô gái tự sát. Nhưng tuyết không còn đưa ông về lại các đường phố ngập tuyết mà ngày còn bé ông cảm nhận từ bên khung cửa sổ yên ổn của căn hộ ở Nişantaşı như trong truyện cổ tích, không trả lại hy vọng về cuộc sống trung lưu mà ông vẫn lưu giữ trong trí tưởng tượng từ nhiều năm nay như nơi trú ẩn cuối cùng, mà chỉ là khởi đầu của sự nghèo khổ cùng cực mà ông chưa biết nó sẽ dẫn đến đâu.

Sáng sớm hôm đó, khi thành phố vừa thức giấc và chưa kịp phiên muộn vì tuyết xuống, ông đã vội bước đi dọc phố Atatürk xuống khu *gecekondu*—“mọc lên qua đêm”, đó là khu nghèo nhất của Kars nằm phía dưới thành cổ. Trong lúc nhanh chân đi dưới những tán trúc đào và tiêu huyền trĩu nặng tuyết trên cành, ông ngắm những ngôi nhà kiểu Nga cũ nát với ống khói lò sưởi chồi ra từ cửa sổ, nhìn tuyết rơi vào ngôi nhà thờ Armenia nghìn tuổi bỏ hoang cao vút giữa các kho chứa gỗ và trạm biến thế, quan sát lũ chó sủa nhặng xị khi có bất kỳ người nào đi qua cây cầu năm trăm năm tuổi vắt ngang dòng sông Kars đóng băng và những dải khói mỏng mảnh bốc lên từ những căn nhà của khu *gecekondu* trông rất trống trải hoang tàn trong màn

tuyệt. Và ông thấy thực sự buồn, mắt ứ lệ. Ở bờ sông bên kia có hai đứa trẻ, một trai một gái, mới sáng sớm đã bị sai đi mua bánh mì. Chúng cặp bánh nóng dưới nách và vừa xô đẩy nhau vừa cười vui vẻ đến nỗi Ka cũng bất giác mỉm cười. Ông không buồn rầu vì cảnh nghèo khổ và bất lực, mà vì một cảm giác cô đơn kỳ lạ và quái đản rồi ông sẽ gặp ở mọi nơi: trong ngăn bày hàng trống trơn của hiệu chụp ảnh trên tấm cửa kính phủ băng của các quán trà chật ních dân thất nghiệp chơi bài, trên những quảng trường tuyết phủ không một bóng người. Tựa như tất cả đã quên bằng chốn này và tuyết cam lạng rơi xuống xó tận cùng thế giới.

Ka gặp may suốt buổi sáng hôm ấy. Ông được đón chào cứ như một nhà báo quan trọng từ Istanbul về, ai cũng chú ý đến ông và muốn bắt tay ông, từ phó thống sứ cho đến người kiết xác nhất mọi người đều mở cửa đón và tiếp chuyện ông. Serdar Bey, người chủ báo *Thành phố biên giới* với 320 ấn bản và thỉnh thoảng gửi tin địa phương cho báo *Cộng hòa* (đa số không được in) giới thiệu Ka với mọi người ở Kars. Sáng sớm nay khi rời khách sạn, Ka đã được dẫn đầu tiên nên gặp ông nhà báo già này. “phóng viên địa phương của chúng tôi”. Mới gặp nhau ngay cửa tòa báo, Ka đã lập tức hiểu ông ta thuộc Kars như lòng bàn tay. Những câu hỏi mà Ka sẽ gặp hàng trăm bận trong ba ngày ở Kars, Serdar Bey đặt ra trước hết.

“Nhiệt liệt chào mừng anh đến thành phố biên giới của chúng tôi! Nhưng anh đến đây làm gì?”

Ka nói ông muốn đưa tin về cuộc bầu cử và có thể sẽ viết một bài về các cô gái tự sát.

“Chuyện các cô gái tự sát bị thổi phồng lên, hết như ở Batman thôi,” ông chủ báo trả lời. “Có lẽ ta nên đến thăm phó giám đốc Sở cảnh sát Kasim Bey một lát. Thừa hơn thiếu, họ cũng nên biết là anh tới đây.”

Người lạ đến thị tứ nhỏ này, ngay cả nhà báo trước tiên nên trình diện cảnh sát, đó là một tập tục ở tỉnh lẻ còn rớt lại từ những năm bốn mươi. Ka không phản đối vì ông là một người tị nạn chính trị vừa mới về nước sau nhiều năm, và cũng vì ông cảm thấy sự hiện diện của đảng Công nhân Kurd khá rõ rệt ở đây – ngay cả khi không ai nói ra miệng. Họ đi từ chợ rau quả, dọc theo phố Kâzım Karabekir đầy các cửa hàng kim khí và phụ tùng, qua những quán trà, nơi dân thất nghiệp rầu rĩ ngồi xem ti vi hay xem tuyết rơi, qua hàng sữa bày những tảng phô mát Kaşar to như bánh xe, hết mười lăm phút là cắt ngang thành phố.

Giữa đường Serdar Bey dừng bước để chỉ cho Ka góc phố nơi ông thị trưởng bị bắn chết. Theo lời đồn đại thì ông bị giết bởi một chuyện không đầu, hình như vì sai dỡ bỏ một cái bao lợn xây không phép. Ba ngày sau người ta bắt được kẻ ám sát trong một ngôi làng, nơi hẩn ẩn trốn, cùng vũ khí của hẩn trong một vựa cỏ.

Nhưng trong ba ngày đó đã kịp sinh ra nhiều chuyện đồn thổi đến nỗi không ai tin kẻ giết người lại là hẩn ta: động cơ quá đơn giản té ra lại làm mọi người thất vọng.

Sở cảnh sát Kars là một ngôi nhà dài, ba tầng ở phố Faikbey, lọt giữa những ngôi nhà đá cũ kỹ chủ yếu dùng làm văn phòng hành chính, di sản của những người Nga và người Armenia giàu có. Trong khi đợi ông phó giám đốc Sở cảnh sát, Serdar Bey chỉ cho Ka xem trần nhà cao chạm khắc và kể rằng thời thuộc Nga từ 1877 đến 1918 ngôi nhà bốn mươi phòng này trước hết là của một nhà giàu Armenia, sau đó là một bệnh viện Nga.

Ông phó giám đốc Kasim Bey với cái bụng bia ra tận hành lang mời họ vào phòng. Ka nhận ngay ra là ông ta thuộc loại người không bao giờ đọc báo Cộng hòa, vì cho là nó quá tả, và cũng chẳng có lợi gì cho Ka khi Serdar Bey ca ngợi những bài thơ ông đã viết ra, nhưng ông ta cũng dè chừng Serdar Bey, chủ tờ báo địa phương dẫn đầu doanh số ở Kars. Khi Serdar Bey dứt lời, ông phó giám đốc hỏi Ka: “Ông có cần một vệ sĩ không?”

“Sao cơ?”

“Tôi chỉ định cử tho ông một cảnh sát vận thường phục. Để ông yên tâm thôi.”

“Tôi có nhất thiết cần không?” Ka hỏi với giọng một bệnh nhân được bác sĩ khuyên từ nay nên chống nạng.

“Thành phố chúng tôi là một chốn thanh bình. Chúng tôi đã tổng khứ được bọn khủng bố đòi chia rẽ, nhưng cẩn thận thì vẫn hơn.”

“Nếu Kars là một chốn thanh bình thì tôi không cần vệ sĩ,” Ka nói. Trong thâm tâm, ông mong phó giám đốc Sở cảnh sát lần nữa bảo đảm rằng Kars là một chốn thanh bình, song không thấy Kasim Bey nhắc lại.

Đầu tiên họ đi tới những quận nghèo nhất ở phía Bắc thành phố, phía dưới thành cổ, và đến Bayrampaşa. Tuyết vẫn rơi như vĩnh viễn không bao giờ muốn ngừng. Serdar Bey gõ cửa những túp lều chắp vá bằng đá, than cục và tôn ghép cong vênh, hỏi người đàn bà ra mở cửa về ông chủ nhà, và nếu ông chủ nhà nhận ra mình thì ông kể với họ bằng giọng khiến người ta tin cậy rằng đồng nghiệp của ông là một nhà báo nổi tiếng từ Istanbul về Kars để viết về kỳ bầu cử, song cũng viết về những vấn đề ở Kars và lý do khiến những phụ nữ tự sát, và sẽ có lợi cho Kars nếu họ cho biết những lo lắng của mình. Một vài người tỏ ra vui mừng vì tưởng hai người do các ứng viên chức thị trưởng cử đến, mang theo những can dầu hướng dương, thùng xà phòng hay bánh kẹo và mì sợi. Những người có chủ ý mời họ vào nhà vì tò mò hay hiếu khách thì nói ngay với Ka rằng ông đừng sợ con chó đang sủa. Các nhà khác mở cửa trong lo âu, nghĩ rằng đây lại là một cuộc lùng quét mới, như vài năm nay vẫn liên tục diễn ra, rồi ngậm miệng như hến ngay cả sau khi biết họ chẳng dính dáng gì đến nhà nước. Gia đình những cô gái tự sát (Ka nhanh chóng hỏi ra sáu trường hợp) thì chỉ nói là con gái họ ngày xưa chẳng có chuyện gì đáng phàn nàn cả, và chuyện ấy làm họ rất hoang mang và đau buồn.

Hai người ngồi trên ghế đệm cũ kỹ hay ghế đầu vẹo vọ trong những căn phòng bé bằng bàn tay lạnh cầm cầm, nền nhà bằng đất hay phủ thảm dệt công nghiệp. Lũ trẻ ở đâu cũng đông nhưng nhúc, chí chóe với nhau và chơi những chiếc ô tô nhựa sứt sẹo hay búp bê một tay, chai lọ rỗng, vỏ hộp thuốc hay hộp trà. Lò sưởi đốt củi luôn phải khêu lại cho đỏ hay lò sưởi điện chạy bằng điện câu trộm. Máy thu vô tuyến không có tiếng nhưng mở suốt ngày. Họ lắng nghe những phiền não bất tận của người nghèo ở Kars, chuyện những người mất việc và những cô gái trẻ tự sát. Các bà mẹ khóc lóc vì con mình thất nghiệp hay bị ngồi tù, nhân viên phòng tắm hơi làm việc mỗi ngày mười hai tiếng mà không đủ nuôi gia đình tám người, dân thất nghiệp không đủ tiền ra quán trà nữa - tất cả bọn họ than vãn với Ka về thân phận hẩm hiu của mình, về nhà nước, về chức trách thành phố, tựa như mọi vấn đề đều là do nhà nước. Đến một lúc nào đó, mặc cho ánh sáng trắng lóa từ cửa sổ hắt vào, Ka chợt có cảm giác mình đang chìm vào bóng tối. Căn phòng nhập nhoạng làm ông khó nhận ra mọi đồ vật nội thất, và khi buộc phải nhìn ra tuyết ngoài cửa sổ, màu trắng làm lóa mắt ông. Như thể một tấm màn mờ ảo đã bao bọc lấy trí não ông, như thể óc tư duy và trí nhớ của ông đã bị trùm trong sự im lặng của tuyết, cự tuyệt tiếp nhận những câu chuyện nghèo khó và đày đọa.

Tuy nhiên, cho đến cuối đời ông sẽ không thể quên tất cả những chuyện tự sát được nghe kể lại. Cái làm ông xúc động không hẳn là sự nghèo khổ, bất lực và vô cảm, kể cả những bậc cha mẹ sắt đá và bảo thủ luôn đánh đập con gái mình và thậm chí không cho phép chúng ra khỏi nhà. Cũng không phải sự đàn áp của những ông chồng ghen tuông, hoặc cảnh luôn luôn túng thiếu. Cái làm ông kinh hoàng và choáng váng là những vụ tự tử không hề có dấu hiệu báo trước, không có liên quan gì xung quanh, đột ngột diễn ra giữa ngày thường.

Ví dụ như cô gái trước lễ đính hôn cưỡng ép với ông già chủ quán trà đã cùng ăn với bố mẹ, ba đứa em và bà như mọi tối. Sau khi vừa chành chọc đùa giỡn với các em vừa dọn bát đĩa khỏi

bàn, cô vào bếp lấy đồ tráng miệng nhưng lại đi ra vườn, trèo qua cửa sổ vào phòng bố mẹ và tự bắn vào đầu bằng khẩu súng săn của bố. Vốn tưởng con gái ở trong bếp, bố mẹ cô sau khi nghe tiếng súng đã chạy lên lầu tìm thấy con gái quần quai trong vũng máu ở phòng ngủ. Họ không hiểu nó từ bếp vào phòng bằng đường nào, chưa kể lý do khiến nó tự sát. Một cô bé khác mười sáu tuổi cãi nhau ầm ĩ với các em để tranh bắt chương trình ti vi yêu thích và cướp được chiếc điều khiển từ xa, như mọi tối, sau khi bị ông bố can thiệp bằng cách tát cho hai phát, cô bé đi vào phòng mình và uống một hơi hết sạch chai thuốc trừ sâu Mortalin như uống nước ngọt. Một cô gái khác kinh hoàng trước những trận đòn của anh chồng thất nghiệp trầm cảm, mà cô cưới vì tình yêu năm mười lăm tuổi và cách đây sáu tháng mới sinh cho một đứa con; sau một trận cãi vã thường lệ cô đi vào bếp, khóa trái cửa lại, và dù người chồng đã đoán ra chuyện gì và cố đập cửa ra, cô đã kịp treo cổ bằng cái móc và sợi thừng đã chuẩn bị trước.

Trong tất cả những câu chuyện ấy. Ka sửng sốt vì sự chóng vánh và tuyệt vọng trong bước nhảy từ cuộc đời đến cái chết. Tuy thế, móc sắt bắt trước lên trần, khẩu súng nạp đạn sẵn, chai thuốc độc mang từ nhà kho vào phòng ngủ là minh chứng rằng các cô gái đã mang ý tưởng tự vẫn sinh từ lâu trong đầu.

Chuyện trẻ con và các cô gái trẻ đột ngột tự tử thoát tiên xuất hiện ở Batman, cách Kars hàng trăm cây số. Ban đầu, một công chức trẻ mẫn cán của Viện thống kê quốc gia ở Ankara chợt nhận thấy trong khi mọi nơi trên thế giới số đàn ông tự tử cao gấp ba, bốn lần so với đàn bà, thì ở Batman lượng phụ nữ tự sát cao hơn đàn ông ba lần, và tỉ lệ cao gấp bốn lần con số trung bình trên thế giới.

Một mẩu tin ngắn về chuyện này do một nhà báo là bạn anh ta đưa lên tờ Cộng hòa không được ai ở Thổ chú ý. Mãi đến khi các phóng viên báo Đức và Pháp thường trú ở Thổ để mắt tới tin đó, đến Batman và đăng tin ở nước mình, lúc đó báo giới Thổ mới coi trọng các vụ tự sát hơn. Nhiều phóng viên trong và ngoài nước đổ xô đến Batman. Theo quan điểm của các cơ quan nhà nước liên quan đến vụ này thì chính mối quan tâm và những dòng tin đó đã kích động thêm các cô gái trẻ khác đến chỗ tự sát. Ông phó thống sứ khi tiếp Ka đã nói, theo thống kê tỉ lệ tự sát ở Kars không cao như ở Batman và “trước mắt” ông không phản đối Ka trò chuyện với gia đình những cô gái trẻ xấu số nọ. Ông chỉ đề nghị trong khi nói chuyện đừng nhắc quá nhiều đến chữ “tự sát” và không nên gây kích động quá đáng trên tờ Cộng hòa. Một nhóm công tác gồm các nhà tâm lý học chuyên về tự sát, cảnh sát, công tố viên và đại diện Hội đồng tôn giáo đã bắt đầu chuẩn bị một chuyến đi từ Batman đến Kars. Ngay từ giờ người ta đã treo các biểu ngữ do Hội đồng tôn giáo in ra “Con người là tuyệt tác của Thượng đế, tự vẫn là báng bổ Thượng đế” mà Ka nhìn thấy ngày hôm trước. Một tờ rơi với nội dung tương tự đã được gửi đến văn phòng ông thống sứ để đem phân phát. Nhưng ông phó thống sứ cũng không chắc chắn liệu những biện pháp này có gây tác động ngược lại hay không.

“Tất nhiên, lý do của những vụ tự sát là cảm giác bất hạnh cùng cực ở những cô gái này, không ai nghi ngờ gì hết,” phó thống sứ nói với Ka. “Nhưng nếu nỗi bất hạnh là lý do chính đáng để tự sát thì một nửa số phụ nữ Thổ sẽ đi tìm cái chết.” Viên công chức mặt sọc với hàng rìa mép như cái bàn chải nói, đó chẳng qua là phản ứng của những phụ nữ ấy trước dàn đồng ca *nam - bổ, imam*, nhà nước - cứ ra rả suốt ngày vào tai họ: “Con không được tự sát!” Giọng ông đầy tự hào khi kể với Ka đó là lý do mình đã viết lên Ankara, đề nghị trong nhóm vận động chống tự sát nên có tối thiểu một thành viên nữ.

Nhận định rằng tự sát cũng lây lan như bệnh tả được đưa ra lần đầu tiên hồi một cô gái trẻ từ Batman đến tận Kars để tự sát.

Cha mẹ cô không cho Ka và Serdar Bey vào nhà, nhưng người cậu đồng ý nói chuyện với họ trong một vườn hoa nhỏ ở quận Atatürk. Cùng ngồi hút thuốc và nói chuyện dưới cây trúc đào đầy tuyết ông ta kể cho Ka biết, cháu ông cách đây hai năm lấy chồng và chuyển đến sống ở Batman. Từ sáng đến tối cô phải làm việc nhà, bà mẹ chồng suốt ngày chửi cô vì tội không để

con. Rồi ông giải thích rằng đó không phải là nguyên nhân thỏa đáng để tự sát và rõ ràng là cô gái đã nghĩ tới chuyện ấy ở Batman, nơi tất cả đàn bà thích tự tử. Tại gia đình ở Kars cô tỏ ra rất hạnh phúc, do vậy tất cả đều bàng hoàng khi đúng vào buổi sáng cô định quay về Batman thì họ tìm thấy xác cô trên giường, cạnh gối là bức thư cho biết cô đã uống hai lọ thuốc ngủ.

Một tháng sau người đầu tiên tự sát, là một cô em họ mười sáu tuổi của cô gái đem căn bệnh quynh sinh để lây lan từ Batman về Kars. Lý do vụ này, mà Ka hứa với cha mẹ cô đang trào nước mắt sẽ viết chi li lên báo, là một thầy giáo cả quyết trước lớp rằng cô không còn là trinh nữ. Sau khi lòi đồn thổi lan ra khắp Kars trong chớp mắt, người chồng chưa cưới của cô đã cắt quan hệ, và trong đám người trước vẫn lui tới xin cưới cô gái xinh đẹp dù đã hứa hôn cũng không một ai xuất hiện lần nữa. Rồi bà nội cô bắt đầu nói với cháu mình “đằng nào thì mày cũng sẽ không có chồng”, và một buổi tối trong khi cả nhà quây quầy xem một cảnh cưới xin trên ti vi và ông bố say rượu khóc nức lên thì cô gái uống một lúc tất cả chỗ thuốc ngủ mà cô ăn trộn trong hộp thuốc của bà và thiếp đi (vậy là cả phương thức cũng lây lan như ý tưởng).

Khi giải phẫu tử thi và phát hiện ra cô vẫn là trinh nữ, bố cô không chỉ buộc tội ông giáo gây ra tin đồn thất thiệt mà cả cô chị họ đã từ Batman về nhà tự sát. Bố mẹ cô gái thuật lại cái chết của cô tỉ mỉ từng chi tiết, vì họ mong Ka sẽ đưa lên mặt báo tường tận rằng lời buộc tội là vô căn cứ, và Ka sẽ vạch mặt người giáo viên đã bịa ra lời đồn nọ.

Nghe những lời tường thuật, Ka đặc biệt bức xúc trước chi tiết những cô gái trẻ rất khó khăn mới tìm ra một chốn riêng tư và thời gian thích hợp để tự sát. Những người tự sát bằng thuốc ngủ thậm chí còn phải nằm chung phòng với người khác khi lặng lẽ từ giã cuộc đời. Ka vốn lớn lên ở quận Nişantaşı trong văn học phương Tây, và khi tưởng tượng ra vụ tự sát của chính mình thì ông luôn luôn mừng tượng sẽ phải cần nhiều thì giờ, một nơi rộng rãi và một căn phòng không có ai đến gõ cửa mấy ngày sau đó. Trong trí tưởng tượng ông sẽ tiến hành việc ấy một cách thật

chậm rãi và tự nguyện, một lễ nghi đơn độc với thuốc ngủ và whisky. Nhưng bất cứ khi nào đắm chìm vào ý định ấy thì nỗi cô đơn vô biên lại làm ông kinh sợ đến nỗi ông phải thừa nhận rằng mình chưa bao giờ dám cân nhắc chuyện quynh sinh một cách nghiêm túc.

Trong số họ, người duy nhất đánh thức lại cảm giác cô đơn trong Ka là “cô gái trùm khăn”, tự treo cổ trước đó năm tuần. Cô thuộc vào số nữ sinh viên cự tuyệt lại lệnh cấm khăn trùm đầu trong trường sư phạm, do vậy trước tiên không được phép lên lớp học, sau này theo lệnh từ Ankara về thậm chí còn không được bước chân vào khuôn viên của trường. Gia đình cô là nhà giàu có nhất trong những gia đình đã tiếp chuyện Ka. Ka uống một lon Coca-cola mà ông bố xấu số, chủ một tiệm tạp hóa nho nhỏ lấy từ trong tủ lạnh của cửa hàng và bắt nấp mời ông, và được biết là trước khi treo cổ, cô gái đã nói chuyện với gia đình và các bạn gái về ý định tự sát. Thói quen trùm khăn đầu thì chắc đầu tiên cô học ở mẹ và gia đình, nhưng chính là ở trường cô đã hấp thụ được ý nghĩa của tấm khăn phản kháng lại sự o ép của nhà trường. Hiển nhiên các bạn gái cô đã dạy đó là biểu tượng của “Hội giáo chính trị”. Mặc cho bố mẹ gây sức ép, cô không bỏ khăn trùm đầu và do vậy sắp bị đuổi khỏi trường đại học sư phạm vì liên tục vắng mặt. Khi thấy một số bạn mình nhụt chí phản kháng và bỏ tóc ra, một số khác đội tóc giả thay cho khăn trùm đầu, cô bắt đầu tâm sự với bố và các bạn gái rằng “chẳng có gì trên đời còn ý nghĩa” và cô “không thiết sống” nữa. Nhưng do cả Hội đồng tôn giáo quốc gia lẫn những người nghiên cứu đạo Hồi luôn nhắc đi nhắc lại trên tờ rơi và biểu ngữ rằng tự vẫn là một trong những tội lỗi nặng nề nhất nên không hề một ai nghĩ đến khả năng cô gái sùng tín này tự sát. Teslime, tên cô gái, trong đêm cuối cùng của đời mình đã lặng lẽ xem bộ phim dài kỳ Marianna, nấu trà bụng cho bố mẹ rồi lui về phòng riêng, thực hiện nghi thức rửa ráy và cầu nguyện đúng quy định, suy tư rất lâu, lại cầu nguyện nữa rồi tự treo cổ bằng khăn trùm đầu của mình dưới móc treo đèn.

HÃY BỎ PHIẾU CHO ĐẢNG CỦA ALLAH!

Nghèo đói và lịch sử

Thời thơ ấu của Ka không biết đến nghèo đói: cuộc sống trung lưu ở Nişantaşı với người bố luật sư, người mẹ nội trợ, đứa em gái được cưng chiều, gia nhân trung thành, đồ gỗ đầy phòng, radio và rèm cửa; nghèo đói là một cái gì đó bên kia bức tường ngôi nhà bên ngoài thế giới. Thế giới bên ngoài trong trí tưởng tượng non nớt của Ka có một tính chất siêu hình, bởi nó được bao bọc trong một sự tối tăm nguy hiểm và không sờ nắm được. Nhưng cho dù ẩn tượng về nó vẫn còn nguyên trong phần đời còn lại của Ka, cũng khó tin được rằng chính khát vọng trở lại thời thơ ấu đã thôi thúc ông đột ngột nảy ra quyết định rời Istanbul để đến Kars.

Dù sinh sống xa đất Thổ Nhĩ Kỳ, Ka vẫn biết rằng trong những năm qua Kars là vùng nghèo khổ nhất và bị quên lãng nhất trong nước. Có thể hình dung sự việc như sau: sau khi từ Frankfurt quay về, trong khi đi dạo chơi với các bạn từ hồi thơ ấu ông thấy mọi đường phố, cửa hiệu, rạp phim ở Istanbul đã hoàn toàn thay đổi, và cái nào còn chưa biến mất thì đã đánh lạc đi phần hồn của chúng. Điều đó có lẽ đã thức dậy trong ông ước vọng đi tìm thời thơ ấu và sự tinh khôi ở nơi khác, và thế là ông lên đường đi Kars để bước ra thế giới bên ngoài, vượt qua những ranh giới của cuộc sống trung lưu hồi nhỏ. Và quả là được nhìn thấy giày thể thao hiệu Gislaved mà ông vẫn đi hồi bé và sau đó không bắt gặp ở Istanbul nữa, các lò sưởi mác Vezüv và những hộp tròn nổi tiếng đựng pho mát Kaşar chia thành sáu miếng hình tam giác - ẩn tượng đầu tiên của mọi đứa trẻ về Kars - trong cửa kính bày hàng ở trung tâm thương mại; tất cả làm ông hạnh phúc đến nỗi thậm chí quên cả mấy cô gái tự sát và thấy thư thái trong lòng.

Sau khi chia tay với Serdar Bey và nói chuyện với những đại diện lãnh đạo của đảng Bình đẳng dân tộc, gần trưa ông đi một mình vào thành phố dưới những bông tuyết xối. Trong khi buồn rầu đi từ phố Atatürk, qua cầu đến mấy quán nghèo kiệt trong bầu không khí tĩnh mịch chỉ đôi lúc xáo động vì mấy tiếng chó sủa, ông trào nước mắt khi cảm thấy mình là người duy nhất nhận biết tuyết đang rơi xuống các sườn đồi xa xa khuất tầm mắt, rơi xuống pháo đài có từ triều đại Seljuq và khu gecekondu không khác gì các công trình lịch sử hoang phế xung quanh, tựa như định phủ kín thời đại ấy cuốn vào quá khứ vô tận. Ông ngắm nhìn các học sinh cấp ba chơi bóng đá trên một bãi trống dưới ánh đèn đường, cạnh sân chơi của quận Yusuf Paşa toàn những ghế đu đã bị tháo ra và cầu trượt đổ nát. Trong khi lắng nghe tiếng hò hét chửi rủa bạt đi trong tuyết của lũ choai choai, ông chợt cảm nhận rõ rệt trong quãng sáng vàng vọt của đèn đường trên cao và trong mưa tuyết, rằng cái xó xỉnh này mới xa vời và cô lập khỏi thế giới bên ngoài xiết bao, đến nỗi trong ông trỗi lên cảm giác về Thượng đế.

Trong khoảnh khắc đầu tiên, đó chưa hẳn là một cảm giác đậm đặc mà mới chỉ là một hình ảnh nhạt mờ, như sau khi đi lướt qua các phòng tranh trong bảo tàng định phục hồi lại một bức tranh nào đó trong trí nhớ mà vô ích. Nó có thể xuất hiện trong nháy mắt đấy nhưng chỉ để rồi biến mất ngay. Đây không phải lần đầu tiên Ka có cảm giác ấy. Ông lớn lên ở Istanbul trong một gia đình có tư tưởng cộng hòa thế tục, ngoài mấy giờ học về tôn giáo ở tiểu học ông không được dạy dỗ gì thêm về đạo Hồi. Những năm gần đây khi những cảm giác như lúc này thỉnh thoảng hiện lên, chúng cũng chẳng làm ông giật mình kinh sợ, mà ông cũng không coi đó là một cảm hứng thi ca đáng bỏ công lần theo. Cùng lắm thì trong đầu ông nảy nẩy ý nghĩ lạc quan rằng thế giới này là một chốn tươi đẹp.

Ông quay về phòng khách sạn cho ấm người lên và chớp mắt vài phút. Trần ngập cảm giác hạnh phúc, ông giở xem mấy quyển sách về lịch sử Kars đem theo từ Istanbul. Và để chúng gợi ông nhớ đến những chuyện đã biết từ thời thơ ấu, quyển lẫn với những gì ông được nghe hôm nay.

Ngày xưa ở Kars từng có một lớp trung lưu sung túc. Cho dù thời ấy qua đã lâu, nó cũng từng chứng kiến khung cảnh giống như tuổi thơ Ka từng có: trong những dinh thự bề thế diễn ra các vũ hội và tiệc tùng kéo dài mấy ngày liền. Đó là nhờ vị thế ngày xưa của Kars trên những tuyến đường giao thương quan trọng tới Georgia, Tabriz, Caucasus và Tbilisi, và cũng nhờ thành phố nằm trên biên giới giữa đế chế Ottoman và nước Nga Sa hoàng, hai vương quốc từng làm mưa làm gió vào thế kỷ trước, luôn lo lắng đặt những đội quân bảo vệ ở đây. Thời Ottoman, Kars là nơi quần tụ đủ các chủng tộc: người Armenia đã xây nhà thờ trước đây hàng nghìn năm mặc dù cộng đồng đông đảo ngày xưa giờ đã vắng bóng; người Ba Tư chạy trốn quân Mông Cổ và sau này là Iran, người Hy Lạp sót lại từ các triều đại Byzantine và Pontus, người Georgia, người Kurd và các bộ tộc Çerkez. Năm 1878, ngôi thành năm trăm năm thất thủ dưới tay quân Nga, và một phần tín đồ Hồi giáo bị xua đuổi, nhưng sự sung túc và phong phú của thành phố vẫn tiếp tục tồn tại. Dưới thời Nga, các kiến trúc sư của Sa hoàng xây trên bình nguyên phía Nam sông Kars một đô thị mới, bao gồm năm tuyến phố chính chạy song song và các ngõ cụt vuông góc - một quy hoạch chưa từng thấy trong các thành phố phương Đông. Trong khi lâu đài của các Paşa, bể tắm và những công trình kiểu Ottoman ở quận phía dưới thành cổ đổ nát hoang phế thì thành phố mới, được xây lên với tài lực mạnh mẽ, ngày càng giàu hơn. và Sa hoàng Alexander đệ tam thường xuyên lui tới đi săn cũng như thăm người tình bí mật của mình. Đó cũng là một phần trong kế hoạch của người Nga bành trướng về phía Nam, tới Địa Trung Hải, nhằm kiểm soát con đường thương mại.

Hai mươi năm trước trong chuyến đi đến Kars, Ka đã lặng người trước thành phố sầm uất với những đường phố lát đá phiến to bản, những hàng cây trúc đào và cây hạt dẻ do Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ trồng. Khác hẳn những đô thị Ottoman với những ngôi nhà thổ kệch đã cháy trụi và hoang tàn sau nhiều cuộc chiến bộ tộc và hoạt động của những người theo đường lối dân tộc.

Sau những cuộc chiến tranh, tàn sát và nổi dậy liên miên, sau khi sa vào tay người Armenia, người Nga và thậm chí có lần cả người Anh, sau khi Kars trở thành quốc gia độc lập trong thời gian ngắn không ai tranh giành ngay sau Thế chiến thứ nhất, tháng Mười 1920 quân Thổ Nhĩ Kỳ dưới sự chỉ huy của Kâzım Karabekir tiến vào thành phố - tượng kỷ niệm ông nay ở quảng trường trước nhà ga. Tái chiếm được Kars sau bốn mươi ba năm, người Thổ tiếp quản luôn thiết kế đô thị của Sa hoàng và chuyển đến ở thành phố mới. Văn hóa do các Sa hoàng mang đến rất phù hợp với niềm phấn khích thời cộng hòa đối với các hình mẫu phương Tây, do vậy người Thổ tiếp nhận nó và đặt tên năm phố chính do người Nga xây dựng theo các Paşa lớn trong lịch sử Kars. vì họ không biết đến vĩ nhân nào khác ngoài các chiến binh.

Cựu thị trưởng Muzaffer Bey của đảng Dân tộc đã hăng hái và tự hào kể cho Ka nghe về những năm Tây hóa ấy. Trong các tòa nhà cộng đồng tổ chức vũ hội, và dưới cây cầu sắt mà sớm nay khi đi qua Ka thấy có mấy đoạn gỉ sét diễn ra các cuộc thi trượt băng nghệ thuật. Lớp trung lưu cộng hòa ở Kars nồng nhiệt vỗ tay đón nhóm diễn viên sân khấu từ Ankara về diễn *Œdipe làm vua*, quên mất rằng chiến tranh chống Hy Lạp chưa lùi xa đến hai chục năm. Lớp giàu có ngày xưa trong áo choàng cổ lông thú đi dạo trên xe trượt tuyết trang điểm hoa hồng và vàng lá do những con ngựa Hungary mập mạp kéo. Người ta nhảy những điệu nhảy thời thượng nhất trong tiếng nhạc dương cầm, phong cầm và clarinette ở vũ hội tổ chức tại Công viên quốc gia để chúc tụng đội tuyển bóng đá quốc gia. Các cô gái Kars mùa hè mặc áo ngắn tay, thoải mái lượn xe đạp trong thành phố. Lũ con trai đi giày trượt băng tới trường trong mùa đông và, như rất nhiều người khác phấn khởi đón mừng nền cộng hòa, đeo cà vạt khi mặc áo vest.

Vài năm sau, khi luật gia Muzaffer Bey trong không khí tranh cử đầy phấn khích ở Kars - ông

là ứng viên ghế thị trưởng - cũng thất cả vạt như hồi còn trẻ, các bạn trong đảng khuyên rằng “trò rởm” ấy sẽ làm ông mất phiếu bầu, song ông đã không nghe họ.

Hình như có mối liên quan nào đó theo Muzaffer Bey, giữa việc những mùa đông dài lê thê dần dần mất đi và sự tụt dốc, nghèo khổ, bất hạnh gia tăng của thành phố. Sau khi nhắc đến những mùa đông đẹp trong quá khứ và các diễn viên Ankara bán khóa thân với khuôn mặt đánh phấn diễn kịch Hy Lạp, ông cự thị trưởng quay sang nói về tác phẩm sân khấu mang tính cách mạng mà đám thanh niên, trong đó có ông, hồi cuối thập kỷ bốn mươi trình diễn ở Nhà hát nhân dân: “Vở kịch nói về sự thức tỉnh của một cô gái trẻ trong chúng ta đã trùm khăn đen cả đời và đến cuối vở kịch quyết định để đầu trần, đem chiếc khăn đốt trên sân khấu.” Họ đã đi hỏi khắp Kars nhưng không tìm đâu ra một chiếc khăn đen cho buổi diễn, sau đó phải gọi điện tới Erzurum để kiếm về một chiếc. “Hôm nay, ngoài đường phố ở Kars đầy những phụ nữ với mạng che mặt hay khăn trùm đầu.” Muzaffer Bey nói thêm. “Và vì không được phép đến trường với biểu tượng của Hồi giáo chính trị trùm trên đầu, họ theo nhau tự tử.”

Ka cố nén lại những câu hỏi luôn chực thoát ra khỏi miệng mỗi khi ở Kars hay nơi khác phải đối diện với thể thượng phong của Hồi giáo chính trị hay vụ các “Cô gái trùm khăn”. Ông cũng chẳng bình luận chuyện tại sao thanh niên cần hăng máu diễn vở kịch phản đối mạng che mặt dù ở Kars cuối những năm bốn mươi không có phụ nữ nào trùm mạng. Ka không hề để ý đến phụ nữ trùm đầu hay che mặt mà ông nhìn thấy ban ngày ngoài phố, vì trong vòng một tuần mới trở về quê hương ông chưa thể có ý thức và phản xạ như những nhân sĩ thế tục vốn ghi nhận ngay có bao nhiêu phụ nữ trùm khăn và lập tức rút ra kết luận chính trị. Thêm vào đó, từ nhỏ đến giờ phụ nữ trùm khăn hay che tóc bằng kiểu nào đó không có gì quá lạ với ông cả. Trong giới trung lưu Tây hóa của Istanbul, nơi Ka sống thời ấu thơ, vẫn có những phụ nữ trùm khăn, hoặc là người từ ngoại ô, ví dụ như từ Kartal, vào thành phố bán nho hoặc là vợ ông hàng sữa. đại loại là thuộc tầng lớp thấp.

Sau này tôi còn nghe nhiều chuyện về các chủ nhân ngày xưa của khách sạn Lâu Đài Tuyết, nơi Ka đến trọ: một giáo sư đại học chuộng phương Tây mà Sa hoàng thay vì đày đến Siberia đã chọn cho một nơi nhân đạo hơn, một lái buôn gia súc người Armenia, rồi nơi nương náu của một cô nhi viện thuộc giáo hội chính giáo Hy Lạp... Giống như các công trình khác xây cùng thời ở Kars, ngôi nhà ngót trăm tuổi này có lò sưởi xây chìm trong tường để bốn cạnh ngoài của nó đồng thời sưởi ấm cả bốn phòng, gọi là Pech. Song vì thời Cộng hòa không người Thổ nào biết sử dụng loại lò sưởi Nga này nên ông chủ người Thổ đầu tiên, người cải tạo ngôi nhà thành khách sạn, đã đặt một chiếc lò sưởi bằng đồng thau to dùng bên cửa ra sân. Mãi về sau hệ thống trước kia mới được phát hiện ra và khôi phục lại.

Ka đang duỗi người trên giường và nghĩ ngợi mơ màng thì có tiếng gõ cửa. ông để nguyên áo choàng như khi lên giường và dậy mở cửa. Cậu lễ tân Cavit, thường suốt ngày ngồi cạnh lò sưởi xem tivi, đang đứng trước cửa và nói: “Lúc này tôi quên mất: có ông Serdar Bey, chủ tờ *Thành phố biên giới*, rất mong gặp ông.”

Họ cùng đi xuống tiền sảnh. Đúng lúc Ka định ra khỏi khách sạn thì ông dừng lại: Ipek vừa bước vào sảnh qua cửa cạnh quầy lễ tân; và trông cô còn xinh đẹp hơn nhiều so với trong hồi ức của Ka. Đột nhiên ông nhớ lại thời họ còn là sinh viên cô đẹp đến mức nào, và thỉnh thoảng ông đập rốn lên. Phải, đúng là xưa kia cô đẹp như thế đó. Như hai tiểu tư sản Tây hóa từ Istanbul, trước tiên họ bắt tay nhau, sau đó ngập ngừng một thoáng rồi vươn tới, ôm nhau hôn lên má mà không để thân thể chạm nhau.

Ipek hơi lùi lại và nói với vẻ cởi mở tới mức Ka phải ngạc nhiên: “Tôi biết là anh ở đây. Taner có gọi điện kể cho tôi biết.” Cô nhìn thẳng vào mắt Ka.

“Tôi tới đây vì kỳ bầu cử địa phương và những cô gái trẻ tự sát.”

“Anh ở đây bao lâu?” Ipek hỏi. “Cạnh khách sạn Châu Á có tiệm bánh ngọt Đồi Mới. Bây giờ tôi có việc bận với bố tôi. Một rưỡi mình có thể gặp nhau ở đó nói chuyện được.”

Ka cảm thấy tình cảnh hơi kỳ khôi, vì nó không diễn ra ở Istanbul, đại để ở quận Beyoğlu chẳng hạn, mà lại ở Kars. Ông cũng không rõ bao nhiêu phần trăm sự xúc động là do sắc đẹp của Ipek gây ra. Sau khi ra đường và đi về phía tòa soạn dưới trời tuyết, ông nghĩ: mình mua cái áo choàng này thật đúng sách.

Trên đường đi, trái tim luôn tin chắc vào những cảm giác của mình cả quyết với ông thêm hai điều mà khối óc ông không bao giờ chịu thú nhận. Thứ nhất, Ka không từ Frankfurt về Istanbul chỉ để chịu tang mẹ, mà sau mười hai năm cô đơn ông muốn tìm một cô gái Thổ để kết hôn. Thứ hai, Ka từ Istanbul về Kars, vì ông thầm mong mỗi rằng cô gái đó chính là Ipek.

Giả sử một người bạn có lòng đồng cảm sâu sắc nói ra trước mặt ông ý định thứ hai kia, Ka sẽ không chỉ không bao giờ tha thứ cho người ấy, mà còn suốt đời xấu hổ và tự dằn vặt mình, bởi phỏng đoán ấy đúng quá. Ka là một trong những nhà luân lý luôn tự giác ngộ mình rằng hạnh phúc lớn nhất của đời người là không làm gì mưu lấy hạnh phúc riêng tư cả. Hơn thế nữa, làm sao có thể dung hòa sự giáo dục Tây phương ưu tú của mình với chuyện ông đi tìm một người phụ nữ hầu như không quen biết để kết hôn?

Mặc dù vậy ông không thấy áy náy gì khi đến tòa soạn *Thành phố biên giới*, vì lần gặp gỡ đầu tiên với Ipek suôn sẻ hơn so với những gì ông tưởng tượng ra lúc ngồi xe buýt, cho dù ông không tự thú nhận điều đó.

Tòa báo Thành phố biên giới nằm cách một phố phía dưới khách sạn của ông ở phố Faikbey. Tổng diện tích phòng biên tập và nhà in cộng lại chỉ rộng hơn phòng khách sạn nhỏ nhỏ của Ka một chút. Căn phòng ngăn đôi bởi một bức tường gỗ, trên đó treo hình Atatürk, lịch, mẫu in danh thiếp và thiệp cưới, ảnh chụp Serdar Bey cùng các nhân vật nhà nước cao cấp và những người Thổ nổi tiếng từng đến Kars, và số báo đầu tiên ra đời cách đây bốn mươi năm đóng trong khung. Đằng sau là tiếng máy in chạy điện có bánh đà kêu rộn rã, sản phẩm hơn một trăm năm tuổi do công ty Baumann ở Leipzig chế tạo, đã qua sử dụng một phần tư thế kỷ ở Hamburg, thời tự do báo chí sau khi công bố Hiến pháp đầu tiên được bán sang Istanbul và năm 1955, sau bốn mươi lăm năm phục vụ sắp được bán cho đồng nát thì mồ ma ông thân sinh của Serdar Bey chở tàu hỏa về Kars. Một cậu con trai của Serdar Bey đang nhấm nước bọt vào đầu ngón tay phải và đưa từng tờ giấy trắng vào máy in, tay trái khéo léo xếp các tờ đã in xong - khay nhận đã bị hỏng trước đây mười năm trong một cuộc cãi vã giữa hai anh em - và còn đủ thì giờ nháy mắt chào Ka. Người con trai thứ hai không giống bố như anh, mà lập tức khiến Ka nhớ đến mẹ anh ta, một người đàn bà mắt híp, mặt tròn xoe, thấp và béo.

Anh ta ngồi bên bàn dụng cụ đen nhem vì mực in, trước những ngăn kéo chia thành hàng trăm ô, xung quanh là các con chữ đủ cỡ bằng chì và mẫu in. Nhấn nạy và cẩn trọng như một nghệ sĩ thư pháp quên hết cảnh đời xung quanh, anh xếp bằng tay các quảng cáo cho số báo ba ngày sau đó.

“Anh thấy báo chí ở Đông Anatolia đấu tranh sinh tồn trong điều kiện nào chưa.” Serdar Bey nói.

Đúng lúc ấy thì mất điện. Trong lúc máy in dừng chạy và nhà xưởng chìm vào bóng tối bí hiểm, Ka nhận ra màu trắng của tuyết rơi ngoài trời đẹp xiết bao.

“Được bao nhiêu tờ rồi?” Serdar Bey hỏi. Ông châm một cây nến và mời Ka ngồi xuống chiếc ghế vắn ở phía đầu phòng.

“Một trăm sáu mươi, bố ạ.”

“Khi nào có điện thì con in ba trăm bốn mươi bản, hôm nay ta có nhóm diễn viên đến.”

Báo *Thành phố biên giới* ở Kars được bán ở một điểm duy nhất đó là cửa hàng đối diện Nhà hát nhân dân; mỗi ngày có chừng hai chục người đến đó mua báo, nhưng như Serdar Bey tự hào kể, nhờ có những người đăng ký mua dài hạn mà tổng số ấn bản là ba trăm hai mươi. Hai trăm trong số đó là các công sở và doanh nghiệp ở Kars mà thỉnh thoảng Serdar Bey phải đăng tin khen ngợi thành công của họ. Ngược lại, tám mươi khách còn lại là các nhân vật “trọng đại và cao quý” của quốc gia tuy đã rời bỏ Kars đến sinh sống ở Istanbul nhưng vẫn không cắt mối liên hệ với thành phố.

Đã có điện trở lại. và Ka thấy trên trán Serdar Bey một mạch gân hằn lên giận dữ.

“Lúc tôi và anh chia tay nhau, anh đã gặp những kẻ không nên gặp và lấy những tin không nên lấy về thành phố biên giới của chúng tôi.” Serdar Bey nói.

Ka hỏi: “Sao ông biết tôi đi đâu?”

“Tất nhiên cảnh sát theo chân ông”, ông chủ báo giải thích. “Và vì lý do nghề nghiệp mà chúng tôi nghe lén cảnh sát trò chuyện qua điện đài. Chín mươi phần trăm tin tức trên mặt báo của chúng tôi là lấy từ tòa thống sứ và Sở cảnh sát. Toàn Sở cảnh sát biết là anh hỏi tất cả mọi người tại sao Kars lạc hậu và nghèo như vậy và tại sao các thiếu nữ ở đây tự sát.”

Ka đã nghe rất nhiều lời giải thích cho sự tụt hậu của Kars. Ví dụ như thương mại với Liên Xô đi xuống hồi chiến tranh lạnh, trạm hải quan ở biên giới đóng cửa, bọn cộng sản làm mưa làm gió hồi những năm bảy mươi đe dọa và xua đuổi lớp người giàu, những ai cào cấu được chút vốn nào đều chuyển đi Istanbul và Ankara sạch, nhà nước và Allah đã quên mất xứ này, những xung đột triền miên giữa người Thổ và người Armenia...

“Tôi quyết định cho anh biết sự thật,” Serdar Bey nói.

Nhờ đầu óc tỉnh táo và niềm lạc quan chưa hề thấy trong người từ nhiều năm nay. Ka hiểu ngay vấn đề chính là sự xấu hổ. Ở Đức trong nhiều năm ròng đó cũng là vấn đề chính của ông, nhưng ông đã giấu đi nỗi xấu hổ trước chính mình. Giờ chỉ vì Ka mang niềm hy vọng hạnh phúc trong lòng mà ông tự cho phép mình thú nhận sự thật này.

“Ngày xưa mọi người đều là anh em,” giọng Serdar Bey như tiết lộ một bí mật, “nhưng từ mấy năm gần đây tất cả sinh ra kiểu nói: tôi là người Azerbaijan, tôi là người Kurd, tôi là người Terekeme. Tất nhiên ở đây có đủ chủng tộc sinh sống. Người Terekeme, chúng ta cũng gọi là Karapapaklà anh em của người Azerbaijan. Nhóm người Kurd - chúng tôi vẫn coi họ là bộ lạc - xưa kia chẳng biết gì về nền văn hóa Kurd cả. Những người còn lại từ thời Ottoman không vỗ ngực: tôi là ma cũ ở đây! Người Turkmenia, người Laz từ Ardahan, nạn kiều Đức dưới thời Sa hoàng, tất cả đều có mặt, nhưng chẳng ai làm âm lên về nguồn gốc của mình. Đài phát thanh cộng sản ở Tbilisi đã rêu rao thứ tự hào dân tộc này vì họ có ý định chia rẽ và tiêu diệt Thổ Nhĩ Kỳ. Hôm nay ai cũng tự hào hơn - và nghèo hơn trước.”

Serdar Bey kết luận là đã đủ gây ấn tượng cho Ka, ông chuyển đề tài. “Người Hồi đi gõ cửa từng nhà theo từng nhóm, tặng các bà nội trợ dụng cụ gia đình, nồi niêu, máy ép cam, hàng thùng xà phòng, tấm đại mạch và bột giặt, bắt thần với đám phụ nữ, lấy kim khâu chỉ vàng lên vai áo trẻ con để chống tà ma. Họ nói: hãy bỏ phiếu cho đảng của Allah - đảng Phồn vinh - và nói mọi cùng cực bần hàn chất nặng trên vai chúng ta đều sinh ra do đi chệch khỏi đường của Thượng đế. Đàn ông nói với đàn ông, đàn bà nói với đàn bà. Họ nhận được sự tin cậy của người thất nghiệp có lòng tự trọng bị tổn thương và đầy căm uất, họ đem niềm vui đến cho những người phụ nữ đang không biết tối nay ném gì vào nồi nấu, hứa sẽ đem thêm quà cáp và khiến

họ thề thốt bỏ phiếu cho mình. Họ không chỉ nhận được sự tôn kính từ những người nghèo khổ nhất suốt ngày bị chà đạp, mà còn từ các sinh viên mỗi ngày chỉ được một đĩa xúp nóng vào bụng, từ công nhân, thậm chí cả thợ thủ công và doanh nhân, vì đám Hồi giáo ấy là những người chăm chỉ hơn, thật thà hơn và giản dị hơn cả.

Ông chủ báo *Thành phố biên giới* cho rằng thị trưởng bị giết ngày xưa bị ai nấy ghét không phải chỉ vì muốn bãi bỏ xe ngựa “lạc hậu” (lệnh này vì ông bị sát hại mà không để thi hành nữa), mà vì ông ta ăn hối lộ và tham nhũng. Nhưng các đảng cộng hòa cánh tả hay cánh hữu, vốn có những nợ máu từ xưa, đầu óc kỳ thị chủng tộc và dân tộc chủ nghĩa nên không từ một thủ đoạn cạnh tranh sát phạt nhau - đánh họ cũng không đụng nổi một ứng viên đủ mạnh thoả chức thị trưởng. “Người ta chỉ tín nhiệm duy nhất sự trong sạch của ứng viên đảng của Allah.” Serdar Bey nhận định. “Ông ấy là chồng cũ của Ipek Hanim, con gái ông Turgut Bey chủ khách sạn ông đang ở. Không phải đặc biệt thông minh, nhưng là người Kurd. Ở đây dân Kurd chiếm bốn phần mười dân số. Đảng của Allah sẽ thắng kỳ bầu cử thị trưởng này.”

Tuyết rơi dày hơn, thức dậy trong Ka lần nữa cảm giác đơn côi; và sự đơn côi ấy đi kèm với nỗi sợ hãi phải chứng kiến khung cảnh mà ông đã trưởng thành và sinh sống ở Istanbul sắp kết thúc, thậm chí kết thúc cả cuộc sống kiểu Tây phương trên đất Thổ. Ở Istanbul ông thấy những đường phố thời thơ ấu đã biến dạng, những ngôi nhà cổ thanh nhã có từ đầu thế kỷ của bạn bè ông bị cào bỏ, những gốc cây ngày xưa bị để héo kiệt và cưa mất, những rạp chiếu bóng đóng cửa sau chục năm để biến thành dãy cửa hàng quần áo chật chội tối tăm. Điều đó không chỉ có nghĩa là chấm dứt thời thơ ấu của ông, mà cả giấc mơ một ngày nào đó quay về Istanbul sống. Ông cũng nghĩ đến chuyện em gái mình sẽ không dám ra phố nếu thiếu khăn trùm đầu, khi một chính phủ sùng luật Sharia lên cầm quyền ở Thổ.

Ka tiếp tục nhìn những bông tuyết cực lớn rơi nhẹ nhẹ như truyện cổ tích trong ánh đèn ống của tòa báo, tưởng tượng ra cảnh ông cùng Ipek quay về Frankfurt. Họ cùng dạo hàng trên lầu hai, gần bán giày phụ nữ của cửa hàng Kaufhof, nơi ông mua chiếc áo khoác màu xám tro đang quần chặt quanh người.

“Tất cả chỉ là một phần của phong trào Hồi giáo chính trị quốc tế muốn biến nước Thổ thành một dạng giống Iran...”

“Chuyện các cô gái tự sát cũng nằm trong phong trào đó?” Ka hỏi.

“Chúng tôi có tin báo rằng, rủi thay, họ cũng bị lôi kéo, nhưng chúng tôi không viết chuyện ấy, vì sẽ làm các thiếu nữ bị kích động thêm và gia tăng các vụ tự sát. Người ta kể là tên khủng bố Hồi giáo nổi tiếng tên Lam đang có mặt tại thành phố để tư vấn cho nhóm thiếu nữ trùm khăn và những cô bé tự sát.”

“Người Hồi giáo chính trị không phản đối tự sát hay sao?”

Serdar Bey không trả lời câu này. Khi máy in ngừng chạy và sự im lặng lan tỏa trong phòng. Ka lại lặng lẽ chiêm ngưỡng tuyết rơi ngoài trời. Lo lắng về các vấn đề của Kars chính là việc thích hợp nhất để nén cảm giác chộn rộn và lo âu đang ngày một trở nên mạnh hơn vì ông sắp gặp mặt Ipek. Nhưng bây giờ Ka chỉ muốn nghĩ đến Ipek và chuẩn bị cho cuộc hẹn-ở tiệm bánh ngọt, vì đã một giờ hai mươi rồi.

Serdar Bey mở rộng trước mặt Ka trang đầu của tờ báo mới in mà cậu con trai vạm vỡ đưa đến như một tặng phẩm được chuẩn bị một cách cẩn trọng. Vốn từ nhiều năm quen thấy tên mình trong các tạp chí văn học, mắt Ka tìm thấy ngay dòng tin bên lề:

KA, THI SĨ NỔI TIẾNG CỦA CHÚNG TA ĐẾN KARS

Thi sĩ KA, nổi tiếng toàn Thổ Nhĩ Kỳ hôm qua đã đến thành phố biên giới chúng ta. Thi sĩ của chúng ta. người đoạt giải Behçet Necatigil và được tôn vinh toàn quốc với hai tuyển tập thơ *Tro và Quýt* và *Báo buổi chiều*, sẽ theo dõi và đưa tin cuộc bầu cử hội đồng thành phố. Từ nhiều năm nay, thi sĩ KA nghiên cứu nghệ thuật thi ca phương Tây ở Frankfurt (Đức).

“Tên tôi in sai.” Ka nói. “Chữ A phải viết thường.” Chưa nói dứt lời Ka thấy hối hận. “Nhưng trông cũng hay,” ông nói thêm, vẫn áy náy trong lòng.

“Thưa anh, các cháu đã đi tìm anh vì không chắc nên viết tên anh ra sao,” Serdar Bey đáp. “Nhìn đây này, các con đã xếp chữ sai tên của thi sĩ,” ông khiển trách hai đứa con trai với giọng hoàn toàn không bức dọc. Ka có cảm giác là lỗi sắp chữ không phải bây giờ mới phát hiện ra. “Chữa lại ngay đi!”

“Nhưng đâu có cần thiết,” Ka nói và đồng thời phát hiện tên mình được in đúng ở đoạn cuối bản tin chính.

ĐÊM CHIẾN THẮNG CỦA ĐOÀN KỊCH

SUNAY ZAIM Ở NHÀ HÁT NHÂN DÂN

Đoàn kịch Sunay Zaim nổi tiếng toàn đất Thổ Nhĩ Kỳ qua những tác phẩm dân túy hiện đại theo tinh thần Atatürk và mang tính khai sáng tối hôm qua đã được đón chào nồng nhiệt tại Nhà hát nhân dân. Trong hàng khán giả có phó thống sứ, phó thị trưởng và các nhân vật trọng yếu khác của Kars. Buổi diễn kéo dài đến nửa đêm, luôn ngắt quãng bởi những lời tung hô và vỗ tay. Người dân Kars vốn từ lâu khát khao một ngày hội nghệ thuật như thế không chỉ được thưởng thức vở kịch trong Nhà hát nhân dân chật ních mà cũng có thể xem ngay tại nhà, vì kênh truyền hình biên giới Kars đã truyền buổi diễn hoành tráng này tới tất cả dân chúng Kars, buổi trực tiếp đầu tiên trong lịch sử hai năm tồn tại. Do kênh Truyền hình biên giới Kars chưa sở hữu một xe thu phát lưu động, người ta đã đặt một đường cáp nối trung tâm đài truyền hình ở phố Halit Paşa với các máy quay ở Nhà hát nhân dân, chạy thông qua hai phố. Các công dân nhiệt tình của Kars đã cho cáp chạy qua nhà mình phòng trường hợp bị tuyết làm hư hại (ví dụ như nhà sĩ Fadil Bey của chúng ta đã cho đặt cáp từ bao lơn trước nhà ra đến tận vườn sau). Công dân Kars mong muốn vào các dịp khác sẽ lại được thưởng thức buổi truyền hình trực tiếp thành công như vậy. Như những người phụ trách Truyền hình biên giới Kars thông báo nhân dịp buổi truyền hình trực tiếp đầu tiên này tất cả các doanh nghiệp ở Kars đều đăng quảng cáo. Trong dịp trình diễn được cả thành phố biên giới theo dõi này, bên cạnh các vở hiện đại theo tinh thần Atatürk, các trích đoạn điển hình của nghệ thuật sân khấu khai sáng phương Tây, các tiểu phẩm phê phán quảng cáo xói mòn văn hóa và nhiều chuyện ly kỳ của thủ môn đội tuyển Vural; chúng ta sẽ còn được thưởng thức những thi phẩm ca ngợi tổ quốc và “*Tuyết*”, sáng tác mới nhất của thi sĩ Ka nổi tiếng đến thăm thành phố chúng ta do chính ông trình bày. Điểm điểm của chương trình là tuyệt phẩm khai hóa *Tổ quốc hay tấm khăn* từ những năm đầu của nền cộng hòa được dàn dựng mới. mang nhan đề *Tổ quốc hay khăn trùm*.

“Tôi không viết bài thơ nào tên là ‘*Tuyết*’ cả, và tối đến tôi cũng không ra nhà hát đâu. Nếu ông đăng tin này thì chẳng mấy chốc mọi người sẽ thấy là sai.”

“Anh đừng tin chắc quá! Có rất nhiều người coi thường chúng tôi, vì chúng tôi đăng tin trước

khi sự kiện diễn ra, và cho rằng đó không phải là báo mà là bói toán. Nhưng sau đó họ không giấu được ngạc nhiên rằng sự kiện tiến triển đúng như chúng tôi miêu tả. Có vài vụ xảy ra chỉ vì chúng tôi đã đăng tin trước đó là làm báo kiểu hiện đại! Tôi tin chắc là để khởi tước đi của Kars nét hiện đại và làm chúng tôi đau khổ, trước tiên anh sẽ viết bài thơ ‘Tuyết’, sau đó đến nhà hát và đọc.”

Ka nhận thấy một tin mà thoát tiên ông không để ý giữa các thông báo về bầu cử, tin có thuốc tiêm chủng mới từ Erzurum sẽ được dùng ở các trường cấp ba, tin chính quyền thành phố sẽ hoãn đòi tiền nước hai tháng nhằm giảm nhẹ cho công dân Kars một gánh nặng nữa:

TUYẾT LÀM TẮC ĐƯỜNG - Mưa tuyết từ hai hôm nay đã cắt đứt mọi tuyến đường nối Kars với thế giới bên ngoài. Sau khi đường đi Ardahan sáng sớm hôm qua bị chặn, buổi chiều đường đi Sarikamis cũng không sử dụng được nữa. Các đường trong khu vực Yolgesmez không thể đi qua vì tuyết rơi mạnh và đóng băng, xe buýt của công ty Yilmaz đi Erzurum phải quay về Kars. Nha khí tượng cho biết đợt lạnh từ Siberia tràn về và tuyết bông lớn sẽ còn kéo dài ba hôm nữa. Kars phải tự cung tự cấp trong ba ngày như các mùa đông ngày xưa. Cũng là một dịp tốt để chúng ta sửa sang cửa nhà.

Ka đứng dậy và vừa định đi thì Serdar Bey nhảy bật dậy đứng chặn cửa để bắt nghe những lời ông sắp nói.

“Ai mà biết được Turgut Bey và các con gái ông ấy kể cho anh nghe những gì theo quan điểm riêng của họ,” ông nói. “Họ là những người cực kỳ tốt mà tối đến tôi vẫn ngồi cùng trong đám bạn bè, nhưng anh chớ quên rằng chồng cũ của Ipek Hanim là ứng viên đảng của Allah cho chức thị trưởng! Và ông bố là dân cộng sản già đời! Và người ta nói là Kadife, em gái cô ấy, được chị và bố cho phép học đại học, là cô gái hung hăng nhất trong nhóm trùm khăn. Cho đến hôm nay không người nào ở Kars hiểu nổi vì sao cách đây bốn năm họ về đây, đúng hời mạt vận nhất của thành phố.”

Mặc dù không yên dạ khi một lúc phải nghe tất cả những chuyện này, Ka không để lộ gì ra mặt.

CÓ THẬT LÀ ANH VỀ ĐÂY ĐỂ VIẾT VỀ BẦU CỬ VÀ NHỮNG VỤ TỰ SÁT?

Ka và Ipek trong tiệm bánh ngọt Đời Mới

Vì sao sau khi nghe những tin chẳng lành mà trên mặt Ka vẫn thoảng một nụ cười - tuy rất khẽ khàng - lúc đi dọc phố Faikbey đến tiệm bánh ngọt Đời Mới? Văng vẳng trong tai âm điệu “Roberta” của Peppino di Capri từ thập kỷ sáu mươi mà ai đó đang bật, ông tự thấy mình giống

như nhân vật lãng mạn và sầu muộn trong tiểu thuyết của Turgenev đang trên đường tới gặp người phụ nữ mình mơ mộng từ nhiều năm nay. Ka vốn yêu những tiểu thuyết lịch lãm của Turgenev, người mệt mỏi vì những vấn đề triền miên và sự hèn kém của đất nước mình đã ra đi với lòng khinh rẻ vô hạn, để rồi ở châu Âu lại mơ về nó trong tiếc nuối và yêu thương. Nhưng ta hãy thành thật: ông đâu có mơ mộng nhiều năm về Ipek, ông chỉ mơ đến một người phụ nữ gần giống Ipek. Có thể đôi khi ông cũng chợt nghĩ đến cô, nhưng chỉ vào đúng thời điểm nghe tin cô chia tay với chồng ông mới bắt đầu nhớ tới cô, và vì cảm giác trước đây chưa mơ mộng đủ để bước vào mối quan hệ sâu nặng thực sự với cô nên ông cố cân bằng nỗi hụt hẫng đó bằng âm nhạc và chủ nghĩa lãng mạn của Turgenev.

Song vừa vào đến tiệm bánh ngọt và ngồi xuống bàn với cô thì chủ nghĩa lãng mạn Turgenev trong đầu ông tan biến. Ipek còn đẹp hơn nhiều so với lúc ông gặp cô trong khách sạn hoặc hồi ức của ông về những ngày sinh viên. Sắc đẹp hiển hiện bằng xương bằng thịt, đôi môi đánh chút son, làn da trắng xanh, ánh lung linh trong mắt và sự hồ hởi cởi mở tạo ngay cảm giác gần gũi của cô làm Ka càng bối rối. Trong một thoáng, Ipek tỏ vẻ thân mật đến nỗi Ka lo không thể giữ được tự nhiên, và đó là cái làm ông sợ nhất trên đời - ngoại trừ nỗi lo viết ra những bài thơ tồi.

“Ngoài đường tôi thấy công nhân đang kéo cáp từ *Truyền hình biên giới Kars* đến Nhà hát nhân dân như dây phơi quần áo,” ông nói, chỉ để tạo một đề tài nói chuyện. Nhưng vì không muốn gây ấn tượng mình đang nhạo báng những thứ ngớ ngẩn trong cuộc sống tỉnh lẻ nên ông không hề mỉm cười chút nào.

Họ mất một lát tìm đề tài chung để trò chuyện thoải mái, như một cặp đũa thiện chí đã hạ quyết tâm phải com lạnh canh ngọt với nhau. Hết một chuyện thì Ipek lại mỉm cười sáng ý tìm ra chuyện mới. Chuyện mưa tuyết, chuyện nghèo khổ ở Kars, chuyện áo choàng của Ka, chuyện hai người thấy nhau không thay đổi mấy, rồi thì họ không bỏ được thuốc lá, những người ở Istanbul xa xăm mà Ka mới gặp, v.v... Chuyện mẹ của họ đều đã mất và cùng an táng ở nghĩa trang Feriköy làm hai người xích lại gần nhau hơn mong muốn. Và khi phát hiện là cùng mang một sao chiếu mệnh - dù là tướng tượng hay không, sự gần gũi mới phát sinh đã khiến họ tự nhiên hơn nhiều, họ nói về vị trí người mẹ trong đời mình (tương đối gần), về lý do tại sao nhà ga Kars bị phá đi (khá lâu), về chuyện trên nền tiệm bánh ngọt nơi họ đang ngồi là một nhà thờ chính giáo cho đến 1967, ở bảo tàng còn giữ lại một cánh cửa của nhà thờ bị phá. Họ nói đến gian trưng bày riêng trong bảo tàng về cuộc thảm sát Armenia (Ipek bảo rằng một số khách du lịch đến đây chờ được xem chứng tích người Thổ tàn sát người Armenia, cho tới khi kinh ngạc nhận ra câu chuyện hoàn toàn ngược lại), về ông già bồi bàn duy nhất ở tiệm bánh ngọt vừa điếc vừa lảm lồi như con ma, về chuyện trong các quán trà ở Kars không bán cà phê nữa vì người thất nghiệp lấy đầu ra tiền mà trả, về quan điểm chính trị của báo Serdar Bey và những báo địa phương khác (tất cả đều ủng hộ bên quân sự và chính báo địa phương khác (tất cả đều ủng hộ bên quân sự và chính phủ đương nhiệm) và về số báo Thành phố biên giới ngày mai mà Ka rút trong túi ra.

Trong khi Ipek chăm chú đọc trang đầu, Ka lo rằng đối với cô - hết như với các bạn cũ mà ông gặp ở Istanbul - thực tế duy nhất tồn tại trên đời là tình hình chính trị ngán ngẫm thảm hại của Thổ Nhĩ Kỳ, và cô sẽ không mấy may có ý định sống ở Đức.

Ka ngắm hồi lâu đôi bàn tay nhỏ nhắn của Ipek, gương mặt thông minh của cô vẫn đẹp đến mức khiến ông rối trí.

Rồi Ipek hỏi với nụ cười ngọt ngào: “Anh bị tuyên án bao nhiêu năm, chiếu theo điều khoản nào?”

Ka nói cho cô biết. Cuối thập kỷ bảy mươi trên các báo nhỏ của Thổ muốn viết gì thì viết, ai cũng bị ra tòa, nhận án và lấy làm tự hào, nhưng không người nào vào tù cả vì cảnh sát không

làm căng và không truy lùng các tổng biên tập, nhà văn hay dịch giả nếu họ đã chuyển địa chỉ (một việc diễn ra rất thường xuyên).

Sau khi phe quân sự đảo chính, dần dần những người đã chuyển nhà cũng bị truy ra. Ka trước đó bị tuyên án vì một bài báo chính trị mà ông không tự viết nhưng đọc vội đọc vàng rồi cho đăng, tới dịp này liền trốn sang Đức.

“Anh ở Đức có khó khăn không?” Ipek hỏi.

“Cái vỏ bảo vệ là đơn giản tôi không hiểu tiếng Đức,” Ka nói. “Cơ thể tôi cưỡng lại thứ tiếng này, và cuối cùng thì tôi vẫn giữ được tính ngây khờ và tâm hồn của mình.” Ka bỗng lo gây ấn tượng lỗi bịch vì chưa chi đã kể tuần tuột hết ra, nhưng ông yên tâm thấy Ipek chăm chú nghe. Ông kể về sự im lặng mà ông trốn vào - chưa ai biết chuyện này - và nỗi bất lực không viết ra bài thơ nào trong bốn năm qua.

“Tối đến, từ cửa sổ căn hộ thuê gần nhà ga tôi nhìn xuống các mái nhà của Frankfurt và hồi tưởng đến ngày trôi qua, tôi thấy mình bọc trong im lặng. Và chính trong sự yên lặng đó nảy ra những bài thơ. Sau này tôi được mời đọc thơ bởi những người Thổ nhập cư, những cơ quan thị chính muốn làm gì đó giúp người Thổ, thư viện, trường học tầm tầm và các địa phương muốn lôi kéo người Thổ đến với mình. Và các bậc phụ huynh từ Thổ sang muốn con em họ làm quen một nhà thơ sáng tác bằng tiếng Thổ, vì họ nghe nói ở Thổ Nhĩ Kỳ tôi là một nhà thơ có tên tuổi nhất định.”

Mỗi khi nhận được lời mời Ka lại lên một chuyến tàu Đức vốn luôn luôn khiến ông khâm phục vì đúng giờ và ngăn nắp, và lại chìm vào sự im lặng ấy ở trên tàu, trong khi ngắm qua ô kính lấp loáng những gì trôi qua trước mắt - tháp chuông nhà thờ thanh lịch của những thị tứ xa xăm, bóng tối trong rừng rậm, những đứa trẻ khỏe mạnh khoác cặp sách sau lưng trên đường về nhà. Ông cảm thấy như ở nhà, vì ông không hiểu ngôn ngữ nước này, và ông làm thơ. Những hôm không phải lên đường đến một thành phố khác để đọc thơ, sáng sáng ông ra khỏi nhà lúc tám giờ đi dọc phố Kaiser đến thư viện ở phố Zeil đọc sách. “Sách tiếng Anh ở đó đủ đọc cho đến khi tôi một nghìn tuổi.” Ông đọc, thành thơi như một đứa trẻ con biết rằng cái chết còn rất xa, cả tiểu thuyết từ thế kỷ mười chín, cả các thi sĩ dòng lãng mạn Anh, sách về lịch sử kỹ thuật, catalog bảo tàng và tất cả những gì ngẫu hứng tìm ra. Ở thư viện thành phố ông lật hết trang này đến trang khác đọc kỹ tự điển bách khoa toàn thư, dừng lại ở những trang có tranh minh họa và đọc lại các tiểu thuyết của Turgenev; và ngay cả khi tiếng ồn ào của thành phố còn ngưng đọng trong tai, Ka nghe trong mình sự im lặng như trên những con tàu. Cả khi tối đến đổi đường đi vòng qua Bảo tàng Do Thái và dọc theo bờ sông Main, hoặc cuối tuần đi từ đầu này tới đầu kia thành phố, ông vẫn nghe thấy sự im lặng đó.

“Chỉ ít lâu sau, trong đời tôi sự im lặng đã chiếm nhiều chỗ đến nỗi tôi không nghe được âm thanh nhiều nữa, mà tôi chỉ có thể làm thơ khi kháng cự lại thứ âm thanh đó,” Ka nói. “Với người Đức thì chẳng nào tôi cũng không nói chuyện rồi. Với những người Thổ cho rằng tôi ngạo mạn, trí thức hay dở điên dở tỉnh thì tôi cũng không giữ quan hệ thân thiết được. Tôi không gặp ai, không chuyện trò với ai và cũng không làm bài thơ nào nữa.

“Nhưng trong báo ghi là tối nay anh sẽ trình bày bài thơ mới nhất của mình.”

“Tôi không có bài mới nhất nào để trình bày cả.”

Ngoài họ ra, phía cuối tiệm bên chiếc bàn đen cạnh cửa sổ còn một người thanh niên gầy nhỏ và một người nữa dong dỏng, mập mạp, trung niên, đang kiên nhẫn giải thích gì đó cho anh ta.

Từ trong khung kính to tướng ngay sau lưng họ, ánh sáng hồng từ đèn tiệm bánh bằng đèn tuýp hắt vào những bông tuyết to rơi rơi trong bóng tối làm cho hai người đang mải mê nói

chuyện trong góc tường kia trông như trong một cuốn phim đen trắng quay tời.

“Em gái Kadife của tôi năm đầu tiên không đỗ kỳ thi tuyển vào đại học,” Ipek nói. “Năm sau nó đỗ vào trường đại học sư phạm ở đây. Người đàn ông dong dong sau lưng tôi, ngồi tận cuối phòng là hiệu trưởng. Bố tôi yêu em gái tôi lắm nên nhất định chuyển về vùng này sau khi mẹ tôi mất vì tai nạn giao thông trước đây ba năm. Nhưng khi bố tôi vừa chuyển về thì tôi chia tay với Muhtar. Chúng tôi về ở cùng nhà. Khách sạn này là sở hữu chung của chúng tôi và mấy người họ hàng, đầy những tiếng người chết thở dài và ma quỷ. Chúng tôi ở ba phòng.”

Những năm là sinh viên và ở các xóm phái tả, Ka và Ipek không thân nhau bao giờ. Hồi mười bảy tuổi, khi đi dọc các hành lang trần cao của khoa Triết, Ka - như nhiều người khác - đã chú ý ngay vẻ đẹp của cô. Một năm sau, ông gặp lại Ipek, lúc đó đã là vợ của người bạn làm thơ Muhtar sinh hoạt cùng nhóm chính trị: cả hai đều là người ở Kars.

“Muhtar tiếp quản của bố vị trí đại lý cho hãng đồ gia dụng Arçelik và Aygaz,” Ipek nói. “Những năm sau khi chúng tôi chuyển về đây, anh đưa tôi đến các bác sĩ ở Erzurum và Istanbul vì chúng tôi không có con. Cũng vì thế mà chúng tôi chia tay nhau. Nhưng Muhtar đã hiến mình cho tôn giáo, thay vì kết hôn lần nữa.”

“Vì có gì mà mọi người ở đây đột nhiên rủ nhau hiến mình cho tôn giáo?” Ka hỏi.

Ipek không trả lời. Cả hai cùng ngó một lát lên chiếc ti vi đen trắng trên tường.

“Vì có gì mà mọi người ở thành phố này rủ nhau tự sát?”

“Không phải tất cả mọi người.” Ipek đáp. “Các cô và các bà thôi. Đàn ông hiến mình cho tôn giáo, còn đàn bà tự sát.”

“Vì có gì?”

Ipek chăm chăm nhìn ông khiến ông cảm thấy việc mình đòi hỏi một câu trả lời chóng vánh là quá sỗ sàng. Họ im lặng một lát khá lâu.

“Để viết về bầu cử, tôi phải nói chuyện với Muhtar,” Ka nói.

Ipek đứng ngay dậy, đi tới điện thoại cạnh chỗ thu ngân và gọi điện. “Anh ấy ở văn phòng tỉnh bộ đến năm giờ.” Cô nói khi quay lại ngồi xuống bàn. “Anh ấy đợi anh.”

Im lặng trở lại. Ka thấy bất an. Nếu đường sá không bị tắc vì tuyết thì ông sẽ trốn ngay khỏi đây bằng chuyến xe buýt sớm nhất. Ông thấy thương hại sâu sắc thành phố đang độ suy tàn này và con người bị lãng quên ở đó. Bất giác họ nhìn ra tuyết và quan sát tuyết rơi hồi lâu như những kẻ rối hơi và bàng quan. Ka cảm thấy mình lạc lõng.

“Có thật là anh về đây để viết về bầu cử và những vụ tự sát?” Ipek hỏi.

“Không.” Ka nói. “Ở Istanbul tôi nghe nói là chị đã chia tay với Muhtar. Tôi về đây để cưới chị.”

Ipek bật cười, tựa như đó là một chuyện tiểu lâm thú vị, nhưng rồi mặt cô đỏ ửng lên. Sau khi im lặng một lúc lâu, Ka nhận ra qua cặp mắt của Ipek rằng cô hiểu thấu ý nghĩ của ông.

“Vậy là anh không đủ kiên nhẫn để che giấu chủ định của mình cho phải phép, để tiếp cận tôi cho đúng điệu và bắt đầu tán tỉnh tôi một cách hợp thức,” mắt cô nói. “Anh đâu có về đây vì anh yêu tôi và không ngừng nhớ nhung tôi, mà vì nghe nói là tôi ly hôn, vì anh nhớ lại sắc đẹp

của tôi và vì anh nghĩ rằng sẽ tiếp cận tôi dễ dàng hơn, khi tôi đang mắc cạ ở Kars.”

Và trong nỗ lực muốn trừng phạt sự cả gan của mình, cũng như ước muốn hạnh phúc làm ông giờ đây khá xấu hổ. Ka tưởng tượng ra rằng Ipek sẽ có thêm một ý nghĩ bạo liệt nữa: “Chúng ta mà có được đưa lại gần nhau thì chỉ là vì những mong đợi của ta đối với cuộc đời đã kém đi.” Nhưng Ipek nói ra một điều khác hẳn.

“Tôi vẫn luôn nghĩ là anh sẽ trở thành một thi sĩ lớn.” cô nói. “Xin chúc mừng những cuốn sách của anh.”

Như trong tất cả các quán trà, nhà hàng và sảnh khách sạn ở Kars, tường ở đây không treo ảnh những ngọn núi địa phương mà người dân Kars vốn tự hào, chỉ toàn ảnh vùng Alps của Thụy Sĩ. Người bồi bàn già vừa bung trà cho họ, giờ ngồi cạnh két thu ngân, mặt ngoảnh về phía họ, lưng quay về những cái bàn đằng sau bày la liệt những khay bánh ngọt và sô-cô-la bọc giấy bạc lấp lánh trong ánh đèn mờ mờ. Ông ta say sưa theo dõi chiếc ti vi đen trắng. Ka lúc này, sẵn sàng nhìn đi mọi hướng trừ nhìn vào mắt Ipek, cùng đắm đắm xem phim trong tivi. Một nữ diễn viên Thổ tóc vàng mặc bikini chạy trên bãi biển, hai người đàn ông có ria mép đuổi theo. Đúng lúc đó người đàn ông trẻ gầy gò ngồi bên chiếc bàn đen cuối tiệm bánh ngọt đứng dậy, chìa vũ khí trong tay vào ông hiệu trưởng trường đại học sư phạm và nói gì đó mà Ka không nghe được. Ka nhận ra khẩu súng lục nhả đạn lúc ông hiệu trưởng trả lời, không hẳn vì tiếng nổ mà ông không nghe thấy, mà vì ông ta lão đảo và ngã khỏi ghế.

Cả Ipek cũng quay lại nhìn cùng Ka.

Ông bồi bàn già không còn ở chỗ mà Ka vừa thấy ông ta nữa. Người đàn ông gầy gò chìa vũ khí vào ông hiệu trưởng đang nói gì đó. Không rõ ông nói gì, vì bị tiếng tivi át đi. Sau khi bắn tiếp ba phát nữa vào ông hiệu trưởng, người đàn ông gầy gò biến mất qua cánh cửa sau lưng mình. Ka hoàn toàn không thấy mặt hắn ta.

“Chúng ta đi thôi,” Ipek nói, “không nên ở lại đây!”

“Gọi cứu giúp!” Ka kêu yếu ớt. Rồi ông nói: “Ta phải gọi điện báo cảnh sát!” Nhưng ông không rời khỏi ghế. Rồi ông chạy ngay theo Ipek. Cả ở hai cánh cửa tiệm bánh Đồi Mới lẫn trên cầu thang mà họ vội vã lao xuống đều không một bóng người.

Họ ra đến vỉa hè phủ tuyết và vội vã đi tiếp. Ka nghĩ bụng: không ai thấy mình đi ra. Ông thấy nhẹ người, vì ông có cảm giác như chính mình thực hiện tội ác đó. Tựa như vì đã phát biểu ra ý muốn kết hôn - ông đỏ mặt khi nhớ lại chuyện này - nên ông đã bị trừng phạt thích đáng, ông không dám nhìn vào mắt ai nữa cả.

Khi đi đến góc phố Kâzim Karabekir, Ka thấy hoảng sợ trước những sự việc đã xảy ra, nhưng lại hạnh phúc bởi sự gần gũi lặng lẽ xuất hiện giữa hai người, vì bí mật họ cùng chia sẻ. Ka ngây người ra khi thấy mắt Ipek ngấn nước, lòng lạnh trong ánh bóng điện trần trụi soi sáng các thùng đựng cam và táo ở lối vào trung tâm thương mại Halil Paşa, phản chiếu qua gương hiệu cắt tóc ngay cạnh.

“Ông hiệu trưởng không cho sinh viên trùm khăn đi học,” cô nói. “Vì thế mà ông già tội nghiệp bị giết.”

“Ta nên báo cho cảnh sát biết,” Ka nói và nhớ rằng đó là câu nói mà người theo phái tả ngày xưa cực kỳ căm ghét.

“Đằng nào họ cũng phát hiện ra thôi. Bây giờ họ đã biết hết rồi cũng nên. Trung tâm đảng Phồn vinh ở kia, trên lầu ba.” Ipek chỉ vào cổng trung tâm thương mại. “Kể cho Muhtar những gì

anh vừa thấy để anh ấy đừng ngạc nhiên khi Bộ an ninh quốc gia đến tìm. Ngoài ra tôi phải nói với anh một điều: Muhtar muốn trở lại với tôi; đừng quên chuyện ấy khi nói chuyện với anh ta.”

XIN PHÉP GIÁO SƯ CHO HỎI MỘT CÂU

Cuộc nói chuyện đầu tiên và cuối cùng

giữa sát thủ và nạn nhân

Có một máy ghi âm bí mật gắn bằng băng dính dày vào người ông hiệu trưởng trường đại học sư phạm, người đàn ông dong dong bị bắn vào đầu và ngực trước mắt Kar và İpek. Chiếc máy nhập khẩu nhãn hiệu Grundig được các nhân viên nhìn xa trông rộng ở chi nhánh Kars của Bộ an ninh giấu trong người ông ta.

Biện pháp an ninh này trở nên cần thiết sau khi dạo gần đây ông nhận được những lời hăm dọa vì không cho phép các thiếu nữ trùm khăn đến trường và vào lớp, và cũng xuất phát từ các thông tin mà nhân viên mật vụ vận thường phục ở Kars lấy được từ cộng đồng Hồi giáo chính trị. Dù là người thế tục nhưng tin vào số phận chẳng kém gì một tín đồ đạo Hồi, ông hiệu trưởng đã tính toán, thay vì dùng một vệ sĩ luôn kè kè bên cạnh thì có thể thu lại tiếng nói của những cá nhân đe dọa ông rồi bắt họ về sau.

Đã thành thói quen như mọi lần khác, khi ngẫu hứng rẽ vào tiệm bánh mua một chiếc bánh sừng bò nhân hồ đào ưa thích, ông đã bật máy ghi âm đem theo trong người khi nhận thấy một người lạ đến gần. Người ta lấy được cuộn băng không hề suy suyển, dù chiếc máy ghi âm tuy đã dờ hai vết đạn nhưng không cứu được mạng ông hiệu trưởng. Mấy năm sau tôi nhận được bản chép băng ghi âm từ tay người vợ góa của ông (mắt chưa khô lệ) và con gái ông, một người mẫu nổi tiếng.

“Xin chào giáo sư! Ông có nhận ra tôi không ạ?”

- “Không, tôi không nhớ.”

- “Tôi cũng nghĩ thế, thưa giáo sư. Chúng ta cũng đã làm quen nhau bao giờ đâu. Tối qua và sáng sớm nay tôi đã hai lần định vào nói chuyện với ông nhưng cảnh sát ở cổng trường ngăn tôi lại. Hôm nay tuy tôi vào được bên trong nhưng thư ký của ông lại không cho vào gặp ông. Sau đó tôi tìm cách đánh tiếng ở gần cửa phòng ông khi ông sắp tới giảng bài. Lúc đó ông đã thấy tôi, ông còn nhớ không, thưa giáo sư?”

- “Tôi không nhớ.”

- “Ông không nhớ đã nhìn thấy tôi, hay không nhớ tôi?”

- “Anh định nói chuyện gì với tôi?”

- “Thật ra tôi cần cả mấy tiếng hay mấy ngày để nói với ông về đủ mọi chuyện. Ông là một người danh giá, có học thức và được khai sáng, giáo sư về nông nghiệp. Tầng lớp chúng tôi tiếc rằng không được học cao. Nhưng tôi có đọc nhiều về một đề tài, cũng là đề tài muốn đem ra bàn luận với ông. Xin lỗi giáo sư. tôi có làm ông mất thì giờ?”

- “Không sao.”

- “Xin lỗi, cho phép tôi ngồi được không? Tôi muốn đi vào chi tiết một chút.”

- “Anh cứ tự nhiên!” (Tiếng người kéo ghế và ngồi xuống.)

- “Ông ăn bánh nhân hạt hồ đào, thưa giáo sư. Ở Tokat quê tôi có nhiều cây hồ đào to lắm, ông đã bao giờ đến Tokat chưa ạ?”

- “Tiếc là chưa.”

- “Tiếc thật, thưa giáo sư. Khi nào ông đến thì nghỉ qua đêm ở nhà tôi. Cả đời tôi ba mươi sáu năm nay đều ở Tokat. Tokat đẹp lắm. Nói chung đất nước Thổ Nhĩ Kỳ rất đẹp.” (Im lặng.) “Nhưng tiếc là chúng ta không hiểu đất nước ta và không yêu người chúng ta. Thậm chí còn được coi là thành tích đặc biệt nếu khinh rẻ và phản bội đất nước này, dân tộc này. Xin phép giáo sư cho hỏi một câu: ông không phải là người vô thần, đúng không ạ?”

- “Đúng thế.”

- “Người ta cả quyết như vậy, song tôi không thể tin được rằng một người có học thức - cầu Thượng đế tha tội - lại có thể phi báng Allah được. Kể ra hỏi cũng thừa, nhưng ông cũng không phải người Do Thái, phải không ạ?”

- “Không.”

- “Ông theo Hồi giáo.”

- “Tạ ơn Thượng đế, tôi theo Hồi giáo.”

- “Thưa giáo sư, ông cười nhưng xin ông nghiêm túc trả lời một câu hỏi này. Vì tôi từ Tokat xuyên qua bão tuyết tới đây chỉ để nhận được câu trả lời của ông.”

- “Làm sao mà ở Tokat ông lại biết đến tôi?”

- “Thưa giáo sư, báo chí ở Istanbul không viết gì về việc ông không cho các thiếu nữ trùm khăn vì mộ đạo và kính trọng Koran đến trường, họ còn bận bịu với những người mẫu bê tha tội lỗi ở đấy. Những ở Tokat tươi đẹp có một đài truyền thanh Hồi giáo tên là ‘Lá cờ’. họ nói về bất kỳ điều bất công nào xảy ra với các tín đồ trên đất này.”

- “Tôi không làm gì bất công đối với các tín đồ, tôi cũng biết kính sợ Allah.”

“- Thưa giáo sư, từ hai hôm nay tôi chịu bão tuyết dọc đường. Ngồi trong xe buýt tôi luôn nghĩ về ông, và ông hãy tin là tôi biết chắc ông sẽ nói với tôi ‘tôi cũng biết kính sợ Allah’. Rồi thì tôi tưởng tượng ra sẽ đặt cho ông câu hỏi này: nếu ông biết kính sợ Thượng đế thưa giáo sư Nuri Yilmaz, và tin rằng Koran là lời của Allah, thưa ông hiệu trưởng, thì hãy cho tôi biết ông nghĩ gì về câu số 31 chương Ánh sáng?”

- “Trong câu này, ờ, nói rất rõ là phụ nữ nên trùm đầu mình và thậm chí nên che mặt mình đi.”

- “Ông đã trả lời rất hay và chân thật, cảm ơn giáo sư! Vậy xin phép được hỏi ông một câu: làm sao ông dung hòa lệnh của Allah bảo phụ nữ trùm khăn với việc cấm họ đến trường?”

- “Đây là lệnh của nhà nước thế tục chúng ta không cho các nữ sinh trùm khăn đến lớp và cũng không cho vào trường.”

- “Xin lỗi giáo sư, cho phép tôi hỏi ông: phải chăng lệnh của nhà nước cao hơn lệnh của Thượng đế?”

“- Một câu hỏi thú vị, nhưng trong một nhà nước thế tục thì đó là hai vấn đề khác nhau.”

- “Ông nói rất hay, thưa giáo sư! Hãy để tôi hôn tay ông, ông đừng sợ, thưa giáo sư, ông cứ đưa tay đây ông sẽ thấy tôi hôn tay ông âu yếm chừng nào.Ồi ! Cầu Thượng đế phù hộ ! Ông thấy tôi kính trọng ông đến mức nào rồi đấy! Thưa giáo sư bây giờ tôi có được phép hỏi một câu không?”

- “Anh cứ hỏi.”

- “Thưa giáo sư, chủ nghĩa thế tục có phải là không có tôn giáo?”

- “Không.”

- “Tại sao người ta mượn có chủ nghĩa thế tục để cấm các thiếu nữ đi học khi họ tuân lệnh tôn giáo?”

- “Trời ạ, anh bạn trẻ, tranh luận về chuyện này không đưa đến đâu cả. Từ sáng đến tối các kênh ti vi ở Istanbul ra rả chuyện này. và kết quả ra sao? Các cô gái vẫn không bỏ khăn trùm đầu còn nhà nước cũng chẳng cho họ đội khăn đến lớp học.”

- “Xin lỗi giáo sư cho tôi được hỏi: cướp đi quyền được đi học của các cô gái trùm khăn chăm chú kín đáo và ngoan ngoãn mà chúng ta đổ mồ hôi sôi nước mắt nuôi cho khôn lớn liệu có phù hợp với hiến pháp của chúng ta, với quyền tự do học hành và tín ngưỡng? Giáo sư có dung hòa điều đó với lương tâm mình được không?”

- “Nếu các cô gái ấy ngoan ngoãn thì họ hãy bỏ khăn che tóc ra.Con của ta, con tên gì, sống ở đâu, làm nghề gì?”

- “Thưa giáo sư, tôi pha trà trong quán trà '*Những người vui về*' ngay cạnh bể tắm Pervana nổi tiếng ở Tokat. Tôi trông coi bếp và ấm pha trà. Tên tôi không quan trọng. Suốt ngày tôi nghe đài '*Lá cờ*'. Đôi khi một sự bất công nào đó nhằm vào những người mộ đạo cứ bám chặt trong đầu tôi; và thưa giáo sư, vì chúng ta sống trong một quốc gia dân chủ và tôi là một người tự do được sống theo ý mình nên tôi lên xe buýt đi đến chỗ những người đang bám chặt trong đầu tôi, bất kể họ ở nơi nào trên đất Thổ này, và mặt đối mặt chất vấn họ về sự bất công ấy. Do vậy giáo sư hãy trả lời câu hỏi của tôi: “Lệnh của nhà nước, hay lệnh của Allah cao hơn?”

- “Câu hỏi này không đưa đến đâu cả, con trai ạ. Con đang ở khách sạn nào?”

- “Ông định tố tôi với cảnh sát hả? Giáo sư đừng sợ tôi. Tôi không phải thành viên của một tổ chức tôn giáo nào cả. Tôi ghét khủng bố, tôi tin vào tranh luận trí tuệ và tình yêu của Allah. Vì thế trong mỗi cuộc tranh luận trí tuệ tôi chưa đánh ai lấy một cái tát, mặc dù tôi là người dễ nổi nóng.Tôi chỉ muốn ông trả lời cho tôi câu hỏi sau đây. Thưa giáo sư, lương tâm có giầy vò ông vì những thiếu nữ bị ông cướp quyền vào đại học, trong khi kinh Koran thiêng liêng - lời của Thượng đế - trong các chương *Các nhóm* và *Ánh sáng* đã nói rất rõ điều này?”

- “Con trai của ta, kinh Koran thiêng liêng cũng nói:‘Hãy chặt tay kẻ cắp’, nhưng nhà nước chúng ta không làm chuyện ấy. Tại sao con không phản đối?”

- “Một câu hỏi hay đấy, thưa giáo sư! Tôi hôn tay ông.” Nhưng cánh tay kẻ cắp và phẩm giá người phụ nữ có giống nhau không? Thống kê của giáo sư Mỹ da đen Marvin King theo đạo Hồi thì tại các quốc gia Hồi giáo có phụ nữ che mạng hiểm khi xảy ra các vụ hãm hiếp, và hầu như không có chuyện quấy rối tình dục. Vì một phụ nữ che mặt nói với đàn ông qua cách ăn mặc của mình: '*Đừng quấy rối tôi !*' Thưa giáo sư, cho phép tôi hỏi:Chúng ta có nên hạ mình xuống ngang tụi đi đực - xin ông tha lỗi cho cách dùng từ này - bằng cách tước đi quyền học hành của những phụ nữ trùm khăn và đẩy họ ra bên lề xã hội, rồi tung hô những người đã cởi bỏ khăn và quần áo như những nữ thánh, nghĩa là cho phép phẩm giá của phụ nữ chúng ta trở nên rẻ rúng như ở châu Âu sau Cuộc Cách mạng tình dục hay không?”

- “Này con trai, ta đã ăn xong bánh rồi, xin lỗi nhé, ta phải đi.”

- “Ngồi xuống, giáo sư ! Tôi không muốn sử dụng vật này. Giáo sư có biết đây là gì không?”

- “Súng lục?” -

“Đúng thế, thưa giáo sư. Xin lỗi ông, tôi đã đi một quãng đường xa vì ông. Tôi không ngu và tôi nghĩ rằng có thể ông không chịu nghe tôi nói, do đó tôi đã có biện pháp dự phòng.”

- “Con trai của ta. con tên gì?”

- “Vahit Này, Salim Nọ, tên tuổi có ý nghĩa gì cơ chứ? Tôi là trạng sư vô danh của những người hùng vô danh đấu tranh cho đức tin của mình và gặp phải bất công trong nhà nước thể tục chuộng vật chất này. Tôi không thuộc tổ chức nào. Tôi coi trọng quyền con người và căm ghét bạo lực: Vì lý do ấy tôi sẽ đút khẩu súng lục này vào túi và chỉ muốn ông trả lời một câu hỏi của tôi.”

- “Thôi được.”

- “Thưa giáo sư, ta hãy trở lại từ đầu. Khi có lệnh từ Ankara, ông làm như những cô gái ấy không tồn tại - hoa trái của những năm trời cực nhọc, cực cưng của những bậc làm cha mẹ, thông minh, chăm chỉ, luôn đứng đầu lớp. Khi một người trong họ ghi tên vào bảng điểm danh thì ông xóa đi với lý do “*trùm khăn*”. Nếu bảy nữ sinh viên ngồi cùng nhau và một người trong số họ trùm khăn thì ông gọi sáu tách trà trong bếp đưa ra. Ông là nguyên nhân những giọt nước mắt của họ. Như thế chưa đủ. Theo lệnh mới của Ankara, ông đã không cho họ vào lớp, bắt ra hành lang, sau đó còn tống khứ hành lang ra đường. Khi một nhóm các cô gái dũng cảm kháng cự. vẫn đội khăn đứng trước cổng trường và run rẩy trong gió rét đợi ông tiếp chuyện thì ông gọi cảnh sát.”

- “Tôi không phải là người đứng ra gọi cảnh sát.”

- “Giáo sư đừng có hèn nhát và nói dối tôi chỉ vì tôi có khẩu súng lục trong túi ! Câu hỏi của tôi là: buổi tối hôm ấy, khi cảnh sát lôi các cô gái đi và bắt giam họ, làm sao lương tâm cho phép ông ngủ yên được?”

- “Tất nhiên vấn đề ở đây là chúng ta đã khiến chuyện chiếc khăn trở thành một biểu tượng, một trò chơi chính trị đã làm các cô gái của chúng ta bất hạnh.”

- “Trò chơi nào cơ, thưa giáo sư? Bi kịch xảy ra, một thiếu nữ vì xung đột giữa phẩm giá và nhà trường mà sa vào khủng hoảng tinh thần và tự kết liễu đời mình. Đó là trò chơi à?”

- “Anh bạn trẻ ơi, anh bị kích động quá đấy, nhưng đã bao giờ anh nghĩ được rằng vụ việc khăn trùm đầu đã phát triển thành một chuyện chính trị, và đằng sau nó là các thể lực ngoại bang muốn chia rẽ và làm Thổ Nhĩ Kỳ yếu nhược đi không?”

- “Liệu có còn vụ việc khăn trùm, nếu ông cho các thiếu nữ ấy đi học, thưa giáo sư?”

- “Có phải mọi việc tuân theo ý ta đâu, con trai? Đó là quyết định của Ankara ! Vợ tôi cũng trùm khăn mà.”

- “Này giáo sư, đừng có tìm cách lấy lòng tôi, trả lời câu hỏi lúc nãy đi !”

- “Câu hỏi nào?”

- “Ông không bị lương tâm giày vò à?”

- “Tôi cũng là một người cha, anh bạn ạ, dĩ nhiên tôi áy náy vì các cô gái ấy.”

- “Nghe đây, tôi biết tự chủ, nhưng tôi là người nóng nảy lắm đấy. Nếu tôi đã cáu lên là không còn biết trời đất gì nữa đâu. Trong tù tôi đã tấn một thằng vì nó không lấy tay che mồm khi ngáp. Tôi đã thiết lập trật tự cho cả phòng giam. Cả lũ chúng nó đã bỏ hết các thói quen xấu và trở lại cầu nguyện đúng nghi thức. Giờ thì đừng đánh trống lảng, trả lời câu hỏi của tôi đi !”

- “Câu hỏi nào cơ? Bỏ súng xuống!”

- “Tôi không hỏi ‘ông có con gái không’, hoặc ông có ‘áy náy không?’”

- “Xin lỗi, anh bạn trẻ. lúc này anh hỏi gì nhỉ?”

- “Đừng giở trò nịnh nọt chỉ vì sợ khẩu súng của tao. Hãy nhớ lại lúc này tao hỏi gì! “(Im lặng.)

- “Anh hỏi gì ?

- “Lương tâm có giày vò mày không hả kẻ ngoại đạo kia?”

- “Tất nhiên có.”

- “Thế tại sao mày còn làm việc ấy đồ khốn?”

- “Này con trai, ta là một giáo sư tuổi bố con. Trong kinh Koran thiêng liêng có lệnh ‘Hãy chĩa súng vào bậc trên mình và phỉ báng họ không?’ không hả?”

- “Đừng nói chữ Koran ra mồm, hiểu chưa? Và đừng ngó qua ngó lại cầu cứu. Mày mà kêu lên tao sẽ bắn không tiếc tay, hiểu chưa?”

- “Hiểu.”

- “Thế thì trả lời câu hỏi của tao: đất nước này được lợi lộc gì nếu các thiếu nữ thôi trùm khăn để lộ tóc ra? Nói cho tao biết một lý do thực sự thuyết phục mày và có thể dung hòa với lương tâm mày. Ví dụ như nếu họ để đầu trần thì người châu Âu sẽ bắt đầu biết phải tôn trọng họ, ít nhất cũng để tao hiểu quan điểm của mày, được thế thì tao sẽ không bắn mà thả tự do cho mày.”

- “Anh bạn thân mến, tôi cũng có một đứa con gái không trùm khăn. Giống như đã không can thiệp vào chuyện mẹ nó, tôi cũng không can thiệp vào chuyện nó.”

- “Vì sao con gái mày để đầu trần, nó muốn lên sân khấu à?”

- “Nó không nói gì về chuyện ấy. Nó học Quan hệ công chúng ở Ankara. Bất cứ khi nào tôi bị đem ra bêu riếu trong vụ khăn trùm đầu này, hay trở nên phiền muộn khi phải đối mặt với những lời vu cáo, đe dọa và sự căm giận của các kẻ thù hay những người bất bình một cách có lý - như anh - những lúc ấy con gái tôi đều ủng hộ tôi. Nó gọi điện từ Ankara...”

- “Nó nói là ‘Ơ kìa bố, cổ lên, con muốn lên sân khấu’ chứ gì?”

- “Không, con trai ạ nó không nói thế bao giờ. Nó nói: ‘Bố ạ. con sẽ không dám để đầu trần đi vào một lớp học toàn các bạn nữ trùm khăn, mà sẽ phải che tóc dù ngược với ý mình.’”

- “Nếu nó làm ngược với ý mình và che tóc đi thì có hại gì cho nó?”

- “Thật lòng, đó không phải chuyện đem ra tranh luận. Anh muốn tôi nêu ra một lý do mà.”

- “Thế đấy đồ khốn, để con mày được thỏa sức làm theo ý riêng, mày đã gọi cảnh sát lấy dùi cui đánh các thiếu nữ ngoan đạo trùm khăn theo lời Allah ở cổng trường, mày đã đàn áp họ, đẩy họ đến bước tự tử.”

- “Con gái tôi có những lý do để đưa ra quyết định giống như nhiều phụ nữ Thổ khác.”

- “Tao không hiểu đám diễn viên sân khấu đó có lý do gì trong khi chín phần mười phụ nữ Thổ trùm khăn. Mày tự hào vì con gái mày cởi đồ ra, đồ áp bức khốn nạn, nhưng hãy hiểu rằng tuy không phải là giáo sư song tao đã đọc nhiều về đề tài này hơn mày.”

- “Ngày anh đừng chĩa súng vào người tôi, anh bị kích động quá rồi đấy. Có thể sau này anh sẽ hối hận khi nổ súng.”

- “Tại sao phải hối hận kia chứ? Tao đi hai ngày xuyên qua băng tuyết là để trừ khử một kẻ ngoại đạo. Kinh Koran thiêng liêng nói, hành quyết kẻ áp bức người mộ đạo là một nghĩa vụ. Tuy vậy, vì thương hại mà tao vẫn cho mày một cơ may: hãy cho tao biết một lý do có thể dung hòa với lương tâm mày. Tại sao phụ nữ che kín lại phải cởi hết ra, rồi tao thề sẽ không xử bắn mày.”

- “Nếu người phụ nữ bỏ khăn ra, vị thế của họ trong xã hội sẽ được thuận lợi và tôn trọng hơn.”

- “Có thể đúng với con gái mày vì nó muốn làm diễn viên. Nhưng hoàn toàn ngược lại, khăn trùm đầu đã bảo vệ phụ nữ trước quấy nhiễu, hăm hiếp và chà đạp, cho phép đàn bà được cư xử thoải mái hơn khi ra ngoài xã hội. Đó là nhận định chung của nhiều phụ nữ về sau dùng khăn trùm, trong đó có cựu diễn viên múa bụng Melahat Sandra, chiếc khăn đã giải phóng họ khỏi vai trò một đồ vật lôi kéo cảm tính thú vật của đàn ông ngoài phố, lúc nào cũng đua nhau trang điểm cho hấp dẫn hơn các phụ nữ khác. Giáo sư kỹ da đen Marvin King nhận định nữ diễn viên nổi tiếng Elizabeth Taylor lẽ ra đã có hạnh phúc và không xấu hổ bởi bệnh béo phì đến nỗi vào nhà thương điên nếu trong hai mươi năm cuối bà trùm khăn. Xin lỗi giáo sư, cho tôi được hỏi: tại sao ông cười, tôi nói buồn cười lắm hay sao?” (Im lặng.)

- “Nói đi, đồ vô thần khốn kiếp, tại sao mày cười?”

- “Anh bạn ơi, hãy tin tôi, tôi không cười. Còn nếu tôi đã cười thì chỉ vì căng thẳng.”

- “Không, đúng là mày vừa cười !”

- “Anh bạn, tìm tôi tràn ngập lòng yêu mến dành cho lứa trẻ ở đất nước này, những người đau khổ vì điều mà họ tin tưởng, như anh và những thiếu nữ trùm khăn.”

- “Bỏ trò nịnh nọt ấy đi. Tao không đau khổ chút nào cả. Nhưng mày sắp đau khổ đấy, vì đã cười nhạo những cô gái trẻ tự sát. Nhất định mày cười vì không ăn năn gì. Vậy thì tao nói ngay cho mà biết tình cảnh của mày ra sao. Các *Chiến binh vì công lý Hồi giáo* đã tuyên án tử hình mày trước đây năm ngày ở Tokat, và họ cử tao đến đây để hành quyết. Nếu mày không cười, nếu mày hối hận thì có thể tao đã tha lỗi cho mày. Cầm lấy tờ giấy này, đọc bản án tử hình của mày đi...” (Im lặng.)

- “Đọc to lên, và đừng khóc như đàn bà. nhanh lên đồ khốn, không thì tao bắn mày ngay lập tức.”

- “Tôi, giáo sư Nuri Yilmaz, một kẻ vô thần...Thưa. tôi thực tình không phải người vô thần...”

- “Đọc đi !”

- “Anh định bắn tôi trong lúc tôi đọc ư?”

- “Nếu mày không đọc thì tao bắn mày. Đọc đi !”

- “...là công cụ trong chương trình bí mật của Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ thế tục muốn biến các tín đồ Hồi giáo thành nô lệ của Tây phương, tước đi của họ danh dự và tín ngưỡng. Tôi đã đàn áp các thiếu nữ sùng tín để rút cuộc một trinh nữ mộ đạo không chịu nổi đau đớn phải tự sát... Anh bạn trẻ này, anh cho phép tôi nói một câu phản đối, và anh chuyển lời phản đối ấy tới ủy ban cử anh đến đây. Cô gái ấy không treo cổ tự vẫn vì không được vào đại học hay bị bố gây áp lực, mà như Bộ an ninh thông báo cho chúng tôi thì, tiếc thay, vì thất tình.”

- “Trong thư tuyệt mệnh cô ấy không viết như thế.”

- “Tôi muốn xin anh thứ lỗi, và nói thêm là - anh hạ súng xuống đi - do ít hiểu biết mà ngay trước khi thành hôn cô ta đã hiến sự trong trắng của mình cho một cảnh sát hơn mình hai mươi lăm tuổi mặc dù anh ta nói là đã có vợ và không có ý định cưới cô.”

- “Im đi, đồ đểu! Đứa con gái dĩ hòa của mày mới làm chuyện ấy !”

- “Thôi, anh bạn trẻ, thôi đi, con trai của ta! Nếu con bắn ta, con cũng hủy hoại cả tương lai của mình !”

- “Nói là ‘tôi hối hận...!’”

- “Tôi hối hận.Đừng bắn !”

- “Há mồm ra, tao đút súng vào... Bây giờ ấn vào ngón tay tao để súng nổ, mày sẽ toi đời như một kẻ ngoại đạo, nhưng ít nhất cũng trong danh dự.” (Im lặng.)

- “Con ơi, ta đã đến nước này đây. Từng này tuổi rồi mà ta còn khóc lóc.Ta xin con, hãy thương lấy ta, thương lấy cả con nữa. Con còn trẻ thế đã muốn trở thành kẻ sát nhân rồi ư?”

- “Vậy thì tự kéocò súng đi.Tự mày hãy hiểu tự sát thì đau khổ đến mức nào.”

- “Con của ta, ta là một tín đồ Hồi giáo.Ta không được phép tự sát.”

- “Há mồm ra !” (Im lặng.) “Đừng khóc thế... trước đây mày không nghĩ rồi sẽ có lúc phải tính sổ hay sao? Đừng khóc nữa. không tao bắn!”

(Tiếng người bồi bàn già xa xa: “Thưa ông, có cần tôi đem trà lại bàn không ạ?” - “Không cần, tôi đi ngay đây.”) “Không nhìn bồi bàn. đọc tiếp bản án của mày đi !”

- “Tha lỗi cho tôi, anh bạn !”

- “Đọc đi, tao đã nói rồi.”

- “Tôi xấu hổ vì tất cả những việc đã làm, biết là mình đáng tội chết và mong Allah thứ tội...”

- “Đọc đi !”

- “Anh bạn thân mến, hãy cho ông già này khóc một chút !Cho tôi lần cuối nghĩ đến vợ và con gái mình !”

“Hãy nghĩ đến những cô gái trẻ bị mày đàn áp !Một người lên cơn động kinh, bốn người bị đuổi khỏi đại học trong năm thứ ba, một người tự sát, tất cả nằm sốt liệt giường vì đứng dưới trời lạnh trước cổng trường. Cuộc đời họ bỏ đi cả rồi.”

- “Tôi rất tiếc cho họ, thưa anh.Nhưng có đáng để giết một người như tôi và trở thành kẻ sát nhân? Anh nghĩ lại đi !”

- “Thôi được.” (Im lặng.) “Tôi đã nghĩ lại.Thưa giáo sư, ông có biết tôi nghĩ gì không?”

- “Gì cơ?”

- “Tôi mất toi hai ngày trời chạy khắp thành phố Kars thăm hại này để lòng ông và thi hành bản án mà không gặp. Tôi vừa tự bảo ‘chưa tới số’, mua vé quay về và uống ngụm trà cuối cùng thì...”

- “Con ơi, nếu con định bắn ta rồi rời Kars với chuyến xe buýt cuối cùng: đường đã tắc vì tuyết, chuyến buýt sáu giờ không đi nữa.Đừng để sau này phải hối hận!”

- “Đúng lúc tôi vừa định quay về thì Allah xui ông bước vào tiệm Đời Mới. Nghĩa là một khi Allah không tha cho ông thì tại sao tôi phải tha cơ chứ? Nói câu cuối cùng đi, và ca ngợi Allah!”

- “Ngồi xuống ghế đi con, nhà nước này sẽ tóm được và treo cổ tất cả bọn mày lên.”

- “Ca ngợi Allah đi !”

- “Từ từ đã anh bạn trẻ, ngồi xuống ghế và suy nghĩ lại đi. Đừng bóp cò, đừng !”

(Tiếng súng nổ, một chiếc ghế đổ.)

- “Anh bạn, đừng !”

(Hai phát súng nữa. Im lặng. Tiếng rên rĩ, tiếng ti vi. Lại phát súng nữa. Im lặng.)

TÌNH YÊU, TÔN GIÁO VÀ THI CA

Chuyện buồn của Muhtar

Sau khi Ipek để ông ở lại trước trung tâm thương mại Ham Paşa và quay về khách sạn, Ka không lên cầu thang ngay để đến văn phòng tỉnh bộ đảng Phồn vinh, mà quanh quẩn giữa những người thất nghiệp, học sinh học nghề và người đi dạo trong hành lang tầng một. Hình ảnh ông hiệu trưởng đại học sư phạm giầy giụa trước khi chết vẫn hiển hiện trước mắt ông, ông bị cắn rứt và cảm thấy mình có tội. Ông nghĩ đến chuyện gọi điện cho phó giám đốc Sở cảnh sát mới tiếp chuyện ông sáng nay, báo Cộng hòa ở Istanbul hay một người quen nào đó, nhưng trong trung tâm thương mại nhan nhản các quán trà và hiệu cắt tóc này không tìm ra được một góc nào để gọi điện thoại cả.

Ông đi vào cửa hiệu có biển ngoài cửa đề “Hội những người yêu súc vật”, ở đó có điện thoại, nhưng đang bị sử dụng. Bây giờ ông lại không chắc chắn có nên gọi điện thoại nữa hay thôi. Ông đi qua cánh cửa khép hờ ở cuối văn phòng hội và bước vào một phòng nhỏ trên tường treo toàn tranh về gà, giữa phòng là một đài chơi gà con con. Đứng trong phòng chơi gà này, Ka kinh hoàng ngộ ra là ông yêu Ipek và mối tình này sẽ chế ngự ông đến hết đời.

Sau này một trong những người yêu súc vật giàu có chuồng môn chơi gà nhớ rất rõ hôm ấy Ka vào văn phòng hội và lơ đãng ngồi xuống một hàng ghế khán giả vắng ngắt ra sao. Ở đó, Ka uống trà và đọc nội quy thi đấu viết bằng chữ to tướng trên tường:

- Gà đặt vào võ đài chỉ được bẻ lên khichủnhânchophép.

- Nếu một con gà bị ngã ra ba lần và không mổ bằng mổ được nữa, nó sẽ được coi là thua tuyệt đối.

- Được ba phút để băng bó cựa bị gãy, một phút cho móng bị gãy.

- Nếu gà bị đối thủ đập vào cổ trong khi chơi thì được nhắc lên để tiếp tục chơi.

- Khi mất điện được đợi mười lăm phút; nếu không có điện trở lại thì trận đấu bị hủy.

Rời Hội những người yêu súc vật, Ka nghĩ cách đưa Ipek đi cùng và trốn khỏi Kars. Văn phòng tỉnh bộ của đảng Phồn vinh ở cùng tầng, cách phòng luật sư Muzaffer Bey, cựu thị trưởng thuộc

đảng Dân tộc, hai cửa (quán trà Bata và hiệu Thợ may xanh nằm ở giữa). Trong phòng luật đã tắt đèn. Cuộc viếng thăm ở chỗ luật sư sáng nay như đã xa lắc xa lơ, khiến Ka rất bối rối khi bước vào văn phòng đảng bộ, không tin nổi mình đã bước vào chính hành lang này trước đó.

Lần cuối cùng Ka gặp Muhtar cách đây mười hai năm. Sau khi họ ôm hôn lên má nhau, Ka nhận thấy Muhtar bụng đã phệ, tóc điểm bạc và thừa đi. Nhưng ông đã đoán trước điều đó. Như thời sinh viên, Muhtar không có chút gì nổi bật cả. Giống ngày ấy, mồm ông luôn ngậm thuốc.

“Người ta đã giết ông hiệu trưởng trường đại học sư phạm,” Ka nói.

“Ông ấy hình như chưa chết, ít nhất thì trong radio vừa thông báo như vậy. Cậu biết tin ấy từ đâu ra?”

“Ông ta ngồi trong tiệm Đồi Mới cùng chúng tôi, ở chỗ Ipek gọi điện cho cậu ấy,” Ka trả lời và kể những gì ông vừa mục kích.

“Các cậu có gọi cảnh sát không?” Muhtar hỏi. “Hai người làm gì sau vụ ám sát?”

Ka nói Ipek về nhà, còn ông đi thẳng đến đây.

“Còn năm ngày nữa là bầu cử. Vì xu thế thắng cử của chúng tôi đã tương đối rõ nên nhà nước sẽ không bỏ qua dịp nào để đổ vấy cho chúng tôi chuyện gì. Chính sách tranh cử của đảng tôi trong toàn quốc là đứng về phía các phụ nữ trù ẻo. Lão khốn kiếp không cho các nữ sinh đến trường đại học sư phạm vừa bị bắn chết, vậy mà một nhân chứng có mặt tại hiện trường đến ngay văn phòng trung tâm của đảng chứ không thèm gọi cảnh sát.” Ông chuyển giọng lịch sự: “Cậu gọi cho cảnh sát đi, và kể hết cho họ nghe!”

Ông đưa Ka ống nghe như một người chủ nhà tự hào mời khách. Ka cầm máy, còn Muhtar quay số điện vừa tìm trong danh bạ ra.

“Tôi đã biết phó giám đốc Sở cảnh sát Kasim Bey rồi,” Ka nói.

“Làm sao biết?” Muhtar hỏi với vẻ hồ nghi ác cảm không giấu giếm.

“Việc đầu tiên mà nhà báo Serdar Bey sáng nay làm là dẫn tôi đến đó.” Ka giải thích. Khi máy để nổi với Kasim Bey, ông tả lại sự việc mà mình đã chứng kiến. Muhtar vội bước hai bước lập cập lại gần, cố ghé tai nghe cùng một cách vụng về mà lại thành ra thân mật quá đáng. Ka đưa ống nghe lại gần tai Muhtar hơn, giờ thì cả hai cảm thấy hơi thở của người kia phả vào mặt. Ka không rõ tại sao cần để Muhtar cùng nghe điện thoại, nhưng ông cảm thấy tốt hơn không nên hỏi. Ông miêu tả thêm hai lần nữa thủ phạm gầy gò mà ông không hề thấy mặt.

“Ông nên đến đây càng sớm càng tốt để chúng tôi lập biên bản lời khai,” ông phó giám đốc cảnh sát nói giọng ân cần.

“Tôi đang ở chỗ đảng Phồn vinh,” Ka nói, “tôi sẽ đến ngay.”

Im lặng.

“Ông đợi một chút,” phó giám đốc cảnh sát nói.

Ka và Muhtar nghe ông quay ống nghe đi và thì thào bàn bạc với ai đó.

“Xin lỗi ông, tôi vừa hỏi cảnh sát trực ban,” ông ta nói tiếp. “Tuyệt vẫn không ngót chút nào.

Chúng tôi cử ngay một xe đến đón ông.”

“May mà cậu nói là cậu đang ở đây.” Muhtar nói sau khi Ka đặt máy xuống. “Vì đảng nào họ cũng biết rồi. Họ nghe lén mọi cuộc điện thoại. Cậu đừng hiểu sai tôi nói lúc này như định buộc tội cậu.”

Mặt Ka nóng bừng lên, như ngày xưa ông nổi cáu với những người hăng hái tham gia chính trị chỉ nhìn ông như một gã tư sản từ Nişantaşı đến. Ở trường cấp ba ngày xưa họ chỉ rình rình sỏ vào mông nhau và tố người khác là thẳng lại cái để tránh cho bản thân bị ngờ. Những năm về sau việc này được thay thế bởi trò tố người khác nhất là khi người ấy làm chính trị, là chỉ điểm cho cảnh sát.

Ka đã xa lánh chính trị, vì ông sợ bị đẩy vào tình cảnh một kẻ cung cấp tin, ngồi trong xe cảnh sát chỉ vào nhà nào cần lục soát.

Và lúc này Ka lại là người phải cố gắng tìm cách xin lỗi và chối cãi, mặc dù Muhtar là ứng viên của một chính đảng Hồi giáo - một hành vi mà cách đây mười năm chính ông ta còn khinh bỉ.

Điện thoại đổ chuông, Muhtar nhắc máy với dáng điệu quan trọng hóa và hăng say mặc cả với một đại diện của Truyền hình biên giới Kars về giá cả mẫu quảng cáo cho cửa hàng đồ gia dụng của ông sẽ được phát buổi tối trong buổi truyền trực tiếp.

Khi ông đã cúp máy và hai người đang im lặng như những đứa trẻ hồn dỗi không biết nói gì thì trong trí tưởng tượng của Ka họ lần lượt đem ra nói hết với nhau tất cả những gì mười hai năm qua chưa nhắc đến. Trong hình dung của ông, thoát tiên họ nói với nhau như thế này: “Cuộc đời thật nhọc nhằn, vì cả hai chúng ta nay đều sống trong một dạng lưu vong mà cũng chẳng thành đạt ghê gớm hay hạnh phúc cho lắm. Làm nhà thơ cũng chưa đủ... Vì thế bóng đen của chính trị vẫn còn đè nặng lên vai bọn mình.” Ngay cả sau khi nói ra lời ấy thì trong tưởng tượng của ông, cả hai cũng không có đủ can đảm để nói thêm: “Khi hạnh phúc trong thi ca không đạt được thì chúng ta lẫn mình trong bóng đen của chính trị.”

Ka chợt thấy khinh rẻ Muhtar thêm thút nữa.

Ông nghĩ rằng Muhtar lúc này đang hài lòng vì thấy sắp thắng cử, và chính ông cũng có một tí thỏa mãn từ chút hào quang thi sĩ ở Thổ Nhĩ Kỳ - nói cho cùng thì ít còn hơn không. Nhưng cũng như cả hai không bao giờ thú nhận sự bằng lòng ít ỏi của mình trước mặt nhau, họ cũng không dấn động đến đề tài thực sự quan trọng: nỗi thất vọng về cuộc đời. Nghĩa là điều tồi tệ nhất đã xảy ra; họ đã chấp nhận thất bại trong đời và quen dần với sự bất công tàn nhẫn của thế giới. Nghĩ đến chuyện cả hai đều cho rằng họ cần đến Ipek để thoát khỏi tình cảnh này. Ka giật mình.

“Nghe nói tối nay cậu trình bày bài thơ mới nhất ở Nhà hát nhân dân?” Muhtar nói, thoáng mỉm cười.

Ka nhìn đầy thù nghịch vào cặp mắt đẹp nâu nhạt thâm trầm, không hề tươi cười của người đàn ông từng làm chồng Ipek.

“Ở Istanbul cậu có gặp Fahir không?” Muhtar hỏi, miệng cười tươi hơn.

Giờ thì Ka có thể đáp lại nụ cười ấy. Trong nụ cười của cả hai có gì đó dịu dàng và tôn trọng. Fahir cũng trạc tuổi họ và từ hai mươi năm nay là một đồ đệ không khoan nhượng của thơ ca cấp tiến phương Tây. Ông đã học ở trường Pháp Saint Joseph, mỗi năm một lần du lịch qua Paris bằng tiền của người bà lẩn thẩn nhưng giàu có, nghe nói ngày xưa là cung phi dưới thời Ottoman. chắt đầy vali những tập thơ mua tại các hiệu sách ở Saint Germain, sau đó đăng tải

bản dịch sang tiếng Thổ và những bài thơ tự sáng tác cũng như tác phẩm của các thi sĩ Thổ cấp tiến khác trong mấy tạp chí do chính mình chủ biên, loạt sách thơ của những nhà xuất bản do chính mình sáng lập, mà giờ đây đã gần vỡ nợ. Tuy vì thế mà được mọi người kính nể, nhưng những bài thơ khiến cưỡng mà Fahir sáng tác dưới ảnh hưởng của các thi sĩ do ông dịch ra một “thứ ngôn ngữ Thổ tinh khiết” đều không có hồn, dỏ và khó hiểu.

Ka nói, ở Istanbul ông không gặp Fahir.

“Đã có một thời tôi ước gì được Fahir đánh giá cao thơ mình,” Muhtar nói. “Nhưng câu ấy khinh tôi, và hạng người như tôi là kinh khủng, vì chúng tôi không theo thơ ca thuần túy mà bận bịu với văn hóa dân gian và ‘vẻ đẹp địa phương’. Nhiều năm trôi qua, phe quân sự đảo chính, ai cũng có lần tù tội rồi thả ra, và tôi cũng bị xô đẩy theo dòng đời như trăm ngàn người khác. Những người mà tôi coi là thần tượng đã thay đổi; những người tôi muốn giành cảm tình đã biến mất, chẳng có gì mà tôi từng muốn đạt được trong cuộc sống và thi ca lại trở thành sự thật. Tôi thà quay về Kars còn hơn sống bất hạnh vất vả và thiếu tiền ở Istanbul. Tôi đã tiếp quản của bố tôi cái cửa hàng ngày xưa từng làm tôi xấu hổ. Những cái đó cũng không làm tôi hạnh phúc. Tôi khinh những người ở đây như Fahir coi rẻ thơ tôi, tôi nhản mặt khi nhìn họ. Ở Kars, thành phố và con người có vẻ như không tồn tại thực sự. Ai cũng muốn chết hay biến đi. Nhưng đối với tôi không còn nơi nào để đi đến nữa. Có thể nói là tôi bị đẩy ra khỏi lịch sử, khỏi nền văn minh. Thế giới văn minh là cái gì xa xăm đến nỗi tôi không theo được. Và Thượng đế chẳng ban cho tôi lấy một đứa con để tôi tưởng tượng ra một ngày đẹp trời nó sẽ làm những gì tôi không hoàn tất được: Tây hóa, hiện đại và trưởng thành về nhân cách.”

KarấtấntượngtrướccáchthứcMuhtartựnhạobánghmìnhkèm với một nụ cười khế khàng mang hướng giác ngộ từ thâm tâm.

“Tôi đến tôi nốc rượu và về nhà muộn để khỏi cãi cọ với Ipek xinh đẹp của tôi. Rồi một đêm ở Kars tất cả đều đóng băng, kể cả những con chim đang bay trên không. Lúc đó đã muộn, tôi là người cuối cùng rời quán Đất Xanh. Tôi đi bộ về phố Quân Đội; hồi đó tôi sống với Ipek ở đó. Quảng đường không quá mười phút nhưng ở Kars là một khoảng cách lớn. Tôi lạc lối trên quảng đường ngắn ấy, chắc vì uống nhiều Raki quá. Trên đường không một bóng người. Như trong mọi đêm đông, Kars trông như một thành phố bỏ hoang, những nhà tôi gõ cửa thì hoặc là nhà Armenia từ tám mươi năm nay không có ai ở, hoặc người trong nhà không chịu chui ra khỏi những lớp chăn dày ấm áp, như những con thú trốn vào giấc ngủ đông vậy.

Đột nhiên tôi thấy thích tình trạng hoang vắng và cô đơn này của thành phố. Rượu và cái lạnh làm cơn buồn ngủ ngọt ngào lan tỏa trong cơ thể tôi. Tôi quyết định im lặng rồi bỏ cuộc đời này, đi thêm vài bước rồi dang chân dang tay trên vỉa hè đóng băng dưới một gốc cây, bắt đầu nằm đợi cái chết đến. Với cái lạnh này và đầu óc mờ mịt vì rượu thì chỉ cần vài phút là đủ chết cồng. Trong khi giấc ngủ lan tỏa khắp các huyết mạch thì trước mắt tôi hiện ra đứa con mà tôi chưa bao giờ có: một chàng trai trưởng thành, thắt cà vạt trông không giống các viên chức thắt cà vạt của chúng ta mà hết như người Âu. Đúng lúc định nói với tôi câu gì thì nó cúi xuống hôn tay một ông già. Từ người ông ta tỏa ra ánh sáng về mọi hướng. Và một luồng sáng chiếu đúng vào mắt tôi khi đang nằm đó khiến tôi tỉnh ngủ. Tôi nhồm dậy vừa cắn rút lương tâm vừa hy vọng, thấy ở gần đó một cánh cửa sáng mở ra, có người ra vào.

Tôi nghe theo tiếng nói đang xui khiến trong mình và nổi bước họ. Họ chấp nhận tôi, đưa tôi vào một căn nhà sáng sủa, ấm áp. Ở đó không có những người bị cuộc đời làm thất vọng và trầm cảm như vẫn thấy đầy rẫy ở Kars, họ hạnh phúc. Và hơn nữa, là dân Kars và thậm chí tôi quen. Tôi hiểu ra rằng căn nhà này là bí thất của trưởng lão vĩ đại Saadettin Efendi người Kurd mà tôi đã nhiều lần nghe đồn. Những viên chức tôi quen kể là Người nhận lời mời của các đồ đệ ngày càng đông đảo mà rời xóm núi của mình xuống Kars, đưa những người cùng cực, nghèo khổ, thất nghiệp và bất hạnh ở Kars đến thờ cúng trong bí thất của mình. Nhưng hồi ấy tôi chẳng quan tâm, vì cảnh sát nhất định sẽ ngăn cản các hoạt động phản cộng hòa ấy. Lúc này

thì tôi tràn trề nước mắt khi bước lên cầu thang đến với sự phụ. Những gì tôi vẫn thầm sợ từ nhiều năm và là biểu hiện của nhược tiểu và lạc hậu khi tôi còn là người vô thần, bây giờ diễn ra: tôi trở về với đạo Hồi. Thật ra tôi từng sợ lũ giáo sĩ phản động trong các tranh biếm họa với bộ râu dài và áo choàng, giờ đây tôi bật khóc khi tự nguyện leo lên bậc thang của họ. Sự phụ là một người tốt. Người hỏi tại sao tôi khóc. Tất nhiên tôi không thể nói là tôi khóc vì đã lạc vào đám giáo sĩ phản động và các đồ đệ của họ. Ngoài ra, tôi rất xấu hổ vì phả ra toàn hơi rượu. Tôi nói là bị mất chùm chìa khóa. Tôi nhớ lại đã thả rơi chùm chìa khóa ở chỗ nằm xuống chờ chết. Trong lúc các đồ đệ của Người còn xun xoe xung quanh và hăng hái vạch ra những ý nghĩa ẩn dụ của “chùm chìa khóa” thì Người đã xua họ ra phố để tìm chùm chìa khóa cho tôi. Khi chúng tôi còn lại một mình, Người nhìn tôi cười thân thiện. Tôi hiểu đó là ông già tốt bụng mà tôi thấy trong giấc mơ vừa rồi; và thấy lòng thanh thản.

Tôi bật phát hôn lên tay con người cao cả hiện ra trước tôi như một vị thánh. Người làm một việc khiến tôi ngạc nhiên: Người hôn lại tay tôi. Trong tôi tràn ngập cảm giác an lành mà từ nhiều năm nay tôi chưa hề biết đến. Tôi hiểu mình được phép nói với Người mọi điều và kể hết chuyện đời mình. Người sẽ chỉ cho tôi đường đến với Allah luôn tồn tại một cách vô thức trong thâm tâm tôi, ngay cả trong những năm theo chủ nghĩa vô thần.

Chỉ riêng linh cảm ấy đã làm tôi rất hạnh phúc rồi. Người ta tìm ra chùm chìa khóa của tôi. Đêm hôm ấy tôi về nhà và ngủ đầy giấc. Sáng hôm sau tôi cảm thấy xấu hổ vì sự việc đêm qua. Tôi chỉ còn nhớ lơ mờ những gì xảy ra với mình, và thật ra tôi không muốn nhớ lại nữa. Tôi tự thề với mình sẽ không bao giờ đến bí thất đó lần nữa. Bối rối và lo sợ, tôi tự hỏi nếu gặp lại một đồ đệ mà tôi đã thấy mặt hôm đó ở bí thất thì sẽ ra sao. Tuy nhiên đôi chân vẫn tự đưa tôi đến đó trong một buổi tối từ quán Đất Xanh về, và tiếp diễn vào những tối tiếp theo mặc cho cảm giác tội lỗi dâng lên ban ngày. Sự phụ cho tôi ngồi ngay cạnh mình, nghe tôi thuật lại những vấn đề của mình và gieo tình yêu của Thượng đế vào tim tôi. Để nguy trang việc mình tham gia vào hoạt động tôn giáo mà tôi giấu kỹ như một bí mật, suốt ngày tôi cầm tờ Cộng hòa theo người - tờ báo thế tục nhất mà tôi biết, than phiền về lũ Hồi giáo thánh trị với tư tưởng phản cộng hòa nổi lên khắp nơi, và phàn nàn tại sao Hội tư tưởng Atatürk không hội họp gì cả.

Cuộc sống hai mặt ấy kéo dài cho đến một tối Ipek hỏi tôi: “Anh có người đàn bà khác không đấy?” Và tôi vừa khóc vừa thú nhận mọi chuyện. Cô ấy cũng khóc: “Anh đã theo Hồi giáo chính trị rồi à, anh sẽ bắt em đội khăn trùm đầu chứ?” Tôi thề là sẽ không bao giờ đòi hỏi cô làm thế. Tôi sợ cô nghĩ đây là hậu quả của việc kinh tế gia đình tụt dốc, nên kể cho cô yên tâm rằng cửa hàng rất phát đạt và lò sưởi điện Arçelik vẫn bán chạy mặc dù thành phố hay bị cắt điện. Thực tế, tôi vui sướng là từ nay được cầu nguyện đúng nghi thức ở nhà. Tôi kiếm một sách hướng dẫn cầu nguyện ở hiệu sách. Một cuộc đời mới mở ra trước mắt tôi.

Chẳng bao lâu sau khi tìm lại được chính mình, một đêm cảm hứng đột ngột dâng trào thúc đẩy tôi viết một bài thơ dài. Trong đó tôi kể về sự khủng hoảng, nỗi hổ thẹn của mình, tình yêu đối với Allah nảy nở trong tôi, về sự bình yên, về bước chân lên bậc thang thiêng liêng đến với sự phụ, về những nghĩa đen và nghĩa bóng của chùm chìa khóa. Bài thơ thật là hoàn hảo. Tôi cam đoan nó không chút nào thua kém thơ của những thi sĩ mới nhất và cấp tiến nhất mà Fahir đã dịch ra. Tôi đợi sáu tháng, nhưng không thấy nó được đăng trên tạp chí *Muc Achilles* do cậu ta làm chủ bút. Trong lúc chờ đợi tôi viết ba bài thơ nữa và gửi chúng đi cách nhau hai tháng. Tôi kiên nhẫn chờ một năm, nhưng lần này vẫn vô ích.

Trong giai đoạn ấy, cái làm tôi bất hạnh không phải chuyện vô sinh, cũng không phải Ipek không tuân theo các điều răn của đạo Hồi, và cũng chẳng vì những người bạn thế lực và cánh tả chê cười tôi. Đẳng nào thì họ cũng không để ý đến tôi lắm, vì rất nhiều người phấn khích quay lại với đạo Hồi như tôi. Cái làm tôi bức xúc nhất là những bài thơ gửi đến Istanbul không được in ra. Đầu mỗi tháng, cùng số báo mới ra là tưởng như thời gian giẫm chân tại chỗ, lần nào tôi cũng tự trấn an rằng nhất định tháng này sẽ có một bài thơ được ra mắt. Tính chân lý của những gì tôi miêu tả trong thơ chỉ có thể đem ra so sánh với thơ phương Tây, và ở Thổ Nhĩ Kỳ

chỉ có Fahir cho in chúng, tôi nghĩ vậy.

Sự thờ ơ bất công của cậu ta và lòng căm hận dần dần tàn phá niềm vui mà đạo Hồi đem lại cho tôi. Trong khi cầu nguyện ở nhà nguyện là nơi tôi thường xuyên lui tới, tôi nghĩ đến Fahir và lại cảm thấy bất hạnh. Một buổi tối, tôi quyết định kể cho sư phụ nghe nỗi bức xúc của mình, nhưng Người không hiểu thế nào là một bài thơ hiện đại, sự im lặng của việc tách khổ hay câu thơ vất dồng, ai là Mallarmé, Joubert và René Char.

Nó làm lay chuyển lòng tin của tôi đối với sư phụ. Mà đã từ lâu ông cũng chẳng làm gì khác, ngoài việc nhắc đi nhắc lại vài câu như kiểu *'Hãy giữ cho tim con trong sạch?'* hoặc *'Với ý chí của Thượng đế, con sẽ nhờ vào tình yêu đối với Allah mà thoát khỏi áp lực này.'* Tôi không muốn nói oan cho ông ta; ông không phải là một người tầm thường, chỉ là một người có tri thức tầm thường.

Con quỷ nửa duy lý nửa vị lợi còn sót lại trong tôi từ những năm tháng vô thần, nay bắt đầu trỗi dậy. Những người như tôi chỉ có thể thỏa chí tang bồng khi cùng với những người cùng hội cùng thuyền trong một danh đảng xả thân vì một sự nghiệp cao cả. Rồi tôi hiểu ra rằng tích cực hoạt động trong đảng đưa lại một cuộc sống tâm linh sâu hơn và có ý nghĩa hơn so với trong bí thất. Tôi gia nhập đảng này, một đảng có tiêu chí hàng đầu là tôn giáo và tâm linh. Kinh nghiệm từ những năm theo chủ nghĩa Marx là một lợi thế lớn cho tôi trong việc hoạt động chính trị."

"Lợi thế ra sao?" Ka hỏi.

Đèn tắt. Im lặng kéo dài.

"Mất điện rồi," giọng Muhtar đầy bí hiểm.

Không đáp lời ông ta, Ka ngồi im lìm trong bóng tối.

"TÍN ĐỒ HỒI GIÁO CHÍNH TRỊ" CHỈ LÀ CÁI TÊN DO PHƯƠNG TÂY VÀ ĐÁM THỂ TỤC ĐẶT CHO CHÚNG TÔI

*Ở Văn phòng đảng bộ, Sở cảnh sát và lại
lần nữa ra đường.*

Cảnh hai người ngồi im phẳng phắc trong bóng tối cạnh nhau hơi ma mị, nhưng Ka thấy không khí căng thẳng ấy còn tốt hơn khi Muhtar và ông trò chuyện với nhau như hai người bạn cũ trong ánh sáng. Giờ đây, sợi dây duy nhất cột ông với Muhtar chỉ còn là Ipek. Và Ka một mặt

tha thiết muốn tìm có gì để nói về cô, song đồng thời ông cũng ngại hé lộ ra rằng ông đã si mê cô. Thêm một điều ông thấy ngại là biết đâu Muhtar còn kể thêm lắm chuyện nữa, khiến ông nhận ra là hẳn còn ngu hơn ông đã biết, làm cho sự ngưỡng mộ mà ông muốn dành cho Ipek sẽ giảm đi khi nghĩ đến chuyện cô chịu làm vợ của một kẻ như thế bao năm liền.

Vì vậy Ka thấy thoải mái hơn khi Muhtar, do không biết nói chuyện gì cho phải, chuyển sang hỏi thăm các bạn bè cánh tả ngày xưa cũng như những người đã trốn sang Đức sống lưu vong. Nghe Muhtar hỏi, ông mỉm cười kể mình có nghe nói về tay Tufan tóc xoăn, ngày xưa hay viết bài về thế giới thứ ba cho tạp chí của họ, giờ đâm ra dở hơi. Lần cuối ông có gặp gã ở ga trung tâm Stuttgart, tay cầm cái sào dài ngoẵng có giẻ ướt ở đầu, mồm huyết sáo chạy đi chạy lại lau sàn. Muhtar còn hỏi về Mahmut ngày xưa hay bị chỉ trích vì luôn bộc trực nói ra ý kiến của mình.

Ka kể Mahmut hiện nay gia nhập vào nhóm theo trào lưu toàn thống của Hayrullah Efendi, ngày xưa bảo vệ phái tả hăng hái ra sao thì bây giờ cũng hăng hái như thế khi can thiệp vào các cuộc tranh luận xem nhóm nào làm chủ nhà nguyện nào ở Đức. Süleyman, một người bạn để thương khác làm Ka mỉm cười khi nhớ đến, sống ở thành phố nhỏ Traunstein của bang Bayern bằng tiền của một hội nhà thờ quyên cho người tị nạn chính trị đến từ thế giới thứ ba. Nhưng cuộc sống ở đây khiến anh ta chán nản đến nỗi quay về Thổ, mặc dù biết rõ rằng sẽ bị tổng vào tù. Họ còn cùng nhau nhớ đến Hikmet đã qua đời một cách bí hiểm khi làm nghề lái xe ở Berlin, đến Fadil đã lấy bà vợ góa già của một sĩ quan phát xít ngày xưa và cùng bà ta mở một nhà trọ. Họ cũng nhắc đến Tarik Lý Luận nhờ bắt tay cộng tác với mafia Thổ ở Hamburg mà trở nên giàu có, Sadik ngày xưa hay cùng Muhtar, Ka, Taner và Ipek gấp báo mới lấy từ nhà in ra, hiện cầm đầu một băng đưa người nhập cư lậu qua dãy Alps vào Đức. Nghe nói Muharrem, người hay dối vì đủ mọi lý do đang sống hạnh phúc với gia đình mình ở một ga tàu điện ngầm dưới lòng đất Berlin, đã bỏ hoang không sử dụng từ thời chiến tranh lạnh và bức tường Berlin. Như bọn kẻ cướp ngày xưa ở Istanbul bất cứ lúc nào qua Amavutköy đều nhìn xuống dòng chảy và chào những tên cướp huyền thoại đã lao ô tô xuống đó và biến mất, những chiến sĩ xã hội chủ nghĩa Thổ hết thời cũng dành một phút đứng lên tưởng niệm khi chuyển tàu lao nhanh trên đoạn giữa ga Kreuzberg và ga Quảng trường Alexander. Ngay cả khi không quen biết nhau, trong khoảnh khắc tưởng niệm đó những đồng chí tị nạn chính trị trong toa tàu cũng ném cho nhau một tia nhìn từ khóe mắt trong khi họ chào những người hùng đã ra đi của một sự nghiệp đã tàn. Cũng trong một toa tàu như thế, Ka đã gặp Ruhi, người ngày xưa từng chỉ trích các bạn phái tả của mình không chịu quan tâm đến tâm lý học. Như ông được biết, Ruhi nay đang tham gia một thí nghiệm để đánh giá hiệu quả quảng cáo bánh pizza thịt bò khô của Thổ dành cho dân di trú với mức thu nhập kém nhất xã hội. Trong những người tị nạn chính trị ở Đức mà Ka quen, Ferhat là người may mắn nhất. Anh ta đã gia nhập đảng Công nhân Kurd, tấn công các văn phòng khác nhau của hãng hàng không Thổ với một tình cảm dân tộc chủ nghĩa cuồng bạo, lộ diện trên kênh CNN khi đang ném bom xăng vào lãnh sự quán Thổ, chưa kể còn học tiếng Kurd và mơ có ngày sẽ sáng tác thơ bằng thứ tiếng này. Một số người khác mà Muhtar tò mò hỏi đến một cách thái quá thì Ka đã quên từ lâu, hoặc chỉ nghe nói họ đã theo chân nhiều kẻ khác, tham gia vào các nhóm tội phạm nhỏ, đi làm cho các tổ chức mật vụ hay hoạt động chợ đen, hoặc lặn mất, hoặc mất tích, một số khác rất có thể đã bị hạ sát đâu đó trong đêm tối và xác bị vút xuống cống ngầm.

Trong ánh sáng que diêm mà người bạn cũ vừa đánh lên, Ka nhìn thấy những vật dụng ma quái trong văn phòng đảng bộ - một chiếc bàn nhỏ cũ kỹ, một lò chạy gas. Ông đứng dậy ra cửa sổ ngắm tuyết rơi, lòng đầy cảm khái.

Những bông tuyết dày lâng lâng hạ xuống, êm ái vuốt ve ánh mắt. Trong vẻ chậm chạp, đầy đặn của chúng, trong sắc trắng tôn lên bởi ánh sáng xanh dương - không rõ từ cửa hiệu nào trong thành phố bừng sáng ấy - ẩn chứa một quyền lực tạo ra ấm áp và tin tưởng, cùng vẻ trang nhã làm Ka ngất ngây. Ông nhớ đến những buổi tối ngập tuyết hồi còn nhỏ. Cả ở Istanbul ngày xưa cũng bị mất điện mỗi khi tuyết rơi, trong nhà chỉ nghe tiếng thì thầm sợ hãi “Cầu Trời phù

hộ!” khiến tim đứa trẻ là Ka đập rộn lên, và vui mừng có được gia đình xung quanh mình. Ông buồn bã quan sát mấy con ngựa trắng vào một cỗ xe đang phải gồng mình trong tuyết để tiến lên. Trong bóng tối ông chỉ nhận ra thân hình những con vật ấy mệt nhọc đưa sang phải sang trái.

“Muhtar này, cậu vẫn đến chỗ sư phụ chứ?”

“Ý cậu là trưởng lão Saadettin Efendi?” Muhtar đáp. “Thỉnh thoảng. Nhưng sao cậu hỏi?”

“Ông ấy đem lại gì cho cậu?”

“Một chút tình bạn, một chút cảm thông, dù không nhiều nhận gì. Ông ấy biết nhiều.”

Nhưng Ka không nghe thấy niềm vui trong giọng Muhtar mà chỉ thấy sự thất vọng. “Ở Đức tôi sống một cuộc sống rất cô độc” ông bên nhẩm tiếp. “Mỗi lần lửa đêm nhìn ra các mái nhà Frankfurt, tôi có cảm giác là cả thế giới và cuộc đời tôi không phải là vô ích. Tôi nghe đủ thứ giọng nói bên trong mình.”

“Giọng gì?”

“Có thể chỉ vì tôi đã già và sợ chết chắng?” Ka ngượng ngùng nói. “Nếu tôi là nhà văn thì tôi sẽ tự viết về nhân vật Ka như thế này: *Tuyết làm Ka nghĩ về Thượng đế. Nhưng tôi không rõ như thế đã đúng chưa. Đúng ra là sự im lặng của tuyết đưa tôi tới gần Thượng đế.*”

“Những người ngoan đạo phái hữu và phe Hồi giáo bảo thủ ở đất này...” Muhtar vội nói như thể muốn bập ngay vào một hy vọng hào huyền đã làm tôi khuây khỏa sau những năm tháng vô thần cánh tả. Cậu cũng nên đến tìm họ. Tôi tin chắc là họ sẽ làm cậu khuây khỏa.”

“Cậu nghĩ thế à?”

“Trước tiên, người mộ đạo là người giản dị, hiền hậu và cảm thông. Họ không đứng tít trên cao mà nhìn xuống nhân dân như những kẻ Tây hóa; họ là người nồng hậu và đã quen khổ đau. Nếu làm quen cậu, họ sẽ mến cậu và không làm gì tổn hại đến cậu.”

Ka đã biết từ lâu, ở Thổ Nhĩ Kỳ này tin vào Thượng đế không có nghĩa là bản thân mỗi cá nhân được đến với ý tưởng cao cả nhất và Đấng sáng thế vĩ đại nhất, mà chủ yếu là người ta gia nhập một cộng đồng, tới cầu nguyện ở một nhà nguyện cụ thể.

Mặc dù vậy ông thấy thất vọng khi nghe Muhtar nói về lợi thế của cộng đồng mà không một lời nhắc đến Thượng đế và xác tín cá nhân. Không những thế ông còn cảm thấy khinh thường Muhtar, nhưng ông nói ra những lời khác hẳn trong khi tì trán vào cửa kính và nhìn ra ngoài.

“Muhtar, theo tôi đoán trước thì cậu sẽ thất vọng và thậm chí khinh thường nếu tôi bắt đầu tin vào Thượng đế.”

“Tại sao?”

“Một người Tây hóa, cô độc và tin vào Thượng đế một cách riêng lẻ làm cậu sợ. Khi một người không tin vào Thượng đế nhưng là thành viên trong cộng đồng cậu vẫn tín nhiệm họ hơn là một cá nhân riêng lẻ có đức tin. Đối với cậu, người cô độc còn thảm hại hơn và tội lỗi hơn cả người không có đức tin.”

“Chính tôi rất cô độc,” Muhtar đáp.

Ka vừa giận vừa thương Muhtar, vì ông ta nói ra lời ấy một cách chân thành và đáng tin làm sao. Ông cố ẩn tượng là bóng tối trong phòng đã tạo ra ở mình và cả ở Muhtar sự tin cần như giữa những kẻ say rượu với nhau. “Tôi sẽ không trở thành kẻ mộ đạo và cầu kinh năm lần mỗi ngày đâu, nhưng nếu có thì cậu có biết tại sao cậu sợ chuyện đó không? Vì cậu chỉ có thể trao thân gửi phận cho tôn giáo và cộng đồng khi những phần tử thể tục vô thần như tôi đảm nhận công việc nhà nước và thương mại. Ở đất này người ta không thể thanh thản phụng sự Thượng đế nếu không phải có lũ ngoại đạo chăm chỉ hoàn thành tử tế các nhiệm vụ trần tục như thương mại với phương Tây và chính trị.”

“Nhưng cậu không phải con người của thương mại và chính trị. Tôi sẽ đưa cậu đến gặp trưởng lão, sư phụ Saadettin, bất cứ khi nào cậu muốn.”

“Hình như mấy anh chàng cảnh sát đến rồi thì phải.”

Hai người cùng im lặng nhìn qua cửa kính phủ băng chỉ chứa một khoảng trống nhỏ. Chiếc xe cảnh sát đỗ trước cổng trung tâm thương mại mở cửa cho hai người vận thường phục xuống xe.

“Bây giờ tôi đề nghị với cậu một điều,” Muhtar nói. “Hai người kia sẽ lên đây ngay và đưa hai ta về Sở cảnh sát. Họ sẽ không bắt cậu, chỉ lập biên bản lời khai của cậu rồi cho về. Cậu về khách sạn. Tối nay Turgut Bey mời cậu ăn, và cậu cứ đến đó. Tất nhiên mấy cô con gái sùng đạo của ông ta cũng có mặt. Tôi muốn cậu nói với Ipek câu này. Cậu có chú ý nghe không đấy? Nói với Ipek là tôi muốn làm lại từ đầu với cô! Lỗi của tôi ngày ấy là muốn bắt cô ấy trùm khăn và ăn mặc theo quy định Hồi giáo. Nói với cô ấy rằng tôi sẽ không đối xử với cô như một thằng chồng tỉnh lẻ thiển cận và ghen tuông nữa. Tôi hối hận đã đè nén cô hồi còn là vợ chồng, và tôi xấu hổ!”

“Ngày xưa cậu chưa nói với Ipek hay sao?”

“Có nhưng không ích gì. Có thể cô ấy cũng chẳng tin tôi vì tôi là chủ tịch chi bộ đảng Phồn vinh ở Kars mà. Cậu thì lại là một dạng đàn ông khác, cậu từ Istanbul, thậm chí từ Đức về. Nếu cậu nói thì cô ấy sẽ tin.”

“Vợ cậu không trùm khăn thì có hậu quả xấu cho cậu trên cương vị chủ tịch tỉnh bộ của đảng Phồn vinh không?”

“Bốn hôm nữa Thượng đế sẽ giúp tôi thắng cử và lên ghế thị trưởng Muhtar nói. “Nhưng không quan trọng bằng Ipek nghe cậu kể là tôi hối lỗi. Có thể lúc đó tôi vẫn còn đang bị giam. Cậu có giúp tôi không, người anh em?”

Ka thoáng lưỡng lự. Rồi ông nói: “Tôi sẽ làm.”

Muhtar ôm Ka hôn lên má. Ka vừa thương hại vừa kinh tởm, và tự khinh mình vì đã không chân thực và thẳng thắn được như Muhtar.

“Và tôi khẩn thiết nhờ cậu đưa bài thơ này của tôi trực tiếp cho Fahir ở Istanbul,” Muhtar nói. “Bài mà tôi nói đến lúc nãy ấy, tên là *Cầu thang*.”

Đúng lúc Ka dứt bài thơ vào túi trong phòng tối, ba người mặc thường phục đi vào; hai người cầm đèn pin to tướng trong tay. Ka hiểu ra đó là người của Bộ an ninh. Họ cố vẻ sẵn sàng và vội vã; trông bộ dạng họ có thể đoán là họ biết rõ Ka và Muhtar làm gì ở đây. Tuy vậy, khi xem thẻ căn cước của Ka họ vẫn hỏi ông đến đây làm gì. Ka nói ông từ Istanbul về để viết bài cho báo Cộng hòa về cuộc bầu cử thị trưởng và các phụ nữ tự sát.

“Chính vì đám Istanbul các người báo báo chí chí từ đầu mà mấy cô gái của chúng tôi mới đi tự sát,” một người trong bọn họ nói.

“Không, không phải vì thế,” Ka bướng bỉnh cự lại.

Thế vì cái gì?”

“Họ tự sát vì bất hạnh.”

“Chúng tôi cũng bất hạnhnhưng có vì thế mà tự sát đâu.”

Rồi họ mở tủ trong ánh đèn pin, lôi các ngăn kéo ra, đổ mọi thứ lên bàn và lục trong các cặp giấy. Họ lật bàn của Muhtar tìm vũ khí dưới gầm bàn, dịch tủ khỏi tường để nhìn đằng sau. Ka được đối xử tử tế hơn Muhtar nhiều.

“Tại sao ông lại đến đây mà không tới chỗ cảnh sát, sau khi chúng kiến ông hiệu trưởng bị bắn?”

“Tôi có hẹn ở đây.”

“Hẹn làm gì?”

“Chúng tôi là bạn đại học.” Muhtar nói vẻ xin lỗi. “Con gái ông chủ khách sạn Lâu Đài Tuyết, nơi ông ấy trọ, là vợ cũ của tôi. Ngay trước vụ ám sát, hai người đã gọi điện tho tôi hẹn ngày hôm nay đến. Điện thoại của đảng chúng tôi bị theo dõi thường xuyên, các ông có thể dễ dàng kiểm tra lại.”

“Anh lấy cớ gì mà bảo chúng tôi nghe lén điện thoại của anh?”

“Tôi xin lỗi,” giọng Muhtar không chút khó chịu. “Tôi không biết. Tôi chỉ đoán thôi. Cũng có thể tôi nhầm.”

Ka cảm thấy ở Muhtar sự bàng quan và chán nản của một người quen bị cảnh sát xử tệ, không coi mấy câu lăng mạ của họ là một vấn đề danh dự, chấp nhận sự hạch sách của cảnh sát và nhà nước là chuyện đương nhiên như cắt điện và đường phố lầy lội suốt đời. Vì tự mình đã mất đi tính mềm dẻo lợi hại và những khả năng ấy, Ka thấy khá nể Muhtar.

Sau khi lục soát kỹ văn phòng tỉnh bộ, xới tung tủ và cặp giấy, gói lại một số giấy tờ cho vào bao tải và lập xong biên bản khám nhà, họ đưa Ka và Muhtar lên chiếc xe cảnh sát. Hai người ngồi im như những đứa trẻ vừa nghịch dại. Ka nhận ra sự chán nản của Muhtar qua đôi bàn tay trắng và cực to của ông buồng hờ hững trên đầu gối như hai con chó già cục mịch. Trong khi xe cảnh sát lẩn mò đi trên đường phố tối tăm tuyết phủ, họ buồn bã ngắm ánh sáng lờ mờ vàng vọt trong cửa sổ he hé rèm của những tòa nhà Armenia cổ, những ông bà già xách túi nylon chậm chạp đi trên vỉa hè đóng băng, mặt tiền những ngôi nhà cô đơn, trống trải và cũ kỹ như những bóng ma. Trên biển thông báo của Nhà hát nhân dân có áp phích quảng cáo chương trình buổi tối. Các công nhân đặt cáp ngang đường cho buổi truyền hình trực tiếp vẫn mãi miết làm việc. Vì các đường liên tỉnh bị tắc, ở bến xe buýt đường dài chỉ thấy không khí chờ đợi căng thẳng.

Họ lần đi trong màn tuyết đượm màu cổ tích, trong mắt Ka các bông tuyếtkhổng lồ như trong những cục chẩn giấy gọi là “*Bão tuyết*” mà ông hay chơi hồi nhỏ, và ông tưởng mình đang ở trong một vòm trời bằng nhựa lớn. Trong chuyến đi kéo dài gần mười phút mặc dù quãng đường khá ngắn vì lái xe đi rất cẩn thận và chậm, có lần ánh mắt Ka giao nhau với Muhtar ngồi cạnh mình. Vừa ngượng ngùng vừa yên tâm, ông hiểu được qua ánh mắt buồn bã và an ủi của

người bạn cũ, Muhtar biết rằng ở Sở cảnh sát người ta sẽ đánh Muhtar, nhưng không hề chạm vào ông.

Ánh mắt của người bạn còn nói lên một điều khác sẽ đeo đuổi ông nhiều năm về sau: nó cho ông cảm giác Muhtar tin rằng mình xứng đáng nhận trận đòn sắp diễn ra ấy. Mặc dù tin chắc là bốn hôm nữa sẽ thắng cử thị trưởng, ánh mắt ông ta vẫn ẩn chứa sự nhẫn nhuc sâu sắc và tựa như muốn xin lỗi trước cho sự kiện sắp xảy ra. Ka hiểu Muhtar nghĩ gì: Tôi biết là mình đáng bị đòn, vì tôi vẫn nhất quyết bám trụ ở góc trời này, thậm chí còn muốn làm thỏa mãn con đòi quyền lực, và dù tôi sẽ cố ráng chịu chứ không đánh mất lòng tự hào, tôi vẫn cho là tôi thua kém cậu. Xin cậu thôi đừng nhìn vào mắt tôi nữa, để tôi khỏi phải xấu hổ thêm!

Sau khi xe đậu vào sân Sở cảnh sát phủ đầy tuyết, người ta không tách rời Ka và Muhtar nhưng xử sự với hai người rất khác nhau. Ka được đối đãi như một nhà báo có hạng từ Istanbul về, ở vào vị thế có thể gây khó khăn qua một bài báo bất lợi cho hội đồng thời cũng như một nhân chứng sẵn lòng cộng tác. Ngược lại họ tỏ thái độ với Muhtar: “Lại cái mặt nhà anh!” và ngầm tỏ cho biết là họ ngạc nhiên, tại sao Ka lại quan hệ với một phần tử như thế này. Ka ngây ngô tin rằng cảnh sát đối xử như vậy với Muhtar cũng vì cho ông ta là đồ ngốc nghếch (“Anh tưởng nhà nước sẽ được trao vào tay anh đấy hả?”) hay bất ổn (“Lo chính đốn cuộc sống của mình cho tử tế đi đã!”). Sau này ông sẽ biết là trong những lời ấy ẩn những ý nghiêm trọng hơn nhiều.

Họ đưa Ka sang phòng bên và chỉ cho ông xem ngót một trăm tấm ảnh đen trắng lấy từ bộ phận lưu trữ để ông nhận mặt thủ phạm đã bắn ông hiệu trưởng trường đại học sư phạm. Đó là tập ảnh của tất cả các tín đồ Hồi giáo chính trị ở Kars và vùng lân cận từng bị lực lượng an ninh bắt ít nhất một lần. Phần lớn còn trẻ, là người Kurd, nông dân hoặc thất nghiệp. Nhưng có cả những người buôn bán vật, học sinh trường tôn giáo và thậm chí sinh viên đại học, giáo viên và người Thổ Sunni. Trên bức hình các thanh niên cảm giận hay buồn rầu nhìn vào ống kính của cảnh sát, Ka nhận ra hai người trẻ tuổi mà ông từng gặp ngoài phố ở Kars, nhưng ông không thể nhận mặt được kẻ ám sát. Trong trí nhớ của ông, dù chỉ nhìn thấy từ sau lưng, hằn già hơn, gầy hơn nhiều.

Quay về phòng cũ, Ka thấy Muhtar vẫn còng lưng ngồi trên chiếc ghế lúc nãy, mũi chảy máu và một mắt tím bầm. Ông ta ngượng ngùng quay phắt đi và giấu mặt sau một tấm khăn tay.

Cả hai im lặng, và Ka tưởng tượng ra Muhtar đã được trận đòn vừa rồi tẩy rửa cho sạch những mặc cảm tội lỗi và đè nén tâm lý mà ông ta vẫn gánh chịu bởi cái nghèo và dốt của nước mình. Hai hôm nữa, ngay trước khi biết cái tin bất hạnh nhất trong cuộc đời mình, vào lúc bản thân cũng đã rơi vào trạng thái như Muhtar hiện tại, Ka sẽ nhớ lại tưởng tượng ngốc nghếch này.

Một lát sau họ lại đón ông sang phòng bên lấy lời khai. Một cảnh sát trẻ sử dụng chiếc máy chữ Remington đời cũ như cái của bố Ka, một luật sư, buổi tối vẫn lách cách gõ khi ông đem việc về nhà làm. Ka kể lại cho anh ta nghe ông hiệu trưởng bị bắn ra sao, trong lúc kể, ông thỉnh thoảng nghĩ ra họ cho ông thấy Muhtar trong tình trạng ấy để dọa ông, bắt nói đúng sự thực.

Một lát sau ông được thả ra, nhưng Muhtar vẫn ở lại Sở cảnh sát. Hình ảnh khuôn mặt Muhtar máu me rất lâu sau không rời khỏi đầu ông. Ngày xưa cảnh sát tỉnh lẻ không vô cớ hành hạ phe bảo thủ như vậy bao giờ. Nhưng Muhtar không theo đảng trung dung thiên hữu như đảng Tổ quốc, mà theo hướng Hồi giáo chính trị cực đoan. Tuy nhiên Ka vẫn có ấn tượng là tình cảnh Muhtar ít nhiều liên quan đến nhân cách ông ta. Cứ thế Ka đi mãi ngoài tuyết, rồi ngồi lên bờ tường ở cuối phố Quân Đội, hút thuốc và ngắm lũ trẻ nghịch xe trượt tuyết trong ánh đèn đường. Cái nghèo và cảnh bạo lực mà ông chứng kiến ban ngày làm ông mệt mỏi, nhưng trong Ka trỗi dậy một hy vọng sẽ bắt đầu một cuộc sống hoàn toàn mới với sự trợ giúp của Ipek.

Cuối buổi đi dạo trong tuyết ông chợt dừng bước trên vỉa hè đối diện tiệm bánh ngọt Đồi

Mối. Cửa kính đã vỡ. Đèn xanh trên xe cảnh sát đậu trước cửa hiệu nhấp nháy rọi một ánh sáng gần như huyền hoặc vào đám đông già trẻ đang bu lại nhìn các nhân viên cảnh sát trong tiệm, chiếu cả vào tuyết đang phủ xuống toàn bộ thành phố một cách kiên nhẫn thần thánh. Ka đứng lẫn vào đám đông và thấy cảnh sát trong tiệm vẫn đang hỏi cung người bồi bàn.

Một người rụt rè chạm vào vai Ka: “Ông đúng là thi sĩ Ka phải không ạ?”

Một cậu thanh niên còn rất trẻ, mắt to xanh lá cây, khuôn mặt ngây thơ hiền lành. “Tôi tên là Necip. Tôi biết ông đến Kars để viết cho tờ Cộng hòa về cuộc bầu cử địa phương và các thiếu nữ tự sát, và ông đã nói chuyện với nhiều người rồi. Nhưng ở Kars còn có một nhân vật quan trọng mà ông nên đến nói chuyện.”

“Ai cơ?”

“Ta đi tránh ra kia một chút được không ạ?”

Ka ưa phong cách bí hiểm của cậu ta. Họ đi ra trước quán “Điểm Tâm Hiện Đại - nổi tiếng khắp thế giới về nước quả và nước Salep”.

“Tôi chỉ được phép báo cho ông biết nhân vật mà ông phải tiếp chuyện là ai, nếu ông đồng ý gặp người ta.”

“Tôi đồng ý sao được khi chưa biết người ấy?”

“Ông nói đúng,” Necip nói. “Nhưng người ấy đang trốn tránh. Tôi không thể cho ông biết người ấy trốn tránh ai và tại sao, chừng nào ông chưa nói đồng ý.”

“Thôi được. tôi đồng ý,” Ka nói. Với một cử chỉ như trong truyện tranh trẻ con, ông nói thêm: “Hy vọng đây không phải là bẫy.”

“Không tin vào con người thì không làm được gì trong đời cả,” Necip đáp cũng với một cử chỉ lấy từ truyện tranh ra.

“Tôi tin cậu,” Ka nói. “Tôi phải tiếp chuyện ai?”

“Ông sẽ được nói chuyện với người ấy sau khi biết tên. Nhưng nơi ẩn trốn của người ấy thì ông phải giữ bí mật, ông nghĩ kỹ đi! Tôi có nên tiết lộ danh tính người ấy không?”

“Nên.” Ka nói, “và cậu cứ tin tôi!”

Necip trang trọng nói như nhắc đến nhân vật trong một bản anh hùng ca: “Tên người ấy là Lam.”

Không thấy Ka phản ứng gì, cậu ta thất vọng. “Chẳng lẽ bên Đức ông không nghe gì về Lam? Ở Thổ ông ấy rất nổi tiếng.”

“Tôi biết,” Ka nói giọng lặng lẽ. “Tôi sẵn sàng gặp người ấy.”

“Nhưng tôi không biết ông ta ở đâu,” Necip trình bày. “Tôi chưa thấy ông ấy lần nào trong đời cả.”

Họ chăm chú nhìn nhau với nụ cười ngờ vực.

“Một người khác sẽ dẫn ông đến chỗ Lam,” Necip nói.

“Nhiệm vụ của tôi là đưa ông đến chỗ người dẫn đường đó.”

Họ cùng nhau đi xuống phố Kâzimbey Nhỏ, dưới các biểu ngữ bầu cử và cờ quạt. Ka thấy có cảm tình với chàng trai này; có gì đó trong điệu bộ lúng túng và ngây thơ, cũng như trong dáng người thanh mảnh của cậu ta làm ông nhớ đến mình hồi trẻ. Ông chợt bắt gặp mình đang thử nhìn thế giới bằng cặp mắt của cậu ta.

“Ở Đức ông đã nghe nói gì về Lam?” Necip hỏi.

“Trong báo chí Thổ tôi đọc thấy anh ta là phần tử hiếu chiến nhất trong đám Hồi giáo chính trị,” Ka trả lời. “Và vài chuyện tồi tệ khác nữa.”

Necip vội cắt lời ông. “Tín đồ Hồi giáo chính trị chỉ là cái tên do phương Tây và đám thế tục đặt cho chúng tôi, những người Hồi giáo sẵn sàng đấu tranh cho tôn giáo của mình. Ông là một người thế tục, nhưng ông chớ tin những lời dối trá mà báo chí thế tục đăng tải! Ông ấy không giết người. Ngay cả ở Bosnia nơi ông ấy đến bảo vệ những người Hồi giáo anh em, hay ở Grosny nơi ông bị thương vì bom Nga cũng vậy.”

Cậu chặn ông lại ở góc đường. “Ông thấy cửa hàng bên kia đường đấy, đó là hiệu sách Truyền Bá thuộc nhóm theo thuyết Nhất nguyên. Nhưng tất cả các tín đồ Hồi giáo ở Kars đều tụ hội ở đó. Ai cũng biết thế, kể cả cảnh sát, họ có chỉ điểm trong đám bán hàng. Tôi học ở trường tôn giáo. Chúng tôi không được phép vào hiệu sách này, nếu vào sẽ bị kỷ luật, nhưng tôi sẽ chuyển thông tin cho một người. Ba phút nữa sẽ có một người cao lớn, có râu và đội mũ đỏ đi ra. Hãy đi theo anh ta. Sau hai phố anh ta sẽ quay lại cùng đi với ông nếu không thấy gã cảnh sát thường phục nào bám đuôi, và đưa ông đến nơi cần đến. Hiểu chưa ạ? Cầu Allah phù hộ cho ông!”

Nói rồi, Necip biến mất ngay trong làn tuyết mù ướt. Ka nhìn theo cậu ta triu mến.

MỘT THIẾU NỮ TỰ SÁT KHÔNG CÒN ĐƯỢC GỌI LÀ NGƯỜI HỒI GIÁO NỮA

Chuyện Lam và Rüstem

Trong khi Ka đứng đợi trước hiệu sách Truyền Bá, tuyết càng rơi nhiều hơn. Ông bắt đầu thấy ngán phải chờ và rũ sạch tuyết đọng trên người, chỉ chực quay về khách sạn thì đúng lúc đó nhìn thấy một thanh niên cao lớn để râu đi dọc vỉa hè bên kia đường trong ánh đèn đường mờ ửng. Ông nhận ra tuyết trắng đã phủ kín chiếc mũ có màu đỏ, và đi theo anh ta.

Họ đi dọc phố Kâzım Karabekir mà ứng viên thị trưởng của đảng Tổ quốc hứa là sẽ biến thành phố đi bộ theo hình mẫu của Istanbul, rẽ sang phố Faikbey, qua hai góc phố nữa rồi rẽ phải vào quảng trường trước mặt ga. Đài kỷ niệm Kâzım Karabekir đứng giữa quảng trường đã biến mất trong tuyết và nhìn trong bóng tối như hình một ốc quế khổng lồ. Ka thấy người kia đi vào ga và vội theo chân. Phòng đợi vắng ngắt. Ông nghĩ là anh ta đã lên sân ga và cũng đi ra phía ấy. Đến tận cuối sân ga ông lại thấy anh ta tận tít đằng xa và đang đi dọc theo đường ray. Vừa lúc Ka nghĩ nếu bị bắn chết ở đây thì cho đến đầu xuân chẳng ai tìm thấy xác mình, anh chàng râu ria đội mũ nọ chợt hiện ra ngay trước mặt ông.

“Không ai bám theo chúng ta cả,” anh ta nói. “Nhưng nếu ông muốn thì bây giờ quay lại vẫn kịp đấy. Còn nếu muốn đi theo thì từ giờ trở đi phải ngậm mồm. Và không bao giờ được hé ra là đến đây bằng cách nào. Kết cục của kẻ phản bội là cái chết.”

Cả câu cuối này cũng không làm Ka sợ, vì giọng anh ta cứ the thé đến nực cười. Họ đi dọc đường ray, qua tháp xi-lô rồi rẽ vào ngõ Thịt Hầm ngay cạnh nhà tập thể của quân đội. Cậu thanh niên giọng the thé chỉ cho Ka ngôi nhà mà ông phải đi vào và giải thích phải nhấn chuông nào. “Hãy xử sự kính cẩn trước mặt Sư phụ!” Anh ta nói. “Không được ngắt lời, và xong việc rồi thì đi luôn, không lần chần ở lại đó.”

Thế là Ka biết được là Lam còn có một tên hiệu nữa trong đám đồ đệ của mình. Đảng nào thì ông vốn cũng chẳng biết gì mấy về Lam, ngoài chuyện anh ta là một tín đồ Hồi giáo chính trị nổi tiếng. Những tờ báo Thổ mà ông đọc được ở Đức nói đến việc anh ta dính dáng đến một vụ giết người. Có nhiều tín đồ Hồi giáo chính trị từng giết người, nhưng không ai trong số ấy trở nên nổi tiếng cả. Lam nổi tiếng vì nghe nói đã hạ sát người dẫn chương trình đồ vui của một kênh ti vi nhỏ, một gã đồng cô ăn mặc lờ lợt chuyên kể tiểu lâm tục tĩu và luôn nhạo báng bọn “thất học”. Người dẫn chương trình ấy tên là Güner Bener, mặt đầy những nốt ruồi, trong một chương trình đồ vui truyền trực tiếp đã chế giễu một người khách nghèo và ngờ nghệch tham dự, và lỡ mồm nói một câu báng bổ Đáng tiền tri. Cũng chỉ có một số khán giả sùng đạo, bình thường thì luôn ngủ gật trước màn hình, nổi giận vì trò đùa ấy. Chuyện cũng gần quên đi, cho đến khi Lam viết cho tất cả các tờ báo của Istanbul và dọa giết người dẫn chương trình. Báo chí Istanbul vốn quen mấy trò dọa dẫm ấy nên có lẽ cũng chẳng đăng bức thư lên, song đài truyền hình nhỏ kia, trung thành với chính sách thể tục khiêu khích của mình, đã mời Lam đến để thể hiện cho dư luận xã hội biết những tín đồ Hồi giáo chính trị vũ trang ngang ngược đến mức nào. Lam lặp lại lời đe dọa của mình và còn làm ầm ĩ hơn lên. Và sau khi một loạt đài khác phát lại chương trình này, anh ta đã trở thành hiện thân của “tín đồ Hồi giáo cuồng bạo với con

dao quắm trong tay”. Và khi Sở công tố tìm bắt Lam vì tội danh “dọa giết người” thì anh ta bắt đầu lẩn trốn và thành ra nổi tiếng. Gner Bener nay cũng trở thành đối tượng được dư luận quan tâm hết mực, đã lên khích bác đối thủ của mình trong một buổi truyền hình bằng lời phát biểu là gã không sợ “bọn phản động điên rồ, các kẻ thù của Atatürk và nền cộng hòa”. Hôm sau người ta tìm thấy hắn trong một phòng khách sạn xa xỉ ở Istanbul, bị siết cổ bởi chính chiếc cà vạt sặc sỡ in hình những trái bóng đã đeo trong chương trình hôm đó. Mặc dù đã chứng minh được rằng ngày hôm đó, vào đúng thời điểm đó đang thuyết trình ở Manisa kêu gọi ủng hộ các thiếu nữ trùm khăn, song Lam vẫn lẩn trốn và tránh mặt báo chí đang truyền tải khắp nước sự kiện này cùng danh tiếng của mình. Giờ thì Lam đã lặn biển từ lâu, vì một phần báo chí Hồi giáo cũng như ngoại đạo đều công kích anh ta bởi những nguyên cớ đại loại như anh ta đã làm cho nhóm Hồi giáo chính trị bị nhuộm màu khát máu, làm công cụ cho báo chí thể tục, ham danh tiếng và xuất hiện trên phương tiện truyền thông một cách thái quá không xứng với tín đồ Hồi giáo, hoặc thậm chí là tay sai của CIA. Ít lâu sau đó trong cộng đồng Hồi giáo chính trị lan truyền tin đồn là anh ta đang gan dạ chiến đấu chống người Serbia ở Bosnia hoặc đánh người Nga ở Grosny, nhưng cũng có người cho đó là tin bịa.

Ai quan tâm để ý đến quan điểm của Lam về đề tài này, có thể xem lý lịch tóm tắt của anh ta ở chương 35 “Tôi không làm tay sai cho ai cả”, phụ đề “Ka và Lam trong buồng giam” bắt đầu từ dòng chữ “Tôi muốn tuyên bố rõ”. Riêng tôi không chắc chắn, liệu tất cả những gì người hùng này nói ra có thật không. Trong hào quang quanh Lam có nhiều chuyện bịa đặt được gán cho anh và có những đồn đại đã thành huyền thoại. Sự im lặng mà sau này Lam tìm cách trốn vào đó có thể lý giải là anh ta đã thành khẩn chấp nhận phê phán của một số nhóm Hồi giáo chính trị. Không tán thành một người theo đạo Hồi mà lại xuất hiện thường xuyên trên các kênh truyền thông mang tư tưởng thể tục, phục quốc Do Thái hay tư sản. Nhưng như sau này người ta sẽ thấy, thật ra là Lam lại thích bắt quan hệ với giới truyền thông.

Cũng giống như nhiều lời phong thanh đột ngột xuất hiện tại các địa phương nhỏ, tin đồn về mục đích của Lam đến Kars xuất hiện khá nhanh nhưng không thống nhất với nhau. Một số người cho rằng anh ta đến đây để “bảo vệ cơ sở và các bí mật” của một tổ chức liên minh Hồi giáo với người Kurd mà nhân viên đầu não của nó đã bị nhà nước tiêu diệt ở Diyarbakir và Razzien; nhưng thật ra tổ chức ấy làm gì có thành viên ở Kars, trừ một, hai nhân vật ngó ngàng vô hại. Còn những người dĩ hòa vi quý và có thiện chí thì cho rằng Lam đến Kars để hòa giải xung đột giữa hai phe Kurd theo chủ nghĩa Marx vì dân tộc và theo Hồi giáo chính trị nổ ra ở các thành phố miền Đông. Sự kèn cựa giữa hai nhóm người Kurd kể trên thoát tiên bắt nguồn từ những câu chữ bới rất mật và vài trận ẩu đả lẻ tẻ ngoài đường, sau đó tại nhiều thành phố còn xảy ra các vụ đâm chém. Mấy tháng gần đây cả hai phe bắt đầu hạ sát nhau bằng súng, bắt cóc hoặc tra tấn hỏi cung đối phương (với những phương pháp giống nhau: đốt cháy nhựa rồi rỏ lên da, hay bóp tinh hoàn nạn nhân). Người ta cũng rỉ tai nhau là Lam lần lượt đến các thành phố nhỏ, kiểm tra cơ sở dưới lệnh bí mật của một nhóm đàm phán nhằm chấm dứt một cuộc tranh chấp mà trong mắt nhiều người nó chỉ có lợi cho nhà nước. Còn kẻ thù của anh ta thì dĩ nhiên cho rằng, vì quá khứ mờ ám và tuổi đời còn trẻ nên Lam không thích hợp với nhiệm vụ khó khăn và đòi hỏi uy tín cao này. Các tín đồ Hồi giáo trẻ phao tin Lam đến Kars để “chấn chỉnh lại” DJ của kênh truyền hình địa phương *Truyền hình biên giới Kars*, một người dẫn chương trình nổi đình đám chuyên mặc đồ choáng lộn, kể toàn chuyện tiểu lâm thiếu đứng đắn và - dù chỉ bóng gió - nhạo báng đạo Hồi; khiến nhân vật ấy, một người Azerbaijan tên là Hakan Özge, trong mấy chương trình gần đây mỗi khi có dịp thích hợp là lại nhắc đến Allah và các giờ cầu nguyện. Cũng có những người tưởng tượng ra Lam là thành viên nằm vùng người Thổ trong một mạng lưới khủng bố quốc tế của phe Hồi giáo chính trị. Thậm chí đã có tin báo cho các cơ quan an ninh và mật vụ rằng mạng lưới do Ả Rập Saudi hỗ trợ ấy có kế hoạch gây sốc bằng cách giết một vài người trong số hàng nghìn phụ nữ từ các nước cộng hòa của Liên Xô cũ tràn sang Thổ Nhĩ Kỳ làm diêm. Lam chẳng hề cố gắng bác bỏ những lời đồn đại ấy cũng không chối bỏ tin anh ta đến đây vì các thiếu nữ tự sát, thiếu nữ trùm khăn hay vì bầu cử. Do không xuất đầu lộ diện và cũng không dập tắt các tin đồn về mình, Lam tạo ra một vỏ hào quang huyền bí gây ấn tượng mạnh đến học sinh trường tôn giáo cũng như giới trẻ nói chung. Anh ta

không chỉ trốn tránh cảnh sát mà còn không lộ mặt ra đường để tránh phá vỡ hào quang huyền thoại họ, và thích thú khi thấy dân tình hỏi han nhau xem mình có mặt ở thành phố hay không.

Ka nhấn vào nút chuông mà người thanh niên đội mũ đỏ chỉ cho. Lập tức ông nhận ra người đàn ông nhỏ thó mở cửa phòng và mời ông vào chính là người trước đây một tiếng rưỡi đã bắn ông hiệu trưởng đại học sư phạm trong tiệm bánh ngọt Đồi Mới. Tim Ka bắt đầu đập rộn lên.

“Xin ông thứ lỗi,” người đàn ông thấp bé nói và giơ hai tay cao, để lộ lòng bàn tay, ra dấu cho Ka hiểu cũng phải làm theo như thế. “Trong hai năm vừa rồi đã có ba vụ âm mưu giết Su phụ. Tôi buộc phải khám người ông.”

Với thói quen coi đó là chuyện đương nhiên từ những năm sinh viên. Ka giơ cao hai tay cho ông ta khám người. Lúc đôi tay nhỏ nhắn của ông ta thận trọng lướt trên ngực áo và lưng, Ka lo ông ta nhận ra nhịp tim đập thành thích của mình. Rồi tim ông đập chậm lại và Ka nhận ra mình đã nhầm. Không, đây không phải là người đã bắn ông hiệu trưởng. Người đàn ông đứng tuổi thân thiện này, trông giống như giáo sư Edward G. Robinson, không đủ quyết liệt và thô bạo để bắn chết người.

Ka nghe tiếng trẻ con khóc ngằn ngặt và giọng một phụ nữ dịu dàng dỗ con.

“Tôi có phải bỏ giày ra không?” Ông hỏi và bắt đầu tụt giày, không đợi câu trả lời.

“Ở đây chúng ta là khách,” một giọng nói cất lên, “chúng ta không nên làm phiền chủ nhà.”

Ka nhận thấy còn có một người nữa trong phòng khách chật chội. Tuy hiểu ra đó là Lam, trong đầu ông vẫn thoáng chút ngờ vực vì đã chuẩn bị tinh thần cho một cảnh đón tiếp ấn tượng hơn nhiều.

Ông theo gót Lam vào một căn phòng tồi tàn có chiếc ti vi đen trắng đang bật. Một đứa bé ngậm cả nắm đấm trong mồm chăm chú lắng nghe mẹ nó vừa thay tã vừa dịu dàng nói tiếng Kurd. Nó nhìn Lam, rồi nhìn sang Ka đang đi vào phòng. Các nhà kiểu Nga cổ không có hành lang, họ đi tiếp sang phòng thứ hai.

Ka chỉ chú ý đến Lam. Ông trông thấy một cái giường phẳng phiu như trong trại lính, bộ đồ ngủ sọc xanh gấp cẩn thận nằm cạnh gối đầu, gạt tàn thuốc in chữ “Ersin Elektrik”. Trên tường là quyền lịch có hình Venice, cửa sổ rộng mở hai cánh hướng ra những chấm đèn buồn bã của Kars. Lam đóng cửa sổ và quay sang Ka.

Mắt anh ta xanh một màu lam đậm, thường không có ở người Thổ. Mái tóc vàng sẫm, không râu và trẻ hơn Ka vẫn nghĩ, da trắng đến khó tin và mũi khoằm. Anh ta cực kỳ đẹp trai và có thái độ tự tin đầy truyền cảm. Cả hành vi, thái độ và vẻ ngoài của anh ta đều không có gì giống với hình ảnh các môn đồ của Sharia do báo chí thế tục vẽ ra: râu ria, què kệch, hung hãn, một tay cầm tràng hạt cầu kinh, tay kia cầm vũ khí.

“Ông đừng vội cởi áo choàng trước khi lò sưởi làm ấm phòng... Chiếc áo đẹp quá, ông mua ở đâu vậy?”

“Ở Frankfurt.”

“Frankfurt... Frankfurt,” Lam nói và tự lự suy nghĩ, mắt nhìn lên trần, rồi kể là “ngày xưa” anh ta đã bị tuyên phạt chiếu theo điều 163 tội tuyên truyền ý tưởng về một quốc gia dựa trên tôn giáo, vì thế phải trốn sang Đức.

Im lặng. Ka cảm thấy nên nói gì đó để giữ phép lịch sự, và lo lắng khi không nghĩ ra chuyện gì,

ông cũng cảm thấy Lam chỉ nói để trấn an chính mình.

Hồi bên Đức đi đến bất cứ thành phố nào để thăm các nhóm Hồi giáo, ở Frankfurt, Cologne giữa nhà thờ xứ và nhà ga, hay ở các quận đất đỏ của Hamburg, cứ đi dạo một lúc tôi lại chọn ra một người Đức ở ngoài phố và tập trung vào người ấy. Quan trọng không phải tôi nghĩ gì về người này, mà tôi cố gắng tưởng tượng ra ông ta nghĩ gì về mình và nhìn bằng cặp mắt ông ta: bề ngoài của tôi, cử động của tôi, dáng đi của tôi, chuyện đời tôi, tôi từ đâu đến, đi đâu, và tôi là ai. Đó là một cảm giác kinh khủng, nhưng tôi cũng quen đi: không phải tôi bị khinh bỉ; tôi hiểu như vậy như những người anh em của mình... Nói chung không phải là người Âu khinh thường chúng ta. Chúng ta nhìn họ và tự khinh thường chính mình. Người ta không rời bỏ quê nhà theo gương Đảng tiên tri chỉ vì tránh kẻ đàn áp ở nước mình, mà còn để tìm đến những đáy sâu của tâm hồn. Rồi một ngày nào đó kiên định quay về để cứu những người không rời bỏ quê hương vì họ không dám làm điều đó, nhưng họ vẫn cùng chí hướng với mình. “Tại sao ông đến đây?”

Ka im lặng. Vẻ đơn sơ và tồi tàn của căn phòng, những bức tường không quét vôi lả tả vừa rơi, ánh sáng từ bóng đèn trần trụi trên trần rọi thẳng vào mắt khiến ông chồm giọng.

“Tôi không muốn quấy quả ông với những câu hỏi về chuyện vừa xảy ra,” Lam nói. “Nghe nói giáo sĩ Kasim Ensari kính mến khi thấy người lạ nào đến thăm nơi cắm trại của bộ lạc mình bên dòng Tigris cũng nói câu đầu tiên là: “Rất vui được làm quen quý vị! Và quý vị làm chỉ điểm cho ai?”

“Cho báo Cộng hòa...” Ka đáp.

“Cái đó tôi biết rồi. Nhưng tôi ngạc nhiên khi họ quan tâm tới Kars đến mức cử người về đây.”

“Tôi tự nguyện xin đi.” Ka nói. “Tôi cũng nghe nói đến người bạn cũ Muhtar và vợ ông ta ở đây.”

“Họ đã bỏ nhau rồi, ông không biết à?” Lam nhắc, mắt chăm chú nhìn Ka.

“Tôi biết rồi.” Ka nói, mặt đỏ bừng. Ông có cảm giác Lam nhận ra những gì đang làm ông xáo động, và vì vậy thấy ghét anh ta.

“Ở Sở cảnh sát người ta đã đánh Muhtar à?”

“Đúng thế.”

“Hắn có đáng bị đánh không?” Lam hỏi một cách kỳ khôi.

“Không, tất nhiên không.”

“Tại sao họ không đánh ông? Ông có thấy hài lòng với chính mình không?”

“Tôi không rõ tại sao họ không đánh tôi.”

“Có, ông có biết, ông là một tư sản Istanbul.” Lam nói. “Nhìn nước da và ánh mắt là nhận ra ngay. Bọn nó nghĩ tay này nhất định có quan hệ tốt với các ông to, cẩn thận là hơn. Ngược lại thì trông biết ngay Muhtar không có những quan hệ như thế, không có quyền hành gì; bọn nó biết đấy. Muhtar thì đảng nào cũng chỉ làm chính trị để có thể đổi mặt với bọn nó một cách tự tin như ông. Nhưng ngay cả khi thắng cử thì trước khi ung dung lên ghế thị trưởng hắn cũng phải chứng minh là có thể chấp nhận được những đòn của nhà nước. Vì vậy hắn vui lòng nhận đòn.” Lam không đùa chút nào, mặt anh ta thậm chí còn lộ nét buồn rầu.

“Chẳng ai vui lòng nhận đòn cả,” Ka nói và cảm thấy mình tầm thường và nông cạn trước mặt Lam.

Mặt Lam chuyển sang vẻ như muốn nói: bây giờ ta sang chủ đề chính. Anh nói: “Ông đã nói chuyện với gia đình các cô gái tự sát. Tại sao?”

“Vì có thể tôi sẽ viết một bài báo về chuyện đó.”

“Cho báo chí phương Tây?”

“Cho báo chí phương Tây,” Ka đáp, đột ngột thấy phần chấn thăng thế. Dù ông chẳng quen ai làm báo ở Đức để đăng bài của mình. “Và cho tờ Cộng hòa ở Thổ,” ông áy náy phụ thêm.

“Chừng nào ở phương Tây không quan tâm đến thì báo chí Thổ cũng chẳng để ý đến nỗi khổ ải của đồng bào mình,” Lam nói. “Bọn họ làm như nói đến nghèo khổ và tự sát là chuyện lỗi thời và lạc hậu vậy. Và ông đành phải in bài ở châu Âu. Vì thế mà tôi muốn nói chuyện với ông: đừng viết về các cô gái tự sát, ở đây và ở nước ngoài đều không được. Tự sát là có tội nặng! Và căn bệnh này sẽ lan truyền ra, nếu người ta chú ý đến nó. Nhất là tin đồn cô gái tự sát gần đây nhất là người Hồi giáo phản kháng vụ trùm khăn, chuyện ấy tệ hơn cả thuốc độc.”

“Nhưng đó là sự thật.” Ka nói. “Trước khi tự sát cô ta đã rửa ráy đúng nghi thức và cầu nguyện. Bây giờ tất cả các cô gái trùm khăn đều ngưỡng mộ cô ta vì lẽ đó.”

“Một thiếu nữ tự sát không còn được gọi là người Hồi giáo nữa!” Lam cự lại. “Cũng không thể nói là cô ta ủng hộ trùm khăn. Nếu ông quảng bá sự dối trá ấy thì sẽ phát sinh tin đồn rằng nhóm cô gái đấu tranh cho khăn trùm đầu bị nhut chí bởi những kẻ phản bội trong hàng ngũ mình - đó là những phần tử thảm hại đội tóc giả, bởi cảnh sát và áp lực của bố mẹ. Ông tới đây để có được điều ấy hay sao? Đừng gợi ý cho ai tự sát nữa! Các cô gái trong xung đột giữa tình yêu đối với Thượng đế, gia đình và nhà trường đã trở nên bất hạnh và cô đơn đến nỗi tất cả sắp noi theo vị nữ thánh tự sát kia rồi đấy.”

“Ông phó thống sứ cũng nói với tôi là không nên nhấn mạnh các vụ tự sát ở Kars.”

“Ông có chuyện gì mà phải đến nói chuyện với phó thống sứ?”

“Tôi cũng nói chuyện với cảnh sát để họ đừng quấy tôi suốt ngày.”

“Bọn nó sẽ vui mừng đọc tin 'Các thiếu nữ trùm khăn bị đuổi khỏi trường đại học đang theo nhau tự sát!’”

“Tôi viết như tôi nghĩ,” Ka trả lời.

“Những ám chỉ trong lời ông nói ra không chỉ đụng đến phó thống sứ, mà đến cả tôi nữa. Ngoài ra ông cũng khiêu khích tôi khi nói là cả thống sứ ngoại đạo lẫn tín đồ Hồi giáo đều không muốn ông viết về các thiếu nữ tự sát.”

“Đúng.”

“Mấy cô gái ấy không tự sát vì không được đến trường, mà vì chuyện yêu đương. Nếu ông miêu tả một cô gái trùm khăn mà lại đi tự sát vì một lý do vớ vẩn như thất tình thì những học sinh Hồi giáo của trường tôn giáo sẽ tức giận ông. Kars chỉ là một làng nhỏ.”

“Tất cả những chuyện đó tôi muốn đem hỏi các cô gái đấu tranh đòi trùm khăn.”

“Thế là tốt Lam nói. Nhưng hãy thử hỏi xem họ có muốn báo chí Đức viết về chuyện những người sợ hậu quả đấu tranh mà tự sát để chết trong tội lỗi không?”

“Tôi sẽ hỏi họ,” Ka ngoan cố đáp.

“Tôi gọi ông đến để nói một chuyện khác nữa.” Lam nói. “Ông hiệu trưởng đại học sư phạm vừa bị bắt trước mắt ông. Đó là hậu quả của sự uất hận do áp lực của nhà nước gây ra đối với các cô gái trùm khăn theo đạo Hồi. Nhưng trong trường hợp này tất nhiên đó là một sự khiêu khích của nhà nước. Ban đầu họ sử dụng ông hiệu trưởng tội nghiệp làm công cụ đàn áp, rồi sai một thằng điên giết ông ta để buộc tội cho người Hồi giáo.”

“Anh phản đối hành động này hay chính anh gây ra vụ đó?” Ka hỏi với giọng sắc sảo của một phóng viên.

“Tôi không đến Kars vì lý do chính trị,” Lam trả lời. “Tôi đến Kars để ngăn cản dịch tự sát.”

Bỗng nhiên anh ta chộp lấy vai Ka kéo lại gần mình và hôn lên hai má ông: “ông là một thầy tu hiện đại hiến dâng năm tháng đời mình cho sự nghiệp thi ca. Ông không phải là công cụ của bọn muốn làm hại những người Hồi giáo bị áp bức. Giống như tôi đã tin ông, ông đã tin tôi mà đến đây. Để tỏ lòng biết ơn, tôi kể cho ông nghe một câu chuyện luân lý.” Anh nhìn Ka, nửa như diễn kịch, nửa nghiêm túc. “Tôi kể được chứ?”

“Anh kể đi!”

“Ngày rất xa xưa, ở đất Iran có một người hùng không ai sánh nổi, một chiến binh ngoan cường. Ai cũng biết và mến ông ta. Chúng ta cứ gọi là Rüstem, như những người mến mộ ông ta vẫn gọi. Một hôm Rüstem đi săn bị lạc, khi ngủ lại mất luôn con ngựa. Trong khi đi tìm ngựa, ông lạc tới Turan, đất của kẻ thù. Do đã nghe danh tiếng từ lâu, người ta nhận ra ông và đối xử tử tế. Vua Turan đón tiếp ông như thượng khách và sai mở tiệc. Sau bữa tiệc, khi Rstem lui về phòng thì con gái nhà vua bước vào và thổ lộ tình yêu. Cô nói muốn có con cùng ông. Bằng sắc đẹp và giọng nói, cô đã mê hoặc ông và họ ngủ với nhau. Sáng hôm sau Rüstem để lại cho đứa trẻ sẽ ra đời một chiếc vòng tay làm dấu hiệu rồi quay về nhà. Đứa trẻ sinh ra được người ta gọi tên là Suhrab, ta cũng gọi tên nó như vậy. Nhiều năm sau chàng trai trẻ được mẹ cho biết cha mình là Rüstem huyền thoại, bèn nói: “Con sẽ tới Iran hạ bệ bạo chúa Keykavus và đưa cha con lên ngôi thay. Rồi con sẽ quay lại Turan và hạ bệ Efrasiyab - bạo chúa của Turan - không khác gì Keykavus - và lên trị vì đất này! Lúc đó cha con và con sẽ trị vì Turan và Iran, nghĩa là cả thế giới, trong công lý!” Đó là những lời trong sáng và thiện tâm của Suhrab, không hiểu nổi là kẻ thù của mình còn gian xảo và mưu mô hơn nhiều. Mặc dù đoán rõ ý đồ của Suhrab, Efrasiyab vẫn cho quân hỗ trợ chàng để đánh Iran, nhưng cử thủ hạ của mình theo chân để Suhrab không nhận ra mặt cha. Nhờ những mưu sâu kế hiểm, trò đùa khốn nạn của số phận và những ngẫu nhiên bí ẩn, với sự bày đặt của Allah tối cao, Suhrab và Rüstem chạm trán nhau ngoài chiến trường.

Phía sau hai người là quân đội của họ. Hai người không nhận ra nhau, vì họ có giáp che kín người. Rüstem thì luôn luôn giấu mặt để tránh thu hút quân địch về mình, còn Suhrab với trái tim non trẻ thì không bao giờ thèm để ý đến đối thủ nào trước mặt, vì trong đầu chàng chỉ quay cuồng ý chí duy nhất là đưa cha lên ngôi vua ở Iran. Và thế là hai đấng anh hùng hào kiệt tuốt gươm xông lên trước ánh mắt theo dõi của quân hành sau lưng.” Lam im lặng. Không nhìn vào mắt Ka. Rồi anh kể tiếp như một đứa trẻ: “Tôi đã đọc truyện này cả trăm lần, nhưng cứ đến đoạn ấy thì tim tôi bắt đầu run rẩy. Tôi không rõ tại sao, nhưng tôi luôn luôn thấy mình là Suhrab, người đang chuẩn bị giết cha. Có ai lại muốn giết cha mình? Tâm hồn nào chịu nổi nỗi đau của lỗi lầm này, gánh nặng của tội hình này? Và điều đó lại xảy ra với Suhrab có trái tim non trẻ! Vậy thì cách tốt nhất là hãy để chàng ra tay mà không nhận ra cha mình.

Trong khi tôi nghĩ như vậy, hai chiến binh kiêu hùng giáp chiến. Nhưng sau hàng giờ vẫn bất phân thắng bại. Kiệt sức và đầy thương tích, họ lui về. Đêm đầu tiên sau trận đánh, tôi không ngừng lo lắng cho người cha không kém gì cho Suhrab; và khi đọc tiếp, tôi vẫn hồi hộp như lần đầu. Tôi tưởng tượng ra một cách lạc quan cảnh hai cha con không chiến thắng nổi nhau nên họ cùng tìm ra một giải pháp hòa bình.

Ngày thứ hai. Quân hai bên lại đứng đối mặt nhau, cha và con trong bộ giáp kín người lại xông vào đánh nhau không chùn tay. Sau cuộc tỉ thí kéo dài, hôm đó may mắn đã mỉm cười với Suhrab. Có thể coi đó là may mắn? Chàng xô Rüstem ngã khỏi yên ngựa và đứng chặn trên người ông. Suhrab rút dao găm toan kết liễu đời cha mình thì một người chạy đến nói: “Ở Iran không có lệ cắt đầu một người hùng trong trận đầu. Đừng giết ông ta, vì đó là hành động man rợ.” Và Suhrab không giết cha mình.

Lần nào đọc đoạn này tôi cũng rất băn khoăn. Lòng tôi tràn ngập tình yêu dành cho Suhrab. Ý nghĩa của số phận mà Allah đã định trước cho cha và con là gì? Ngày thứ ba, trái với mong đợi khắc khoải của tôi, trận đấu bất ngờ kết thúc. Rüstem quật Suhrab ngã ngựa, xĩa lưỡi kiếm vào ngực và giết chết chàng. Chuyện xảy ra nhanh gọn khiến người ta choáng váng. Rồi Rüstem nhìn thấy vòng tay và nhận ra đã giết chính con mình, ông quỳ sụp xuống, ôm cái xác đầm máu của con trai và khóc.

Lần nào đến đoạn này tôi cũng khóc. Vì chia sẻ nỗi đau của Rüstem thì ít mà vì tôi ngộ ra ý nghĩa cái chết của Suhrab thì nhiều. Chính tình yêu của Suhrab với cha mình đã đẩy anh đến chỗ bị cha giết chết. Ở đây lòng khâm phục của tôi đối với tình yêu của Suhrab dành cho cha được thể chỗ bởi một tình cảm sâu hơn và chín hơn dành cho nỗi đau trang trọng của Rüstem, người phải cố gắng tuân thủ các nguyên tắc và lời nguyện. Trong diễn biến của câu chuyện này, tình yêu và cảm phục của tôi đã chuyển từ Suhrab nổi loạn luôn đi con đường riêng sang Rüstem mạnh mẽ và đầy trách nhiệm.”

Trong khi Lam im lặng một lát, Ka ghen tị với anh ta vì đã kể được một câu chuyện với sức cảm hóa đến như vậy.

“Nhưng tôi không kể cho ông nghe chuyện này để cho ông thấy tôi dựa vào đó chiêm nghiệm đời mình ra sao, mà để nói rằng nó đã bị quên mất rồi,” Lam tiếp. “Câu chuyện tối thiểu một nghìn năm tuổi này in trong quyển *Sách về Các Vua* của Firdevsi. Ngày xưa đã có thời hàng triệu người từ Tebriz đến Istanbul, từ Bosnia đến Trabzon thuộc lòng nó và suy từ đó ra ý nghĩa của đời mình, giống như người phương Tây hôm nay suy ngẫm từ chuyện Oedipe giết cha hay Macbeth khát khao đi tìm quyền lực và cái chết ra sao. Nhưng hôm nay người Thổ chúng ta vì quá chuộng phương Tây mà lãng quên câu chuyện này. Truyện cổ bị xóa khỏi sách giáo khoa. Hiện giờ ta không thể mua cuốn *Sách về Các Vua* ở bất cứ hiệu sách Istanbul nào. Tại sao?”

Họ im lặng hồi lâu.

Lam nói: “Chắc ông đang nghĩ: chẳng lẽ có thể vì vẻ đẹp của câu chuyện mà giết một người hay sao? Đúng không?”

“Tôi không rõ.”

“Thế thì ông nghĩ kỹ lại đi,” Lam nói và rời khỏi phòng.

ÔNG CÓ PHẢI LÀ NGƯỜI VÔ THẦN KHÔNG?

Một kẻ vô thần không muốn tự sát

Khi Lam đã ra khỏi phòng, Ka lưỡng lự một hồi lâu. Thoạt tiên ông tưởng Lam sẽ quay lại ngay để hỏi ông, sau khi đã đề nghị ông hãy “nghĩ kỹ lại” lúc nãy. Nhưng rồi lập tức ông hiểu ngay là sự thể không phải thế. Người ta đã cho ông một thông báo, tuy với hình thức giật gân và khá kỳ khôi. Liệu đó có phải là một lời đe dọa?

Nhưng cảm giác bị đe dọa ở Ka không mạnh bằng cảm giác mình là một người lạ ở đây. Ông đi ra khỏi nhà qua cửa chính, không thấy bà mẹ và đứa nhỏ ở phòng bên. Cảm thấy nơi này quá đối thù nghịch với mình, ông chạy vù xuống gác.

Tuyết rơi chậm đến nỗi Ka có ảo giác những bông tuyết treo lơ lửng trong không khí. Cảm giác về sự chậm chạp ấy đánh thức trong Ka ấn tượng thời gian đứng im, đồng thời - vì lý do nào đó - ông cũng thấy như thể nhiều chuyện đã biến đổi, tựa như một thời gian dài đã trôi qua, mặc dù cuộc trò chuyện với Lam chỉ kéo dài hai mươi phút.

Ông đi dọc đường ray, qua tháp xi-lô hiện ra trong mưa tuyết như một bóng trắng khổng lồ, bước vào sảnh nhà ga theo đường đã đi ra lúc nãy. Khi đi qua sảnh bắn thủ không một bóng người, ông thấy một con chó chạy về phía mình, cái đuôi cụp ngọn vẫy liến thoắng. Một con chó đen với chấm tròn trắng trên trán. Ka nhìn thấy ba cậu bé đang cho nó ăn bánh vòng vòng trong phòng đợi. Một trong số đó là Necip. Cậu ta chạy đến trước mặt Ka.

“Ông đừng để các bạn học của tôi nhận ra rằng tôi biết tại sao ông đến đây.” cậu nói. “Bạn thân nhất của tôi muốn hỏi ông một câu hỏi cực kỳ hệ trọng. Nếu ông rỗi rãi và dành cho Fazil một phút thì nó rất hân hạnh.”

“Được”, Ka nói và ra chỗ hai cậu bé kia ngồi ở ghế băng.

Trên những tấm áp phích sau lưng chúng, Atatürk đang nói về ý nghĩa của đường sắt và nhà nước rắn đe các cô gái có ý định tự sát. Hai cậu bé đứng lên bắt tay Ka. Nhưng đột nhiên chúng có vẻ ngần ngại.

“Trước khi Fazil đặt câu hỏi, Mesut muốn kể một chuyện mà nó đã nghe,” Necip nói.

“Không, tớ không kể đâu,” Mesut luống cuống. “Cậu kể hộ tớ được không?”

Trong khi lắng tai nghe Necip, Ka quan sát con chó chạy lồng lên trong sảnh nhà ga bắn thủ, văng ngất và nhập nhoạng tối.

“Chuyện này xảy ra ở một trường tôn giáo đâu đó ngoài ngoại ô Istanbul, ít nhất thì tôi nghe kể thế,” Necip lên tiếng. “Ông hiệu trưởng ở đó vì có công việc mà đi vào một trong những tòa nhà chọc trời dạo này được xây khắp Istanbul mà chúng tôi đã thấy qua truyền hình. Ông ta

vào một thang máy lớn và đi lên tầng. Trong thang máy, ngoài ông ra chỉ có một người đàn ông cao to, nom trẻ hơn ông; người này tiến đến gần và chỉ cho ông xem một quyển sách, lấy trong túi ra con dao nhỏ có cán xà cừ để rọc trang và đọc vài câu trong đó. Ông hiệu trưởng rời thang máy ở tầng mười chín. Những ngày tiếp theo, ông thấy là lạ trong người. Luôn bị ám ảnh về cái chết, chẳng muốn làm việc gì và chỉ nghĩ đến người đàn ông trong thang máy. Là người mộ đạo, ông hiệu trưởng tới một bí thất dòng Cerrahi hy vọng tìm sự cứu rỗi trong tình cảnh khốn khó này. Một trưởng lão danh tiếng lắng nghe nỗi lòng của ông đến tận sáng và chẩn bệnh: 'Người đã mất lòng tin vào Thượng đế, và ngoài ra, tuy không hẳn có ý thức rõ rệt, người còn lấy đó làm tự hào nữa! Người đã thu nạp căn bệnh quái ác này từ người đàn ông trong thang máy. Người đã trở thành kẻ vô thần.'

Ngay cả khi ông hiệu trưởng khóc lóc chối cãi thì trong một góc sâu thẳm tim mình còn thành thực ông hiểu rõ là vị trưởng lão nói đúng. Từ đó, khi đã bắt mạch được mình, ông bắt đầu đổ đốn: ông trêu ghẹo các nữ sinh trẻ đẹp ở trường, cố tìm cách ở lại một mình với mẹ các học sinh và đi ăn cắp tiền của một nữ đồng nghiệp mà ông đem lòng ghen tỵ. Đúng thế, thậm chí ông hiệu trưởng còn tự hào khi phạm những tội lỗi đó: ông hợp mắt cả trường và kết tội tất cả bọn họ bị trói buộc bởi tín ngưỡng mù quáng và các tục lệ vô lý, và hỏi tại sao họ không thể tự do như ông, chẳng có gì cấm kỵ cả. Trong bài thuyết trình của mình ông dùng đầy rẫy những ngôn từ phương Tây, ông mặc đồ theo một phương Tây mua bằng tiền ăn trộm. Và ông tỏ rõ sự khinh bạc đối với tất cả mọi người, coi họ là hạng '*kém phát triển*'. Thời gian sau đó ngôi trường nhanh chóng rơi vào cảnh hỗn loạn: học sinh làm nhục một bạn gái xinh đẹp trong lớp, một giáo viên cao tuổi dạy kinh Koran bị đánh và học viên nổi loạn. Cùng thời gian đó, ông hiệu trưởng khóc than ở nhà và có ý định tự tử nhưng vì không đủ dũng cảm, ông cầu cho người khác giết mình. Để đạt mục đích ấy, trước mặt các học sinh ngoan đạo nhất ông đã - cầu Thượng đế tha tội! - phỉ báng Đấng tiên tri. Song họ đã nhận ra rằng ông mất trí và không động chạm gì đến ông. Rồi giữa phố - cầu Thượng đế tha tội! - ông bắt đầu nói huyền thuyên là Allah không có thật, và nên biến các nhà nguyện thành sàn khiêu vũ và chúng ta chỉ có thể giàu có như phương Tây nếu đi theo Thiên chúa giáo. Nhưng ngay cả các tín đồ Hồi giáo bạo liệt nhất cũng mặc kệ ông, vì họ cho là ông điên. Khi sự tuyệt vọng không thuyên giảm và ước muốn được chết ngày càng mạnh hơn, ông quay lại ngôi nhà chóc trời ngày ấy và gặp chính người đàn ông cao lớn kia trong thang máy. Người này mỉm cười với ánh mắt tỏ ra đã biết hết những gì xảy ra với ông hiệu trưởng, và chỉ cho ông xem bìa cuốn sách cầm trong tay. Trong cuốn sách này sẽ tìm được cả phương thuốc chữa căn bệnh vô thần. Ông hiệu trưởng run rẩy đưa tay chụp lấy nó. Nhưng trước khi thang máy ngừng thì người đàn ông cao lớn đã rút ra con dao cán xà cừ như thế định rọc sách lần nữa, và đâm xuyên qua tim ông."

Ka nhớ lại một câu chuyện tương tự được lưu truyền trong cộng đồng Hồi giáo chính trị ở Đức. Không rõ cuốn sách kỳ bí ấy nói gì, nhưng khi nói đến các nhà văn xúi giục con người đến với chủ nghĩa vô thần thì bên cạnh mấy tác giả Do Thái mà Ka chưa khi nào nghe tên, Mesut còn nhắc đến một số phóng viên trên chuyên mục của mình đã hô hào cả giới truyền thông chống lại Hồi giáo chính trị (ba năm sau đó một người trong số họ đã bị bắn chết). "Những kẻ vô thần bị quỷ sứ dẫn lối đang tồn tại giữa chúng ta như ông hiệu trưởng bất hạnh nọ, chúng khổ sở vì không tìm được hạnh phúc và an bình," Mesut nói. "Ông có thấy đứng thế không?"

"Tôi không rõ."

"Ông không rõ nghĩa là sao?" Mesut bức bối. "Ông không phải là người vô thần à?"

"Tôi không rõ," Ka nói.

"Thế thì ông cho tôi biết: ông có tin rằng Allah vĩ đại đã sáng tạo cả thế giới này, tất cả, cả mưa tuyết dày đặc ngoài kia, hay ông không tin?"

"Tuyệt làm tôi nghĩ đến Thượng đế," Ka nói.

“Vâng, nhưng ông có tin là Thượng đế tạo ra tuyết?” Mesut đòi hỏi.

Im lặng. Ka thấy con chó đen chạy qua cửa lên sân ga và nhảy nhót trên đám tuyết ngoài kia dưới ánh sáng đèn tuýp lạnh lẽo.

“Ông không trả lời được câu hỏi ấy.” Mesut nói. “Nếu người nào đã biết và yêu Allah, người đó sẽ không mấy may nghĩ ngờ rằng Allah tồn tại. Có nghĩa là, thực ra ông là người vô thần nhưng ngần ngại không nói ra. Đấng nào bọn tôi cũng biết rồi. Vì vậy tôi muốn thay mặt Fazil hỏi ông một điều. “Ông có chịu khổ ải như kẻ vô thần đáng thương trong chuyện ấy không? Ông có muốn tự tử không?”

“Ngay cả khi không có sự an bình nội tại, tôi vẫn sợ tự tử,” Ka trả lời.

“Vì lý do gì?” Fazil hỏi, “vì nhà nước cấm bởi nói cho cùng thì con người là bậc tối cao trong mọi tạo vật? Nhưng chính họ cũng hiểu sai khi nói con người là ‘tuyệt tác của Thượng đế’. Ông nói đi, tại sao ông sợ tự tử?”

“Xin ông thứ lỗi cho các bạn tôi,” Necip nói. “Câu hỏi này đặc biệt hệ trọng đối với Fazil.”

“Ông không sầu muộn và bất hạnh đến mức muốn tự tử sao?” Fazil hỏi.

“Không.” Ka bực mình đáp.

“Xin ông đừng giấu gì chúng tôi.” Mesut nói. “Chúng tôi không làm gì ông chỉ vì ông là người vô thần đâu.”

Im lặng căng thẳng.

Ka đứng dậy. Ông hoàn toàn không muốn để lộ là ông bắt đầu thấy hoảng. Ông quay về phía cửa ga.

“Ông đi à? Xin ông hãy ở lại!” Fazil nói.

Khi Ka dừng bước thì cậu ta cũng ngừng lại, không nói thêm gì nữa.

“Tôi muốn giải thích cho bạn tôi.” Necip nói. “Ba chúng tôi yêu ‘các cô gái trùm khăn’ đang liều tính mạng cho đức tin của mình. ‘Cô gái trùm khăn’ là danh hiệu do báo chí thể tục đặt cho họ. Trong mắt chúng tôi họ chỉ là các nữ tín đồ Hồi giáo, và mọi nữ tín đồ Hồi giáo đều phải liều tính mạng mình cho đức tin.”

“Cả đàn ông cũng vậy.” Fazil nói thêm.

“Dĩ nhiên,” Necip nói. “Tôi yêu Hicran, Mesut yêu Hande, còn Fazil đã từng yêu Teslime, nhưng Teslime chết rồi. Người ta bảo là cô ấy đã tự sát. Nhưng chúng tôi không tin rằng một cô gái theo đạo Hồi có đức tin đủ mạnh để hy sinh mọi thứ lại có thể tự sát được.”

“Có thể cô ta không chịu đựng nổi những gì mình phải trải qua,” Ka nêu ý kiến. “Nghe nói gia đình cô ta gây áp lực bắt để đầu trần và cô ta bị đuổi khỏi trường.”

“Không áp lực nào đủ mạnh khiến một tín đồ thực sự phải phạm lỗi đó cả.” Giọng Necip kích động. “Những người như chúng tôi đây, cả đêm không ngủ được vì lo phạm lỗi bỏ lỡ nghi lễ cầu nguyện lúc sáng sớm. Chúng tôi đến nhà nguyện ngày càng sớm hơn. Người nào tin tưởng một cách hân hoan thì sẵn sàng chịu đựng mọi điều để tránh tội lỗi này, kể cả chấp nhận một cuộc

đời chỉ toàn khổ ải.”

“Chúng tôi biết ông đã nói chuyện với gia đình Teslime,” Fazil ngắt lời Necip. “Họ có tin cô ấy tự tử không?”

“Có họ có tin. Ban đầu cô ấy cùng bố mẹ xem *Marianna*, sau đó rửa ráy đúng nghi thức và cầu nguyện.”

“Teslime không xem thứ phim truyền hình loại đó.” Fazil khẽ nói.

“Cậu biết rõ cô ấy đến mức nào?”

“Chúng tôi chưa trực tiếp làm quen bao giờ, chưa nói chuyện với nhau bao giờ.” Fazil ngượng ngùng nói. “Có lần tôi thấy cô ấy từ xa, và dĩ nhiên cô ấy che kín mặt. Nhưng tất nhiên linh hồn tôi và cô ấy biết rõ nhau: người ta biết rõ nhất người mà mình yêu tha thiết. Tôi cảm nhận cô trong máu thịt như cảm nhận chính mình vậy. Một Teslime như tôi từng biết sẽ không tự sát.”

“Có thể cậu chưa biết cô ấy đủ rõ.”

“Có thể bọn phương Tây cử ông đến đây để che đậy chuyện Teslime bị giết.” Mesut khiêu khích.

“Không, không,” Necip nói. “Chúng tôi tin ông. Những người khả kính ở đây gọi ông là thầy tu, là thi sĩ. Chúng tôi muốn hỏi ông về một chuyện làm chúng tôi buồn. Fazil muốn nhân danh Mesut xin ông thứ lỗi.”

“Cho tôi được phép xin lỗi,” Fazil nói. Mặt cậu ta đỏ phừng phừng, mắt ngấn nước.

Mesut lặng im để giây phút hòa giải trôi qua.

“Fazil và tôi là anh em kết nghĩa!” Necip nói. “Chúng tôi thường nghĩ cùng một chuyện vào cùng lúc; và người này biết người kia nghĩ gì. Fazil chỉ khác tôi một điều là không hề quan tâm đến chính trị. Bây giờ cả tôi lẫn Fazil muốn xin ông một điều. Thực ra cả hai chúng tôi đều có thể chấp nhận rằng Teslime phạm tội tự tử dưới áp lực mà bố mẹ cô và nhà nước đã gây ra. Thật đau đớn nhưng đôi khi Fazil nghĩ: 'Cô gái mà ta từng yêu đã phạm tội và tự tử'. Nhưng nếu Teslime là một người vô thần không ý thức một người bất hạnh như ông hiệu trưởng trong câu chuyện lúc này không biết mình vô thần, và cô ấy tự tử vì là người vô thần thì thật là một thảm họa đối với Fazil. Vì như vậy là cậu ta đã từng yêu một người vô thần. Chỉ có ông mới biết câu trả lời. Chỉ có ông mới đem lại bình yên cho Fazil, ông hiểu chúng tôi nghĩ gì rồi chứ?”

“Ông có phải người vô thần không?” Fazil hỏi với ánh mắt cầu khẩn “Và nếu là người vô thần thì ông có tự tử không?”

“Kể cả những hôm mà tôi tin chắc mình là người vô thần, tôi cũng không có ý muốn tự tử.” Ka đáp.

“Cảm ơn ông đã cho chúng tôi một câu trả lời thành thực,” Fazil thở phào. “Ông có thiện tâm, nhưng ông sợ phải tin vào Thượng đế.”

Ka thấy ánh nhìn thù nghịch của Mesut và định bỏ đi. Có vẻ như ý nghĩ của ông giờ đã mắc mứu vào một cái gì xa vời. Ông cảm thấy một nguyện vọng sâu thẳm đi liền với một tượng tượng trỗi dậy trong lòng, nhưng vì những sự kiện xảy ra quanh mình mà ông không thể tập trung đầu óc được. Về sau ông sẽ ngẫm nghĩ lâu về những phút ấy để ngộ ra rằng hình ảnh tượng tượng ấy được sinh ra vừa bởi nỗi sợ chết và sự bất lực không thể tin vào Thượng đế lại,

vừa bởi khát vọng hướng tới Ipek. Và chỉ chốc lát nữa thôi Mesut sẽ còn cho ông thêm một nguyên nhân nữa.

“Ông đừng hiểu sai ý chúng tôi.” Necip nói. “Chúng tôi không phản đối chuyện ai đó là người vô thần. Trong xã hội Hồi giáo người vô thần luôn có chỗ đứng của họ.”

“Chỉ phải chia tách nghĩa trang.” Mesut giải thích. “Linh hồn người mộ đạo bị quấy rầy khi họ nằm cùng những người vô thần trong một nghĩa trang. Một số người vô thần đã che giấu được suốt đời là họ không tin vào Allah, họ sẽ phá sự an bình của người mộ đạo không chỉ ở thế giới bên này, mà cả ở ngoài nghĩa trang. Như thể chưa đủ khổ ải phải nằm cùng họ trong một nghĩa trang chúng tôi còn phải chống lại viễn cảnh ghê sợ là đến Ngày phán xử cuối cùng, khi phục sinh từ nấm mồ đứng dậy lại phải thấy mặt một người vô thần bất hạnh... Thừa thì sĩ Ka, ông không giấu đã từng là người vô thần nữa. Có khi ông vẫn là người vô thần cũng nên. Vậy ông hãy nói, ai làm cho tuyết rơi, đằng sau tuyết có ẩn giấu bí mật gì?”

Trong chốc lát, mọi người đều nhìn từ nhà ga vắng ngắt ra ngoài, nhìn tuyết rơi xuống đường ray trống trải trong ánh đèn tuýp.

Ta làm gì trên thế gian này? Ka nghĩ. Trông từ xa những bông tuyết mới bắt lực làm sao! Cuộc đời ta thậm hại làm sao! Người ta sống, tàn tạ và biến mất, ông nghĩ, một mặt mình đang trôi qua, mặt khác vẫn còn tồn tại. Ông vẫn còn mang tình yêu trong lòng, ông đi trong yêu thương và buồn rầu theo con đường đã xác định cho đời mình, như mọi bông tuyết đang rơi. Ông nhớ đến bố mình có mùi hương của một loại nước cạo râu nào đó. Trong khi lần theo mùi hương ấy, ông nhớ đến đôi chân lạnh của mẹ ông xỏ giày trong nhà khi chuẩn bị bữa sáng trong bếp, đến lược chải đầu, đến thuốc ho màu hồng ngọt lừ mà ông uống khi nửa đêm bị cơn ho đánh thức, đến cái thìa trong mồm, đến tất cả những thứ vụn vặt góp lại thành cuộc sống, và khi nghĩ về việc chúng liên hệ với nhau thành tổng thể, ông nghĩ đến bông hoa tuyết...

Và như thế Ka nghe tiếng gọi từ sâu thẳm mà chỉ những thi sĩ đích thực mới nghe được và chỉ trong khoảnh khắc cảm xúc sáng tạo, tiếng gọi duy nhất khiến ông hạnh phúc. Sau bốn năm trời lần đầu tiên một bài thơ đang đến với ông, và cho dù chưa nghe rõ từng lời, ông biết bài thơ đã tự mình hoàn thiện. Ngay khi còn chưa xuất đầu lộ diện, bài thơ đã tỏa sáng sức mạnh và vẻ đẹp của số phận, khiến ông hạnh phúc tràn trề. Ông nói với ba câu bé là ông đang vội vã rời khỏi nhà ga trống trải nhập nhoạng. Ông vội về khách sạn dưới trời tuyết chỉ nghĩ đến bài thơ sắp viết ra.

TẠI SAO BÀI THƠ NÀY HAY?

Tuyết và hạnh phúc

Về đến phòng khách sạn. Ka cởi ngay áo khoác, mở cuốn vở bìa xanh có kẻ ô vuông mua ở Frankfurt và bắt đầu chép lại bài thơ đang hiện ra trong đầu từng chữ một. Ông cảm thấy thư thái như thể đang chép một bài thơ do ai đó đọc thầm vào tai, song vẫn hết sức chăm chú tập trung vào những gì đang viết ra. Vì chưa bao giờ từng viết một bài thơ chỉ trong một phút cảm hứng và không chút ngập ngừng như lần này, một phần nào đó trong trí óc ông vẫn còn chút

nghe ngại giá trị của những chữ dần hiện lên trên giấy. Nhưng trong khi chép ra những vần thơ ấy, ông hiểu rằng bài thơ này hoàn hảo về mọi phương diện, và trong thâm tâm ông, niềm xúc động và cảm giác hạnh phúc cuộn lên. Vậy là Ka viết hầu như không nghỉ giữa chừng, chỉ chừa lại khoảng trống cho mấy từ có vẻ như không nghe thấy rõ lắm tới lúc đã hoàn tất ba mươi tư dòng lên giấy.

Bài thơ được tạo nên từ nhiều chi tiết đã cùng lúc đi qua óc ông trước đó: tuyết, nghĩa trang, con chó đen chơi đùa ngoài ga, nhiều kỷ niệm thời thơ ấu - và Ipek, người hiện ra trước mắt ông trong một cảm nhận pha lẫn hạnh phúc và kinh sợ lúc ông rảo bước trên đường về khách sạn. Ông đặt tên bài thơ là “Tuyết”.

Mãi về sau này, khi hình dung lại đã viết bài thơ này ra sao, ông luôn thấy trước mắt mình hiện lên một bông tuyết trắng. Và xét về khía cạnh nào đó, nếu bông tuyết ấy thể hiện cuộc đời mình thì ông quyết định bài thơ đã mở ra ý nghĩa đời ông ấy phải chiếm một vị trí gần tâm. Nhưng cũng hết như bài thơ cưỡng lại mọi lời giải thích này, thật khó nói quyết định của ông buổi sáng hôm ấy mạnh mẽ đến đâu, và những gì trong cuộc đời ông là hệ quả từ những sự đối xứng huyền bí mà cuốn sách của tôi muốn thử khám phá.

Ka đang đến đoạn kết bài thơ, ông ra cửa sổ và im lặng ngắm tuyết bên ngoài đang rơi từng bông lớn trong vẻ thanh cao. Ông cảm thấy chỉ cần ngắm tuyết rơi, bài thơ sẽ được hoàn tất một cách nhẹ nhàng. Có tiếng gõ cửa. Ka ra mở và quên bẵng hai vần thơ kết vừa đến với ông, và suốt thời gian ở Kars ông sẽ không nhớ ra chúng nữa.

Trước cửa là Ipek. Cô nói: “Thư gửi cho anh này.” và chìa bức thư ra.

Ka cầm lá thư, vút nó vào góc mà không nhìn. “Tôi rất hạnh phúc,” ông nói.

Ngày thường ông nghĩ rằng, chỉ những kẻ tầm thường mới nói được “Tôi rất hạnh phúc”. nhưng lúc này ông không xấu hổ. “Vào đi! Ông nói với Ipek. “Chị đẹp quá.”

Ipek vào phòng với vẻ thân nhiên của một người thuộc lòng khách sạn như nhà mình. Ka có cảm giác là họ xích lại gần nhau hơn sau thời gian xa cách.

“Tôi không rõ chuyện này xảy ra như thế nào,” Ka nói, “nhưng có lẽ vì chị mà bài thơ này đến được với tôi.”

“Nghe nói tình trạng của ông hiệu trưởng đại học sư phạm rất nghiêm trọng,” Ipek thông báo.

“Đó là một tin tốt đối một người tưởng là đã chết rồi.”

“Cảnh sát đang khám xét tại nhà ngủ sinh viên và các khách sạn. Họ cũng đến đây, kiểm tra sổ lễ tân và hỏi cặn kẽ về từng người khách ở trong khách sạn.”

“Chị kể gì cho họ về tôi? Có kể là chúng ta sẽ cưới nhau không?”

“Anh dễ thương thật đấy. Nhưng tôi đang nghĩ những chuyện khác hẳn. Họ đã bắt và đánh Muhtar. Sau đó hình như lại thả ra rồi.”

“Anh ấy nhờ tôi báo một tin cho chị. Anh ấy sẵn lòng làm tất cả để chị trở lại làm vợ anh ấy. Anh ấy hối hận tận đáy lòng ngày xưa đã ép chị phải trùm khăn.”

“Có hôm nào mà anh ấy chẳng nhắc đi nhắc lại điều này.” Ipek trả lời. “Anh làm gì sau khi được cảnh sát thả ra?”

“Tôi đi lang thang ngoài phố...” Ka ngập ngừng.

“Nào, nói đi !”

“Người ta đưa tôi đến chỗ Lam. Thực ra tôi không được phép lộ ra với ai.”

“Anh không được phép lộ ra với ai cả,” Ipek đáp. “Anh cũng không được nói về hai chúng mình và bố tôi trước mặt anh ta.”

“Chị đã gặp mặt anh ta bao giờ chưa?”

“Đã có một đạo Muhtar khâm phục anh ta, hồi đó anh ta cũng đến nhà tôi. Nhưng từ khi Muhtar chuyển sang nhánh Hồi giáo chính trị dân chủ và ôn hòa hơn thì họ đã xa rời nhau.”

“Nghe kể là anh ta đến đây vì những cô gái tự sát.”

“Hãy cẩn trọng trước anh ta, và đừng kể về anh ta nữa,” Ipek nói. “Gần như chắc chắn là cảnh sát gắn micro ở chỗ anh ta.”

“Tại sao họ không bắt anh ấy?”

“Họ bắt khi nào thấy cần.”

“Chúng mình trốn khỏi Kars đi,” Ka nói.

Trong ông lại trào lên cảm giác mà ông đã có từ hồi bé và tuổi thiếu niên mỗi khi thấy mình cực kỳ hạnh phúc: nỗi sợ sẽ có bất hạnh và vô vọng áp sát lưng mình. Ka luôn luôn trải nghiệm một khoảnh khắc hạnh phúc trong kinh sợ, cốt để sự bất hạnh nối tiếp không quá lớn. Do vậy mà lúc này trong khi ôm Ipek - vì tình yêu thì ít mà vì nỗi sợ sinh ra từ đó thì nhiều - ông tin rằng cô sẽ khước từ ông, rằng sự gần gũi đang nảy nở sẽ đột ngột tan vỡ, và niềm hạnh phúc không xứng đáng của ông sẽ biến thành sự khước từ và tủi hổ xứng đáng, song cũng nhờ thế mà ông sẽ tìm được thanh thản cho mình.

Sự thể hoàn toàn ngược lại. Ipek đón nhận vòng tay ôm. Họ hôn nhau, cùng ngã ra giường. Và Ka tràn ngập một sự kích động mạnh mẽ đến nỗi trái với nỗi bi quan lúc nãy, trong ham muốn và lạc quan tốt bậc ông bắt đầu tưởng tượng ra cảnh hai người cởi quần áo nhau ra và yêu nhau đắm đuối.

Nhưng Ipek đứng dậy. “Em rất mến anh, và cũng muốn ngủ với anh, nhưng từ ba năm nay em không cùng ai. Em chưa sẵn sàng,” cô nói.

Cả anh cũng không cùng ai từ bốn năm nay, Ka nghĩ. Ông cảm thấy Ipek đọc được điều đó trên mặt mình.

“Ngay cả khi em sẵn sàng chẳng nữa,” Ipek nói, “em cũng không thể làm tình khi bố em ở gần đây, ngay trong nhà này.”

“Bố em phải ra khỏi khách sạn này thì em mới khóa thân lên giường với anh được hay sao?” Ka hỏi.

“Vâng. Và bố em ít khi ra khỏi khách sạn lắm. Vì bố không ưa đường sá đóng băng ở Kars.”

“Được, thế thì mình không ngủ với nhau, nhưng ít nhất thì anh cũng muốn được hôn em.”

Ipek cúi đầu xuống Ka đang ngồi ở mép giường, hôn anh thật lâu và nghiêm trang, đồng thời không để anh áp lại gần cô.

“Anh đọc tho em nghe bài thơ của anh.” Ka nói khi cảm thấy hai người sắp chấm dứt nụ hôn. “Em có muốn nghe không?”

“Đọc thư này đi đã. Một người đàn ông đã đưa đến tận cửa.” Ka mở thư và đọc to:

Ka con trai yêu quý của ta! Xin con thứ lỗi nếu gọi như thế có gì thất thố. Đêm qua ta gặp con trong mơ. Trời đổ tuyết trong giấc mơ của ta, và mỗi bông tuyết là một tia sáng hạ xuống trần gian.

Đúng lúc ta hy vọng điều đó là dấu hiệu tốt lành thì lúc chiều tuyết bắt đầu rơi trước cửa sổ nhà ta đúng như trong mơ. Con đã đi ngang cửa sổ nhà ta ở số 18 ngõ Baytarhane. Ông Muhtar Bey kính mến mà Đấng cao cả đang bắt phải qua một thử thách khắc nghiệt có kể cho ta biết con thấy trong tuyết này có ý nghĩa gì. Đường đi của hai chúng ta là một. Ta đợi con.

Ký: Saadettin Cevher.

“Trưởng lão Saadettin.” Ipek nói. “Anh đến chỗ ông ấy nhanh lên, và tối nay anh qua nhà em ăn tối.”

“Tại sao anh nhất thiết phải gặp tất cả bọn điên ngu ngốc ở Kars?”

“Em đã nói hãy cẩn trọng trước Lam, nhưng chớ gọi anh ta là đồ điên! Và trưởng lão không ngu dốt mà thuộc loại ranh ma.”

“Anh muốn quên tất cả bọn họ đi. Bây giờ anh đọc thơ cho em nghe được chưa?”

“Anh đọc đi !”

Ka ngồi xuống cạnh bàn đầu giường, bắt đầu đọc bài thơ vừa viết xong một cách tràn trề hứng khởi và tự tin, nhưng ông ngừng lại ngay. “Em ra góc kia đi!” Ông nói với Ipek. “Anh muốn nhìn mặt em trong lúc đọc.” Ông bắt đầu đọc lại, vẫn ngắm Ipek từ khóe mắt. Một lát sau ông hỏi: “Bài thơ có hay không?”

“Có, rất hay,” Ipek trả lời. Ka đọc tiếp rồi lại hỏi: “Có hay không?” Ipek nói: “Có.” Và lúc đọc xong, Ka hỏi: “Em nghĩ tại sao bài thơ này hay?” “Em không biết,” Ipek nói, nhưng em thấy nó hay.”

“Muhtar không đọc những bài thơ như thế cho em nghe à?”

“Muhtar không làm thế bao giờ.” Đầy phấn khích, Ka đọc bài thơ lần nữa và hỏi vào đúng những đoạn ngắt lúc này: “có hay không?” Ông hỏi thêm ở một vài đoạn khác: “Rất hay, đúng không?” “Vâng, bài thơ rất hay,” Ipek trả lời.

Ka sượng mê ly đến nỗi, như trong một bài thơ của thời kỳ đầu tiên ông viết cho một đứa trẻ, ông “được bọc trong luồng sáng để chịu và kỳ lạ”. Và ông hạnh phúc được thấy một phần ánh sáng ấy phản chiếu từ Ipek. Theo quy luật của thời gian vô trọng, ông lại ôm lấy Ipek, nhưng cô đã duyên dáng luồn khỏi tay ông.

“Anh nghe đây này. Đến ngay chỗ trưởng lão đáng kính đi! Ở đây ông ấy là một nhân vật rất

quan trọng, quan trọng hơn anh tưởng. Khá nhiều người ở thành phố này tìm đến ông ta, kể cả những người tự coi mình là vô thần. Người ta kể là cả vợ ông sư đoàn trưởng và vợ thống sứ cũng vậy. Có nhiều người giàu và quân lính cũng đến tìm ông. Hồi ông ấy nói là các nữ sinh trộm đầu phải bỏ khăn ra trong giờ học, người của đảng Phồn vinh cũng không bác lại được câu nào. Ở một chốn như Kars, anh không thể từ chối khi được một người có quyền lực như ông ta gọi tới.”

“Cả Muhtar tội nghiệp cũng được em bảo đến chỗ ông ta?”

“Anh lo ông ấy phát hiện ra lòng tôn kính Thượng đế trong anh và biến anh thành người mộ đạo hay sao?”

“Hiện tại anh rất hạnh phúc và không hề có nhu cầu gì về tôn giáo cả,” Ka nói. “Anh không về Thổ Nhĩ Kỳ vì lý do này. Mà chỉ vì một lý do duy nhất - đó là tình yêu của em. Chúng mình cưới nhau nhé?”

Ipek ngồi xuống cạnh giường. “Anh đến đó ngay đi!” cô nói và nhìn Ka bằng ánh mắt mê hồn, ăm ắp. “Nhưng hãy cẩn thận! Không ai sánh nổi ông ấy trong việc phát hiện ra điểm yếu trong một tâm hồn và luồn lách qua đó như một *jinni*, vào tận gan ruột một người khác.”

“Ông ta sẽ làm gì anh?”

“Ông sẽ nói chuyện với anh và đột nhiên quỳ sụp xuống đất. Sẽ cả quyết là trong cái tầm thường mà anh thoát ra ẩn chứa một sự thông thái vĩ đại, và anh quả là bậc giác ngộ. Thậm chí một số người thoát tiên tưởng ông ta chế giễu mình; nhưng chính đó là thế mạnh của vị trưởng lão khả kính. Ông làm anh thực sự tin vào sự thông thái của anh, và cả ông ấy cũng tin tưởng sắt đá vào anh. Ông làm cho anh thấy trong anh có một người khác cao cả hơn anh nhiều. Sau một hồi, bản thân anh cũng bắt đầu nhận ra vẻ đẹp đó trong mình: anh thấy vẻ đẹp nội tại mà trước đây anh không hề biết đến chính là vẻ đẹp của Thượng đế, và hạnh phúc tràn ngập lòng anh. Thậm chí thế gian này cũng đẹp khi anh ở bên ông ấy. Anh sẽ yêu vị trưởng lão khả kính bởi ông biết đưa mình tới hạnh phúc. Suốt buổi, một phần khác trong lý trí của anh sẽ thì thầm vào tai anh rằng mọi thứ dù là một trò đùa và thực ra anh là một thằng ngốc nghếch thảm hại đáng thương. Nhưng như em mục kích qua Muhtar thì anh sẽ không còn đủ nghị lực để tin vào mặt xấu xa thảm hại ấy trong anh nữa. Anh sẽ trở nên yếu ớt và bất hạnh đến nỗi chỉ mong chờ có một điều là Thượng đế sẽ cứu giúp được mình. Thoạt tiên lý trí của anh sẽ kháng cự bởi vì lý trí ấy không hề biết đến những nguyện vọng của tâm hồn anh, nhưng sự kháng cự đó vô cùng yếu ớt. Anh bước chân lên con đường mà trưởng lão chỉ cho anh, vì ở thế giới này chỉ có cách là cách để anh tồn tại. Khả năng kiệt xuất của vị trưởng lão khả kính ấy là tạo cho con người khốn khổ đứng trước mặt ông cảm giác anh ta còn cao thượng hơn chính bản thân ông ấy nữa. Vì nhiều đàn ông ở Kars biết rõ là trên đất Thổ Nhĩ Kỳ này chẳng còn ai khốn khổ hơn, nghèo đói hơn và bất tài hơn họ. Nghĩa là rốt cuộc thì trước tiên anh tin trưởng lão, sau đó anh tin vào đạo Hồi mà người ta đã xui anh quên đi. Chuyện đó không có gì xấu như khi anh nhìn từ nước Đức, hay như những trí thức thế tục vẫn cả quyết. Anh sẽ thành một người như mọi người khác, sẽ đồng nhất với nhân dân và ít nhất thì cũng được giải thoát khỏi bất hạnh, dù chỉ trong phút chốc.”

“Anh không bất hạnh,” Ka nói.

“Người nào bất hạnh đến nhường ấy thì thực ra không còn bất hạnh nữa. Vì ngay cả những người đau khổ nhất cũng có một niềm an ủi và hy vọng để bám vào. Ở đây không có những kẻ vô thần độc mồm như ở Istanbul, ở đây mọi sự đơn giản hơn.”

“Vì em muốn nên bây giờ anh đi. Ngõ Baytarhane ở đâu nhỉ? Anh nên ở lại đó bao lâu?”

“Hãy ở lại đó cho đến khi anh tìm thấy sự thanh thản!” Ipek trả lời. “Và đừng sợ khi có đức tin!” Cô giúp Ka mặc áo choàng, “Anh còn nhớ những kiến thức Hồi giáo ngày xưa không?” cô hỏi. “Anh còn nhớ những bài cầu nguyện đã học ở tiểu học không? Em không muốn anh phải ngượng mặt!”

“Hỏi còn bé, cô giúp việc nhà anh đã đưa anh đến nhà nguyện Teşvikye.” Ka kể. “Cô ấy không hẳn muốn đến dự lễ cầu Thượng đế mà chủ yếu thích gặp mặt các cô bạn gái giúp việc khác. Trong khi họ đợi giờ cầu nguyện và ngồi lê đôi mách đủ thứ, anh chơi đùa với bọn trẻ còn khác trên nền thảm. Ở trường, anh học thuộc lòng tất cả các bài cầu nguyện để làm vừa lòng thầy dạy môn tôn giáo là người giảng cho bọn anh những chương Koran đầu tiên bằng cách bịt tai túm tóc và đập đầu xuống sách dạy tôn giáo đặt mở trên ghế băng. Anh học hết những gì cần học về Hồi giáo ở trường, nhưng anh đoán là đã quên hết rồi. Cái duy nhất mà hôm nay anh còn biết về đạo Hồi, anh đoán là anh biết từ trong phim *Mohammed, sứ giả của Thượng đế* do Anthony Quinn thủ vai chính,” Ka mỉm cười. “Mới đây phim này được chiếu trên kênh tiếng Thổ ở Đức, vì lý do nào đó không rõ mà lời thoại toàn lồng tiếng Đức. Buổi tối em ở đây à?”

“Vâng!”

Vì anh muốn đọc cho em nghe bài thơ này lần nữa,” Ka nói và đút cuốn vở vào túi áo khoác. “Em thấy nó hay à?” Thực sự là bài thơ rất hay.”

“Có gì hay trong đó?”

“Em không rõ, chỉ biết rất hay,” Ipek đáp. Cô đã mở cửa toan đi.

Ka vội vàng ôm cô và hôn lên môi.

Ở CHÂU ÂU CÓ MỘT THƯỢNG ĐẾ KHÁC HAY SAO?

Ka bên trường lão khả kính.

Người ta thấy Ka ra khỏi khách sạn và chạy trong mưa tuyết về phía ngõ Baytarhane dưới những lá cờ tuyên truyền bầu cử. Lòng ông tràn ngập hạnh phúc và xúc động đến nỗi trên màn ảnh của trí tưởng tượng chiếu cùng lúc hai bộ phim - như trong những khoảnh khắc hạnh phúc tốt độ hồi thơ ấu. Trong phim đầu lặp đi lặp lại Ipek và ông làm tình ở một nơi nào đó bên Đức, nhưng không phải trong nhà ông ở Frankfurt. Hình ảnh tưởng tượng này luôn hiện trước mắt ông, và đôi khi địa điểm mà hai người ngủ với nhau là phòng khách sạn ở Kars. Bộ phim thứ hai trong đầu toàn những câu thơ và ảo ảnh dính dáng đến hai dòng cuối của bài thơ “Tuyệt”.

Ban đầu ông vào nhà hàng Đất Xanh chỉ để hỏi thăm địa chỉ.

Nhưng rồi ông ngồi xuống bàn, do bị dây chai lọ trên giá kê bên cạnh chân dung Atatürk và những bức phong cảnh tuyệt ở Thụy Sĩ hấp dẫn. Với vẻ dứt khoát của một người đang rất vội, ông gọi một ly rượu hồi Raki, pho mát Feta và lạc rang. Phát thanh viên trong ti vi nói, mặc dù tuyết rơi dày, mọi công việc chuẩn bị cho buổi truyền hình trực tiếp đầu tiên bên ngoài trường quay trong lịch sử Kars đang sắp hoàn tất, sau đó tóm tắt vài tin địa phương và trong nước. Có vẻ như phó thống sứ đã gọi điện thoại cấm nhắc đến vụ ám sát ông hiệu trưởng đại học sư phạm trong phần thời sự, tránh sự việc lan rộng và khắc sâu thêm những mối thù nghịch. Cho đến khi nghe xong tin tức, Ka đã uống hai ly Raki uống nhanh như uống nước lã.

Uống xong ly thứ ba, ông đi đến cổng bí thất. Cổng được mở từ bên trên qua nút điện. Trong lúc treo lên cầu thang dốc ngược, ông nhớ đến bài "*Cầu thang*" của Muhtar vẫn giữ trong túi ngực. Ông tin chắc là mọi việc sẽ ổn thỏa cả, tuy nhiên vẫn có cảm giác như một đứa trẻ sợ sệt khi bước vào phòng mạch cho dù biết là sẽ không bị tiêm. Lên đến tầng trên, ông hối tiếc đã đi tới đây: một nỗi lo thất vọng ông.

Thoạt nhìn thấy Ka, vị trưởng lão khả kính đã nhận ra ngay nỗi lo đang chế ngự trong tim ông. Và Ka cũng hiểu là trưởng lão nhận ra nỗi lo của ông. Nhưng có gì đó từ trưởng lão khiến Ka không lấy thế làm xấu hổ. Trên tường phía đối diện cầu thang có treo một tấm gương lồng trong khung chạm khắc bằng gỗ cây hồ đào ông nhìn thấy trưởng lão khả kính trong gương này trước tiên. Căn hộ lèn cứng như một hộp cá, không khí trong phòng nóng sực bởi hơi thở và nhiệt độ cơ thể người. Chưa rõ đầu đuôi ra sao. Ka đã thấy mình đang hôn tay trưởng lão khả kính. Mọi việc xảy ra trong chớp mắt, Ka còn chưa kịp để ý đến đồ vật xung quanh lẫn đám người trong phòng.

Một nhóm chừng hai chục người cùng tới đây để dự lễ cầu Thượng đế đơn giản vẫn diễn ra vào các tối thứ Ba, lắng nghe lời trưởng lão cũng như kể cho ông những lo âu của mình. Năm, sáu chủ cửa hàng sữa, doanh nhân loại nhỏ hay chủ quán trà, luôn lấy làm hạnh phúc khi có mặt bên trưởng lão khả kính, một cậu bé hơi cà nhắc, ông chủ đội xe buýt mất lác cùng một bạn lớn tuổi, nhân viên bảo vệ đêm của nhà máy điện, thường trực bệnh viện ở Kars với bốn chục năm thâm niên công tác và một vài người nữa.

Trưởng lão đọc thấy hết vẻ ngập ngừng trên mặt Ka, và hôn tay Ka với một động tác khá cường điệu. Đó là một nghĩa cử tôn kính, nhưng đồng thời lại có gì đó như của trẻ thơ. Mặc dù sẵn có linh cảm là trưởng lão sẽ làm việc ấy, Ka vẫn bị bất ngờ. Hai người bắt đầu trò chuyện. Cả hai đều ý thức rõ rệt là cả phòng đang nhìn chăm chăm vào mình.

"Cầu cho ánh sáng tỏa lên người con, vì con đã nhận lời mời của ta." trưởng lão nói. "Ta đã mơ thấy con. Trời có tuyết."

"Con cũng đã mơ thấy người, kính thưa sư phụ." Ka nói. "Con đến đây để tìm hạnh phúc."

"Nếu con được phán truyền rằng hạnh phúc của con đang ở chốn này thì chúng ta cũng lấy đó làm hạnh phúc," trưởng lão đáp.

"Con đang sợ, ở thành phố này, trong nhà này." Ka nói tiếp. "Mọi người đều quá lạ với con. Con luôn sợ những chuyện tương tự. Chưa bao giờ con muốn hôn tay ai, và cũng không muốn ai hôn tay con."

"Con đã cho người anh em Muhtar của chúng ta thấy vẻ đẹp nội tại của con." trưởng lão nói. "Lớp tuyết thiêng liêng đang liên tục rơi gợi nhớ tho con điều gì?"

Lúc này Ka mới nhận ra người đang ngồi trong cùng bên phải của chiếc ghế băng bọc đệm mà

trưởng lão đang ngồi, ngay cạnh cửa sổ chính là Muhtar. Ông ta dán băng dính trên trán và mũi. Để giấu vết tím bầm quanh mắt, ông đeo một cặp kính mát to bản, mắt kính sẫm màu, trông như một ông già bị mù vì đậu mùa. Muhtar mỉm cười với Ka nhưng không biểu lộ chút gì thân thiện cả.

“Tuyệt làm con nghĩ về Thượng đế.” Ka nói. “Tuyệt nhắc nhở con rằng thế giới này, cả tuyệt nữa, kỳ bí và tươi đẹp xiết bao, và thực ra được sống là một may mắn.” Khi nói hết, ông nhận ra ánh mắt mọi người trong phòng vẫn hướng vào mình. Ông bực dọc khi thấy rõ ràng trưởng lão rất khoan khoái với tình cảnh này. Ka hỏi ông: “Tại sao người gọi con đến đây?”

“Xin Thượng đế che chở.” trưởng lão nói. “Qua những gì Muhtar kể lại, chúng ta đã nhận ra rằng con đang tìm một người bạn để giải bày và chuyện trò.”

“Vâng, vậy chúng ta hãy chuyện trò với nhau,” Ka đáp lại. “Vì sợ mà con đã uống ba ly Raki trước khi đến đây.”

“Vì sao con lại sợ chúng ta?” trưởng lão hỏi và mở to mắt, làm ra vẻ ngạc nhiên. Ông là một người to béo, thân thiện và Kathây những người ngồi quanh ông cũng mỉm cười. “Con không muốn nói tại sao con sợ chúng ta hay sao?”

“Con nói cũng được, nhưng không muốn cha giận con vì thế,” Ka giải thích.

“Chúng ta sẽ không giận,” trưởng lão trả lời. “Con hãy ngồi xuống cạnh ta! Biết được lý do tại sao con sợ là cực kỳ quan trọng đối với chúng ta.”

Trưởng lão nửa trầm tư, nửa như một diễn viên sắp làm các môn đồ phá ra cười. Chưa kịp ngồi xuống ghế Ka đã thấy thích thú trước phong thái ấy và quyết tâm bắt chước.

“Con luôn mơ ước với một thiện ý ngây thơ là đất nước con phát triển, mọi người dân ở đây được sống trong tự do và tiến bộ.” Ka nói. “Nhưng tôn giáo của chúng ta cổ vể như luôn luôn ngáng trở. Có thể con đã ngộ nhận. Xin cha tha lỗi! Có thể con chỉ nói ra điều đó bởi đã uống rượu.”

“Xin Thượng đế che chở.”

“Con lớn lên ở Istanbul, tại quận Nişantaşı, trong một cộng đồng khá giả. Con muốn được như người Âu. Vì con nhận ra là mình không thể vừa tin vào một Allah bất phụ nữ trùm khăn và dùng mạng che mặt vừa đồng thời là một người Âu nên cuộc sống của con diễn ra xa cách tôn giáo. Lúc sang đến châu Âu, con mới cảm nhận được là có thể có một Thượng đế khác ngoài Thượng đế mà những kẻ quê mùa râu ria phản động vẫn nhắc đến.”

“Ở châu Âu có một Thượng đế khác hay sao?”, trưởng lão hỏi vẻ đùa cợt và xoa tay lên lưng Ka.

“Con muốn có một Allah mà đến tiếp kiến không cần cởi giày, không yêu cầu con hôn tay ai và phải quỳ gối. Một Allah hiểu nổi nỗi cô đơn của con.”

“Allah là thế đấy” trưởng lão nói. “Người nhìn thấy tất thảy và hiểu mỗi người. Cả nỗi cô đơn của con nữa. Giá mà con tin vào Người và biết rằng Người nhìn thấy được nỗi cô đơn của con thì con đã không cảm thấy đơn độc.”

“Rất đúng thừa trưởng lão và sự phụ kính mến!”, Ka nói và nhận ra mình đang nói với mọi người trong phòng. “Vì con đơn độc nên không tin Thượng đế, và vì con không tin vào Thượng đế nên không trốn khỏi được nỗi cô đơn. Con phải làm gì đây?”

Ông say rượu và vô cùng thỏa mãn khi được nói tuồn tuột mọi mắc mứu ra trước mặt một trưởng lão bằng xương bằng thịt, nhưng mặt khác một phần trong ý thức ông vẫn cảm nhận rõ ràng là mình đang đi trên mảnh đất đầy hiểm họa. Vì vậy sự im lặng của trưởng lão làm ông kinh sợ.

“Có thật con muốn lời khuyên của ta?” trưởng lão hỏi. “Chúng ta là những kẻ mà các con gọi là bọn què mùa râu ria phản động đấy. Ngay cả khi cắt hết râu đi thì chúng ta cũng không rũ bỏ được bản chất què mùa râu.”

“Con cũng là một kẻ què mùa, con còn muốn què mùa hơn nữa và được người ta quên đi trong khi tuyết rơi xuống những xó xỉnh xa vời nhất thế gian,” Ka đáp. Một lần nữa ông hôn tay trưởng lão và không thấy việc đó khó khăn chút nào. Nhưng trong thâm tâm ông vẫn thấy có một phần trong mình là người phương Tây, một người khác hẳn, và trong tình thế hiện tại người đó đang coi thường ông.

“Tha lỗi cho con đã uống rượu trước khi tới đây,” ông nhắc lại. “Suốt đời con thấy mình có lỗi, vì con đã không tin vào Thượng đế của người nghèo, của những người thất học, các bà các cô trộm khăn, các chú các bác cầm tràng hạt trong tay. Sự hoài nghi của con quả là ngạo mạn. Nhưng bây giờ con sẽ tin vào Allah là người sai khiến tuyết rơi ngoài kia. Allah có thật, Người chú trọng sự đối xứng huyền bí của thế giới và làm cho con người văn minh hơn, tinh anh hơn.”

“Tất nhiên Allah có thật, con trai của ta ạ,” trưởng lão nói.

“Nhưng Thượng đế ấy không ở đây giữa các người,” Ka đối lại. “Người ở ngoài kia, trong làn mưa tuyết đang rơi vào tim của đêm vắng, của tâm tối và của những kẻ tội nghiệp.”

“Con định tự mình đi tìm Allah chứ gì? Vậy hãy đi đi. Ta mong mưa tuyết trong đêm đưa tình yêu của Thượng đế vào tim con! Chúng ta không muốn chặn đường con. Nhưng chớ quên rằng những kẻ tự kỷ và ngạo mạn mãi mãi cô đơn. Chính vì thói ngạo mạn mà Quý vương bị đuổi khỏi thiên đường đấy.”

Sau này nghĩ lại, Ka sẽ xấu hổ vì lúc này lại một lần nữa ông thấy hoảng sợ. Hình dung những gì người ta sắp nói về ông, một khi ông đứng dậy ra đi, cũng không khiến ông vừa lòng. “Con phải làm gì đây, thưa trưởng lão và sự phụ kính mến?” ông hỏi. Ông định hôn tay trưởng lão lần nữa, nhưng lại thôi. Ông biết là mọi người nhận rõ ông đang dao động và say rượu, và vì thế coi thường ông. “Con muốn được như cha, được tin vào Thượng đế và làm một nông dân bình thường, nhưng con cực kỳ rối trí vì trong con ẩn một người phương Tây.”

“Khởi đầu thế là tốt, nếu con đã có chủ ý tốt,” trưởng lão nói. “Trước tiên hãy học tính khiêm nhường.”

“Muốn thế phải làm gì ạ?” Ka hỏi. Tính châm chọc lại làm ông ngửa ngáy.

“Tối đến, sau khi ăn xong, những ai muốn nói chuyện với ta hãy ngồi vào góc ghế băng, nơi ta vừa đặt con ngồi xuống,” trưởng lão giải thích. “Mọi người đều là anh em của nhau.”

Ka nhận ra đám người ngồi trên ghế và gối trong phòng thực ra đang xếp hàng đợi được ngồi lên góc ghế băng. Ông đứng dậy, biết rằng trưởng lão dành nhiều chú ý cho họ hơn cho mình và lẽ ra, như một người Âu tốt nhất nên ngồi hàng tận sau cùng và kiên nhẫn chờ. Ông hôn tay trưởng lão lần nữa rồi ngồi xuống một chiếc gối tận ngoài rìa.

Ngồi cạnh ông là một người lùn tịt, trông vẻ thân thiện, răng hàm bọc vàng. Ông ta nhỏ xíu và

Ka đang rối trí đến nỗi ông nghĩ người này tới đây để xin trưởng lão chữa cho tật còi cọc của mình. Ngày ông còn bé, ở Niṣantaṣi có một người lùn rất sang trọng, mỗi buổi chiều ông ta mua của những người Di gan ở quảng trường Niṣantaṣi một bó hoa violet hay một bông cẩm chướng lẻ. Người đàn ông ngồi cạnh Ka cho biết, ông là chủ quán trà ở phố Inönü và hôm nay có thấy ông đi ngang qua, tiếc là Ka không ghé vào quán nhưng ông mong Ka ngày mai sẽ vào uống trà. Lúc đó ông chủ đội xe buýt mất lác xen vào, thì thầm kể là ngày xưa ông rất đau khổ vì một thiếu nữ, đắm ra rượu chè và quây phá đến mức không chấp nhận Allah, nhưng sau này mọi sự qua đi và ông quên hết. Trước khi Ka kịp hỏi ông ta có cưới cô gái ấy không, ông ta nói tôi nhận ra là cô ấy không hợp với mình.

Trưởng lão đang phản đối chuyện tự sát. Tất cả im lặng nghe, vài người gật đầu. Ka và hai người ngồi cạnh thì thảo trò chuyện tiếp. “Còn có mấy vụ tự tử nữa cơ,” người lùn kể, “nhưng nhà nước ém đi, giống như bên dự báo thời tiết không báo trời trở lạnh hơn để tránh dư luận xôn xao. Nhưng lý do thực sự của đại dịch tự sát chẳng qua là vì họ đang gả bán mấy cô gái cho đám thầy tu già cả mà các cô không yêu.” Ông chủ đội xe buýt phản đối: “Hồi mới quen nhau, vợ tôi cũng không ưa tôi.” Nạn thất nghiệp, giá cả đắt đỏ, phi đạo đức và vô tín ngưỡng được ông ta nêu lên là lý do tự sát. Ka tự thấy mình đạo đức giả vì ông chấp nhận các lý lẽ của cả hai bên. Khi ông người lùn ngủ gật, ông chủ đội xe buýt mất lác đánh thức ông ta dậy. Im lặng kéo dài hồi lâu, và Ka cảm thấy sự thanh thản dâng lên trong lòng: họ ở xa trung tâm thế giới đến nỗi chẳng ai nghĩ ra chuyện đi tới đó làm gì; và trước những bông tuyết như treo lơ lửng trong không khí ngoài kia, ông cảm thấy mình sống ngoài trọng trường của trái đất.

Khi không ai chú ý đến Ka nữa, ông chợt cảm thấy một bài thơ mới đang trên đường đến. Ông đem cuốn vở trong người, với những trải nghiệm thu thập được trong bài thơ thứ nhất ông hoàn toàn tập trung nghe giọng nói cất lên trong lòng mình và lần này viết hết ba mươi sáu vần thơ ra giấy, không nghỉ tay giữa chừng lần nào. Đầu óc lơ mơ vì Raki, ông không an tâm lắm với bài thơ, nhưng lòng vẫn tràn ngập cảm hứng. Ông đứng dậy xin phép trưởng lão và lao ra ngoài, ngồi xuống bậc thang của bí thất và đọc to những dòng ghi trong vở. Ông thấy nó hoàn hảo như bài thơ thứ nhất.

Bài thơ nói về những gì Ka vừa trải nghiệm và mục kích. Bốn dòng dành cho đối thoại với trưởng lão về sự tồn tại của Thượng đế. Ý tưởng hối lỗi của Ka về “Allah của người nghèo”, liên tưởng về nỗi cô đơn, ý nghĩa kỳ bí của thế giới và cấu trúc đối xứng bí ẩn của cuộc sống, cũng như người đàn ông răng vàng, người mất lác và người lùn sang trọng tất cả cùng kể về cuộc đời mình. Thế nghĩa là gì? Ông tự hỏi trong khi ngạc nhiên về vẻ đẹp của những gì mình vừa viết ra. Bài thơ như của một người lạ viết vậy, và ông nghĩ chắc chính vì thế mình mới thấy được cái hay của nó. Nhưng ông cũng băn khoăn vì đã thấy nó hay, khi nghiền ngẫm lại bài thơ cũng như cuộc đời mình. Làm thế nào ông hiểu được cái đẹp của bài thơ?

Đèn trên cầu thang tắt đánh cách theo công tắc đặt giờ, tối om. ông tìm ra công tắc, bật sáng lên và nhìn vào trang vở trên tay lần nữa. Đầu đề bài thơ nảy ra trong óc. “*Đối xứng huyền bí*.” Ông viết lên trên bài thơ. Sau này ông coi việc tìm ra tiêu đề bài thơ một cách sớm sủa như vậy mình chứng rằng tất cả những bài thơ ấy - giống như thế giới này - không phải do ông tự thiết kế.

Bài thơ này, giống như bài thứ nhất. sẽ được ông xếp chỗ trên trục LÝ TRÍ.

NẾU KHÔNG CÓ THƯỢNG ĐẾ THÌ ĐÂU LÀ Ý NGHĨA CỦA MỌI THỐNG KHỔ MÀ NGƯỜI NGHÈO PHẢI CHỊU ĐỰNG?

Chuyện buồn của Necip

Trên đường từ bí thất của trưởng lão về khách sạn, Ka nghĩ mình sẽ gặp lại Ipek ngay. Đến phố Halit Paşa, ông đụng phải một đám đông đổ ra từ cuộc họp vận động bầu cử của đảng Dân tộc, sau đó ùn ùn một nhóm học sinh từ khóa luyện thi đại học về: bọn trẻ nói chuyện về chương trình ti vi tối qua, về ông giáo dạy Hóa kiêu căng, và nói xấu lẫn nhau hết như Ka và tôi ở lứa tuổi bọn chúng vẫn làm. Trước cửa một chung cư. Ka thấy một đứa bé gái nhỏ bám tay vào bố mẹ, vừa đi vừa khóc, chắc vừa đi ra khỏi phòng khám nha khoa ở tầng trên. Nhìn trang phục của họ, Ka biết ngay là họ cũng thuộc loại chẳng khá giả gì nhưng vẫn muốn làm tất cả những gì tốt nhất cho con gái, không đưa nó tới bệnh viện nhà nước mà ra bác sĩ tư, hy vọng sẽ làm nó đỡ đau hơn. Từ trong một cửa hàng bán tất phụ nữ, kim chỉ, bút màu, pin và băng nhạc vang ra giọng của Peppino di Capri hát bài “Roberta”. Ông nhớ lại hồi nhỏ từng nghe bài này trong radio khi ông chú cho đi dạo bằng ô tô đến Bosphorus trong mùa đông. Ông nghĩ rằng cơn ury mị đang trào lên trong lòng báo hiệu một bài thơ mới sắp đến và đi vào một quán trà, ngồi xuống bàn lấy bút và cuộn vở ra.

Ngồi một lúc với cây bút trong tay và mắt rung rung nhìn xuống trang giấy trống không, ông biết sẽ không viết ra vần thơ nào. Nhưng không vì thế mà ông bớt lạc quan. Quán trà chật ních dân thất nghiệp và học trò. Bên cạnh các tranh phong cảnh Thụy Sĩ dán trên tường, ông thấy mấy mẫu quảng cáo của nhà hát, tranh biếm họa cắt từ báo ra, thông báo về điều kiện thi tuyển công chức và chương trình thi đấu năm nay của đội Karsspor. Kết quả các trận giao hữu cho đến nay, chủ yếu toàn thua, được điền vào bằng nhiều màu mực. Bên cạnh trận gặp Erzurum bị thua 1:6, ai đó viết mấy dòng thơ mà hôm sau Ka chép nguyên xi vào bài “Toàn nhân loại và những tình cầu” của mình viết ra trong quán trà Anh Em Hạnh Phúc:

Nếu đột nhiên mẹ từ thiên đường bay xuống ôm chúng ta vào lòng.

Nếu ông bố độc ác của chúng ta không đánh mẹ - dù chỉ trong một tối hôm nay, Thì mi vẫn nghèo kiệt xác, cút mi vẫn đóng băng, tâm hồn mi vẫn héo mòn, còn gì nữa để chờ mong!

Đã chẳng may bị trôi dạt đến Kars, mi chỉ còn cách giật nước trôi tụt xuống hố xí cho xong!

Đầy lạc quan và vui sướng, Ka chép bài thơ đó vào vở. Vừa lúc đó Necip rời bàn mình tận cuối tiệm và đến ngồi cạnh ông. Cậu bé trông tươi tỉnh đến khó tin.

“Tôi rất mừng được gặp ông,” Necip nói. “Ông viết thơ à? Tôi xin ông tha lỗi cho mấy đứa bạn đã gọi ông là người vô thần. Lần đầu tiên trong đời bọn nó thấy một người vô thần. Nhưng thực ra ông không thể vô thần được, vì ông là một người rất tốt.” Cậu ta còn nói mấy chuyện nữa mà thoát tiên Ka không rõ chúng liên quan gì đến nhau: cậu trốn học cùng các bạn để tối nay ra nhà hát, nhưng tất nhiên cả lũ sẽ ngồi ở mấy hàng ghế cuối vì sợ bị ông hiệu trưởng “nhận dạng” trên tivi trong buổi truyền trực tiếp. Cậu rất khoái trốn khỏi trường. Cậu sẽ gặp các bạn ở Nhà hát nhân dân. Mọi người biết là Ka sẽ trình bày một bài thơ ở đó. Ở Kars ai cũng làm thơ, nhưng Ka là thi sĩ đầu tiên có thơ được xuất bản mà cậu ta được làm quen. Cậu có được phép mời ông uống trà không? Ka nói là ông đang vội.

“Thế thì tôi muốn hỏi ông một câu duy nhất, câu cuối cùng thôi.” Necip nói. “Nhưng không phải để xúc phạm ông như bọn bạn tôi đã làm. Tôi thực sự muốn biết.”

“Cậu cứ hỏi đi!”

Trước tiên Necip lập cập châm một điếu thuốc: “Nếu không có Thượng đế, thì nghĩa là không có thiên đường. Vậy hàng triệu người đang sống trong thiếu thốn, nghèo đói và áp bức cũng chẳng được lên thiên đường. Thế thì đâu là ý nghĩa của mọi thống khổ mà người nghèo phải chịu đựng? Chúng ta sống và gánh chịu mọi thống khổ ấy làm gì?”

“Có Allah chứ. Và có cả thiên đường.”

“Không, ông nói thế chỉ để an ủi, vì ông thương hại chúng tôi. Khi nào về Đức ông lại nghĩ như ngày xưa là không có Allah.”

“Từ nhiều năm nay, lần đầu tiên tôi thấy hạnh phúc,” Ka giải thích. “Có gì mà tôi lại không tin vào cái mà cậu tin?”

“Vì ông thuộc vào giới khá giả ở Istanbul” Necip đáp. “Họ đâu có tin vào Allah. Họ tin vào cái mà người Âu tin và tự cho mình đứng cao hơn người dân.”

“Có thể tôi thuộc vào giới khá giả của Istanbul thật.” Ka nói. “Nhưng bên Đức tôi là một kẻ kiết xác, chẳng ai cho tôi xu nào. Ở đó tôi bị áp bức.”

Cặp mắt đẹp của Necip mờ đi. Ka hiểu là cậu ta suy xét hồi lâu tình cảnh của ông. “Tại sao ông lại tức giận nhà nước rồi trốn sang Đức?” Cậu hỏi. Khi thấy Ka buồn rầu, cậu nói tiếp: “Gì thì gì, nếu giả sử tôi giàu có thì tôi sẽ tự xấu hổ và càng tin vào Thượng đế hơn.”

“Rồi sẽ một ngày tất cả chúng ta đều giàu có, đó là ý Thượng đế.” Ka nói.

“Không dễ dàng như ông nói đâu, tôi tin thế. Tôi cũng không phải loại ngờ nghệch, vả lại cũng chẳng muốn giàu có làm gì. Tôi muốn trở thành một nhà thơ, một nhà văn. Tôi đang viết một tiểu thuyết khoa học giả tưởng. Biết đâu nó được in trên một tờ báo ở Kars, tờ *Ngọn giáo*. Song tôi không muốn tiểu thuyết của tôi được xuất bản trên một tờ báo chỉ có bảy mươi lăm ấn bản bán ra, mà trên một tờ báo Istanbul in ra hàng nghìn bản cơ. Tôi có bản tóm tắt truyện đó đây. Tôi đọc cho ông nghe, ông xem có thể đem xuất bản được ở Istanbul không nhé?” Ka nhìn đồng hồ.

“Ngắn thôi.” Necip nói.

Đúng lúc đó thì ở Kars mất điện, cả thành phố tối mò. Necip đi ra quầy phục vụ trong ánh sáng hắt ra từ bếp gas, lấy một cây nến châm lửa và nhỏ mấy giọt lên đĩa, gắp nó vào đĩa rồi đặt lên bàn. Cậu đọc bằng giọng run rẩy từ những trang giấy nhàu nhĩ rút trong túi ra, thỉnh thoảng nghẹn giọng vì hồi hộp.

Năm 3579 trên hành tinh Gazzali hôm nay chưa được phát hiện, mọi người rất giàu có. Cuộc sống nhẹ nhàng hơn hôm nay nhiều, nhưng khác với những kẻ duy vật vẫn tin, con người không được thỏa mãn cuộc sống tâm linh của mình khi đã trở nên giàu có. Ngược lại, ai cũng rất băn khoăn tự hỏi mình về Tồn Tại và Hư Vô, Con Người và Thế Giới, Allah và các đồ đệ của Người. Vì vậy ở một góc tận cùng của hành tinh đỏ này khai trương một trường dạy khoa học Hồi giáo và thuật truyền giáo, thu nạp những môn sinh thông minh nhất và chăm chỉ nhất. Ở trường đó có một đôi bạn thân, họ tự gọi tên mình là Necip và Fazil theo Necip Fazil, tác giả nhiều cuốn sách mà cả hai cùng say mê đọc, tuy chúng được viết ra trước đó 1600 năm nhưng vẫn rất thời sự trong cách đặt vấn đề về phương Đông và phương Tây. Họ nghiền ngẫm nhiều lần tác phẩm đỉnh cao của bậc thầy lớn, cuốn *Phương Tây vĩ đại*, đêm đêm bí mật gặp nhau trong căn phòng nhỏ của Fazil ở tầng trên cùng, nằm dài cạnh nhau dưới tấm chăn bông chần, ngắm nhìn những bông tuyết xanh dương rơi xuống mái pha lê trên đầu và tan đi, so sánh mỗi bông tuyết ấy với một hành tinh rồi thầm

thì vào tai nhau về ý nghĩa của cuộc đời và những gì họ sẽ làm trong tương lai.

Tình bạn thanh cao của họ thường xuyên bị những kẻ tâm địa xấu xa đùa nhạo ghen tị hòng bôi bẩn, nhưng vô ích. Tuy nhiên đến một ngày có một chuyện xảy ra. Cả hai cùng yêu say đắm một nàng trinh nữ tên là Hican được bắn bằng ánh sáng lên thành phố xa xôi ấy. Ngay cả khi được biết rằng cha Hicran là kẻ vô thần, điều đó cũng không cứu nổi hai người thoát khỏi mối tình vô vọng nọ. Thậm chí còn củng cố niềm si mê của họ hơn nữa. Họ hiểu ra rằng một người trong họ là thừa trên hành tinh đỏ này, một trong hai phải chết. Vì vậy họ hứa với nhau: bất cứ ai chết, người đó sẽ sang thế giới bên kia một thời gian rồi quay lại, mặc cho khoảng cách đo bằng nhiều năm ánh sáng, để kể cho người kia về chuyện vẫn làm họ tò mò nhất - về cuộc sống sau khi chết.

Nhưng họ không thể đưa ra quyết định, ai sẽ chết và chết ra sao, vì cả hai đều biết rằng hạnh phúc thực sự chính là hy sinh vì người khác. Nếu một trong hai người, lấy ví dụ Fazil, đề nghị: “Cả hai đồng thời thọc tay trần vào ổ cắm điện” thì Necip lập tức nghĩ đó là mẹo để tự hy sinh, vì Fazil đã cố tình tháo nguồn ổ cắm điện của bạn mình. Những cố gắng ngập ngừng kiểu ấy kéo dài nhiều tháng trời và làm cả hai rất đau khổ. Rồi một hôm khi nghe giảng buổi tối về, Necip chợt thấy xác bạn trong phòng, mình xuyên đầy vết đạn.

Năm sau Necip cưới Hicran và kể cho cô nghe trong đêm tân hôn về thỏa thuận giữa hai người bạn, và vong hồn Fazil một ngày nào đó sẽ quay về. Còn Hicran kể rằng thực ra cô yêu Fazil, sau khi Fazil chết cô đã khóc mấy ngày ròng đến đỏ mắt và chỉ cưới Necip vì anh là bạn Fazil và trông giống Fazil. Do vậy họ không ngủ với nhau và cấm ngặt mọi âu yếm cho đến khi Fazil trở về.

Năm tháng trôi qua, đầu tiên hai tâm hồn và sau đó hai thể xác bắt đầu thèm khát nhau mãnh liệt. Một tối khi được truyền theo ánh sáng xuống một thành phố nhỏ tên là Kars dưới trần để kiểm tra, họ không chịu được nữa và yêu nhau như điên cuồng. Đường như cả hai đã quên bằng Fazil từng vò xé lương tâm họ như những cơn đau răng. Nhưng không phải, trong tim họ luôn luôn giữ mặc cảm tội lỗi ngày càng dâng cao, và nó làm họ kinh hoàng. Tới một đêm, cả hai cảm thấy ngạt thở bởi nỗi sợ hãi pha lẫn những cảm xúc kỳ quái. Họ nhổm dậy trên giường. Đúng lúc ấy chiếc ti vi đối diện giường họ tự động bật lên, Fazil hiện ra rõ rệt và trong suốt như một bóng ma. Trên trán và phía dưới môi anh những vết thương từ ngày bị sát hại vẫn tươi rói và rỉ máu.

“Tôi khổ quá,” Fazil nói. “Không xó xỉnh nào ở thế giới bên kia mà tôi chưa đặt chân tới. *(Necip nói: Tôi sẽ miêu tả tường tận cuộc du hành này với cảm hứng do Gazzah và 'Lời truyền Mecca' của Ibn al-Arabi đem lại.)* Các thiên thần của Allah đã chăm sóc tôi tận tình hết sức, tôi đã tới những nơi trên trời vẫn được coi là không đến nổi, đã chứng kiến các hình phạt khủng khiếp dưới địa ngục dành cho lũ vô thần đeo cà vạt và bọn theo chủ nghĩa thực chứng ngạo mạn chuyên chế nhạo tín ngưỡng của người khác, vậy mà tôi không được hạnh phúc, vì tôi luôn nhớ đến hai người ở đây.” Hai người kinh ngạc và hoảng sợ lắng nghe hồn ma bất hạnh.

“Tôi bất hạnh từ nhiều năm nay, không phải vì hai người được hạnh phúc như tôi mục kích đêm nay. Trái lại tôi ước Necip được hạnh phúc hơn chính mình. Vì chúng tôi là hai người bạn yêu mến nhau đến nỗi không thể tự sát hoặc người này giết người kia. Chúng tôi đã tạo cho nhau một vỏ sắt bất tử, vì ai cũng coi trọng cuộc sống của người kia hơn chính cuộc sống của mình. Một cảm giác hạnh phúc xiết bao! Nhưng cái chết của tôi đã minh chứng tức khắc là tôi quá nhảm khi tin vào cảm giác đó.”

“Không!” Necip kêu lên. “Không bao giờ tôi coi trọng cuộc sống của tôi hơn của bạn!”

“Nếu quả thực đúng thế thì tôi đã không chết,” Fazil nói. “Và bạn đã không bao giờ cưới Hicran xinh đẹp. Tôi đã chết vì bạn đã ngấm ngấm muốn thế, dù cho không tự thú với chính mình.”

Mặc cho Necip phản kháng, hồn ma không nghe.

“Không chỉ riêng mối hoài nghi rằng bạn muốn tôi chết khiến tôi chẳng tìm được yên ổn ở thế giới bên kia, mà cả nghi vấn rằng bạn đã nhúng tay vào vụ này và tòng phạm với kẻ thù của Sharia, khi giữa đêm đen tôi đang ngủ trong phòng thì bị bắn vào đầu một cách hèn hạ.” hồn ma nói.

Necip im lặng và không phản kháng nữa.

“Có một cách duy nhất để tôi được giải thoát khỏi nghi vấn ấy và lên thiên đường, cũng như để bạn tẩy rửa được nỗi ngờ vực tội lỗi khủng khiếp ấy,” hồn ma nói. “Hãy tìm ra kẻ giết tôi, bất kể đó là ai! Bảy năm và bảy tháng đã trôi qua nhưng người ta không tìm nổi một nghi can. Tôi muốn trả thù những kẻ nhúng tay vào vụ giết tôi, cả những kẻ chỉ ước tôi chết đi. Tôi không tìm được yên ổn trên thế giới kia, chừng nào đồ hèn hạ ấy chưa bị trừng trị, và hai người sẽ không tìm được yên ổn ở cái thế giới tạm mà hai

người vẫn tưởng là thế giới thực sự này.”

Trước khi cặp tình nhân xáo động và đâm lẹ nói được lời chống đỡ nào, hồn ma vụt biến mất khỏi màn hình.

“Rồi sao nữa?”, Ka hỏi.

“Tôi cũng chưa biết còn gì nữa,” Necip trả lời. “Ông có tin là truyện này bán được nếu tôi viết ra?”

Không thấy Ka nói gì, cậu vợ bồi thêm: “Nhưng đăng nào tôi cũng chỉ viết những gì mà trong thâm tâm tôi tin tưởng từng chữ. Ông nghĩ sao, câu chuyện này nói lên điều gì? Ông cảm nhận gì khi tôi đọc?”

“Tôi thất kinh khi nhận ra niềm tin sắt đá của cậu, rằng cuộc sống này chỉ là bước chuẩn bị cho cuộc sống sau đó mà thôi.”

“Đúng, tôi tin vậy,” Necip thốt lên đầy phấn khích. “Nhưng chưa đủ. Thượng đế muốn chúng ta cũng hạnh phúc ở thế giới này cơ. Song sao mà khó khăn thế?”

Họ im lặng và nghĩ đến khó khăn ấy.

Điện sáng trở lại, nhưng trong quán trà tiếp tục im lặng tựa như bóng tối vẫn tồn tại. Chủ quán đập tay lên chiếc ti vi không chịu bật trở lại.

“Chúng ta đã ngồi đây được hai mươi phút,” Necip nói. “Bạn bè của chúng ta chắc tò mò sốt ruột lắm.”

“Bạn bè của chúng ta?” Ka hỏi. “Trong đó có Fazil không? Đó là tên thật của hai cậu à?”

“Dĩ nhiên tên tôi và tên Necip trong truyện là tự đặt, ông hỏi như gián điệp ấy! Nhưng Fazil không đến những địa điểm như thế này.” Necip trả lời đầy bí hiểm. “Trong bọn tôi, Fazil là tín đồ Hồi giáo mộ đạo nhất và cũng là người mà tôi tin cậy nhất. Nhưng nó sợ bị ghi vào hồ sơ cá nhân và bị đuổi học nếu dính dáng đến chính trị. Nó có một người chú bên Đức sẵn sàng đón nhận. Chúng tôi yêu mến nhau như hai người bạn trong câu chuyện kia, và tôi tin là nó sẽ về lại Thổ trả thù cho tôi nếu ai đó giết tôi. Thực ra chúng tôi gần nhau hơn cả hai người trong truyện tôi vừa kể, và dù xa cách đến mấy thì một trong hai chúng tôi cũng biết người kia đang làm gì.”

“Thế bây giờ Fazil đang làm gì?”

“Hừm,” Necip lấy dáng điệu khá kỳ cục. “Nó đang đọc sách trong phòng ngủ.”

“Hicran là ai?”

“Tên thật của cô ấy cũng khác. Nhưng Hicran không phải tên cô ấy tự đặt cho mình, mà do chúng tôi đặt cho. Có mấy người liên tục viết thư tình hay làm thơ cho cô ấy, nhưng lại sợ không dám gửi đi. Giả sử tôi có con gái thì tôi sẽ muốn nó xinh đẹp, thông minh và dũng cảm như cô ấy. Hicran là thủ lĩnh của “các cô gái trùm khăn”, cô ấy không biết sợ là gì và là một người đặc biệt. Thực ra ban đầu cô ấy chịu ảnh hưởng của ông bố vô thần và không công nhận Thượng đế. Cô làm người mẫu ở Istanbul. lên ti vi trưng cả đùi vế ra. Nghe nói cô ấy về đây để quay quảng cáo dầu gội đầu cho ti vi. Cô ấy sẽ đi dọc đường Gazi Ahmed Muhtar, con phố nghèo nhất, bẩn nhất, nhưng cũng đẹp nhất ở Kars, đột ngột dừng chân trước máy quay phim, với một cái hất đầu cô để sóng tóc vàng sẫm tuyệt diệu dài đến tận hông bung ra uốn lượn như một lá cờ và nói: *‘Mặc cho bụi bặm ở thành phố Kars tuyệt đẹp tóc tôi vẫn luôn óng mượt và lấp*

lánh - nhờ Wella!' Phim quảng cáo này rồi sẽ được chiếu khắp thế giới, và cả thế giới sẽ chê cười chúng tôi. Nhưng hồi đó chúng tôi có hai thiếu nữ, trong số các cô gái ở đại học sư phạm mới bắt đầu cuộc chiến khăn trùm đầu, nhận ra cô ấy trên màn vô tuyến và từ các hình ảnh trên báo chí lá cải đăng tải những vụ bê bối của cô ấy với bọn thanh niên nhà giàu ở Istanbul. Họ ngầm khâm phục cô và mời cô đi uống trà. Hicran đến, cốt để thể nhạo họ. Ở đó cô nhanh chóng ngán các thiếu nữ kia đến tận cổ và nói: 'Nếu tôn giáo *'của các cô'* - vâng - đúng là cô ấy nói *'của các cô'* chứ không phải *'của chúng ta'* - 'cấm để lộ tóc, còn luật nước thì cấm trùm kín tóc, vậy hãy cạo trọc đi như - cô nêu tên một ngôi sao nhạc rách ngoại bang - và xỏ khuyên vào mũi đi! Thế giới sẽ chú ý đến các cô!'

Các thiếu nữ của chúng ta quá bất ngờ trước lời tấn công đến nỗi họ cùng cười với cô về sự báng bổ ấy! Được khuyến khích, Hicran nói: 'Bỏ miếng vải kia khỏi mái tóc xinh đẹp của các cô đi, nó chỉ đẩy các cô trở lại thời Trung cổ tối tăm thôi'. Rồi đặt tay lên đầu cô gái ngốc nghếch nhất định kéo khăn xuống. Chợt tay cô cứng đờ ra. Lập tức cô sụp xuống đất và xin cô gái đó tha tội. Mà ông nghĩ xem, cô gái đó thuộc loại cực kỳ ngốc nghếch, và anh trai cô ta học cùng lớp chúng tôi, cũng là một thằng đàn siêu hạng. Hôm sau cô lại đến thăm họ. Hôm sau nữa cũng đến. Sau đó cô nhập hội với họ và không quay về Istanbul nữa. Ông hãy tin tôi, cô ấy là một vị thánh đã biến chiếc khăn trùm đầu thành ngọn cờ chính trị của phụ nữ xứ Anatolia bị áp bức!"

"Tại sao trong truyện cậu không nói gì thêm về cô ấy, ngoài việc cô ấy là trinh nữ?" Ka hỏi. "Tại sao Necip và Fazil không hỏi để biết quan điểm của Hicran, trước khi muốn giết nhau vì cô ta?"

Sự im lặng căng như dây đàn, trong khi cặp mắt đẹp của Necip - tất nhiên chưa biết rằng hai giờ ba phút sau đó một con mắt sẽ bị đạn xé toang - ngược lên đầy suy tư, ánh mắt cậu rời mắt đường để hướng lên làn tuyết rơi xuống từ bóng tối như một bài thơ chậm chậm chảy. Rồi Necip thì thầm: "Kia kìa! Cô ấy đấy!"

"Ai?"

"Hicran! Ngoài đường kia kìa!"

TÔI KHÔNG TRANH LUẬN VỀ TÔN GIÁO CỦA MÌNH VỚI MỘT NGƯỜI VÔ THẦN

Đi dạo trong tuyết với Kadife

Cô gái đi từ ngoài đường vào mặc một chiếc áo mưa tím, đeo cặp kính đen khiến cô giống một nhân vật chính trong phim khoa học giả tưởng đội trên đầu chiếc khăn trùm đã thành biểu tượng của Hồi giáo chính trị, một chiếc khăn bình thường như Ka từ bé đến giờ vẫn thấy ở hàng nghìn phụ nữ khác. Nhận ra cô gái đi thẳng đến chỗ mình, Ka đứng bật dậy như một học trò thấy thầy giáo vào lớp.

“Tôi là Kadife, em gái của Ipek.” cô gái nói thoáng nở nụ cười. “Mọi người đang đợi ông tới ăn tối. Cha tôi bảo tôi đi đón ông.”

“Sao cô biết tôi ở đây?” Ka hỏi.

“Ở Kars ai ai cũng biết về nhau bất cứ lúc nào,” Kadife đáp, bây giờ thì thiếu nụ cười. “Miễn là chuyện đó xảy ra ở Kars.”

Về mặt cô hiện nổi đau, Ka chẳng hiểu gì cả. Ông giới thiệu Necip “thi sĩ – tiểu thuyết gia bạn tôi!” Hai người nhìn nhau nhưng không bắt tay. Ka coi đó là một biểu hiện căng thẳng. Mãi về sau này, khi Ka tái hiện lại mọi sự kiện trong trí nhớ. Ông sẽ nhận ra là hai người ấy không bắt tay nhau vì tuân thủ những phép tắc Hồi giáo. Mặt Necip tái nhợt khi nhìn cô, tựa như đó là Hicran đến từ vũ trụ, nhưng cách xử sự của Kadife hoàn toàn tự nhiên, nên không ai trong đám đàn ông ở quán trà quay lại nhìn cô cả. Cô cũng không đẹp bằng Ipek chị mình.

Nhưng khi cùng cô đi dọc phố Atatürk dưới trời tuyết, ông cảm thấy rất hạnh phúc. Ông thấy cô rất hấp dẫn, vì ông có thể chuyện trò thoải mái với cô trong khi nhìn thẳng vào khuôn mặt trong trẻo và sáng sủa của cô viền trong tấm khăn - không sắc nét bằng khuôn mặt chị cô, và nhìn sâu vào mắt cô - màu nâu nhạt như mắt chị cô. Ông tự hỏi có phải như thế là mình thiếu chung thủy với Ipek.

Trước tiên, cô làm Ka bất ngờ khi nói về khí tượng học. Kadife biết chi tiết cứ như đám ông bà già vốn không biết sử dụng ngày giờ bằng cách nào khác là suốt buổi nghe tin tức trên đài. Cô kể nào đợt lạnh đến từ vùng áp thấp này còn kéo dài hai hôm nữa, nghĩa là có thể đường sá còn bị tắc thêm hai ngày nếu tuyết tiếp tục rơi, nào ở Sarikamış tuyết đã cao đến 160 phân, dân chúng ở Kars không tin vào dự báo thời tiết và có tin phong thanh là nhà nước thông báo nhiệt độ cao hơn sự thật đến năm, sáu độ để dư luận đỡ xôn xao (tuy nhiên không ai khác từng nói với Ka chuyện này). Nào hồi còn bé ở Istanbul, Ipek và cô hay ước gì tuyết rơi mãi: tuyết đánh thức trong họ cảm giác cuộc sống tươi đẹp và ngăn ngui xiết bao, khiến họ nhận ra con người thật giống nhau mặc cho mọi hiềm thù, nhận ra vũ trụ và thời gian quá xa vời và thế giới con người chật hẹp lắm. Vì thế con người cần lại gần nhau khi trời có tuyết, tựa như tuyết phủ

lên tất cả các thù hằn, ham hố và căm hờn, đưa người ta xích lại gần nhau hơn.

Hai người không nói gì một lát lâu. Họ không gặp ai khi đi suốt phố Şehit Cengiz Topel, nơi các cửa hàng đóng im ỉm. Ka vui mừng bao nhiêu khi đi dạo trong tuyết với Kadife thì cũng bối rối bấy nhiêu. Ông hướng mắt vào ánh đèn sáng trong cửa sổ bày hàng phía cuối phố - hầu như lo ngại sẽ si mê cả Kadife nếu ông nhìn vào mặt cô lần nữa. Ông có thật là yêu chị cô không? Trong lòng ông là ước muốn bằng lý trí được yêu Ipek như điên như rồ, ông biết chứ. Đi tới cuối phố thì họ thấy một tờ giấy nhỏ dán trên cửa kính quán bia Vui. Trên đó viết: "Vì buổi diễn tối nay ở nhà hát, hoãn cuộc họp với Zihni Sevük, ứng viên thị trưởng đáng kính của đảng Tự do." Sau cửa sổ là cả nhóm diễn viên quây quanh Sunay Zaim đang chén chú chén anh tung bừng cứ như đó là ly rượu cuối cùng trong đời họ vậy, mà chỉ hai mươi phút nữa là mở màn.

Giữa những áp phích vận động bầu cử dán trên cửa kính quán rượu, Ka nhìn thấy khẩu hiệu in trên giấy vàng: "Con người là tuyệt tác của Thượng đế, tự vẫn là báng bổ Thượng đế!" và hỏi Kadife nghĩ gì về vụ Teslime tự tử.

"Ông sẽ kể về Teslime trên các báo Istanbul và báo Đức như một chuyện ăn khách, đúng không?" Kadife hơi bất bình.

"Tôi làm quen Kars lại từ đầu," Ka nói. "Càng quen với thành phố này hơn, tôi càng có cảm giác không tài nào giải thích được cho người bên ngoài hiểu những gì xảy ra ở đây. Tôi rơi nước mắt vì cái mong manh của đời người cũng như sự vô ích của mọi khổ ải."

"Chỉ những người vô thần không bao giờ phải chịu khổ ải mới nói rằng chịu khổ ải là vô ích," Kadife nói. "Vì thậm chí cả những người vô thần chỉ cần chịu đựng chút ít đọa đày cũng không giữ được hoài nghi tôn giáo nữa và đi theo tín ngưỡng."

"Nhưng Teslime chết trong hoài nghi, vì cô ấy đã tự sát khi tới cực điểm của đọa đày," Ka phản công với tính cứng đầu được rượu hỗ trợ.

"Vâng, nếu Teslime chết do tự tử thì có nghĩa là cô ấy phạm tội tự giết mình. Vì câu 29 chương *Phụ Nữ* của kinh Koran thiêng liêng đã nói rõ ràng là cấm tự tử. Nhưng khi bạn gái của chúng tôi tự sát và phạm tội thì không có nghĩa là trong tim chúng tôi giảm bớt cảm tình sâu nặng đối với cô ấy, một cảm tình không kém dành cho người yêu."

"Cô muốn nói là con tim chúng ta vẫn được yêu những kẻ bất hạnh khi họ có hành vi bị tôn giáo lên án?" Ka hỏi như thể mớm lời cho Kadife. "Cô định nói là đức tin của chúng ta vào Thượng đế nay không xuất phát từ tim mà từ óc, như những người phương Tây?"

"Kinh Koran thiêng liêng là lệnh của Thượng đế, và những mệnh lệnh rõ ràng của Người không phải thứ để chúng ta, các nô bộc của Người, đem ra tranh luận," Kadife trả miếng đầy tự tin. "Điều đó dĩ nhiên không có nghĩa là chẳng có gì trong tôn giáo của chúng tôi có thể được đem ra tranh luận. Nhưng tôi không đi tranh luận về tôn giáo của tôi ngay cả với một người thế tục, huống chi là với một người vô thần, xin ông thứ lỗi cho."

"Cô nói đúng."

"Và tôi không thuộc vào đám tín đồ Hồi giáo giả dối muốn giải thích cho những người thế tục rằng đạo Hồi là một đạo thế tục." Kadife mỉm cười.

"Cô lại nói đúng," Ka không cười.

Họ im lặng đi tiếp. Liệu ông có thể yêu cô thay vì yêu chị cô không? Ka biết rất rõ là ông không thể cảm thấy kích thích gì trước một cô gái trùm khăn, nhưng ông không tránh được

một thoáng suy tư ngầm ngầm về đề tài ấy.

Khi họ bước chân đến phố Montenegro nhộn nhạo, ông chuyển sang nói về thơ, vụng về xen chuyện Necip là một nhà thơ và hỏi Kadife có biết rằng ở trường tôn giáo có đông đảo người hâm mộ cô với cái tên Hicran - U buồn”.

“Với tên nào cơ?”

Ka kể ngắn gọn những chuyện đã nghe về Kadife với tư cách thủ lĩnh các thiếu nữ trùm khăn.

“Chẳng có gì trong đó đúng sự thật,” Kadife nói. “Tôi cũng chưa bao giờ nghe chuyện đó từ các bạn tôi ở trường tôn giáo cả.” Đi được vài bước, cô mỉm cười nói thêm: “Nhưng chuyện đầu gối đầu thì tôi có nghe.” Rồi cô kể về một nhà báo giàu có đáng ghét ở Istanbul đã đề nghị các cô gái trùm khăn cạo tóc đi nhằm gây chú ý của giới truyền thông phương Tây, xác định đó là nguồn phát mọi tin về cô. “Trong vụ này chỉ có một chi tiết đúng: lần đầu đến chỗ các bạn gái tôi, những cô gái trùm khăn, đúng là tôi chỉ có ý định chế nhạo họ. Tôi cũng tò mò nữa. Quả thật là tôi đến đó với tò mò pha lẫn nhạo báng.”

“Rồi chuyện gì đã xảy ra?”

“Tôi về đây vì điểm thi của tôi đủ vào đại học sư phạm và chị tôi đã ở Kars sẵn rồi. Những cô gái ấy trở thành bạn cùng lớp với tôi. Không có tín ngưỡng thì người ta cũng đến nhà nhau khi được mời. Mặc cho quan điểm của tôi ngày ấy có khác tôi vẫn hiểu được họ. Bố mẹ họ đã giáo dục họ như thế. Thậm chí nhà nước cũng ủng hộ họ khi tổ chức tiết học về tôn giáo. Sau nhiều năm nói với các cô gái ấy “che tóc đi!” bây giờ họ lại ra lệnh cho chính những cô ấy “để đầu trần ra, nhà nước muốn thế!” Và đến một hôm thì tôi cũng trùm khăn lên đầu, chỉ để biểu thị thái độ chính trị. Tôi vừa hơi sợ việc mình đã làm, vừa thấy buồn cười. Có thể vì tôi nhớ lại rằng tôi là con gái một người cha luôn đối lập với nhà nước. Khi gia nhập nhóm ấy, tôi hoàn toàn chắc chắn là chỉ đến mai mình sẽ chấm dứt. Một kỷ ức chính trị hay hay để vài năm sau nhớ lại như một chuyện tiểu lâm thô thiển, một “nghĩa cử của tự do” thời niên thiếu. Nhưng nhà nước, cảnh sát và báo chí ở đây nhảy xổ vào xâu xé tôi, không để tôi kịp thể hiện tính tự trào và đùa cợt của sự việc rồi rút chân ra khỏi. Họ bắt giam tất cả chúng tôi, mượn cớ là tham gia biểu tình trái phép. Hôm sau được thả, giá lúc đó tôi nói “Thôi, tôi xin thôi, đảng nào thì ngay từ đầu tôi cũng không tin”, thì cả thành phố sẽ nổ vào mặt tôi. Bây giờ tôi ngộ ra rằng Allah đem lại toàn bộ áp lực ấy để tôi tìm ra con đường đúng. Đã có thời tôi là người vô thần giống ông. Ông đừng nhìn tôi thế, tôi có cảm giác là ông thương hại tôi!”

“Tôi không nhìn cô với ý ấy.”

“Có đấy. Tôi không nghĩ tôi đáng cười hơn ông. Tôi cũng không cho là tôi trội thế hơn ông. Nói rõ để ông biết!”

“Cha cô nghĩ gì về tất cả vụ này?”

“Chúng tôi tương đối làm chủ tình thế, nhưng nó đang tiến triển theo hướng thoát khỏi tầm tay khiến chúng tôi lo ngại, vì gia đình chúng tôi rất yêu nhau. Ban đầu cha tôi tự hào về tôi; hôm đầu tiên khi tôi trùm khăn đến trường, ông coi đó như một dạng nổi loạn đặc biệt. Ông soi gương cùng tôi trong chiếc gương đồng thau của mẹ tôi để lại, xem chiếc khăn trùm của tôi có đẹp không, và hôn tôi trước gương. Ngay cả khi ít nói về việc này thì chúng tôi cũng rõ: hành động của tôi đáng được kính nể; không phải vì nó mang tính Hồi giáo mà vì chống lại nhà nước. Lập trường của cha tôi: *đúng là con gái ta*. Nhưng ông có nỗi lo sợ ngầm ngầm giống tôi. Tôi biết cha tôi lo sợ hôm bọ nó túm tôi. và ông bị lương tâm cắn rứt. Ông cam đoan là cảnh sát chính trị không theo dõi tôi mà theo dõi ông. Nhân viên của Bộ an ninh quốc gia ngày xưa hằng hái rình rập phái tả, phái dân chủ, hôm nay theo dõi những người theo tôn giáo; để hiểu là họ

bắt đầu với con gái một phần tử tranh đấu cũ, đại loại là thế. Nhưng sự việc đã đi đến mức tôi bắt đầu coi ý định của mình là nghiêm túc, và cha tôi buộc phải ủng hộ con gái trong từng nhất cử nhất động, nhưng việc đó đối với ông ngày càng khó hơn. Có những người già để tất cả các thứ tiếng động trong nhà: tiếng lò sưởi tí tách, tiếng bà vợ mè nheo bất tận, tiếng bản lề cửa kéo kẹt lọt vào tai mà không ghi nhận gì hết. Bây giờ trong chuyện tôi đấu tranh cùng các cô gái trùm khăn thì cha tôi cũng thế. Đôi khi một cô trong bọn tôi đến nhà, ông diễn vai kẻ vô thần hèn mạt, nhưng rồi cuộc chèo lái về hướng châm chọc nhà nước cùng họ. Tôi tổ chức các buổi gặp mặt ở nhà, vì tôi coi đó là dấu hiệu trưởng thành của các thiếu nữ khi họ không ngậm mồm mà đối đầu với cha tôi. Hôm nay cũng sẽ có mặt một cô trong bọn tôi, tên là Hande. Sau vụ Teslime tự sát, do áp lực của gia đình, Hande quyết định bỏ tóc ra, nhưng nay cô không biết mình có đủ sức thực thi quyết định ấy hay không. Thỉnh thoảng cha tôi nói, mọi việc gọi lại kỷ niệm thời xưa ông là người cộng sản. Có hai loại cộng sản: loại ngạo mạn hết lòng theo đuổi sự nghiệp nhào nặn quần chúng thành thứ gì đó tử tế, cải thiện đất nước; loại kia thì trong trắng, hành động vì công lý và bình đẳng. Loại ngạo mạn thì say quyền lực, chỉ cho tất cả mọi người phải đi hướng nào; loại này chỉ đem lại sự tồi tệ. Ngược lại thì loại trong trắng chỉ hứng cái tồi tệ lên đầu mình, song đó lại chính là cái họ muốn. Vì cần rút lương tâm mà muốn chia sẻ mọi khổ ải với người nghèo, bản thân họ tự nguyện khoác lấy khổ đau. Cha tôi từng làm giáo viên. Người ta đẩy ông ra khỏi ghế công chức, tra tấn ông, rút một móng tay và tống ông vào ngục. Nhưng ông vẫn cố kiên trì. Ông cùng mẹ tôi bán văn phòng phẩm trong nhiều năm, chạy máy photocopy. Có thời cha tôi còn dịch tiểu thuyết từ tiếng Pháp, có thời ông đi gõ cửa từng nhà chào bán từ điển trả góp. Những ngày chúng tôi rất bất hạnh và nghèo khổ, có khi ông đột nhiên ôm chúng tôi khóc. Ông lúc nào cũng kinh sợ có chuyện gì xảy ra với chúng tôi. Ông đã sợ ngay khi cảnh sát vào khách sạn sau vụ ảm sát ông hiệu trưởng đại học sư phạm. Có người kể với tôi là ông đã gặp Lam. ông đừng cho cha tôi biết!”

“Tôi sẽ không đả động đến,” Ka nói. Ông dừng bước và phúi tuyết bám trên áo khoác. “Không phải đường này về khách sạn à?”

“Về đường này cũng được. Tuyệt không ngại mà chuyện để nói cũng không hết. Tôi chỉ cho ông xem phố Hàng Thịt nữa. Lam muốn gì ở ông?”

“Không muốn gì cả.” Anh ta có nhắc đến tôi, cha tôi hay chị tôi không?” Ka thấy vẻ lo lắng trên mặt Kadife.

“Tôi không nhớ,” ông nói.

“Ai cũng sợ anh ta. Chúng tôi cũng thế. Mấy cửa hiệu này là của những hàng thịt danh tiếng nhất thành phố.”

“Hàng ngày cha cô làm gì?” Ka hỏi. “Ông ấy không rời khách sạn bao giờ à?”

“Cha tôi điều hành khách sạn, giao việc cho mọi người, từ quản lý đến người quét dọn, thợ giặt, bồi bàn. Chị tôi và tôi cũng góp một tay. Nhưng cha tôi rất ít khi ra khỏi nhà. Tử vi của ông là cung nào?”

“Cung Song Sinh,” Ka nói. “Song Sinh nghe nói là ứng với người ưa dối trá, nhưng tôi không rõ.”

“Ông không rõ cung Song Sinh dối trá hay không rõ mình có dối trá không?”

“Nếu cô tin vào sao chiếu mệnh thì cô phải nhận ra hôm nay là một ngày cực kỳ đặc biệt của tôi.”

“Vâng, chị tôi kể là hôm nay ông đã viết một bài thơ.”

“Chị cô cái gì cũng kể cho cô nghe à?”

“Ở đây chúng tôi có hai chuyện để giải trí: nói chuyện về mọi thứ và xem ti vi. Chúng tôi nói chuyện cả lúc xem ti vi và xem ti vi trong lúc nói chuyện. Chị tôi rất đẹp, đúng không?”

“Đúng thế,” Ka lịch sự đáp. “Nhưng cô cũng đẹp.” Ông ngoan ngoãn phụ thêm. “Cô cũng kể cho Ipek nghe hết mọi chuyện chứ?”

“Không.” Kadife nói. “Nên có một bí mật giữa hai chúng ta. Bí mật chung là khởi đầu thuận lợi cho một tình bạn tốt.” Cô phủi tuyết đọng đầy trên áo mưa dài màu tím.

ÔNG LÀM THƠ NHƯ THẾ NÀO?

Nói chuyện về tình yêu, khăn trùm

và tự sát trong bữa tối

Họ thấy một đám người trước Nhà hát nhân dân đứng chờ buổi “biểu diễn” sắp bắt đầu. Mặc cho tuyết rơi như không bao giờ chịu ngưng, tất cả tụ tập trên vỉa hè trước ngôi nhà trên trăm năm tuổi: những người thất nghiệp và không vai vế tụ họp ở đây để ít nhất được thay đổi không khí, thanh niên áo vest thắt cà vạt đến từ ký túc xá hoặc từ nhà, trẻ con trốn gia đình đi chơi. Cả những gia đình cùng con cái cũng có mặt. Lần đầu tiên Ka thấy ở Kars một chiếc ô đen mở ra. Kadife biết là trong chương trình có thơ của Ka, nhưng Ka không để cô hỏi tiếp bằng cách thông báo là ông sẽ không đến nhà hát và đằng nào cũng chẳng có thì giờ.

Ông linh cảm một bài thơ mới đang trên đường đến. Ông ráng bước đi nhanh và cố không nói chuyện gì khác nữa cho đến khi vào khám san. Lấy có muốn ăn mặc tử tế để đi ăn tối, ông lên phòng ngay, cởi áo khoác, ngồi xuống bàn và vội vã viết. Chủ đề chính của bài thơ là tình bạn và các bí mật chung. Tuyết, sao trời, xúc cảm từ những ngày hạnh phúc trôi qua đều được đưa vào bài thơ, cũng như vài câu nói của Kadife được dùng lại nguyên vẹn. Ka theo dõi một cách khoái trá và sung sướng các vần thơ nối nhau hiện ra trên giấy như ngắm một bức họa. Trí óc ông giờ phát hiện ra một logic ẩn trong những đề tài mà ông đã bàn luận với Kadife. Trong bài thơ “*Tình bạn giữa các vì sao*” này ông lý luận rằng mỗi người có một ngôi sao, mỗi ngôi sao có một sao bạn, và mỗi người mang vì sao đó lại có một người phản chiếu lại ánh sáng của nó, người ấy như là một tâm phúc của người này.

Sau này ông ghi chú rằng đây đó bị thiếu một số vần thơ tuy ông hoàn toàn cảm nhận được âm hưởng và sự hoàn hảo của bài thơ trong tim. Vì còn mãi nghĩ đến Ipek và bữa ăn tối mà ông đến muộn, cũng như vì nỗi hạnh phúc thái quá của mình.

Khi làm xong bài thơ, ông chạy vội qua tiền sảnh tới căn hộ nhỏ của ông chủ khách sạn. Một chiếc bàn kê giữa gian nhà rộng, trần cao. Ngồi đầu bàn là Turgut Bey ở giữa hai con gái ông, Kadife và Ipek. Bên bàn còn một cô gái thứ ba trùm chiếc khăn tím lịch thiệp, nhất định là bạn gái Hande của Kadife. Đối diện với cô gái là nhà báo Serdar Bey. Vẻ đẹp và sự lộn xộn khác thường của bàn ăn giữa nhóm người mang vẻ hài lòng vì được ngồi với nhau cũng như động tác tươi tắn khéo léo của bà giúp việc Zahide người Kurd tất bật chạy từ bếp ra phòng khiến ông nhận ra ngay là Turgut và hai con gái ông đã có thói quen tối tối ngồi quây quần ở đây.

“Cả ngày hôm nay tôi đã nghĩ đến ông và lo cho ông, ông ở đâu lâu vậy?” Turgut hỏi và nhồm đậy. Bất chợt ông tiến đến gần Ka rồi ôm ông thăm thiết, làm Ka muốn trào nước mắt. “Bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra những chuyện khủng khiếp,” mặt ông lộ vẻ bi ai.

Ka ngồi xuống cuối bàn, chỗ Turgut chỉ cho ở phía đối diện.

Ông lúng túng xúc món xúp đậu được bung ra. Sau khi hai người đàn ông bên bàn bắt đầu uống Raki và sự chú ý của cả nhóm đã rời ông để chuyển qua màn hình tivi sau lưng ông, Ka được làm một việc mà ông đã muốn làm từ lâu: tha hồ ngắm khuôn mặt xinh đẹp của Ipek.

Tôi biết rõ Ka cảm nhận gì trong khoảnh khắc này, vì sau này ông đã chép lại tường tận cảm giác hạnh phúc bao trùm và vô biên ấy trong cuốn vở: tay chân ông liên tục động cựa như những đứa trẻ sung sướng và sốt ruột ngọ nguậy, như chực đuối theo cho kịp giờ chuyển tàu đưa ông và Ipek đi Frankfurt. Ông tưởng tượng ra ánh sáng nay đang tỏa ra từ cây đèn trên màn làm việc của Turgut Bey ngồn ngộn sách báo, sổ sách và hóa đơn của khách sạn, chỉ vài hôm nữa sẽ tỏa ra từ ngọn đèn trên bàn giấy của mình trong căn hộ nhỏ ở Frankfurt, nơi hai người hạnh phúc chung sống, làm rạng khuôn mặt của Ipek.

Ngay lúc ấy ông nhận ra Kadife đang quan sát mình. Khi ánh mắt hai người giao nhau, trên khuôn mặt cô - không đẹp như chị cô - hiện lên vẻ gì như ghen tương, nhưng Kadife cũng kịp giấu đi sau một nụ cười đồng lõa.

Mọi người bên bàn vẫn thảnh thơi liếc mắt lên màn hình. Buổi truyền hình trực tiếp từ Nhà hát nhân dân vừa bắt đầu, anh diễn viên cao lộc ngọc như cây sào mà Ka hôm đầu tiên xuống xe buýt đã thấy mặt trong nhóm diễn viên đang cúi chào sang phải sang trái để bắt đầu giới thiệu thương trình thì Turgut Bey cầm chiếc điều khiển từ xa chuyển kênh. Tất cả nhìn lên màn hình trắng đục mờ mịt một hồi lâu, không nhận ra hình gì cả.

“Cha ơi,” Ipek hỏi. “Tại sao mình lại xem cái này?”

“Trời có tuyết...” cha cô nói. “Ít nhất thì đây cũng là một hình ảnh chính xác, một tin đúng sự thật. Vả lại con biết là xem lâu một kênh làm tổn hại đến lòng tự hào của cha mà.”

“Thế thì cha tắt tivi đi,” Kadife nói. “Ở đây đang xảy ra một chuyện khác làm tổn thương lòng tự hào của tất cả chúng ta.”

“Con giải thích cho vị khách của chúng ta hiểu đi,” cha cô ngượng ngùng đáp. “Cha không yên tâm được, chừng nào khách chưa rõ chuyện!”

“Tôi cũng vậy,” Hande nói. Đôi mắt to, đen và đẹp kỳ lạ của cô ánh lên thịnh nộ. Tất cả im lặng một hồi lâu.

“Cậu kể đi, Hande,” Kadife nói. “Có gì bắt ta phải xấu hổ đâu cơ chứ.”

“Có chứ, có rất nhiều chuyện bắt ta xấu hổ, vì vậy tôi muốn kể ra,” Hande nói. Trong một thoáng, mặt cô sáng lên vẻ vui mừng khó hiểu. Vừa mỉm cười như đang nhớ lại một kỷ niệm

đẹp cô vừa kể: “Hôm nay là bốn mươi ngày kể từ khi bạn gái Teslime của chúng tôi tự tử. Teslime là người đấu tranh cho tôn giáo và Lời của Thượng đế với đức tin mạnh mẽ nhất trong chúng tôi. Đối với Teslime chiếc khăn trùm đầu không chỉ là biểu tượng cho tình yêu đối với Allah mà còn là đức tin riêng và danh dự của mình. Không ai có thể tưởng tượng nổi là cô ấy sẽ tự tử. Các giáo viên ở trường đại học và bố cô ở nhà đã gây áp lực không thương tiếc đối với cô, bắt cô để lộ tóc ra, nhưng Teslime không chịu khuất phục. Cô chuẩn bị nhận kỷ luật đuổi khỏi trường khi đã học đến năm thứ ba và sắp tốt nghiệp. Một hôm, bố cô, chủ hiệu tạp hóa bị bọn người của Sở cảnh sát hăm dọa: “Nếu con gái ông không bỏ khăn ra và để đầu trần đến trường, chúng tôi sẽ đóng cửa hàng của ông và đuổi ông khỏi Kars.” Vì thế bố Teslime dọa đuổi cô khỏi nhà. Thấy biện pháp ấy cũng không kết quả, ông tính chuyện gả cô cho một tay cảnh sát bốn mươi lăm tuổi đã có một đời vợ. Tay cảnh sát này thậm chí đã ôm hoa mon men đến cửa hàng tạp hóa của ông. Teslime gọi ông ta là ‘lão góa thông manh’ và kinh tởm ông ta đến nỗi cô kể với chúng tôi là cô đang tính bỏ khăn trùm đầu để không phải cưới ông ta. Nhưng đơn giản là cô không thực hiện nổi quyết định đó. Một số trong chúng tôi hưởng ứng quyết định ấy, để Teslime không phải cưới *lão góa thông manh*, những người khác thì nói ‘Thử dọa tự tử xem bố cậu nói gì!’ Tôi là người khuyên cách này hăng nhất. Vì tôi quyết tâm ngăn cô ấy bỏ khăn trùm đầu. Tôi đã nói bao nhiêu lần: ‘Teslime, thà tự tử còn hơn phơi đầu ra!’ Tôi chỉ nói thế để nhấn mạnh thôi. Chúng tôi cho rằng những vụ phụ nữ tự sát, như báo chí nói, là do không có lòng tin, do chỉ biết thế giới bên này và do thất tình, và chỉ nghĩ rằng chữ ‘*tự sát*’ sẽ làm ông bố hoảng sợ. Tôi không tin nổi là Teslime sẽ tự sát thật, vì cô ấy là người ngoan đạo. Khi nghe tin cô ấy treo cổ, tôi tin điều đó sớm hơn tất cả mọi người, bởi vì tôi đã cảm nhận được rằng chính tôi cũng sẽ tự tử nếu ở địa vị Teslime.”

Hande òa khóc. Tất cả im lặng. Ipek ra chỗ Hande, hôn và vuốt ve cô. Kadife cũng ra cùng. Các cô gái ôm nhau, Turgut Bey - với chiếc điều khiển từ xa trong tay - nhẹ nhàng khuyên can họ, và mọi người đùa cợt để họ thôi khóc. Turgut Bey chỉ vào những con hươu cao cổ trên màn hình như dỗ trẻ con, Hande nhìn lên màn hình với cặp mắt đẫm nước như một đứa trẻ đợi được an ủi.

Tất cả theo dõi một hồi lâu mấy con hươu cao cổ ở một xứ xa vời, có lẽ là châu Phi, đang thanh thản và hạnh phúc cất bước một cách chậm rãi trên nền đất nhiều cây, hầu như quên bẵng số phận của riêng mình.

Sau đó Kadife nói với Ka: “Sau vụ Teslime tự tử. Hande nói với bố mẹ là cô sẽ bỏ khăn và tiếp tục đến lớp, để họ đừng bất hạnh thêm nữa. Họ đã quá vất vả nuôi cô lớn khôn, như nuôi một thằng con một vậy. Bố mẹ cô vẫn mơ ước được Teslime chăm sóc khi về già, vì Teslime rất thông minh.” Giọng cô dịu dàng, gần như thủ thỉ, nhưng cũng đủ cho Hande lắng nghe trong khi vẫn hướng cặp mắt đẫm nước lên màn hình. “Nhóm các thiếu nữ trùm khăn chúng tôi thoát tiên thử thuyết phục cô ấy đừng bỏ tranh đấu, nhưng rồi chúng tôi quyết định ủng hộ cô ấy vì chúng tôi hiểu ra rằng, để cô ấy bỏ khăn trùm đầu còn tốt hơn để cô ấy chết. Thật khó khăn cho một cô gái vốn vẫn cho chiếc khăn là lời răn của Thượng đế và lá cờ của mình nay phải bỏ xuống và đi ra đường như thế. Từ mấy hôm nay Hande khóa cửa ngòai trong nhà và tập trung tinh thần chuẩn bị cho phút giây đó.”

Ka ngồi lặng im, đầy mặc cảm tội lỗi như mọi người trong phòng khi nghe câu chuyện, nhưng khi cánh tay ông chạm vào cánh tay Ipek thì trong ông tràn ngập cảm giác sung sướng. Trong lúc Turgut Bey liên tục chuyển hết kênh nọ đến kênh kia thì Ka đi tìm niềm vui riêng của mình bằng cách ép tay mình vào tay Ipek. Thấy Ipek cũng đáp lại, ông quên hết tâm trạng ủ dột bên bàn ăn. Lúc này ti vi đang truyền tiết mục biểu diễn ở Nhà hát nhân dân. Người đàn ông cao lộc ngọc như cây sào đang kể lể về niềm tự hào được tham gia buổi phát hình trực tiếp đầu tiên ở Kars. Trong khi chương trình được xướng lên, bất chợt Ka nghe thấy sau những tiết mục luân lý, chuyện kín của thủ môn đội tuyển quốc gia, bí mật xấu xa nơi chính trường, những trích đoạn bất hủ kịch Shakespeare. Victor Hugo, những lời thú tội và bê bối bất ngờ, những tên tuổi danh giá vĩnh hằng trong lịch sử sân khấu và phim ảnh Thổ Nhĩ Kỳ - người dẫn chương trình

xương tên mình “nhà thơ lớn của chúng ta lặng lẽ trở về sau nhiều năm vắng bóng”. Dưới mặt bàn, Ipek nắm chặt tay Ka.

“Có vẻ như tối nay ông không muốn ra đó,” Turgut Bey nói.

“Ở đây tôi hạnh phúc và hài lòng hơn cả, nhờ ông!” Ka trả lời và ép cánh tay mình vào tay Ipek mạnh hơn.

“Dĩ nhiên tôi không muốn phá không khí hạnh phúc ấy của ông,” Hande nói. Trong khoảnh khắc này cô khiến mọi người đều sợ hãi. “Nhưng tối nay tôi có mặt ở đây chỉ vì ông. Tôi chưa đọc cuốn nào trong các sách của ông cả, nhưng biết ông là một nhà thơ đã đến tận đất Đức và nhìn thấy thế giới, thế là đủ. Dạo này ông có làm thơ không?”

“Từ khi về Kars tôi sáng tác được rất nhiều thơ.”

“Tôi muốn ông cho tôi biết làm cách nào để tập trung vào một chủ đề; ông làm thơ như thế nào? Phải tập trung lắm đúng không ạ?”

Đó là câu hỏi được phụ nữ đặt ra nhiều nhất trong những tối bình thơ với các nhà thơ Thổ Nhĩ Kỳ ở Đức, song lần nào Ka cũng rúm người lại, tựa như bị hỏi một chi tiết quá riêng tư. “Tôi không biết người ta làm thơ ra sao,” ông nói, có thể nói là một bài thơ hay đến từ bên ngoài, từ một chốn rất xa. Ông nhận ra ánh mắt hoài nghi của Hande. “Cô cho tôi biết, cô hiểu thế nào là tập trung?”

“Cả ngày tôi gắng sức tập trung, nhưng có muốn tưởng tượng ra mình không có khăn trùm đến mức nào thì hình ảnh đó cũng không chịu sống dậy. Thay vào đó, tôi thấy những hình ảnh mà tôi chỉ muốn quên đi.”

“Ví dụ như hình ảnh gì?”

“Khi số thiếu nữ trùm khăn ngày càng nhiều lên, người ta cử một bà từ Ankara về đây vận động chúng tôi bỏ khăn. Bà ấy nói chuyện hàng tiếng đồng hồ với từng người trong bọn tôi ở phòng riêng. Bà ấy đặt hàng trăm câu hỏi, ví dụ như ‘Bố chị có đánh mẹ chị không? Nhà có bao nhiêu anh chị em? Mỗi tháng bố chị kiếm được bao nhiêu tiền? Trước khi trùm khăn thì chị dùng đồ gì? Chị có yêu Atatürk không? Trên tường như chị treo những tranh gì? Mỗi tháng chị đi xem phim mấy lần? Chị có nghĩ nam nữ bình quyền không? Allah hay nhà nước, ai cao hơn? Chị thích sau này có bao nhiêu con? Chị có bị lạm dụng trong gia đình không?’ Bà ấy ghi lại các câu trả lời vào giấy và điền những tờ biểu mẫu dằng dặc về chúng tôi. Bà ấy đánh son môi, nhuộm tóc, và tất nhiên để đầu trần, trông bà ấy sành điệu như trong tạp chí thời trang nhưng lại toát ra một vẻ, tôi không rõ tại sao, rất giản dị. Ngay cả khi những câu hỏi của bà làm vài người trong bọn tôi phát khóc lên, nói cho cùng chúng tôi rất mến bà ấy... Vài người thậm chí mong bà ấy không bị phiền lòng bởi bùn đất bẩn thỉu ở Kars. Về sau tôi còn mơ thấy bà ấy, nhưng mới đầu tôi chẳng để tâm. Bây giờ thì bất cứ khi nào tưởng tượng ra cảnh bỏ khăn trùm, phơi đầu trần đi ra ngoài đường tôi lại thấy mình chính là bà ấy. Tôi cũng sành điệu như bà ấy, mang giày gót nhỏ và váy áo còn thoáng hơn bà ấy nữa. Đàn ông chú ý đến tôi. Một mặt tôi thích thế, mặt khác tôi lại xấu hổ.”

“Hande, có lẽ cậu không nên nói về những gì khiến cậu xấu hổ!” Kadife nói.

“Không, tôi sẽ vẫn nói. Vì tôi cảm thấy xấu hổ trong tưởng tượng chứ không xấu hổ vì những gì tôi tưởng tượng ra. Thực ra tôi hoàn toàn không tin mình sẽ trở thành người dâm dăng chỉ luôn đi tán tỉnh đàn ông nếu tôi để đầu trần. Vì lúc đó tôi đang làm một việc mình không tự nguyện chút nào. Nhưng tôi cũng biết rằng người ta có thể bị cuốn vào những ý tưởng dâm dăng, mặc dù không coi thế là tốt, thậm chí cả trong những lúc người ta tin tưởng chắc chắn là

hoàn toàn không muốn. Là đàn ông hay đàn bà cũng vậy, đêm đêm tất cả chúng ta đều phạm tội trong mơ với những người mà ban ngày có lẽ chúng ta chẳng thèm để ý. Đúng thế không ạ?”

“Đủ rồi, Hande!” Kadife nói.

“Nhưng có đúng thế không?”

“Không!” Kadife ngoan cố.

Cô quay sang Ka. “Trước đây hai năm Hande sắp cưới một anh người Kurd rất đẹp trai. Nhưng anh ấy bị lôi kéo đi làm chính trị và họ đã giết anh ấy...”

“Chuyện ấy chẳng liên quan gì tới việc tôi không sao bỏ khăn ra được.” Giọng Hande giận dữ hơn. “Tôi không bỏ khăn ra được vì tôi không thể tập trung tinh thần và không tưởng tượng ra mình để đầu trần sẽ ra sao. Mỗi khi cố gắng tập trung tinh thần thì trong trí tưởng tượng tôi lại biến thành một người lạ độc ác như người đàn bà đến thuyết phục chúng tôi đạo xưa, hay biến thành một ả lăng lơ. Giá mà tôi có thể hình dung ra một lần duy nhất cảnh mình thả tóc trên vai đi qua cổng trường đại học, đi dọc hành lang vào giảng đường. Lúc đó tôi sẽ đủ sức mạnh hoàn tất việc này, tạ ơn Thượng đế. Lúc đó tôi sẽ tự do. Lúc đó tôi sẽ tự nguyện bỏ khăn ra, chứ không vì bị cảnh sát ép buộc. Nhưng tôi không thể tập trung tinh thần để vẽ ra trong trí tưởng tượng được.”

“Chẳng việc gì phải quan trọng hóa khoảnh khắc đó cả,” Kadife nói. “Kể cả khi lúc đó cậu gục ngã thì cậu vẫn là Hande yêu quý của chúng tôi.”

“Không, tớ sẽ không còn là Hande nữa. Trong thâm tâm, các cậu sẽ lên án và khinh bỉ tớ, vì tớ đã ly khai khỏi tập thể và quyết định bỏ khăn trùm ra.”. Cô quay sang Ka. “Thỉnh thoảng tôi tưởng tượng ra một thiếu nữ để đầu trần đến trường, đi qua các hành lang vào giảng đường, nơi tôi mơ ước được quay lại, và lúc đó tôi còn nhớ lại mùi của hành lang, mùi của không khí từ hăm trong phòng. Đúng khi đó tôi nhìn thấy cô gái ấy trong tấm kính ngăn giữa lớp học và hành lang, và nhận ra rằng cô gái tôi đang nhìn thấy ấy không phải tôi, mà là một người lạ. Và tôi òa khóc.”

Mọi người tin là lúc này Hande cũng sắp khóc òa lên.

“Tôi không sợ trở thành một người khác cho lắm.” cô nói tiếp. “Cái làm tôi sợ là không bao giờ quay lại được con người hiện tại, thậm chí quên mất con người đó. Chừng đó đủ cho người ta tự tử rồi.” Cô quay về phía Ka: “Đã lần nào ông muốn tự tử chưa?” giọng cô gần như ve vuốt.

“Không, nhưng sau khi thấy những vụ ở Kars thì người ta không khỏi suy nghĩ về vấn đề ấy.”

“Đối với vô số thiếu nữ trong tình cảnh chúng tôi, ước muốn tự tử đồng nghĩa với việc làm chủ cơ thể mình. Những thiếu nữ bị cám dỗ và đánh mất sự trong trắng của mình, những cô gái bị ép gả cho người đàn ông mà họ không yêu, tất cả họ đều tự sát vì chính lý do đó. Trong cái chết tự nguyện là ước vọng tìm đến sự vô tội và trong trắng. Ông đã làm bài thơ nào về tự tử chưa?” Đột ngột cô quay sang Ipek. “Em quấy khách nhà chị quá phải không?” Thôi được, ông ấy chỉ cần nói cho em biết những bài thơ mà ông ấy sáng tác ở Kars bắt nguồn từ đâu, rồi em sẽ để yên.”

“Khi linh cảm thấy một bài thơ hiện lên, tôi vô cùng cảm tạ người đã đưa đến cho tôi bài thơ ấy, vì đó là lúc tôi tràn trề hạnh phúc.”

“Đó cũng là người làm ông tập trung tinh thần vào bài thơ phải không ạ? Ai vậy?” Kể cả khi chẳng tin, tôi vẫn cảm thấy chính là Người đã đưa đến cho tôi bài thơ.”

“Ông không tin gì? Không tin Allah hay không tin là Allah đưa bài thơ đến cho ông?”

“Allah đúng là người đưa thơ đến cho tôi,” Ka nói đầy cảm khái.

“Ông ấy được mục kích phong trào toàn thống ở đây mạnh lên ra sao,” Turgut Bey nhận định. “Có thể họ đã hăm dọa ông ấy... Vì sợ mà ông ấy bắt đầu tin vào Allah.”

“Không, điều đó đến từ cảm nhận của tôi.” Ka đáp. “Tôi cũng muốn ở trong đó, như tất cả mọi người.”

“Ông sợ. Tôi lên án chuyện đó.”

“Vâng, tôi sợ,” Ka cùng kêu lên cùng lúc. “Thậm chí rất sợ nữa cơ.”

Ông đứng bật dậy, tựa hồ có ai chĩa súng vào mình làm mọi người quanh bàn phát hoảng. “Đâu?” Turgut Bey hét lên như thấy vũ khí chĩa vào họ.

“Tôi không sợ. Chẳng có gì đe dọa nổi tôi cả.” Hande nói một mình. Nhưng như mọi người, cô cũng nhìn vào mặt Ka để đoán ra mối nguy hiểm đến từ hướng nào.

Mấy năm sau Serdar Bey sẽ kể lại với tôi rằng mặt Ka lúc đó trắng bệch như vôi. Song trông ông không giống một người sắp lảo quay ra vì sợ hãi vì chổng mặt mà như một người trên tột đỉnh hạnh phúc. Bà giúp việc còn kể lại kịch tính hơn rằng trong phòng lóe lên một tia sáng làm mọi vật rực lên trong ánh sáng lấp lánh. Trong mắt bà, Ka lúc đó tắm mình trong một vầng hào quang thần thánh. Hình như lúc đó có ai đó trong phòng nói: “Chắc ông ấy lại nhận được một bài thơ”, làm mọi người còn phản ứng mãnh liệt hơn là bị chĩa súng vào người. Sau này Ka sẽ thuật lại chuyện này điềm đậm hơn trong cuốn vở đem theo người, trong đó ông so sánh không khí chờ đợi căng thẳng trong phòng với khoảnh khắc mong mỏi đầy sợ hãi trong những buổi gọi hồn xưa kia. Cách đây hai mươi lăm năm, bà mẹ béo mập sớm góa của một người bạn chúng tôi có tổ chức những buổi gọi hồn như vậy ở nhà bà trong một ngõ nhỏ ở Nişantaşı. Người tham gia là mấy bà nội trợ bất hạnh khác, ngoài ra còn thêm một nhạc công dương cầm bị liệt ngón tay, một ngôi sao màn bạc nóng tính đã có tuổi (chúng tôi quen hỏi “mụ ấy có đến không?”), cô em gái của bà (cứ liên tục lảo động ra ngất), một vị tướng về hưu (ưa tán tỉnh bà diễn viên), cậu bạn của chúng tôi (khẽ mở cửa cho chúng tôi luồn vào phòng khách), Ka và tôi. Trong những lúc căng thẳng chờ đợi, bao giờ cũng có một người kêu lên: “Lay hồn, hồn đang ở đâu, hãy hiện lên đi!” Rồi im lặng kéo dài, cho đến khi có tiếng gõ hầu như không nghe thấy được, tiếng ghế kéo ket, tiếng rên rĩ, đôi khi là tiếng đá thô bạo vào chân bàn. Rồi một người kinh hãi thốt lên: “Hồn đến rồi.” Nhưng Ka không xử sự như một người mục kích hồn ma, ông đi ra phía cửa bếp, mặt ông đầy vẻ mãn nguyện.

“Ông ấy uống nhiều quá.” Turgut Bey nói. “Đỡ ông ấy đi chứ?”, ông nói như thể Ipek lúc đó đã chạy đến bên Ka là vì mệnh lệnh này. Ka thả người xuống chiếc ghế đầu cạnh cửa bếp, rút cuốn vở và bút trong túi ra.

“Tôi không viết được khi mọi người ngồi nhìn.” ông nói.

Ipek nói: “Em đưa anh ra phòng sau.”

Cô đi trước, Ka theo chân cô đi qua nhà bếp thơm phức - Zahide đang đổ mật lên bánh Kadayıf. Họ qua một phòng lạnh ngắt vào một gian tranh tối tranh sáng tận phía cuối nhà.

“Ở đây anh có viết được không?” Ipek hỏi và bật đèn.

Ka nhìn căn phòng sạch sẽ và hai chiếc giường ngăn nắp.

Một đồng hồ lớn những tuýp kem, son môi và lọ con con đựng nước hoa, dầu hạnh nhân và cồn, cả sách vở nữa, một túi xách có khóa kéo và một hộp sô-cô-la Thụy Sĩ nhét đầy bút lông, bút viết, bùa chống lại cái nhìn độc địa, dây chuyền và vòng tay. Ông ngồi xuống giường cạnh cửa sổ phủ kín hơi băng.

“Ở đây anh viết được,” ông nói. “Nhưng em hãy ở lại đây đi, đừng để anh một mình!”

“Để làm gì?”

“Anh không rõ,” Ka vội nói, rồi thêm ngay: “Anh sợ.” Trong lúc nói câu đó thì ông đã viết bài thơ của mình, bắt đầu dòng miêu tả hộp sô-cô-la của chính mình, chú ông đem từ Thụy Sĩ về cho từ hồi bé. Giống như trên các bức tường quán trà ở Kars, trên bìa hộp là phong cảnh Thụy Sĩ. Sau này trong những ghi chép để hiểu và phân loại những bài thơ ông sáng tác ở Kars, Ka cho biết từ trong hộp sô-cô-la rơi ra trước hết một chiếc đồng hồ đồ chơi mà hai hôm sau ông mới nhận ra đó là kỷ vật hồi bé của Ipek. Cất bước từ chiếc đồng hồ đó, Ka đi ngược lại thời gian để suy tưởng đến thời thơ ấu và cuộc đời.

“Anh không muốn em đi khỏi đây chút nào.” Ka nói với Ipek. “Anh đang si mê em đến điên cuồng.”

“Anh có biết gì về em đâu cơ chứ,” Ipek nói.

“Có hai loại đàn ông,” Ka giải thích. “Loại thứ nhất phải biết rõ cô gái ấy ăn bánh mì kẹp nhân gì, chải đầu ra sao, ưa những trò ngớ ngẩn nào, tại sao giận dỗi với bố, cũng như nghe hết mọi chuyện hay dở về cô ta rồi mới yêu cô ta được. Loại kia, trong đó có anh, không biết nhiều về cô ta thì mới yêu cô ta được.”

“Nghĩa là anh yêu em, vì anh không hề biết rõ em? Anh cho rằng như thế cũng là tình yêu thực sự à?”

“Kiểu tình yêu khiến người ta hiến dâng tất cả xuất hiện như thế đấy. Ka nói.

“Vậy thì tình yêu của anh sẽ chấm dứt một khi anh đã biết em ăn bánh mì kẹp nhân gì và em ghét chuyện gì.”

“Nhưng lúc đó thì sự gần gũi giữa chúng mình đã trở nên sâu sắc và biến thành ước vọng bao trùm cả cơ thể và cuộc sống của mình, biến thành niềm hạnh phúc và ký ức gắn chúng mình với nhau.”

“Anh ngồi yên, đừng động đây gì cả!” Ipek nói. “Chừng nào bố em còn ở gần, em không thể hôn ai được.” Mặc dù vậy, thoát tiên cô không chống lại nụ hôn của ông. Nhưng rồi cô đẩy Ka ra:

“Em không muốn thế khi bố đang ở nhà.”

Ka ép cô nhận một cái hôn nữa và ngồi xuống cạnh giường. “Mình phải cưới nhau càng nhanh càng tốt và đi khỏi đây. Ở Frankfurt mình sẽ rất hạnh phúc, em biết không?”

Im lặng kéo dài.

“Làm sao anh có thể yêu em khi anh thừa biết gì về em cả?”

“Vì em đẹp... Vì anh vẫn mơ thấy được hạnh phúc bên em... Vì anh có thể nói với em mọi điều

mà không phải ngưng ngưng. Anh luôn luôn tưởng tượng ra mình ngủ với nhau ra sao trong mơ.”

“Ở Đức anh đã làm gì?”

“Anh bận bịu với những bài thơ không sao viết ra được, và anh luôn thủ dâm... Cô đơn là một vấn đề của lòng tự hào; con người kiêu ngạo nhốt mình trong vỏ bọc của chính mình. Nhà thơ chân chính luôn gặp phải cùng tình trạng ấy. Có hạnh phúc một thời gian dài thì anh ta sẽ trở nên tầm thường. Còn nếu anh ta bất hạnh một thời gian dài thì không còn tìm được sức mạnh trong mình để giữ lửa cho thơ... Hạnh phúc và thơ thực sự chỉ đồng hành trong một thời gian ngắn, sau một thời gian thì hạnh phúc sẽ khiến thi sĩ trở nên tầm thường, hoặc sự thực trong bài thơ sẽ phá vỡ hạnh phúc. Giờ thì anh rất sợ nghĩ đến lúc quay về Frankfurt đối mặt với sự bất hạnh.”

“Thế thì anh hãy ở lại Istanbul.” Ipek nói.

Ka nhìn cô chăm chú. “Em muốn sống ở khu nào của Istanbul?” ông thì thầm. Ông nóng ruột ước ao Ipek sẽ đòi hỏi ông một việc gì.

Và Ipek cũng nhận ra ý ông, cô đáp: “Em chẳng muốn gì cả.”

Ka biết là mình quá vội vã. Nhưng ông cũng biết mình sẽ ở Kars không lâu. Và chỉ chốc lát là ông không còn cả khí trời để thở, và không còn cách gì khác là phải vội vàng lên. Họ lắng nghe giọng nói văng vẳng vào tận phòng và tiếng xe ngựa nghiêng đường ngoài cửa sổ. Ipek đứng trên ngưỡng cửa, tay cầm một chiếc lược chải đầu và tư lự nhặt ra những sợi tóc vương trong đó.

“Vậy là ở đây thê thảm và vô vọng đến nỗi một người như em đã quên hẳn mọi ham muốn.” Ka nói. “Ở đây con người không còn mơ đến cuộc sống, chỉ mơ đến cái chết... Em đi cùng anh chứ?” Ipek không trả lời. “Nếu em định nói điều không lành thì thôi đừng nói nữa!”

“Em không biết,” Ipek nói, mắt nhìn xuống chiếc lược. “Mọi người đợi mình ngoài phòng khách đấy.”

“Ở đó người ta đang có âm mưu gì đó. Anh linh cảm, nhưng anh không hiểu đang có gì thực sự xảy ra. Em giải thích cho anh đi!” Ka nói.

Điện tắt phụt. Ipek đứng lặng yên và Ka muốn ôm cô vào lòng. Nhưng nỗi sợ phải đơn thương độc mã quay về Đức đã chế ngự ông hoàn toàn, tới nỗi ông không động cựa nổi tay chân.

“Tối thế này thì anh không viết thơ được đâu,” Ipek nói. “Ta ra ngoài kia đi.”

“Em muốn anh làm gì nhất để em yêu nổi anh?”

“Anh hãy là chính anh!” Ipek trả lời. Cô đứng dậy đi khỏi phòng.

Đang sung sướng được ngồi đó, Ka chậm chạp cố nhồm dậy. Ông ngồi vào căn phòng không sưởi cạnh bếp và chép bài thơ “*Hộp sô-cô-la*” theo trí nhớ vào cuốn vở xanh trong ánh nến chập chờn.

Khi ông đứng dậy định ra chỗ Ipek, ôm cô và vùi đầu vào tóc cô đột nhiên mọi thứ trong đầu ông xáo lộn như trong đêm đen sâu thẳm. Trong ánh nến giữa phòng bếp ông thấy Ipek và Kadife đang ôm nhau. Họ vòng tay qua gáy ghì chặt nhau như một đôi tình nhân.

“Cha bảo đi tìm hai người, Kadife nói.

“Không sao.”

“Ông ấy không viết được thơ à?”

“Tôi viết xong rồi.” Ka nói và bước khỏi bóng tối. Bây giờ tôi giúp mọi người được rồi.” Nhưng khi bước chân vào bếp thì ông không thấy ai trong ánh nến chập chờn cả. Ông tự rót một ly Raki và dốc tuốt vào họng, không pha thêm nước. Khi nước mắt trào ra, ông lấy một cốc nước.

Phòng ăn tối mờ một cách đáng ngại. Ka nhìn thấy bàn ăn trong ánh nến và đi ra đó. Mọi người quay lại phía ông, bóng đen to tướng của họ trên tường cũng chuyển động theo.

“Ông đã viết xong chưa?” Turgut Bey hỏi. Trước đó ông đã im lặng vài giây và ra vẻ chẳng quan tâm đến Ka.

“Rồi ạ.”

“Xin chúc mừng ông!” Ông ấn vào tay Ka một chiếc ly và rót đầy Raki vào. “Nội dung gì vậy?”

“Bất kể nói chuyện với ai ở đây, tôi công nhận tất cả đều có lý. Nỗi sợ hãi ngoài đường phố ở Đức đã thấm sâu vào tôi.”

“Tôi hiểu rõ ông lắm,” Hande nói với dáng điệu của một người từng trải.

Ka mỉm cười hàm ơn với Hande. Ông ước gì nói được ra lời: “Đừng phôi đầu ra, cô bé yêu quý ạ!”

“Nếu ông đã nói với trưởng lão đáng kính là ông tin Thượng đế vì ông tin bất cứ ai tiếp chuyện ông, thì tôi xin đính chính: Trưởng lão không phải là người đại diện cho Thượng đế ở Kars!” Turgut Bey nói.

“Vậy ai đại diện cho Thượng đế ở đây?” Hande ngang bướng hỏi.

Song Turgut Bey không bực mình với cô, ông là người cứng đầu và ưa tranh cãi, nhưng có trái tim quá yếu đuối để thành một người vô thần kiên định. Ka cũng cảm thấy ông sợ mọi thói quen trong thế giới riêng của mình sụp đổ không kém mỗi lo ngại các con gái ông bất hạnh. Không liên quan đến chính trị, ông chỉ sợ mất chỗ ngồi ở đầu bàn, nơi có niềm khuây khoả duy nhất trong đời ông là tối nào cũng bàn luận hàng tiếng đồng hồ với các con và khách khứa về chính trị và chuyện Thượng đế có thật hay không, mà không rơi vào cãi cọ.

Có điện trở lại. Phòng sáng hẳn lên. Ở thành phố này người ta đã quen chuyện mất điện rồi lại có, không ai mừng rỡ reo lên khi có điện trở lại như hồi Ka còn bé ở Istanbul nữa. Không có ai sung sướng, không có tiếng dăn dò “Ngó xem máy giặt thế nào, coi chừng hỏng”, không có trẻ con đòi “Cho con thổi nến cơ”. Mọi người dừng dừng như không có gì xảy ra. Turgut Bey bật ti vi lên và bắt đầu lướt qua các chương trình. Ka nói thầm với các cô gái, Kars quả là một thành phố rất yên tĩnh.

“Vì ở đây chúng tôi thậm chí còn sợ nghe tiếng mình nói,” Hande nhận xét.

“Đó là sự im lặng của tuyết,” Ipek nói.

Với cảm giác của kẻ bại trận, tất cả cùng nhìn một hồi lâu lên màn hình đang chậm chậm đổi

kênh. Khi Ka chạm tay vào tay Ipek dưới bàn, ông chỉ muốn cả đời hưởng hạnh phúc ấy - ban ngày lơ lửng với một việc làm nhàm chán, tối đến nắm tay người phụ nữ này ngồi trước chiếc tivi bất chương trình vệ tinh.

TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU THỰC SỰ MONG MUỐN GÌ ĐÓ TRONG ĐỜI

Trong Nhà hát nhân dân

Đúng bảy phút sau khi Ka nghĩ rằng mình có thể sống hạnh phúc cả đời ở Kars bên cạnh Ipek, ông đã vội vã chạy trên tuyết đến Nhà hát nhân dân như một kẻ đơn độc ra trận để trình bày tiết mục của mình. Tim ông đập thình thịch. Trong bảy phút ấy, mọi sự đã thay đổi hẳn theo một tốc độ phi thường.

Tất cả bắt đầu khi Turgut Bey lại chuyển về kênh truyền trực tiếp từ Nhà hát nhân dân, và qua tiếng ồn ào trong ti vi tất cả mọi người đều có thể nhận ra rằng đang có chuyện bất thường xảy ra. Một mặt, nó khiến mọi người thích thú vì ít nhất đêm nay họ được chứng kiến một sự kiện khác với cuộc sống tẻ nhạt nhàm chán đồng thời họ cũng phát hoảng vì nghe chừng sẽ xảy ra gì đó tồi tệ. Nghe tiếng vỗ tay và huýt sáo của đám khán giả hỗn loạn tất cả nhận ra không khí căng thẳng giữa các quan chức của thành phố ở mấy hàng ghế đầu và đám thanh niên ngồi phía sau.

Do ống kính không quay hết khán phòng, ai cũng tò mò muốn biết ở đó có chuyện gì.

Trên sân khấu là Vural cự thủ thành của đội tuyển bóng đá, ngày xưa cả Thổ Nhĩ Kỳ đều biết ông. Ông vừa kể xong bàn thua thứ nhất trong mười một cú sút lưới thê thảm ở trận giao hữu quốc tế cách đây mười lăm năm thì người dẫn chương trình cao lêu nghêu hiện ra trên màn hình. Cự thủ môn đội tuyển hiểu ngay là có đoạn nghỉ để phát quảng cáo giống như chương trình truyền hình toàn quốc. Ông thôi kể ngay. Người dẫn chương trình cầm lấy micro và nhìn giấy đọc một mạch hai quảng cáo trong vài giây (ở hiệu tạp hóa Tadal ngoài phố Fevzi Paşa vừa có thịt đùi bò phơi khô do Kayseri cung cấp, và trung tâm “Khoa học” đã bắt đầu cho ghi tên đăng ký vào khóa luyện thi đại học), nhắc lại chương trình biểu diễn khá dài tối nay, nhắc đến tên Ka sẽ trình bày một bài thơ, sau đó buồn rầu nhìn vào ống kính và nói:

“Người dân Kars thực sự phiền lòng vì chưa thấy nhà thơ lớn của mình tới, sau khi ông cất công từ nước Đức xa xôi đến tận thành phố biên giới của chúng ta.” Nếu bây giờ ông vẫn không đi thì thật là khó coi!” Turgut Bey nói ngay.

“Nhưng người ta đâu có thêm hỏi tôi trước xem có đến dự buổi tối hôm nay hay không,” Ka trả lời.

“Đó là cách làm việc ở đây.” Turgut Bey nói. “Giả sử người ta đem giấy mời đến thì ông chắc

chấn đã từ chối. Giờ thì ông phải đến đó, nếu không muốn bị coi là ngạo mạn.”

“Chúng tôi ở đây sẽ xem ông,” Hande lên tiếng hăng hái không ngờ.

Đúng lúc đó cửa mở, cậu bé trực đêm ở quầy lễ tân nói:

“Ông hiệu trưởng trường sư phạm đã qua đời ở bệnh viện.”

“Tôi nghiệp cho ông ấy quá...”, Turgut Bey nói. Rồi ông nhìn sang Ka. “Đám Hôi giáo chính trị đã bắt đầu khử từng người một trong chúng ta. Nếu ông muốn cứu mạng sống mình thì tốt hơn cả là hãy tin tưởng sắt đá hơn vào Thượng đế. Vì tôi e rằng ở Kars này một tín ngưỡng ôn hòa nửa vời sẽ không đủ để bảo toàn cái đầu một kẻ vô thần nữa đâu.”

“Ông nói đúng đấy.” Ka nói. “Đằng nào thì tôi cũng đã quyết dâng hiến cả đời mình cho tình yêu của Thượng đế rồi mà, trong tim tôi đã bắt đầu tràn ngập tình yêu dành cho Người.”

Mọi người đều rõ là Ka có ý mai mỉa. Nhưng phản ứng của ông quá nhanh nhạy trong khi ai cũng nghĩ là ông đã quá chén khiến mọi người quanh bàn nghi ngờ rằng ý nghĩ ấy phải chăng ông đã có sẵn trong đầu từ trước?

Zahide bùng lại bàn một nồi to với chiếc muôi cán nhôm lấp lánh phản chiếu ánh đèn và hỏi: “Còn xúp đủ cho một đĩa đây. Bỏ đi thì phí quá, có cô nào muốn nữa không?”

Ipek đang khuyên Ka đừng đến Nhà hát nhân dân vì cô sợ có gì xảy ra. Lúc này cô cùng Hande và Kadife tươi tỉnh quay sang bà giúp việc.

Nếu Ipek nói “tôi” thì có nghĩa là cô ấy sẽ cùng đi Frankfurt và cưới mình, ý nghĩ ấy hiện ra trong đầu Ka. Và mình sẽ ra Nhà hát nhân dân đọc bài thơ “Tuyệt”.

“Tôi.” Ipek nói ngay và dừng dưng đưa đĩa ra.

Trong mưa tuyết dày đặc ngoài trời. Ka nhận ra mình lạ lẫm xiết bao ở cái xứ Kars này, và có lẽ khi rời khỏi thành phố ông sẽ quên nó ngay, nhưng ý nghĩ đó không đọng lại lâu. Ông những muốn phó thác cho số phận may rủi, cảm nhận rõ là cuộc sống mà ông không tiếp cận được bằng logic có một cấu trúc hình học bí ẩn; ông cảm nhận một khát vọng sâu xa muốn hiểu được logic đó và để tìm hạnh phúc, nhưng hiện tại ông thấy chưa đủ sức thỏa mãn khát vọng đó của mình.

Con phố rộng chạy dài trước mặt ông đến tận Nhà hát nhân dân phủ đầy tuyết và không một bóng người, những lá cờ bầu cử đung đưa trong gió. Những rìa mái nhà đóng băng nhô ra, hình chạm khắc đẹp trên tường và cửa, mặt tiền cổ kính của các tòa nhà - tất cả khơi dậy ký ức rằng đã có thời ở đây con người (dân Armenia giao thương với Tbilisi? Quan chức Ottoman thu thuế gia súc lấy sữa?) từng sống hạnh phúc, yên bình, thậm chí tung bừng. Những người đã biến thị tứ này thành một trung tâm văn minh giản dị ấy, người Armenia, người Nga, người Ottoman, người Thổ thời đầu cộng hòa, tất cả đã ra đi, và đường phố vắng tanh như vậy chỉ vì không ai đến thế chân họ; nhưng, khác với hầu hết những thành phố bỏ hoang khác, hình ảnh đường phố vắng bóng người không làm người ta sợ. Ka say mê ngắm ánh đèn đường dùng đục màu da cam và đèn tuýp nhợt nhạt phản chiếu trên những cửa kính bày hàng đóng, những đụn tuyết đọng đầy trên hàng cây trúc đào và tiêu huyền bên đường, cột điện rủ những chớp bằng khổng lồ. Tuyết rơi lặng lẽ huyền ảo gần như thiêng liêng; Ka không nghe thấy âm thanh nào khác ngoài tiếng chân lao xao và tiếng thở gấp gáp của chính mình. Không nghe chó sủa. Tựa như trái đất đã đến ngày tận thế và cả vũ trụ bị hút hồn vào tuyết đang tuôn rơi. Ka ngắm những bông tuyết quanh quẩn sáng mờ mờ của đèn đường, nhiều bông chậm chậm hạ xuống, những bông khác bay tủa lên trời đêm.

Ông đi vào dưới hiên hiệu ảnh Hùng Sáng và chăm chú nhìn một bông tuyết đọng trên tay áo trong ánh sáng đỏ đỏ hắt ra từ biển quảng cáo. Một cơn gió nổi lên, có gì đó lay động, và khi đèn biển quảng cáo bỗng dừng vụt tắt thì dường như cây trúc đào phía đối diện cũng biến đi. Ông thấy một đám đông trước cửa nhà hát, một chiếc xe thùng nhỏ của cảnh sát đậu cách đó không xa, một nhóm đông đảo hơn nữa những người hiếu kỳ chen nhau bên cánh cửa mở hờ của quán cà phê đối diện để nhòm ngó đám đông kia.

Vào đến bên trong khán phòng, ông choáng váng vì tiếng ồn lộn ọc và cảnh lộn xộn. Không khí nồng nặc mùi rượu, hơi người và khói thuốc lá. Người ta chen nhau ra vào qua các cửa bên. Một quầy giải khát ở góc phòng bán nước ngọt và bánh vùng vòng.

Cạnh cửa đi vào nhà vệ sinh hôi nhức ọc, Ka thấy đám thanh niên đang thì thào. Ông đi qua hàng cảnh sát vận cảnh phục xanh lam và nhân viên dân sự đứng phía cuối phòng trang bị bộ đàm. Một đứa trẻ giữ tay bố, không để ý gì đến ồn ào xung quanh, chăm chú nhìn những hạt đậu khô mà nó nhét vào chai nước ngọt.

Ka thấy một người đứng ngoài rìa đám đông vẫy tay loạn xạ, nhưng không chắc có phải vẫy mình không.

“Tôi đã nhận ra ông từ xa nhờ cái áo khoác.” Nhận ra Necip đi đến, Ka cảm thấy ấm áp và thân thiết. Họ ôm nhau thật chặt. “Tôi biết là thế nào ông cũng đến”, Necip nói. “May quá. Cho tôi hỏi một câu được không ạ? Có hai chuyện rất quan trọng cứ vẩn vương mãi trong đầu tôi.”

“Vậy là cậu định hỏi tôi một hay hai câu?”

“Ông thông minh thật đấy, thông minh đến nỗi biết rằng trí thông minh không phải là tất cả,” Necip nhận xét. Cậu kéo Ka vào một góc để nói chuyện cho tiện hơn. “Ông có nói với Hicran hay Kadife là tôi yêu cô ấy, và đó là toàn bộ ý nghĩa của đời tôi không?”

“Không.”

“Lúc này ông đi với cô ấy khỏi quán trà ông có nói gì về tôi không?”

“Tôi kể là cậu ở trường tôn giáo.”

“Và gì nữa? Cô ấy không nói gì à?”

“Không.”

Họ im lặng một lúc lâu.

“Tôi hiểu là ông thực sự không nói gì thêm về tôi,” Necip gắng gượng thốt lên. “Vì Kadife hơn tôi bốn tuổi, cô ấy còn không nhìn thấy có tôi nữa. Có lẽ ông nói những chuyện riêng tư với cô ấy, thậm chí là những chuyện chính trị bí mật cũng nên. Tôi không cần biết chuyện ấy. Tôi chỉ quan tâm một điều, và nó rất quan trọng đối với tôi. Phần đời còn lại của tôi phụ thuộc vào đó. Ngay cả khi Kadife không biết tôi có mặt trên đời đi nữa - có lẽ phải nhiều năm nữa cho đến khi cô ấy biết đến tôi, lúc đó thì cô ấy đã có chồng rồi cũng nên - tùy thuộc vào câu trả lời của ông, hoặc là tôi yêu cô ấy suốt đời hoặc là tôi quên phắt cô ấy ngay bây giờ. Ông đừng do dự, mà hãy cho tôi câu trả lời chân thực!”

“Tôi đợi cậu hỏi đây,” Ka nói nghiêm trang.

“Hai người có nói về chuyện gì tầm phào không? Về những thứ vô nghĩa trên ti vi, những tin

đồng làng nhằng, những thứ tầm tầm có thể mua được bằng tiền chẳng hạn? Ông có hiểu tôi không? Kadife có phải là người không thèm để ý đến những thuyền tầm phào vật vãnh đó, như đánh giá bề ngoài? Hay tôi đã uống công si mê cô ấy?”

“Không, chúng tôi không hề nói chuyện tầm phào.” Ka đáp và thấy ngay câu trả lời của mình tác động kinh khủng đến Necip; cậu cắn răng gắng giữ bình tĩnh.

“Nhưng ông nhận ra rằng cô ấy là một người phi thường.”

“Đúng.”

“Ông có thể yêu cô ấy không? Cô ấy rất đẹp. Vừa đẹp vừa độc lập, một điều tôi chưa bao giờ thấy ở những phụ nữ Thổ khác.”

“Chị cô ấy đẹp hơn,” Ka nói. “Nếu xét về sắc đẹp.”

“Chứ còn xét gì nữa?” Necip hỏi. “Vì sao Thượng đế vĩ đại cứ bắt tôi luôn nghĩ đến Kadife cơ chứ?” Cậu bé mở cặp mắt xanh lá rất to với vẻ ngây thơ khiến Ka ngạc nhiên, năm mươi mấy phút nữa một con mắt cậu sẽ bị đạn xé nát.

“Tôi không biết,” Ka nói.

“Ông biết. Ông chỉ không muốn nói với tôi thôi.”

“Tôi không biết.”

“Một nhà văn cần phải nói được về mọi chuyện,” Necip nói như định đỡ lời “Nếu tôi là một nhà văn, tôi sẽ muốn nói được những gì người khác không nói ra lời. Ông không thể nói hết với tôi hay sao, một lần duy nhất thôi?”

“Hỏi đi!”

“Tất cả chúng ta đều thực sự mong muốn gì đó trong đời, đúng không?”

“Đúng thế.”

“Thế ở ông là gì?”

Ka im lặng và mỉm cười.

“Ở tôi thì rất đơn giản,” Necip tự hào. “Tôi muốn cưới Kadife, sống ở Istanbul và trở thành nhà văn Hồi giáo đầu tiên viết khoa học giả tưởng. Đó toàn là những điều không tưởng, tôi biết chứ, mặc dù vậy tôi vẫn muốn. Tôi cũng không giận ông vì ông không kể ra là ông mong mọi gì; vì tôi hiểu ông, ông là tương lai của tôi. Tôi nhận ra điều đó qua cách ông nhìn vào mắt tôi: ông nhìn thấy trong tôi tuổi trẻ của ông, vì vậy ông mến tôi.” Một nụ cười mãn nguyện và láu lỉnh thoáng trên môi Necip.

Ka thấy sợ.

“Nghĩa là cậu giống tôi hồi trước đây hai chục năm?”

“Vâng. Trong cuốn khoa học giả tưởng mà tôi sắp viết sẽ có một cảnh giống hệt như thế. Xin lỗi ông, cho phép tôi đặt tay lên trán ông nhé?”

Ka hơi khom lưng. Necip đặt tay lên trán ông với dáng điệu tự tin của người quen làm việc đó: “Bây giờ tôi cho ông biết cách đây hai mươi năm ông đã nghĩ gì.”

“Cậu đã làm thế với Fazil à?”

“Nó và tôi cùng nghĩ một chuyện ở cùng thời điểm. Giữa hai chúng ta có sự chênh lệch thời gian. Xin ông hãy nghe tôi nhé! Một ngày mùa đông, ông ở trường cấp ba, trời tuyết, và ông đang chìm trong suy nghĩ. Ông nghe tiếng nói của Allah trong mình, nhưng cố quên Allah đi. Ông cảm thấy thế giới hợp thành tổng thể, nhưng ông nghĩ là sẽ bất hạnh hơn và thông minh hơn nếu ông nhắm mắt không nhìn người đem lại cho ông cảm giác ấy. Ông làm thế là đúng. Vì ông biết rằng chỉ ai bất hạnh và thông minh mới viết được những bài thơ hay. Ông đã ngoan cường chấp nhận nỗi đau từ cuộc sống phi tín ngưỡng để viết được những bài thơ hay. Ông chưa hiểu ra là mình sẽ cô đơn trong một vũ trụ trống rỗng, một khi đánh mất tiếng nói ấy trong mình.”

“Được, cậu nói đúng; tôi có nghĩ thế thật.” Ka nói. “Bây giờ cậu cũng nghĩ thế à?”

“Tôi biết là ông sẽ hỏi câu này.” Necip xúc động nói. “Ông cũng muốn tin vào Thượng đế chứ? Ông muốn mà, đúng không?”

Bàn tay trên trán ông lạnh đến mức đã làm ông sợ, nhưng đột nhiên cậu nhắc ra. “Về chủ đề này tôi còn phải nói với ông nhiều. Tôi cũng nghe trong mình tiếng nói *‘Đừng tin vào Thượng đế!’* Khi tin tưởng sắt đá vào sự tồn tại của một thứ, người ta sẽ không khỏi hoài nghi hay lo sợ nhờ nó không tồn tại. ông hiểu không? Trong những khoảnh khắc mà tôi hiểu ra là mình sống tiếp nhờ lòng tin vào Thượng đế nhân từ của mình, lúc đó tôi thường nghĩ, nếu giả sử không có Thượng đế thì sao nhỉ? Hết như hồi bé tôi nghĩ, mình sẽ làm gì nếu bố mẹ cùng chết đi? Lúc đó tôi tưởng tượng ra một hình ảnh sờ thấy được, một khung cảnh. Do biết hình ảnh đó lấy sức mạnh từ tình yêu của Thượng đế nên tôi cũng không sợ, mà ngắm nhìn đầy tò mò.”

“Cậu kể cho tôi nghe về cảnh ấy đi!”

“Ông có muốn đưa vào một bài thơ không? Ông không cần nhắc tên tôi trong bài đâu, ông chỉ cần đền bù cho tôi bằng một việc duy nhất.”

“Được!”

“Trong sáu tháng gần đây tôi đã viết ba lá thư tho Kadife. Và không đem thư nào ra bưu điện cả. Không vì xấu hổ, mà vì sợ bưu điện mở ra xem. Một nửa dân ở Kars là cảnh sát thường phục mà. Một nửa số người quanh đây cũng thế. Họ đang quan sát mình đấy. Cả người của chúng ta cũng quan sát mình.”

“*Người của chúng ta* là ai?”

“Tất cả tín đồ Hồi giáo trẻ ở Kars. Họ rất muốn biết tôi nói gì với ông. Họ tới đây để phá rối, vì họ biết buổi diễn tối nay sẽ bị biến thành cuộc biểu trưng sức mạnh của phe thế tục và quân sự. Tối nay sẽ diễn vở *‘Khăn trùm’* mà người ta làm ồn lên từ mấy hôm nay và hạ nhục những cô gái trùm khăn. Thực ra tôi ghét chính trị, nhưng các bạn tôi phản đối có lý. Họ cũng nghi ngờ tôi vì tôi không hăng hái như họ. Lúc này tôi không đưa thư cho ông được, vì ai cũng nhìn. Tôi muốn ông đưa chúng đến tay Kadife.”

“Bây giờ không ai nhìn cả. Cậu đưa tôi luôn, rồi kể cho tôi nghe về cảnh ấy.”

“Thư ở đây, nhưng tôi không cất trong người. Tôi sợ bị khám người lúc qua cửa. Cả các bạn tôi cũng có thể khám người tôi. Ta gặp nhau đúng hai mươi phút nữa, ở nhà vệ sinh cuối hành

lang, đi ra đó qua cửa sắt sân khấu.”

“Rồi cậu sẽ kể cho tôi nghe về cảnh ấy chứ?”

“Có người của họ ra đây đấy.” Necip nói. Cậu quay nhìn ra hướng khác. Tôi biết hẳn. Đừng nhìn về phía hắn, ông cứ làm bộ nói chuyện bình thường nhưng đừng thân mật quá!”

“Được!”

“Cả thành phố này đều tọc mạch muốn biết vì sao ông về đây. Người ta nghĩ nhà nước hay thậm chí phương Tây cử ông về đây trong một điệp vụ. Các bạn tôi phải tôi ra đây để dò ông chuyện đó. Tin đồn ấy có đúng không?”

“Không đúng.”

“Tôi phải nói gì với họ? Vì sao ông về đây?”

“Tôi không biết.”

“Ông biết, nhưng lại chỉ vì xấu hổ mà không nói ra được.” Họ im lặng. “Ông về đây vì ông bất hạnh.” Necip nói.

“Sao cậu nhận ra?”

“Qua mắt ông: côی thừa từng gặp một ai có đôi mắt buồn như ông cả... Hiện giờ tôi cũng không hạnh phúc gì, nhưng tôi còn trẻ. Nỗi bất hạnh tiếp sức cho tôi. Ở tuổi này tôi ưa bất hạnh hơn hạnh phúc. Ở Kars này chỉ có bọn ngu và ác mới hạnh phúc nổi. Nhưng đến tuổi ông thì tôi mong muốn có hạnh phúc để nương tựa vào.”

“Nỗi bất hạnh bảo vệ tôi trước cuộc đời,” Ka nói. “Cậu không phải lo cho tôi!”

“Thế thì tuyệt! Ông cũng đừng giận tôi nhé? Mặt ông có một vẻ gì mà tôi hiểu được, tôi có thể nói với ông tất cả những gì tôi nghĩ, kể cả những chuyện ngớ ngẩn nhất. Nếu tôi kể cho các bạn mấy chuyện ấy thì chỉ tổ để họ chế nhạo tôi thôi.”

“Kể cả Fazil?”

“Fazil thì khác. Nó sẽ trả thù cho tôi nếu bất kỳ ai chơi xấu với tôi và biết mọi ý nghĩ của tôi. Bây giờ ông nói gì đi. Thằng ấy đang nhìn về phía chúng ta đấy.”

“Thằng nào?” Ka hỏi. Ông nhìn ra đám người tụ lại sau các hàng ghế. Một người đàn ông đầu hình quả lê, hai đứa con trai mặt đầy trứng cá, những đứa trẻ ăn mặc tồi tàn, lông mày cau lại, tất cả lúc này đều nhìn lên sân khấu, một vài người loạng choạng có vẻ say rượu.

“Hôm nay mình không phải là người duy nhất quá chén”, Ka lầu bầu.

“Bọn họ uống vì bất hạnh,” Necip nói. “Nhưng ông uống để gánh nỗi niềm hạnh phúc giấu giếm trong lòng.”

Cậu nói chưa dứt thì đúng lúc đó đám đông chợt rùng rùng chuyển động. Ka không biết có hiểu rõ ý của Necip không. Nhưng trong đầu ông tuy xung quanh náo động, vẫn yên ắng như khi đang nghe tiếng nhạc êm dịu. Ai đó vẫy ông - giữa các hàng ghế. Có vài chỗ trống giữ cho các nghệ sĩ. Một nhân viên nhà hát, nửa chu đáo nửa hăm dọa, đưa Ka đến chỗ của ông.

Những gì Ka xem trên sân khấu tối hôm ấy, sau này tôi có xem lại trên băng video lấy từ kho lưu trữ của Truyền hình biên giới Kars. Một tiểu phẩm hài chế nhạo quảng cáo của nhà băng; nhưng Ka không hiểu nổi đâu là khôi hài và đâu là nhại lại, vì nhiều năm nay ông không xem tivi Thổ. Tuy vậy ông cũng nắm được cốt truyện là một người đàn ông ra nhà băng nộp tiền vào tài khoản. Một người sang trọng cố làm ra vẻ giống Tây bằng được ở mấy thành phố còn nhỏ hơn Kars và tận vùng quê, đoàn kịch nửa Brecht nửa Bakhtin của Sunay Zaim diễn tiểu phẩm này còn tục tĩu hơn nữa trong các quán trà, nơi đàn bà và người của nhà nước không lộ mặt tói: thay vì một gã chuồng một với thẻ ATM trong tay, là một gã đồng tính chính hiệu, khiến khán giả cười nôn ruột. Trong tiểu phẩm tiếp đó, đến phút cuối cùng Ka mới nhận ra người sắm vai gã đàn ông râu ria mặc đồ phụ nữ, dốc đầu gội đầu Schwarzglatz và kem bôi tóc lên đầu là Sunay Zaim. Giống như tại các quán trà tỉnh lẻ chỉ có khách đàn ông vào, khi muốn đám người nghèo khổ cầu được trải nghiệm “*sự thanh tẩy chống tư bản*”, Sunay trong bộ đồ đàn bà chải búi tục tằn và làm bộ dứt lọ đầu gội đầu thôn thôn vào hậu môn. Sau đó, vợ Sunay là Funda Eser trong khi nhái quảng cáo một loại xúc xích khô ưa thích đã cầm cây xúc xích lên tay, nhắc xem thử với nụ cười quyến rũ và hỏi: “Của ngựa hay lừa thế này?” rồi rời sân khấu ngay trước khi vở kịch đi quá đà.

Rồi thủ môn nổi tiếng trở lại sân khấu tiếp tục chuyện đội Anh trong trận giao hữu đó đã sút mười một bàn vào lưới mình ra sao, lồng thêm mấy vụ lăng nhăng với các nữ diễn viên nổi tiếng trong cùng thời gian đó và các màn bán độ. Mọi người lắng nghe và cười sảng khoái đầy ác ý, khoái chí vì sự chậm tiến đặc trưng của người Thổ Nhĩ Kỳ.

NƠI KHÔNG CÓ ALLAH

Khung cảnh trước mắt Necip và bài thơ của Ka

Hai mươi phút sau, Ka ra nhà vệ sinh phía cuối hành lang lạnh ngắt và thấy ngay Necip đã đứng ở chỗ những người đi tiểu. Họ đứng đợi trước những ngăn đóng cửa phía cuối phòng một hồi lâu như không hề quen nhau. Ka tranh thủ ngấm nhìn hình bông hồng và lá đắp nổi trên trần phòng vệ sinh.

Khi có một ngăn trống, cả hai cùng đi vào. Ka nhận ra một ông già mồm móm nhìn theo họ. Sau khi cài then bên trong cửa, Necip nói: “Người ta không thấy mình đâu.” Cậu vui sướng ôm Ka rồi khéo léo đặt mũi giày thể thao lên gờ tường, nhún người lên vươn tay lấy mấy phong bì trên bồn nước. Cậu đứng lại xuống sàn, thổi bụi và lau sạch phong bì rất kỹ.

“Tôi muốn ông giải thích cho Kadife rõ một điều khi trao cho cô ấy những bức thư này,” cậu nói. “Tôi đã suy nghĩ rất lâu. Từ lúc cô bắt đầu đọc là tôi không còn hy vọng hay mong đợi gì ở cô trong cuộc đời này nữa. Tôi muốn ông nói điều đó thật rõ ràng cho Kadife hay.”

“Nếu ngay khi biết đến tình yêu của cậu cô ấy cũng phải nghe nói là cậu không có hy vọng gì nữa thì cậu báo tin cho cô ấy làm gì?”

“Tôi không sợ cuộc đời và những đam mê của mình như ông đâu.” Necip nói. Rồi sợ làm Ka buồn bực cậu thêm: “Những lá thư này là giải pháp duy nhất tôi có trong tay: tôi không thể sống mà không mê say một người hay một vật đẹp đẽ nào. Để có hạnh phúc, tôi sẽ phải yêu một thứ khác. Nhưng trước tiên tôi phải đẩy Kadife khỏi tâm trí mình đã. Ông có biết sau Kadife tôi sẽ hiến dâng toàn bộ tình yêu của mình cho đam mê nào không?” Cậu trao cho Ka mấy lá thư.

“Cậu sẽ yêu ai?” Ka hỏi và đốt thư vào túi áo choàng.

“Allah.”

“Kể cho tôi nghe về khung cảnh cậu đã thấy trước mắt đi!”

“Phải mở cửa sổ ra đã, ở đây hơi quá.”

Ka lay lay cái then han gỉ và mở cửa sổ con của nhà vệ sinh. Họ ngạc nhiên nhìn những bông tuyết rơi chậm chậm và lặng lẽ ngoài trời tối như ngấm một điều thần kỳ.

“Thế gian đẹp xiết bao.” Necip thì thầm.

Ka hỏi: “Theo cậu, cái gì đẹp nhất trong đời?”

Họ im lặng, rồi Necip nói như tiết lộ một bí mật: “Tất cả.”

“Nhưng chẳng phải cuộc đời làm ta bất hạnh hay sao?”

“Đúng vậy, nhưng đó là lỗi của chúng ta, không phải lỗi của thế gian hay Đấng tạo hóa.”

“Kể cho tôi nghe về khung cảnh cậu đã thấy trước mắt đi!”

“Ông hãy để tay lên trán tôi và nói ra hậu vận của tôi đã,” Necip nài. Cậu mở thật to đôi mắt mà hai mươi sáu phút sau một con mắt sẽ bị một viên đạn xé nát cùng óc cậu. “Tôi muốn sống thật lâu và thật mãnh liệt, và tôi cũng biết rằng mình sẽ có nhiều trải nghiệm tuyệt vời. Nhưng tôi không rõ hai mươi năm nữa anh sẽ nghĩ gì, đó là cái tôi rất muốn biết.”

Ka đặt bàn tay phải của mình lên lớp da mỏng trên trán Necip. “Trời ơi!” Ông giật tay ra trước khi chạm vào thái dương, tựa như phải bỏng. “Nhiều chuyện xảy ra lắm.”

“Ông nói đi!”

“Hai mươi năm nữa, nghĩa là ở tuổi ba mươi bảy, rốt cuộc thì cậu sẽ nhận ra rằng mọi xấu xa trên thế giới này, nghĩa là người nghèo thì nghèo và dốt nát, người giàu thì giàu và xảo quyệt. Mọi hung tàn, bạo lực và dã man, nghĩa là tất cả những gì khiến trong cậu nảy sinh khát vọng muốn chết và mặc cảm tội lỗi đều sinh ra từ lý do là ai cũng tư duy giống nhau. Vì vậy cậu sẽ thấy ở một nơi mà ai ai cũng có vẻ đạo đức nhưng kỳ thực chết trong ngu muội cậu vẫn có thể làm một người tốt dù bề ngoài cậu xấu xa vô đạo đức. Nhưng cậu cũng sẽ hiểu là chuyện đó có hậu quả đáng sợ. Hậu quả ấy đang hiện lên dưới bàn tay run rẩy của tôi...”

“Hậu quả gì cơ?”

“Cậu thông minh khác thường và đã biết nó ngay từ hôm nay rồi. Vì vậy tôi muốn chính cậu nói ra trước.”

“Nói gì ạ?”

“Tôi cũng biết cậu hiểu rõ lý do khiến cậu cảm thấy tội lỗi khi thấy tình cảnh thảm thương khổ sở của người nghèo.”

“Lạy trời, ý ông là tôi sẽ không tin Thượng đế nữa ư?” Necip hỏi. “Thế thì thà chết còn hơn.”

“Chuyện đó không diễn ra trong vòng một đêm như với ông hiệu trưởng tội nghiệp trong thang máy, mà rất từ từ, chính cậu sẽ không để ý. Như một người sáng dậy sau khi uống quá nhiều Raki và nhận ra mình đã chết, vì anh ta chết một cách chậm chạp và đã ở thế giới bên kia quá lâu trước đó rồi.”

“Người đó là ông chứ gì?”

Ka rút tay khỏi trán Necip. “Ngược lại. Rõ ràng là từ nhiều năm nay tôi đã dần dần bắt đầu tin vào Allah. Chuyện này diễn ra chậm chạp đến nỗi khi đến Kars tôi mới hiểu ra. Vì vậy ở đây tôi hạnh phúc và viết được thơ.”

“Tôi thấy ông có vẻ hạnh phúc và thông thái,” Necip nói. “để tôi hỏi ông một câu: con người có thực sự nhìn trước được tương lai không? Nếu không biết trước tương lai, liệu con người vẫn có thể tin rằng họ sẽ biết và nhờ thế tìm được bình yên? Tôi muốn đưa ý đó vào tiểu thuyết khoa học giả tưởng đầu tay của mình.”

“Một số người làm được việc đó...” Ka đáp. “Ông Serdar Bey chủ báo Thành phố biên giới chẳng hạn, ông ấy đã viết lên báo từ lâu những gì tối nay sẽ xảy ra.” Họ cùng nhìn vào tờ báo Ka rút trong túi áo ra: “... *tiết mục bị ngắt quãng liên tục bởi những tràng pháo tay phấn khích.*”

“Đó chính là cái người ta gọi là hạnh phúc,” Necip nhận xét.

“Chúng ta sẽ là thi sĩ của riêng đời mình khi biết được những gì sẽ xảy ra với mình, rồi sau đó mục kích những điều diệu kỳ mình đã miêu tả trước đó. Trên báo nói là ông sẽ trình bày bài thơ mới nhất của mình. Bài nào vậy?” Có ai đó gõ cửa.

“Cậu kể ngay cho tôi về khung cảnh ấy đi,” Ka khẩn khoản.

“Tôi sẽ kể đây,” Necip nói. “Nhưng ông không được cho ai biết là tôi kể cho ông. Người ta không muốn tôi thân với ông đến thế.”

“Tôi sẽ không cho ai biết cả,” Ka nói. “Giờ thì kể đi!”

“Tôi rất kính yêu Thượng đế,” Necip xúc động bắt đầu. “Đôi khi tôi bất chợt hỏi, chuyện gì xảy ra nếu giả sử - xin Thượng đế tha tội - không có Allah, lúc đó trước mắt tôi hiện lên hình ảnh làm tôi kinh sợ.”

“Sao nữa?”

“Trong đêm đen, tôi quan sát khung cảnh ấy từ một ô cửa sổ. Bên ngoài là hai bức tường trắng cao ngất không có cửa. Như hai bức tường thành, như hai thành lũy đối diện nhau. Tôi sợ hãi nhìn theo lối đi hun hút giữa hai bức tường đó, chạy dài ra xa như một con đường. Giống như Kars, con đường ở nơi không có Allah cũng phủ tuyết và lầy lội, nhưng lại có màu tím. Ở giữa con đường có gì đó nói ‘*Dừng lại!*’ nhưng tôi đánh bạo nhìn đến tận cuối đường, nơi tận cùng thế giới. Ở đó là một cây đơn độc, trơ trụi không lá. Khi tôi nhìn nó chợt đỏ dần lên và bốc lửa. Trong tôi trào lên cảm giác tội lỗi vì đã tò mò nhìn tới một nơi không có Allah. Ngay lúc đó, cái cây đỏ trở lại màu sẫm như cũ. Mặc dù quyết tâm không nhìn nó lần nữa, tôi vẫn lặp lại hành động ấy, và cái cây nơi tận cùng thế giới lại đỏ lên và bốc cháy. Cứ thế lặp đi lặp lại đến

sáng.”

“Tại sao cảnh ấy làm cậu kinh sợ đến thế?”

“Vì thỉnh thoảng tôi nghĩ, như thể qua lời thì thầm của Quỷ vương, rằng cái cây ấy có thể thuộc vào thế giới bên này. Song hình ảnh hiện ra trước mắt tôi nhất định phải là do tôi tưởng tượng ra. Vì nếu trong vũ trụ này có một nơi như tôi đã miêu tả, thì điều đó có nghĩa là - xin Thượng đế tha tội - không có Allah. Do chuyện đó không thể xảy ra nên khả năng duy nhất còn lại là tôi không tin vào Thượng đế. Thế thì tệ hơn cả cái chết.”

“Tôi hiểu,” Ka nói.

“Tôi đã tra trong từ điển. Khái niệm '*Người vô thần*' có gốc Hy Lạp là từ '*Athos*', nhưng nó không chỉ một người không tin vào Thượng đế, mà là một người cô đơn vì bị các thánh thần rời bỏ. Điều đó cho ta thấy người ở Kars không thể là người vô thần được vì Allah không rời bỏ chúng ta ở đây, ngay cả khi chúng ta muốn thế đi nữa. Trước tiên phải là một người phương Tây rồi mới thành một người vô thần được.”

“Ước gì tôi là một người phương Tây và vẫn có được đức tin,” Ka nói.

“Con người bị Allah rời bỏ, kể cả khi tối nào cũng ngồi quán cà phê, kể chuyện tiểu lâm với bạn bè và chơi bài, ngày nào cũng đùa nghịch với mọi người trong lớp và cả ngày trò chuyện với bạn bầu thân thiết, vẫn là một người trơ trọi.”

“Tuy vậy, tình yêu thực sự có thể an ủi ta.” Ka nói.

“Nhưng người đó cũng phải yêu mình như mình yêu người đó chứ.”

Lại có tiếng gõ cửa. Necip ôm Ka, hôn lên má ông như một đứa trẻ rồi đi ra. Ka thấy người vừa đứng đợi bên ngoài đã chạy vội vào gần bên cạnh, nên ông đẩy then khóa cửa lại và hút một điếu thuốc trong khi nhìn ra tuyết rơi như trong cổ tích. Ông cảm thấy mình đã ghi hình ảnh mà Necip thuật lại như một bài thơ được khắc từng chữ vào trí nhớ, và ông có thể chép vào cuốn thơ của mình, nếu không có ai từ Porlock đến.

Người từ Porlock đến! Đó là một đề tài mà chúng tôi thực sự say mê hồi những năm cuối phổ thông, khi Ka và tôi thường tranh luận về văn chương đến nửa đêm. Ai thạo đôi chút văn học Anh cũng biết là trong phần đầu bài thơ “Hốt Tất Liệt” với tiêu đề phụ “Một ảo mộng, một bài thơ viết dở”, Coleridge đã tả việc tranh ngủ thiếp đi vì uống một loại thuốc trị bệnh ra sao (thực ra ông ta dùng thuốc phiện giải trí). Những dòng chữ trong cuốn sách mà ông đọc trước khi ngủ gần như đã hiện hình trong một giấc mộng sâu tuyệt đẹp và biến thành một bài thơ. Một bài thơ kiệt xuất, có thể nói đã ra đời không cần chút khổ công nào của người nghệ sĩ.

Hơn thế nữa, khi tỉnh dậy Coleridge nhớ rõ từng chữ trong bài thơ ấy. Ông lấy giấy, bút và mực ra, vội vã chép lại từng vần thơ.

Khi viết đến câu cuối trong bài thơ còn lại với chúng ta hôm nay thì có tiếng gõ cửa. Ông đứng dậy mở cửa: một người từ thị trấn Porlock gần đó tới xin vay tiền. Sau khi đuổi anh ta đi và quay lại bàn, Coleridge nhận ra rằng ông đã quên phần cuối bài thơ, chỉ còn sót lại tâm trạng và vài thứ lẻ tẻ.

Do không có ai từ Porlock đến phá vỡ sự tập trung của ông, Ka vẫn nhớ hết bài thơ của mình khi được gọi lên sân khấu. Ông cao lớn hơn tất cả, chiếc áo choàng xám tro mua ở Đức làm ông nổi bật giữa đám người trên sân khấu.

Tiếng ồn ào trong khán phòng chợt lặng đi. Đám sinh viên, những người thất nghiệp và người không có vị trí nào trong xã hội cũng như dân Hồi giáo phản đối đang sôi sục bỗng im bật, vì họ không biết bây giờ nên cười nhạo hay phản kháng chuyện gì. Các công chức cao cấp, đám cảnh sát cả ngày theo dõi Ka, ông phó thống sứ, ông phó giám đốc Sở cảnh sát và các giáo viên ngồi hàng đầu đều biết Ka là thi sĩ. Người giới thiệu chương trình gầy nhom giật mình khi thấy yên lặng quá. Anh ta hỏi Ka một câu lấy từ chương trình văn hóa của ti vi: “Ông là nhà thơ, ông viết thơ, sáng tác thơ có khó không ạ?” Cuối đoạn đối thoại ngắn và gượng gạo mà tôi chỉ muốn quên ngay mỗi khi xem lại băng video, khán giả cũng chẳng biết làm thơ khó hay dễ, chỉ biết là Ka từ Đức về.

Người dẫn chương trình hỏi tiếp: “Ông thấy thành phố Kars xinh đẹp này ra sao?”

Sau một lát ngập ngừng Ka đáp: “Rất đẹp, rất nghèo, rất buồn.”

Hai học sinh trường tôn giáo ở phía hàng ghế cuối cười phá lên. Một người khác kêu: “Tâm hồn ông nghèo thì có!” Sáu, bảy người khác được khích lệ liền nhảy lên hò hét. Nửa số khán giả chế nhạo Ka, nửa kia nói gì không ai hiểu. Sau này khi về Kars tôi có nghe Turgut Bey kể rằng Hande đã khóc khi nghe Ka nói mấy câu ấy. Người dẫn chương trình nói: “Ông đại diện cho văn chương Thổ Nhĩ Kỳ ở Đức!”

“Nói thử xem ông vì sao đến đây thì hơn” một người để ngang vào.

“Tôi đến đây vì tôi rất bất hạnh.” Ka nói. “Ở đây tôi hạnh phúc hơn. Bây giờ xin quý vị lắng nghe tôi đọc bài thơ.”

Sau một thoáng chuệch choạc và ồn ào trong phòng, Ka bắt đầu đọc thơ. Nhiều năm sau, khi nhận được cuốn băng video tôi đã quan sát bạn tôi đầy cảm phục và triu mến. Lần đầu tiên tôi thấy ông đọc thơ trước đám đông. Ông thúc đẩy tiến trình rất có suy nghĩ, như một người chăm chú và khoan thai đi từng bước, không mảy may khiên cưỡng. Ngoài hai lần vấp, ông đọc bài thơ một mạch không nghỉ.

Necip nhận ra tức khắc bài thơ “*Nơi không có Allah*” khớp từng chữ một với lời cậu mô tả ban nãy về “khung cảnh” trước mắt mình. Cậu nhồm dậy khỏi ghế như bị bùa mê, nhưng không hề ngắt lời, trong lúc Ka tiếp tục những câu mô tả tuyệt vời. Nghe có tiếng vỗ tay từ một, hai chỗ ngồi. Một người ngồi hàng phía sau đứng dậy và hô to gì đó, mấy người khác làm theo. Không rõ họ định đáp lại các vần thơ hay chỉ làm ầm lên cho đỡ buồn chán.

Nếu không tính đến cái bóng của Ka trên nền xanh lá cây chốc lát sau, thì đó là những hình ảnh cuối cùng tôi nhìn thấy về bạn tôi, người tôi quen từ hai mươi bảy năm rồi.

“TỔ QUỐC HAY KHĂN TRÙM”

Vở kịch về một thiếu nữ đốt tấm khăn trùm của mình.

Sau khi bài thơ của Ka kết thúc, người dẫn chương trình giới thiệu với những động tác cường điệu và lời lẽ rườm rà vở kịch đỉnh điểm của tối nay: *Tổ quốc hay khăn trùm*.

Người ta nghe vài tiếng phản đối và huýt sáo từ những hàng ghế giữa và cuối phòng, nơi học sinh trường tôn giáo ngồi, cũng như tiếng vỗ tay tán thưởng rời rạc của các công chức ở các hàng ghế đầu. Đám còn lại trong khán phòng chật như nêm đang chờ đợi chuyện sắp xảy ra một cách tò mò chen lấn kính cẩn. Những tiểu phẩm hài nhạt nhẽo mà nhóm diễn viên đã diễn: trò nhại quảng cáo tục tĩu của Funda Eser, màn múa bụng của bà vào những lúc thích hợp và không thích hợp, cảnh bà và Sunay Zaim diễn nữ thủ tướng ngày xưa cùng ông chồng tham nhũng - chỉ chọc tức đám công chức chứ khán giả thì vô cùng thích thú.

Đám đông hẳn sẽ thích cả vở *Tổ quốc hay khăn trùm* tuy nhanh chóng bị phá rối bởi đám học sinh trường tôn giáo luôn làm toáng lên và hét hò chen vào. Lắm khi người ta không nghe nổi lời thoại trên sân khấu. Nhưng vở kịch thô thiển và “lỗi thời” kéo dài hai mươi phút ấy có cấu trúc biên kịch đơn giản đến nỗi vừa mù vừa điếc cũng hiểu được dễ dàng.

1. Một phụ nữ trùm kín khăn đen thui đi ra phố, vừa đọc thoại vừa suy tư. Cô ta đang đau buồn điều gì đó, chưa rõ là gì.

2. Cô ta trút khăn trùm ra và tuyên bố mình tự do. Bây giờ cô ta không trùm khăn nữa, và là người sung sướng.

3. Gia đình và chồng chưa cưới của cô, vài người đàn ông Hồi giáo để râu khác phản đối sự tự do ấy vì những lý do khác nhau; họ cố ép cô ta trùm khăn trở lại. Trong một phút công phẫn, cô đốt chiếc khăn.

4. Đám người cuồng tín với bộ râu quai nón tĩa gọn và tràng hạt trong tay đáp lại cuộc phản kháng ấy bằng vũ lực; họ đang túm tóc người phụ nữ, toan giết cô thì...

5... những chiến binh trẻ của nền cộng hòa đến giải cứu cô.

Vở kịch ngắn này từ giữa thập kỷ ba mươi cho đến thế chiến thứ hai được ủng hộ bởi chính thể mỗ phỏng phương Tây, muốn kéo phụ nữ tránh xa khăn trùm và áp lực tôn giáo. Nó được trình diễn liên tục tại các trường phổ thông và nhà văn hóa ở Anatolia, nhưng tới hồi thập kỷ năm mươi đã bị lãng quên khi ngọn lửa của cuộc cách mạng Atatürk đã nguội bớt. Mấy năm sau Funda Eser, thủ vai người phụ nữ trùm khăn hôm ấy kể cho tôi nghe trong một phòng lồng tiếng ở Istanbul rằng bà tự hào đã được đóng vai mẹ bà đã diễn hồi năm 1948 tại trường phổ thông Kütahya, và rằng bà thất vọng đến thế nào khi những biến cố mới xảy ra ở Kars khiến bản thân bà không được đón chào nhiệt liệt như mẹ bà trước kia. Mặc dù bà ta đang trong tình trạng rũ rượi và kiệt quệ như vẫn thường thấy ở các nghệ sĩ sân khấu và sau này cũng chối không muốn nhớ lại, tôi vẫn ép bà phải kể lại những gì bà đã mục kích hôm đó. Ngoài ra tôi cũng nói chuyện với nhiều nhân chứng khác của tối ấy, do vậy tôi có thể đi vào chi tiết như sau:

Cảnh đầu làm khán giả ở Kars bối rối. Nghe nhan đề *Tổ quốc hay khăn trùm*, họ tưởng đó là một vở kịch chính trị thời sự, song trừ một hai người già còn nhớ vở kịch ngày xưa, không ai nghĩ thực sự sẽ có một nhân vật phụ nữ che mạng lên sân khấu. Đối với đa số họ chiếc khăn trùm là biểu tượng của Hồi giáo chính trị. Khi người phụ nữ bí hiểm trùm khăn tiến ra, nhiều khán giả chưa hiểu được cô đang buồn bã, mà có ấn tượng rằng cô ta có một dáng đi đầy tự tin, có thể nói là tự hào. Thậm chí những công chức “cấp tiến” vốn luôn phỉ báng trang phục tôn giáo cũng cảm thấy kính nể cô ta. Một học sinh nhanh trí của trường tôn giáo đoán được ai nấp dưới tấm khăn và cười phá lên làm ngay cả những người ở những hàng ghế đầu cũng cảm thấy

bực tức.

Đến cảnh hai khi người phụ nữ đã được khai sáng và tự do, cô ta trút bỏ tấm khăn trùm đen với một động tác cao kỳ, và mọi người đều chết điếng. Chúng ta có thể giải thích điều đó như sau: kể cả những người ngoại đạo chuồng phượng Tây cũng lo ngại trước viễn cảnh hệ quả từ quan điểm của mình. Nói cho cùng, từ lâu họ tán đồng cứ để mọi thứ ở Kars giữ nguyên như cũ, vì họ quá sợ phe Hồi giáo chính trị. Họ chẳng hề nghĩ đến chuyện đòi nhà nước gây áp lực khiến phụ nữ cởi bỏ chiếc khăn trùm như nền cộng hòa những năm đầu đã đạt được; họ chỉ nghĩ: quan trọng là phụ nữ đã bỏ khăn không vì sợ phe Hồi giáo chính trị và bị chúng gây áp lực như ở Iran mà trùm kín trở lại.

“Nhưng thật ra là thế này: những người theo tư tưởng Atatürk ngồi ở mấy hàng ghế đầu không phải theo Atatürk, mà là một lũ hèn nhát,” sau này Turgut Bey nói với Ka. Ai cũng sợ việc một phụ nữ công khai trút bỏ khăn trùm trên sân khấu không chỉ kích động đám Hồi giáo chính trị, mà cả những người thất nghiệp và bần cùng trong hàng ngũ khán giả. Mặc dù thế, cũng có một thầy giáo ở hàng ghế phía trên đứng dậy và vỗ tay hoan hô Funda Eser đang trút bỏ chiếc khăn trùm với động tác thanh thoát và dứt khoát, nhưng ông giáo cô độc tội nghiệp này chỉ nhận được tiếng hú hét giễu cợt hằn học của đám học trò hàng cuối. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng có người cho rằng tiếng vỗ tay ấy không phải là hành động chính trị của một người tân tiến, mà chỉ do cánh tay tròn lẳn và ngực áo khoét rộng của bà diễn viên làm cho ông giáo mê mẩn tâm thần.

Cả nhóm người cộng hòa ở mấy hàng ghế phía trước cũng không vui thú gì với tình cảnh này. Họ khá bối rối vì đằng sau tấm mạng che mặt không hiện ra một cô gái làng trang nghiêm và ham học, đeo kính, mà là Funda Eser, một vũ nữ múa bụng suồng sã, có nghĩa là chỉ có bẹn dĩa và đàn bà vô đạo đức mới bỏ khăn trùm ra hay sao? Vậy thì đây là một thông điệp của Hồi giáo chính trị rồi! Ở hàng ghế trên người ta nghe viên phó thống sứ kêu lên: “Sai rồi! Hoàn toàn sai rồi!” Nhiều người hưởng ứng, có thể chỉ vì a dua, nhưng hầu như chẳng gây ấn tượng gì cho Funda Eser. Trong khi mấy hàng ghế đầu vừa kính cẩn vừa lo âu theo dõi người con gái giác ngộ của nền cộng hòa bảo vệ quyền tự quyết của mình ra sao thì người ta nghe mấy tiếng hăm dọa vang lên từ đám thanh niên của trường tôn giáo, cho dù chẳng khiến ai sợ. Viên phó thống sứ, phó giám đốc cảnh sát nhiệt tình và gan dạ Kasim Bey từng tiêu trừ tận gốc đảng Công nhân Kurd, các quan chức khác, giám đốc địa chính tỉnh, ông phụ trách văn hóa với nhiệm vụ duy nhất là sai tịch thu cassette nhạc Kurd để nộp lên Ankara (ông đến đây cùng vợ, hai con gái, bốn con trai và ba cháu trai bị ông bắt thắt cà vạt), các sĩ quan mặc đồ dân sự cùng phu nhân ngồi mấy hàng ghế đầu không hề lo ngại đám học trò trường tôn giáo làm ầm ĩ, vì chúng chỉ là một bọn nông nổi vô lễ.

Ngoài ra họ tin vào các cảnh sát mật phân tán khắp khán phòng, đám mặc cảnh phục đứng dọc tường nhà và quân lính nghe nói đã tức trực sẵn sau sân khấu. Chỉ có điều này là quan trọng: buổi truyền hình trực tiếp tới nay làm họ có cảm giác là cả nước Thổ Nhĩ Kỳ và Ankara nhìn về đây, ngay cả khi họ chỉ lên kênh địa phương. Thế là đủ để vẽ tầm thường, không khí cổ động chính trị và những màn nhố nhăng trên sân khấu có vẻ tinh tế hơn, quyến rũ hơn thực tế. Có người chốc chốc lại quay đầu xem máy quay phim còn chạy không, những người khác ngồi hàng cuối vầy vầy, những người khác nữa thì nghĩ: “Trời ơi, người ta nhìn mình đấy” và ngồi im phắc trịnh trọng, kể cả ở các xó phòng. Truyền hình trực tiếp thì ra không khiến cho người ở Kars theo dõi diễn biến trên màn hình ti vi ở nhà mà họ chạy đến nhà hát để xem người nhà đài “quay” ra sao.

Trên sân khấu lúc này Funda Eser đã quăng chiếc khăn mới cởi ra vào một chậu thau như bỏ đồ bẩn cần giặt, bà đổ xăng lên một cách khéo léo như đổ nước tẩy và bắt đầu vục cả hai tay vào chậu như định vò thật kỹ. Vì xăng tình cờ lại đựng trong lọ thuốc tẩy “Akif” mà hồi đó các bà nội trợ ở Kars ưa dùng nên các khán giả trong phòng, nói cách khác là cả thành phố, tưởng người phụ nữ nổi loạn ấy đã thay đổi kế hoạch của mình và bây giờ ngoan ngoãn giặt khăn.

Cũng lạ, nhưng ai nấy đều thở phào.

“Giặt đi, cô bé, giặt sạch vào!” ai đó kêu lên từ hàng ghế sau.

Có tiếng cười rộ. Riêng các công chức phía trước bực mình. “Thế *Omo* đâu rồi?” lại một người khác kêu to.

Đó là đám học trò trường tôn giáo, và người ta cũng không giận chúng lắm vì tuy chúng quấy nhiễu khán giả nhưng cũng chọc cho họ cười. Đa số khán giả kể cả đám quan chức chỉ muốn cho cái vở lỗi thời mang tính gây hấn chính trị kiểu Jacobin ấy mau mau qua đi mà không gây chuyện bê bối gì. Sau này tôi nói chuyện với rất nhiều người, họ cũng có cảm giác như thế; từ công chức cho đến người Kurd nghèo hèn, tối hôm ấy đa số dân ở Kars tới Nhà hát nhân dân chỉ vì muốn vui chơi giải trí một chút.

Funda Eser kéo dài cảnh diễn này như một bà nội trợ yêu giặt giũ vẫn thấy trong phim quảng cáo. Vở xong, bà lấy chiếc khăn đen khỏi chậu, và lễ ra phát cho phăng các nếp nhăn để chuẩn bị phơi lên dây, bà lại cầm trái ra như một lá cờ. Trong khi tất cả còn hoang mang cố tìm hiểu xem chuyện gì sắp diễn ra, bà rút bật lửa trong túi váy ra và châm vào một góc khăn. Tất cả im phăng phắc một thoáng. Người ta nghe tiếng phàn phật của ngọn lửa thoát nuốt gọn chiếc khăn. Toàn bộ khán phòng tràn đầy một ánh sáng kỳ dị đáng sợ.

Nhiều người kinh hoàng đứng bật dậy.

Không ai ngờ chuyện đó xảy ra. Ngay cả những người thế tục kiên định nhất cũng giặt mình. Vài người chỉ sợ mỗi điều là những ván gỗ sân khấu hơn trăm năm tuổi và tấm màn nhung burntious và chẳng vá đụp từ những ngày huy hoàng nhất của Kars sẽ bén lửa khi Funda Eser quăng tấm khăn cháy xuống sàn.

Nhưng hầu hết khán giả kinh hoàng nhận ra đây mới chỉ là bắt đầu. Giờ thì cái gì cũng có thể xảy ra được.

Từ phía đám học sinh trường trường tôn giáo vang lên một tiếng rền, một tiếng ào ào. Nghe rõ tiếng chửi bới, phản đối và huýt sáo giận dữ.

“Đả đảo kẻ thù của tôn giáo!” một người hét lên. “Đả đảo lũ vô thần! Bọn vô đạo!”

Mấy hàng ghế đầu vẫn còn ngơ ngác. Tuy ông giáo cô đơn và dũng cảm lúc này đứng lên kêu gọi: “Im đi nào! Xem đi!” Nhưng không ai nghe ông. Khi đã rõ rằng những tiếng đồng thanh hò hét chửi bới sẽ không lắng xuống và tình hình đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát, nỗi kinh hoàng quét suốt các hàng ghế như cơn gió. Bác sĩ Nevzat giám đốc Sở y tế lập tức hồi hả ra phía cửa theo sau là đứa con trai mặc áo vest đeo cà vạt, cô con gái bím tóc và bà vợ trong bộ cánh sang nhất của mình, một chiếc áo dài vải kếp màu ngọc bích, ông buôn hàng da Sadik Bey, một trong những nhà giàu ngày xưa ở Kars vừa từ Ankara về trông coi cửa hiệu, và ông bạn từ hồi tiểu học là luật sư Sabit Bey của đảng cộng hòa cùng đứng dậy. Ka thấy sự sợ hãi phản chiếu trên nét mặt những người ở hàng ghế đầu, nhưng ông lưỡng lự ngồi lại: ông cũng suy tính xem có nên đứng dậy không, nhưng không hẳn vì chuyện đang xảy ra mà chủ yếu sợ quên mất bài thơ trong đầu thừa kịp chép vào cuốn vở xanh. Tuy thế ông lại cũng muốn rời khỏi đây ngay để đi tìm Ipek. Đúng lúc đó thì giám đốc Sở bưu chính Recai Bey, người được kính trọng khắp thành phố nhờ học vấn và danh giá, chen về phía đám khói trên sân khấu.

“Cô bé thân mến,” ông gọi vọng lên. “Tất cả chúng tôi đều ngưỡng mộ những đóng góp cho lý tưởng Atatürk của cô. Nhưng thế là đủ rồi ! Cô xem kìa, mọi người đều nhón nhạo lên hết rồi, sẽ có bạo loạn mất thôi.”

Lửa tắt nhanh. Bây giờ Funda Eser đứng giữa làn khói đọc bản độc thoại, niềm hạnh diện của tác giả *Tổ quốc hay khăn trùm* mà sau này tôi đã tìm được toàn văn trong ấn bản của các sở thị chính năm 1936. Bốn năm sau sự kiện này, ở Istanbul tôi gặp tác giả của *Tổ quốc hay khăn trùm* lúc đó đã ở tuổi chín mươi hai và còn rất tráng kiện. Ông kể hồi thập kỷ ba mươi cứ đến đoạn này và trong các tác phẩm khác của ông (*Atatürk đang đến, Các vợ Atatürk cho trường cấp ba, Kỷ niệm về Người v.v...*) rất tiếc đã bị lãng quên (ông không biết gì về buổi biểu diễn ở Kars và các sự kiện kèm theo), các nữ sinh cấp ba và nữ viên chức mắt đầm lệ nhất loạt đứng dậy vỗ tay, vừa kể vừa mắng mỏ mấy thằng cháu (đúng hơn là chắt) hỗn láo đang quấy rầy.

Nhưng lúc này người ta không nghe thấy gì khác ngoài tiếng chửi rủa, hăm dọa và căm phẫn của học sinh trường tôn giáo. Mặc cho sự im lặng đầy mặc cảm tội lỗi và sợ hãi ở phía đầu khán phòng không mấy ai nghe được những lời Funda Eser đang nói. Cô gái thịnh nộ trút khăn trùm xuống không phải để tuyên bố về dân tộc, cũng như không chỉ về trang phục truyền thống. Cô ta đang nói về chính linh hồn chúng ta; và mạng che mặt, khăn trùm hay mũ đuôi seo chỉ là biểu trưng của phần lạc hậu tối tăm trong tâm hồn ta; cần cởi bỏ chúng mà nhanh chân đến châu Âu để bắt kịp với những quốc gia hiện đại.. Tất cả những lời hùng hồn ấy hầu như không ai hiểu được, bù lại thì người ta nghe rất rõ tiếng đáp nhạo báng từ hàng ghế phía sau vang ra khắp phòng.

“Vậy sao không cởi bỏ tất tậ mà chạy sang châu Âu lừa lồ đi!”

Thậm chí ở phía đầu phòng cũng nghe thấy tiếng cười và vỗ tay phụ họa, làm mọi người ở đó giật mình và thất vọng hơn cả.

Như nhiều người khác, lúc đó Ka cũng đứng dậy. Những tiếng kêu át lẫn nhau, phía cuối phòng mọi người hét lên đầy kích động, vài người cố chen về phía cửa ra vào, còn Funda Eser vẫn tiếp tục đọc bài thơ chẳng có ai nghe.

ĐỪNG BẮN, SÚNG CÓ ĐẠN THẬT ĐẤY

Cuộc cách mạng tiền Sân khấu

Mọi việc xảy ra rất nhanh. Trên sân khấu xuất hiện hai tên cường tín râu quai nón đội mũ, lăm lăm trong tay dây thừng và dao. Trông bộ dạng thì biết là chúng muốn trừng phạt Funda Eser đã cả gan chống lại điều răn của Allah bằng cách tháo bỏ và đốt khăn trùm.

Bị rơi vào tay chúng, Funda Eser uốn éo giãy giụa một cách khêu gợi.

Tới cảnh này mỗi khi lưu diễn về các tỉnh, bà không còn xử sự như một người hùng của thời Khai sáng nữa, mà như một phụ nữ “sắp mất phẩm giá”, vai trò bà ưa thích nhất. Bà vươn cổ ra như một con cừu tế thần và kêu gọi đám khán giả đàn ông với ánh mắt cầu khẩn, tuy nhiên không kích thích được họ như mong đợi. Một trong hai tên cường tín râu quai nón (diễn viên đóng người cha lúc này đã hóa trang lại một cách vụng về) nắm lấy tóc bà. làm bà ngã xoài ra

đất; tên kia ẩn dao lên cổ bà trong tư thế gợi nhớ cảnh hy sinh Isaac trong những họa phẩm thời Phục hưng. Cảnh này gây ra nỗi kinh hoàng lan rộng trong giới trí thức và công chức theo phương Tây, khi họ nhớ lại cuộc nổi dậy phản cách mạng mang tính tôn giáo trong những năm đầu tiên của nền cộng hòa. Các công chức cao tuổi ở hàng ghế đầu và đám khán giả già thủ cựu phía cuối khán phòng giật mình kinh sợ trước tiên.

Funda Eser và hai tên “Toàn thống giáo” đứng im phăng phắc, không thay đổi dáng đứng suốt mười tám giây. Sau này nhiều người ở Kars kể với tôi rằng ba người đứng im như thế lâu hơn nhiều. Nhưng lúc đó đám đông trong khán phòng bắt đầu xáo động. Đám học sinh trường tôn giáo nổi giận không thể vì chân dung biếm họa xấu xí độc ác của những “kẻ cuồng tín” trên sân khấu, cũng không phải bởi chuyện thay vì lo lắng cho giới phụ nữ trùm khăn thì lại ca tụng một người đàn bà bỏ mạng che mặt. Họ cảm thấy vở này là một sự khiêu khích liều lĩnh. Họ hiểu mình chỉ dấn sâu thêm vào cái bẫy giăng ra nếu còn tiếp tục giận dữ hò hét và ném đồ lên sân khấu; và tất cả những điều đó chỉ làm họ giận dữ hơn trong nỗi bất lực của mình. Vì vậy cậu học sinh thấp người lực lưỡng ở lớp cuối cấp, người có nhiều kinh nghiệm chính trị nhất trong bọn họ, Abdurrahman Öz (bố cậu ta ba hôm sau từ Sivas đến đón xác con mình khai một tên khác hẳn) cố sức can ngăn các bạn và khuyên họ yên lặng, nhưng không ăn thua gì. Tiếng vỗ tay và hò hét phản đối từ góc phòng phía kia bây giờ càng đông viên họ hơn. Và đặc biệt là cánh Hồi giáo chính trị trẻ ở Kars, vốn không được thành công lắm so với những ban cùng chí hướng ở các tỉnh lân cận, tối hôm nay lần đầu tiên đã dũng cảm đồng lòng lên tiếng. Họ ngạc nhiên và sung sướng chứng kiến giới công chức lãnh đạo và phe quân sự ngồi hàng đầu biết thế nào là sợ hãi. Họ không thể không tận hưởng phút biểu dương lực lượng của mình, chẳng gì thì ti vi cũng quảng bá cho cả thành phố biết. Vậy nên sau này người ta quên đi rằng trong lúc hò hét vỗ tay, mấy người trẻ đó đang tự thích thú vai trò của mình. Trong nhiều lần xem lại cuốn băng video, tôi thấy trong khi các học sinh đồng thanh hò la chửi bới có nhiều người còn cười khoái trá, thậm chí vỗ tay và kêu la nhằm động viên toán học sinh để giải trí khỏi sự ngán ngẩm sau một buổi tối kỳ dị ở nhà hát.

Nếu đám người ngồi mấy hàng ghế đầu không coi trọng tiếng ồn ào lộn xộn và cứ ngồi yên thì có lẽ đã không xảy ra chuyện gì, nhiều người nói với tôi như vậy. Người khác thì giải thích những công chức cao cấp và đám nhà giàu đã chết điếng trong mười tám giây đồng hồ ấy biết trước chuyện gì sẽ xảy ra, do vậy họ lôi gia đình mình ra về. Tất cả đều do Ankara dự tính hết. Ka sợ hãi nhận ra tiếng ồn ào đang làm ông quên đi bài thơ trong đầu. Ông đi khỏi phòng. Cùng lúc đó cứu tinh hiện ra trên sân khấu đúng kế hoạch để giải phóng Funda Eser khỏi tay bọn “phản cách mạng” râu quai nón: Sunay Zaim. Ông đội chiếc mũ lông như Atatürk và các chiến sĩ hồi chiến tranh giải phóng và khoác quân phục hồi thập kỷ ba mươi. Khi ông rần rỏi sải chân trên sân khấu (không ai nhận ra là ông hơi khập khiễng), hai “tên phản động” kinh sợ phủ phục xuống đất. Ông giáo cô đơn lúc này lại đứng dậy và hăng hái vỗ tay chào mừng Sunay Zaim. “Muôn năm! Hu-ra!” một, hai người hô theo. Khi luồng đèn pha sáng quắc trùm lên người ông, Sunay Zaim hiện ra trong mắt dân Kars như một vị thần đến từ thế giới khác.

Ai cũng nhận ra vẻ đẹp và ánh sáng giác ngộ của ông. Ánh hào quang cứng cỏi, quyết liệt và bi thương, vẻ đẹp mảnh mai, thậm chí hơi mềm yếu từng tạo vẻ hấp dẫn của ông trong các vai Che Guevara, Robespierre và nhà cách mạng Enver Paşa đối với sinh viên phái tả, sau những chuyến lưu diễn gian khổ qua Anatolia vẫn chưa phai nhạt hẳn, cho dù hành trình đã làm hỏng chân trái của ông. Ông đưa ngón trỏ bàn tay phải xỏ găng trắng, không phải lên môi, mà để dưới cằm với vẻ lịch thiệp và nói: “Im nào!” Câu này không có trong lời thoại, và cũng không cần thiết vì đằng nào cả khán phòng cũng im phắc. Ai đang đứng cũng ngồi ngay xuống nghe.

“Đau đón thay cho họ!” Rõ ràng câu này chưa nói hết, vì chẳng ai hiểu người nào bị đau cả. Ngày xưa thì nghe câu ấy người ta sẽ nghĩ đến nhân dân hay tổ quốc, bây giờ người dân Kars không rõ cái gì đau: những chuyện họ xem từ tối đến giờ, chính bản thân họ, Funda Eser hay cả nền cộng hòa. Dù vậy cảm giác do câu ấy gây ra chính xác như dự kiến: cả khán phòng chìm vào sự im lặng bối rối, xen lẫn sợ hãi.

“Hỡi đất nước Thổ Nhĩ Kỳ vinh quang thiêng liêng,” Sunay Zaim nói. “Không ai cản được Người trên chuyến đi vĩ đại và cao cả, trên con đường dẫn đến Khai sáng. Hãy yên tâm! Lũ phản động, sâu bọ, đầu óc hủ bại sẽ không tài nào cản được bước tiến của lịch sử. Hãy đập gãy những cánh tay vung lên chống nền cộng hòa, tự do và tiến bộ!”

Người ta chỉ loáng thoáng nghe câu trả lời nhạo báng từ một cậu bạn to gan của Necip ngồi trước cậu ta hai hàng ghế. Ngoài ra thì cả khán phòng lặng ngắt, chìm trong không khí khâm phục trộn lẫn sợ hãi. Đang lúc mọi người ngồi ngây ra như tượng đợi vị cứu tinh của buổi biểu diễn nặng nề này nói vài lời răn dạy mấy câu chuyện thông thái để tối đến có đề tài nói chuyện trong gia đình, lý giải được những điều đang diễn ra, thì diễn giả im tiếng. Và mỗi bên cánh gà xuất hiện một người lính, tiếp ngay sau đó là ba lính nữa vừa vào qua cửa hậu và len qua các hàng ghế trèo lên sân khấu. Thoạt tiên dân chúng Kars giật mình khi thấy các diễn viên đi qua giữa khán giả theo lối hiện đại, nhưng rồi họ thấy thú vị. Đúng lúc đó họ nhận ra cậu bé đưa thư đeo kính đang chạy hộc tốc ra sân khấu và phấn khởi hoan nghênh. Đó là “Bốn mắt”, đứa cháu lanh lợi và đáng yêu của chủ hiệu bán báo lớn nhất thành phố, ai ở Kars chẳng biết cậu, vì suốt ngày cậu đứng trông sập báo. Cậu bé đưa thư lại gần Sunay Zaim, ông cúi xuống và nghe cậu thì thầm vào tai. Tất cả đều thấy Sunay Zaim rất xúc động bởi tin vừa nhận được.

“Chúng tôi vừa được biết là ông hiệu trưởng đại học sư phạm đã qua đời ở bệnh viện,” Sunay Zaim nói. “Vụ sát hại hèn hạ này sẽ là cuộc tấn công cuối cùng chống lại nền cộng hòa, chủ nghĩa thể tục và tương lai Thổ Nhĩ Kỳ!” Trước khi khán giả kịp hoàn hồn sau tin dữ, mấy người lính tháo súng khỏi vai, lên đạn và chĩa xuống khán giả. Tất cả khai hỏa cùng lúc, tiếng nổ chói tai.

Người ta có thể cho đó là thủ thuật dựng vở để gây hoảng sợ hay là cách thể giới hư cấu trên sân khấu phản ứng lại hung tin mà cuộc sống cay đắng ngoài đời đem lại. Vốn hiểu biết về sân khấu khá hạn chế, dân Kars coi đó là cách diễn kịch cải biên một cách thời thượng theo kiểu phương Tây.

Mặc dù vậy, cả khán phòng vẫn rục rịch chuyển động, những người sợ tiếng súng thì nghĩ đó là do nỗi sợ chung lan truyền. Một hai người nháp nhồm đứng dậy, “mấy tên phản động” rêu ria trên sân khấu quỳ mọp hẳn xuống sàn.

“Mọi người ngồi yên!” Sunay Zaim hét.

Mấy người lính lên đạn lần nữa và lại chĩa súng xuống khán giả. Cậu học sinh nhỏ người gan dạ ngồi trước Necip hai hàng ghế đứng dậy hô lớn: “Hãy giết chết bọn vô đạo, giết chết bọn phát-xít vô thần đi!” Lại một loạt đạn vang lên.

Cùng với tiếng nổ, khán giả trong phòng lại ào lên như sóng vì kích động và sợ hãi.

Những người ngồi hàng cuối phòng chợt nhận ra cậu học sinh vừa hô khẩu hiệu đã sum xuống ghế, rồi lại đứng bật dậy và quờ quạng vung cả hai tay lên. Vài người suốt buổi tối đã lấy trò tục tằn và hành vi kỳ quái của đám học sinh để tiêu khiển, thấy thế phá lên cười, nhất là khi cậu ngã xuống giữa hai hàng ghế như một người chết với điệu bộ còn khô hài hơn nữa.

Mãi sau loạt đạn thứ ba, một số khán giả mới nhận ra người ta đang bắn đạn thật vào mình. Điều này có thể nhận ra không chỉ bằng tai mà còn bằng linh tính, giống như khi nghe lính truy đuổi bọn khủng bố trong đêm. Cái lò Đức to tương bằng gạch chịu lửa từ hai mươi tư năm nay dùng để sưởi ấm khán phòng phát ra một tiếng động kỳ dị, khói xì ra từ ống khói bằng tôn thủng lỗ như từ vòi ấm nước đang sôi. Giờ thì họ đã nhìn thấy một người đàn ông đầu bê bết máu ở giữa phòng đứng dậy chạy về hướng sân khấu, và ngửi thấy cả thuốc súng. Một làn sóng kinh hoàng đã mấp mé nổ ra, sóng nhiều người trong phòng vẫn im phăng phắc như tượng; họ

bị chế ngự bởi cảm giác bỏ rơi như lúc bóng đèn. Chỉ có cô giáo dạy văn Nuriye Harum ở hàng ghế đầu vẫn có thói quen mỗi lần đi Ankara đều xem hết các buổi diễn ở nhà hát quốc gia, đứng dậy vỗ tay hoan hô các diễn viên vì hiệu quả sân khấu xác thực. Gần như cùng lúc, Necip cũng đứng dậy như một học trò được gọi lên bảng.

Cũng là lúc đám lính bắn loạt thứ tư.

Đúng như bản báo cáo mà viên thiếu tá do Ankara cử đến sau này đã nghiên cứu kỹ lưỡng và cần mẫn hàng tuần lễ để viết, loạt đạn chót đã giết chết hai người. Một trong hai người đó, ông ta cho là Necip, hai viên đạn xuyên qua trán và mắt cậu, nhưng tôi không dám chắc là cậu chết ngay lúc đó vì cũng được nghe nhiều tin đồn đại khác. Nếu có một điểm tương đồng được tất cả những người ngồi đầu và giữa phòng thống nhất, thì Necip nhận ra có đạn thật sau loạt súng thứ ba, song cậu lại hiểu sự kiện đó theo một hướng riêng.

Hai giây trước khi trúng đạn, cậu đứng dậy và nói đủ to để nhiều người nghe thấy (tuy không được thu vào băng video): “Dừng lại, đừng bắn! Súng có đạn thật đấy!”

Những gì mọi người trong phòng đến lúc này đã cảm thấy bằng trái tim nhưng lý trí vẫn cố cưỡng lại, thế là đã được nói ra.

Ở loạt đạn đầu một trong năm viên đã bắn trúng vòng nguyệt quế bằng thạch cao phía trên dãy ghế lô, nơi trước đây hai mươi lăm năm dành cho vị lãnh sự Nga cuối cùng ngồi xem phim cùng con chó của ông. Rõ ràng là tay lính Kurd người Sirrt bắn viên đạn này không muốn giết ai cả. Một tay lính khác cũng nghĩ tương tự đã vung về bắn ngược lên trần, khiến lớp vôi và sơn một trăm hai mươi năm tuổi rụng lả tả như tuyết xuống đám khán giả đang rục rịch. Một viên nữa cắm vào vách gỗ bên trên giá đỡ máy quay phim trực tiếp, ngay trước khoảng trống không có ghế, nơi các cô gái Armenia nghèo và mơ mộng ngày xưa tựa vào chiêng ngưỡng các diễn viên, nghệ sĩ và dàn nhạc thính phòng từ Moscow. Viên thứ tư bay vèo đến góc xa quá tầm máy quay, xuyên qua một lưng ghế ghim vào vai Muhittin Bey, nhà buôn phụ tùng máy kéo và máy nông nghiệp ngồi cạnh vợ và cô em dâu đã ly dị ở hàng ghế sau, đúng lúc ông này đứng lên để nhìn cho rõ cái gì đang rơi từ trên trần xuống. Viên đạn thứ năm bắn vỡ tung mắt kính của một cụ già từ Trabzon đến thăm đứa cháu đang làm nghĩa vụ quân sự ở Kars, lúc đó ngồi sau đám học sinh Hồi giáo; đạn xuyên qua óc ông cụ đang ngủ gật không kịp biết có gì xảy ra với mình, trở ra qua gáy ông và xoáy vào quả trứng luộc chín già trong túi một thằng bé người Kurd mười hai tuổi đang vươn qua lưng ghế trả lại tiền lẻ cho khách mua bánh mì.

Tôi chép lại những chi tiết ấy để giải trình tại sao phần lớn khán giả trong Nhà hát nhân dân không động tay động chân gì cả khi có tiếng súng. Cậu học sinh bị trúng đạn vào thái dương, cổ và trên tim một chút bị cho là đang pha trò trong vở kịch ghê sợ ấy vì ngay trước đó cậu vừa tỏ ra dũng cảm một cách cường điệu. Trong hai viên còn lại của loạt đạn thứ hai, một viên trúng ngực một học sinh trường tôn giáo nhút nhát ngồi tận cuối phòng (chính là anh họ của thiếu nữ tự sát đầu tiên ở Kars), viên kia trúng vào mặt đồng hồ phủ đầy bụi bặm và mạng nhện treo trên tường, đã đứng im từ sáu chục năm nay. Bởi vì đồng hồ treo trên ống kính đèn chiếu đến hai mét, viên thiếu tá điều tra nhận định rằng một trong những người lính được cử đi bắn hôm đó đã không trung thành với lời thề trước kinh Koran, mà cố bắn chệch đi để khỏi giết hại người nào. Viên thiếu tá cũng nhắc đến học sinh bị giết bởi loạt đạn thứ ba, đó là một phần tử Hồi giáo chính trị hăng máu, và nhắc đến đơn kiện của gia đình cho rằng cậu ta đồng thời cũng là một điệp viên chăm chỉ và mẫn cán tại chi nhánh Kars của Bộ an ninh quốc gia (ông nhận xét thêm trong ngoặc: gia đình nạn nhân không đủ chứng cứ pháp lý để đòi nhà nước bồi thường). Hai viên cuối cùng giết chết cụ Riza Bey, người xây giếng ở khu thành cổ được giới bảo thủ và ngoan đạo của Kars yêu mến, và người hầu luôn đi theo đỡ đần ông già ốm yếu như một cây gậy chống. Tới đây thì khó mà giải thích nổi vì sao đa số khán giả lặng im, ngay cả khi chúng lên đạn tiếp và hai đồng bào thân thiết đang hỗn hển giãy chết giữa khán phòng.

“Chúng tôi ở hàng ghế sau hiểu ra rằng có gì đó khủng khiếp xảy ra.” Nhiều năm sau một ông chủ hiệu sữa nói với tôi, không cho phép lộ danh tính, chúng tôi ngồi nhìn mà không thốt ra lời nào vì chúng tôi sợ nỗi bất hạnh đó cũng đến với mình nếu động dây và gây chú ý.” Ngay viên thiếu tá cũng không thể nhận biết loạt đạn thứ tư trúng vào những đầu. Một viên làm bị thương người bán hàng lưu động về Kars rao bán trả góp từ điển và trò chơi gia đình (hai tiếng sau, anh ta chết vì mất máu trong bệnh viện). Một viên nữa xé toác một lỗ dưới sàn lô tư nhân mà hồi đầu thế kỷ hai mươi nhà buôn đồ da Kirkor Çizmeciyen thuộc lớp người Armenia giàu có cùng gia đình mặc kín đồ lông thú ngồi xem biểu diễn. Còn viên đạn xuyên qua con mắt xanh của Necip và viên bắn trúng giữa vầng trán rộng trong trắng của cậu, như có người hùng hồn cả quyết không giết chết Necip ngay; sau này người ta kể lại là cậu còn nhìn một lát lên sân khấu và nói: “Tôi thấy rồi!”

Ai đó đã chạy ra cửa, hét lên vì sợ hay kêu la gì đó, sau những phát súng cuối cùng cũng dờ ra vì sợ. Người quay phim của nhóm truyền hình nhảy ra nấp sau một bức tường, máy quay vừa liên tục lia phải lia trái nay đứng im. Người xem vô tuyến ở Kars chỉ thấy trên màn hình nhóm người trên sân khấu cùng hàng khán giả phía trước im lặng và kính cẩn. Tuy nhiên đại đa số dân Kars đều hiểu rằng có chuyện lạ xảy ra trong Nhà hát nhân dân khi đã nghe thấy nào gào thét, hoảng loạn và tiếng đạn. Thậm chí những người cho tới nửa đêm đã suýt ngủ gật vì buổi biểu diễn tẻ nhạt trong mười tám giây cuối cuộc xả súng cũng dán mắt vào màn hình.

Sunay Zaim đủ kinh nghiệm để chớp lấy thời cơ này. “Hỡi những người lính anh hùng, các anh đã hoàn thành nghĩa vụ của mình!” Với một động tác tao nhã, ông quay sang với Funda Eser lúc này vẫn nằm dưới sàn, cúi chào rất cường điệu và chìa tay cho bà. Funda Eser nắm lấy tay vị cứu tinh và đứng dậy.

Một công chức về hưu ở hàng ghế đầu đứng dậy vỗ tay hoan hô họ. Một người ở đó làm theo ông. Cả từ phía hàng ghế sau cũng có tiếng vỗ tay lẻ tẻ, không rõ vì sợ hay vì thói quen vỗ tay hùa theo người khác. Phần còn lại trong khán phòng vẫn im lặng băng giá. Tựa như ai cũng vừa tỉnh khỏi cơn say. Một vài người dần dần nở được nụ cười sau khi hạ quyết tâm sẽ yên trí coi tất cả là một phần của thế giới sân khấu, cho dù họ đã thấy những người đang hấp hối; vài người lộ mặt ra khỏi xó xỉnh mà họ trốn vào đúng lúc ấy giọng Sunay Zaim làm họ giật mình:

“Đây không phải là sân khấu, mà là khởi đầu của một cuộc cách mạng!” Ông nói với giọng trách cứ. “Chúng ta sẽ làm tất cả vì tổ quốc! Hãy tin tưởng vào quân đội Thổ Nhĩ Kỳ vinh quang! Lính đầu, dẫn họ đi!”

Hai người lính áp tải cặp “phản động” râu ria khỏi sân khấu. Những người lính kia lên đạn và đi xuống khán phòng, đúng lúc một người đàn ông kỳ dị từ phía sau chạy tới sân khấu, ông ta không phải lính mà cũng chẳng phải diễn viên, có thể thấy ngay qua chuyển động cập rập và hoàn toàn vụng về của ông, chẳng ăn nhập gì với sân khấu cả. Nhiều người ở Kars nhìn ông và hy vọng ông sẽ nói tất cả chỉ là một trò đùa.

“Nước cộng hòa muôn năm!” ông ta hô lớn. “Quân đội muôn năm! Dân tộc Thổ muôn năm! Atatürk muôn năm!”

Màn bắt đầu từ từ khép lại. Người đàn ông cùng Sunay Zaim tiến hai bước lên trước và đứng trước bức màn, quay xuống khán giả. Trong tay ông ta là khẩu súng lục sản xuất ở Kirikkale. Ông mặc đồ thường phục, nhưng xỏ ủng quân đội. Ông nói: “Hãy tiêu diệt bọn cuồng tín!” rồi xuống thang đi về phía khán giả. Sau lưng ông là hai người đàn ông cầm súng. Trong khi quân lính bắt giữ đám học sinh trường tôn giáo, ba người hùng dũng tiến ra cửa không thèm để mắt tới khán giả đang run sợ, vừa đi vừa thét những khẩu hiệu.

Họ tràn đầy hạnh phúc và phấn khởi. Vì sau những cuộc tranh cãi và thỏa thuận lê thê, mãi đến phút cuối cùng họ mới được quyết định cho tham gia cuộc cách mạng nhỏ ở Kars dự phần

trong kịch bản. Người ta đã giới thiệu Sunay Zaim cho họ ngay trong buổi tối đầu tiên khi ông vừa tới Kars, và ông chống lại kế hoạch này cả một ngày trời, vì ông cho rằng những kẻ phiêu lưu có vũ khí vốn đã nhúng tay vào các công việc mờ ám sẽ bôi bẩn “tuyệt phẩm sân khấu” mà ông muốn đem trình diễn ở đây.

Nhưng rồi rốt cuộc ông cũng không bác nổi lý lẽ phản biện, rằng cần đến những người biết sử dụng vũ khí để đối phó với lũ hạ dân không thưởng thức nổi nghệ thuật hiện đại. Nghe nói là sau này ông rất hối hận vì quyết định ấy, lương tâm cắn rứt ông sâu vụn máu gây ra bởi bọn người này. Song cũng như nhiều chuyện khác, chuyện này chỉ do người ta đồn đại mà thôi.

Nhiều năm sau, tôi có đến Kars và được dẫn đi xem Nhà hát nhân dân đã bị đổ nát một nửa, nửa kia được biến thành nhà kho của đại lý công ty đồ gia da dụng Arçelik. Đích thân ông chủ công ty đưa tôi đi. Để tránh câu hỏi của tôi về sự kiện khủng khiếp tối hôm đó và những ngày tiếp theo, ông nói rằng từ khi dân Armenia còn ở Kars đã xảy ra nhiều vụ phạm tội giết người và thẩm sát. Nhưng nếu tôi muốn đem lại chút ít hạnh phúc cho người dân Kars thì khi trở về Istanbul chớ có viết về các tội lỗi của quá khứ mà hãy viết về vẻ đẹp của không khí trong lành và tình nồng hậu của người dân. Giữa những hình bóng vật vờ của tủ lạnh, máy giặt và lò sưởi trong khán phòng cũ nay đã mọc meo và tối tăm, ông chỉ cho tôi xem dấu vết duy nhất còn lại từ ngày ấy: một lỗ thủng toang hoác do viên đạn gây ra dưới sàn gỗ của Kirkor Çizmeciyan ngày xưa.

TUYẾT RƠI ĐẸP XIẾT BAO

Đêm nổ ra cách mạng

Z.Tay Sắt là bí danh của người đàn ông dẫn đầu bộ ba vác súng vừa hò hét vừa lao ra ngoài trước ánh mắt khiếp đảm của khán giả khi màn sân khấu đóng lại. Ngày xưa Z. Tay Sắt là một nhà báo cộng sản. Hồi thập kỷ bảy mươi ông ta nổi bật là một nhà văn, nhà thơ nhưng chủ yếu là người “bảo vệ trật tự” trong các tổ chức thân xô viết. Z. Tay Sắt có thân hình hộ pháp. Sau cuộc đảo chính của phái quân sự năm 1980 ông ta trốn qua Đức. và lúc bức tường Berlin sụp đổ thì ông quay trở về Thổ Nhĩ Kỳ với giấy phép đặc biệt để bảo vệ nhà nước hiện đại và nền cộng hòa chống quân du kích người Kurd và đám “Tôn thờ luật Sharia”. Hai người đàn ông đi cùng thuộc vào nhóm dân tộc chủ nghĩa Thổ mà hồi 1979 và 1980, Z. Tay Sắt từng độ súng trên đường phố khi màn đêm buông xuống Istanbul, song chính tinh thần mạo hiểm và ý tưởng bảo vệ nhà nước giờ đây lại hội tụ họ với nhau. Một số người cho rằng ngay từ đầu họ đã là tay chân của nhà nước. Những người kinh hoàng tẩu ra cầu thang Nhà hát nhân dân để rời chốn này cho thật nhanh thì làm ra vẻ ba người đàn ông ấy vẫn đang diễn tiếp vở kịch, vì chẳng biết họ là ai và đang làm gì.

Khi Z. Tay Sắt ra đến đường và thấy tuyết phủ một lớp dày, ông giậm chân vui sướng như một đứa trẻ, bắn hai phát chỉ thiên và hô to: “Dân tộc Thổ muôn năm! Nền cộng hòa muôn năm!” Đám đông đang tản mát vội dạt vào cạnh đường. Vài người nhìn họ với nụ cười khiếm sợ trên môi. Mấy kẻ dừng bước tựa như muốn xin lỗi vì đã bỏ về nhà quá sớm. Z. Tay Sắt và tùy tùng

của ông chạy ngược lên phố Atatürk, miệng hô khẩu hiệu và to tiếng chuyện trò với nhau như những kẻ say rượu. Những cụ già dựa vào nhau và liên tục giẫm thụt vào tuyết, hầu như không tiến lên được bước nào, và các ông bố đang lùa lũ trẻ con ép sát vào nhau đi dọc phố thì hoan nghênh nhóm Z. Tay Sắt một cách dè dặt.

Đến đoạn rẽ sang phố Kâzimbey Nhỏ thì nhóm ba kẻ phần khích đuổi kịp Ka. Họ thấy Ka đã nhận ra mình và nép vào hàng cây trúc đào trên vỉa hè như tránh ô tô chạy qua.

“Thưa nhà thơ”, Z. Tay Sắt gọi ông. “Ông phải giết chúng nó, trước khi chúng nó giết ông. Đúng không ạ?”

Đúng vào lúc ấy Ka quên bằng đi bài thơ mà ông chưa kịp chép lại và định đặt tiêu đề là “*Nơi không có Allah*”.

Z. Tay Sắt và hai thủ hạ tiếp tục đi lên phố Atatürk. Ka rẽ phải sang đường Montenegro vì ông không muốn theo chân họ và nhận ra là giờ đây ông đã quên hẳn bài thơ.

Ông có cảm giác đầy ngượng ngùng và tội lỗi như ngày còn trẻ mỗi khi rời khỏi các cuộc họp chính trị. Hồi đó ông thấy ngượng không chỉ vì sinh ra trong một gia đình tư sản giàu có ở khu Nişantaşı, mà cũng vì mọi phát ngôn ở đó đều cường điệu ấu trĩ đến cực đoan. Ông quyết định không về khách sạn ngay mà đi một đoạn đường vòng, hy vọng sẽ nhớ lại bài thơ vừa bị lãng quên.

Ông thấy mấy người tò mò tiến ra cửa sổ nhìn, sau khi chứng kiến cảnh tượng trên màn ảnh nhỏ. Khó có thể nói Ka nhận biết được bao nhiêu trong sự kiện khủng khiếp ở nhà hát. Vụ xả súng diễn ra trước khi ông ra khỏi nhà hát, nhưng hoàn toàn có thể Ka cho rằng tiếng súng và cả Z. Tay Sắt lẫn thủ hạ là một phần trong trình diễn cũng nên.

Tất cả tâm trí ông hướng về bài thơ đã quên. Khi nhận ra là thay vào đó một bài thơ khác đang trôi lên, Ka đẩy nó vào một góc của trí óc mình chờ nó lớn.

Hai tiếng súng nổ xa xa và chìm đi trong tuyết không để lại một tiếng vang.

Và tuyết rơi đẹp xiết bao! Những bông tuyết lớn chùng nào, tựa như quyết tâm không bao giờ ngừng rơi, và lặng ngắt như tờ. Đường Montenegro thênh thang phủ kín bởi lớp tuyết cao đến đầu gối, nó lượn xuống dốc và lặn vào bóng đêm. Trắng xóa và bí hiểm. Không một bóng người trong tòa thị chính ba tầng tuyết đẹp, một di sản của người Armenia. Những sợi nhũ bằng rủ xuống từ cành trúc đào nối liền với lớp tuyết bọc kín chiếc ô tô bên dưới, đan thành một bức màn sáo nửa tuyết nửa băng. Ka đi qua dãy cửa sổ đóng đinh kín bùng của một ngôi nhà Armenia một tầng bỏ hoang. Ông lắng nghe hơi thở và bước chân của chính mình, nhận ra trong mình một sức mạnh đủ để kiên quyết quay lưng lại với tiếng gọi của cuộc sống và hạnh phúc mà hình như ông mới nghe thấy lần đầu.

Trong vườn hoa nhỏ xíu với bức tượng Atatürk đối diện phủ thống sứ không một bóng người. Cả trước Sở tài chính, ngôi nhà hoành tráng nhất thành phố xây từ thời người Nga, Ka cũng không thấy người nào. Bẩy mươi năm trước, khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc và binh lính của Sa hoàng và vua Thổ rời khỏi đất này, đây là trụ sở hành chính và nghị viện của nhà nước mà người Thổ lập nên ở Kars. Phía đối diện là ngôi nhà Armenia cổ, tòa nhà chính phủ của chính nhà nước lụn bại ấy mà ngày xưa đã bị lính Anh xông vào chiếm cứ, bây giờ được dùng làm phủ thống sứ.

Tránh đi sát tòa nhà được canh gác cẩn mật, Ka rẽ phải về phía vườn hoa rồi đi tiếp. Đúng lúc đi ngang qua một ngôi nhà Armenia đẹp và buồn thảm như mọi ngôi nhà khác, Ka nhìn thấy một chiếc xe tăng bên rìa một khu đất trống cạnh đó đang đi khỏi, lặng lẽ và chậm chạp như

trong mơ. Gần đó, ông thấy một chiếc xe tải quân sự đỗ sát trường tôn giáo. Qua lớp tuyết rất mỏng phủ bên trên, Ka nhận ra nó vừa đến đây chưa lâu. Một tiếng súng vang lên. Ka lộn lại, ông đi xuống phố Quân Đội, tránh lọt vào tầm nhìn của các cảnh sát canh trước phủ thống sứ đang trốn vào vọng gác có cửa sổ đóng kín bằng để cố tìm hơi ấm. Ông hiểu ra rằng mình chỉ có thể giữ lại bài thơ mới nếu quay lại được khách sạn mà không bị quấy quả trong bầu không khí im ắng của tuyết.

Ka xuống đến lưng chừng dốc thì có tiếng âm ỉ vọng sang từ vỉa hè bên kia; ông bước chậm lại. Hai người đang đập chân vào cánh cửa Sở bưu chính.

Có ánh đèn pha ô tô lóe lên trong tuyết. Ka nghe thấy tiếng động êm tai của bánh xe lấp xích bám đầy tuyết. Chiếc xe của cảnh sát chìm đổ cạnh Sở bưu chính, một người đàn ông đội mũ len mang vũ khí ra khỏi xe cùng một người khác có vẻ bình thản mà Ka đã thấy mặt lúc nãy, khi ông lưỡng lự có nên rời nhà hát không.

Một đám người dồn lại trước cửa. Có tiếng tranh luận kịch liệt. Nghe giọng nói và nhờ ánh đèn đường, Ka nhận ra Z. Tay Sắt và thủ hạ của ông ta.

“Mày không có chìa khóa nghĩa là sao?” một người hỏi. Mày là giám đốc Sở bưu chính, đúng không? Người ta đem mày về đây để mày cắt đường điện thoại cơ mà? Tại sao mày lại có thể quên chìa khóa được!”

“Không thể cắt đường điện thoại của thành phố ở đây được, mà ở tòa nhà mới trên phố Ga cơ,” ông giám đốc giải thích.

“Đây là một cuộc cách mạng, và bọn tao muốn vào đây,” Z. Tay Sắt trả lời. “Bọn tao đến tòa nhà kia khi nào bọn tao muốn. Rõ chưa? Chìa khóa đâu?”

“Các bạn trẻ ơi, hai hôm nữa là hết tuyết, đường phố sẽ quang quẻ, và nhà nước sẽ tính sổ với tất cả chúng ta.”

“Cái nhà nước mà mày đang sợ ấy, đó chính là chúng tao đây.” Z Tay Sắt trả lời. “Tóm lại mày có định mở hay không thì bảo?”

“Tôi không có quyền mở nếu không có lệnh bằng văn bản.”

“Rồi để xem,” Z. Tay Sắt nói. Ông rút khẩu súng ngắn của mình và bắn hai phát lên không trung. “Tóm lấy nó, cho dựa lưng vào tường, nếu nó không nghe lời thì xử bắn luôn.”

Không ai tin chuyện đó sẽ xảy ra thật, mặc dù vậy các thủ hạ của Z. Tay Sắt có trang bị vũ khí đã lôi ông Recai Bey ra phía tường. Để đạn không bắn hỏng cửa kính sau lưng, họ xô ông ta sang bên phải một chút. Ông giám đốc ngã xuống vì tuyết ở góc này rất mềm. Họ xin ông thứ lỗi và chìa tay kéo ông đứng dậy, tháo cà vạt của ông ra để buộc hai tay quặt ra sau lưng. Vừa làm họ vừa trò chuyện với nhau và nói là cho đến sáng sớm sẽ thủ tiêu hết bọn phản quốc ở Kars.

Được lệnh của Z. Tay Sắt, họ lên đạn và xếp thành hàng trước mặt Recai Bey như một toán hành quyết. Trong giây phút đó có tiếng súng ở xa (đó là loạt đạn cảnh cáo của toán lính trong sân trước nhà ngủ của trường tôn giáo). Tất cả đều im lặng và chờ đợi. Lần đầu tiên trong ngày tuyết gần như ngừng rơi. Lát sau một người nói là lão già này (thực ra ông giám đốc đâu có già) có quyền hút thuốc cuối cùng. Họ đút một điếu thuốc vào mồm Recai Bey, lấy bật lửa châm thuốc. Và trong khi ông giám đốc hút thuốc thì họ sốt ruột động báng súng và đập ủng vào cánh cửa Sở bưu chính.

“Chớ làm hỏng tài sản nhà nước,” ông giám đốc nói. “Cởi trói cho tôi, tôi mở cửa cho.”

Trong lúc họ đi vào trong nhà, Ka đi tiếp. Đôi khi ông nghe tiếng súng nhưng cũng không bận tâm gì hơn khi nghe tiếng chó sủa. Ông tập trung tinh thần cao độ vào vẻ đẹp của màn đêm hoàn toàn lặng gió. Ông dừng chân một lát trước một ngôi nhà Armema cổ hoàn toàn vắng người. Rồi ông kính cẩn quan sát một nhà thờ Amemia đổ nát cùng nhũ băng rủ xuống từ những cành cây ma quái trong sân. Trong ánh sáng nhạt nhòa vàng ệch của đèn đường, tất cả nom như đến từ một giấc mộng đau khổ khiến Ka không biết vì sao có cảm giác tội lỗi. Mặt khác, ông thấy biết ơn mảnh đất câm lặng và hoang tàn này đã đem lại cảm hứng thi ca cho mình.

Phía xa, một thằng bé ngoài vỉa hè nói: “Con đi xem có chuyện gì xảy ra nhé,” và mẹ nó sau cửa sổ quát lên, gọi nó vào nhà. Ở góc phố Faikbey ông thấy hai người đàn ông trạc tuổi mình đầy vẻ luống cuống đi từ hiệu giày ra, một người tương đối bệ vệ, người kia mảnh khảnh như một đứa trẻ. Từ mười hai năm nay, hai người này tuần nào cũng hai lần nói với vợ: “Tôi ra quán trà đây” và bí mật gặp nhau trong cửa hàng sặc mùi hồ dán giày; họ đang cuống lên vì nghe thấy thông báo về lệnh cấm ra đường trên ti vi chạy suốt ngày của nhà hàng xóm tầng trên hiệu giày.

Sau khi rẽ vào phố Faikbey và đi qua hai phố cắt ngang. Ka nhìn thấy một chiếc xe tăng đối diện cửa hàng mà sáng nay ông đứng ngắm cá hồi bày trước cửa. Cũng giống như đường phố, chiếc xe tăng trong không khí yên lặng huyền ảo ấy im phăng phắc như đã chết, đến nỗi Ka tưởng là trong xe không có người. Nhưng nắp xe đã bật lên, một người ngó đầu ra và bảo ông hãy đi về nhà ngay.

Ka hỏi anh ta đường về khách sạn Lâu Đài Tuyết. Song trước khi người lính kịp trả lời thì ông đã thấy văn phòng tối đèn của báo Thành phố biên giới phía đối diện và nhận ra đường về.

Hơi ấm của khách sạn và ánh sáng trong tiền sảnh làm ông vui vẻ hẳn lên. Qua nét mặt của các vị khách đang xem ti vi trong bộ áo ngủ và tay cầm thuốc lá, ông nhận ra có điều gì bất thường xảy ra, nhưng tâm trí ông lướt qua tất cả như một đứa trẻ lẩn tránh một đề tài khó chịu. Ông chỉ khẽ lướt mắt qua họ rồi đi vào căn hộ của Turgut Bey. Cả nhà vẫn ngồi bên bàn và xem tivi.

Turgut Bey đứng dậy khi thấy Ka và nói giọng trách móc, họ rất lo lắng vì ông về muộn, ông ta còn nói câu gì đó nữa khi ánh mắt của Ka và Ipek giao nhau.

“Anh đọc thơ rất hay,” Ipek nói. “Em tự hào về anh.” Ka hiểu rõ ngay tức khắc rằng giây phút này sẽ khắc sâu trong ông cho đến cuối đời. Ông sung sướng muốn trào nước mắt, nếu như các cô gái khác không hỏi han gì và Turgut Bey dừng tọc mạch và lo lắng.

“Chắc chắn quân đội đã ra tay,” giọng Turgut Bey cấm cẩu vì ông không rõ nên hào hứng hay phàn nàn.

Trên bàn rất lộn xộn. Ai đó đã gạt tàn thuốc vào vỏ quýt; có vẻ là Ipek. Hồi Ka còn bé, một bà họ hàng xa của bố ông tên là Münire cũng có thói quen như thế, và cho dù trong khi nói chuyện luôn thừa gửi tử tế, mẹ Ka không bao giờ thực sự coi trọng bà ta.

“Họ đã ra lệnh thiết quân luật,” Turgut Bey nói. Xin ông kể cho mọi người biết chuyện gì đã xảy ra tại nhà hát!”

“Tôi không quan tâm chút gì đến chính trị cả.” Ka đáp.

“Tất cả, nhất là Ipek đều rõ là Ka chỉ buột mồm nói ra câu đó, song tuy vậy ông vẫn thấy

ngượng ngùng.

Ông chỉ muốn ngồi đó và ngắm Ipek thật lâu, không nói lời nào. Nhưng không khí “đêm cách mạng” bùng bùng trong nhà làm ông chộn rộn. Không phải vì nó khơi dậy ký ức khủng khiếp về những cuộc đảo chính quân sự lúc ông còn nhỏ, mà vì ai cũng gắng hỏi ông mọi chuyện, chỉ trừ Hande ngủ thiếp đi ở góc phòng.

Kadife nhìn lên màn hình mà Ka không muốn xem. Turgut Bey tỏ vẻ hài lòng nhưng phần khích vì đang “có chuyện”.

Ka ngồi đó một lát và giữ tay Ipek, rồi ông nói thầm vào tai cô là hãy đi lên phòng ông ở tầng trên. Khi bắt đầu thấy khổ tâm vì không tiếp cận được cô hơn nữa thì Ka về phòng mình. Có mùi gỗ quen thuộc vẫn vương trong không khí. Ông cẩn thận treo áo khoác lên móc trên cửa, bật đèn ở đầu giường; cơn mệt mỏi như tiếng gầm từ địa ngục không đủ làm mi mắt và toàn cơ thể ông trĩu nặng, mà cả căn phòng và toàn khách sạn đều như bồng bênh. Vì vậy khi ông vội vã chép bài thơ mới vào vở, những vần thơ tuôn ra liên miên từ chiếc giường mà ông đang ngồi lên mép, sang khách sạn, tới thành phố Kars ngập tuyết và nhập thành một thực thể thánh thần duy nhất.

Ông đặt tên bài thơ là “*Đêm nổ ra cách mạng*”. Nó bắt đầu bằng cảnh hồi thơ ấu, lúc cả gia đình bừng tỉnh trong đêm xảy ra đảo chính quân sự và mặc đồ ngủ nghe nhạc hành khúc trong đài; kế tiếp là các bữa ăn quây quần trong ngày lễ. Do vậy sau này ông sẽ tin rằng bài thơ ấy không bắt nguồn từ trải nghiệm thực tế của cuộc cách mạng, mà từ ký ức; và trên bông tuyết ông cũng đặt nó vào vị trí thích hợp - trực HỒI ỨC. Một chủ đề cơ bản của bài thơ là trong khi thế giới đang xảy ra thảm họa thì nhà thơ vẫn có thể phần nào đóng kín tâm trí của mình lại. Nhưng như vậy đối với nhà thơ ấy, hiện tại này cũng chỉ như một thế giới hư cấu mà thôi. Cái giá phải trả cho nghệ thuật khó khăn chừng nào! Viết xong bài thơ Ka châm một điếu thuốc và nhìn ra ngoài cửa sổ.

ÂN HUỆ ĐÃ ĐẾN VỚI ĐẤT NƯỚC VÀ NHÂN DÂN

Buổi đêm, khi Ka ngủ, và ban mai

Ka ngủ đúng mười tiếng hai mươi phút, li bì, không hề trăn trở.

Có lúc ông mơ thấy trời tuyết. Trước đó một lát, phía ngoài ngõ lại có tuyết rơi, có thể nhìn thấy qua rèm cửa nửa kín nửa hở. Tuyết trông cực kỳ xốp trong ánh đèn đường chiếu sáng lên tấm biển “Khách sạn Lâu Đài Tuyết” màu hồng. Có lẽ Ka ngủ một cách yên lành như vậy vì lớp tuyết kỳ diệu hy hữu ấy đã nuốt hết tiếng ào ào của vũ khí trên các nẻo đường ở Kars.

Trong khi đó chỉ cách có hai phố, trường tôn giáo đang bị xe tăng và hai xe tải quân sự tấn công. Không phải cổng chính, một di sản của nghệ thuật rèn sắt Armenia, mà cổng gỗ dẫn đến phòng ngủ của các lớp trên và giảng đường mới là nơi xảy ra đụng độ.

Thoạt tiên binh lính trong sân ngập tuyết đã bắn loạt đạn cảnh cáo lên khoảng không trung tối đen. Vì các học viên Hồi giáo chính trị hung hăng nhất đều đang bị bắt giữ trong buổi biểu diễn ở Nhà hát nhân dân nên trong phòng ngủ chỉ có những chiến binh mới tập tành và những người thờ ơ với chính trị. Nhưng cảnh tượng truyền qua ti vi đã kích động họ lấy bàn ghế ra xây chiến lũy hô khẩu hiệu “Allah vĩ đại!” và bắt đầu phân người đứng gác. Một, hai học sinh điên rồ lấy trộm dao đĩa từ phòng ăn ném qua cửa sổ phòng vệ sinh xuống đám lính và rập tâm nghịch đại với khẩu súng ngắn duy nhất mà chúng có trong tay. Thế là cuộc đụng độ trở thành nổ súng, và một học sinh mảnh khảnh đẹp trai tử vong vì trúng đạn giữa trán. Do tuyết rơi quá dày nên hầu như không ai trong thành phố biết được chuyện gì xảy ra khi các học sinh bị dẫn lên xe và đưa đến Sở cảnh sát. Chúng còn mặc đồ ngủ, nhiều đứa khóc nhè - là những đứa bạn đầu lương lự, nay hối hận vì đã hòa vào chống đối, cốt chỉ để a dua theo lũ bạn - còn những đứa khác thì lăn vào đánh nhau, mặt mũi bê bết máu.

Phần lớn dân chúng còn thức nhưng họ không chú ý nhìn ra cửa sổ hay ra phố mà vẫn chăm chú xem truyền hình. Sau khi ti vi truyền trực tiếp từ Nhà hát nhân dân thông báo của Sunay Zaim rằng đây không phải vở diễn đơn thuần mà là một cuộc cách mạng, ông phó thống sứ Umman Bey được cả thành phố quen mặt trèo lên sân khấu trong khi binh lính dồn những kẻ phản đối trong khán phòng lại và cáng người chết và người bị thương ra ngoài. Với giọng nói quyền uy, đầy thịnh nộ, đáng tin cậy như mọi khi song không giấu nổi chút lúng túng mới mẻ vì đang được “truyền hình trực tiếp”, ông thông báo lệnh thiết quân luật đến mười hai giờ trưa mai trong toàn thành phố. Sau ông, chẳng có ai lên sân khấu không người nữa, do đó trong hai mươi phút tiếp theo những khán giả xem ti vi ở Kars chỉ thấy mỗi tấm màn sân khấu của Nhà hát nhân dân. Rồi đường truyền bị gián đoạn, đột ngột màn sân khấu cũ lại hiện ra. Một lát sau màn từ từ mở, và toàn bộ “vở diễn” được ti vi chiếu lại từ đầu.

Điều đó gây sợ hãi cho nhiều khán giả truyền hình ở Kars, họ cố suy đoán xem trong thành phố xảy ra chuyện gì. Ai quá mệt mỏi hoặc say rượu thì có cảm giác bị sa chân vào một ma trận hỗn độn, những người khác sợ hãi vì phải chứng kiến lại chết chóc, chém giết và màn đêm đen. Một số khác không quan tâm đến phương diện chính trị của sự kiện thì ngồi xem thật kỹ chương trình truyền lại để tìm cách lý giải những sự kiện trong đêm đó, giống như tôi nhiều năm về sau.

Trong khi khán giả Kars xem lại lần nữa cảnh Funda Eser bắt chước một nữ thủ tướng ngày xưa vừa khóc vừa đón khách Mỹ hay hơn hẳn lắc rốn múa bụng sau khi nhai một đoạn phim quảng cáo, một đội đặc nhiệm của cảnh sát lặng lẽ chiếm giữ trụ sở tỉnh ủy của đảng Công bằng giữa các dân tộc trong khu mua bán Halil Paşa, bắt nhân viên người Kurd là người duy nhất có mặt ở đó và thu thập mọi mẫu giấy tờ tài liệu trong các tủ và ngăn kéo. Toán cảnh sát đó cũng đi xe bọc thép lần lượt tìm đến các thành viên của tỉnh ủy mà họ đã quen mặt cũng như biết địa chỉ từ những lần bố ráp trước đó. Tất cả bị bắt với tội danh gây ly gián và ủng hộ chủ nghĩa dân tộc Kurd.

Đó không phải là những người theo chủ nghĩa dân tộc Kurd duy nhất ở Kars. Theo tin của lực lượng an ninh, ba xác chết được lôi ra từ chiếc taxi hiệu Murat cháy thui trên đường đi Digor sáng hôm sau, trước khi bị tuyết phủ lên là các thành viên vũ trang của đảng Công nhân Kurd. Nghe nói là ba thanh niên ấy được tung vào thành phố trước đây mấy tháng và khi hoảng sợ trước các biến cố ở Nhà hát nhân dân đã quyết định trốn lên núi bằng taxi, nhưng đường tắc nghẽn khiến họ nhụt chí và nổ ra tranh cãi, rồi họ tự sát bằng cách để một người trong bọn giật bom nổ. Mẹ của một người làm lao công ở bệnh viện Kars, bà trình báo là con bà tối hôm đó bị mấy người lạ mặt có vũ khí đến gõ cửa và ép đi cùng. Nhưng người ta không xét đơn ấy, hết như tường trình của anh trai người lái taxi rằng em anh thậm chí không phải là người Kurd, nói gì đến chuyện theo chủ nghĩa dân tộc Kurd.

Nói cho cùng thì đến phút này toàn thành phố đã biết một cuộc cách mạng vừa nổ ra hay ít nhất có một biến cố với hai xe tăng và một số nhân vật kỳ bí, nhưng không thấy không khí hoảng sợ, vì tất cả chỉ diễn ra trong phạm vi một buổi biểu diễn được truyền trên ti vi, dưới lớp tuyết bay bay ngoài cửa sổ như không muốn ngừng, hết trong cổ tích. Chỉ có ai quan tâm đến chính trị mới tương đối lo lắng.

Ví dụ như Sadellah Bey, một nhà báo và nhà nghiên cứu dân tộc học khả kính trong cộng đồng người Kurd. Vừa nghe thấy lệnh thiết quân luật trong ti vi, ông chuẩn bị ngay cho quãng thời gian ngồi tù có lẽ đã gần tới. Chẳng gì thì trước đây ông đã chứng kiến nhiều cuộc đảo chính quân sự. Ông xếp vào vali vài bộ đồ ngủ ca-rô xanh mà không có nó ông không chợp mắt được, thuốc cho chứng viêm tuyến tiền liệt và thuốc ngủ, mũ và tất len, bức ảnh con gái ông ở Istanbul đang cười và bế cháu trên lòng, cũng như bản thảo cho cuốn sách về nhạc hiệu của dân Kurd. Rồi ông ngồi đợi trong lúc uống trà với vợ và xem Funda Eser múa bụng lần thứ hai. Sau nửa đêm đã lâu, khi có tiếng chuông ở cửa, ông chia tay vợ, xách vali ra mở cửa. Không thấy ai ở đó, ông bước hẳn ra đường ngập tuyết. Con ngõ nhỏ phủ tuyết nằm thanh bình và xinh xắn dưới ánh đèn đường vàng quạch nhắc ông nhớ lại hồi trẻ con vẫn chạy trên mặt sông đóng băng ở Kars. Đúng lúc đó ông nhận một loạt đạn vào đầu và ngực.

Mấy tháng sau khi tuyết đã tan người ta còn tìm thấy các xác chết khác và biết rằng đêm ấy còn nhiều vụ giết người nữa.

Tôi sẽ cố gắng không kể lại các biến cố để tránh làm bạn đọc của tôi xôn xao, giống như báo chí dè dặt của Kars ngày ấy. Nhưng những chuyện đồn thổi cho rằng Z. Tay Sắt và thủ hạ đã gây ra các “vụ đổ máu bí hiểm” đó là không chính xác, ít nhất trong những giờ đầu tiên. Bọn họ đã cắt được đường điện thoại, dù có hơi bị chậm trễ, tấn công đài Truyền hình biên giới Kars và hạ lệnh truyền chương trình ủng hộ cách mạng. Gần hết đêm họ tập trung sức lực đi tìm một ca sĩ hát dân ca có giọng hùng tráng chuyên hát ca ngợi các anh hùng và lính biên phòng, vì không nghi ngờ gì nữa, chỉ khi radio và tivi phát các ca khúc về anh hùng và lính biên phòng thì cách mạng mới được gọi là cách mạng.

Sau khi sục sạo hết các trại lính, nhà thương, trường khoa học tự nhiên và các quán trà mở thâu đêm suốt sáng, rốt cuộc người ta cũng tìm ra ca sĩ cần thiết giữa đám lính cứu hỏa. Thoạt tiên anh này tưởng là mình bị bắt và có thể biết đâu phải dựa cột, song anh ta được đưa thẳng

đến phòng thu âm. Giọng ca trầm hùng của anh phát ra từ máy truyền hình đặt ở tiền sảnh khách sạn, thấu qua tường, qua lớp ngăn bằng thạch cao và rèm cửa, là âm thanh đầu tiên mà Ka nghe được khi chưa mở mắt. Tuyệt phát ra một ánh sáng là lạ nhưng cực kỳ gay gắt chiếu xuyên qua rèm cửa sổ mở hé vào căn phòng im ắng trần cao. Ka đã ngủ rất say và cảm thấy sáng khoái trong người, nhưng chưa kịp ra khỏi giường ông đã cảm thấy một mặc cảm tội lỗi vì chuyện đó. Ông làm như mình chỉ là một khám tro bình thường trong một thành phố khác và vào nhà tắm, rửa mặt, cạo râu, thay quần áo, vận đồ mới, cầm chìa khóa phòng xỏ vòng đồng nặng trĩu đi xuống quầy tiếp tân.

Nhìn thấy ca sĩ hát dân ca trong ti vi và nhận ra sự yên lặng sâu lắng bao trùm lên thành phố (ở tiền sảnh người ta chỉ thì thào nói chuyện với nhau), dần dần Ka thấu hiểu sự kiện xảy ra tối qua và những gì trí óc đã cản không cho ông nhìn thấy. Ông lạnh lùng mỉm cười với cậu đứng quầy lễ tân rồi đi ngay vào phòng ăn bên cạnh để ăn sáng như một du khách vội vã và không muốn mất thêm quá nhiều thì giờ trong thành phố đang tự hủy hoại mình bởi bạo lực và những ý đồ chính trị điên rồ. Một ấm trà dẹt đặt trên ấm samovar nghi ngút hơi nước ở góc phòng. Trên khay là những lát pho mát Kaşar của Kars thái mỏng, cùng một bát đựng ô-liu đã mất hết màu căng bóng và trở thành hơi xỉn.

Ông ngồi xuống cạnh chiếc bàn bên cửa sổ. Một hồi lâu ông quan sát con ngõ phủ tuyết tuyết đẹp ẩn hiện giữa các màn đăng ten mở nửa chừng. Đường phố trống trơn có gì đó sâu muộn, khiến Ka nhớ lại những lần điều tra dân số, lập lại danh sách cử tri những vụ tổng điều tra và đảo chính quân sự hồi ông còn nhỏ, khi lệnh thiết quân luật ban bố và mọi người quây quần trước ti vi hay radio. Trong khi radio cử nhạc hành khúc và đọc bố cáo hoặc lệnh cấm của chính quyền lâm thời, Ka luôn muốn đi ra đường phố không một bóng người. Thời đó các cuộc đảo chính quân sự là một chủ đề liên kết mọi người và làm mọi cô bác hàng xóm xích lại gần nhau hơn, hồi nhỏ Ka thấy những ngày đó tươi đẹp, giống như người khác ưa những buổi hàn huyên truyền thống trong tháng Ramadan. Ngày ấy các gia đình tư sản và quý tộc Istanbul như gia đình Ka đều có nguyện vọng giấu giếm phần nào cảm tình của họ đối với các cuộc đảo chính quân sự vốn làm cuộc sống của họ an toàn hơn, do đó họ làm ra vẻ cười cợt chế giễu các biện pháp ngớ ngẩn ngăn được tiến hành sau đảo chính (rãnh nước mưa khắp Istanbul đều phải quét vôi trắng cho giống doanh trại; đàn ông tóc dài hay để râu bị lính hoặc cảnh sát giữ lại ngoài phố và cắt trụi). Hồi đó giới người Thổ giàu có một mặt sợ lính, mặt khác họ ngầm khinh bỉ lũ tay sai xuất thân nông dân luôn phải sống trong kỷ luật và lo sao cho đủ vắt mũi dứt miệng.

Như ngày còn thơ, lúc này Ka thần thờ nhìn một xe tải quân sự rẽ vào con phố trông như bị bỏ hoang đã vài trăm năm.

Bỗng nhiên một người ăn mặc như dân buôn gia súc vừa tiến vào phòng ôm chầm lấy Ka, hôn lên hai má ông.

“Tất cả chúng ta hãy vui lên nào! Ân huệ đã đến với đất nước và nhân dân!”

Ka nhớ rằng sau những cuộc đảo chính quân sự ngày xưa, người lớn cũng thường chúc tụng nhau như vậy, tựa như đang trong một buổi lễ tôn giáo. Ông nắm bắt với người đàn ông một câu đại loại như “Cảm tạ Allah!” và lấy làm xấu hổ.

Cửa bếp bật mở, và Ka đột ngột cảm thấy ba hồn bảy vía lạc đầu mất. Ipek tiến từ trong ra, ánh mắt họ giao nhau, trong phút chốc Ka không rõ nên làm gì cho phải. Ông chỉ muốn đứng dậy, nhưng Ipek mỉm cười với ông và quay sang người khách vừa ngồi xuống ghế. Cô bưng một khay đựng tách và đĩa, đặt xuống bàn của người kia như một cô phục vụ.

Trong Ka là một sự pha trộn giữa bi quan, hối hận và mặc cảm tội lỗi. Ông trách mình đã không chào hỏi Ipek một cách tử tế, nhưng ngoài ra còn có một điều khác mà ông biết ngay sẽ

không tự dối lòng được. Mọi chuyện đều sai cả, tất cả những gì họ đã làm tối qua: chuyện ông xin cưới cô - một người vẫn còn xa lạ, và hôn cô (dù thật tuyệt vời), chuyện ông buông thả mình đến thế, chuyện ông cầm tay cô trong bữa tối, tệ hơn nữa, ông đã thể hiện trong khi say rượu niềm si mê của mình một cách trơ trẽn trước mặt tất cả như một người đàn ông Thổ tầm thường. Giờ thì ông không biết phải nói gì với Ipek, và mong Ipek cứ vĩnh viễn đứng phục vụ ở bàn bên.

Người đàn ông ăn mặc hiểu buôn gia súc lớn tiếng gọi đặt trà. Theo thói quen Ipek bưng chiếc khay trống ra phía ấm samova. Sau khi rót trà cho người đó, cô nhanh chân ra bàn Ka và ông thấy tim mình đập thành thịch đến chóng mặt.

“Sao rồi anh?” Ipek mỉm cười hỏi. “Anh ngủ có ngon không?”

Ka giật mình trước sự liên tưởng đến buổi đêm và những khoảnh khắc hạnh phúc hôm qua. “Có vẻ như tuyết không chịu ngừng rơi nữa thì phải,” ông gắng gượng thốt lên.

Họ lặng im ngắm nhìn nhau. Ka hiểu rằng ông không biết nói gì, và nếu nói được gì thì cũng gây ấn tượng giả tạo. Ông im lặng để tỏ cho cô biết mình không thể làm được gì khác, và nhìn thẳng vào cặp mắt to màu nâu nhạt của cô lúc này đã thoáng vẻ dờ dẫm. Ipek hiểu ra tâm trạng Ka lúc này khác hẳn hôm qua, ông bây giờ đã là một người khác. Đối lại thì Ka biết Ipek thấu hiểu, thậm chí cảm thông với sự u tối trong mình. Ông cũng linh cảm rằng niềm cảm thông ấy sẽ làm ông suốt đời phụ thuộc vào người đàn bà này.

“Tuyết kiểu này sẽ không sớm dứt đâu.” Ipek thận trọng đáp.

“Ở đây còn thiếu bánh mì,” Ka nói.

“Ôi, em xin lỗi!” Cô chạy ngay ra bàn bày đồ ăn kê ấm samova, đặt khay xuống và cắt bánh.

Ka gọi bánh mì vì ông không chịu nổi tình cảnh này nữa. Giờ thì ông ngó theo Ipek như muốn nói: Thực ra anh cũng tự ra đồ cắt bánh mì được mà.

Ipek mang một chiếc áo len trắng, váy nâu dài và thắt lưng khá rộng bản như một hồi thập kỷ bảy mươi mà bây giờ chẳng ai dùng cả. Eo cô thon, vòng hông vừa phải. Chiều cao của cô hợp với Ka. Đoạn mắt cá ở chân cô Ka cũng thấy đẹp, và ông hiểu rằng, nếu ông không cùng cô quay về Frankfurt được thì ký ức về những lúc cô nắm tay ông, lúc họ hôn nhau nửa đùa nửa thật khiến ông tràn đầy hạnh phúc sẽ hành hạ ông đến tận cuối đời.

Khi Ipek ngừng tay cắt bánh mì, cô ngoảnh đầu nhìn Ka trước khi cất bước. “Tôi lấy thêm pho mát và ô-liu vào đĩa ông nhé?” Cô gọi về phía ông. Ka hiểu cô thừa gửi lễ phép với mình để nhắc nhở rằng trong phòng còn nhiều người khác nữa.

“Vâng, xin chi!” Ông cũng đáp với giọng ấy cho mọi người nghe. Khi nhìn vào mắt cô, Ka biết cô thừa hiểu rằng ông vừa ngắm cô từ phía sau. Ông giật thót khi nhớ ra Ipek rất thành thạo trong quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, một thứ ngoại giao phức tạp mà ông không hề biết làm chủ. Gì thì gì, ông sợ cơ may duy nhất để đạt được hạnh phúc trong đời mình nằm trong chính mối quan hệ đó.

“Xe quân sự vừa đem bánh mì đến lúc này,” Ipek nói và mỉm cười với ánh mắt ngọt ngào khiến Ka hoàn toàn bị chinh phục. “Zahide Hanim không đến được vì lệnh thiết quân luật, do vậy em lo việc trong bếp... Lúc thấy lính đến, em sợ quá.”

Vì rất có thể lính đến để bắt Hande hay Kadife. Hay thậm chí bắt bố cô...

“Bọn họ đưa hộ lý ở nhà thương đến Nhà hát nhân dân để dọn sạch những vết máu,” Ipek thì thầm. Cô ngồi xuống cạnh bàn. “Họ đã đánh vào ký túc xá, trường tôn giáo và các văn phòng đảng...” Tới mỗi nơi lại có thêm người chết. Hàng trăm người bị bắt giữ, dù đến sáng một số lại được thả. Giọng cô thì thào như thường thấy trong những thời kỳ bị áp bức chính trị, Ka nhớ đến những nhà ăn sinh viên ở trường đại học trước đây hai chục năm. Nơi người ta rỉ tai nhau những mẩu chuyện về tra tấn và đàn áp, ông nhớ đến sự căm tức, buồn rầu pha lẫn niềm tự hào khó hiểu trong giọng điệu các sinh viên. Chính những lúc ấy ông cảm thấy mặc cảm tội lỗi nhiều nhất: chẳng quan tâm gì cả ông chỉ ước một điều là được quên đi mình đang sống ở Thổ Nhĩ Kỳ, về nhà và đọc sách. Giờ thì ông những muốn trả lời “Kính khủng, kính khủng quá!” để giúp Ipek chấm dứt đề tài này, và câu nói đã ra đến đầu lưỡi ông nhưng lại thôi vì ông cảm thấy nó giả tạo. Ka ăn tiếp bánh mì và pho mát trong tâm trạng hồi lỗi đó.

Ipek thì thầm kể chuyện ô tô đi về mấy xóm người Kurd đón các ông bố đến nhận xác con ở trường tôn giáo bị sa lầy giữa đường và tất cả dân chúng được gia hạn đúng một ngày để nộp vũ khí cũng như các hoạt động của lớp dạy Koran và mọi đảng phái chính trị đều bị cấm. Trong khi cô kể, Ka nắm bàn tay, cặp mắt và làn da tuyệt đẹp trên cái cổ cao của Ipek, nhìn mái tóc nâu nhạt đỏ xòa quanh cổ. Ông có thể yêu cô không? Ông thử vẽ ra trước mắt một thoáng; họ sẽ đi dọc phố Kaiser ở Frankfurt, và tối đến sau khi xem phim lại quay về nhà. Nhưng trong nháy mắt, nỗi bi quan đã chế ngự ông. Ông chỉ hình dung ra Ipek cắt bánh mì thành những lát dày như thói quen trong các gia đình nghèo và tẻ hơn nữa - cô xếp những lát bánh ấy thành một hình tháp như ở các cửa hàng để lừa mắt khách.

“Anh xin em, nói sang chuyện khác đi,” Ka nói thận trọng.

Ipek đang kể về một người đàn ông sống gần khách sạn do bị chỉ điểm nên bị bắt trong khi cố lẩn qua dây sân sau.

Ka đọc được nỗi sợ hãi trong mắt cô. “Hôm qua anh rất hạnh phúc, em có biết không, và lần đầu tiên từ bao năm nay anh lại làm thơ,” ông giải thích. “Nhưng bây giờ thì anh không thể nghe nổi những chuyện này.”

“Bài thơ hôm qua của anh hay thật.” Ipek nói.

“Em giúp anh một chút được không, trước khi nỗi bất hạnh làm anh tê liệt?”

“Em phải làm gì?”

“Anh sẽ lên phòng mình ngay,” Ka nói. “Một lát sau em hãy lên đó và lấy hai tay giữ đầu anh. Một chút thôi, không cần gì hơn!”

Khi nói ra câu đó, ông nhận ra trong ánh mắt khiếp hãi của Ipek là cô sẽ không làm nổi việc ấy, và ông đứng dậy. Cô chỉ là một phụ nữ tỉnh lẻ, một người xa lạ, và ông đã yêu cầu một việc cô sẽ không hiểu nổi. Có lẽ ông không nên đưa ra lời cầu xin ngu xuẩn ấy mới đúng, và sẽ không phải nhìn thấy ánh mắt sững sốt của cô. Trong khi vội vã lên cầu thang ông tự trách mình đã yêu cô một cách hão huyền. Ông vào phòng, thả mình xuống giường và tự thấy ngu xuẩn xiết bao khi đánh đường từ Istanbul về đây và sau đó ông nhận ra chính quyết định từ Frankfurt về Thổ Nhĩ Kỳ là một sai lầm. Nếu còn sống thì liệu mẹ ông sẽ nói gì khi biết hạnh phúc của con bà ở tuổi bốn hai phụ thuộc vào một người đàn bà “lò việc bếp núc” ở Kars và cắt bánh mì thành những lát dày cộp? Chả phải trước đây hai chục năm bà đã cố ngăn con trai đến với thơ văn để có một cuộc đời bình thường đó sao? Và liệu bố ông sẽ nói gì nếu nghe nói con ông ở Kars quỳ gối trước một trưởng lão nhà quê và vừa khóc vừa kể về đức tin của nó với Allah?

Ngoài trời tuyết lại bắt đầu rơi, và những bông tuyết khổng lồ u sầu hạ xuống từ từ bên ngoài

cửa sổ.

Có tiếng gõ cửa. Ka bật dậy và mở cửa trong hy vọng. Đó là Ipek, nhưng vẻ mặt cô khác hẳn: có một xe quân sự vừa đến, hai người, trong đó một lính, xuống xe và hỏi Ka. Cô nói là ông đang ở đây và sẽ đi gọi ông.

“Được.” Ka nói.

“Em có thể xoa bóp cho anh trong hai phút như anh hỏi lúc nãy,” Ipek nói.

Ka kéo cô vào phòng, đóng cửa lại, hôn cô và đặt cô ngồi xuống đầu giường. Ông nằm duỗi dài và gối đầu lên lòng cô. Họ cứ giữ tư thế như vậy một hồi, im lặng và ngó ra ngoài cửa sổ xem mấy con quạ đi lại trên mái tòa thị chính hơn một trăm năm tuổi.

“Tốt rồi, thế là đủ, anh cảm ơn em!” Ka nói. Ông cẩn thận lấy chiếc áo choàng màu xám tro từ trên móc xuống và ra khỏi phòng. Trong khi xuống cầu thang ông khẽ ngửi chiếc áo để nhắc mình nhớ đến Frankfurt, và trong khoảng khắc ấy ông chợt thêm muốn cuộc sống của mình ở Đức tho đến tận chi tiết vụn vặt nhất. Ở đó có người bán hàng tóc vàng tên là Hans Hansen đã tư vấn cho ông hôm ông mua chiếc áo choàng này ở cửa hàng Kaufhof. Hai hôm sau ông quay lại lấy áo đã cắt ngắn và gặp lại anh ta. Ka cũng nhớ rằng buổi đêm ông chợt thức dậy và nhớ đến người này - có thể vì cái tên quá Đức và màu tóc quá vàng.

NHƯNG TÔI KHÔNG NHẬN RA AI TRONG ĐÓ

Ka trong những căn phòng lạnh khủng khiếp.

Để đón Ka, người ta đã cử một xe tải hiệu GMS của chương trình viện trợ Marshall, ngày đó hầu như không thể tìm thấy ở Thổ Nhĩ Kỳ nữa. Một thanh niên rất trẻ vận thường phục, da trắng và mũi khoằm đợi ông ở tiền sảnh khách sạn, để ông ngồi vào giữa ghế trên buồng lái. Anh ta ngồi cạnh Ka, sát cửa, tựa như muốn ngăn ông mở cửa tháo chạy. Nhưng anh đối xử khá lịch sự với ông và thừa gửi lễ phép, khiến Ka suy ra rằng người này không phải cảnh sát mặc thường phục mà là sĩ quan an ninh quốc gia, và có thể người ta sẽ không xúc phạm đến ông.

Họ đi chậm chậm qua các phố vắng tanh phủ trắng tuyết.

Cabin của chiếc xe tải quân sự với bảng điều khiển toàn nút bật đã hỏng, rất cao so với mặt đường nên Ka có thể ngó vào mấy cửa sổ mở rèm. Nhà nào cũng bật ti vi, hầu như toàn thành phố kéo rèm cửa lại và chui tụt vào vỏ ốc. Ka có cảm tưởng đang đi qua một thành phố lạ hoặc nào đó, và tưởng như cả lái xe lẫn người đàn ông mũi khoằm đều ngây ra trước vẻ đẹp của hàng cây trúc đào phủ tuyết, dãy nhà người Nga cũ xây theo phong cách Baltic và con phố như hiện ra từ một giấc mơ có thể nhìn thấy qua căn gạt nước đang khó nhọc đẩy tuyết.

Họ dừng trước Sở cảnh sát và nhanh chóng đi vào vì bên ngoài rất lạnh. Trong nhà đông đúc ồn ào hơn nhiều so với hôm qua. khiến Ka giật mình mặc dù ông đã lường trước điều này. Không khí náo nhiệt lộn xộn rất đặc trưng cho những nơi có đông người Thổ cùng làm việc nhắc Ka nhớ đến hành lang của tòa án, lối vào sân vận động và bến xe buýt. Nhưng đồng thời một không khí chết chóc không lành cũng vương vấn đâu đây, tựa như ta vẫn cảm thấy nó trong các bệnh viện sắc mùi dung dịch i-ốt. Nghĩ đến chuyện có người bị tra tấn ở ngay đâu đây mà ông không nhắc một ngón tay để cố gắng can thiệp vào làm Ka thấy sợ hãi và có lỗi.

Khi lên chiếc cầu thang mà hôm qua ông đã đi cùng Muhtar, bất giác ông cố xử sự tự nhiên như những người có quyền hành ở đây. Từ những phòng mở cửa văng ra tiếng máy chữ gõ lạch xạch vội vã, tiếng người gào lên qua máy bộ đàm và ai đó kêu người đem trà lên. Ông cố gắng không nhìn vào mắt những thanh niên bị còng tay dính vào nhau, quần áo xộc xệch, mặt bầm máu đang đợi đến lượt thẩm vấn ngồi trên những chiếc ghế băng sát tường.

Ông được đưa vào một căn phòng giống như nơi ông cùng với Muhtar ngồi hôm qua. Họ mong ông có thể nhận ra tên sát nhân đã giết ông hiệu trưởng trường đại học sư phạm trong đám sinh viên Hồi giáo chính trị bị bắt giữ ở tầng dưới mà hôm qua ông không nhận ra trong tập ảnh, mặc dù ông đã khai là không nhìn thấy mặt tên sát nhân đó. Ka hiểu rằng sau khi “Cách mạng” nổ ra, Bộ an ninh đã nắm quyền kiểm tra cảnh sát và giữa hai bên có xung đột. Một nhân viên an ninh với khuôn mặt tròn xoe hỏi Ka hôm qua ở đâu vào lúc bốn giờ.

Trong một thoáng mặt Ka tái nhợt. “Người ta khuyên tôi nên đến gặp trưởng lão Saadettin Efendi,” ông vừa bắt đầu thì bị người đàn ông mặt tròn ngắt lời. “Không, trước đó!”

Khi Ka im lặng, ông ta nhắc rằng Ka đã gặp Lam. Ông ta làm bộ đảng nào cũng biết hết mọi chuyện cả rồi và tiếc rằng bắt buộc phải làm Ka ngượng. Ka cố nhận ra trong đó một dấu hiệu thiện chí. Một thanh tra cảnh sát bình thường ắt sẽ cả quyết rằng Ka tìm cách che giấu cuộc gặp gỡ ấy cũng như sẽ lên lớp cho ông một cách kẻ cả và thô bạo rằng cảnh sát cái gì cũng biết.

Nhân viên đặc vụ giải thích rằng Lam là một tên khủng bố cuồng tín, một tên khiêu khích xảo trá và kẻ thù thâm căn cố đế của nền cộng hòa dưới chỉ đạo của Iran. giọng ông ta như muốn nói: “May mà mọi việc đã qua rồi.” Người ta đã chứng minh được rằng hắn ta đã giết một người dẫn chương trình truyền hình và hiện có lệnh truy nã. Hắn đi khắp nước và tổ chức các lực lượng ủng hộ luật Sharia. “Ai tổ chức cho ông cuộc nói chuyện với hắn?”

“Một học sinh của trường tôn giáo, tôi không biết tên cậu ta,” Ka nói.

“Vậy ông hãy thử nhận mặt cả người ấy nữa,” nhân viên đặc vụ nói. “Ông hãy xem thật kỹ! Ông sẽ nhìn qua các lỗ quan sát trên cửa xà lim, ông không phải lo, người ta không nhận ra ông đâu!”

Họ đưa Ka xuống một cầu thang rộng. Trước đây một trăm năm, khi ngôi nhà hẹp kéo dài này còn là một bệnh viện Armenia, đây là kho chứa củi và nơi nhân viên phụ việc ngủ qua đêm. Hồi những năm bốn mươi, ngôi nhà được biến thành trường cấp ba công lập; người ta phá các tường ngăn để làm thành một phòng ăn tập thể. Trong những năm sáu mươi nhiều thanh niên ở Kars, những người sau này sẽ thành người Mác-xít chống phương Tây thâm căn cố đế, lần đầu tiên trong đời được uống viên dầu cá với một cốc sữa chua Ayrar làm từ sữa bột chính trong phòng này, cả hai thứ đều do UNICEF cung cấp và gửi phát lượm giọng. Một phần tầng hầm rộng rãi này nay được biến thành lối đi và bốn xà lim nhỏ.

Một cảnh sát cẩn thận đội lên đầu Ka chiếc mũ sĩ quan, qua cử chỉ thì biết ông ta vẫn quen làm việc đó. Nhân viên mũi khoằm của Bộ an ninh quốc gia đã đón Ka ở khách sạn nói giọng của một người từng trải: “Bọn nó rất khiếp khi thấy mũ sĩ quan!”

Khi họ ra đến cánh cửa đầu tiên bên trái, viên cảnh sát mở lỗ cửa sổ nhỏ trên cánh cửa sắt của xà lim với động tác mạnh mẽ và hét vang: “Nghiêm. Chỉ huy đến!” Ka nhòm qua cái lỗ to bằng bàn tay vào trong.

Trong xà lim hẹp bằng một chiếc giường đôi loại lớn, Ka thấy năm người. Cũng có thể nhiều hơn vì họ che lẫn nhau khi dựa sát vào bức tường đối diện. Và mặc dù chưa đi nghĩa vụ quân sự nhưng họ vẫn lấy tư thế đứng nghiêm một cách vụng về, mắt nhắm nghiền như đã được dạy bảo và hăm dọa trước đó (Ka cảm thấy mấy người ti hí quan sát mình). Mặc dù mới mười một tiếng đồng hồ từ khi nổ ra “cách mạng”, tất cả bọn họ đều đã bị cao tước, mặt mũi sưng vù vì bị đòn. Trong xà lim sáng hơn ngoài lối đi nhưng Ka thấy ai cũng giống ai. Ông sững sốt vì thương hại, sợ hãi và xấu hổ. Ông thở phào vì không thấy Necip trong đó.

Khitaynhânviên bộanninhquốcgiathấy Kakhôngnhậnmặt được ai trong xà lim thứ hai, thứ ba, anh ta nói: “Không việc gì phải sợ. Đằng nào ông cũng biến khỏi đây khi đường hết tuyết mà.”

“Nhưng tôi không nhận ra ai trong đó,” Ka trả lời khá bướng bỉnh.

Nhưng về sau, ông quả có nhận ra một số khuôn mặt. Ông nhớ rất rõ đã thấy một người chửi vọng lên sân khấu trong tiết mục của Funda Eser, và nhớ ra một cậu khác luôn mồm hô khẩu hiệu. Có lúc ông nghĩ đến chuyện nên chứng tỏ tinh thần sẵn sàng cộng tác của mình với cảnh sát bằng cách chỉ mặt ai đó, để rồi có thể tâng lờ Necip đi nếu họ thấy mặt nhau (vì xem ra những lỗi lầm của lũ trẻ không có gì nghiêm trọng cả).

Nhưng ông không chỉ mặt ai cả. Ở một xà lim. một thằng bé với khuôn mặt bị đánh bê bết máu cầu khẩn Ka: “Thưa ông chỉ huy, ông bảo người ta đừng mách với mẹ cháu.”

Rất có thể trong niềm phấn khích cách mạng ban đầu người ta chưa kịp dùng dụng cụ nào mà chỉ thương cẳng chân hạ cẳng tay với lũ trẻ. Đến tận xà lim cuối cùng Ka vẫn không thấy mặt ai giống người bắn ông hiệu trưởng cả. Ông nhẹ người khi không thấy Necip trong đám học sinh đang chết khiếp ấy.

Lên đến tầng trên, Ka hiểu ra rằng người đàn ông mặt tròn và cấp chỉ huy của ông ta quyết tâm trong thời gian ngắn nhất phải bắt cho kỳ được kẻ giết ông hiệu trưởng và trưng ra cho dân chúng Kars như thành công đầu tiên của cách mạng, và có thể sẽ treo cổ hắn lên lập tức. Trong phòng bây giờ có mặt một ông thiếu tá về hưu, không rõ cách nào mà tìm đến được Sở cảnh sát trong tình trạng thiết quân luật để xin thả cho đứa cháu bị bắt. Ông xin họ đừng tra tấn cháu ông để làm nó “xa cách xã hội”, bà mẹ tội nghiệp cho nó đến học trường tôn giáo chẳng qua vì tin vào những lời nói dối là ở đó nhà nước phát không áo len và áo khoác cho học sinh, chứ thực ra gia đình bà theo ý tưởng cộng hòa và Atatürk. Người đàn ông mặt tròn ngắt lời ông thiếu tá.

“Ông thiếu tá, ở đây không ai bị ngược đãi cả,” ông ta nói và kéo Ka qua một bên: có thể tên sát nhân và người của Lam (Ka có cảm giác ông ta gộp hai thành phần làm một) nằm trong đám người đang bị giữ tại khoa thú y.

Ka và người đàn ông mũi khoằm đón ông tại khách sạn lại leo lên chiếc xe tải quân sự lúc này. Trong suốt chuyến đi. Ka sung sướng vì đường phố vắng tanh rất đẹp, vì rốt cuộc ông được ra khỏi Sở cảnh sát và khoan khoái hút một điếu thuốc. Một góc lý trí nói với ông rằng ông thầm vui sướng đón chào bên quân sự đảo chính và không để đất nước này rơi vào tay những người Hồi giáo chính trị. Vì vậy để khỏi cắn rứt lương tâm, ông thề sẽ không cộng tác với cảnh sát hay quân đội. Ngay sau đó một bài thơ ủa đến với ông, vô cùng mạnh mẽ và tràn trề lạc quan hướng về cuộc sống, khiến ông quay sang hỏi tay đặc vụ mũi khoằm của Bộ an ninh quốc gia: “Ta có thể vào một quán trà một chút được không?”

Đa số các quán trà cho người thất nghiệp ở khắp nơi trong thành phố đã đóng cửa, nhưng họ tìm được một quán trà đang có người đứng bếp ở phố Bờ Kênh, nơi một chiếc xe tải quân sự có thể đỗ mà không gây chú ý. Trong quán, ngoài cậu học việc đang đợi hết giờ cấm ra phố còn ba thanh niên nữa. Họ luống cuống khi nhìn thấy hai người đàn ông vào quán, một đội mũ sĩ quan và một mặt thường phục.

Người mũ khoằm rút ngay súng lục trong áo choàng, lập tức lấy tư thế công vụ hết sức đàng hoàng khiến Ka phải kính phục, và bắt mấy thanh niên xếp hàng ra trước một bức tường dán bức tranh phong cảnh Thụy Sĩ lớn, lục soát người và tịch thu thẻ căn cước của họ. Sau khi biết sẽ không có gì nghiêm trọng xảy ra, Ka ngồi xuống bàn cạnh lò sưởi lạnh tanh và ung dung chép hết bài thơ. Mở đầu bài thơ mà sau này ông đặt nhan đề “*Ngõ mơ*” là các con phố phủ tuyết ở Kars, nhưng trong ba mươi sáu vắn thơ ấy ẩn hiện rất nhiều hình ảnh về các ngõ cổ của Istanbul, về thành phố hoang Anı từ thời Armenia để lại, và về những thành phố không người kỳ bí và tuyệt diệu đã hiện lên trong các giấc mơ của Ka.

Khi chép xong bài thơ, Ka thấy trên màn ti vi đen trắng cuộc cách mạng ở Nhà hát nhân dân đã thế chỗ cho ca sĩ hát dân ca sáng nay. Do thủ môn Vural vừa bắt đầu kể về các vụ bê bối tình ái và những quả bóng mà ông ta để lọt vào gôn nên hai mươi phút nữa ông sẽ thấy mình đọc thơ trên màn ảnh nhỏ. Ka quyết tâm ghi lại bài thơ mà ông đã quên và không chép vào vở được.

Bốn người nữa vào quán qua cửa hậu. Viên đặc vụ của Bộ an ninh cũng rút súng lục ra và bắt họ áp mặt vào tường. Chủ quán người Kurd giải thích cho anh ta (“thưa ông chỉ huy”) rằng những người đàn ông này không vi phạm lệnh cấm ra đường vì họ đi xuyên qua sân sau và vườn.

Viên đặc vụ quyết định kiểm tra lời giải trình ấy. Một trong bốn người không đem theo thẻ căn cước và run bần bật vì sợ. Viên đặc vụ ra lệnh cho người đó dẫn mình đi ngược theo đường cũ về nhà. Anh ta giao các thanh niên đang đứng dựa tường cho tài xế vừa được gọi vào. Ka dứt cuộn vở chép thơ vào túi áo choàng và đi theo họ. Mọi người ra cửa sau quán trà, đi qua sân phủ đầy băng tuyết leo qua một bức tường thấp, lên tiếp một bậc tam cấp đóng băng rồi vào hầm ngầm một ngôi nhà đúc bê tông xập xệ và không quét vôi như đa số các ngôi nhà ở Kars. Dưới này có mùi rác bẩn, than và hơi người. Người đàn ông đi đầu chui vào một góc xếp đầy hộp bìa cứng và thùng gỗ dùng đựng rau rỗng tuếch bên cạnh lò sưởi kêu ù ù. Trên một cái giường kê tạm bợ Ka nhìn thấy một cô gái trẻ đẹp tuyệt trần với khuôn mặt trắng đang ngủ. Bất giác ông ngoảnh mặt đi. Trong khi đó người đàn ông không có thể căn cước trình hộ chiếu cho viên đặc vụ mũ khoằm. Do tiếng réo ù ù trong lò sưởi nên Ka không hiểu họ nói gì, nhưng trong bóng tối nhập nhoạng ông thấy người này lấy ra một quyển hộ chiếu nữa.

Đó là một đôi vợ chồng người Georgia sang Thổ Nhĩ Kỳ để làm việc và kiếm tiền. Khi họ quay về quán trà, đám thanh niên đứng bên tường nhận lại thẻ căn cước từ tay viên đặc vụ của Bộ an ninh quốc gia và lập tức phàn nàn về đôi vợ chồng họ: cô vợ bị lao nhưng vẫn đi làm đĩ, ngủ với tụi buôn đồ da và chủ các đàn gia súc thỉnh thoảng từ trong núi về thành phố. Vì ông chồng, như mọi người Georgia khác, sẵn sàng làm việc với nửa lương nên cướp hết việc của người Thổ khi hy hữu có vài công việc vặt ngoài chợ để kiếm tiền. Họ vừa nghèo lại vừa hà tiện nên không chịu bỏ tiền thuê nhà trọ, mà dúi vào tay gã quản lý nhà của trạm cung cấp nước mỗi tháng năm đô-la Mỹ để được trú trong hầm ngầm đặt lò sưởi này. Nghe đồn là khi quay về quê họ dự định sẽ mua một căn nhà và sống đến cuối đời mà không cần phải làm việc nữa. Trong các hộp bìa là đồ da mà họ mua rẻ ở đây hòng đem bán lại ở Tbilisi. Họ đã bị trục xuất hai bận nhưng không rõ bằng cách nào đó mà vẫn quay về “nhà” ở hầm đặt lò sưởi được. Ban quân quản của Kars nên tiêu trừ đám vi trùng gây bệnh đó, vì đơn giản là cảnh sát ăn hối lộ nên chẳng làm gì cả.

Trong khi họ uống tách trà mà chủ quán vui sướng và hân hạnh bùng lên, đám thanh niên cầu bơ cầu bất kia được tay đặc vụ mũi khoằm khuyến khích đã ngáp ngừng ra ngồi cùng bàn và thổ lộ họ mong đợi gì ở cuộc đảo chính quân sự, than phiền về các chính khách đồi bại và kể ra những lời đồn thổi không khác gì tin chỉ điểm: chuyện mỗ súc vật không phép, các vụ lừa đảo trong kho của bộ máy quản lý độc quyền, chuyện vài ông chủ xây dựng đưa công nhân làm chui từ Armenia sang bằng xe ướp lạnh dùng để chở thịt, dùng họ làm nhân công rẻ mạt và cho họ ở những túp lều tồi tàn, nhiều người bắt làm cả ngày rồi quýt lương... Lũ thanh niên thất nghiệp hình như không nhận ra rằng cuộc “đảo chính quân sự này chỉ nhằm chống lại những người Kurd theo dân tộc chủ nghĩa và phe toàn thống” đang rắp tâm thắng cử ở địa phương. Họ cứ đinh ninh rằng tất cả những gì diễn ra từ tối qua ở Kars chỉ để chấm dứt nạn thất nghiệp và vô đạo đức trong thành phố, cũng như tạo cho họ công ăn việc làm.

Khi đã yên vị trên chiếc xe tải quân sự. Ka thấy tay đặc vụ mũi khoằm lôi quyển hộ chiếu của người đàn bà Georgia ra và khoái trá xem tấm ảnh. Việc ấy khiến Ka cảm thấy bức bối và xấu hổ một cách lạ lùng.

Bước vào ngôi nhà của khoa thú y. Ka nhận ra tình cảnh ở đây còn khốn nạn hơn ở Sở cảnh sát. Trong khi đi qua hành lang của ngôi nhà lạnh buốt, Ka hiểu ngay rằng ở đây chẳng ai có thì giờ để thương hại người khác. Người ta đã đem những người Kurd dân tộc chủ nghĩa tới đây, cùng với bọn khủng bố cánh tả từng giật bom nổ ở đâu đó và để lại hiện trường một bản tuyên bố (nếu bắt được chúng), cũng như tất cả những ai bị ghi danh là có cảm tình với chúng trong tài liệu của Bộ an ninh quốc gia. Cảnh sát binh lính và phòng công tố đã hỏi cung kỹ lưỡng những người tham gia hoạt động của hai nhóm nói trên; những ai giúp du kích người Kurd thâm nhập vào thành phố, cũng như mọi nghi can khác. Trong khi lấy cung, họ sử dụng những biện pháp nặng tay và tàn bạo hơn nhiều so với các biện pháp dành cho môn đồ Hồi giáo chính trị.

Một cảnh sát cao lớn và phục phịch thân thiện xốc nách Ka, tựa như ông là một người què chân, và dẫn ông qua ba giảng đường nơi xảy ra những điều khủng khiếp. Tối đây tôi sẽ theo sát từng bước của Ka. Như bạn tôi sau này ghi chép vào một cuốn vở, tôi sẽ không nhắc nhiều đến những gì mà ông ấy chứng kiến trong các phòng này.

Sau khi bước vào giảng đường thứ nhất và quan sát tình trạng của các nghi can mấy giây, thoát tiên Ka nghĩ, hành trình của con người trên thế giới này mới ngắn ngủi xiết bao. Mục đích các nghi can ấy sau khi lấy cung, trong thâm tâm Ka hiện ra như giấc mơ những liên tưởng đến các thời đại khác, nền văn hóa xa lạ khác và các nước khác mà ông chưa hề đặt chân tới. Ka cảm nhận sâu sắc rằng cuộc sống được ban cho họ, ông và những người trong phòng này đang tàn lụi dần như một ngọn nến. Sau này, trong cuốn vở ghi chép Ka sẽ gọi căn phòng này là “*phòng màu vàng*”.

Ka nghĩ là ông dừng chân ở giảng đường thứ hai ít hơn. Ở đây ông nhìn vào mắt một số người, nhớ lại đã thấy mặt họ hôm qua khi bước vào các quán trà và thấy họ quay mặt đi đầy mặc cảm tội lỗi. Ông cảm thấy giờ đây họ đang ở một xứ sở mộng mị xa lắc nào đó.

Trong giảng đường thứ ba, giữa những tiếng rên rỉ khóc than và sự im lặng đang lan tỏa trong tâm hồn mình, Ka cảm thấy một thế lực toàn trí toàn thức đã không hé lộ hết tri thức cho con người và qua đó biến cuộc sống trên thế gian này thành khổ ải. Ở phòng này ông đã thành công khi không nhìn vào mắt ai. Ông mở mắt nhưng không thấy những gì hiện ra trước mắt mà chỉ thấy một sắc màu trong đầu. Vì màu ấy gần nhất với đỏ. Sau này ông sẽ gọi giảng đường này là “*phòng màu đỏ*”. Những gì ông cảm nhận được ở hai giảng đường trước - cuộc sống ngắn ngủi và con người tội lỗi nay hợp làm một và làm lòng ông dịu đi, mặc cho cảnh tượng khủng khiếp xung quanh.

Ka ý thức được người ta bắt đầu nghi ngờ và mất lòng tin vào mình vì ở khoa thú y ông cũng

không nhận mặt được ai. Ông nhẹ cả người khi không thấy Necip, vì vậy khi người đàn ông mũi khoằm đề nghị đến xem các xác chết trong nhà xác của nhà thương an sinh xã hội thì ông bằng lòng đi ngay.

Tại nhà xác ở tầng hầm của nhà thương an sinh xã hội, ban đầu người ta chỉ cho Ka xem xác của nghi can chính. Đó là người Hồi giáo chính trị hăng hái bị giết chết bởi ba phát trong loạt đạn thứ hai của quân lính giữa lúc hô khẩu hiệu chính trị. Nhưng Ka không biết cậu ta. Ông thận trọng tiến lại gần người chết và ngắm kỹ, tựa như chào cậu ta bằng một cử chỉ kính cẩn và căng thẳng.

Xác thứ hai nằm như đóng đá trên phiến cẩm thạch là ông già nhỏ thó đeo kính. Mắt trái của ông cụ bị đạn xuyên qua, sau đó máu tụ vào như một lỗ màu sẫm. Người ta chỉ cho Ka xem xác này vì cho tới lúc này cảnh sát vẫn chưa điều tra ra để biết ông ta là người từ Trabzon đến thăm cháu đang làm nghĩa vụ quân sự, và khổ người nhỏ của ông ta gây nghi vấn. Khi bước đến bên xác chết thứ ba. Ka đã thấy lòng rộn ràng nghĩ đến lúc sắp được gặp lại Ipek. Ở xác này, một mắt cũng bị xé nát. Ông thoáng nghĩ hình như là tình trạng chung của các xác chết ở đây. Khi ông lại gần hơn và nhìn rõ hơn khuôn mặt của chàng trai, cả thế giới sụp đổ trong ông.

Chính là Necip. Khuôn mặt trẻ con. Cặp môi bĩu ra như chuẩn bị đặt thêm một câu hỏi ngây thơ. Cái lạnh và sự im lặng của bệnh viện trùm lên người ông. Những mụn trứng cá của tuổi dậy thì. Sống mũi khoằm, áo đồng phục học sinh bẩn thỉu. Trong một thoáng Ka tưởng chừng phát khóc và sợ run lên. Nỗi sợ làm ông giật mình nên không giọt nước mắt nào trào ra. Giữa vầng trán, nơi ông áp bàn tay lên cách đây mười hai tiếng bây giờ là một lỗ đạn. Không phải màu da mặt tái ngắt của Necip, mà thân thể duỗi dài như một tấm ván nói rằng cậu đã chết. Lòng Ka bỗng tràn ngập biết ơn vì còn được sống, nó đẩy ông cách xa Necip.

Ông cúi xuống, rút hai bàn tay đang nắm chặt sau lưng để đặt lên đôi vai Necip rồi hôn lên hai má cậu. Con mắt xanh còn lại mở hờ nhìn Ka. Ka trấn tĩnh và nói với người đàn ông mũi khoằm, “anh bạn” này đã giữ chân ông trên phố và kể rằng mình viết tiểu thuyết khoa học giả tưởng, sau đó đưa ông tới gặp Lam. Ông nói thêm, mình đã hôn cậu, vì cậu có một trái tim rất trong trắng.

ĐƯỢC NHÂN DÂN LỰA CHỌN LÀM ATATÜRK

Con đường công danh của Sunay Zaim

trong quân đội và ở nhà hát hiện đại

Sau khi Ka nhận dạng được một trong những xác chết mà ông thấy ở nhà thương an sinh xã hội, người ta vội vã tháo ra một biên bản và ký tên vào. Ka và người đàn ông mũi khoằm quay trở lại chiếc xe tải quân sự lúc này và đi qua những đường phố vắng tanh treo áp phích bầu cử và chống nạn tự sát, mấy con chó nép vào vệ ĐurÖng và ngược mắt nhìn họ. Ka nhận thấy các cửa đã mở ra, trẻ con chơi đùa và các ông bố tò mò nhìn chiếc xe tải đi qua; song tâm trí ông đã lạc tận nơi đâu. Trước mắt ông luôn hiện ra khuôn mặt Necip và thân thể duỗi dài cứng đờ.

Ông tưởng tượng ra cảnh về đến khách sạn và Ipek sẽ an ủi ông, nhưng sau khi chiếc xe tải đi qua quảng trường thành phố trống trơn, nó rẽ xuống phố Atatürk và dừng lại gần một ngôi nhà chín chục năm tuổi từ thời Nga, cách Nhà hát nhân dân hai dãy.

Đó là một ngôi nhà quý tộc một tầng đã từng làm Ka buồn rầu bởi vẻ đẹp và sự nhếch nhác của nó ngay khi ông đến Kars tối đầu tiên. Trong những năm đầu của nền cộng hòa sau khi người Thổ tái chiếm được thành phố, một doanh nhân nổi tiếng là Maruf Bey chuyên buôn bán gỗ và da với Liên Xô đã từng sống xa hoa ở đây giữa một đám đông đầu bếp, phục dịch, xe trượt tuyết và xe ngựa. Cuối Thế chiến thứ hai và trong những năm đầu của chiến tranh lạnh khi Bộ an ninh quốc gia bắt giam và đàn áp lớp người giàu có ở Kars chuyên buôn bán với Liên Xô bằng cách gán cho họ tội gián điệp, ông này cũng lặn mất tăm; và ngôi nhà sang trọng bị bỏ hoang ngót hai chục năm, vì không ai muốn dây vào nó và những kẻ thừa kế thì còn mải tranh cãi. Giữa thập kỷ bảy mươi, một nhóm Mác-xít bạo động chiếm ngôi nhà, biến nó thành trụ sở chính và ra kế hoạch hạ sát một loạt đối thủ chính trị ở đây (thị trưởng, luật sư Muzaffer Bey bị thương nhưng thoát chết); sau cú đảo chính quân sự 1980, ngôi nhà lại bị bỏ trống. Sau này, một người bán tủ lạnh và lò sưởi ranh mãnh đã thuê cửa hàng nhỏ ngay sát vách và biến tòa nhà này thành kho. Tiếp theo đó, một thợ may với những ý tưởng hoành tráng đem chỗ tiền ông ta dành dụm được ở Istanbul và các nước Ả Rập trở về cố hương và mở một xưởng may có trang bị máy vắt sổ công nghiệp.

Ngay khi bước chân vào đây, trong ánh sáng mềm mại phản chiếu từ giấy dán tường in hoa hồng màu da cam Ka đã thấy các máy đơm khuy, máy khâu cỡ lớn kiểu cổ và những chiếc kéo to tướng treo trên móc đinh trên tường trông giống các dụng cụ tra tấn kỳ quái.

Sunay Zaim vẫn mặc áo len và áo khoác cũ sờn như Ka lần đầu tiên thấy ông cách đây hai hôm, chân đi ủng quân sự và tay giữ điều thuốc không đầu lọc. Ông đang đi đi lại lại trong phòng, khi thấy Ka mặt ông rạng rỡ lên như gặp lại một người bạn thân ngày xưa. Ông chạy ra ôm và hôn lên hai má. Trong cái hôn ẩn chứa điều gì đó giống như người đàn ông mặc đồ buôn gia súc muốn biểu đạt trong câu “Ân huệ đã đến với đất nước” ở khách sạn, nhưng sự thân thiện hơi cường điệu ấy cũng khiến Ka khó xử. Về sau ông cho rằng sự thân thiện đó sinh ra từ cuộc gặp gỡ giữa hai người Istanbul trong tình cảnh phức tạp ở một chốn xa xăm khốn khó như Kars, nhưng lúc đó thì ông cũng biết rằng chính Sunay Zaim cũng tạo nên một phần điều kiện khốn khó ấy.

“Cả con đại bàng hắc ám của sầu muộn trong tôi cũng tung cánh mỗi ngày.” Sunay tự hào nói với giọng bí ẩn. “Nhưng tôi không quy phục nó. Và chính ông cũng nên đối kháng! Rồi tất cả sẽ ổn thôi!” Trong ánh sáng của tuyết hắt qua ô cửa sổ lớn vào căn phòng trần cao, trang trí đắp nổi ở góc và lò sưởi khổng lồ rõ ràng đã có thời huy hoàng hơn, Ka nhận ra đây là đại bản doanh của “cách mạng” qua sự hiện diện của những người đàn ông có máy bộ đàm trong tay, hai cận vệ lực lưỡng không rời mắt khỏi ông, bản đồ, vũ khí, máy chữ và các cặp tài liệu đặt trên bàn cạnh cửa ra hành lang, và Sunay là người có quyền lực lớn nhất nơi này.

“Ngày xưa, vào thời kỳ gian khó nhất của chúng tôi.” Sunay nói tiếp, vẫn đi lại trong phòng, “khi chúng tôi nghe rằng ở các thị xã hẻo lánh, đói khổ, khốn cùng nhất ấy thậm chí không có lấy một phòng khách sạn để ngủ qua đêm, nói gì đến địa điểm để biểu diễn, khi tôi đi tìm một người bạn cũ xưa từng sống ở đây và thấy anh ta chuồn khỏi thành phố này từ lâu rồi; lúc đó trong tôi dần dần dâng lên một nỗi u buồn. Để thoát khỏi móng vuốt của nó, tôi chạy đi gõ cửa từng bác sĩ, luật sư, giáo viên, để tìm ra xem có ai ở thành phố này quan tâm đến những tin tức của nghệ thuật hiện đại mà chúng tôi là sứ giả của thế giới hiện đại mang tới hay không. Tìm đến địa chỉ duy nhất mà tôi kiếm được thì chẳng có ai ở đó cả. Lúc đó tôi ngộ ra rằng đảng nào cảnh sát cũng không cho phép chúng tôi biểu diễn, và ngay cả nhà chức trách cũng không chịu tiếp chuyện tôi, và tôi hoảng hốt nhận ra sự u tối đang dâng lên trong lòng. Rồi thì con đại bàng ngủ lim dim trong tim dần dần xòe cánh và bay lên để vỗ tôi. Thường thì tôi diễn vở của mình ở trong một quán trà xập xệ nhất thế giới, và nếu không tìm thấy quán nào thì diễn trên bậc

cao cạnh cửa vào bến xe buýt, khi ông giám đốc có tình ý gì đó với một trong những cô diễn viên trẻ của đoàn, hoặc trạm xe cứu hỏa, phòng học để trống ở trường tiểu học, quán ăn bán thủy, trước cửa kính hiệu cắt tóc, cầu thang lên khu thương mại, chuồng trại hay vỉa hè, bất cứ chỗ nào cũng có thể làm sân khấu - nhưng tôi không quy phục sự sâu muộn.”

Khi Funda Eser qua cửa hành lang vào phòng, Sunay đổi ngôi Tôi thành Chúng Tôi, nhưng giữa cặp này có một sự gần gũi đến nỗi Ka không thấy sự đổi ngôi ấy có ý nghĩa gì mấy. Mặc dù khá đậm người, Funda Eser đi nhanh nhẹn và duyên dáng. Bà bắt tay Ka, thì thầm gì đó với chồng, quay đi với dáng vô cùng vội vã và biến mất.

“Đó là những năm tệ hại nhất của chúng tôi”, Sunay nói. “Tất cả các báo của lũ ngu xuẩn ở Istanbul và Ankara đều viết là chúng tôi không còn chỗ đứng trong xã hội. Vào hôm tôi nhận được cơ may lớn nhất trong đời, cơ may mà chỉ những kẻ may mắn và thiên tài được nhận, đúng lúc tôi bám được vào bánh xe lịch sử nhờ nghệ thuật của mình thì đất dưới chân tôi hẫng đi, và đột nhiên tôi rơi vào đồng rác hèn hạ nhất. Tôi không nhụt chí, nhưng tôi vẫn phải chiến đấu với sâu muộn. Chưa bao giờ tôi để mất niềm tin rằng, nếu tôi nằm sâu hơn vào vũng bùn này, vào đồng rác rưởi và sự hèn hạ này, giữa cảnh nghèo khó và ngu tối này, tôi sẽ tìm thấy viên ngọc quý của đời. Tại sao ông lại sợ?”

Từ hành lang một bác sĩ mặc áo choàng trắng xách túi trong tay hiện ra. Trong khi ông ta rút máy đo huyết áp trong túi ra với vẻ căng thẳng giả tạo và áp vào tay Sunay thì Sunay vẫn hướng ánh nhìn thống thiết vào luồng ánh sáng trắng từ cửa sổ hắt vào, khiến Ka nghĩ ông ta vẫn đang nhớ lại hồi đầu thập kỷ tám mươi “không còn chỗ đứng”. Nhưng Ka thì nhớ rõ hơn các vai đã đem lại danh tiếng thực thụ cho Sunay hồi thập kỷ bảy mươi. Trong những năm hoàng kim của sân khấu chính trị phái tả, trong số nhiều đoàn kịch nhỏ thì Sunay Zaim không chỉ nổi bật bởi trình độ diễn xuất và chăm chỉ, mà còn nhờ năng khiếu lãnh tụ trời cho mà khán giả phát hiện ra qua một số vở có ông sắm vai chính.

Đám khán giả Thổ Nhĩ Kỳ trẻ tung hô những vở mà ông đóng các nhân vật quyền lực trong lịch sử và lãnh tụ như Napoléon, Lenin, các nhà cách mạng Jacobin như Robespierre, hay Enver Paşa và các anh hùng dân tộc cùng kiểu. Học sinh trung học và các sinh viên “cấp tiến” nồng nhiệt vỗ tay và rung rung nước mắt nghe ông cất giọng sang sảng quyền uy nói về người dân bị đày đoạ, nhìn ông tự hào ngẩng cao đầu sau khi bị kẻ đàn áp tát vào mặt và nói: “Hãy tin là sẽ có một ngày chúng tôi đòi tính sổ,” cũng như khi ông (biết mình tất yếu sẽ phải vào tù) can rằng chịu đựng mọi hành hạ và động viên các chiến hữu rằng khi cần, mặc cho trái tim rỉ máu họ cũng phải sử dụng bạo lực không thương tiếc để chiến đấu cho hạnh phúc của nhân dân mình. Trong quyết tâm trừng phạt kẻ ác ở cuối mỗi vở diễn sau khi chiếm được chính quyền, dường như có thể nhận ra ảnh hưởng thời kỳ ông được đào tạo trong quân ngũ. Ngày xưa ông ở trường thiếu sinh quân Kuleli và bị đuổi học vào năm cuối vì chèo thuyền trốn đi Istanbul, lang thang trong các nhà hát ở quận Beyoğlu và còn bí mật dựng vở *Trước khi băng vỡ ở trường*.

Sau vụ đảo chính quân sự năm 1980, các nhà hát phái tả bị cấm và nhà nước quyết định dựng một cuốn phim về Atatürk nhân dịp ngày sinh thứ một trăm của ông và chiếu trên truyền hình. Ngày xưa khó có ai tin nổi một diễn viên Thổ đóng được vị anh hùng cao lớn mắt xanh chủ trương theo phương Tây ấy; nói đến các bộ phim lớn trong nước là người ta nghĩ ngay đến những diễn viên lớn ngoài nước, Laurence Olivier, Kirt Jürgens hay Charlton Heston. Nhưng lần này tờ Tự do đã nắm lấy đề tài này và dễ dàng thuyết phục dư luận rằng “đã đến lúc” cũng có một người Thổ đóng được vai Atatürk. Ngoài ra, các độc giả có thể cắt tờ câu hỏi dự thi trong báo gài đến tòa soạn để bầu chọn người đóng Atatürk. Ngay từ ngày trưng cầu dân ý đầu tiên đã thấy rõ, sau một giai đoạn tự đề cử dân chủ của các ứng viên do một hội đồng chọn trước, Sunay vượt trội rõ ràng. Khán giả Thổ nhận thấy ngay Sunay - đẹp trai, vương giả, đáng tin cậy và từ nhiều năm nay có kinh nghiệm sắm vai các nhân vật Jacobin - sẽ thể hiện được Atatürk.

Lỗi đầu tiên của Sunay là ông quá coi trọng việc mình được nhân dân bầu chọn. Ông liên tục lên màn ảnh ti vi và phát biểu với cộng đồng. Ông làm bộ ảnh về cuộc sống hôn nhân hạnh phúc với Funda Eser. Bằng cách công khai hóa chuyện nhà cửa, sinh hoạt thường nhật và quan điểm chính trị, Sunay định chứng tỏ mình xứng đáng với Atatürk và cũng giống ông trong một số sở thích và đặc tính (uống Raki, khiêu vũ, ăn mặc lịch sự, xử thế bất thiệp). Ông chụp ảnh cạnh bộ “Diễn từ” của Atatürk để chứng tỏ ông hay đọc đi đọc lại các bài diễn thuyết đó. (Khi một phóng viên soi mới châm chọc rằng Sunay không đọc bản chính “Diễn từ” mà đọc bản tóm tắt với ngôn ngữ hiện đại hóa, Sunay liền chụp ảnh với các bản chính trên giá sách của ông, tiếc là những bức hình ấy cố gắng đến mấy cũng không được tờ báo nọ in lên.) Ông đến dự các buổi khai trương triển lãm, hòa nhạc và những trận đá bóng quan trọng, phát biểu về “Atatürk và hội họa, Atatürk và âm nhạc”, “Atatürk và thể thao Thổ Nhĩ Kỳ” trước các nhà báo tầm tầm, ba thấy mặt ai cũng hỏi đủ thứ chuyện trên trời dưới biển. Với mong muốn chiếm cảm tình của tất cả mọi người - hoàn toàn không hợp với lập trường Jacobin của mình - Sunay còn trả lời phỏng vấn của các báo kỳ thị phương Tây và theo “Chủ nghĩa toàn thống”. Trong một lần phỏng vấn, khi nghe một câu hỏi thực ra không hẳn mang tính khiêu khích, ông trả lời: “Nhất định một ngày nào đó, nếu nhân dân thấy tôi xứng đáng, tôi sẽ đóng vai nhà tiên tri Muhammad.” Phát biểu bất cẩn này đã châm ngòi cho một loạt phiền phức của ông.

Trong các tạp chí nho nhỏ của Hồi giáo chính trị người ta viết là không một ai - xin Thượng đế tha tội! - được phép đóng vai Đấng tiên tri của chúng ta cả. Niềm căm phẫn ấy thoát tiền trình bày trên các cột báo ở dạng “không kính trọng Nhà tiên tri của chúng ta”, đã nhanh chóng trở thành “báng bổ Nhà tiên tri”.

Khi giới quân sự cũng không bịt mồm nổi các tin đồn Hồi giáo chính trị, đến lượt Sunay phải ra tay dập lửa. Với hy vọng xoa dịu tình hình và cuốn kinh Koran trong tay, Sunay giải thích cho giới độc giả bảo thủ rằng ông rất yêu mến nhà tiên tri Muhammad, và thực ra Người rất tận tụy. Các nhà báo theo tư tưởng Atatürk vốn khó chịu với hành vi của Sunay, người “được nhân dân lựa chọn làm Atatürk” chỉ đợi dịp này: họ phản biện rằng Atatürk không bao giờ uốn lưỡi cho vừa lòng đám toàn thống và cuồng tín. Hình ảnh Sunay siêu thoát với cuốn Koran trong tay được in đi in lại trên mặt báo chí ngả về phe đảo chính, đi kèm câu hỏi: “Atatürk sẽ thế này chăng?” Đối lại, báo chí Hồi giáo chính trị chuyển sang phản công, ít vì bảo vệ Sunay hơn là bảo vệ chính mình. Họ in ảnh Sunay đang uống Raki và chú thích bên dưới: “Hắn thích uống Raki, cũng như Atatürk!” hoặc “Kẻ này mà đòi đóng vai Nhà tiên tri?”. Cứ thế, Sunay là ngòi nổ cho cuộc cãi vã vài tháng một lần bùng ra trên mặt báo Istanbul giữa phe Hồi giáo chính trị và phe thế tục.

Trong vòng một tuần, ảnh Sunay liên tục xuất hiện trên báo: hình ông khoan khoái uống bia trong một đoạn quảng cáo cách đây mấy năm, hình ông bị ăn đòn trong khi đóng phim thời trẻ hình ông giơ tay thành nắm đấm trước lá cờ búa liềm, hình ông đứng nhìn vợ hôn các diễn viên khác khi đóng phim... Các tin đồn chiếm hết trang báo: vợ ông là người đồng tính, ông vẫn theo cộng sản. Funda Eser lồng tiếng cho phim con heo phi pháp, Sunay có tiền thì chịu làm bất cứ chuyện gì, họ đã chĩa diêm các vở của Brecht vì được Đông Đức trả tiền đầy sao, họ còn nói với “Các bà ở một hiệp hội Thụy Điển rằng Thổ Nhĩ Kỳ có món ruột là tra tấn”, cùng nhiều chuyện khác nữa. Hồi ấy “một sĩ quan cao cấp” gọi Sunay đến bộ chỉ huy và thông báo ngắn gọn rằng bên quân sự quyết định ông phải rút đơn ứng cử đóng Atatürk. Đây không phải sĩ quan nhân hậu và đồng cảm chuyên mời một số phóng viên Istanbul đến Ankara, những người phi thực tế tự coi mình quan trọng và bóng gió chỉ trích phe quân sự can thiệp vào chính trị để trước tiên hăm dọa họ một cách tàn bạo rồi thấy họ khóc lóc vì sợ thì cho ăn sô-cô-la. Viên sĩ quan này cũng làm cùng “Phòng quan hệ công chúng” nhưng là người có tính mỉa mai và vô cùng nghiệt ngã. Ông ta không nhượng bộ khi thấy Sunay buồn và sợ, ngược lại ông ta chế giễu các phát ngôn chính trị và hành vi của người được chọn làm Atatürk”. Hai hôm trước đó Sunay vừa mới về thăm thành phố nhỏ nơi ông chào đời, đã diễn vai “chính trị gia của nhân dân” rất ghê, ông được cả đoàn ô-tô cùng hàng nghìn người thất nghiệp và nông dân trồng thuốc lá đồng thanh

chào đón. Sunay leo lên tượng đài Atatürk ở quảng trường thành phố và bắt tay Atatürk trong tiếng tung hô của quần chúng. Trong cơn kích động ấy, ông được một tạp chí Istanbul quen biết hỏi: “Liệu ông sẽ có ngày chuyển từ sân khấu sang chính trường không?” Và trả lời: “Nếu nhân dân muốn thế.” Hiện tại theo bố cáo của văn phòng thủ tướng bộ phận về Atatürk bị hoãn “vô thời hạn”.

Sunay đủ hiểu đòi để tiêu hóa thất bại này mà không bị tổn thương nhiều. Song những gì xảy ra sau đó còn tệ hại hơn: trong vòng một tháng ông lên ti vi quá nhiều để giành vai Atatürk đến nỗi không được giao việc lồng tiếng nào nữa, vì ai cũng nhận ra giọng nói quá quen thuộc của Atatürk. Cả những người làm phim quảng cáo vốn hay dùng ông đóng vai người chủ gia đình thông thái biết lựa ra những sản phẩm tốt và đáng tin cậy, nay cũng lánh tránh ông vì không muốn đưa lên hình ảnh một Atatürk thất sủng tay cầm thùng sơn để sơn tường hoặc kẻ lẽ hài lòng với nhà băng của mình ra sao. Và cái tệ hại nhất là người dân lại đi tin tưởng sắt đá vào mọi thứ in trên báo, cho rằng Sunaynay là kẻ thù của Atatürk cũng như tôn giáo. Một số thậm chí còn tin rằng ông im mồm chấp nhận vợ mình đi hôn hít đàn ông khác. Gì thì gì, ý kiến chung là ở đâu có khói ắt phải có lửa! Vì những diễn biến đó, lượng khách xem các buổi diễn của ông giảm đi. Liên tục có người chặn ông ngoài đường và nói: “Nhục mà chết đi!” Một thằng bé ở trường tôn giáo, tin rằng Sunay phỉ báng Nhà tiên tri, đồng thời cũng muốn đưa mặt mình lên báo, lao vào nhà hát trong một tối biểu diễn, rút dao và nhổ vào mặt mấy người liền. Mọi chuyện xảy ra trong vòng có năm ngày. Vợ chồng Sunay lặn lội.

Tiếp đó là hàng loạt tin đồn rằng họ đã sang Berlin mượn cơ tu nghiệp ở nhà hát Berliner Ensemble của Brecht để đi học lớp tập huấn khủng bố, hoặc họ được tài trợ của Bộ văn hóa Pháp để vào điều trị tâm thần tại nhà thương điên Hòa Bình của Pháp tại quận Şişli của Istanbul. Thật ra họ lui về ở nhà của mẹ Funda Eser, một họa sĩ sống ở vùng Hắc Hải. Mỗi một năm sau họ mới được nhận làm hoạt náo viên trong một khách sạn tầm thường ở Antalya. Sáng sáng họ chơi bóng chuyền với khách du lịch Đức và Hà Lan ngoài bờ biển, chiều đến họ hóa trang thành Karagöz và Hacivat nói ngọng ngịu tiếng Đức để mua vui cho trẻ con, còn buổi tối thì lên sân khấu trong vai Sultan Thổ Nhĩ Kỳ và nàng sủng phi múa bụng. Đó cũng là khởi đầu sự nghiệp múa bụng của Funda Eser mà mười năm sau bà còn tiếp tục ở các thị tứ nhỏ khác. Sunay chịu đựng trò hề này được ba tháng cho đến khi ông già như tử một tay thợ uốn tóc người Thụy Điển trước cặp mắt kính hoàng của các du khách chỉ vì hắn muốn tiếp diễn mấy chuyện tiểu lâm về hậu cung và mũ chóp Thổ, và ngoài bãi biển sáng hôm sau lại còn tán tỉnh Funda Eser nữa. Nghe nói là sau đó họ làm việc dẫn trò, vũ công và “cố vấn sân khấu” tại các nhà văn hóa cũng như trong các đám cưới ở Antalya và lân cận.

Sunay xướng tên các ca sĩ mặt hạng miệt mài nhái theo những thần tượng Istanbul, nghệ sĩ ảo thuật nuốt lửa và các diễn viên tấu hài hạng bét, đồng thời cũng chen vào những màn thuyết trình ngắn về tập quán hôn nhân, Atatürk và nền cộng hòa trước khi Funda Eser diễn màn múa bụng. Cuối cùng, họ diễn một tiểu phẩm nghiêm túc kéo dài chừng mười phút, ví dụ như một cảnh trích vở *Macbeth* khi bàn kế hoạch giết vua, được khán giả hoan nghênh. Trong các buổi tối ấy đã hình thành xương sống của đoàn kịch sau này lưu diễn khắp Anatolia.

Sau khi đo xong huyết áp và truyền mệnh lệnh gì đó qua máy bộ đàm, Sunay đọc một mẫu giấy được trình lên và nhả mặt đầy kính tởm. “Tất cả chỉ điểm nhau,” ông nói. Trong chuyến lưu diễn kéo dài cả năm trời qua các địa phương heo hút của Anatolia ông đã thấy đàn ông nước này tê liệt vì sầu muộn. “Ngày này qua ngày khác họ ngồi trong quán trà và không làm gì cả,” ông giải thích. “Thành phố nhỏ nào cũng có hàng trăm kẻ như vậy. Cả nước Thổ có hàng trăm nghìn, hàng triệu người thất nghiệp, bất tài, vô dụng và tê liệt. Bọn này không có cơ gì để chú ý đến bề ngoài, không đủ ý chí mà cài khuy chiếc áo khoác bóng mờ và lấm lem của chúng, không có năng lượng để động dậy chân tay, không có sức tập trung nghe một câu chuyện cho đến hết, và không có đầu óc để cười khi nghe thuyết tiểu lâm.” Ông cho rằng nhiều người bất hạnh đến nỗi không ngủ được, họ hút thuốc vì thuốc lá sẽ giết họ, họ hiểu sự vô nghĩa của câu nói vừa bắt đầu nên thà bỏ lửng còn hơn, họ không xem ti vi vì thích chương trình đó và để giải

trí mà vì không chịu nổi các lý do khác khiến họ u sầu, thực ra họ muốn chết quách đi nhưng không thấy mình đủ giá trị để tự sát, họ bỏ phiếu cho những ứng viên khốn nạn nhất của những đảng mất hạng nhất để chúng sẽ trừng phạt họ một cách xứng đáng, và thích bọn đảo chính luôn mồm nói về trừng phạt hơn các chính khách đem lại hy vọng. Funda Eser vào phòng và nói thêm là tất cả bọn họ ở nhà đều có người vợ bất hạnh chăm sóc đàn con đông như lợn và đi quét dọn, chế biến thuốc lá, đan thảm ở những nơi mà chồng họ chẳng hề biết, hoặc làm y tá để kiếm chút tiền. Giả sử không có những người vợ ấy, những người bị cột chặt vào cuộc đời để suốt ngày chửi mắng con cái và khóc lóc, thì hàng triệu thanh đàn ông râu ria không cao, mặc sơ mi bẩn thỉu, không biết niềm vui, nghề nghiệp hay công việc là gì, đứa nào cũng giống đứa nào ở đất Anatolia này sẽ kết thúc như lũ ăn mày chết còng ở góc phố trong đêm băng tuyết, hay như bọn nát rượu chui ra từ quán rượu và ngã xuống cống lộ thiên không bao giờ nổi lên, hoặc như các ông cụ lẩm cẩm mặc áo ngủ và giày trong nhà ra hiệu tạp hóa mua bánh mì rồi không biết đường về. Như ta thấy “Ở thành phố Kars đáng thương này”, bọn chúng quá đông; và niềm vui duy nhất của chúng là hành hạ vợ, thay vì biết ơn họ đã nuôi sống mình, những người vợ mà chúng bám vào với một tình yêu khiến chúng thấy xấu hổ.

“Ở Anatolia tôi đã hiến dâng mười năm của đời mình để những người anh em bất hạnh ấy rời bỏ được u sầu và phiền muộn,” Sunay nói, hoàn toàn không hề có ý định gây lòng thương hại với chính mình. “Luôn luôn chúng tôi bị gọi là cộng sản, gián điệp của phương Tây, đòi truy, tà giáo, dĩ điểm, ma cô, bị bắt giam, tra tấn và đánh đập. Họ đã định hãm hiếp chúng tôi, đã lấy đá ném chúng tôi. Nhưng họ cũng học được cách yêu hạnh phúc và tự do mà những vở kịch và đoàn kịch của tôi đem đến cho họ. Nay tôi không thể bỏ giữa chừng khi đang có cơ hội lớn nhất trong đời!”

Hai người đàn ông vào phòng, một người đưa Sunay máy bộ đàm. Qua tiếng từ đầu kia vọng đến Ka được biết một nhà ổ chuột trong quận Cổng Nước đang bị bao vây, từ trong nhà có đạn bắn ra và ở đó có một chiến binh Kurd cùng một gia đình. Trong máy có tiếng một quân nhân ra lệnh và được thưa là “chỉ huy”. Một lát sau, vẫn người ấy thông báo cho Sunay một tin gì đó và hỏi ý kiến ông, giọng không như nói với một người lãnh đạo cách mạng, mà như với một đứa bạn cùng lớp.

Sunay nhận thấy Ka chăm chú lắng nghe. “Ở Kars có một đội lính. Trong những năm chiến tranh lạnh nhà nước tập trung lực lượng vũ trang ở Sarikamış phòng quân Nga tấn công. Đội lính này may ra thì đủ sức giữ chân đợt tấn công đầu tiên của quân Nga một thời gian ngắn thôi. Hiện nay thủ yếu họ đóng ở đây để bảo vệ đường biên giới qua Armenia.”

Sunay kể, ông cũng như Ka xuống chuyển xe buýt đến từ Erzurum, sau đó vào nhà hàng Đất Xanh và gặp Osman Nuri Tay Vero là một người bạn từ ngót ba chục năm nay. Ông này ở cùng lớp trong trường thiếu sinh quân Kuleli. Ngày ấy ông là người duy nhất ở Kuleli biết Pirandello là ai và các tác phẩm của Sartre có nội dung gì. “Ông ấy không bị đuổi học vì vô kỷ luật như tôi, nhưng cũng không trở thành một người lính nhiệt tình. Do vậy ông ấy không leo được lên đến bộ chỉ huy. Nghe phong thanh là ông ấy cũng chẳng thể làm tướng vì quá nhỏ người. Ông ấy đang cáu và buồn, nhưng theo tôi không vì lý do công việc, mà vì vợ ông ấy ôm con bỏ đi mất. Lại còn vì cô đơn, vô công rồi nghề và những lời ỉ xèo ở tỉnh lẻ, tuy tất nhiên chính ông ấy buôn chuyện nhiều nhất ông ấy là người đầu tiên ở ngay nhà hàng đã kể về những vụ giết mổ trộm, vay tín dụng của nhà băng nông nghiệp và các lớp học Koran. Ông ấy vui mừng khi gặp lại tôi và than phiền về sự cô đơn, nói như xin lỗi nhưng kỳ thực có chút khoe khoang là sáng mai phải dậy sớm vì đêm nay ông mang trách nhiệm chỉ huy ở Kars. Chỉ huy đội lính phải đi Ankara vì vợ ông ta bị suyễn, viên thượng tá đại diện cho ông ta thì bị gọi họp khẩn ở Sarikamış và ông thống sứ đang ở Erzurum. Mọi quyền hạn nằm trong tay ông cả. Tuyết thì vẫn rơi, rõ ràng là đường lại bị tắc mấy ngày như các mùa đông khác. Tôi nhận ngay ra cơ hội của đời mình và gọi cho ông thêm một ly rượu Raki.” Theo điều tra của viên thiếu tá do Ankara cử về sau sự kiện này, ban đầu thượng tá Osman Nuri Tay Vero (Sunay chỉ gọi là Tay Vero và Ka vừa nghe giọng ông ta trong máy bộ đàm) cho rằng ý tưởng hy hữu về đảo chính quân sự chỉ là chuyện tếu, nói

ra bên bàn rượu Raki để giết thời gian một cách lý thú, thậm chí ông còn là người đầu tiên đùa rằng chỉ cần hai xe tăng là xong mọi chuyện. Sau đó Sunay nằng nặc thuyết phục và ông đã tham gia vụ này vì không muốn vấy bẩn danh dự một người đàn ông, cũng vì tin Ankara rốt cuộc sẽ hài lòng với hành động của họ, chứ không vì tâm trạng cá nhân cáu giận hay tham vọng được thua gì. (Theo báo cáo của viên thiếu tá, tiếc rằng “Tay Veo” vẫn vi phạm nguyên tắc ấy và triết hạ ngôi nhà của một nhà sĩ sùng Atatürk ở quận Cộng Hòa chỉ vì chuyện đàn bà.) Ngoài nửa đội lính tấn công các nhà ở và trường học, bốn xe tải và hai xe tăng T-1 hoạt động cực kỳ dè chừng vì khan hiếm phụ tùng, không còn đơn vị lính nào tham gia cách mạng nữa. Nếu không kể đến Z. Tay Sắt và đội đặc nhiệm của mình bị quy trách nhiệm gây ra “các vụ đổ máu không rõ căn nguyên” thì chủ yếu sự việc được hoàn tất bởi vài nhân viên chăm chỉ của cảnh sát và Bộ an ninh quốc gia, vốn là cơ quan luôn đề phòng một thời điểm bất thường từ nhiều năm nay và do vậy đã lập kho dữ liệu về toàn thành phố cũng như dùng một phần mười dân cư ở Kars làm mật vụ. Những nhân viên ấy rất sung sướng khi nghe thấy kế hoạch đảo chính đầu tiên và tin đồn trong thành phố là phe thể tục sẽ biểu tình tại Nhà hát nhân dân đến nỗi họ công khai gửi điện tín cho các đồng nghiệp đang đi nghỉ, gọi họ quay về ngay lập tức để khỏi bỏ lỡ vụ này.

Vào khoảng thời gian này, qua cuộc đàm thoại trên điện đài Ka nhận ra vụ đụng độ ở quận Cổng Nước đã tiến sang giai đoạn mới. Thoạt tiên trong máy vang lên ba tiếng súng, mấy giây sau người ta nghe tiếng vọng bị át đi trên bình nguyên phủ tuyết. Ka thấy tiếng súng được phóng đại trong máy bộ đàm hay hơn.

“Chớ tàn bạo quá!” Sunay nói vào máy bộ đàm. “Nhưng cũng phải cho chúng biết cách mạng và nhà nước có sức mạnh và không biết đùa.” Ông tư lự lấy ngón cái và ngón trỏ bóp cầm, và Ka nhớ chính câu ấy đã được Sunay nói ra với cùng tư thế trong một vở kịch lịch sử hồi giữa thập kỷ bảy mươi. Hôm nay trông ông không còn đẹp như hồi ấy, nôm mệt mội, ngơ ngác và nhợt nhạt. Ông cầm chiếc ống nhòm quân sự từ hồi 1940 trên bàn, quàng lên người chiếc áo khoác dày xơ xác đã theo ông từ mười năm nay đi khắp Anatolia, đội mũ lông lên và quàng tay lôi Ka ra ngoài. Trong một thoáng, khí lạnh làm Ka bất ngờ, ông cảm thấy, bên cạnh cái lạnh của Kars, thì những nguyện vọng và mơ ước chính trị và xúc cảm của con người mới nhỏ bé yếu ớt làm sao. Đồng thời ông nhận ra chân trái Sunay khập khiễng nhiều hơn ông tưởng. Trong khi đi trên vỉa hè phủ tuyết ông tràn ngập hạnh phúc vì đường phố trống trơn và họ là những người duy nhất đang đi trong thành phố này. Và đó không chỉ đơn thuần niềm vui sống và ước muốn tình yêu được đánh thức trong ông bởi thành phố đẹp đầy tuyết và những lâu đài cổ hoang vu: giờ đây Ka cũng tận hưởng cảm giác được ở gần quyền lực.

“Đây là góc đẹp nhất của Kars,” Sunay nói. “Trong mười năm nay, đoàn kịch của tôi về đây lần này là lần thứ ba. Lần nào tôi cũng về khi trời sắp tối, đi dưới bóng hàng cây dương và trúc đào nghe tiếng quạ kêu, buồn rầu nhìn qua lâu đài, cây cầu và nhà tắm bốn trăm năm tuổi. Họ đứng trên cầu bắc qua con sông đóng băng. Sunay chỉ vào một trong những ngôi nhà ổ chuột nằm rải rác trên ngọn đồi phía trái đối diện. Phía dưới đó một chút và cao hơn mặt đường Ka thấy một chiếc xe tăng và gần đó là một xe tải quân sự.

“Chúng tôi thấy các anh rồi,” Sunay gọi vào điện đài và nhìn qua ống nhòm. Một lát sau có tiếng nổ của hai phát súng: trước vang lên trong điện đài, sau vọng từ thung lũng bị sông vây quanh. Một lời chào gửi đến họ chăng? Hai lính gác đợi họ bên đường lên cầu. Họ quan sát khu nhà nghèo mọc lên từ một trăm năm nay trên nền đất của các lâu đài quý tộc Ottoman xưa bị súng đại bác của Nga phá hủy, công viên bên kia sông nơi những nhà giàu ở Kars ngày xưa làm chốn tiêu khiển, và thành phố phía sau công viên.

“Hegel là người đầu tiên phát hiện ra lịch sử và sân khấu cùng từ một chất liệu mà ra,” Sunay nói. “Ông ta đã chỉ ra rằng, lịch sử giao vai chính cho một số người nhất định, giống như sân khấu. Và giống như trên sân khấu nhà hát các diễn viên thử thách tài năng, những người đứng cảm cũng phơi mình trên sân khấu lịch sử...”

Những tiếng nổ làm rung chuyển thung lũng. Ka biết là súng máy trên xe tăng đã bắt đầu hoạt động. Cả pháo tăng cũng khai hỏa nhưng trượt. Sau đó là tiếng nổ của lựu đạn do lính ném. Tiếng một con chó sủa. Cửa túp lều ổ chuột mở, hai người tiến ra. Họ giơ hai tay lên. Đồng thời Ka thấy những lưỡi lửa liếm qua cửa kính vỡ. Những người vừa từ trong nhà ra nằm rạp xuống tuyết, một con chó đen tung tăng sủa và vẫy đuôi len vào giữa họ. Rồi Ka nhìn thấy phía sau có ai đó chạy và tiếng quân lính nổ súng. Người đàn ông ngã xuống, tất cả im lặng. Một lúc lâu sau mới có tiếng quát tháo, nhưng Sunay không thêm để tâm nữa.

Họ quay về xưởng may, hai vệ sĩ theo sau lưng. Vừa thấy bức tường lâu đài cổ dán giấy tuyết đẹp, Ka nhận ra mình không cự lại nổi một bài thơ đang hiện ra trong đầu, và ông trốn vào một góc.

“*Tự sát và quyền lực*” là nhan đề bài thơ mà Ka không ngáp ngừng dồn hết vào đó niềm vui quyền lực mà ông vừa có khi ở cạnh Sunay, vị ngọt từ tình bạn này và mặc cảm tội lỗi trước các thiếu nữ đã tự sát. Về sau ông tin rằng mọi điều ông chứng kiến ở Kars đã được thể hiện một cách mạnh mẽ và chính xác nhất trong bài thơ “vững vàng và cẩn trọng” này.

ALLAH ĐỦ CÔNG MINH ĐỂ BIẾT ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ VẤN ĐỀ CỦA LÝ TRÍ HAY XÁC TÍN, MÀ LÀ CÁCH SỐNG CUỘC ĐỜI MÌNH.

Cùng Sunay ở đại bản doanh

Khi Sunay thấy Ka viết thơ, ông đứng dậy sau mặt bàn ngổn ngang giấy tờ để chúc mừng và khập khiễng đi ra chỗ Ka. “Cả bài thơ ông đọc hôm qua ở nhà hát cũng rất hiện đại,” ông nói. “Tiếc rằng khán giả nước ta không đủ trình độ hiểu nghệ thuật hiện đại. Vì thế trong các tác phẩm của mình tôi sử dụng múa bụng và chuyện đời thủ môn Vural để người dân hiểu được. Xen vào đó tôi diễn không khoan nhượng *Sân khấu của cuộc đời*, hiện đại nhất để nó tác động trực tiếp vào cuộc sống. Tôi thà làm loại nghệ thuật trộn lẫn thảm hại và cao quý cho nhân dân còn hơn diễn những vở hài kịch nông cạn ở Istanbul được các nhà băng tài trợ. Giờ thì với tất cả tình bạn, ông hãy nói cho tôi hay: tại sao ông không nhận mặt ai trong số Hồi giáo chính trị mà người ta chỉ cho ông xem ở Sở cảnh sát và khoa thú y?”

“Tôi có nhận ra ai đâu.”

“Sau khi chứng kiến ông bày tỏ sự quý mến với thằng bé đã dẫn ông đến chỗ Lam, bọn lính

định bắt ông. Người ta nghi ngờ tại sao ông từ Đức về đúng thời điểm trước khi nổ ra cách mạng và có mặt khi ông hiệu trưởng đại học sư phạm bị bắn chết. Họ định hỏi cung và tra tấn ông xem ông biết gì, nhưng tôi đã chặn lại. Tôi đã đứng ra bảo lãnh ông.”

“Xin cảm ơn.”

“Nhưng vẫn chưa rõ tại sao ông lại hôn thẳng bé dẫn ông đến chỗ Lam.

“Tôi không rõ.” Ka nói. “Nó có gì đó rất thành thật và thẳng thắn. Tôi tin là nếu được sống, nó sẽ sống trăm tuổi.”

“Ông có muốn biết thằng Necip mà ông thương hại ấy ngoan ngoãn đến mức nào không?” Sunay lôi một tờ giấy ra đọc. “Hồi tháng Ba năm ngoái Necip có lần trốn học, dúi đầu vào vụ ném vỡ cửa kính quán bia Vui vì ở đó bán rượu trong tháng ăn kiêng Ramadan. Làm phụ việc đôi lần ở văn phòng tỉnh ủy của đảng Phồn vinh, nhưng bị cắt việc vì có lập trường cực đoan hoặc lên cơn khủng hoảng tinh thần làm cho mọi người phát sợ (ở văn phòng đảng ủy không chỉ có một chỉ điểm). Đã từng có ý định tiếp cận Lâm khi tay này đến thành phố trong một năm rưỡi qua. Viết một truyện ngắn, bị Bộ an ninh quốc gia đánh giá là *“không hiểu muốn nói gì”*, đăng ở tờ báo Hồi giáo chính trị của Kars với 75 ấn bản bán ra. Cùng với thằng bạn là Fazil bàn kế hoạch giết hại ông được sĩ về hưu chủ báo đó, sau khi ông này hai lần hôn Necip một cách kỳ quái (bản chính của bức thư trình bày lý do giết người mà bọn chúng định găm lại hiện trường đã bị đánh cắp từ kho lưu trữ của Bộ an ninh quốc gia, trong hồ sơ chỉ còn bản sao) Nhiều lần cùng bạn bè cười nói đi dọc phố Atatürk, trong đó một lần hồi tháng Mười làm điệu bộ tục tĩu khi chiếc xe cảnh sát dân sự đi qua.”

“Bộ an ninh quốc gia làm việc ở đây tốt đấy chứ,” Ka nói.

“Họ biết ông đến nhà trưởng lão Saadettin Efendi, ở đó có gài micro, và ông đã hôn tay ông ta khi vào tiếp kiến. Ông vừa khóc vừa nói là mình tin vào Allah, và ông đã đưa mình vào tình thế khó xử trước mặt lũ hạ dân ở đó. Nhưng người ta không biết tại sao ông làm việc đó. Ở đất này có hàng đồng thi sĩ phải tả hoảng hốt thay đổi trận tuyến vì họ nghĩ: “Ta phải theo Hồi giáo chính trị thôi trước khi họ được nắm quyền!”

Ka không biết chui vào lỗ nẻ nào. Linh cảm rằng Sunay đánh đồng điều ông đã làm với sự yếu đuối càng khiến ông xấu hổ hơn.

“Tôi biết. Những gì ông chứng kiến sáng nay làm ông buồn. Đúng là cảnh sát xử tệ với bọn trẻ; trong hàng ngũ họ thậm chí có cả những kẻ mang thủ tính, lấy bạo lực làm trò vui. Nhưng hãy gạt chuyện ấy qua một bên...” Ông chìa tờ Ka một điếu thuốc. “Hồi thanh niên, tôi cũng tới Nişantaşı và Beyoğlu như ông, ngón phim phương Tây như một thằng điên, đọc hết sách của Sartre và Zola. Cũng như ông, tôi tin châu Âu là tương lai của chúng ta. Tôi không thể tưởng tượng ra rằng ông lẳng lặng mà đứng ngắm thế giới này sụp đổ; em gái ông bị ép phải trùm khăn lên đầu, và thơ của ông bị cấm như ở Iran vì không hợp lẽ tôn giáo. Vì ông cùng thế giới với tôi; ở Kars này, ngoài ông ra không có ai từng đọc thơ của T.S. Eliot cả đâu.”

“Có Muhtar, ứng viên thức thị trưởng của đảng Phồn vinh nữa,” Ka đáp. “Ông ấy rất yêu thơ.”

“Tay này thì chẳng cần phải bắt làm gì,” Sunay mỉm cười nói. “Hắn đã trao cho người lính đầu tiên gọi cửa nhà hắn một bản tuyên bố có ký tên, xin rút đơn ứng cử chức thị trưởng. Có tiếng nổ. Khung và kính cửa sổ tung bắn bật. Cả hai cùng ngó về hướng phát ra tiếng nổ, phía sông, nhưng thằng thấy gì ngoài hàng dương tuyết phủ và máng nước đóng băng của những ngôi nhà bỏ hoang ở dãy phố đối diện. Họ bước lại gần cửa sổ. Ngoài người lính gác trước nhà, không có ai trên đường cả. Thậm chí vào giờ nghỉ trưa ở Kars cũng gây ấn tượng buồn thảm bất thường.

“Một diễn viên tốt...” Sunay nói với vẻ hơi sân khấu, “...phải thể hiện cho được các sức mạnh thủ lĩnh trong lịch sử từ nhiều năm, nhiều thế kỷ, bị dồn nén vào một góc mà không có lối thoát và không được định hình. Anh ta nhận lấy những bài học của mình và không để lộ ra, giấu kín trong mình; không ai biết anh ta mạnh đến đâu cho tới lúc chứng kiến anh lên sân khấu. Diễn viên ấy phải tìm một tiếng nói khả dĩ đem lại cho anh ta tự do thực thụ - tìm suốt đời, ở những nơi heo hút nhất, trên con đường ít người đặt chân nhất, những sân khấu khó leo nhất. Một khi đã tìm ra tiếng nói ấy, anh ta phải gan dạ làm đến cùng.”

“Ba hôm nữa tuyết tan hết, đường lại thông, và Ankara sẽ đòi tính sổ những giọt máu bị đổ ở đây,” Ka nói. “Không phải vì họ không muốn thấy đổ máu mà họ không muốn thấy ai khác gây đổ máu ngoài họ. Và người dân Kars sẽ khinh bỉ ông cùng trò chơi kỳ quái này của ông. Lúc đó ông sẽ làm gì?”

“Ông đã thấy tay bác sĩ rồi đấy, tôi có chứng đau tim và sắp lìa đời - chẳng còn gì quan trọng cả,” Sunay nói. “Nghe này, tôi vừa nhớ ra một chuyện: người ta nói rằng nếu chúng tôi tìm được một tên và treo cổ hắn lên, ví dụ như tên đã bắn ông hiệu trưởng đại học sư phạm, và phát sóng trực tiếp trên truyền hình thì cả thành phố Kars sẽ nằm trong tay chúng tôi.”

“Ngay bây giờ họ đã nằm trong tay các ông rồi cơ mà,” Ka nói.

“Nghe nói bọn chúng chuẩn bị đánh bom cảm tử.”

“Nếu các ông treo cổ một người thì tình hình sẽ còn khủng khiếp hơn.”

“Ông sợ, ông xấu hổ nếu người châu Âu biết chúng ta đang làm gì ở chốn này? Ông có biết bọn họ từng treo cổ bao nhiêu người để làm nền móng cho thế giới hiện đại mà ông khâm phục không? Nếu còn sống thì Atatürk sẽ treo cổ một bộ óc yêu tự do ngu tối như ông ngay từ hôm đầu. Ông nên ghi nhớ một điều: bọn học sinh trường tôn giáo mà ông gặp trong tù hôm nay đã ghi lòng tạc dạ vĩnh viễn khuôn mặt ông. Chúng có thể giật bom nổ mọi nơi và nhằm vào mỗi người. Sau khi trình bày bài thơ tồi qua, bây giờ ông được chúng coi như một phần của điệp vụ... Mỗi người có một chút Tây hóa, nhất là những trí thức kiêu ngạo nhìn người dân đen từ trên xuống, đều cần một giới quân sự thế tục để được dễ thở ở đất này. Nếu không, bọn toàn thống ắt đã dùng dao cùn để biến họ và các bà vợ tô son trát phấn của họ thành thịt băm. Nhưng lũ thông thái ngạo mạn ấy tưởng rằng chúng là người Âu và khịt mũi khinh bỉ đám lính bảo vệ mình. Liệu ông có tin rằng, lúc bọn chúng biến đất này thành Iran sẽ có ai đó nhớ đến một thằng mặc váy có trái tim nhân hậu như ông đã rơi nước mắt xót thương bọn trẻ ở trường tôn giáo? Lúc đó chúng sẽ treo cổ ông lên bởi vì ông hơi bị Tây hóa hoặc thích ăn mặc đẹp, vì ông đeo cà vạt hay chỉ vì ông mặc cái áo choàng này. Ông mua cái áo này ở đâu vậy? Tôi mượn nó lên sàn diễn được không?”

Tất nhiên.”

“Tôi cử cho ông một vệ sĩ để chiếc áo này không bị thùng lỗ đạn. Lát nữa tôi có một công bố trên ti vi. Đến giữa trưa mới hết lệnh cấm ra đường, ông nên ở nhà!”

“Ở Kars không có bọn khủng bố Hồi giáo khiến người ta sợ đến thế,” Ka nói.

“Những đứa đang ở đây là đủ lắm rồi,” Sunay đáp. “Ngoài ra, chúng nó chỉ có thể chiếm lĩnh đất nước này một cách chắc chắn bằng cách gieo rắc khủng bố tôn giáo. Dần dần qua thời gian nỗi sợ hãi của chúng ta sẽ trở thành mặc định. Nếu người dân không biết sợ phe toàn thống mà tìm sự che chở nơi nhà nước và quân đội thì họ sẽ rơi vào tay lũ phản động và vô chính phủ, hết như tình hình các quốc gia bộ tộc ở Cận Đông hay châu Á.”

Dáng đứng thẳng như cột đèn và nói như ra lệnh, cái nhìn chăm chăm vào một điểm tường

tượng trên đầu khán giả của Sunay nhắc Ka nhớ lại động tác mà hai mươi năm trước đây ông ta vẫn diễn trên sân khấu. Nhưng Ka không cười; ông cảm thấy mình chính là một phần của vở kịch lỗi thời ấy.

“Giờ thì ông nói đi, ông cần gì ở tôi!” Ka nói.

“Nếu không có tôi thì tới giờ phút này chắc ông cũng xong đời rồi. Kệ cho ông liếm gót lũ toàn thống đến mức nào, rốt cuộc áo ông cũng xori vài lỗ đạn mà thôi. Người bạn và người che chở duy nhất của ông ở thành phố Kars này là tôi. Và chớ quên, mất tình bạn này thì ông sẽ bị tổng vào một xà lim ở tầng hầm Sở cảnh sát chờ tra tấn đấy. Các bạn ông ở tờ Cộng hòa cũng sẽ không tin ông, mà tin quân lính hơn, ông hãy mở mắt ra đi.”

“Tôi hiểu.”

“Vậy hãy cho tôi biết, sáng hôm nay ông đã giấu bên cảnh sát điều gì, ông đã vì mặc cảm tội lỗi mà chôn trong tim điều gì?”

“Rõ ràng đã đến lúc tôi tin vào Allah,” Ka mỉm cười nói. “Có lẽ tôi còn giấu điều đó trước chính tôi.”

“Ông đang tự lừa dối mình! Ngay cả khi ông tin thì cũng chẳng có ý nghĩa gì nếu đức tin của ông chỉ bó hẹp trong mình. Vấn đề ở chỗ người ta phải tin như những người nghèo và trở thành một người trong họ. Chỉ khi ông ăn thức ăn của họ, ông sống cùng họ, cười cái gì họ thấy buồn cười, và bực mình cái làm họ bực mình, lúc đó ông mới tin vào Thượng đế của họ. Ông không thể cùng tin vào một Allah mà lại sống một cuộc đời khác hẳn. Allah đủ công minh để biết đây không phải là vấn đề của lý trí hay xác tín, mà là vấn đề cách sống cuộc đời mình. Nhưng tôi không định hỏi ông chuyện đó. Nửa tiếng nữa tôi sẽ xuất hiện trên truyền hình và nói với dân chúng Kars. Tôi muốn đem cho họ một tin lành. Tôi sẽ nói, thủ phạm bắn ông hiệu trưởng đại học sư phạm đã bị bắt. Rất có thể chính hắn đã giết ông thị trưởng. Tôi có được nói là sáng nay ông đã nhận mặt hắn không? Sau đó ông lên màn ảnh và kể lại mọi chuyện.”

“Nhưng tôi có nhận ra ai đâu cơ chứ?”

Sunay nắm bả vai Ka với một động tác giận dữ, hoàn toàn không phải sân khấu nữa, kéo ông ra khỏi phòng, qua hành lang rộng và lôi ông vào một căn phòng quét toàn màu trắng. Vừa ngó vào phòng, Ka giật mình - không phải vì nó thiếu sạch sẽ mà vì không khí quá riêng tư. Mấy đôi tất phơi trên sợi dây căng từ nam xoay ở cửa sổ đến cái đỉnh trên tường. Trong chiếc vali để mở nằm ở góc phòng Ka thấy máy sấy tóc, găng tay, sơ mi và một cái nịt vú cỡ to, nhất định chỉ có thể vừa với Funda Eser. Bà ngồi trên ghế đầu ngay bên cạnh, vừa lấy thìa xúc từ bát (chè, Ka tự hỏi, hay xúp?) đặt trên mặt bàn chất đầy son phấn và giấy má đã dẹp qua một bên, vừa đọc.

“Ở đây chúng ta là đại diện của nghệ thuật hiện đại... và chúng ta gắn chặt vào nhau như keo sơn,” Sunay nói và bóp tay Ka mạnh hơn.

Ka chẳng hiểu Sunay định ám chỉ gì, cũng không rõ diễn kịch hay nói thật.

“Thủ môn Vural biến đâu mất rồi,” Funda Eser hỏi. “Ông ấy đi khỏi từ sáng sớm và không thấy quay lại.”

“Chắc lại say sưa ở đâu rồi.” Sunay trả lời.

“Say sưa ở đâu được cơ chứ,” vợ ông nói. “Mọi nơi đều đóng cửa. Không ai ra phố. Lính đã đi tìm ông ấy rồi đấy. Họ sợ là ông ấy bị bắt cóc.”

“Thế hả? Nếu bị bắt cóc thì hay quá,” Sunay nói. “Nếu lão ấy bị lột da và cắt lưỡi thì hình cùng thoát được lão.”

Mặc chosurthôthiểtrongcủrchỉvàlờinói, Kavãnnhậtra tính khôihàitinhhtëvànétdồngđiệutâmhôngiữahaivợchồnghọkhiến ông dù sao cũng thấy nề trọngphalẫn ghen tị.

Đúng lúc ấy ánh mắt ông và Funda Eser giao nhau,bất giác Ka cúi rạp người chào bà.

“Thưa quý bà, bà thật tuyệt diệu trong buổi diễn tối qua.” Ông nói với giọng khoa trương, nhưng cũng pha lẫn khâm phục chân thành.

“Thật quá lời, hỡi quý ông thân mến,” bà đáp lại hơi ngượng ngùng. “Ở nhà hát của chúng tôi, không phải diễn viên mà khán giả mới chính là nghệ sĩ.”

Bà quay sang chồng. Hai người bắt đầu nói chuyện, hấp tấp nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác như vua và hoàng hậu bận rộn bàn quốc gia đại sự. Trước ánh mắt nửa khâm phục nửa kinh ngạc của Ka họ nhanh chóng quyết định Sunay sẽ mặc trang phục gì khi lên truyền hình tối nay (thường phục? cảnh phục? đồ đại lễ?), chuẩn bị bài diễn thuyết ra sao (Funda Eser đã viết thay một đoạn), xét lá đơn xin bảo trợ kèm chỉ điểm của chủ khách sạn Vườn Hoa Kars, nơi họ đã từng trọ khi đến đây ngày xưa (ông ta chỉ điểm hai khách trẻ đáng nghi, sau khi sốt ruột vì quân lính liên tục đến và khám xét), sau đó họ đọc duyệt chương trình của Truyền hình biên giới Kars (phát lại đêm diễn ở Nhà hát nhân dân lần thứ tư và thứ năm, ba lần phát lại bài nói chuyện của Sunay, các bài hát ca ngợi anh hùng và lính biên phòng, một bộ phim tài liệu về cảnh đẹp của Kars, một phim nội địa mang nhan đề *Gülizar*).

“Ta làm gì với nhà thơ của chúng ta đây?” Sunay hỏi. “Lý trí của ông ấy ở châu Âu, tình cảm ông ấy ở chỗ chiến binh của trường tôn giáo, còn đầu óc thì rối tung hết cả.”

“Nhìn vẻ mặt ông ấy thì rõ,” Funda Eser nói và mỉm cười thân mật. “Một chàng trai tốt đấy, ông ấy sẽ giúp chúng mình.”

“Nhưng ông ấy rớt nước mắt vì bọn Hồi giáo chính trị ấy.”

“Ông ấy đang yêu, thế thôi.” Funda Eser nói. “Thi sĩ của chúng ta mấy hôm nay đang dạt dào xúc cảm mà.”

“Thật sao? Thi sĩ của chúng ta đang yêu?” Sunay hỏi với bộ dạng cường điệu. “Chỉ những nhà thơ trong trắng nhất mới nghĩ nổi tới chuyện yêu đương trong khi cách mạng nổ ra.”

“Ông ấy không phải là một nhà thơ trong trắng, mà là một người tìnhtrong trắng,” Funda Eser nói.

Hai vợ chồng diễn tiếp cảnh ấy một lúc nữa, không hề ngập ngừng làm Ka vừa bực mình vừa cực kỳ bối rối. Sau đó họ ra chiếc bàn lớn của xưởng may và uống trà.

“Tôi chỉ định nói ngắn gọn thôi, để ông quyết định rằng tốt nhất là nên giúp đỡ chúng tôi.” Sunay nói. “Kadife là người tình của Lam. Lam không về Kars vì lý do chính trị, mà vì chuyện yêu đương. Người ta không tóm tên sát nhân này, vì còn định dò ra đám trẻ Hồi giáo chính trị nào có quan hệ với hắn. Giờ thì người ta tiếc, vì hắn đã đột ngột biến mất trước khi ký tước xá bị tấn công. Tất cả thanh niên Hồi giáo chính trị ở Kars đều hâm mộ và theo đuôi hắn. Hắn đang lẫn quất ở Kars và nhất định sẽ tìm đến ông. Lúc đó có lẽ ông sẽ khó có điều kiện báo cho chúng tôi. Nhưng nếu chúng tôi gài vào người ông một chiếc hoặc thậm chí hai chiếc micro như đã làm với ông hiệu trưởng trường sư phạm, gắn thêm một máy phát sóng vào áo choàng nữa, thì

ông chẳng việc gì phải sợ cả. Người ta sẽ tóm hắn khi ông đã đi khỏi cuộc họp.”

Sunay nhận ngay ra rằng Ka không ưa ý tưởng này. “Tôi không ép ông,” ông ta nói. “Ông không thể hiện ra, nhưng điệu bộ của ông hôm nay cho thấy ông là người cẩn trọng. Ông biết cách tự bảo vệ mình, tuy nhiên tôi vẫn muốn nói là ông nên đề phòng Kadife. Người ta đoán là cô ta nói hết cho Lam những gì cô ấy nghe thấy. Nhất định cô ấy cũng thông báo những gì bố cô ấy và khách khứa bàn luận mỗi tối bên bàn ăn. Có thể một phần vì cô ấy cảm thấy kích động khi chống đối bố, nhưng nhất định vì cô ấy yêu và trung thành với Lam. Ông thử nói xem có gì ở con người này thu hút đến thế cơ chứ?”

“Ở Kadife?”

“Tất nhiên là ở Lam,” Sunay cúi kính. “Tại sao tất cả đều bị tên sát nhân này thu hút? Vì sao hắn có danh tiếng lừng lẫy như vậy ở khắp Anatolia? Ông đã chuyện trò với hắn rồi, ông có thể cho tôi biết không?”

Ka bị phân tán phút chốc vì Funda Eser lấy chiếc lược nhựa ra và bắt đầu chải tóc Sunay rất âu yếm và kỹ lưỡng.

“Tôi muốn ông hãy nghe bài diễn thuyết của tôi trên ti vi,” Sunay nói. “Ông đi cùng tôi lên xe tải quân sự, tôi cho thả ông xuống ở khách sạn.”

Còn bốn mươi lăm phút nữa mới hết giờ thiết quân luật. Ka xin phép đi bộ về khách sạn và được chấp thuận.

Ông vừa bắt đầu thấy khoan khoái trong người khi thấy phố Atatürk thênh thang không một bóng người, các phố cắt ngang đầy tuyết im lìm, vẻ đẹp của hàng cây trúc đào và những ngôi nhà Nga cổ phủ tuyết, thì cũng nhận ra có người theo chân mình.

Ông đi ngang phố Halit Paşa, rẽ trái khỏi phố Kâzimbey Nhỏ. Tay mật vụ hỗn hển bám theo trên lớp tuyết xốp, con chó đen có chấm trắng trên trán mà Ka hôm qua đã thấy ở ga tung tẩy theo chân hắn. Ka ẩn vào một trong mấy cửa hàng tạp hóa ở khu Yusuf Faşa và quan sát, rồi ông đột ngột tiến ra trước mặt tay mật vụ.

“Ông đi theo tôi để điều tra hay để bảo vệ tôi?”

“Thực tế thưa ông, ông muốn hiểu thế nào cũng được ạ.”

Nhưng người kia trông ngơ ngác và mệt mỏi đến nỗi khó mà bảo vệ được chính mình, huống hồ bảo vệ Ka. Trông bề ngoài như phải đến sáu mươi lăm tuổi là ít, mặt mũi nhàu nhĩ, giọng the thé và mắt đã hết vẻ tinh anh. Ông ta nhìn Ka không như một nhân viên cảnh sát vận thường phục, mà như một người dân thường thấy cảnh sát là sợ. Ka thương hại ông ta khi thấy mũi giày Sümerbank - đồng phục của cảnh sát dân sự ở khắp đất Thổ đã toác mõm ra.

“Ông là cảnh sát phải không? Nếu ông có thể can cước đem theo thì nhà hàng Đất Xanh sẽ mở cho chúng ta vào ngồi.”

Họ không phải gõ cửa lâu mới được người ta mở cửa. Ka và tay mật vụ - xưng tên là Saffet - uống một ly Raki, ăn bánh nướng pho mát và chìa cho con chó một miếng. Họ nghe bài nói chuyện của Sunay, hoàn toàn không có gì khác với diễn văn của mọi lãnh tụ sau đảo chính quân sự đã từng được nghe. Khi Sunay nói tới đoạn những người Kurd theo chủ nghĩa dân tộc, phe toàn thống được kẻ thù ngoại bang xúi bẩy và những chính khách mất chất sẵn sàng làm mọi thứ để lấy phiếu bầu đã đẩy Kars đến sát bờ vực thẳm, lúc ấy Ka đã thấy ngán ngẩm lắm rồi.

Trong khi Ka uống ly Raki thứ hai, tay mật vụ kính cẩn chỉ tay lên Sunay trên màn ảnh. Lúc này ông ta lại càng không giống một tên mật vụ hạng ba chút nào, mà như một kẻ ăn mày khốn khổ.

“Ông quen ông ấy, và quan trọng hơn, ông ấy nể ông,” ông ta nói. “Tôi có một nguyện vọng, nếu ông chuyển đến cho ông ấy thì tôi sẽ thoát được khỏi địa ngục này. Có thể người ta sẽ điều tôi ra khỏi công tác điều tra vụ đầu độc và cử làm việc khác được không ạ?”

Khi Ka muốn biết cụ thể hơn, ông ta đứng dậy ra khép cửa quán lại. Rồi ông ta ngồi xuống và kể về “vụ đầu độc”.

Tên mật vụ vụng về kể chuyện một cách vòng vèo khiến nó càng lộn xộn hơn, làm cho đầu óc Ka vốn đã kém tỉnh táo vì rượu, giờ lại càng rối mù. Câu chuyện bắt đầu với phỏng đoán của bên quân đội và cảnh sát mật, rằng quầy bán bánh kẹp và thuốc lá của quán Điểm Tâm Hiện Đại ở trung tâm thành phố được nhiều lính đến mua đã bán đồ uống vị quế pha thuốc độc. Vụ đầu tiên được để ý tới là một sĩ quan bộ binh dự bị người Istanbul. Cách đây hai năm, trước một bài tập được biết là rất nặng nhọc, sĩ quan này đã bị sốt run bần bật, không cất nổi chân. Bên y tế cho biết có hiện tượng trúng độc, và viên sĩ quan tưởng mình sắp chết đã đổ tội cho thứ đồ uống mà anh ta mua ở góc phố Kâzimbey Nhỏ cắt phố Kâzim Karabekir, vì tò mò trước một thứ đồ lạ miệng. Vụ ngộ độc đơn giản này kỳ thực cũng dễ bị quên đi. Nhưng người ta nhớ lại nó khi hai sĩ quan dự bị liên nhau được đưa đi cấp cứu với những triệu chứng tương tự. Họ cũng lên cơn sốt rét, nói năng lắp bắp vì run, không tự đứng nổi, ngã quay ra và cho rằng loại nước uống vị quế mà họ tò mò uống thử là nguyên nhân. Đồ uống nóng này do một bà già người Kurd ở quận Atatürk “điều chế” ra, và khi nhiều người hưởng ứng thì được đem bán ở quán điểm tâm do đứa cháu bà làm chủ. Các thông tin lập tức được thu thập bởi một nhóm điều tra bí mật do ban quân quản Kars thành lập. Nhưng các mẫu thử khi được bí mật phân tích tại khoa thú y đều cho kết quả âm tính. Vụ điều tra chuẩn bị khép lại thì một viên tướng kể cho vợ nghe chuyện này và tá hỏa khi được biết là bà ta ngày nào cũng uống mấy cốc liền để chống tê thấp. Nhiều vợ sĩ quan, cả các sĩ quan cũng uống nước ấy, lấy có bồi bổ sức khỏe nhưng đúng hơn chỉ để giải sầu. Điều tra thấy các sĩ quan và gia đình họ, lính nghỉ phép và gia đình lính đến thăm con đã tiêu thụ một lượng lớn thứ đồ uống được bán tại quầy giữa thành phố, nơi mỗi ngày họ đi qua hàng chục bận và cũng là thú tiêu khiển duy nhất, viên tướng nọ phát hoảng và chuyển vụ này qua cho cảnh sát mật và thanh tra của bộ tư lệnh - cần tắc vô áy náy! Đạo đó quân đội ở vùng Đông Nam tiến hành truy lùng tàn bạo du kích của đảng Công nhân Kurd và đang chiếm ưu thế. Trong trí tưởng tượng của đám thanh niên Kurd thất nghiệp lang bạt có nguyện vọng tham gia du kích nảy ra nhiều ý tưởng phục thù dị biệt và đáng sợ.

Dĩ nhiên lực lượng chỉ điểm của mật vụ chuyên va vạ ở các quán cà phê của Kars biết rõ những cú trả thù tưởng tượng mù mờ kiểu đặt bom, bắt cóc, lật đổ tượng đài Atatürk, đầu độc hệ thống nước uống thành phố và giật nổ cầu. Do vậy người ta đánh giá vụ này khá nghiêm túc, song vì ngại có vấn đề nên không muốn tra tấn lấy cung chủ quán điểm tâm. Thay vào đó, người ta tung mật vụ của tòa thống sứ tới cửa hàng cũng như vào làm bếp của bà già người Kurd đang ngày càng sung sướng vì có nhiều khách hơn. Tay mật vụ ở cửa hàng ngay từ đầu đã kiểm tra kỹ và nhận thấy máy rắc quế - hiện đang còn là một phát minh đặc biệt của bà cụ, cốc chén, giẻ lót cán muôi kim loại, hộp đựng tiền xu và tay người làm trong quán không hề dính chất lạ nào cả. Một tuần sau tay mật vụ này cũng bị các triệu chứng ngộ độc giống như các vụ ngày trước, buộc phải rời nơi làm việc vì run và nôn thào.

Nhân viên mật vụ được gài vào gia đình bà cụ còn chăm chỉ hơn gấp bội. Trong các báo cáo được viết mỗi tối, nhân viên này thuật lại đủ chuyện, từ ai ra vào nhà cho đến những đồ mua về (cà rốt, táo mận khô, dâu khô, hoa lựu, nụ tầm xuân và thực quỳ gai). Không lâu, các bản báo cáo biến thành thư khen ngợi công thức quý báu để chế thứ đồ uống nóng này. Nhân viên mật vụ báo cáo là mỗi ngày anh ta uống năm, sáu cốc vại, chẳng thấy có hại gì mà ngược lại còn

chữa được bệnh tật, quả thực là thứ “đồ uống sơn cước” đã được nhắc đến trong trường ca *Mặt trời và Mặt trăng* nổi tiếng của dân Kurd. Các chuyên viên do Ankara cử về mất tin tưởng vào nhân viên đặc vụ này vì anh ta người Kurd. Họ suy ra từ những báo cáo là đồ uống này chỉ đầu độc người Thổ chứ không có ảnh hưởng gì đến người Kurd nhưng không thể tiết lộ cho ai nhận định này vì nó không trùng với quan điểm của nhà nước là giữa người Thổ và người Kurd không hề có khác biệt gì cả. Do đó Istanbul điều bác sĩ về để lập hẳn một khoa riêng trong nhà thương an sinh xã hội. Nhưng tính nghiêm túc của công trình nghiên cứu này bị ảnh hưởng bởi những người dân Kars khỏe như vâm cũng đến phòng khám bệnh miễn phí, và các bệnh nhân bị bệnh lật vạt như rụng tóc, da vẩy nến, nhiễm trùng rốn hoặc nói lắp cũng đổ vào nằm đầy bệnh viện. Tóm lại, các nhân viên đặc vụ chăm chỉ ở Kars, trong đó có Saffet lại vẫn gánh trách nhiệm khám phá âm mưu làm đồ uống vị quế ngày càng bí hiểm và, nếu quả thực là nguyên nhân vụ này, cho đến nay đã gieo vạ cho hàng nghìn lính. Nhiều mật vụ nhận nhiệm vụ theo dõi những ai uống thứ nước do bà cụ người Kurd vui vẻ chế ra. Vấn đề bây giờ không phải là điều tra xem chất độc tiếp xúc với người dân Kars ra sao, mà là xác định rõ ràng những ai trong số người Kars bị đầu độc. Vậy là các nhân viên mật vụ rình mò tất cả mọi người thích dùng thứ đồ uống ngon lành của bà cụ, từng người một, bất kể lính hay dân thường, đôi khi theo chân về tận nhà họ.

Ka hứa sẽ nói chuyện với Sunay, lúc này đang tiếp tục diễn thuyết trên ti vi; về nỗi lo lắng của viên mật vụ mệt mỏi có đôi giày hạ mồm vì năng nổ công tác. Ông ta sung sướng đến nỗi lúc ra đi còn ôm chầm lấy Ka để hôn và tự tay tháo then mở cửa.

TÔI, KA

Tinh thể tuyết hình lục giác

Ka về đến khách sạn, con chó đen theo sau, và tận hưởng vẻ đẹp của đường phố vắng ngắt phủ tuyết. Ông đưa Cavit ở quầy lễ tân một tin nhắn cho Ipek: “Đến ngay!”

Vào phòng, ông nằm vạt ra giường. Trong khi chờ đợi ông nhớ đến mẹ, nhưng không lâu vì chỉ được một lát là mọi ý nghĩ lại xoay quanh Ipek lúc này vẫn chưa đến. Chỉ sau chốc lát, việc chờ đợi Ipek đã gây đau đớn đến mức Ka bắt đầu hối hận vì đã ngu ngốc mà say mê cô và nói chung đã đắm đầu về Kars. Nhưng bây giờ mọi việc đã quá muộn. Và Ipek vẫn chưa chịu lộ mặt.

Ba mươi tám phút sau khi Ka bước chân vào khách sạn thì Ipek đến. “Em ra cửa hàng than,” cô nói. “Em nghĩ là hết thiết quân luật nhất định sẽ có nhiều người xếp hàng nên mười hai giờ kém mười đã đi qua sân sau ra phố. Sau mười hai giờ em còn đi lang thang ở các cửa hiệu. Nếu biết thì em đã đến đây ngay.” Về sinh động và tung bừng mà Ipek đem tới cho căn phòng làm Ka sung sướng đến nỗi ông run rẩy lo khoảnh khắc hạnh phúc này có thể bị phá vỡ. Ông nắm mái tóc dài óng mượt, đôi bàn tay cử động không nghỉ của cô (tay trái Ipek liên hồi vuốt lại tóc, chạm vào mũi, thắt lưng, khung cửa, cái cổ cao tuyệt đẹp, lại đưa lên tóc rồi sờ vào dây chuyền

hạt ngọc mà bây giờ Ka mới nhận ra cô đeo trên cổ, chắc hẳn vừa mới đây).

“Anh rất yêu em và phải chịu đựng nỗi đau này.” Ka nói.

“Đừng sợ, tình yêu bốc lửa nhanh như vậy thì cũng chóng tắt hết như thế thôi.”

Ka cuống quýt tìm cách ôm và hôn cô. Ipek hôn ông rất bình thản, ngược với tâm trạng xúc động của Ka. Ông cảm nhận đôi bàn tay nhỏ nhắn đặt lên vai mình và nụ hôn với toàn bộ sự ngọt ngào, làm ông gần như choáng váng. Qua cách Ipek áp sát người mình ông nhận ra lần này cô sẵn sàng ngủ với ông. Nỗi bi quan sâu sắc quá nhanh chóng chuyển sang hạnh phúc tràn trề khiến Ka mê muội trong khi rộng mở cặp mắt, lý trí và ký ức cho phút giây này và cho cả thế giới.

“Cả em cũng muốn làm tình với anh lúc này.” Ipek nói. Cô nhìn mờ mờ, rồi quyết liệt nhìn thẳng vào mắt Ka: “Nhưng không phải ở đây, khi bố em ở ngay sát vách!”

“Khi nào bố em ra ngoài?”

“Ông không bao giờ ra ngoài!” Ipek nói trong lúc mở cửa: “Em phải đi đây,” rồi ra khỏi phòng.

Ka dõi mắt theo cho đến khi cô đi xuống cầu thang cuối hành lang nửa sáng nửa tối và biến khỏi tầm mắt. Vừa đóng cửa và ngồi xuống mép giường, ông rút cuốn vở khỏi túi và lập tức viết lên trang giấy trống trơn bài thơ mang đầu đề *“Cùng đường, khó khăn”*.

Viết xong bài thơ, lần đầu tiên từ khi tới thành phố này Ka ngộ ra rằng ở Kars ông chẳng có việc gì khác ngoài săn đuổi Ipek và làm thơ; ý nghĩ ấy đồng thời đưa lại cho ông cảm giác bất lực và sự tự do. Ông hiểu rằng mình sẽ hạnh phúc đến tận cuối đời nếu thuyết phục nổi Ipek cùng mình đi khỏi Kars. Ông biết ơn tuyệt đã chặn mọi ngã đường và qua đó cho ông thời gian thuyết phục Ipek, chỉ cần tìm được địa điểm thích hợp.

Ông mặc áo khoác lên, rón rén đi ra phố, không nhằm hướng khu thị chính mà rẽ trái về phía phố Độc Lập Dân Tộc. Ông vào hiệu thuốc Khoa Học mua ít vitamin C, rẽ trái khỏi phố Faikhey và vừa đi tiếp vừa ngắm cửa kính các quán hàng ở đó, sau đó rẽ vào phố Kâzim Karabekir. Những lá cờ đuôi nheo vận động bầu cử, hôm qua còn làm đường phố tung bừng sinh động, nay đã bị hạ xuống. Mọi cửa hàng đều mở cửa. Tiếng nhạc ầm ĩ vọng ra từ một cửa hàng bán văn phòng phẩm và băng nhạc.

Via hè chật ních những người đi ra đường chỉ để hưởng thụ cảm giác đã hết giờ cấm. Họ có mớ róm đi dọc phố, nhìn cửa kính bày hàng và nhìn nhau. Những người mọi hôm vẫn đi xe buýt từ phố huyện ra thành phố để lang thang qua các quán trà và vào hiệu cắt tóc cạo râu, hôm nay không lên thành phố nữa; Ka thấy mừng trước cảnh những quán trà và hiệu cắt tóc vắng người như vậy. Lũ trẻ con ngoài phố khiến ông quên đi những lo toan của mình và hoàn toàn được hạnh phúc. Ông nhìn thấy rất nhiều trẻ con chơi xe trượt tuyết ở những khu đất trống và quảng trường phủ tuyết, trong sân các nhà thị chính và trường học, ở các bờ dốc và trên cầu bắc qua sông, chúng nặn tuyết ném nhau, chạy nhảy tứ tung, cãi lộn hay chỉ khịt khịt mũi đứng nhìn đám đông lộn xộn ấy. Rất ít đứa khoác măng tô, chủ yếu mặc áo mặc đồng phục học sinh, quàng khăn và đội mũ len. Sau một hồi đứng ngắm đám trẻ hân hoan đón chào đảo chính quân sự vì trường học đóng cửa, thấy rét quá, Ka vào quán trà gần nhất, ngồi xuống cùng bàn đối diện với mật vụ Saffet, uống một tách trà rồi rời quán.

Ka hoàn toàn không ngại gì mật vụ Saffet nữa, vì ông đã quen với sự hiện diện của ông ta. Ông biết là trong trường hợp thực sự muốn theo dõi ông, người ta sẽ cử một mật vụ giấu mặt giỏi hơn Saffet. Do vậy một lần Ka kinh hoàng khi không thấy Saffet nữa, ông chạy đi tìm ông ta. Ka tìm được Saffet ở góc phố Faikbey, nơi hôm qua thấy chiếc xe tăng. Saffet tay cầm một túi

nylon, cũng đang thở hỗn hển đảo mắt tìm Ka.

“Cam rẻ quá, tôi không thể dùng được,” Saffet nói. Ông cảm ơn Ka đã đợi và tỏ thiện chí không cắt đuôi hay lẩn tránh. “Nếu ông nói luôn là ông sắp đi hướng nào thì hai chúng ta không bị phung phí sức lực vô ích.”

Nhưng Ka đâu biết mình sắp đi hướng nào. Một lát sau họ cùng ngồi trong một quán trà vắng vẻ khác, kính cửa sổ bám đầy hoa tuyết. Ka nghĩ, thực tình ông muốn đến chỗ trưởng lão Saadettin. Trong lúc này không thể gặp Ipek được rồi, và Ka sợ mình sẽ bị tra tấn trong con giằng xé vì nhớ cô. Giờ đây Ka rất muốn thổ lộ với trưởng lão khả kính tình yêu của mình trước Allah rồi thanh thản đàm đạo với ông về Thượng đế và ý nghĩa nhân sinh. Nhưng ông nhớ rằng nhân viên an ninh đã cài micro trong bí thất, họ sẽ đồng tai nghe và nhạo báng ông.

Mặc dù vậy ông vẫn nín thở một lúc, khi họ đi ngang căn nhà giản dị của trưởng lão ở ngõ Baytarhane. Ông ngược nhìn lên dãy cửa sổ.

Sau đó Ka thấy thư viện tĩnh mịch mở cửa. Ông đi vào, bước lên thang gác lép nhép tuyết tan. Trên tấm bảng thông báo ở chiều nghỉ là bảy tờ báo địa phương của Kars ghim lên ngăn nắp. Giống như tờ *Thành phố biên giới*, các báo này đều in xong từ chiều hôm trước nên không đăng tin về cuộc cách mạng, chỉ nói về buổi biểu diễn thành công ở Nhà hát nhân dân và đưa tin tuyết còn rơi kéo dài.

Trong phòng đọc ngoài mấy viên chức về hưu trốn khỏi căn hộ lạnh lẽo của mình ra đây Ka còn thấy năm, sáu học sinh mặc dù trường đóng cửa. Trong đồng từ điển và sách tra cứu của học sinh đã nát bét ở góc phòng, Ka tìm thấy mấy cuốn sách cũ của bộ *Từ điển cuộc sống* mà từ lúc còn nhỏ ông đã mê đọc. Kẹp trong bìa cuối mỗi cuốn đều có tập sơ đồ gồm các tranh màu, giờ các trang bên trong ra có thể xem tổ chức bộ phận của ô tô, tàu thủy, hoặc người. Ka cầm ngay lấy quyển số bốn để tìm hình đứa trẻ nằm cuộn tròn như gà con trong quả trứng, trong khoang bụng người mẹ. Nhưng ảnh đã bị lấy khỏi sách, chỉ còn thấy vết xé thôi.

Trong cùng cuốn ấy (từ vần T đến hết) ông chăm chú đọc trang 324:

TUYẾT. Nước ở thể rắn, định dạng trong khi rơi, bay lơ lửng hoặc bay lên trong khí quyển. Đa số có dạng tinh thể sao lục giác rất đẹp. Mỗi bông tuyết hình thành một cấu trúc riêng. Bí mật của tuyết đã khiến con người quan tâm và khâm phục từ thời Cổ đại. Thầy tu Olau Magnus ở thành phố Uppsala (Thụy Điển) là người đầu tiên năm 1555 quan sát thấy mỗi bông tuyết có sáu góc. Có thể thấy trên hình minh họa...

Tôi không thể nói Ka đã đọc đoạn này bao nhiêu lần ở Kars và hình ảnh tinh thể tuyết đã khắc sâu vào trí óc ông ra sao. Nhiều năm sau, khi đến thăm gia đình Ka ở Nişantaşı và trò chuyện với ông cụ thân sinh rưng rưng nước mắt luôn chộn rộn và nghi hoặc, tôi cũng xin phép được chiêm ngưỡng thư viện gia đình. Tôi đã biết không nên tìm giữa những cuốn sách hồi còn nhỏ trong phòng Ka mà xem tủ sách của ông cụ đứng trong một góc tối của phòng khách. Giữa những cuốn sách luật đóng bìa lịch thiệp, tiểu thuyết Thổ Nhĩ Kỳ và nước ngoài từ thập kỷ bốn mươi, sổ địa chỉ và danh mục điện thoại, tôi cũng tìm thấy bộ *Từ điển cuộc sống* đóng bìa đặc biệt và đi tìm ngay hình người phụ nữ mang thai kẹp trong bìa cuối quyển bốn. Rồi tôi quay sang vuốt ve cuốn sách vẫn tốt nguyên, thì cuốn sách mở ra đúng trang 324, như thể tự nó muốn cho tôi xem. Ngay cạnh mục từ “Tuyết” là mảnh giấy thấm ba mươi hai năm tuổi.

Khi Ka đã xem xong từ điển, ông rút trong túi ra quyển vở như một học sinh đang làm bài tập về nhà và bắt đầu viết bài thơ bài số mười từ khi ở Kars. Bắt đầu với tính độc nhất vô nhị của từng bông tuyết và kỷ niệm về đứa trẻ nằm trong bụng mẹ không còn tìm thấy trong tập bốn của bộ *Từ điển cuộc sống* nữa, trong bài thơ này Ka hình dung ra vị thế của chính mình và cuộc sống của mình trên đời này, những nỗi sợ hãi riêng, những đặc tính của mình, sự độc nhất vô nhị của mình trên thế giới, và đặt tên bài thơ là “Tôi, Ka”.

Chưa viết xong bài thơ, Ka nhận thấy ai đó ngồi xuống bên bàn mình, ông ngẩng đầu lên và sửng sốt: Necip. Cuộc diện kiến này không đánh thức trong ông sự khiếp đảm hay choáng váng, mà mặc cảm tội lỗi, vì ông đã tin vào cái chết của một người không hề dễ chết như vậy.

“Necip,” ông thốt lên và muốn ôm hôn cậu.

“Tôi là Fazil,” cậu bé nói. “Tôi đã thấy ông ngoài phố và tôi đi theo ông.” Cậu đưa mắt qua Saffet ngồi ở bàn bên. “Ông nói ngay đi: có đúng Necip chết rồi không?”

“Đúng thế. Tôi đã tận mắt nhìn thấy.”

“Vậy sao ông lại gọi tôi là Necip? Ông không chắc chắn ư?”

“Tôi không chắc chắn.”

Mặt Fazil tái nhợt trong một thoáng, nhưng cậu cố gắng trấn tĩnh.

“Nó muốn tôi rửa thù cho nó. Vì vậy tôi biết là nó chết rồi. Nhưng khi nào trường học mở lại, tôi sẽ học các môn như ngày xưa và không muốn bận tâm đến trả thù hay chính trị nữa.”

“Quả thật, trả thù là một chuyện khủng khiếp.”

“Điều đó chẳng sao cả, nếu nó quả thực muốn thì tôi sẽ trả thù cho nó,” Fazil nói. “Nó có kể với tôi về ông, ông đã trao cho Hicran, Kadife ấy, những bức thư của nó chưa?”

“Rồi.” Ka nói. Ánh mắt của Fazil khiến ông không thoải mái. Ông nghĩ: có nên nói thêm là “tôi định đưa”? Nhưng muộn rồi. Ngoài ra, cậu nói dối làm ông tự tin, bất luận vì sao. Ông chỉ không thoải mái bởi nét đau đớn trên toàn bộ khuôn mặt Fazil.

Fazil lấy hai tay bưng mặt và khóc, nhưng cầm thù khiến không giọt nước mắt nào trào ra. “Nếu Necip chết, tôi biết phải trả thù ai đây?” Khi thấy Ka im lặng, cậu nhìn thẳng vào mắt ông.

“Ông biết kẻ đó.”

“Nghe nói là đôi khi hai cậu đồng thời có ý nghĩ giống nhau,” Ka nói. “Có nghĩa là chính người cậu đang nghĩ đến.”

“Cái mà nó nghĩ đến, và muốn tôi nghĩ đến, khiến tôi đau đớn.” Fazil trả lời. Lần đầu tiên Ka thấy trong mắt chàng trai tia sáng mà ông đã gặp trong mắt Necip. Ông cảm giác như gặp một hồn ma.

“Nó muốn bắt cậu nghĩ gì?”

“Nghĩ đến trả thù,” Fazil nói và lại khóc.

Ka hiểu ngay là Fazil không nghĩ đến trả thù, mà đến một điều khác hẳn. Và Fazil cũng nói điều đó khi thấy Saffet đứng dậy khỏi bàn mình và lại gần.

“Anh cho tôi xem thẻ căn cước!” Saffet nói và nghiêm nghị nhìn Fazil.

“Thẻ học sinh của tôi ở chỗ bàn mượn sách.” Ka thấy Fazil nhận ngay ra một canh sát dân sự đứng trước mặt mình và cố nén sợ. Họ cùng nhau ra bàn mượn sách. Saffet giật phắt chiếc thẻ căn cước từ trong tay cô nhân viên đang sợ rúm ró, đọc thấy Fazil là học sinh trường tôn giáo

và thoáng nhìn Ka với ánh mắt đầy trách cứ, như có ý nói: biết ngay mà. Rồi ông rút chiếc thẻ vào túi như một người lớn tịch thu quả bóng của đứa bé.

“Đến Sở cảnh sát thì anh sẽ được nhận lại thẻ của mình,” ông nói.

“Saffet Bey,” Ka nói. “Cậu bé này đã cố gắng hết mức để tránh khỏi những chuyện có hại. Nó lại vừa nghe tin đứa bạn thân nhất đã chết, ông trả lại thẻ cho nó đi!” Nhưng Saffet không để bị lay chuyển, mặc dù lúc trưa còn xin xỏ Ka nói giúp tránh.

Ka hẹn gặp lại Fazil lúc năm giờ ở cạnh cầu sắt, vì ông còn hy vọng là ra đến góc nào không có ai quan sát thì Saffet sẽ cho ông xin lại chiếc thẻ. Fazil lập tức rời thư viện. Cả phòng đọc nhốn nháo, ai cũng nghĩ là thẻ căn cước của mình sắp bị kiểm tra.

Nhưng Saffet không bận tâm chuyện ấy, mà quay lại bàn mình và tiếp tục giở tạp chí *Cuộc sống* số đầu năm 1960 xem những bức hình cuối cùng của thủ tướng Adnan Menderes trước khi bị treo cổ và ảnh của hoàng hậu Soraya buồn rầu khi bị vua ly hôn vì không đẻ đã được đưa con nào.

Ka đoán là Saffet sẽ không đưa lại thẻ cho mình nên ông rời khỏi thư viện. Mọi lo lắng lại biến mất khi ông nhìn thấy đường phố tuyết phủ và lũ trẻ tung búng nặn tuyết chơi đùa. Ông ước gì được chạy nhảy. Nhưng ở quảng trường trước tòa thống sứ ông nhìn thấy đông đảo đàn ông cầm trong tay túi vải và hộp bìa cuộn trong giấy báo, họ buồn rầu và run rẩy vì lạnh trong khi xếp hàng. Đó là những người dân Kars có tính cẩn tắc, coi trọng lệnh thiết quân luật đang đem vũ khí trong nhà tới nộp cho nhà nước.

Nhưng vì cũng chẳng tin tưởng nên nhà nước không cho họ vào tòa thống sứ, vì vậy tất cả đều rét run cụp lại như một bầy cừu con lạc mẹ. Đa số dân ở đây sau khi nghe thông báo đã dọn tuyết buổi đêm để chôn vũ khí của mình xuống nền đất đóng băng ở một nơi không ai ngờ tới.

Trong khi đi dọc phố Faikbey, Ka bắt gặp Kadife và mặt ông đỏ bừng bừng, ông vừa nghĩ đến Ipek, và cô hiện ra trước mắt ông như một cái gì rất gần gũi và tuyệt đẹp gắn liền với Ipek. Nếu không tự chủ được thì chắc ông sẽ ôm và hôn cô gái trùm khăn này.

“Tôi có chuyện rất cần nói với ông.” Kadife nói “nhưng có người theo chân ông, chừng nào người ấy còn theo dõi thì không nói được, ông về khách sạn và lên phòng 217 lúc hai giờ được không? Phòng tận cuối hành lang có phòng ông.”

“Ở đó có yên tĩnh nói chuyện với nhau được không?”

“Nếu ông không kể lại với ai.” Kadife mở mắt rất to, “kể cả Ipek, thì sẽ không ai biết chúng ta đã nói chuyện với nhau.”

Nhận thấy mọi người quan sát họ qua khóe mắt, cô bắt tay ông rất khách sáo. “Giờ thì ông bí mật nói theo tôi và lát nữa cho tôi biết liệu có một hay hai mật vụ bám theo tôi không.”

Với nụ cười khó nhận ra trong khóe miệng, ông gật đầu lạnh lùng: “Vâng!” khiến chính mình cũng ngạc nhiên. Và ý tưởng sắp được gặp Kadife trên phòng mà cô chị không hề biết làm ông ngây ngất như phát rồ.

Ông hiểu mình không muốn gặp Ipek trước khi nói chuyện với Kadife, nên lang thang tiếp ngoài phố để giết thì giờ. Có vẻ như không ai phiền lòng vì cuộc đảo chính quân sự thì phải; giống như ngày Ka còn bé, có thể cảm nhận được không khí của một khởi đầu và sự đổi mới. Phụ nữ xách túi và dắt theo trẻ con, tự tay lựa hoa quả và mặc cả, đàn ông rìa mép quây quần nơi góc phố, hút thuốc lá không đầu lọc, ngắm những người đi qua và trao đổi tin đồn. Người

ăn mày giả bộ mù mà hôm trước Ka đã gặp hai lần ở dưới mái hiên một ngôi nhà hoang giữa bến xe buýt và chợ phiên, hôm nay không ở chỗ hẻo lánh nữa. Cả những chiếc xe tải con con vẫn quen bán cam và táo ở giữa mặt phố cũng chẳng thấy đâu. Xe cộ vốn ít ỏi, giờ còn thưa thớt hơn, khó đoán là do đảo chính hay vì đường nhiều tuyết. Lượng cảnh sát dân sự trong thành phố được tăng lên (một người được lũ trẻ đang chơi bóng đá ở phố Halit Paşa đẩy vào gôn làm thủ thành).

Đám người tổ chức chọi gà, mổ thịt phi pháp và hai khách sạn kiêm nhà thổ cạnh bến xe buýt (Dương thần và Tự do) tạm hoãn công việc mờ ám của mình “đến thời hạn vô định”. Do dân Kars đã quen với tiếng súng nên chẳng ai lấy làm kém vui khi nghe tiếng nổ thường phát ra vào buổi đêm ở khu ổ chuột. Âm nhạc của sự bàng quan ấy đánh thức cảm giác tự do trong Ka và khiến ông ngây ngất, ông mua một cốc nước quế nóng ở quán Điểm Tâm Hiện Đại ở góc phố Kâzimbey Nhỏ cắt phố Kâzim Karabekir và khoan khoái uống.

THỜI KỲ TỰ DO DUY NHẤT Ở KARS

Ka và Kadife trong phòng khách sạn

Mười sáu phút sau Ka bước vào phòng 217. Sợ bị ai thấy, ông căng thẳng đến nỗi đem kể cho Kadife về món nước quế mà ông vẫn còn giữ dư vị chất trên lưỡi, cốt chỉ để kiếm một đề tài vui vẻ và khác đi một chút.

“Đã có một thời người ta đồn là bọn người Kurd độc ác trộn thuốc độc vào đồ uống này để đầu độc quân lính,” Kadife nói. “Thậm chí còn đồn nhà nước cử thanh tra mật về điều tra vụ này.”

“Chị có tin chuyện ấy không?” Ka hỏi.

“Tất cả những ai hiểu biết và Tây hóa đến Kars, khi nghe kể chuyện này họ đều ghé vào quán điểm tâm ấy và uống nước quế để chứng minh là họ không tin vào những giả thuyết âm mưu ấy. Và họ đều bị ngộ độc như những thằng ngu. Vì những lời đồn đại ấy là sự thật. Có những người Kurd bất hạnh đến nỗi Allah không tồn tại đối với họ nữa.”

“Sao nhà nước còn để chuyện đó tiếp tục xảy ra?”

“Như tất cả những trí thức Tây hóa, ông tin tưởng nhiều nhất vào nhà nước mà không tự nhận ra đấy thôi. Bộ an ninh quốc gia biết rõ, như vẫn biết rõ mọi chuyện trên đời, nhưng họ không chấm dứt vụ này.”

“Họ có biết ta đang ở đây không?”

“Ông không phải sợ đâu,” Kadife đáp với nụ cười trên môi.

“Một lúc nào đó rồi thì họ cũng biết, nhưng lúc đó chúng ta ở đây đã tự do rồi. Thời kỳ quá độ này là thời kỳ tự do duy nhất ở Kars, ông nên biết quý trọng nó. Xin ông bỏ áo khoác ra!”

“Chiếc áo khoác này bảo vệ tôi trước mọi rủi ro.” Ka nói. Qua nét mặt Kadife ông biết là cô giật mình. “Vội lại ở đây lạnh quá.”, ông nói thêm.

Phòng này là một nửa của căn phòng nhỏ, ngày xưa làm kho chứa các đồ vệ sinh. Có một cửa sổ nhỏ xíu duy nhất nhìn ra sân sau. Một chiếc giường hẹp mà họ ngập ngừng ngồi ở hai đầu, và không khí ngột ngạt mùi bụi bặm ẩm thấp đặc trưng của các phòng khách sạn bí gió. Kadife vươn người lên cổ xoay nút phía bên lò sưởi, nhưng nó bị kẹt cứng, và cô đành bỏ cuộc. Cô cố mỉm cười khi thấy Ka lúng túng đứng dậy.

Ka có cảm giác là Kadife vui mừng đã ở cùng ông trong một phòng. Cả ông cũng thấy thú vị sau nhiều năm cô đơn nay được ở cùng phòng với một cô gái đẹp, song Kadife không bận tâm đến một thứ giải trí tầm thường như thế - Ka nhận ra trên nét mặt cô có gì đó sâu xa và khốc liệt hơn.

“Ông đừng sợ vì ngoài thằng cha khốn khổ vác túi nylon đựng cam ra, không có cảnh sát dân sự nào theo đuôi ông đâu. Chúng tôi là thực ra nhà nước này không sợ ông, mà chỉ định dọa cho

ông sợ chút thôi. Còn tôi bị ai bám đuôi vậy?”

“Tôi quên không nhìn theo cô,” Ka nói lí nhí.

“Sao cơ?” Kadife nhìn ông một thoáng với ánh mắt cay độc. Ông đang yêu! Đúng là ông đang yêu thật rồi!” Cô lấy lại tư thế ngay. “Xin lỗi ông, tất cả chúng ta đều sợ cả,” cô nói, và vẻ mặt cô đột nhiên đổi khác. “Ông hãy làm chị tôi hạnh phúc, chị ấy là người rất tốt.”

“Cô tin là cô ấy yêu tôi?” Ka hỏi rất khế.

“Tất nhiên, nhất định chị ấy yêu ông, ông là một người cực kỳ đáng yêu,” Kadife trả lời. Nhận ra câu nói của mình làm Ka choáng váng, cô giải thích: “Hơn nữa ông thuộc cung Song Sinh, giống như Ipek.” Cô giải thích rằng dù đàn ông cung Song Sinh thích hợp nhất với đàn bà cung Xử Nữ, nhưng vì nhân cách kếp của mình, đàn ông cung Song Sinh có bản tính nhẹ nhõm và nông nổi, nhờ đó có thể làm đàn bà cung Song Sinh hạnh phúc vì họ luôn luôn coi trọng mọi điều nhưng cũng có thể làm họ ghê tởm. “Mà hai người đáng hưởng một tình yêu hạnh phúc.” cô nói thêm như thể muốn an ủi ông.

“Trong khi nói chuyện với Ipek, cô có ấn tượng là cô ấy sẵn lòng cùng tôi sang Đức không?”

“Chị ấy nói là ông đẹp trai,” Kadife nói. “Nhưng chị ấy không tin ông. Cần có thời gian cho đến khi chị ấy tin ông. Những người kém kiên nhẫn như ông thường không định yêu một phụ nữ, mà muốn chiếm đoạt cô ta.”

“Cô ấy nói với cô thế ư?” Ka hỏi và nhướn mày. “Ở thành phố này xem ra ai cũng khan hiếm thì giờ.” Kadife nhìn xuống đồng hồ. “Trước tiên tôi cảm ơn ông đã đến đây. Tôi gọi ông đến đây vì một việc rất quan trọng. Lam phải thông báo cho ông một điều.”

“Lần này người ta sẽ theo dõi tôi và bắt anh ta ngay lập tức.” Ka đáp. “Và họ sẽ tra tấn tất cả chúng ta. Căn hộ đã bị lộ. Cảnh sát đã nghe được hết mọi chuyện.”

“Lam đã biết là bị nghe trộm,” Kadife nói. “Đây là một thông tin mang tính triết luận mà anh ấy muốn nói cho ông trước cuộc đảo chính và sau đó qua ông gửi đến phương Tây. Anh ấy đã nói với họ rằng: đừng bận tâm quá mức đến các vụ tự sát ở đây, bây giờ tất cả đã khác. Do vậy anh ấy muốn hủy thông tin cũ. Nhưng quan trọng hơn nữa là anh ấy đưa một thông báo hoàn toàn mới.”

Kadife càng dồn dập nói với Ka thì ông càng khó quyết định hơn. “Ở thành phố này không thể đi bất cứ đâu mà không ai nhìn thấy được,” ông nói.

“Có một chiếc xe ngựa. Ngày nào cũng một, hai lần đánh đến cửa bếp trông ra sân để cung cấp bình ga của Aygaz, than hoặc thùng nước. Người đánh xe chở hàng cho khắp thành phố và căng bạt che hàng cho khỏi dính mưa, ông ấy là người đáng tin.”

“Tôi phải trốn dưới tấm bạt như một thằng ăn trộm hay sao?”

“Tôi đã nhiều lần từng trốn như thế rồi.” Kadife nói. “Thú vị lắm, đi qua suốt thành phố mà không bị ai trông thấy. Nếu ông đồng ý nói chuyện, tôi sẽ hết sức giúp ông trong chuyện Ipek. Quả là tôi muốn ông cưới chị ấy.”

“Tại sao?”

“Có em nào mà chẳng muốn chị hạnh phúc.”

Ka không tin câu này chút nào, không chỉ vì suốt đời ông đã thấy giữa các anh chị em chỉ có ác cảm sâu sắc và tình đoàn kết ép buộc, ông đã nhận thấy lòng mày bên trái của cô nhướn lên một chút, bất chấp ý cô; và cô nói câu đó mà dấu môi ra giống một đứa bé sắp òa khóc, hay đúng hơn như những nữ diễn viên muốn tỏ ra ngây thơ trong các phim Thổ. Song lúc cô nhìn đồng hồ lần nữa và nói là mười bảy phút nữa xe ngựa sẽ đến, và thề sẽ kể hết cho ông nghe nếu ông lập tức hứa với cô rằng sẽ cùng cô đến chỗ Lam, thì ông nói: “Tôi hứa sẽ đi cùng; nhưng trước tiên cô hãy cho biết, tại sao cô tin tưởng tôi vậy?”

“Ông là một ông thầy tu, Lam nói thế, anh ấy tin rằng Allah đã nặn ra ông là người trong trắng từ khi ra đời đến lúc chết.”

“Được.” Ka trả lời. “Ipek có biết phẩm chất đó của tôi không?”

“Làm sao chị ấy biết được? Câu ấy của Lam mà.”

“Xin cô cho tôi biết hết những gì Ipek nghĩ về tôi?”

“Thực ra tôi đã kể hết mọi điều chúng tôi nói với nhau rồi,” Kadife nói. Nhận thấy Ka thất vọng, cô nghĩ thêm một chút hoặc làm ra vẻ như thế - trong lúc xúc động Ka không thể phân biệt được rồi nói: “Chị ấy bảo thấy ông hay hay, ông từ chỗ người Đức về và có nhiều chuyện để kể.”

“Tôi phải làm gì để chiếm được cảm tình của cô ấy?”

“Nếu không phải ngay từ đầu thì trong mười phút tiếp theo, người phụ nữ đã cảm nhận sâu sắc người đàn ông trước mặt mình ra sao, hoặc ít nhất là có thể trở thành kẻ như thế nào, và liệu mình có bao giờ yêu anh ta không. Nhưng để hiểu trọn vẹn và chấp nhận những gì cảm nhận được, cần có chút thời gian. Trong thời gian ấy, người đàn ông chẳng làm được gì nhiều đâu. Nếu ông thật sự tin tưởng thì ông hãy nói với Ipek những điều đẹp để mà ông nghĩ về chị ấy. Có gì ông yêu chị ấy? Tại sao ông muốn cưới chị ấy?”

Ka im lặng. Thấy Ka như một đứa trẻ buồn bã nhìn ra cửa sổ Kadife nói với ông rằng có lẽ ông và Ipek sẽ hạnh phúc ở Frankfurt. Ipek sẽ vui khi rời khỏi Kars, và cô hoàn toàn có thể tưởng tượng ra cảnh hai người bên nhau trên đường phố Frankfurt tới rạp xem phim.

“Ông cho tôi biết tên một rạp phim ở Frankfurt mà ông sẽ đến,” cô nói, “rạp nào cũng được.”

“Filmforum Hoechst.” Ka trả lời.

“Người Đức không có những cái tên đặt cho rạp phim như Cung Elhamra, Hùng Vĩ hay Pháo đài Alcazar à?”

“Có chứ, Eldorado!”

Trong khi họ nhìn ra sân có những bông tuyết ngập ngừng chao đảo, Kadife kể cho ông những năm cô tham gia diễn trong đội kịch sinh viên. Có lần cậu em họ một bạn học cùng năm gọi ý mời cô đóng trong một dự án hợp tác Đức - Thổ, vai một cô gái trùm khăn, nhưng cô từ chối. Giờ thì Ipek và Ka sẽ có hạnh phúc ở xứ sở Đức - Thổ ấy. Và chị cô thực ra đáng được hưởng hạnh phúc mà không biết điều đó, nên chẳng bao giờ hạnh phúc; chị cô cũng bất hạnh vì không có con, song nỗi bất hạnh lớn nhất là phải chịu bất hạnh mặc dù hay có thể chính vì chị ấy xinh đẹp, tinh tế, thân thành và sâu sắc (nói đến đây thì Kadife nghẹn lời). Hồi còn nhỏ và mới lớn, lòng tốt và sắc đẹp của Ipek luôn là tấm gương cho cô (cô ghen lời), khiến cô luôn thấy mình tồi tệ và xấu xí bên cạnh lòng tốt và vẻ đẹp ấy; và chị cô phải che giấu vẻ đẹp ấy để cô khỏi chạnh lòng (giờ thì Kadife trào nước mắt). Cô vừa nức nở vừa kể tiếp; có lần ở trường trung

học, (“Ngày ấy chúng tôi ở Istanbul và không nghèo lắm,” Kadife nói, và Ka đáp lại là “ngay hiện nay” họ cũng có nghèo đâu, song Kadife đã ngắt ngang mà nói chúng tôi sống ở Kars”) cô giáo Mesrure Hanım dạy môn sinh vật đã hỏi Kadife khi cô đến muộn giờ đầu: “Cô chị thông minh của em cũng đi học muộn à?” rồi nói tiếp: “Cô cho em vào học vì cô quý chị em.” Tất nhiên là Ipek không đến muộn.

Chiếc xe ngựa đi vào sân.

Đó là một chiếc xe tầm tầm cũ kỹ, trên các tấm ván thành xe vẽ hình hoa hồng đỏ, cúc La Mã và lá xanh. Hơi nước phì ra từ lỗ mũi con ngựa già mệt mỏi có đóng băng cạnh rìa. Áo choàng và mũ của người xà ích béo và hơi gù bóm đầy tuyết. Ka chờn chợn khi thấy tấm bạt mui xe cũng đầy tuyết.

“Ông đừng sợ,” Kadife nói. “Tôi không giết ông đâu!”

Ka thấy khẩu súng ngắn trong tay Kadife, nhưng không ý thức được là cô chìa nó vào mình.

“Tôi không lên cơn thần kinh hay có gì tương tự cả,” Kadife nói tiếp. “Nhưng nếu ông giở trò gì với tôi thì ông hãy tin là tôi sẽ bắn ông... Chúng tôi nghi ngờ tất cả, kể cả các nhà báo đến đây để nghe tuyên bố của Lam.”

“Các người mời tôi đến gặp thì đúng hơn,” Ka nói.

“Đúng. Nhưng ngay cả khi ông không có ý định ấy thì người của Bộ an ninh quốc gia cũng có thể đoán là chúng tôi đến gặp ông và gắn máy nghe lén vào người ông. Tôi nghi là chính vì lý do đó mà lúc này ông không chịu cởi áo choàng ra. Bây giờ ông hãy khẩn trương cởi áo ra và đặt nó xuống mép giường!”

Ka làm đúng như cô nói. Kadife thoăn thoắt khám chiếc áo choàng bằng bàn tay nhỏ nhắn như tay của chị cô. Cô không tìm thấy gì và nói: “Xin lỗi ông! Ông cởi cả áo vest, sơ mi và áo lót ra. Bọn nó gắn cả máy thu vào lưng hay ngực bằng băng keo. Ở Kars có hàng trăm người đeo micro từ sáng đến tối đi ra đường.”

Ka cởi áo vest rồi kéo sơ mi và áo lót lên như một đứa trẻ vạch bụng cho bác sĩ khám.

Kadife quan sát ông một thoáng. “Quay lại!” cô ra lệnh. Cả hai im lặng một lúc. “Được rồi. Xin lỗi ông vì khẩu súng... Nhưng nếu có gắn máy thu thì người bị khám sẽ chống cự chứ không để yên...” Tuy nhiên cô không hạ súng xuống. “Giờ thì ông nghe đây!” Giọng cô hăm dọa. “Ông chớ hé môi với Lam một lời về không khí thân mật ở đây và những chuyện giữa chúng ta với nhau.” Cô nói như bác sĩ đề net bệnh nhân sau khi khám xong. “Ông đừng đả động đến Ipek và chuyện ông yêu Ipek. Lam kinh tởm những chuyện bẩn thỉu ấy... Còn nếu ông làm chuyện đó và không bị anh ấy trừng phạt thì chính tôi sẽ trừng phạt ông, ông nên tin đây không phải chuyện đùa. Anh ấy có một giác quan thứ sáu rất nhạy bén, hoàn toàn có thể bắt nọn khiến ông tuôn ra hết sạch. Ông hãy làm bộ chỉ nhìn thấy Ipek một hai lần chứ không có gì nữa, ông hiểu chứ?”

“Được thôi!”

“Ông hãy xử sự thành kính trước mặt Lam, đừng cậy là ông ngày xưa đi học trường tư và đã ở châu Âu mà khinh thường anh ấy. Nếu phạm lỗi ngu xuẩn đó thì ông chớ trách... Đừng quên là những người châu Âu mà ông bắt chước một cách đầy kính phục chẳng để ý đến ông đâu... nhưng họ rất sợ Lam và các đồng chí của anh.”

“Tôi biết.”

“Tôi là bạn ông, ông có thể chân thực với tôi.” Kadife nói và mỉm cười với nét mặt bắt chước một diễn viên trong phim hạng bét.

“Xà ích lật bạt lên rồi kìa.” Ka nói.

“Hãy tin tưởng ông ta! Năm ngoái con trai ông ấy bị chết khi đánh nhau với cảnh sát. Chúc ông đi đường vui vẻ!”

Kadife xuống nhà trước. Lúc cô đi đến phòng bếp, Ka thấy xe ngựa đi dưới cổng vòm từ nhà ra phố. Như được dặn trước ông ra khỏi phòng và xuống dưới. Ông bối rối khi không thấy ai trong bếp, nhưng người xà ích đợi ông bên cánh cửa vào sân mở hé. Ông lặng lẽ nằm xuống cạnh Kadife giữa những bình gas Aygaz.

Chuyến đi mà Ka biết là đến chết sẽ không bao giờ quên chỉ kéo dài tám phút, nhưng ông thấy dài vô tận. Ông tự hỏi họ đang ở đâu trong thành phố, nghe tiếng người nói về chiếc xe rào rào đi ngang qua họ - và hơi thở của Kadife nằm duỗi dài cạnh mình.

Một lũ trẻ con làm ông giật mình khi chúng bám vào đuôi xe để trượt dọc phố. Nhưng nụ cười thân thiện của Kadife lúc đó làm ông vui và hạnh phúc như chính những đứa trẻ con ấy vậy.

NGHÈO KHÓ KHÔNG PHẢI LÀ LÝ DO KHIẾN CHÚNG TÔI ĐẾN VỚI THƯỢNG ĐẾ

Tuyên bố của Lam, gửi cho phương Tây

Trong khi nằm trên xe ngựa nghe tiếng bánh cao su lăn rộn rã trên tuyết Ka nghĩ ra những câu đầu của một bài thơ mới. Đúng lúc ấy chiếc xe nảy lên khi leo vĩa hè và dừng lại. Sau một hồi im lặng khá lâu đủ để Ka nghĩ thêm mấy vần nữa, người xà ích nâng tấm bạt lên và Ka thấy một khoảng sân trống trải phủ tuyết, cạnh đó là các xưởng sửa ô tô, xưởng hàn và một chiếc máy kéo hỏng. Một con chó mực bị xích ở góc sân nhìn thấy người chui ra dưới tấm bạt và đón chào bằng một tràng sủa.

Họ qua cánh cửa bằng gỗ cây hồ đào. Sau cánh cửa thứ hai, Lam đang đứng nhìn qua cửa sổ xuống mảnh sân đầy tuyết. Mái tóc nâu ngả đỏ, những chấm tàn hương trên mặt và cặp mắt xanh thẳm của anh vẫn khiến Ka ngỡ ngàng như trong lần gặp đầu tiên. Vẻ đơn sơ trong phòng và mấy đồ đạc đã gặp (vẫn cái lược chải đầu, túi xách để ngỏ, gạt tàn nhựa với hình hoa kiểu Ottoman trên rìa và hàng chữ “Ersin Elektrik” như bữa nào) gần như gây ấn tượng là Lam không chuyển nơi ở trong đêm qua. Nhưng trên mặt anh, Ka thấy một nụ cười lạnh lùng đánh dấu đã ghi nhận những diễn biến từ hôm qua. Ông hiểu ngay là Lam tự chúc mừng mình đã thoát khỏi tay phe đảo chính.

“Ông đừng viết về các thiếu nữ tỵ sát nữa,” Lam nói.

“Tại sao?”

“Bên quân đội cũng không muốn ai viết về họ, như tôi vậy!”

“Tôi không phải phát ngôn viên của quân đội.” Ka dè dặt đáp lại.

“Tôi biết.” Họ căng thẳng quan sát nhau một lúc.

“Hôm qua ông kể với tôi là ông sẽ viết về các thiếu nữ tự sát trên báo phương Tây,” Lam nói.

Câu nói dối nho nhỏ ấy khiến Ka phát ngượng.

“Ông viết cho báo nào của phương Tây?” Lam hỏi. “Ông có người quen ở tờ báo Đức nào?”

“Ở tờ *Fankfurter Rundschau*,” Ka trả lời.

“Quen ai?”

“Một nhà báo dân chủ người Đức.”

“Ông ấy tên gì?”

“Hans Hansen,” Ka nói và quần chặt vạt áo choàng hơn nữa.

“Tôi có một tuyên bố gửi tới Hans Hansen, phản kháng cuộc đảo chính quân sự,” Lam nói. “Chúng ta không có nhiều thì giờ đâu, tôi muốn ông ghi lại ngay.”

Ka bắt đầu viết ra đằng sau cuốn vở chép thơ. Lam cho biết từ khi bắt đầu cuộc đảo chính ở nhà hát đã có tối thiểu tám chục người bị sát hại (con số chính xác, kể cả những người bị bắn chết trong nhà hát, là mười bảy), tường thuật vụ tấn công vào nhà riêng và trường học, trong đó có chín (chính xác: bốn) nhà ổ chuột bị xe tăng đè nát, thông báo về học sinh chết trong khi bị tra tấn và các cuộc giáp chiến ở mấy ngõ phố mà Ka chưa nghe nói bao giờ. Trong khi chỉ nói sơ qua về hậu quả đối với người Kurd thì anh ta có cường điệu tác động đối với người Hồi giáo chính trị và nói, ông thị trưởng và ông giám đốc trường đại học sư phạm bị phe chính phủ bắn chết để tạo tiền đề cho cú đảo chính này. Theo ý anh, tất cả những gì xảy ra chỉ nhằm “ngăn cản thắng lợi của người Hồi giáo chính trị trong cuộc bầu cử dân chủ”. Trong lúc Lam chứng minh cho thực tế này bằng một số sự kiện như cấm hoạt động một số đảng, các hiệp hội v.v. Ka nhìn vào mắt Kadife đang lắng nghe một cách chăm chú và cảm phục và vẽ lên lề mấy trang giấy mà ông sẽ xé ra khỏi vở. Những hình ảnh và phác họa cho thấy ông đang nhớ đến Ipek: cổ và tóc một phụ nữ, phía sau là những nét vẽ ngây ngô thể hiện một ngôi nhà có khói bay lên từ ống khói... Ngày xưa, đã lâu lắm rồi, có lần Ka nói với tôi, khi phải đối diện với những thực tế đáng sợ mà ông biết là có thật, nhưng sẽ làm tổn hại đến thơ mình, một nhà thơ giỏi sẽ buộc phải dặt ra lẽ, và chỉ ở đó mới nghe thấy được thứ âm nhạc kỳ bí sinh ra nghệ thuật của ông.

Mặc dù vậy Ka thấy vài câu của Lam hay đến nỗi ông chép nguyên từng chữ: “Không phải như người phương Tây vẫn tưởng, nghèo khổ không phải lý do khiến thúng tôi đến với Thượng đế, mà vì chúng tôi khao khát hơn ai hết muốn biết mình đang tìm gì trên thế giới bên này và sẽ có gì xảy ra ở thế giới bên kia.” Nhưng thay vì đào bới gốc rễ của sự khao khát ấy để giải thích chúng ta đang tìm gì ở thế giới bên này thì Lam kêu gọi phương Tây: “Rõ ràng phương Tây tin vào phát minh vĩ đại của mình - nền dân chủ - nhiều hơn tin vào lời Allah, vậy phương Tây có lên tiếng chống lại cuộc đảo chính quân sự phản dân chủ ở Kars không?” Anh hỏi với cử chỉ trang trọng. “Hay là dân chủ, tự do và nhân quyền không quan trọng, mà chỉ cốt sao phần còn lại của thế giới lải nhải học vẹt phương Tây? Liệu phương Tây có chịu nổi một thứ dân thủ mà

những tử thù khác biệt như nước với lửa của mình giành được? Tôi muốn nói với phần còn lại của thế giới không thuộc về phương Tây: Hỡi những người anh em, các bạn không cô độc..." Anh ngừng lời một lát. "Liệu bạn ông ở báo *Frankfurter Rundschau* có công bố hết những thứ này không?"

"Chỉ nhắc đến phương Tây như một cá nhân với một quan điểm thì không hay đâu." Ka thận trọng phát biểu.

"Nhưng tôi tin là thế." Lam nói. "Chỉ có một phương Tây duy nhất với một quan điểm duy nhất. Quan điểm kia là của chúng tôi."

"Nhưng người phương Tây không sống như thế." Ka phản biện. "Khác với ở đây, người phương Tây không tự hào là mình tư duy giống mọi người. Tất cả mọi người, cho đến một chủ tiệm bé nhất, đều vỗ ngực là mình có chính kiến riêng. Vì vậy có thể kêu gọi lương tri của họ hữu hiệu hơn nếu nói '*các nhà dân chủ phương Tây*' thay vì '*phương Tây*'."

"Thôi được, ông làm gì cho đúng thì làm. Có cần chữa lại chỗ nào để được đăng không?"

"Càng về phần cuối nghe càng giống một lời kêu gọi hơn là một thông tin," Ka nói. "Anh viết tên anh xuống dưới... Có lẽ thêm vài lời giới thiệu anh..."

"Cái đó tôi đã chuẩn bị trước," Lam nói. "Ông cứ viết 'Một lãnh tụ Hồi giáo chính trị của Thổ Nhĩ Kỳ và Cận Đông' là đủ."

"Hans Hansen không thể in thế được."

"Sao?"

"Đăng tuyên bố của một tín đồ Hồi giáo chính trị Thổ Nhĩ Kỳ đơn lẻ trên tờ báo xã hội dân chủ *Frankfurter Rundschau* đồng nghĩa với sự thiên vị." Ka nói.

"Nghĩa là ông Hans Hansen rụt vùi khi có gì đó không hợp ý", Lam nói. Chúng ta phải làm gì để thuyết phục được ông ấy?"

"Ngay cả khi những người Đức dân chủ làm gì đó chống lại cuộc đảo chính quân sự ở Thổ - một cuộc đảo chính thực thụ chứ không phải trong nhà hát - thì họ vẫn ngán chuyện những người họ muốn ủng hộ hóa ra là tín đồ Hồi giáo chính trị."

"Đúng thế, tất cả đều sợ chúng ta," Lam nói.

Ka không rõ Lam nói câu đó với niềm tự hào hay than phiền về một sự hiểu lầm. "Vì vậy lời kêu gọi này sẽ được nhanh chóng in trên tờ *Frankfurter Rundschau* nếu thêm chữ ký của một người cộng sản cũ, một người có tư tưởng tự do hay một người Kurd theo chủ nghĩa dân tộc."

"Vậy phải làm gì?"

"Chúng ta nên viết lời kêu gọi cùng với hai người khác ở Kars," Ka khuyên.

"Tôi không thể uống rượu vang để lấy cảm tình của người phương Tây." Lam nói. "Và tôi không cố giống họ để họ hết sợ tôi và chú ý đến công chuyện của tôi. Và tôi cũng không quỳ gối trước tay Hansen này bên Tây để họ thương hại chúng ta cũng như lũ vô thần vô đạo. Hans Hansen là ai mới được chứ? Vì sao hắn ta đặt nhiều điều kiện thế? Hắn là người Do Thái hả?"

Im lặng.

Lam thoáng nhìn Ka đầy căm hận vì anh ta linh cảm thấy Ka nghĩ rằng mình nói gì sai. “Dân Do Thái là nạn nhân kinh khủng nhất của sự đàn áp trong thế kỷ này,” anh nói. “Trước khi sửa một chữ gì trong bản tuyên bố, tôi muốn biết tay Hans Hansen này là ai đã, ông quen hắn như thế nào?” Một anh bạn người Thổ nói với tôi là sắp có một phóng sự về Thổ Nhĩ Kỳ đăng trên báo *Frankfurter Rundschau*, và tác giả muốn nói chuyện với ai đó thạo tin.”

“Tại sao Hans Hansen không hỏi thẳng người bạn đó mà lại hỏi ông?”

“Anh bạn đó không liên quan nhiều đến chuyện ấy như tôi...”

“Ông để tôi đoán xem đó là chuyện gì nhé.” Lam nói. “Tra tấn đàn áp, tình cảnh trong nhà tù, đại khái là những chuyện làm mất uy tín của chúng ta.”

“Chuyện xoay quanh các học sinh trường tôn giáo ở Malatya đã giết một người vô thần...” Ka đáp.

“Tôi không nhớ đến vụ nào như thế,” Lam tư lự nói. “Hệt như tin đồn về những người Hồi giáo hèn hạ đã giết một tên vô thần khốn nạn rồi lên ti vi khoe khoang để được nổi tiếng, lũ “chuyên gia Đông phương học” cũng ghê tởm không kém khi phóng đại tin ấy lên là có mười, mười lăm người chết để hạ thấp phong trào Hồi giáo thế giới. Nếu Hans Hansen là người như thế thì ta quên hắn ta đi còn hơn.”

“Hans Hansen chỉ muốn hỏi tôi vài câu về Liên minh châu Âu và Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi đã trả lời các câu hỏi. Một tuần sau ông ấy gọi điện thoại, mời tôi về nhà dùng bữa.”

“Có thể thôi?”

“Vâng.”

“Nghĩ lắm. Ông thấy gì trong nhà hắn? Hắn có giới thiệu vợ không?” Kadife ngồi bên rèm cửa kéo kín, Ka thấy giờ đây cô căng thẳng theo dõi.

“Gia đình Hans Hansen là một gia đình dễ thương và hạnh phúc,” Ka nói. “Lúc đó sắp tối. Trên đường từ tòa báo về nhà ông ta gặp tôi ở ga tàu. Nửa tiếng sau chúng tôi về đến một ngôi nhà đẹp và sáng sủa, có vườn. Họ đối xử với tôi rất thân mật. Chúng tôi ăn khoai tây với gà rán. Vợ ông ấy luộc khoai tây trước rồi bỏ lò nướng.”

“Bà ấy ra sao?”

Ka tưởng tượng ra người bán hàng Hans Hansen ở Kaufhof. “Hans Hansen tóc vàng, vai rộng, đẹp trai; Ingeborg và các con cũng tóc vàng và xinh xắn như thế.”

“Trên tường có treo thập tự không?”

“Tôi không nhớ, không.”

“Nhất định có, chắc ông không chú ý thôi,” Lam nói. “Ngược lại với tưởng tượng của những kẻ vô thần hăm mộ châu Âu, tất cả những người Âu có học thức đều rất gần bó với đức tin và thánh giá của họ. Nhưng dân mình từ châu Âu trở về không kể lại chuyện ấy, vì họ chỉ chăm chăm chứng minh rằng ưu thế kỹ nghệ của phương Tây là thắng lợi của chủ nghĩa vô thần...Ông hãy kể đã nghe gì, nói chuyện gì ở đó.”

“Ông Hansen là người yêu văn chương, dù là công tác ở ban biên tập tin nước ngoài của

Frankfurter Rundschau. Chúng tôi nói đến các nhà thơ, đất nước và lịch sử. Thời gian trôi qua lúc nào không biết.”

“Họ có thương hại ông không? Vì ông là người Thổ, một người tị nạn chính trị yếu đuối, cô đơn và nghèo khổ, và vì bọn thanh niên Đức vô công rồi nghề say rượu là tìm những người cô độc như ông để châm lửa đốt mà họ thân mật với ông chứ gì?”

“Tôi không biết. Họ không khiến tôi nhận thấy ý tứ gì cả.”

“Ngay cả khi họ không tọc mạch và không lộ rõ ý thương hại ông thì con người vẫn có nhu cầu được thương hại. Có hàng vạn trí thức Thổ gốc Kurd ở Đức đã biến nhu cầu ấy thành nghề kiếm ăn đấy.”

“Vợ chồng Hans Hansen và các con là những người tốt. Họ niềm nở và ý tứ. Có thể vì giữ ý mà họ không để tôi nhận ra là họ thương hại tôi. Tôi mến họ. Giả sử họ thương hại tôi chẳng nữa thì tôi cũng không lấy làm phiền lòng.”

“Có nghĩa là chuyện đó không làm tổn thương lòng tự hào của ông?”

“Có thể có nhưng mặc dù vậy ở chỗ họ tối hôm ấy tôi rất vui.” Đèn trên tường tỏa ánh sáng da cam rất dễ chịu... Dao đĩa thuộc loại tôi chưa hề nhìn thấy bao giờ, song cũng chẳng lạ lắm khiến tôi phải ngần ngại... Máy vô tuyến bật liên tục, thỉnh thoảng họ nhìn lên màn hình, và tôi thấy như ở nhà vậy. Đôi khi họ thấy tiếng Đức của tôi không tốt lắm và giải trình lại bằng tiếng Anh. Sau bữa ăn bọn trẻ con hỏi bố bài về nhà, và bố mẹ hôn con trước khi đi ngủ. Tôi thấy dễ chịu và sau bữa ăn tôi dùng thêm một miếng bánh ngọt nữa. Không ai nhìn thấy, mà nếu nhìn thấy thì cũng coi là chuyện thường. Về sau tôi nghĩ rất nhiều về mọi chuyện.”

“Bánh ngọt loại gì vậy?” Kadife hỏi.

“Bánh kem kiểu Vienna, nhân quả vả và sô-cô-la.”

Không ai nói gì một lúc.

“Rèm cửa màu gì?” Kadife hỏi. “Và có họa tiết gì?”

“Trắng ngà hoặc màu kem,” Ka nói và ra vẽ cổ hời tưởng lại. Có họa tiết hình cá, hoa, gấu và đủ thứ quả sặc sỡ.”

“Loại vải cho trẻ con?”

“Không, trông nghiêm chỉnh lắm. Tôi phải nhấn mạnh rằng họ rất hạnh phúc, nhưng họ không cười suốt buổi như ở ta, mà rất nghiêm trang. Có lẽ vì thế mà họ hạnh phúc. Đối với họ cuộc sống có một mục đích nghiêm túc, đòi hỏi một tinh thần trách nhiệm. Không giống ở ta, người thì cầm đầu cầm cổ làm, người thì chê ổng chê eo. Nhưng cái nhìn nghiêm trang về mục đích đó lại giúp họ sống rất sinh động và tích cực. Họ có một niềm hạnh phúc giống như hình gấu và cá trên rèm cửa: “vui tươi và giản dị.”

“Khăn bàn màu gì?” Kadife hỏi.

“Tôi quên rồi,” Ka nói và chìm vào suy tư như cố gắng nhớ lại.

“Ông tới nhà họ bao nhiêu lần?” Giọng Lam hơi phật ý.

“Tối hôm đó tôi thấy hạnh phúc đến nỗi cứ mong họ mời mình đến nhà lần nữa, song Hans

Hansen không hề mời lại.”

Con chó bị xích ngoài sân lại cất tiếng sủa. Lúc này Ka nhận ra vẻ sầu muộn trên mặt Kadife, còn Lam thì lộ vẻ khinh bỉ.

“Nhiều lần tôi nghĩ đến chuyện gọi điện cho họ,” Ka bướng bỉnh nói tiếp. “Đôi khi tôi tưởng Hans Hansen gọi điện đến để mời tôi ăn tối nhưng không gặp tôi, lúc đó tôi sốt ruột chỉ muốn ra khỏi thư viện để chạy về nhà. Tôi ước gì được thấy lại tất cả: tấm gương đẹp ở mắc áo, bộ ghế bành mà tôi đã quên chúng có màu gì - vàng chanh thì phải, câu hỏi của họ: 'Thế này được chưa ạ?' khi cắt bánh mì trên một tấm thớt trên bàn (anh biết đấy, người Âu ăn ít bánh mì hơn dân mình), phong cảnh vùng núi Alps trên bức tường không treo thập tự. Để được ngồi đó lần nữa tôi sẵn sàng đánh đổi bất cứ gì.”

Ka thấy Lam nhìn mình với vẻ kinh tởm không giấu giếm.

“Ba tháng sau, một người bạn đem tin mới từ Thổ Nhĩ Kỳ sang,” Ka kể tiếp. “Lấy có kể cho ông ấy biết về chuyện tra tấn tàn bạo, áp bức và theo dõi, tôi gọi điện cho Hans Hansen. Ông ấy lại chăm chú lắng nghe, lại rất chu đáo và lịch sự. Báo cũng đăng một tin ngắn. Chuyện tra tấn và chết chóc không hề khiến tôi bận tâm. Tôi muốn ông ấy gọi điện. Nhưng ông ấy chẳng gọi lần nào. Nhiều lúc tôi tính gửi cho ông ấy một bức thư: 'Tôi làm gì không phải mà ông không gọi điện cho tôi lần nữa?'”

Ka làm ra vẻ mỉm cười, nhưng Lam trông càng thêm khó chịu.

“Giờ thì ông có cơ để gọi điện cho hắn rồi đấy,” anh ta giễu cợt.

“Nhưng để đăng tin ấy lên báo Đức thì ta phải tuân theo tiêu chuẩn Đức và viết một bản tuyên bố chung.”

“Ai sẽ là người Kurd dân tộc chủ nghĩa và người cộng sản theo tư tưởng tự do để tôi cùng thảo bản tuyên-bố đây?”

“Nếu anh sợ đó là cảnh sát thì tự anh đề nghị tên tuổi cụ thể đi”, Ka nói.

“Có rất nhiều thanh niên người Kurd căm phẫn vì những gì xảy ra với các bạn họ ở trường tôn giáo. Trong mắt một phóng viên phương Tây dĩ nhiên một người Kurd theo chủ nghĩa dân tộc vô thần có giá trị hơn một người Kurd theo chủ nghĩa dân tộc là tín đồ Hồi giáo chính trị. Trong tuyên bố này, một sinh viên trẻ có thể đại diện cho người Kurd.”

“Được, anh kiểm người sinh viên ấy đi,” Ka nói. “Tôi có thể bảo đảm là tờ *Frankfurter Rundschau* sẽ chấp thuận.

“Tất nhiên, trong chúng ta thì ông đại diện cho phương Tây, bất kể chuyện gì xảy ra,” Lam nhạo báng.

Ka lờ đi. “Còn ông Turgut Bey thích hợp nhất cho vai trò người cựu cộng sản tân dân chủ.”

“Bố tôi ư?” Kadife lo lắng hỏi. Khi Ka gật đầu, cô nhắc nhở là bố cô nhất định không ra khỏi nhà. Bây giờ tất cả cùng lên tiếng.

Lam cố giải thích rằng, giống như tất cả những người cộng sản cũ, Turgut Bey không thể là người dân chủ được; nhất định ông ta chào đón cuộc đảo chính quân sự đã làm giới Hồi giáo chính trị khiếp sợ, và ông ta - vốn tính ngạo nghễ - giả bộ phản đối chỉ để không làm vấy bẩn danh tiếng phái tả của mình thôi.

“Bố em không phải người duy nhất giả bộ!” Kadife nói.

Qua giọng run rẩy của Kadife và ánh phần nộ vừa bùng lên trong mắt Lam, Ka lập tức nhận ra hai người đang đứng trước ngưỡng một trận cãi vã thường xảy ra, ông cũng ý thức được rằng nỗ lực che giấu sự xung khắc ấy của họ trước mắt người lạ - như thường thấy ở những đôi lứa một mối vì cãi vã - đã nguội lạnh rồi. Ka nhận thấy ở Kadife quyết tâm phải nói lời kết bằng được, giống những phụ nữ kém được chăm chút mà vẫn hết lòng si mê, còn ở Lam là sự âu yếm đặc biệt trộn lẫn với vẻ kiêu căng. Nhưng đột ngột mắt Lam ánh lên vẻ cả quyết.

“Như tất cả những kẻ trưng diễn vô thần và những trí thức phái tả mê muội châu Âu, bố em thực ra cũng chỉ là một người giả bộ và khinh rẻ quần chúng!” Lam tuyên bố.

Kadife vớ cái gạt tàn có chữ “Ersin Elektrik” và quăng về phía Lam. Nhưng cô không nhằm kỹ, cũng có thể chủ ý: cái gạt tàn bay trúng bức tranh Venice trên tường và rơi xuống hầu như không tiếng động.

“Thêm vào đó, bố em nhắm mắt chấp nhận con gái mình làm người tình vụng trộm của một tên Hồi giáo chính trị cực đoan,” Lam nói thêm.

Kadife giơ hai tay dấm khe khẽ lên vai Lam và khóc òa lên.

Lam dắt cô ra chiếc ghế đầu gần đấy, hai người nói với nhau với giọng điệu bộ, thiếu chút nữa thì Ka tin rằng họ diễn trò nhằm gây ấn tượng với ông.

“Anh phải cải chính những lời vừa nói!” Kadife nhùng nhèo.

“Anh cải chính,” giọng Lam như đổ dành một đứa trẻ khóc nhe. Để chứng minh điều đó, anh sẵn sàng cùng bố em ký xuống dưới bản tuyên bố mà không cần để tâm chuyện bố em suốt ngày kể những chuyện tiểu lâm báng bố. Nhưng anh không đến khách sạn nhà em, vì có thể đó là một cái bẫy do đại diện của Hans Hansen đã giăng ra,” anh ta mỉm cười với Ka, “Em hiểu chứ, em yêu?”

“Còn bố em không thể rời khách sạn,” Kadife nói với giọng một con bé hỗn hào khiến Ka sửng sốt. Bố em không chịu nổi cảnh rách rưới ở Kars.”

“Kadife ạ, cô hãy cố thuyết phục bố cô ra khỏi nhà,” Ka nhắc nhở với giọng nghiêm trang mà ông chưa bao giờ nói trước mặt cô cả. “Tuyệt đã che phủ hết cả cảnh rách rưới rồi mà.” Ông nhìn thẳng vào mắt Kadife.

Lần này thì Kadife hiểu. “Được,” cô nói. “Nhưng trước khi bố tôi rời khách sạn thì phải thuyết phục để ông cụ thuận lòng cùng một tín đồ Hồi giáo chính trị và người Kurd dân tộc chủ nghĩa ký xuống dưới bài viết. Ai làm việc đó bây giờ?”

“Tôi sẽ làm,” Ka nói, “và cô giúp tôi.”

“Mọi người gặp nhau ở đâu?” Kadife hỏi. “Nếu vì cái trò ngớ ngẩn này mà người ta bắt ông bố tội nghiệp của tôi và tống ông vào tù lần nữa ở tuổi này...”

“Sao lại trò ngớ ngẩn?” Lam nói. “Nếu báo chí châu Âu đăng một hai tin thì Ankara sẽ nói đôi điều với đám ở đây, để chúng phải chùn tay một chút.”

“Đối với anh thì chuyện báo chí châu Âu đăng một, hai tin không quan trọng bằng tên anh được công bố trên báo Thổ,” Kadife trả miếng.

Thấy Lam vẫn đáp lại được bằng một nụ cười thông cảm và ngọt ngào, Ka lấy làm thán phục anh ta. Giờ thì ông mới hiểu ra rằng nếu tuyên bố đó xuất hiện trên tờ *Frankfurter Rundschau* thì những tờ báo Hồi giáo lật vạt ở Istanbul sẽ dịch lại nó và thổi phồng lên với lòng tự hào. Có nghĩa là Lam sẽ nổi danh toàn Thổ Nhĩ Kỳ. Họ im lặng hồi lâu. Kadife lấy một chiếc khăn tay lau mắt. Ka có cảm giác là đôi tình nhân này sẽ cãi lộn khi ông ra khỏi phòng, sau đó sẽ ngủ với nhau. Họ có muốn ông biến khỏi đây càng nhanh càng tốt không? Cao tít trên kia có chiếc phi cơ bay qua. Tất cả ngược mắt nhìn lên khoảng trời hiện qua ô cửa sổ bên trên và lắng tai nghe.

“Bình thường chẳng bao giờ thấy phi cơ bay qua đây cả.” Kadife nói.

“Có gì đó bất thường.” Lam giải thích và tự cười nổi ngờ vực của mình. Khi thấy Ka cũng cười theo thì anh lại chuyển sang cau có.

“Người ta nói nhà nước sẽ không chịu thừa nhận ngay cả khi nhiệt độ xuống nhiều hơn âm hai mươi độ,” Ka nói.

Lam nhìn Ka đầy thách thức.

“Em ước gì có được cuộc sống bình thường.” Kadife nói.

“Em đã từ bỏ cuộc sống tư sản bình thường.” Lam nói. “Chính điều đó đã biến em thành một người đặc biệt...”

“Em không muốn là cái gì đặc biệt cả. Em muốn như mọi người. Giả sử không xảy ra đảo chính thì có lẽ em sẽ bỏ khăn trùm đầu và giống như những người khác.”

“Ở đây ai cũng trùm đầu cả,” Lam trả lời.

“Không đúng. Đa số phụ nữ xung quanh em có chút ít học thức đều không trùm khăn. Còn nếu để giống như tất cả và chỉ làm một người trong đám đông thì em đã tương đối cách xa chúng bạn chỉ vì đội khăn trùm đầu. Hành vi đó có chút gì ngạo mạn và làm em không thích.”

“Vậy thì mai em bỏ khăn ra vậy,” Lam nói. “Nhưng mọi người sẽ coi đó là thắng lợi của vụ đảo chính quân sự.”

“Tất cả đều biết rằng em không như anh, chỉ chăm chăm suy tính xem mọi người nghĩ gì,” mặt Kadife đỏ lên vì hiểu lầm.

Đáp lại Lam vẫn mỉm cười ngọt ngào, song Ka nhận ra lần này anh ta phải vận hết ý chí để làm việc ấy và Lam biết rằng Ka nhận ra. Điều đó đưa hai người đàn ông tới chỗ không còn có thể chia sẻ nổi, đồng thời cũng đẩy Ka tới ngưỡng cửa trước thế giới riêng tư của Lam và Kadife. Ka cảm thấy trong khi Kadife phản biện Lam với giọng khá bức bối, đồng thời ẩn chứa một khao khát ngấm ngầm, thì thực ra cô đang cố tình vén bức màn che bí mật riêng tư của họ, xúc phạm anh ta đúng vào điểm yếu nhất và đưa Ka vào vị trí mắc tội vì đồng phạm. Có sao đúng lúc ấy ông lại nhớ ra những bức thư tình của Necip gửi cho Kadife mà từ hôm qua ông vẫn đem theo trong túi?

“Không có phụ nữ nào bị xử tệ hay bị đuổi khỏi trường được xuất hiện với danh tính trên mặt báo cả,” Kadife nói tiếp, vẫn với giọng dữ dội như thế. “Thay vì những phụ nữ bị đẩy ra ngoài lề cuộc sống vì chiếc khăn trùm đầu, báo chí đăng ảnh đám tén đồ Hồi giáo ngốc nghếch tỉnh lẻ đứng ra tuyên ngôn nhân danh họ. Phụ nữ Hồi giáo chỉ xuất hiện khi tình cờ có chồng là thị trưởng hay tương tự, khi bà ta đứng cạnh chồng trong ngày lễ. Vậy nên nếu những tờ báo ấy nêu tên em thì em cũng chẳng vì đó mà phiền. Thực ra em thương hại những người đàn ông

trầy trật kiểm cách tự trung diễn mình, trong khi phụ nữ chúng em phải khổ sở để giữ gìn cái riêng tư của mình. Vì vậy quan điểm của em là phải viết về các cô gái tự sát. Ngoài ra em cảm thấy mình cũng có quyền chuyển đến Hans Hansen một bản tuyên bố.”

“Được thế thì hay quá,” Ka bật ra. “Chị sẽ ký tên là đại diện cho những phụ nữ Hồi giáo đấu tranh cho nữ quyền.”

“Tôi chẳng muốn đại diện ai cả.” Kadife nói. “Tôi chỉ muốn xuất hiện trước mắt người châu Âu với câu chuyện riêng của mình, thế thôi, với mọi tội lỗi và khiếm khuyết của mình. Đôi khi người ta đơn giản muốn kể tất cả, kể hết chuyện riêng của mình cho một người mà người ta không quen và biết chắc là không bao giờ gặp lại nữa... ông biết đấy, trong nhiều tiểu thuyết châu Âu có chuyện như vậy, những sách tôi đã đọc hồi nhỏ. Tôi ước sao có vài người ở châu Âu đọc câu chuyện của tôi như vậy.”

Gần đó phát ra một tiếng nổ, khiến ngôi nhà và cửa kính rung động. Lam và Ka giật mình đứng bật dậy.

“Tôi ra ngoài xem có chuyện gì,” Kadife nói. Trong ba người cô tỏ ra bình tĩnh nhất.

Ka mở hé rèm cửa. “Người đánh xe đi mất rồi.” ông nói.

“Ông ấy ở lại đây thì nguy hiểm,” Lam nói. “Khi nào ông đi nhớ qua cửa ra sân.”

Ka nghĩ là anh ta nói câu đó để đề nghị mình đi khỏi đây, nhưng ông đợi và không dịch một bước. Mọi người bực bội nhìn nhau. Ka mừng tượng đến nỗi sợ trong những năm học đại học ngày xưa, khi ông đi qua hành lang tối và vắng vẻ bỗng gặp những sinh viên theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan mang vũ khí, nhưng ngày đó không có sự kích động nhục cảm bập bênh trong không khí như hôm nay.

“Có lẽ tôi hơi mắc chứng hoang tưởng.” Lam nói. “Nhưng không có nghĩa là ông không phải gián điệp phương Tây. Chẳng có gì khác, nếu ông biết mình không phải là gián điệp và cũng không có ý định làm gián điệp. Trong chúng tôi ông là người lạ. Nổi ngờ vực và những sở thích kỳ quái mà ông đánh thức dậy trong cô gái cực kỳ mộ đạo này đã chứng minh điều đó mặc dù ông không nhận ra. Ông đã tuyên án chúng tôi với ánh mắt phương Tây tự tôn của mình, có thể còn thêm chế cười chúng tôi nữa... Chuyện ấy không làm tôi phiền lòng, và có lẽ cũng không làm Kadife phiền lòng, nhưng với sự trong trắng của mình ông đã đẩy lời hứa hẹn hạnh phúc và quyền đòi chân lý theo lối phương Tây vào giữa hai chúng tôi. Tôi không giận ông vì thế, bởi vì như tất cả những người thiện tâm ông làm một điều ác mà không nhận ra. Nhưng sau khi tôi đã nói ra điều đó với ông thì kể từ nay ông không thể coi mình là vô tội được nữa đâu.”

**CAN ĐẢM LÊN, CON GÁI ƠI,
CỨU TRỢ TỪ KARS ĐANG ĐẾN!**

Ka vận động Turgut Bey tham gia bản tuyên bố

Ka ra khỏi nhà, đi qua sân tới khu thương mại mà không bị ai nhìn thấy. Ông vào cửa hàng bán tất, văn phòng phẩm và băng nhạc mà hôm qua đã nghe “Roberta” của Peppino di Capri vọng ra từ đó. Ông đưa thẳng bé có nước da nhợt nhạt và khuôn mặt cau có đứng sau quầy những bức thư Necip viết cho Kadife, từng tờ một, để sao chụp lại. Thế là bắt buộc phải mở các phong bì. Sau đó ông dán các bản chính vào những thiếp phong bì xám xịt rẻ tiền cùng loại, bắt thước nét chữ của Necip viết “Kadife Yildiz” lên trên.

Với hình ảnh Ipek trong tưởng tượng khiến ông sẵn sàng nói dối và đấu tranh cho hạnh phúc, Ka nhanh chân đi về khách sạn. Tuyết lại rơi những bông dày. Trên phố ông cảm thấy luồng dịch chuyển bất an như mọi buổi chiều muộn khác. Ở góc đường bị các đồng tuyết dồn hẹp lại, nơi ngõ Lâu Đài cắt phố Halit Paşa, một chiếc xe chở than do con ngựa kiệt sức kéo đứng chắn ngang đường. Trên kính chắn gió cái xe tải đằng sau, đôi cần gạt nước khó khăn lắm mới giữ được tầm nhìn thoáng. Có gì buồn bã bàng lảng trong không khí như ông đã từng biết từ những buổi tối mùa đông nặng trĩu thời thơ ấu khi mọi người túm chặt túi nylon hối hả về nhà, về với niềm hạnh phúc cón con của họ.

Nhưng ông thấy trong mình một quyết tâm kiên định bắt đầu một cuộc đời mới. Ông lên phòng khách sạn, cất các bản sao thư của Necip xuống tận đáy túi du lịch. Rồi ông cởi áo choàng treo nó lên móc. Ông rửa tay một cách kỹ lưỡng hiếm thấy, đánh răng theo một hồi thúc nào đó từ bản năng (bình thường chỉ làm vào buổi tối) và nhìn rất lâu ra cửa sổ vì ông cảm giác sắp có một bài thơ đến với mình, ông tận hưởng hơi ẩm của lò sưởi dưới cửa sổ. Thay vì bài thơ, đến với tâm trí ông là hồi tưởng về mấy chuyện hồi nhỏ: “cái gã bắn thủ” đi theo hai mẹ con ông vào một buổi sáng mùa xuân khi họ ra phố Beyoğlu mua khuy áo... hình ảnh chiếc taxi ở Nişantaşı chở bố mẹ ông ra sân bay đi châu Âu khuất sau góc phố... buổi khiêu vũ mà ông đã nhảy hàng giờ liền với một cô gái cao lớn tóc dài có cặp mắt màu lá mạ mà ông làm quen trước đó trong một buổi liên hoan ở đảo Hoàng tử Büyükdada, để rồi mấy ngày sau đó quần ruột gan vì nhớ nhung mà không biết làm cách nào gặp lại... Chẳng có gì kết nối tất cả những hồi tưởng ấy cả, và Ka hiểu rõ rằng cuộc đời không khác gì một chuỗi sự kiện vô nghĩa và tầm thường không liên quan gì với nhau, trừ cảm giác đang yêu và hạnh phúc.

Ông xuống tầng dưới. Ka gõ cánh cửa trắng căn hộ của ông chủ khách sạn với vẻ cả quyết của một người muốn đến thăm từ mấy năm rồi và bình tĩnh đến mức chính mình cũng phải ngạc nhiên. Bà giúp việc người Kurd chào ông ở cửa, và ông có cảm giác điệu bộ của bà ta nửa như thông đồng nửa như kính cẩn không khác gì trong truyện của Turgenev. Ông bước vào căn phòng, nơi mọi người ngồi với nhau hôm qua, và nhìn thấy Turgut Bey ngồi cạnh Ipek trên chiếc ghế đệm dài trước ti vi, lưng ghế quay ra cửa.

“Kadife, ra đây đi, bắt đầu rồi!” Turgut Bey nói.

Trong ánh sáng nhợt nhạt của tuyết từ bên ngoài hắt vào, căn phòng lớn trần cao của ngôi nhà kiểu Nga hiện ra trước mắt Ka như một chốn khác hẳn hôm qua.

Hai bố con nhận ra người bước vào phòng là Ka và họ lúng túng một thoáng tựa như một đôi trai gái bị người lạ quấy quả trong phút riêng tư. Đồng thời Ka cũng nhận ra mắt Ipek sáng lên khiến ông rất sung sướng. Ông ngồi xuống chiếc ghế bành, từ đó thấy cả hai bố con họ và máy vô tuyến ngạc nhiên nhận thấy Ipek còn xinh đẹp hơn trong hồi ức của mình. Nỗi lo sợ của ông vì đó tăng lên, nhưng lập tức ông thuyết phục mình tin là rốt cuộc họ sẽ có hạnh phúc bên nhau.

“Bốn giờ chiều nào tôi cũng ngồi đây cùng các con gái xem “Marianna”, giọng Turgut Bey hơi

ngượng ngịu, nhưng cũng tỏ ý là ông chẳng việc gì phải giải trình gì về chuyện đó với ai cả.

Marianna là một bộ phim tâm lý xã hội nhiều tập Mexico được một kênh truyền hình lớn của Istanbul phát năm ngày mỗi tuần và rất được yêu thích trên toàn nước Thổ. Cô gái Marianna, nhân vật chính của phim có cặp mắt to xanh lá cây, mảnh dẻ, cởi mở và tràn đầy sinh lực. Mặc dù da rất trắng, Marianna là một cô gái nghèo thuộc tầng lớp dưới. Mỗi khi cô phải đấu tranh với một hoàn cảnh khó khăn, nào bị đổ tội oan, không được đáp lại tình yêu hay bị hiểu nhầm tai hại, khán giả lại nhớ đến tuổi thơ nghèo khổ cô đơn và mồ côi của cô gái có khuôn mặt thánh thiện và mái tóc dài; lúc đó Turgut Bey ôm lấy các cô con gái của ông đang rúc vào lòng ông như hai con mèo trên ghế đệm, và hai cô gái đã chã nước mắt trong khi dựa đầu vào vai hay ngực bố. Turgut Bey xấu hổ vì đã mủi lòng đến nhường ấy vì bộ phim suốt mướt này, do đó ông luôn miệng nhấn mạnh sự nghèo đói của Marianna và Mexico, nói rằng cô gái ấy đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản theo cách của mình, thỉnh thoảng lại kêu lên, “Can đảm lên, con gái ơi, cứu trợ từ Kars đang đến!” Còn hai cô con gái lặng lẽ mỉm cười, mắt ướt nhòa.

Khi phim bắt đầu, khoe miệng Ka nhếch một nụ cười.

Nhưng gặp ánh mắt của Ipek thì Ka biết ngay rằng cô không hài lòng; ông nghiêm chỉnh mặt mày trở lại.

Ở đoạn quảng cáo đầu tiên, Ka khẩn trương và tự tin hướng cuộc chuyện trò đến bản tuyên bố chung. Ông nhanh chóng khơi được sự chú ý của Turgut Bey. Đặc biệt là Turgut Bey vui mừng khi được người ta coi trọng đến mức ấy. Ông ta hỏi ai là người có ý tưởng này, và vì sao người ta nghĩ đến ông.

Ka nói do nhận thức giác ngộ khi nói chuyện với các nhà báo dân chủ ở Đức mà ông đi đến quyết định này. Turgut Bey hỏi số lượng phát hành của *Frankfurter Rundschau*, và có phải Hans Hansen tự gọi mình là một người theo “tư tưởng nhân văn”. Để chuẩn bị tinh thần cho ông, Ka miêu tả Lam là một người Hồi giáo chính trị nguy hiểm, song đã nhận ra tầm quan trọng của dân chủ. Nhưng người đối thoại với ông không bắt vào mạch ấy mà chỉ nói nghèo khổ khiến người ta tìm đến tôn giáo như một nơi trú ẩn, ông nhắc lại là tuy ông không tin tưởng nhưng vẫn coi trọng con đường của con gái và các bạn của nó. Cũng trên tinh thần đó, ông tôn trọng các thanh niên người Kurd theo chủ nghĩa dân tộc ở Kars - bất kể họ là ai - và cho biết nếu hôm nay còn trai tráng và sống ở Kars thì ông cũng sẽ là một người Kurd theo chủ nghĩa dân tộc. Ông xử sự như trong những phút phấn khích cổ xúy Marianna. “Nói công khai trước cả thiên hạ thì không được, nhưng quả tình tôi phản đối đảo chính quân sự.” Ông xúc động nói. Ka vỗ về ông bằng cách cam đoan rằng bản tuyên bố này sẽ không xuất hiện ở Thổ Nhĩ Kỳ, nói thêm rằng để tránh nguy hiểm, cuộc gặp gỡ chỉ có thể thể diễn ra tại một căn phòng tồi tàn ở tầng trên của khách sạn Châu Á, người ta có thể đến đó mà không bị ai nhìn thấy, nếu ra khỏi cửa sau dãy cửa hàng và đi qua cửa sau nhà hàng bên cạnh ở phía bên kia sân.

“Phải cho thế giới biết là ở Thổ Nhĩ Kỳ có những người dân chủ chân chính,” Turgut Bey nói. Vì phim sắp chiếu tiếp, ông vội nói thật nhanh ý kiến của mình. Ông nhìn đồng hồ trước khi Marianna xuất hiện trở lại trên màn hình: “Kadife đâu rồi nhỉ?”

Sau đó Ka im lặng cùng hai bố con xem bộ phim sến.

Trong một cảnh, Marianna và người yêu cùng đi lên một cầu thang, và khi chắc chắn là không có ai nhìn thấy, cô ôm anh. Họ không hôn nhau, nhưng điều họ làm còn khiến Ka ấn tượng hơn: họ ôm chặt nhau đến ngạt thở. Trong sự im lặng kéo dài, Ka ý thức được rằng tại giây phút đó cả thành phố Kars đều đang chăm chú theo dõi, các ông chồng và vợ họ vừa đi chợ về, từ nữ sinh đến các cụ hưu trí. Ông biết rằng không chỉ những đường phố buồn thảm của Kars mà cả Thổ Nhĩ Kỳ đang sạch bóng người vì bộ phim này. Và vì sự ngu ngốc của chính mình, vì sĩ diện tri thức của mình, vì hoạt động chính trị và thói vênh vao văn hóa của mình mà ông đã rơi vào

một trạng thái sống mòn mỏi, đánh mất những cảm xúc như bộ phim này đang gọi ra trong ông. Ông tin chắc rằng cả Lam và Kadife sau khi ngủ với nhau cũng lui vào một góc và âu yếm ôm nhau xem Marianna.

Khi Marianna nói với người yêu: “Cả đời em chỉ đợi đến ngày hôm nay”, Ka nghĩ bụng, chắc không phải tình cờ mà những lời ấy phản ánh gan ruột của chính mình. Ông cố nhìn vào mắt Ipek. Cô đang dựa đầu vào ngực bố, hướng cặp mắt to nhòa đi vì nhớ nhung và yêu đương tới màn hình, thả tâm hồn trôi theo những lạc thú và cảm tình mà bộ phim đánh thức dậy trong cô.

“Tuy vậy anh vẫn rất lo,” chàng người tình điển trai râu nhẵn nhụi của Marianna nói. “Gia đình anh sẽ không cho phép chúng ta đến với nhau.” “Chùng nào chúng trình yêu nhau thì chẳng có gì đáng phải sợ cả” Marianna lạc quan trả lời.

“Con gái ơi, chính thằng cha này là kẻ thù thực sự của con đấy.” Turgut Bey chêm vào.

“Em mong anh yêu em mà không phải sợ hãi gì.” Marianna nói.

Ka vẫn kiên tâm nhìn về hướng Ipek, và rốt cuộc đã bắt được ánh mắt cô một thoáng, song cô lập tức quay đi. Lúc đến đoạn quảng cáo, cô nói với bố: “Bố ơi, theo con thì đến khách sạn Châu Á sẽ nguy hiểm cho bố đấy.”

“Con đừng lo,” Turgut Bey nói.

“Nhiều năm nay bố vẫn nói là ở Kars rất nguy hiểm khi đi ra đường.”

“Đúng vậy, nhưng nếu bố không ra chỗ hẹn thì đó phải là vì nguyên tắc, không phải vì sợ.” Turgut Bey nói. Rồi ông quay sang Ka, “Vấn đề đặt ra ở đây: là một người cộng sản, một người ủng hộ thời mới, một người yêu nước thể tục và dân chủ, trước hết tôi nên gửi niềm tin vào sự khai sáng hay vào ý chí của nhân dân? Nếu tôi chủ yếu tin vào sự khai sáng và Tây hóa thì tôi phải ủng hộ cuộc đảo chính quân sự chống lại phe Hồi giáo chính trị. Ngược lại, khi ý chí của nhân dân nhất quyết phải chiếm ưu thế và tôi đã trở thành một người dân chủ không khoan nhượng thì tôi phải đi ký vào bản tuyên bố này. Ông nghĩ sao?”

“Ông hãy đứng về phía những kẻ bị áp bức, ông đi ký vào lời kêu gọi đi!” Ka nói.

“Chỉ bị áp bức thôi chưa đủ; người ta phải có chính nghĩa nữa. Nhiều kẻ bị áp bức té ra lại phi nghĩa một cách lỗ bịch. Chúng ta nên tin vào đâu, ông nói xem?”

“Anh ấy có tin vào cái gì đâu.” Ipek nói.

“Ai cũng tin vào cái gì đó.” Turgut Bey nói. “Xin ông hãy trình bày ý nghĩ của mình!”

Ka cố giải thích rằng Kars sẽ được dân chủ hơn nếu Turgut Bey ký tên vào bản tuyên bố. Ông rối trí và chợt có cảm giác rằng khả năng Ipek cùng ông tới Frankfurt không lớn, thêm nữa, ông sợ không thuyết phục nổi Turgut Bey rời khỏi khách sạn. Ông cảm thấy trong mình sự khoáng đạt ngất ngây khi nói ra những điều mà bản thân mình không tin. Trong lúc ông lải nhải những lời tán dương bản tuyên bố, nền dân chủ và quyền con người mà ai cũng thuộc lòng thì ông nhận thấy một tia sáng trong mắt Ipek, nó cho ông thấy rằng cô không tin lời ông chút nào. Nhưng đó không phải là ánh mắt quở trách hay mang tính răn dạy, mà ngược lại, nó mang màu sắc khiêu khích: em biết mà, anh nói ra những lời dối trá ấy vì anh muốn có em. Ka nhận ra rằng, sau tầm quan trọng của những cảm xúc từ bộ phim suốt mướt, ông đã phát hiện ra một thực tế đầy ý nghĩa nữa mà ông chưa bao giờ hiểu nổi: có một số phụ nữ thấy hấp dẫn nhất là những người đàn ông chẳng nghĩ đến gì khác ngoài tình yêu... Quá phần khích bởi phát kiến

mới mẻ ấy, ông diễn thuyết một tràng về nhân quyền, dân chủ và những đề tài tương tự.

Ông nói ra những câu về nhân quyền đã bị đám trí thức châu Âu, ngu độn đi bởi thiên chí cực đoan, biến thành một thứ vỏ suông, cũng như bị những kẻ a dua ở Thổ nhai đi nhai lại. Trong khi nói, ông nhìn qua Ipek tìm kiếm sự nồn nóng của mình phản chiếu lại trong mắt cô và hùng hực với ý nghĩ sắp được ngủ với cô.

“Ông nói đúng.” Turgut Bey nói khi đoạn quảng cáo vừa hết. “Kadife đi đâu vậy nhỉ?”

Trong khi bộ phim tiếp diễn. Turgut Bey trở nên căng thẳng; ông muốn tới khách sạn Châu Á, đồng thời cũng sợ đến đó. Trong lúc mọi người xem tiếp Marianna, với vẻ tiếc nuối của một ông già đắm chìm trong tưởng tượng và hồi ức ông kể về những chuyện chính trị thời thanh niên, về nỗi sợ hãi bị vào tù, và trách nhiệm của con người. Ka nhận ra rằng một mặt Ipek oán trách ông đã làm Turgut Bey sợ hãi, mặt khác cô cảm phục ông đã thuyết phục được bố cô. Ông hoàn toàn không phiền lòng khi cô không nhìn ông, cũng chẳng bực mình khi cô ôm bố khi hết phim và nói: “Bố không nhất thiết phải đi. Bố đã chịu đựng vì người khác đủ rồi.”

Ka thấy mặt Ipek tối lại, nhưng ông lại thấy trong đầu mình xuất hiện một bài thơ mới tươi vui. Ông lặng lẽ ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh cửa vào bếp, nơi Zahide Hanım đã ngồi và nhỏ lệ khi xem Marianna, và ung dung chép bài thơ.

Ka viết xong bài thơ mà mãi sau này ông đặt nhan đề tương đối mỉa mai “*Tôi sẽ có hạnh phúc*”, đúng lúc Kadife nhanh nhẹn tiến vào phòng, nhưng cô không nhìn thấy ông. Turgut Bey đứng dậy ôm hôn cô và hỏi đi đâu về mà tay lạnh vậy. Mấy giọt nước mắt trào ra từ mắt ông. Kadife nói, cô ở chỗ Hande. Cô ở đó quá lâu và do không muốn bỏ qua phim Marianna nên cô đã xem đến hết chương trình. “Thế cô bé của chúng ta ra sao?” Turgut Bey hỏi (ông ám chỉ Marianna) song thay vì đợi câu trả lời của Kadife ông chuyển ngay đề tài đang đề nặng lên hiện tại của ông, nhắc lại tóm tắt những gì vừa nghe Ka kể.

Kadife không chỉ xử sự như lần đầu tiên được nghe thấy chuyện này mà còn ra vẻ rất ngạc nhiên khi thấy Ka ở đây. “Rất hân hạnh được gặp ông,” cô nói và bắt đầu trùm khăn lên tóc, song lại cứ để khăn hờ hững như thế mà ngồi xuống trước ti vi và đưa ra mấy lời khuyên cho bố. Vẻ ngạc nhiên của Kadife đáng tin đến nỗi Ka cho rằng cô ta cũng diễn trước mặt bố trong khi thuyết phục ông ta đến chỗ hẹn và ký vào bản tuyên bố. Vì Lam cũng muốn in bản tuyên bố ở nước ngoài nên mỗi nghi ngại ấy có thể có lý do, nhưng qua nỗi sợ hãi hiện ra trên mặt Ipek, Ka cảm thấy còn một lý do khác nữa. Con sẽ cùng bố đến khách sạn, bố ạ!” Kadife nói.

“Bố hoàn toàn không muốn con vì bố mà gặp rắc rối không cần thiết”. Turgut Bey đáp với cử chỉ cao quý mà họ đã thấy trong bộ phim họ vừa cùng xem và các tiểu thuyết ngày xưa họ cùng đọc.

“Bố ạ, biết đâu sẽ nguy hiểm cho bố một cách không cần thiết nếu bố bập vào chuyện này.” Ipek nói.

Ka cảm thấy trong khi chuyện trò với bố Ipek cũng muốn nói điều đó với mình, cô cũng nói nước đôi như mọi người trong phòng này, và cô nhấn mạnh ý nghĩa nước đôi ấy bằng cách lúc thì quay đi, lúc lại nhìn sang ông. Mãi về sau này ông sẽ ngộ ra rằng tất cả mọi người mà ông đã gặp ở Kars - ngoài Necip - đều nói nước đôi theo bản năng kiểu đó, để rồi ông tự hỏi liệu điều đó có liên quan đến sự nghèo đói, sợ hãi, cô quạnh hay đơn điệu của cuộc sống ở đây. Ka thấy như có vẻ Ipek thách thức mình khi cô bảo “Bố ơi đừng đi!” và Kadife như đang kể về quan hệ của cô với Lam khi nói đến bản tuyên bố và sự đồng cảm giữa cô và bố.

Vậy là ông bắt tay vào cái mà sau này ông sẽ gọi là “Diễn từ nước đôi nhất trong đời tôi”. Ông cảm nhận rõ rệt là mình sẽ không bao giờ ngủ được với Ipek nếu bây giờ không thuyết phục

nổi Turgut Bey rời khỏi khách sạn. Ông cũng đọc được điều đó trong ánh mắt thách thức của Ipek và tin chắc rằng đây là cơ hội cuối cùng trong đời để tìm thấy hạnh phúc. Ông hiểu ngay ra khi bắt đầu nói, rằng những câu chữ và ý nghĩ cần thiết nhằm thuyết phục Turgut Bey cũng là câu chữ và ý nghĩ từng làm cuộc đời ông trở nên phiêu bạt. Điều đó đánh thức trong ông nguyện vọng trả thù cho những lý tưởng phải trả thời thanh niên mà bây giờ ông đang quên đi một cách vô thức. Nhưng giữa lúc nói về hành động vì lợi ích chung, về trách nhiệm đối với tầng lớp nghèo khổ của đất nước, phụng sự công cuộc khai hóa văn minh và thể hiện một tình đoàn kết lật đổ bạo tàn, dù bản thân hành động đó có vẻ vô cùng bé nhỏ, tất cả chỉ nhằm thuyết phục Turgut Bey ra khỏi khách sạn. Ông chợt thấy lời mình không hẳn hoàn toàn không chân thực. Ông nhớ đến sự hưng phấn phải trả của mình thời thanh xuân, đến quyết tâm không trở thành một tên tư sản Thổ Nhĩ Kỳ khốn kiếp như những người khác, đến khát vọng được sống giữa những sách vở và lý tưởng. Thế là ông nhắc lại trước Turgut Bey những xác tín của mình với tất cả nhiệt tình của tuổi hai mươi, hồi mẹ ông rất có lý khi muốn ngăn cản con trở thành thi sĩ. Đó chính là những xác tín đã làm bà buồn khổ, làm tan nát cả cuộc đời ông và rồi cuộc đẩy ông vào cuộc sống lưu vong trong một ổ chuột ở Frankfurt. Vừa nói ông vừa cảm thấy những câu chữ mãnh liệt kia chẳng qua là để nói với Ipek rằng: “Anh muốn ngủ với em một cách mãnh liệt như thế đấy.” Ông tin rằng, những luận điệu phải trả làm nhằm ấy từng phá hỏng cả cuộc đời mình, song cuối cùng thì cũng đem lại kết cục tử tế là nhờ vậy ông được ngủ với Ipek, vào đúng thời điểm mà ông chẳng còn tin vào chúng nữa, thay vào đó ông nhận ra rằng hạnh phúc lớn nhất trong đời là có một cô gái xinh đẹp thông minh trong vòng tay và ngồi làm thơ trong xó nhà.

Turgut Bey nói, ông sẽ đến chỗ hẹn ở khách sạn Châu Á “ngay lập tức”. Ông lui vào phòng mình cùng Kadife để mặc quần áo và chuẩn bị đi. Ka lại gần Ipek đang ngồi ở chỗ ban nãy xem ti vi với bố. Cô vẫn ngồi đó, tựa như đang dựa vào bố. “Anh đợi em trên phòng,” Ka thì thào.

“Anh có yêu em không?” Ipek hỏi.

“Yêu vô cùng!”

“Thật chứ?”

“Thật vô cùng!” Họ giữ yên lặng một hồi lâu. Ka dõi theo ánh mắt Ipek và ngó ra cửa sổ. Tuyết lại bắt đầu rơi. Cột đèn trước khách sạn đã bật sáng; và mặc dù ánh đèn chiếu vào những bóng tuyết to tướng thì vẫn có cảm giác là nó thấy sáng vô ích, vì bóng tối vẫn chưa buông hẳn xuống.

“Anh lên phòng anh đi! Khi mọi người đi khỏi thì em lên.” Ipek nói.

KHÁC BIỆT GIỮA TÌNH YÊU VÀ SỰ KHỔ Ẻ CỦA ĐỢI CHỜ

Ka và Ipek trong phòng khách sạn

Song Ipek không đến ngay. Chờ đợi quả là khổ ải, khổ ải cùng cực nhất mà Ka từng nếm trải. Ông nhớ rằng mình đã sợ yêu chính vì nỗi đau hủy hoại ấy. Khi lên đến phòng, trước tiên ông lăn ra giường song lại bật dậy ngay, chỉnh đốn lại trang phục, rửa tay, cảm thấy môi tái nhợt không còn giọt máu, tay run rẩy chải tóc rồi ngắm hình mình trong gương và lại vò tóc rối tung lên, rồi cuộc giật mình nhận ra là mới có vài giây trôi qua và ngó qua cửa sổ ra ngoài.

Trước hết phải nhìn thấy Turgut Bey và Kadife đi khỏi đã. Có thể họ đã đi mất trong khi ông ở trong buồng tắm chẳng. Nhưng nếu họ đi rồi thì Ipek phải lên đây rồi chứ? Có lẽ cô còn lẽ mề chắm lại phấn và nước hoa trong căn phòng mà tối qua ông đã thấy. Quả là một quyết định sai lầm khi phí hoài thời gian đáng lẽ để họ ở bên nhau! Cô không biết ông yêu cô đến chừng nào hay sao? Không có gì biện hộ nổi một nỗi đau như phải chờ đợi lúc này; khi Ipek đến, ông sẽ nói cho cô hay điều đó, nhưng liệu cô có đến không? Mỗi giây trôi qua là Ka càng tin rằng cô đã thay đổi chủ định trong phút cuối và không đến nữa.

Ông quan sát một chiếc xe ngựa tiến đến khách sạn. Kadife đỡ Turgut Bey, Zahide Hanim và Cavit từ quầy lễ tân giúp ông leo lên xe rồi kéo những tấm bạt phủ hai sườn xe. Nhưng chiếc xe không chuyển động, nó cứ đứng ì ra. Những bông tuyết dày trông như to hằn lên trong ánh đèn đường nhanh chóng phủ lên mái xe. Đối với Ka có vẻ như thời gian cũng chững lại làm ông như muốn phát điên lên. Vừa lúc Zahide chạy vội đến và đưa thứ gì đó vào trong xe mà Ka không nhìn thấy. Khi xe chuyển bánh, tim ông đập rộn lên.

Nhưng Ipek vẫn chưa chịu xuất hiện.

Có gì khác biệt giữa tình yêu và sự khổ ải của đợi chờ? Giống như tình yêu, sự khổ ải của đợi chờ bắt đầu ở đâu đó trong phần trên của dạ dày, tới chính giữa những cơ bụng, lan tỏa từ trung điểm này, chiếm lĩnh lồng ngực, đùi và trán ông, làm cả thân thể ông tê liệt. Ông lắng nghe tiếng động trong khách sạn và cố đoán xem Ipek hiện đang làm gì. Một người phụ nữ chạy ngang đường, trông chẳng giống Ipek nhưng lại làm ông tưởng là Ipek. Tuyết rơi đẹp xiết bao! Hồi còn bé người ta dẫn ông xuống nhà ăn của trường để tiêm thuốc, lúc xắn cao tay áo đứng xếp hàng đợi ở đó, ngửi mùi i-ốt và mỡ rán, bụng ông cũng quặn lên như vậy. Ông chỉ muốn chết quách đi. Ông muốn ở nhà, ở căn phòng tồi tàn của mình tại Frankfurt. Quả là một sai lầm khi trở về đây! Giờ thì ông không nghĩ ra nổi một bài thơ. Con đau khiến ông không nhìn được ra tuyết và đường phố trông trái. Mặc dù vậy đứng trước cửa sổ ấm áp cũng rất tuyệt, trong khi ngoài kia tuyết rơi; còn hơn là chết, vì nếu Ipek không tới thì ông có thể chết được.

Mất điện.

Ông cho đó là một dấu hiệu trời gửi đến. Rất có thể Ipek không đến vì cô biết trước sẽ bị cắt điện. Mắt ông sục sạo tìm thứ gì đó trên mặt phố phủ tuyết khả dĩ làm ông phân tán tư tưởng, một thứ khả dĩ giải thích tại sao Ipek vẫn chưa đến. Phía bên kia đường là một chiếc xe tải, có phải xe quân sự không? Không, một ảo ảnh, hệt như giọng người ngoài cầu thang. Chẳng ai đến cả. Ông lui xa cửa sổ, thả mình ngã ngửa xuống giường. Sức ép trong bụng nay đã biến thành cơn đau xé ruột, thành sự bất lực trộn lẫn hối hận. Ông tin mình đã sống cả một cuộc đời vô dụng, và ông sẽ chết ở đây trong bất hạnh và cô đơn. Ông sẽ không còn đủ sức để chui trở về cái hang chuột ở Frankfurt nữa. Cái gây cho ông nỗi đau sâu thẳm và giết chết ông không phải là niềm bất hạnh ghê gớm chừng ấy, mà do ông ngộ ra rằng nếu hành xử thông minh hơn chút nữa thì ông đã có một cuộc sống hạnh phúc hơn nhiều.

Và còn đáng sợ hơn: chẳng ma nào để ý đến niềm bất hạnh và cô đơn của ông cả. Nếu nhận ra điều ấy thì Ipek đã lên đây rồi. Giá mẹ ông thấy con trai trong tình cảnh này... có lẽ bà là người độc nhất trên thế gian này thật sự đau buồn vì ông, và chắc bà sẽ xoa đầu an ủi con trai. Ánh sáng nhàn nhạt của Kars chiếu qua ô kính cửa sổ có băng đóng quanh rìa, nó chuyển qua màu

cam khi lọt vào phòng. Nếu ông có quyền ra lệnh thì hãy cho tuyết tiếp tục rơi thêm vài ngày, vài tháng nữa. cho đến khi thành phố Kars chìm ngập trong tuyết và chẳng ai tìm thấy nó nữa, còn ông thì sẽ thiếp đi trên cái giường mà ông đang dang tay chân ra nằm, để rồi một sáng ban mai nắng ấm, sẽ thức dậy trong tuổi thơ ấu bên cạnh mẹ mình.

Có tiếng gõ cửa. Chắc nhân viên nhà bếp. Ka nghĩ bụng, nhưng ông bật dậy ra mở cửa và cảm nhận được sự hiện diện của Ipek trong bóng tối.

“Em ở đâu lâu vậy?”

“Em đến muộn à?” Nhưng tựa như Ka không nghe thấy gì. Lập tức ông ôm chầm lấy cô với tất cả sức mình, dúi đầu vào cổ cô, vùi mặt vào tóc cô và không động dậy nữa. Ông thấy mình hạnh phúc đến nỗi mọi khổ ải vì chờ đợi bỗng trở nên nhỏ bé đến tức cười. Tuy nhiên ông cũng đã chờ đợi đến bài hoải và không hưng phấn như mong đợi. Do đó ông than phiền và đòi Ipek giải thích tại sao cô đến muộn, dù hoàn toàn ý thức được đó là chuyện không nên. Nhưng Ipek nói là cô đã đến ngay sau khi bố cô rời khỏi nhà. À, cô còn vào bếp và dẫn Zahide một, hai việc làm cho buổi tối, song không thể lâu hơn một phút. Vậy nên cô không hề nghĩ là đã bắt Ka phải đợi. Giờ thì Ka có cảm tưởng ngay từ bước đầu trong quan hệ của họ, ông đã là người đòi hỏi hơn, dễ tổn thương hơn và do đó cũng kém thế hơn. Và nếu vì sợ lộ thế yếu ấy mà giấu đi những cực hình đã trải qua trong khi chờ đợi, ông vẫn còn lại sự bất ổn của mình. Chẳng lẽ ông không muốn như một người đang yêu, chia sẻ tất cả hay sao? Ngay lập tức ông kể hết cho Ipek nghe toàn bộ chuỗi ý nghĩ ấy, tựa như đó là một lời thú tội.

“Anh hãy quên hết mọi chuyện ấy đi.” Ipek nói. “Em đã đến đây để ngủ với anh.”

Họ hôn nhau và ngã xuống giường trong một cử động mềm mại làm Ka sung sướng. Đối với ông, sau nhiều năm không ngủ với một ai thì đây là một giây phút hạnh phúc thần tiên. Vì vậy ông không để mình chìm hẳn vào những khoái lạc xác thịt đang kinh qua mà vào những ý nghĩ về sự ngọt ngào của khoảnh khắc này. Như trong những trải nghiệm nhục cảm hồi mới lớn, ông nghĩ nhiều đến chuyện đang làm tình hơn là bản thân khoái cảm làm tình. Nhờ thế mà ban đầu ông không bị kích động quá mức. Đồng thời, trước cặp mắt nội tâm của ông lúc này hiện lên một vài chi tiết trong các bộ phim khiêu dâm mà lúc ở Frankfurt ông đã xem mê mết tạo ra một cảm giác thơ mộng bí hiểm vượt ra ngoài lý trí mà chính ông cũng không nhận thấy. Nhưng ông không cố tình tưởng tượng để kích động bản thân. Ngược lại, ông vui mừng vì đã tham gia vào những ảo cảnh tính giao vốn thường trực trong trí tưởng tượng của mình. Do vậy, sự phản chấn mãnh liệt của ông không do Ipek gây ra, mà do một người đàn bà trong tưởng tượng và do sự kỳ diệu đã đưa được ảo ảnh ấy vào giường mình. Mãi đến khi ông cởi tuột quần áo cô với một động tác khá thô bạo vung về thì ông mới ý thức được sự có mặt của cô. Bộ ngực cô đồ sộ, da cổ và vai mềm mại, tỏa một hương vị khó tả và lạ lẫm. Ông ngắm cô trong ánh sáng của tuyết lọt vào từ bên ngoài và đột nhiên thấy sợ ánh mắt sáng rực của cô. Cặp mắt ấy đầy tự tin, và Ka chỉ sợ khám phá ra rằng Ipek không dễ tổn thương như ông tưởng. Vì thế ông kéo tóc cô để cô đau đớn, và ông sung sướng tới mức còn kéo mạnh hơn, vì thế ông ép cô những tư thế giống như thước phim khiêu dâm đang chiếu trong đầu ông, và đụng chạm vào cô thô bạo hơn theo nhịp điệu của một bản nhạc bên trong vừa bản năng vừa nguyên thủy. Nhận thấy cô cũng thích thú với sự thô bạo của mình, cảm giác tung bừng trong ông biến thành âu yếm ruột thịt. Ông ôm cô đến ngạt thở, tựa như không chỉ định bảo vệ chính mình mà còn cả cô trước cảnh khốn cùng của thành phố Kars. Nhưng sau đó ông có cảm giác không nhận được phản ứng đủ nồng nàn và nương tay hơn, trong lúc một góc lý trí của ông giữ cho trò chơi xác thịt được điều hòa tinh tế không ngờ.

Nhưng những khi đầu óc ông lãng đãng đi xa thì ông lại quên đi, siết lấy cô gần như đe dọa và muốn làm cho cô đau đớn. Theo các ghi chép của Ka về cuộc gặp gỡ mây mưa này mà tôi tin rằng không được phép giấu độc giả thì tiếp đó sự nồng nhiệt của ông cũng được đáp lại, cả hai quên hết thế giới xung quanh. Vẫn như Ka ghi lại, đến hồi kết Ipek để thốt ra một tiếng kêu nào

nùng, và trong một cơn điên rồ pha lẫn kinh sợ thoáng qua Ka nghĩ rằng ngay từ đầu, căn phòng tận cùng khách sạn này chính là dành cho ông làm việc này. Khoái cảm khi đem lại đau đớn cho nhau giờ nhường chỗ cho nỗi cô đơn. Đường như hành lang hẻo lánh và căn phòng này đã tách rời khỏi khách sạn và trôi đến một khu phố Kars hẻo lánh tận cùng. Trong thành phố trống trải im lìm tới mức gọi đến ngày tận thế. Tuyết không ngừng rơi.

Họ nằm bên nhau trên giường một hồi lâu, không nói gì, mắt nhìn ra tuyết ngoài kia. Đôi khi Ka ngoảnh lại nhìn tuyết rơi cả trong mắt Ipek.

CÁI ANH ĐÁNH MẤT - KHÔNG CHỈ LÀ EM

Ở Frankfurt

Tôi đã đến thăm căn hộ nhỏ ở Frankfurt nơi Ka sống tám năm cuối đời mình, bốn năm sau khi ông từ Kars quay về và bốn mươi hai ngày kể từ khi ông mất. Đó là một ngày tháng Hai nhiều gió trồn lẫn mưa tuyết. Tôi từ Istanbul đến vào buổi sáng, và trong mắt tôi Frankfurt còn ảm đạm hơn nhiều so với những tấm bưu thiếp mà Ka gửi cho tôi từ mười sáu năm nay. Đường phố vắng tanh, ngoại trừ mấy chiếc ô tô sẫm màu phóng qua, tàu điện hiện ra rồi biến đi như những bóng ma, và những bà nội trợ cầm ô tất tưởi. Bầu trời mây phủ tối sầm, mới giữa trưa đã phải bật đèn đường vàng ệch chết chóc.

Mặc dù vậy tôi vui mừng vì vẫn thấy trên vỉa hè xung quanh nhà ga trung tâm gần đó các quầy bán Kehab, phòng du lịch, quầy kem và cửa hàng bán đồ kích dục, dấu vết của năng lượng bất tử giữ mạch đập cho các đô thị lớn. Ổn định xong xuôi mọi thứ trong khách sạn tôi gọi điện cho một người bạn yêu văn chương người Đức gốc Thổ đã theo đề nghị của tôi gửi giấy mời tôi thuyết trình tại nhà cộng đồng Thổ. Tại tiệm cà phê Ý trong ga tôi gặp Tarkut Ölçün. Em gái Ka ở Istanbul đã cho tôi số điện thoại của ông. Một người đàn ông thiện chí, mệt mỏi, chừng sáu chục tuổi. Trong những năm Ka sống ở Frankfurt ông là người biết rõ Ka nhất. Trong vụ điều tra sau cái chết của Ka ông đã hỗ trợ cảnh sát với nhiều thông tin, gọi điện về Istanbul, lập đường dây liên lạc với gia đình Ka và giúp chuyển xác ông về Thổ. Khi đó tôi đang đi tìm bản thảo đánh máy của tập thơ Ka nói mình đã vất vả hoàn thành từ khi trở về Đức bốn năm về trước. Tôi đã hỏi bố và em gái Ka xử lý di vật của Ka ra sao. Do ngày đó họ không đủ sức sang Đức nên đã nhờ tôi thu thập hộ đồ đạc của Ka và thanh lý căn hộ.

Tarkut Ölçün là một trong những người nhập cư đầu tiên đến Đức hồi đầu thập kỷ sáu mươi. Ông đã nhiều năm phụ trách các khóa học và tư vấn ở các hiệp hội và tổ chức hỗ trợ Thổ. Ông có hai người con để ở Đức, một trai một gái, chỉ cho tôi xem ảnh các con và tự hào khoe chứng học ở đại học tổng hợp. Trong cộng đồng Thổ ở Frankfurt ông có uy tín cao, nhưng trên nét mặt ông tôi đọc ra những nét cô đơn và nhấn nhục dễ thấy ở thế hệ nhập cư đầu tiên và những người tị nạn chính trị.

Trước tiên Tarkut Ölçün cho tôi xem chiếc túi du lịch nhỏ mà Ka mang theo bên người lúc bị bắn chết. Cảnh sát trao cho ông chiếc túi này sau khi bắt ký nhận. Tôi mở ngay ra và lục trong

túi, tìm thấy một bộ đồ ngủ Ka mua trước đây mười tám năm ở Nişantaşı, một chiếc áo len xanh lá cây, đồ cao râu, bàn chải răng, tất và đồ lót đã giặt sạch sẽ, tạp chí văn học của tôi gửi cho ông từ Istanbul, nhưng cuốn vở xanh chép thơ thì không.

Một lát sau, trong khi chúng tôi uống cà phê và quan sát hai người Thổ đứng tuổi vừa vui vẻ tán chuyện vừa lau sàn giữa đám đông xuôi ngược trong ga, Tarkut Ölçün nói: “Orhan Bey ạ, ông Ka bạn ông là một người cô đơn. Ở Frankfurt chẳng ai biết rõ ông ấy làm gì, chỉ có tôi biết chút ít.” Ông vẫn hứa kể hết cho tôi nghe những gì ông biết.

Đầu tiên chúng tôi đi dọc mặt tiền những nhà máy hàng trăm năm tuổi và các trại lính cũ để tới ngôi nhà gần phố Gutleut, nơi Ka sống tám năm cuối đời. Chúng tôi không gặp được bà chủ nhà để xin mở cửa ngôi nhà hướng mặt ra một quảng trường con con và sân chơi, cũng như mở cửa căn hộ của Ka. Trong lúc chúng tôi đứng trong mưa tuyết đợi cánh cửa tróc sơn mở ra, tôi quan sát tựa như những chốn đó là kỷ vật của chính mình - sân chơi nhỏ hoang phế, cửa hàng tạp phẩm ở góc phố và cửa kính tối om của một cửa hàng bán báo và rượu đằng xa xa mà Ka vẫn nhắc đến trong thư từ và mấy cuộc điện thoại hiếm hoi giữa hai chúng tôi (chứng bách hại cuồng khiến Ka không thích gọi điện về Thổ, luôn sợ có người nghe lén). Trên những chiếc đu và bập bênh, trên ghế băng mà Ka hay ngồi uống bia cùng các công nhân người Ý và Nam Tư vào những hôm nắng ấm, bây giờ là một lớp tuyết nhão dày hàng đốt tay.

Chúng tôi lần theo con phố mà trong những năm cuối Ka mỗi sáng vẫn đi đến thư viện thành phố và ra quảng trường ga. Như sở thích của Ka là hay thông thả đi giữa đám người tất bật vội vã chúng tôi bước vào ga và đi qua trung tâm thương mại ở tầng hầm, qua những cửa hàng bán đồ kích dục ở phố Kaiser, cửa hàng lưu niệm, hàng bánh ngọt và hiệu thuốc, đi theo đường tàu điện và đến Sở cảnh sát. Trong khi thỉnh thoảng chào những người Thổ hay người Kurd làm việc ở mấy quầy bán Döner, Kebab và rau quả. Tarkut Ölçün kể với tôi rằng tất cả bọn họ sáng nào cũng nói “Xin chào ông giáo sư!” với Ka trên đường đến thư viện. Sau đó ông chỉ cho tôi cửa hàng bách hóa lớn mà tôi đã hỏi thăm trước đó: Kaufhof. Tôi kể là Ka đã mua ở đây chiếc áo choàng mà ông mặc ở Kars, nhưng từ chối khi Tarkut Ölçün gợi ý đi vào cửa hàng. Thư viện thành phố của Frankfurt là một tòa nhà hiện đại và không có dấu ấn riêng. Khách ở đây cũng đặc trưng như mọi thư viện cùng loại: mấy bà nội trợ và hưu trí đến đây giết thời gian, người thất nghiệp, vài người Ả Rập và người Thổ, lũ học sinh rúc rích cười đùa trong khi làm bài về nhà và đám khách ruột không thể tránh khỏi ở những chốn như thế này: đám người béo phì, tàn tật dở hơi và thiếu năng trí tuệ. Một người trong số họ, còn rất trẻ, miệng rỏ dãi, ngược mắt lên khỏi cuốn truyện tranh đang xem và thè lưỡi ra với tôi. Tôi để người dẫn đường vốn thấy thiếu thoải mái giữa rừng sách lại trong quán giải khát ở tầng dưới, ra đến ngán thơ Anh và tìm tên người bạn tôi trên tờ phiếu in tên khách mượn ở trang cuối: Auden, Browning, Coleridge... Mỗi khi nhìn thấy chữ ký của Ka, mắt tôi lại ngấn nước khi nghĩ đến những giờ bạn tôi đã phung phí trong thư viện này. Tôi chấm dứt việc tra cứu vì nó làm tôi sầu muộn ghê gớm.

Chúng tôi im lặng đi theo đường cũ quay về. Ở đâu đó giữa phố Kaiser, trước một cửa hàng với biển tên quái đản “Trung tâm sex thế giới”, chúng tôi quẹo trái và đi tiếp một phố. Tôi đã nhận ra từ lâu là Tarkut Ölçün định chỉ cho tôi xem gì. Tim tôi đập thành thịch, mắt tôi lần lượt lướt trên khay cam và tỏi tây của cửa hàng rau quả, quan sát người ăn mày cụt một chân. Ánh đèn pha ô tô phản chiếu trong cửa kính khách sạn Eden, và giữa màu buổi tối xám chì đang buông xuống, là chữ K đèn tuýp tỏa ánh sáng hồng nổi bật.

“Đây”, Tarkut Ölçün nói, “vâng, đúng ở đây người ta đã tìm thấy xác Ka.” Mắt tôi dờ dẩn nhìn xuống vỉa hè ướt át. Hai đứa trẻ vừa chảnh chọe vừa lao ra từ cửa hàng rau, lúc chạy qua dẫm lên tấm đá lát đường ẩm ướt mà cơ thể Ka đổ vật lên sau khi bị trúng ba viên đạn. Đèn hậu màu đỏ của chiếc xe tải đứng đằng xa phản chiếu trên nền nhựa đường. Sau mấy phút quần quai đau đớn trên chính vỉa hè này. Ka đã chết trước khi xe cấp cứu kịp đến.

Tôi ngược mắt nhìn một lát khoảng trời mà Ka đã nhìn thấy trước khi nhắm mắt: một rẻo

trời hẹp giữa những ngôi nhà cũ kỹ tối tăm với quầy bán Döner, phòng du lịch, tiệm uốn tóc và quán bia ở tầng trệt, giữa những đường dây điện và cột đèn đường. Ka bị bắn chết lúc gần nửa đêm. Tarkut Ölcün cho tôi biết là vào giờ ấy thường có gái làm tiền thơ thẩn ở đây. Thực ra khu nhà thổ ở cách đó một phố về phía Bắc. Ở phố Kaiser, nhưng vào những đêm đông người, cuối tuần hay dịp hội chợ thì các cô gái tràn ra tận đây. “Người ta không tìm được gì cả,” ông nói khi thấy tôi nhìn quanh quẩn như kiểm dấu vết gì. “Mà cảnh sát Đức không như cảnh sát Thổ, họ làm việc tử tế.” Khi tôi hỏi han mấy cửa hiệu xung quanh đó, ông giúp tôi với sự đồng cảm chân thành. Các cô gái ở hiệu uốn tóc đều quên mặt và hỏi thăm sức khỏe ông, nhưng lúc xảy ra vụ án họ không ở cửa hiệu và cũng hoàn toàn không nghe nói gì về vụ ấy. “Các gia đình Thổ chỉ cho con gái học nghề làm đầu.” Ông nói với tôi khi ra đến ngoài đường. “Ở Frankfurt có hàng trăm phụ nữ Thổ làm thợ uốn tóc.” Những người Kurd ở cửa hàng rau thì biết quá rõ về vụ giết người và công tác điều tra của cảnh sát sau đó. Có thể vì vậy mà họ không mẫn mà lăm với chúng tôi. Có cậu bồi bàn thân thiện của quán Kebab Bayram đã dùng chính chiếc giẻ bẩn thấm mà hôm nay đang cầm trong tay để lau mặt bàn trắng nhựa hôm xảy ra vụ án. Cậu có nghe tiếng súng và sau khi đợi một chút thì chạy ra xem, cũng là người cuối cùng thấy Ka còn sống.

Sau khi ra khỏi quán Kebab chúng tôi đi nhanh qua một ngõ gần nhất và vào sân sau một ngôi nhà tối đèn. Tarkut Ölcün dẫn tôi đi xuống hai cầu thang, qua một cánh cửa và vào một căn nhà khổng lồ to như nhà để máy bay, rõ ràng đã từng được sử dụng làm kho. Thế giới ngầm này lan tỏa dưới ngôi nhà và chạy đến tận bên kia phố. Những tấm thảm trải dưới đất và một cộng đồng khoảng năm, sáu chục đàn ông đang tụ tập ở đây cầu kinh tối cho thấy ngôi nhà này được dùng làm nhà nguyện. Giống các phố ngầm ở Istanbul, bao xung quanh là các cửa hàng bán thịt tẩm tối. Tôi thấy một thợ kim hoàn có cái tủ kính không thêm tỏa sáng lấp lánh, một người bán rau quả lùn tịt, ngay cạnh đó là một người hàng thịt luôn tay bận bịu, một nhà buôn hàng tạp nham đang xem vô tuyến nhưng không ngừng tay bán xúc xích vòng. Bên tường là những thùng đựng nước quả đóng chai từ Thổ đem sang, mì và đồ hộp Thổ, một quầy bán sách tôn giáo, một quán cà phê còn đông hơn nhà nguyện và mịt mù khói thuốc. Những người đàn ông một nhọc tập trung xem phim Thổ trên ti vi, thỉnh thoảng một người đứng dậy đi ra máy nước nối từ một thùng chứa bằng nhựa bên lề để rửa tay theo nghi lễ. “Vào các buổi cầu nguyện ngày lễ và ngày nghỉ, trong phòng này có tới hai nghìn người,” Tarkut Ölcün nói. “Người ta đứng tràn ra cả cầu thang và ra đến sân.” Tôi mua một số *Truyền đạt* ở một trong những quầy sách báo tạp chí – dù chẳng biết để làm gì.

Sau đó chúng tôi vào một quán bia kiểu Munich cổ ở tầng trên nhà nguyện. “Nhà nguyện dưới đó của những người theo Süleyman.” Tarkut Ölcün nói và chỉ tay xuống nền. “Họ theo chủ nghĩa toàn thống, nhưng không dính dáng gì tới khủng bố cả. Họ không đại gây sự với nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ như phe ‘*Phù trợ dân tộc*’ hay ‘*Những con hổ Cemalettin*’.” Tuy nhiên, ánh mắt nghi ngại của tôi hay việc tôi lật trang trong *Truyền đạt* như thể đi tìm một chỉ dẫn nào đó khiến ông thấy bất ổn, và ông kể cho tôi nghe tất cả những gì biết được từ cảnh sát và báo chí về vụ sát hại Ka.

Bốn mươi hai ngày trước, vào lúc 23 giờ 30 ngày thứ Bảy đầu tiên trong năm. Ka quay về từ một buổi đọc thơ ở Hamburg mà ông có tham gia. Ngay sau chuyến tàu hỏa dài sáu tiếng, ông rời ga qua cửa phía Nam, và thay vì về ngay nhà mình ở phố Gutleut thì ông lại đi ngược lên phố Kaiser, lang thang hai mươi lăm phút ở đó trong đám đàn ông độc thân, khách du lịch, dân say rượu và gái làm tiền đợi khách, giữa các cửa hàng đồ kích dục còn mở cửa. Nửa tiếng sau, ông rẽ phải ở “Trung tâm sex thế giới” và bị bắn chết khi sang đến vỉa hè bên kia của phố Munich. Rất có thể ông định mua quýt ở cửa hàng Günzel Antalya trước khi về nhà, hiệu bán rau duy nhất ở Frankfurt mở đến nửa đêm. Người bán hàng nhớ là Ka hay tới đây mua quýt vào ban đêm. Cảnh sát ngờ vực khi người bán rau nói là anh ta không biết tí gì; anh ta bị tra khảo lấy cung đến giữa đêm nhưng không kết quả.

Cảnh sát không tìm ra được ai nhìn thấy kẻ bắn Ka. Cậu bồi bàn của quán Kebab Bayram có nghe tiếng súng nhưng do tiếng ti vi và khách khứa ồn ỉ nên không biết có mấy phát súng. Do

cửa kính của quán bia phía trên nhà nguyện đóng hơi nước nên không ai thấy gì bên ngoài. Một gái làm tiền đang hút thuốc đợi khách cách đó một phố khai rằng vào thời điểm đó ả thấy một người đàn ông thấp nhỏ, tóc sẫm như người Thổ, mặc áo choàng sẫm màu chạy về hướng Kaiser, nhưng không thể miêu tả người đó chính xác hơn. Một người Đức đã gọi xe cấp cứu, người này tình cờ ra bao lơn khi Ka vừa ngã xuống vỉa hè, nhưng cũng chẳng nhìn thấy ai. Viên đạn thứ nhất xuyên vào sau đầu Ka và trở ra mắt trái. Hai viên kia xé nát mạch máu gần tim và phổi ông, xuyên thủng chiếc áo choàng màu xám tro ở lưng và ngực, làm nó thấm đẫm máu.

“Vì ông ấy bị bắn từ phía sau nên sát thủ là người có chủ định và đã bám chân ông.” Một nhân viên điều tra đứng tuổi luôn miệng ho sù sù kết luận. Có thể kẻ sát nhân đã theo dõi ông từ Hamburg. Cảnh sát cũng lần theo đủ thứ phông đoán khác như giết người vì ghen tuông hoặc thanh toán chính trị rất thường thấy trong nội bộ người Thổ. Ka không liên quan gì đến thế giới ngầm vùng ga. Được cho xem ảnh Ka, những người bán hàng cho cảnh sát biết rằng đôi khi Ka lang thang qua những cửa hàng bán đồ kích dục và vào các ngăn chiếu phim khiêu dâm. Do không có tin tức nào chắc chắn, cũng như không thấy báo giới hay các cơ sở có ảnh hưởng lớn gây áp lực tìm cho được sát thủ, một thời gian sau cảnh sát cũng bớt năng nổ.

Hành vi của nhân viên điều tra đứng tuổi với chứng ho kinh niên đôi lúc đi lạc khỏi mục đích điều tra cho ra kết quả. Ông hen gặp các người quen Ka và trong quá trình điều tra thì ông chủ yếu nói về mình. Qua nhân viên già xuề xòa ưa người Thổ này, Tarkut Ölcün biết đến hai phụ nữ bước vào đời Ka trong tám năm trước chuyến đi của ông đến Kars. Tôi cẩn thận chép sổ điện thoại của hai phụ nữ này vào sổ địa chỉ, một người Đức và một người Thổ. Trong bốn năm sau khi từ Kars trở về, Ka không hề quan hệ với phụ nữ nào cả.

Vì không tìm ra được chút manh mối gì, cảnh sát cuối cùng bỏ lửng cuộc điều tra.

Chúng tôi cam lặng trên đường quay về căn hộ ngày xưa của Ka. Lần này chúng tôi đã gặp được bà chủ nhà to như con voi, dễ chịu mặc dù luôn mồm ca thán về đủ mọi thứ. Bà mở cho chúng tôi tầng áp mái mát lạnh có mùi bồ hóng, độc miệng thông báo là bà đang chuẩn bị cho thuê phòng này, và nếu chúng tôi không đem đồ đạc kinh tởm kia đi thì bà sẽ vứt ra bãi rác. Rồi bà đi mất. Tôi trào nước mắt khi bước vào căn hộ nhỏ tối tăm, trần thấp nơi Ka sống tám năm cuối cùng, và nhận ra mùi đặc trưng của ông mà tôi quen từ hồi nhỏ. Đó là mùi chiếc áo len chui cổ mà mẹ ông đan cho, mùi chiếc cặp sách và phòng của ông khi tôi tới thăm nhà. Tôi nghĩ rằng mùi ấy từ loại xà phòng Thổ nào đó mà tôi không biết tên nhưng chẳng bao giờ nhớ ra để hỏi.

Trong những năm đầu sang Đức, Ka làm khuôn vác ở khu chợ, thợ phụ chuyển nhà, dạy tiếng Anh cho người Thổ, quét sơn v. v... nhưng đã cắt đứt quan hệ với giới cộng sản ở nhà cộng đồng Thổ là những người đã giúp ông được nhận những công việc nói trên, từ khi ông được công nhận là tị nạn chính trị và bắt đầu nhận trợ cấp xã hội. Những người cộng sản Thổ lưu vong cho rằng ông quá khó gần và quá tự sản”. Một nguồn thu nhập khác của Ka trong mười hai năm qua là những buổi đọc thơ ở các thư viện thành phố, trung tâm văn hóa và hội đoàn của người Thổ. Nếu mỗi tháng ông kiếm được ba buổi đọc thơ (chỉ có người Thổ đến dự, và hiếm khi quá hai chục khách) thì sẽ được tám trăm mình và vừa đủ sống vì người tị nạn chính trị còn được lĩnh sáu trăm mark nữa; nhưng rõ ràng những tháng may mắn đó đã qua lâu rồi. Mấy chiếc ghế đầu tồi tàn, gát tàn sứt se, lò sưởi điện gỉ sét. Bực mình vì bà chủ nhà gây áp lực, thoát tiên tôi định cho hết mọi đồ đạc của bạn tôi vào chiếc vali cũ trong phòng và các túi xách để đem đi: chiếc gối có mùi tóc ông, thắt lưng và cà vạt tôi còn nhớ đã thấy từ hồi học cấp ba, đôi giày Bally mà trong một bức thư ông kể là vẫn dùng nó như “dép đi trong nhà” bởi đầu ngón chân đã xuyên thủng mũi giày, bàn chải răng để trong chiếc cốc bẩn, mấy trăm quyển sách, một ti vi cũ và đầu videomà ông chưa bao giờ nhắc đến, áo vest sờn cũ, somi và bộ đồ ngủ có từ mười tám năm.

Nhưng tôi phát điên lên khi không tìm thấy trên bàn giấy thứ mà tôi hy vọng tìm được, mà

khi đặt chân lên ngưỡng cửa phòng này tôi hiểu ra rằng thực ra chính vì nó mà tôi đã tới Frankfurt.

Trong những lá thư cuối cùng gửi từ Frankfurt cho tôi, ông vui mừng kể rằng sau bốn năm làm việc ông đã hoàn tất cuốn thơ mới. Đầu đề của nó là *Tuyết*. Phần lớn được ông chép vào quyển vở màu xanh trong những phút cảm hứng bùng phát đột ngột ở Kars. Từ Kars về ông có cảm giác là cuốn sách sở hữu một trật tự “sâu kín và bí hiểm” mà chính ông cũng không rõ. Bốn năm tiếp theo ông dành ra để lấp kín những “chỗ trống” trong sách. Đó là một nỗ lực hành xác làm ông rã rời, vì những vần thơ đã nghĩ ra ở Kars như có người thì thảo vào tai lại không sao nghe được ở Frankfurt.

Nhưng ông vẫn bắt tay vào giải mã thứ logic kỳ bí của cuốn sách, và lấp kín những chỗ trống trong sách theo logic đó. Trong lá thư cuối cho tôi, ông viết rằng rốt cuộc mọi nỗ lực đã được đền đáp, ông sẽ đọc và thử thách các bài thơ ấy ở một số thành phố Đức và mặc dù không có bản sao nào của cuốn vở xanh chép tay, khi chắc chắn rằng mọi thứ đã tìm được đúng vị trí của nó thì ông sẽ đánh máy lại và gửi một bản cho tôi, một bản nữa cho nhà xuất bản Istanbul. Liệu tôi có thể viết vài dòng cho bìa bốn và gửi đến tay Fahir, người xuất bản cuốn sách này?

Bàn giấy của Ka, gọn gàng tới mức không ai mong đợi ở một nhà thơ, nhìn ra những mái nhà phủ tuyết của Frankfurt chìm trong bóng tối. Bên phải mặt bàn bọc len xanh lá cây là chồng vở ghi chép của Ka về thời gian ở Kars và giải thích các bài thơ mà ông sáng tác ở đó, bên trái là sách vở báo chí đang đọc. Một chiếc đèn bàn chân đồng và máy điện thoại đứng đối xứng nhau qua đường trung tuyến tưởng tượng giữa mặt bàn. Tôi tuyệt vọng ngó vào ngăn kéo, tìm trong sách vở và tập tư liệu cắt từ báo ra mà người Thổ lưu vòng nào cũng có, trong tủ quần áo, giường, tủ ở nhà tắm và bếp, tủ lạnh và hòm quần áo, tóm lại là khắp các xó xỉnh của căn hộ khá dĩ dút vừa quyển vở. Tôi không thể tin là quyển vở ấy lại mất, và tìm lại khắp mọi nơi lần nữa trong lúc Tarkut Ölcün im lặng đốt thuốc và nhìn ra các mái nhà phủ tuyết.

Nếu quyển vở không nằm trong túi du lịch mà ông đem theo đi Hamburg thì ông phải để nó ở nhà. Trước khi hoàn tất một cuốn thơ không bao giờ Ka chép lại một bài thơ nào của mình; ông thường nói chuyện đó đem lại điềm rủi. Nhưng như đã viết cho tôi ông đã làm xong cuốn thơ và chuẩn bị cho đánh máy rồi.

Hai tiếng sau, thay vì chấp nhận là quyển vở xanh Ka chép những bài thơ làm ở Kars đã thất lạc, tôi cố nghĩ là nó nằm ngay trước mắt, chẳng qua vì xúc động mà tôi đã không nhìn thấy. Khi bà chủ nhà gõ cửa, tôi gói tất cả các quyển vở đã tìm thấy trong ngăn kéo, mọi mảnh giấy có nét chữ của Ka, nhét bừa tất cả vào các túi nylon. Những băng hình khiêu dâm quảng bữa bãi cạnh đầu video (chúng tỏ là Ka không bao giờ có khách) tôi cho vào một túi gói hàng in chữ “Kaufhof”. Như một người đi du lịch trước một chuyến đi xa đem theo một đồ dùng hằng ngày, tôi ngó quanh tìm một kỷ vật cuối cùng nhắc nhở đến Ka, nhưng như vẫn hay xảy ra, nhưng không quyết định nổi và không chỉ nhét vào túi cái gạt tàn, bao thuốc lá và con dao mà ông dùng mở thư, đồng hồ đặt đầu giường, chiếc áo vest đã xơ xác sau hai mươi lăm năm mà ông vẫn mặc ra ngoài áo ngủ nên còn mang mùi người ông, bức ảnh ông và em gái chụp bên bờ Dolmabahçe, mà lấy cả tất bồn và khăn tay chưa bao giờ dùng ở trong tủ, bộ đĩa trong bếp và bao thuốc lá moi ra từ thùng giấy lộn. Tôi làm việc ấy với sự hăng say của một người làm bảo tàng. Trong một lần trò chuyện gần đây ở Istanbul Ka có hỏi về cuốn tiểu thuyết tôi sắp viết, và tôi kể ông nghe cốt truyện của *“Bảo tàng của trong trắng”* mà tôi giấu kỹ trước những người khác.

Sau khi chia tay người dẫn đường và lui về khách sạn, tôi bắt đầu lục lọi trong đồng đồ vật của Ka. Tôi tự hẹn với mình sẽ quên đi người bạn trong đêm nay để khỏi quý xuống vì đau buồn. Đầu tiên tôi xem qua đồng băng hình khiêu dâm. Khách sạn không có đầu video, nhưng theo những ghi chú viết tay của bạn tôi trên vỏ băng thì ông ấy đặc biệt thích một diễn viên Mỹ tên là Melinda.

Sau đó tôi đọc đến chú giải các bài thơ của Ka làm ở Kars. Vì sao ông ấy giấu tôi tất cả các trải nghiệm khủng khiếp và mối tình ở Kars? Tôi tìm được câu trả lời trong khoảng bốn chục bức thư tình trong một kẹp giấy mà tôi lôi từ trong ngăn kéo ra. Tất cả viết cho một người tên là Ipek, nhưng không lá nào được gửi đi, và thư nào cũng bắt đầu bằng một câu như nhau: “Em yêu, anh đã băn khoăn suy nghĩ rất lâu, liệu có nên viết cho em những dòng này hay không.” Nhưng trong mỗi bức thư là một kỷ niệm khác nhau của Ka ở Kars, một chi tiết đau xót và cảm động đến chảy nước mắt trong câu chuyện tình của họ kèm một vài quan sát về sự đơn điệu và tầm thường trong cuộc sống của Ka ở Frankfurt. (Ông ấy đã viết cho tôi về con chó bị què trong công viên Von Bethmann và những chiếc bàn kềm buồn thảm trong Bảo tàng Do Thái.) Do những lá thư không có vết gập, có thể thấy Ka chưa một lần đủ quyết tâm nhét chúng vào phong bì.

Ka có viết trong một bức thư: “Chỉ cần em nói một câu, anh sẽ đến.” Ở một bức khác ông viết là sẽ không bao giờ quay lại Kars. vì ông không cho phép Ipek hiểu lầm mình thêm nữa. Một thư khác nhắc đến một bài thơ (đã mất). Lại một thư nữa, khi đọc có cảm giác đó là câu trả lời cho thư Ipek. “Tiếc rằng em đã hiểu lầm thư anh.” Ka viết. Tối hôm đó tôi đã bày tất cả các đồ vật lấy từ trong túi lên sàn phòng khách sạn và trên giường để lục tìm, do vậy tôi chắc chắn là trong đó không có thư nào của Ipek gửi cho ông cả. Mặc dù vậy, mấy tuần sau tôi vẫn hỏi lại khi gặp cô ở Kars và được biết rằng cô không bao giờ viết thư cho Ka. Vì sao Ka làm như trả lời thư Ipek trong khi ông biết chắc ngay trong khi viết thư là sẽ không bao giờ gửi đi?

Có lẽ chúng ta đã xâm nhập đến tận tim gan câu chuyện này. Người ta có thể hiểu đến chừng mực nào nỗi đau và tình yêu của một người khác? Chúng ta có thể hiểu đến mức nào những người từng chịu đựng đầy đau, khổ ải và tổn thương ghê gớm hơn nhiều so với những gì bản thân ta đã trải qua? Nếu những người giàu có và quyền thế trên đời này có cố gắng đặt mình vào vị trí phía bên kia, liệu họ hiểu được đến đâu hàng tỉ người nghèo đang rên xiết chung quanh họ? Nhà tiểu thuyết Orhan có thể thấu thị đến mức nào những góc tối trong cuộc đời nhọc nhằn và đau khổ của người bạn thi sĩ?

Có một chỗ Ka viết: “Cả cuộc đời anh đã trôi qua trong cảm giác mất mát và thiếu hụt sâu sắc nhất, trong nỗi đau đầy của con thú bị thương. Có lẽ nếu anh không ôm em thật chặt, nếu anh không làm em nổi giận vào phút cuối thì anh đã không mất đi sự thăng bằng đã tìm được trong tám năm, quay lại điểm xuất phát ban đầu. Bây giờ anh lại tràn đầy cảm giác khôn nguôi mất mát và bị bỏ rơi. Nó làm anh ứa máu khắp cơ thể. Đôi khi anh nghĩ cái anh đánh mất không chỉ là em, mà là cả thế gian.” Tôi đọc đấy, nhưng tôi có hiểu được không?

Khi chỗ whisky trong tủ lạnh khách sạn đã làm tôi đủ lơ mơ, tôi đến phố Kaiser lúc tối muộn để điều tra về Melinda.

Cô gái có cặp mắt to, rất to, màu ô-liu buồn bã, hơi hiểng, nước da cô trắng, đôi chân dài, cặp môi nhỏ nhưng dày - các thi sĩ phương Đông ắt sẽ ví nó với trái anh đào. Cô khá nổi tiếng: sau hai mươi phút lục tìm trong ngăn thuê băng hình của “Trung tâm sex thế giới” tôi tìm ra sáu băng mang tên cô trên bìa. Sau này, khi xem mấy băng trong số đó ở Istanbul, tôi hiểu được vì sao Ka chịu ấn tượng sâu sắc về cô đến thế. Kệ cho người đàn ông nằm giữa hai đùi cô xấu xí hay thô tục đến mức nào, biểu cảm trên khuôn mặt trắng trẻo của cô khi hân rên lên sung sướng luôn luôn là một nét âu yếm đích thực, chỉ thấy ở những người mẹ. Khi mặc quần áo cô kêu gọi đến chừng nào (một nữ doanh nhân nhiều kỳ vọng, một cô nội trợ khốn khổ vì ông chồng liệt dương, một nữ phục vụ hàng không dâm dăng) thì khóa thân ra cô vẫn mỏng mảnh và yếu đuối như thủy tinh. Và như tôi nhận ngay ra khi tới Kars, rõ ràng cặp mắt rất to, bộ ngực căng và một nét gì đó trong phong thái của cô gợi nhớ đến Ipek.

Tôi biết, khi nói là bạn tôi trong bốn năm cuối đời đã mất khá nhiều thì giờ giải trí theo cách này tôi sẽ làm một số người nổi giận, những người vì yêu chuộng tưởng tượng và huyền thoại -

đặc trưng cho kẻ bần hàn - muốn thấy trong Ka một thi sĩ trong sáng và thánh thiện. Trong khi lờ mờ giữa đám đàn ông, những bóng ma cô đơn, trong “Trung tâm sex thế giới” để tìm thêm các băng hình Melinda, tôi nghĩ, cái chung duy nhất của ông với lũ lợn đàn ông thảm hại trên thế giới này là cùng chui vào một góc xem phim khiêu dâm với ý thức tội lỗi. Trong những rạp phim phố 42 ở New York, phố Kaiser ở Frankfurt hay mấy ngõ nhỏ thuộc quận Beyoğlu ở Istanbul, lũ mày râu ấy trăm người như một đi xem phim con heo trong sự ngượng ngập và cảm giác lạc lõng. Ở tiền sảnh xám xịt tránh nhìn vào mắt nhau - một điểm chung khả dĩ làm rung chuyển mọi thành kiến dân tộc chủ nghĩa và lý thuyết nhân chủng học. Cầm trong tay một túi nylon đựng các băng hình Melinda, tôi rời khỏi Trung tâm sex thế giới, qua những phố vắng đi về khách sạn dưới những bông tuyết dày xấp.

Bên quầy bar ở tiền sảnh tôi còn uống hai ly whisky, ngó qua cửa sổ ra ngoài trời tuyết và đợi rượu ngấm. Tôi tin là nếu nốc cho đủ rượu trước khi lên phòng thì đêm nay tôi sẽ không thèm để ý tới Melinda hay các cuốn vở của Ka. Nhưng vào đến phòng thì tôi vớ hú họa một quyển, không cởi quần áo mà nằm xuống giường và bắt đầu đọc. Sau ba, bốn trang tôi thấy bông tuyết này:

BAO GIỜ MÌNH LẠI GẶP NHAU?

Hạnh phúc ngắn ngủi

Sau khi ngủ với nhau, Ka và Ipek nằm lặng lẽ một hồi lâu trong vòng tay nhau. Cả thế giới im ắng và Ka hạnh phúc, đến nỗi ông tưởng chừng như thời gian sẽ kéo dài bất tận. Chỉ vì vậy mà ông sốt ruột; ông nhảy khỏi giường và ngó ra ngoài. Về sau ông tin rằng giây phút im lặng dài ấy là khoảnh khắc hạnh phúc nhất trong đời và tự hỏi, vì sao mình lại gỡ tay Ipek và chấm dứt khoảnh khắc ấy. “Vì bồn chồn,” ông tự trả lời mình, lúc đó cứ như phía bên ngoài cửa sổ, trên đường phố tuyết phủ kia đang có gì xảy ra, bắt buộc ông phải có mặt ngay.

Trong lúc đó thì bên ngoài cửa sổ chẳng thấy gì ngoài tuyết đang rơi. Điện vẫn mất, nhưng ánh nến trong nhà bếp ở tầng dưới phòng ông xuyên qua cửa kính đóng băng tỏa ra ngoài, chiếu một quang sáng da cam lên những bông tuyết đang chầm chậm rơi. Mãi sau này Ka mới tin rằng mình đã chấm dứt khoảnh khắc hạnh phúc nhất trong đời vì không thể chịu đựng nổi quá nhiều hạnh phúc. Song trong giây phút đầu tiên ông không hề biết mình hạnh phúc đến ngần nào khi nằm trong vòng tay Ipek; ông cảm nhận một niềm mãn nguyện mặc nhiên khiến ông thiếu chút nữa quên bẵng đi tại sao cho đến lúc ấy cuộc đời ông lại bập bênh giữa vô vọng và bồn chồn đến thế. Niềm mãn nguyện ấy giống như khoảng im lặng trước một bài thơ, song trước mỗi lần một bài thơ đến thì ông cảm thấy một niềm phấn khích như thể toàn bộ ý nghĩa của thế gian đã bày ra trước mắt, còn nay trong khoảnh khắc hạnh phúc với Ipek trong ông không xuất hiện chút cảm hứng nào như thế mà chỉ có sự trong trắng đơn sơ và ngây ngô: tựa như một đứa trẻ đang học chữ bập bẹ nói ra ý nghĩa của thế gian.

Ông nhớ lại từng chi tiết bài viết về bông tuyết lúc sáng đọc được ở thư viện. Ông đã tới thư viện để chuẩn bị đề phòng nảy ra một tứ thơ về tuyết. Nhưng giờ này ông không nghĩ đến một bài thơ ông so sánh cấu trúc lục giác rất trẻ con của bông tuyết mà ông đã thấy trong từ điển với sự hài hòa sẵn có giữa các bài thơ, mặc dù chúng lần lượt nối đuôi nhau đến với ông như từng bông tuyết riêng lẻ. Chính trong khoảnh khắc đó ông đã nảy ra ý nghĩ rằng nhất định tất cả các bài thơ cùng nằm trong một kết cấu sâu xa hơn nào đó.

“Anh làm gì thế?” Đúng lúc ấy Ipek cất tiếng hỏi.

“Anh ngắm tuyết, em yêu ạ.”

Theo cảm giác của ông, Ipek có vẻ đã mừng rỡ ra ông tìm được trong cấu trúc hình học của bông tuyết một ý nghĩa lớn hơn cả cái đẹp, nhưng một phần lý trí ông biết rằng đó là chuyện không thể có. Phần khác ông biết Ipek phật lòng khi thấy Ka bận bịu với gì khác ngoài cô. Và vì từ đầu đến giờ Ka luôn thấy mình là người ham muốn hơn và do đó yếu thế hơn nên ông lấy thế làm vui và nhận ra rằng ít nhất mình cũng được trao chút quyền lực sau khi hai người ngủ với nhau.

“Anh nghĩ gì thế?” Ipek hỏi.

“Nghĩ về mẹ anh,” Ka nói mà không rõ tại sao ông nói thế, vì mặc dù mẹ ông mới mất gần đây nhưng ông không nhớ đến bà. Về sau, khi nhớ lại thời điểm này thì ông sẽ phải bổ sung: “Cả thời gian ở Kars anh lúc nào cũng nhớ đến mẹ.”

“Anh nghĩ gì về mẹ anh?”

“Mẹ đã vuốt tóc anh trong một đêm đông khi anh nhìn ra cửa xem tuyết.”

“Hồi nhỏ anh có hạnh phúc không?”

“Người ta không biết mình hạnh phúc khi đang có hạnh phúc. Phải nhiều năm sau anh mới nhất quyết là anh hạnh phúc khi còn nhỏ. Thật ra thì không đúng thế. Nhưng anh cũng không bất hạnh như trong những năm về sau. Hạnh phúc không làm anh quan tâm khi còn nhỏ.”

“Khi nào thì nó làm anh quan tâm?”

“Chẳng bao giờ,” suýt nữa Ka thốt lên, nhưng một mặt nói vậy là sai, mặt khác quá ngạo mạn. Tuy vậy ý nghĩ đó cũng thoáng hiện ra trong óc ông, vì ông muốn gây ấn tượng với Ipek, song lúc này ông mong đợi ở Ipek nhiều hơn một ấn tượng thông thường.

“Có một thời điểm anh bất hạnh đến mức không làm được gì hết cả, và đó là khi anh bắt đầu quan tâm đến hạnh phúc,” ông nói. Liệu mình nói thế có nên không? Ipek yên lặng làm ông lẩn tránh. Làm sao có thể thuyết phục cô ấy cùng về Frankfurt nếu mình kể cho cô ấy biết về sự cô đơn và nghèo khó ở đó? Ngoài kia một cơn gió mạnh nổi lên, thổi tung các bông tuyết; Ka thấy chộn rộn trong lòng, giống như lúc ông còn ngồi khi nãy, và lúc này ông còn căm nhận thấy sự khổ ải của tình yêu và chờ đợi mạnh hơn lúc nào hết. Hạnh phúc vừa đến tay ông xong, vì vậy ý nghĩ có thể đánh mất nó khiến ông bàng hoàng. Nó khiến ông dăm ra nghi ngờ hạnh phúc. “Em có cùng anh đi Frankfurt không?” Ông toan hỏi, nhưng chỉ sợ không nhận được câu trả lời mong muốn.

Ông trở về giường và nằm áp vào lưng Ipek. “Ở khu thương mại có một cửa hàng,” ông nói. “Họ chơi Roberta” một bài hát rất cũ của Peppino di Capri, không hiểu lấy đâu ra nhỉ?”

“Ở Kars vẫn còn những gia đình lâu đời không rời bỏ thành phố,” Ipek nói. “Đợi khi các bậc cha mẹ chết, các con họ bán hết đồ đạc rồi bỏ đi. Và thế là có nhiều thứ rất kỳ khôi được đem ra chợ, hoàn toàn không hợp với cảnh nghèo khó hiện nay của Kars. Trước đây có một nhà buôn đồ cổ, cứ đến mùa thu là ông ta từ Istanbul về mua rẻ các đồ cũ rồi lại đi. Bây giờ thì ông ta cũng chẳng thèm quay lại nữa.”

Trong một thoáng, Ka tin là ông lại lần nữa được hưởng hạnh phúc áp đảo như ban nãy, nhưng đó không phải cảm giác cũ. Sự nghi ngại không bao giờ tìm lại được khoảnh khắc ban nãy ngày càng lớn hơn, biến thành nỗi kinh hoàng: ông hoảng sợ tưởng tượng ra rằng không đời nào thuyết phục nổi Ipek cùng đi Frankfurt.

“Anh yêu, em dậy đây.” Ipek nói.

Thậm chí cả khi cô gọi ông là “anh yêu” và trước khi ngồi dậy âu yếm quay sang hôn ông cũng không làm Ka yên lòng.

“Bao giờ mình gặp lại nhau?”

“Em lo quá, có thể cảnh sát theo thân bố em.”

“Anh cũng lo cho hai người,” Ka nói. “Nhưng bây giờ anh muốn biết bao giờ mình gặp lại nhau?”

“Em không thể vào phòng này khi bố em ở trong khách sạn.”

“Nhưng bây giờ không còn như trước nữa,” Ka nói. Ông giật mình thoáng nghĩ, đối với Ipek lúc này đang nhẹ nhàng và khéo léo mặc quần áo trong bóng tối có thể mọi thứ vẫn nguyên như trước đây “Anh chuyển sang khách sạn khác, và em cũng theo luôn nhé,” ông nói.

Một sự im lặng chết người. Trong Ka trào lên nỗi kinh hoàng được tiếp sức bởi ghen tuông và bất lực. Ông nghĩ biết đâu Ipek có một người tình khác. Có gì đó trong lý trí nhắc ông rằng đó là tính ghen tuông bình thường của một người tình thiếu từng trải, nhưng một cảm giác mãnh liệt hơn khuyên ông phải lấy hết sức ôm lấy Ipek và đập đổ mọi rào cản bất kỳ giữa họ. Ông lại nghĩ, những gì ông định nói hay làm để tiếp cận Ipek sâu hơn và nhanh hơn sẽ gây khó cho mình, do vậy ông ngập ngừng im miệng.

CHÚNG TÔI KHÔNG NGU, CHÚNG TÔI CHỈ NGHÈO THÔI

Cuộc gặp bí mật ở khách sạn Châu Á

Vật dụng mà Zahide vào phút chót còn đưa vào xe ngựa và Ka không nhận ra vì trời tối là đôi găng tay len đã cũ. Để lựa đồ mặc thích hợp cho cuộc gặp mặt trong khách sạn Châu Á, Turgut Bey đã trải ra giường hai áo vest từ ngày còn làm giáo viên, một chiếc màu đen và chiếc kia xám, chiếc mũ phớt vẫn đội nhân ngày lễ cộng hòa và khi đi thanh sát các trường, và cả vạt kẻ ca rô mà mấy năm nay chỉ để con trai Zahide đem ra chơi. Rồi ông đứng ngắm quần áo và các đồ trong tủ một hồi lâu. Khi Kadife thấy bố băn khoăn như một cô gái dóm dáng không biết mặc thứ gì đến vũ hội, cô bèn đích thân chọn ra từng thứ cho ông mặc, tự tay cài khuy sơ-mi, giúp ông mặc áo vest và măng tô, cuối cùng còn mammals môi kéo đôi găng tay trắng bằng da chó trùn lên bàn tay nhỏ của bố. Turgut Bey nhớ ra mình có đôi găng len và đòi tìm chúng.

Ipek và Kadife tìm trong tủ và dưới đáy hòm, nhốn nháo lục tung cả nhà lên, tìm được đôi găng thì họ loại ngay vì chúng đã bị mối gặm thủng. Trên xe ngựa, Turgut Bey khẳng khái nói không có găng thì ông không đi, ông kể rằng mấy năm trước, khi bị tù vì hoạt động chính trị, bà vợ yêu quý của ông đã đan chúng và đem vào cho ông. Kadife vốn biết rõ bố hơn chính ông biết mình, cô hiểu đằng sau nguyện vọng muốn có nó như một thứ bùa hộ thân ẩn chứa nhiều sợ hãi hơn là mối ràng buộc với ký ức. Sau khi đưa đôi găng ra, chiếc xe chuyển bánh dưới trời tuyết, và Kadife mở to mắt lắng nghe những kỷ niệm tù tội của bố tựa như bây giờ mới nghe lần đầu (chuyện ông khóc khi đọc thư vợ, tự học tiếng Pháp, đeo đôi găng này ngủ trong những đêm đông). Cô nói với ông: “Bố yêu ơi, bố là một người rất dũng cảm!” Như mỗi lần nghe câu ấy từ miệng các con gái (mấy năm nay cũng hiếm dần) mắt Turgut Bey lại ướt nhòa; ông ôm hôn Kadife trong khi lạnh dọc sống lưng. Xe ngựa rẽ vào một phố không bị mất điện.

Turgut Bey nói lúc leo khỏi xe: “Ở đây mở nhiều cửa hàng quá nhỉ! Đợi chút, bố muốn xem mấy cửa kính bày hàng đã.” Kadife hiểu là bố cô chỉ đang lên tinh thần trước khi đi đến cuộc gặp nên cũng chẳng giục ông. Turgut Bey nói, ông muốn uống một tách trà hoa đoan, và trong trường hợp có mặt thám theo dõi họ thì hẳn sẽ bị lúng túng. Họ vào một quán trà và lặng im theo dõi một màn đuổi bắt trên ti vi. Khi sắp ra khỏi quán, Turgut Bey nhìn thấy ông thợ cắt tóc quen ngày xưa đang ngồi gần đó, thế là họ lại quay lại bàn trà, vì ông không muốn bị một người quen nào bắt gặp đang tới chỗ Lam. Vừa ra về lắng nghe ông thợ cạo to béo, Turgut Bey vừa rí tai con gái: “Mình có đến muộn không? Có khó coi không? Hay là không đến đó nữa?” Kadife vòng tay đỡ ông, họ không ra sân sau mà đi vào cửa hàng văn phòng phẩm và chọn lựa rất lâu trước khi lấy một chiếc bút bi màu xanh đậm. Khi họ qua cửa sau hiệu đồ điện Ersin và đi về hướng cửa sau khách sạn Châu Á, Kadife thấy mặt bố cô tái mét.

Cửa sau khách sạn Châu Á rất yên ắng; hai bố con đứng nép sát vào nhau và đợi. Không ai theo chân họ cả. Họ đi vào được mấy bước thì bên trong rất tối, Kadife phải lấy tay sờ ra bậc thang dẫn tới tiền sảnh. “Đừng buông tay bố,” Turgut Bey nói. Phòng tiền sảnh với những cửa sổ cao phủ kín rèm dày sáng lờ mờ, ánh sáng nhợt nhạt từ ngọn đèn dơ dáy ở quầy lễ tân chiếu mập mờ lên khuôn mặt mệt mỏi không cạo râu của nhân viên trong quầy.

Trong bóng tối họ chỉ lờ mờ nhận ra vài bóng người đi lại trong sảnh hay trên gác xuống. Phần lớn những người đó là cảnh sát dân sự hay đám người buôn lậu gia súc và gỗ hoặc đưa nhân công làm chui qua biên giới. Trước đây tám mươi năm khách ở đây là các thương gia Nga giàu có, sau đó là người Thổ từ Istanbul đến buôn bán với Nga, và tình báo hai mang của Anh xuất thân quý tộc ở bờ bên kia chuyên tung gián điệp vào Liên Xô qua đường biên giới hoặc qua đất Armenia. Giờ thì đó là phụ nữ đến từ Georgia và Ukraine, với những vali đầy hàng để buôn bán, hoặc làm gái mại dâm. Đàn ông từ các làng xung quanh Kars thuê phòng cho họ rồi tới đó sống chung như vợ chồng; tối đến, khi họ ra chuyển xe buýt cuối ngày để về làng thì lũ đàn bà này mới ra khỏi phòng để kéo xuống quầy bar ở tiền sảnh tối tăm uống trà và cognac.

Lúc Turgut Bey và Kadife đi lên cầu thang gỗ ngày xưa phủ thảm đỏ họ gặp một trong những phụ nữ tóc vàng mệt mỏi ấy. Turgut Bey rí tai con gái “Cả khách sạn Grandhotel ở Laussane mà İsmet İnönü ngày xưa sống cũng mang tính giang hồ như thế”, và rút cây bút ra. “Bố sẽ làm như İsmet Paşa ngày xưa ở Laussane, và ký xuống dưới bản tuyên bố bằng một cây bút mới tinh.” Kadife không rõ bố cô dùng ở chiều nghĩ lâu như vậy để lấy hơi hay trì hoãn phút hiện diện. Trước cửa phòng 307 Turgut Bey nói: “Chúng ta sẽ ký tên rồi đi khỏi đây luôn.”

Trong phòng đông người đến nỗi thoát tiên Kadife tưởng họ vào nhầm cửa. Cô thấy Lam với vẻ mặt chán chường ngồi bên cửa sổ cạnh hai nhân vật Hồi giáo chính trị trẻ và kéo bố đến chỗ anh, mời ông ngồi. Mặc dù có một bóng điện treo dưới trần và một ngọn đèn hình cá bên bàn ngủ, căn phòng không được sáng lắm. Một chiếc micro của chính phủ giấu trong một mắt của con cá làm bằng nhựa dựng đứng trên phần đuôi và ngậm bóng đèn ở miệng.

Fazil cũng có mặt trong phòng. Cậu đứng phắt dậy khi nhìn thấy Kadife, nhưng không ngồi xuống ngay cùng những người khác cũng vừa nhổm dậy để kính chào Turgut Bey, mà ngậm cô một hồi lâu như bị thôi miên. Vài người trong phòng tưởng cậu định nói gì, nhưng Kadife thậm chí còn không nhìn thấy cậu. Cô tập trung chú ý vào không khí căng thẳng xuất hiện ngay lập tức giữa Lam và bố cô.

Lam tin tưởng rằng họ sẽ gây được ấn tượng cho người phương Tây nếu cá nhân ký bản tuyên bố đăng trên báo *Frankfurter Rundschau* - một người Kurd theo thủ nghĩa dân tộc - đồng thời cũng là người vô thần. Nhưng anh chàng gầy gò nhợt nhạt mà người ta phải cố gắng lắm mới dụ được làm việc ấy không nhất trí với hai thành viên kia trong hội về chữ nghĩa trình bày bản tuyên bố. Cả ba người bây giờ ngồi đó, bức bối chờ được phép lên tiếng. Những hội đoàn - nơi tập trung thanh niên người Kurd thất nghiệp bất bình, khâm phục quân du kích Kurd trên núi và tổ chức gặp gỡ ở nhà các thành viên - liên tục bị giải thể, ban chấp hành

thường xuyên bị bắt giam và tra tấn đánh đập, vì vậy sau cuộc đảo chính quân sự rất khó tìm được mấy thanh niên này. Thêm một vấn đề nữa là các chiến binh trên núi trách đám thanh niên chỉ biết sống ung dung trong các căn phòng thành phố có lò sưởi ấm áp và thỏa hiệp với nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ. Lời buộc tội hội đoàn không cử đủ du kích tương lai lên núi đã làm nản lòng mấy thanh niên ít ỏi chưa bị bắt vào tù.

Buổi họp mặt này còn có hai người “xã hội chủ nghĩa” trên ba mươi tuổi thuộc thế hệ đi trước tham dự. Qua các thanh niên của hội người Kurd họ được biết có một bản tuyên bố gửi đến báo giới Đức, mấy thanh niên này kể tin này ra để tỏ vẻ huênh hoang và cũng phần nào nhằm xin lời khuyên. Hai nhân vật già trước tuổi này có nét gì đó nhấn nhục, vì nhóm xã hội chủ nghĩa vũ trang ở Kars không còn ảnh hưởng mạnh như xưa nữa; họ chỉ được phép phục kích trên đường, giết cảnh sát hay đặt bom khi du kích Kurd cho phép và hỗ trợ. Họ cho rằng ở châu Âu vẫn còn nhiều người theo chủ nghĩa Marx, và đến đây tuy không được mời. Một trong hai người có dáng điệu cực kỳ buồn chán, còn người kia ngồi bên cạnh có khuôn mặt cởi mở và xử sự tự nhiên. Anh ta rất chộn rộn vì cần báo cáo chi tiết cho nhà chức trách biết. Anh làm việc đó không vì có dụng ý xấu mà vì muốn tránh cho tổ chức của mình bị nhà chức trách làm rầy rà quá đáng. Với chút xấu hổ, anh mật báo cho quân đội và cảnh sát các hoạt động mà anh khinh thường và - thường nói vớt khi mọi chuyện đã qua - cho là vô dụng, nhưng mặt khác, ở tận sâu thẳm trong trái tim mình, anh cũng tự hào vì đám nổi loạn đang bắn nhau, bắt cóc, đánh lộn, đặt bom và ám sát, vậy nên gặp ai cũng đem ra kể.

Tất cả đều tin chắc rằng cảnh sát nghe lén phòng này hoặc tối thiểu cũng cài được vài chỉ điểm vào nhóm, vì vậy thoát tiên không ai nói câu nào. Ai mở miệng thì chỉ ngó ra cửa sổ và nói là tuyết vẫn rơi hoặc nhắc nhở nhau đừng dụi thuốc lá trên sàn nhà. Sự im lặng này kéo dài cho đến khi bà cô mẹ một thanh niên Kurd đứng dậy, trước đó không hề được chú ý. Bà kể về đứa con trai bị mất tích (một buổi tối người ta nhấn chuông ở cửa và đem con bà đi mất). Turgut Bey không thích chuyện về người mất tích này và chỉ lồm bồm theo dõi. Ông ghê sợ những vụ thanh niên Kurd bị điệu đi thủ tiêu giữa đêm, nhưng linh tính khiến ông bực mình khi người thanh niên đó được tả là “vô tội”. Kadife cầm tay bố và cố đoán ý nghĩ của Lam trên nét mặt mệt mỏi và nhạo báng của anh. Lam nghĩ là anh bị nhử vào bẫy nhưng cắn răng ngồi lại vì anh sợ người ta nghĩ xấu về mình nếu bây giờ đứng dậy rời khỏi phòng.

Sau đó đến lượt một thanh niên “Hội giáo chính trị” ngồi cạnh Fazil cố gắng chứng minh vụ giết hại ông hiệu trưởng đại học sư phạm do một đặc vụ của nhà nước gây ra. Chính anh ta về sau sẽ bị kết tội dính líu tới vụ án này. Rồi các nhà cách mạng phái tả thông báo dài dòng về cuộc tuyệt thực của các bạn họ trong tù.

Sau nữa ba thanh niên của hội người Kurd mặt đỏ gay đọc một bài còn dài hơn về vị thế của văn hóa và văn học Kurd trên thế giới, và họ dọa sẽ không ký, nếu bài của họ không xuất hiện trên báo *Frankfurter Rundschau*.

Khi bà cô vừa trình bày về đứa con mất tích của mình lớn tiếng hỏi “nhà báo người Đức” đâu mất rồi, Kadife liền lễ phép trả lời rằng Ka vẫn còn ở Kars, nhưng tránh không muốn đến để bản tuyên bố này khỏi bị cáo buộc là thiên vị. Những người khác ngạc nhiên khi thấy một cô gái lại mở miệng nói năng tự tin như thế trong một cuộc họp chính trị như thế này, và nhanh chóng cảm thấy kính trọng cô. Bà cô kia ôm lấy Kadife mà khóc nức nở, và khi được trấn an rằng cô sẽ làm mọi việc có thể để báo Đức đăng tin về đứa con bà, bà dúi vào tay cô mảnh giấy có viết tên anh ta trên đó.

Tiếp theo, nhân vật phái tả - tên chỉ điểm với những dụng ý tốt lành - rút ra bản nháp của lời tuyên bố mà anh viết tay trên tờ giấy kẻ dòng, lấy thể đứng khá kỳ khôi và đọc.

Văn bản dưới đầu đề “Tuyên bố gửi đến công luận châu Âu về các sự kiện ở Kars” được mọi người chú ý ngay lập tức. Sau này Fazil sẽ mỉm cười kể lại cho Ka biết cậu ta cảm thấy gì lúc ấy:

“Lần đầu tiên tôi có thể tương tượng ra thành phố nhỏ bé của chúng tôi một ngày nào đó đi vào lịch sử thế giới!” Và những từ ngữ đó đã đi vào bài thơ *“Toàn nhân loại và những tình cầu”* của Ka. Chỉ một mình Lam phê phán điểm này: “Chúng ta không kêu gọi châu Âu.” anh giải trình. “Chúng ta kêu gọi cả thế giới. Các bạn chớ ngạc nhiên vì lời tuyên bố này không đăng ở Kars hay Istanbul, mà ở Frankfurt. Công luận ở châu Âu không phải bạn của chúng ta, mà là thù. Không phải vì chúng ta là kẻ thù của họ mà vì họ đánh giá thấp chúng ta chỉ theo bản năng.”

Nhân vật phái tả, tức người viết bản thảo này, nói không phải toàn bộ nhân loại mà chỉ là tầng lớp tư sản châu Âu đánh giá thấp chúng ta, còn lớp người nghèo và công nhân luôn đứng về phía chúng ta. Nhưng không ai tin anh ta, trừ người bạn già đời của anh.

“Ở châu Âu không ai nghèo như chúng ta cả,” một trong ba thanh niên Kurd lên tiếng giọng the thé.

“Anh đã ở châu Âu bao giờ chưa?” Turgut Bey hỏi.

“Tôi chưa có dịp qua châu Âu, nhưng anh rể tôi là công nhân ở Đức.”

Ai đó bật cười. Turgut Bey ngồi thẳng dậy và nói: “Ngay cả khi châu Âu mang nhiều ý nghĩa đối với tôi, tôi chưa bao giờ đến đó. Có gì đâu mà cười. Ai đã ở châu Âu rồi đề nghị giơ tay lên.” Không ai giơ tay, chỉ trừ Lam từng sống bên Đức nhiều năm.

“Nhưng tất cả chúng ta biết châu Âu có ý nghĩa gì,” Turgut Bey nói tiếp. “Châu Âu là chỗ của chúng ta trong nhân loại tương lai. Vì lý do đó chúng ta có thể thay đổi đầu đề, nếu quý ngài này, - ông chỉ vào Lam - muốn đổi chữ *‘châu Âu’* thành *‘nhân loại’*.”

“Tương lai của tôi không phải là châu Âu,” Lam mỉm cười. “Cả đời tôi sẽ không nghĩ tới chuyện bắt chước người Âu và tự hạ mình chỉ vì tôi không giống họ.”

“Ở đất này không chỉ những người Hồi giáo chính trị, mà cả những người cộng hòa cũng có danh dự dân tộc,” Turgut Bey nói. “Vậy chúng ta có nên thay chữ *‘châu Âu’* thành *‘nhân loại’* không?”

“Tuyên bố trước nhân loại về các sự kiện ở Kars,” tác giả bản thảo đọc lên. “Nghe đao to búa lớn quá.” Theo đề dặt của Turgut Bey mọi người suy nghĩ có nên đổi “nhân loại” thành “phương Tây”, song một thanh niên mặt đầy trứng cá ngồi cạnh Lam phản đối. Dựa vào gợi ý của cậu giọng the thé người ta nhất trí chỉ viết là *“Tuyên bố”*.

Khác với các trường hợp tương tự, bản dự thảo lời tuyên bố rất ngắn. Không người nào phê phán những câu đầu khẳng định cuộc đảo chính quân sự đã “được dàn dựng” khi khả năng chiến thắng của các ứng viên Hồi giáo thánh trị và người Kurd trong lần bầu cử sắp tới đã rành rành. Chỉ mình Turgut Bey phản đối, ông nói ở Kars làm gì có mầm mống nào của cái mà người Âu gọi là trung cầu dân ý, chuyện thường tình là các cử tri trong đêm trước hôm đi bầu hay thậm chí trên đường đến nơi bầu cử thay đổi chính kiến vì một lý do tầm phào nào đó và bầu một đảng với chương trình đi ngược lại với những gì hôm qua họ còn ủng hộ, và do đó tốt hơn không nên nói rằng kết quả bầu cử sẽ được định trước, bởi người châu Âu sẽ không tin.

Nhân vật phái tả, tức tên chỉ điểm đã thảo bản nháp, đáp lời ông: “Ai chả biết cuộc đảo chính diễn ra trước giờ bầu cử và nhằm thay đổi kết quả bầu cử.”

“Nhưng đó chỉ là một đoàn kịch,” Turgut Bey nói. “Và họ chỉ thành công lớn vì tuyệt làm tắc hết mọi ngã đường. Vài hôm nữa tất cả sẽ bình thường trở lại.”

“Nếu ông không chống cuộc đảo chính, tại sao ông ở đây?” một thanh niên khác hỏi.

Không rõ Turgut Bey có nghe thấy câu hỏi của chàng trai bộp chớp mặt đỏ gay ngồi cạnh Lam hay không, nhưng đúng lúc đó Kadife đứng dậy (cô là người duy nhất đứng dậy khi phát biểu, không ai chú ý điều ấy, kể cả chính cô) và nói với ánh mắt quắc lên giận dữ, bố cô đã ngồi tù nhiều năm vì quan điểm chính trị của mình và lúc nào cũng sẵn sàng tranh đấu chống lại nhà nước áp bức.

Bố cô giật nhẹ vạt áo, ra dấu hãy ngồi xuống. “Tôi trả lời cho câu hỏi của anh là: tôi đến cuộc họp này để chứng tỏ cho người châu Âu biết rằng ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng có những người dân chủ với tấm lòng vì công lý,” ông nói.

“Nếu một tờ báo lớn ở Đức dành cho tôi hai dòng thì đó không phải là chuyện tôi muốn ưu tiên chứng tỏ đâu,” chàng trai mặt đỏ nói giọng nhạo báng và hình như muốn nói thêm nữa nếu Lam không đặt tay lên vai anh ta cảnh báo.

Thế là đủ khiến Turgut Bey hối hận đã đến đây. Lập tức ông tự nhủ rằng ông cũng chỉ định ghé qua rồi đi ngay. Ông đứng dậy với vẻ mặt muốn nói là đầu óc mình bận bịu với trăm nghìn chuyện khác và đi mấy bước ra phía cửa, vừa lúc ông thấy tuyết rơi trên phố Karabagh và tiến đến bên cửa sổ. Kadife đỡ tay ông, tựa như không có cô thì ông không đi một mình được. Hai bố con quan sát hồi lâu chiếc xe ngựa đi qua con phố đầy tuyết, như hai đứa trẻ buồn bã đang cố quên đi một điều phiền muộn.

Người thanh niên Kurd giọng the thé không nhìn nổi tờ mờ và cũng đi ra cửa sổ nhìn xuống phố. Đám người trong phòng dõi mắt theo họ, nửa kính trọng nửa bức bối. Có thể nhận ra nỗi lo cảnh sát bóp rập và không khí bất ổn nói chung. Trong lỗ lảng ấy, tất cả nhất trí thông qua phần còn lại của lời tuyên bố.

Trong phần còn lại có nhận định rằng chỉ một nhóm những kẻ phiêu lưu đã chủ xướng cuộc đảo chính quân sự. Lam đã đề xuất điều này. Đề nghị nên thay vào đó cách trình bày toàn diện hơn bị phê phán là gây ấn tượng cho người phương Tây tưởng có một cuộc đảo chính xảy ra trên toàn đất Thổ. Rốt cuộc họ thỏa thuận cách viết “*Cuộc đảo chính địa phương do Ankara ủng hộ*”. Tuyên bố cũng nhắc sơ qua chuyện đàn áp và tra tấn các học sinh trường tôn giáo, trong đó một số bị bắn chết tối hôm đảo chính hoặc bị lôi khỏi nhà và giết hại. Câu “*tấn công chính diện vào nhân dân*” được thay bằng “*tấn công vào nhân dân, quyền toàn vẹn tinh thần và tôn giáo*.” Câu cuối được chữa lại, bây giờ không chỉ công luận phương Tây mà cả thế giới được kêu gọi lên tiếng phản đối nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ. Khi câu ấy được đọc lên, ánh mắt của Turgut Bey và Lam giao nhau một lát, và Turgut Bey cảm giác rằng Lam đang khoái trá. Lại một lần nữa ông hối hận đã đến đây.

“Nếu không ai có ý kiến gì phê phán nữa thì chúng ta hãy ký tên luôn,” Lam nói. “Vì cuộc họp mặt này có thể bị cảnh sát chấm dứt bất cứ lúc nào.”

Mọi người chen nhau đến giữa phòng để được ký tên càng nhanh càng tốt vào bản tuyên bố trông như tờ giấy nháp chằng chịt mũi tên và vòng khuyên tròn các đoạn chỉnh sửa hay gạch bỏ. Một số đã chuẩn bị ra về thì Kadife kêu lên: “Đợi một chút, bố tôi muốn phát biểu!”

Câu đó chỉ làm tăng sự nhốn nháo. Lam ra lệnh cho cậu thanh niên mặt đỏ chặn cửa. “Không người nào ra khỏi phòng,” anh ra lệnh. “Chúng ta muốn nghe Turgut Bey phê phán gì.”

“Tôi không phê phán,” Turgut Bey nói. “Nhưng trước khi đặt bút ký thì tôi muốn chàng trai này cho biết một điều,” ông nghĩ ngợi một lát. “Không riêng anh ta, mà tất cả mọi người trong phòng này,” ông chỉ vào cậu trai mặt đỏ mới công kích ông và bây giờ đứng ngáng cửa. “Nếu câu hỏi mà tôi sắp nêu lên không được anh và sau đó tất cả ở đây trả lời thì tôi sẽ không ký.” Ông quay sang Lam xem anh ta có hiểu ông quyết tâm đến mức nào.

“Xin ông hãy hỏi đi,” Lam nói. “Nếu chúng tôi biết câu trả lời thì sẽ sẵn sàng trả lời.”

“Mọi người vừa cười nhạo tôi. Bây giờ tất cả hãy nói cho tôi biết: nếu một tờ báo lớn ở Đức dành cho các vị hai dòng thì các vị sẽ nói gì? Anh kia nói trước!”

Cậu thanh niên mặt đỏ là người to khỏe và tự tin mọi mặt, nhưng đã bị bất ngờ vì câu hỏi ấy, ánh mắt cậu ta cầu viện đến Lam, trong khi tay giữ khư khư nắm đầm cửa.

“Anh hãy nói nhanh những gì đang nghĩ trong đầu!” Lam mỉm cười gượng gạo. “Không thì cảnh sát dọn hết chúng ta đi bây giờ.”

Cậu trai mặt đỏ hết nhìn ra xa lại nhìn qua Lam, tựa như cố nhớ ra đáp án cho câu hỏi trong một kỳ thi quan trọng mà bình thường vẫn thuộc.

“Vậy thì tôi nói trước,” Lam nói. “Các quý ông quý bà phương Tây thì nhổ vào đám chúng ta... Các vị đừng chặn ánh mặt trời của tôi, có lẽ tôi sẽ nói thế là đủ... Nhưng đằng nào thì chúng ta cũng đang sống trong bóng của họ.”

“Ông không phải giúp, anh ta sẽ nói những gì chất chứa trong lòng,” Turgut Bey nói. “Ông sẽ nói cuối cùng.” Ông mỉm cười với chàng trai đang vắn vẹo lưng túng: “Khó đấy, vì đây là một vấn đề rối rắm, không thể giải quyết bằng tay trái được đâu.”

“Viện có, viện có đây mà,” một người đằng sau kêu lên. “Chắc là ông không muốn ký bản tuyên bố chứ gì.”

Ai nấy nghĩ phần riêng của mình. Một số ra cửa sổ và tư lự nhìn theo chiếc xe ngựa đi dọc phố Karabagh. Về sau, khi thuật lại khoảnh khắc “im lặng màu nhiệm” này Fazil nói: “Lúc đó gần như tất cả thắm tình hòa hảo hơn bao giờ hết.” Sự im lặng này chỉ bị phá hỏng bằng một tiếng động từ trên cao, khi một chiếc phi cơ xuất hiện trong bóng tối. Trong lúc tất cả lắng nghe, Lam thì thào: “Chiếc thứ hai hôm nay rồi đấy.”

Một người kêu lên: “Tôi đi đây!”

Đó là một người đàn ông xám ngoét mặc áo vest xám ngoét, chừng giữa ba mươi và bốn mươi, không được ai để ý đến, một trong ba người trong phòng có công việc ổn định. Ông là đầu bếp ở nhà thương an sinh xã hội và liên tục xem đồng hồ. Ông đến đây cùng các gia đình người mất tích. Nhưng người ta sau này kể lại, anh trai ông hoạt động chính trị và một đêm bị đưa đến đồn cảnh sát lấy cung rồi không quay về. Nghe đồn là ông này cố xin “giấy chứng tử” của nhà nước để cưới bà chị dâu xinh đẹp. Nhưng một năm sau vụ mất tích khi ông đến trình bày thì đều bị Sở cảnh sát, cơ quan mật vụ, phòng Công tố và câu lạc bộ sĩ quan mời ra cửa. Từ hai tháng nay ông nhập cuộc với các gia đình người mất tích không hẳn vì ý trả thù mà vì đó là những người duy nhất khả dĩ bàn đến đề tài nọ.

“Sau lưng tôi các vị sẽ gọi tôi là đồ hèn. Nhưng chính các vị mới hèn. Người Âu của các vị hèn hơn tất cả. Viết vào đó là tôi đã gọi họ như thế,” ông đóng sập cửa sau lưng và biến mất.

Có người hỏi ông “Hans Hansen Bey” này là ai. Trái với điều Kadife lo ngại, lần này Lam giải thích bằng những lời lịch sự đó là một nhà báo thiện chí và quan tâm chân thành đến các vấn đề của Thổ Nhĩ Kỳ.

Từ phía sau có tiếng nói: “Trong dân Đức, càng nên cẩn thận trước những người có thiện chí!”

Một ông mặc áo vest sẫm màu đứng cạnh của sổ hỏi, ngoài bản tuyên bố có đăng cả những bình luận chính trị cá nhân không.Kadife nói, có thể được.

“Hỡi các bạn, chúng ta không phải là những học sinh cấp một nhút nhát phải đợi người khác lên tiếng trước.”Ai đó lên tiếng.

“Tôi là học sinh trung học,” một thanh niên từ hội người Kurd nói. “Ngày trước tôi đã luôn suy nghĩ những điều mình sẽ nói ra hôm nay.”

“Anh biết trước là một ngày nào đó sẽ có cơ hội đăng một lời tuyên bố trên báo Đức hả?”

“Đúng thế,” cậu ta trả lời nghiêm túc, đồng thời lộ một vẻ gì đó đầy nhiệt huyết. “Cũng như mọi người, tôi luôn tin rằng một ngày nào đó sẽ có cơ hội nói cho thế giới biết mình nghĩ gì.”

“Tôi chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện...”

“Những gì tôi muốn nói ra rất đơn giản.” chàng trai nhiệt huyết nói. “Tờ báo ở Frankfurt chỉ cần dành cho tôi hai dòng này:“Chúng tôi không ngu! Chúng tôi chỉ nghèo thôi! Chúng tôi có quyền đòi hỏi người ta làm rõ sự khác biệt ấy.”

“Sao mà có lý thế!”

Một người từ phía sau hỏi: “Ai là những người cậu gọi là '*chúng tôi*'”? Người Thổ, người Kurd, người Azerbaijan, người Cerkez, dân thành phố Kars... Ai?”

“Vì đó là nhầm lẫn lớn nhất của con người.”Chàng thanh niên nhiệt huyết nói tiếp, tảng lờ câu hỏi kia. “Và là nhầm tưởng lớn nhất từ hàng nghìn năm nay: luôn luôn lẫn lộn nghèo và ngu!”

“Ngu nghĩa là gì? Anh giải thích đi?”

“Đúng là trong tiến trình đầy vinh quang của lịch sử loài người đã có những nhân vật của tôn giáo và đạo lý nhận ra sự nhầm lẫn đáng xấu hổ nọ, họ nói rằng cả những người nghèo cũng sở hữu tri thức, lòng nhân hậu, trí thông minh và trái tim.Nhìn thấy một người nghèo, Hans Hansen sẽ thương hại người ấy, ông ta không kết luận lập tức rằng kẻ nghèo này là một thằng ngu không biết tận dụng cơ may của mình, một thằng nát rượu không có ý chí.”

“Tôi không biết Hans Hansen kết luận gì, nhưng đó là điều ai cũng nghĩ khi nhìn thấy một người nghèo.”

“Ông hãy lắng nghe đã nào!” cậu thanh niên Kurd nhiệt huyết nói. “Tôi sẽ không nói dài đâu. Có thể người ta thương hại những người nghèo lẻ tẻ, nhưng khi cả một dân tộc rơi vào cảnh nghèo đói thì trước tiên thế giới này nghĩ đó là một dân tộc gồm toàn những thằng ngu si đần độn, lười nhác, bẩn thỉu và vụng về. Người ta chê cười họ thay vì thương hại. Văn hóa, phong tục tập quán của họ, cái gì người ta cũng thấy lỗ bịch. Có thể sau đó một số người xấu hổ vì đã nghĩ vậy, thôi không cười nữa; và khi thấy những người nhập cư từ đó lau sàn nhà và đảm nhận các công việc hạ đẳng nhất, và e sợ biết đâu có ngày họ nổi loạn, người ta bèn tỏ ra quan tâm đến văn hóa họ, thật thế, người ta làm ra vẻ bình đẳng nữa.”

“Anh nói toẹt ra là dân tộc nào đi.”

“Tôi muốn nói thêm điều này,” cậu thanh niên Kurd giọng the thé xía vào. “Tiếc rằng loài người đã quên mất cách quan sát với nụ cười thân thiện, khi những người khác tàn sát và áp bức lẫn nhau. Tôi nhận ra điều đó từ những chuyện anh kể tôi ở Đức kể khi về Kars dịp hè vừa rồi. Thế giới không bao dung các dân tộc đi đàn áp dân tộc khác nữa.”

“Phải chăng anh nhân danh những người ở phương Tây đe dọa chúng tôi?”

“Cứ như thế,” chàng trai Kurd nhiệt huyết nói tiếp. “Một người ở phương Tây thoát tiên theo bản năng sẽ khinh rẻ người đến từ một dân tộc nghèo. Họ nghĩ rằng người ấy nghèo vì hắn là thành phần của một dân tộc ngu si, và chắc là trong đầu óc hắn ta rất những điều quái gở và ngu xuẩn, vốn là nguyên nhân gây ra cái nghèo của dân tộc ấy.”

“Nghĩ thế cũng không hẳn sai.”

“Nếu anh cũng đánh giá chúng tôi ngu, như thằng cha nhà văn kiêu căng ấy thì nói thẳng ra đi! Ít nhất thì thằng vô thần vô đạo ấy cũng làm được một việc là lên chương trình truyền hình trực tiếp, dũng cảm nhìn vào mắt chúng ta và nói thẳng ra là hắn thấy cả dân tộc Thổ ngu, trước khi hắn lên đường xuống địa ngục.”

“Xin lỗi, lên chương trình truyền hình trực tiếp thì làm sao trông xuống khán giả được?”

“Bố tôi không nói *‘trông xuống’* mà nói *‘nhìn vào’*,” Kadife nói.

“Các bạn ơi, chúng ta đừng cãi nhau như trong một buổi hội thảo nữa,” nhân vật phái tả đang ghi chép mọi thứ phát biểu. “Và hãy khẽ mồm thôi!”

“Chùng nào anh ta không đủ can đảm nói ra là dân tộc nào thì tôi cũng chưa im mồm. Chúng ta phải nhận thức rõ được rằng đưa những lời lẽ hạ nhục dân tộc lên một tờ báo Đức là phản bội tổ quốc.”

“Tôi không phải là kẻ phản bội tổ quốc. Tôi đồng ý với ông,” người thanh niên nhiệt huyết nói và đứng dậy. “Vì thế tôi đề nghị ghi lại là tôi không muốn sang Đức, ngay cả khi một ngày nào đó tôi có cơ hội và người ta cấp thị thực cho tôi.”

“Chẳng ai cấp cho một thằng ốm đói như cậu thị thực sang châu Âu đâu.”

“Nó còn chẳng được nhà nước phát hộ chiếu nữa cơ.”

“Đúng, họ không phát hộ chiếu,” chàng trai người Kurd nhiệt huyết nói. “Song thậm chí nếu họ cho tôi hộ chiếu và tôi qua châu Âu, ngay cả khi người Âu đầu tiên tôi gặp ngoài phố là một người tốt đi nữa, thì tôi vẫn nghĩ rằng người ấy khinh rẻ tôi, vì anh ta là người phương Tây, và thế là đủ cho tôi ngán rồi. Vì ở Đức nhìn thoáng qua là nhận ra người Thổ ngay... Cái duy nhất mà người ta có thể làm được để không bị hạ nhục là phải tư duy như họ. Nhưng đó là điều không thể, và cố gắng làm thế sẽ là mất phẩm cách nữa.”

“Anh bạn trẻ ơi, trong những gì anh nói ra thì phần đầu dở nhưng anh đã kết thúc hay,” một nhà báo người Azerbaijan nói. “Tuy nhiên đừng viết những lời ấy lên báo Đức, họ cười chúng ta đến vỡ bụng mất...” Ông ta im một lát rồi hỏi nham hiểm: “Nhưng anh vừa nói đến dân tộc nào vậy?”

Khi chàng trai Kurd ngồi xuống mà không trả lời gì cả, con trai ông nhà báo Azerbaijan ngồi bên cạnh đó kêu lên: “Nó sợ rồi!”

Có tiếng trả lời như “Sợ là đúng!” và “Nó không ăn lương nhà nước như các anh”, nhưng cả ông nhà báo già lẫn con trai ông không vì thế mà phiền lòng. Mọi người cùng lên tiếng, kể tiếu lâm và nhạo báng lẫn nhau khiến tất cả trong phòng tụ lại thành một quần thể trong không khí vui vẻ đùa nghịch. Về sau, khi nghe Fazil thuật lại những gì xảy ra, Ka sẽ chép lại trong vở là những cuộc họp chính trị như thế có thể kéo dài hàng tiếng và cũng là điều kiện duy nhất để

đám đàn ông phì phèo thuốc lá với bộ mặt cau có vui vẻ lên được mà không hề nhận ra là mình đang vui.

“Chúng ta không thể trở thành người Âu!” một thanh niên Hồi giáo chính trị khác kiêu ngạo nói. “Những người cố ép ta chấp nhận mô hình của họ, cứ việc dùng xe tăng súng đạn và sử dụng đủ thứ vũ lực nhưng họ không thể biến đổi linh hồn của ta.”

“Họ có thể chiếm cứ thân thể của tôi, nhưng linh hồn thì không bao giờ,” một thanh niên Kurd nhại với giọng như trong phim Thổ.

Tất cả phá lên cười. Cả người thanh niên vừa phát biểu cũng cười theo.

“Tôi cũng muốn nói một lời,” một thanh niên trong đám ngồi cạnh Lam lên tiếng. “Tuy các bạn ở đây không lặp lại phương Tây như những con vẹt thiếu tự trọng, nhưng không khí ở đây cứ như chúng ta phải xin lỗi vì chúng ta không phải là người Âu vậy.” Anh ta quay sang người mặc áo vest da đang chép lại mọi phát biểu và nói với giọng của một kẻ lưu manh lịch lãm: “Những gì tôi đã nói cho đến lúc này không phải để cậu chép lại, cậu nhỏ ạ! Giờ thì viết đi: Tôi tự hào về phần phi châu Âu trong tôi. Tất cả những gì trong tôi mà người Âu thấy ngô nghê, dăm man và thô thiển đều làm tôi tự hào. Nếu bọn họ đẹp thì tôi sẽ xấu, họ khôn thì tôi thà ngu còn hơn, họ hiện đại thì cứ để kệ tôi lạc hậu.”

Không ai trong phòng hưởng ứng những lời ấy. Nhưng vì mỗi lời nói ở đây đều nhận được câu trả lời đùa cợt nên người ta mỉm cười một chút. Một người đánh đá góp lời: “Cậu thì đảng nào chả ngu sẵn rồi!” Nhưng đúng lúc đó người lớn tuổi hơn trong hai nhân vật phái tả và người mặc áo vest sẫm màu nổi cơn ho dữ dội nên không rõ ai nói câu ấy.

Chàng trai mặt đỏ đứng ở cửa nhảy ra đầu phòng và bắt đầu đọc một bài thơ, bắt đầu như sau:

Châu Âu, hỡi châu Âu

Ở đó chó đi đâu

Tớ làm gì kệ tớ

Chẳng thích giống cậu đâu!

Fazil không nghe được hết bài vì tiếng ho, các giọng nói xen vào và cười đùa, do vậy sau này cậu không thuật lại cả bài cho Ka nghe được, nhưng cậu nhớ rõ những tiếng phản đối. Ba người phản ứng được ghi lại trên cùng trang giấy có chép những đoạn hai dòng cho báo chí phương Tây và được Ka tích hợp vào bài thơ “*Toàn nhân loại và những tình cầu*” mà ông viết sau đó:

1. “Chúng ta không việc gì phải sợ họ, chẳng có gì đáng sợ cả!” nhân vật phái tả già đời hét lên.
2. Nhà báo Azerbaijan già luôn mồm hỏi “Anh nói về dân tộc nào?” nói: “Chúng ta không từ bỏ bản ngã Thổ Nhĩ Kỳ và tôn giáo của chúng ta” và liệt kê căn cứ các cuộc thập tự chinh, vụ sát hại dân Do Thái, những người bản xứ da đỏ ở Mỹ và số tín đồ Hồi giáo Algeria bị Pháp giết. Liền đó nhân vật gây hấn trong phòng hỏi thâm độc: “Hàng triệu người Armenia ở Kars và toàn xứ Anatolia đâu cả rồi?” Gã mặt thám ghi chép mọi chuyện không ghi lại tên nhân vật này vì thương hại.
3. Có người nói: “Chẳng ai dại gì dịch một bài thơ dài và vớ vẩn như vậy, và Hans Hansen cũng chẳng đăng nó lên báo đâu.” Đó là dịp để các thi sĩ trong phòng (ba người cả thảy) ca thán về sự cô đơn khốn khổ của các nhà thơ Thổ trên thế giới.

Lúc thẳng trai mặt đỏ đầm đìa mồ hôi kết thúc bài thơ mà cử tọa nhất trí là vô cùng nhớ nhăng và thô thiển, mấy người vỗ tay mời xuống cho rảnh. Người ta nói là nếu chẳng may bài này được đăng lên báo Đức thì chỉ tổ “chúng ta” bị chê cười nhiều hơn. Người Kurd có anh rể ở Đức than phiền: “Khi họ làm thơ hay hát thì họ phát ngôn nhân danh cả loài người. Họ là người, còn chúng ta chỉ là dân Hồi giáo thôi. Chúng ta có viết gì thì đó chỉ là thơ của một nước nhược tiểu.”

“Tôi có thông báo như sau, viết đi!” người đàn ông mặc áo vest sẫm màu nói. “Nếu người Âu nói đúng, cũng như tương lai và sự cứu rỗi duy nhất của chúng ta là hòa hợp cho giống họ thì quả là tốn thì giờ ngu xuẩn để làm trò nhố nhăng là cố chứng minh chúng ta chỉ giống chúng ta mà thôi.”

“Để chúng tỏ với người Âu rằng chúng ta ngu si thì câu này được nhất rồi đó!”

“Lần nữa, làm ơn nói cho rõ rằng dân tộc nào sẽ được chúng tỏ là ngu si!”

“Thưa các quý ông, chúng ta cứ làm như tất cả mọi người ở đây khôn ngoan và quý giá hơn người phương Tây nhiều, nhưng nếu hôm nay người Đức mở một phòng lãnh sự ở Kars và cấp thị thực miễn phí thì tôi thề là trong vòng một tuần thành phố này sẽ sạch bóng người.”

“Nói láo. Lúc nãy anh bạn kia vừa nói là sẽ không đi, ngay cả khi họ cho anh ấy thị thực. Tôi cũng sẽ không đi, mà giữ gìn danh dự và ở lại đây.”

“Những người khác cũng ở lại, xin các ông hãy nhớ cho! Những ai không muốn đi đề nghị giơ tay, ta sẽ thấy ngay thôi.”

Một số người nghiêm nghị giơ tay. Nhìn thấy thế, mấy thanh niên có vẻ bối rối. “Trước tiên phải giải trình rõ là tại sao những người ra đi lại không có danh dự,” người mặc áo vest sẫm màu muốn biết.

“Khó mà giải trình cho một người không thể tiếp thu,” ai đó nói bí hiểm.

Fazil thấy Kadife buồn rầu nhìn qua cửa sổ, và tim cậu bắt đầu đập rộn ràng. Lay trời hãy giữ cho con sự trong trắng, đừng để con rối trí; những ý nghĩ ấy nảy ra trong óc cậu. Cậu nghĩ là nếu nghe được thì Kadife sẽ hài lòng với những lời ấy và muốn bảo ghi chúng lại cho tờ báo Đức, nhưng lúc đó đang có người nói về chuyện khác và chẳng ma nào để ý tới cậu cả.

Chỉ mình chàng trai người Kurd giọng the thé có khả năng nói át tiếng ồn ào trong phòng. Anh quyết định đem một trong những giấc mơ của mình lên mặt báo Đức. Trong cảnh đầu giấc mơ được thuật lại với giọng run rẩy từng quãng, anh xem phim hoàn toàn một mình trong Nhà hát nhân dân. Một bộ phim phương Tây, tất cả nói tiếng nước ngoài nhưng anh không thấy hề hấn gì, vì anh có cảm giác vẫn hiểu được hết. Rồi anh thấy mình lọt vào trong phim: ghế của anh ở nhà hát thực ra là chiếc ghế bành trong phòng khách một gia đình Thiên chúa giáo. Bỗng nhiên anh thấy một bàn thức ăn lớn, anh muốn ăn thật no nhưng chần chừ vì sợ điều này không hợp. Rồi tim anh đập nhanh hơn khi thấy đối diện mình là một cô gái tóc vàng xinh đẹp và nhận ra tấp lự là anh đã yêu nàng từ nhiều năm. Nàng cũng đối xử thân mật và tin cậy không ngờ. Nàng khen trang phục và cư xử của anh, hôn lên má anh và vuốt tóc anh. Anh hạnh phúc ngẩn người. Rồi đột nhiên nàng đặt anh ngồi lên lòng và chỉ cho anh các món trên bàn, đó là lúc anh trào nước mắt nhận ra mình còn là một đứa bé và chỉ vì thế mới được coi là dễ thương đến vậy.

Giấc mơ được đón chào bằng những tiếng cười và lời chọc ghẹo, nhưng có cả lưu luyến gần như khiếp sợ.

“Anh ta không thể mơ chuyện ấy được.” Nhà báo già nói giữa không khí im lặng vừa xuất hiện. “Anh chàng người Kurd này bịa ra để hạ nhục chúng ta trong mắt người Đức một cách ghê gớm. Đừng chép lại!”

Để chứng minh mình đã mơ thật, chàng trai thú nhận một chi tiết mà lúc đầu anh đã bỏ qua: mỗi lần thức dậy sau giấc mơ này, anh lại nhớ đến cô gái tóc vàng. Lần đầu tiên anh gặp cô trước đây năm năm, khi cô xuống khỏi một xe buýt đưa du khách đến đây tham quan các nhà thờ Armenia. Cô mặc một áo dài màu lam hở vai, chiếc áo ấy cô cũng mặc trong mơ.

Người ta càng cười nhiều hơn. “Phụ nữ châu Âu như vậy thì thấy nhiều rồi, những tưởng tượng do ma quỷ nhồi vào đầu ta thì ai mà biết được,” một người nói.

Khung cảnh thích hợp này lập tức khởi động cho cánh buôn những chuyện ác ý, tai quái hay thiếu đứng đắn về phụ nữ châu Âu. Một thanh niên cao lớn, thon thả và khá đẹp trai từ nãy chưa được ai để ý, bắt đầu kể: một người phương Tây và một tín đồ Hồi giáo gặp nhau ở ga; mãi chưa thấy tàu đến, cuối sân ga có một cô gái Pháp rất hấp dẫn đợi tàu...

Đó là một câu chuyện mà bất kỳ người nào đã học qua trường nam sinh hoặc xong nghĩa vụ quân sự đều có thể đoán được diễn biến; nói về quan hệ giữa một bên là năng lực tình dục và bên kia là quốc tịch và văn hóa. Không có chữ nào tục tĩu trong đó mọi ý thô thiển đều được diễn đạt bóng gió, nhưng trong nháy mắt xuất hiện một không khí trong phòng mà sau này Fazil nhận xét như sau: “Nỗi xấu hổ đè nặng trái tim tôi!”

Turgut Bey đứng dậy. “Được đưa lại đây cho tôi ký.”

Ông ký bằng cây bút bi mới tinh lấy trong túi ra. Ông đã kiệt sức vì ồn ào và khói thuốc, chỉ muốn đi khỏi đây. Kadife đỡ ông đứng dậy.

“Xin các vị nghe tôi một phút,” cô nói. “Các vị không xấu hổ, nhưng mặt tôi đỏ lên vì xấu hổ khi nghe các vị nói. Ở đây tôi trùm khăn lên đầu để các vị không thấy tóc tôi, có nghĩa là tôi gánh thêm một khó nhọc nữa vì các vị, nhưng...”

“Không phải vì chúng tôi!” một giọng kính cẩn thì thào. “Vì Thượng đế và vì sự cứu rỗi linh hồn của chính cô!”

“Cả tôi cũng có điều cần nói với báo Đức, xin ghi đi!” Với linh tính của một diễn viên, cô biết mọi người đang nhìn cô nửa bất bình nửa ngưỡng mộ. “Một thiếu nữ ở Kars, không, đề nghị viết lại, một nữ tín đồ Hồi giáo trẻ ở Kars, vì lý do tín ngưỡng luôn coi khăn trùm đầu của mình như một lá cờ. Vì một nỗi kinh tởm đột ngột đến với mình mà cô lột bỏ khăn trước mắt mọi người. Tin này chắc chắn sẽ làm người châu Âu thích thú. Như thế Hans Hansen sẽ đăng những gì chúng ta muốn nói ra. Và sau khi bỏ khăn thiếu nữ ấy nói: “Xin Thượng đế xá tội, vì bây giờ con phải đơn thương độc mã. Thế giới này thật xấu xa, con giận dữ và yếu ớt đến nỗi...”

“Kadife!” Fazil đột nhiên thì thào. “Đừng để lộ tóc ra! Chúng tôi, tất cả chúng tôi đang có mặt đây. Cả Necip và tôi. Nếu chị làm vậy thì chúng ta, tất cả chúng ta đều chết.”

Tất cả ngơ ngàng một lát. Mấy người nói “vớ vẩn!” hay “tất nhiên không nên bỏ khăn ra!” Nhưng đa số hướng mắt về Kadife và chờ đợi, vừa hy vọng chứng kiến một vụ bê bối hay bất kỳ gì đó xảy ra, vừa tìm cách suy đoán xem đây là kiểu khiêu khích gì và ai giật dây đằng sau.

Fazil nói: “Hai câu tôi muốn được đăng trên báo Đức như sau...” Tiếng ồn trong phòng lại dấy lên. “...Tôi không chỉ phát ngôn cho mình, mà cả cho người bạn Necip ở thế giới bên kia đã bị

sát hại đã man trong đêm nổ ra cách mạng: Kadife, chúng tôi yêu chị nhiều lắm. Nếu chị để lộ tóc ra thì tôi sẽ tự sát, đừng làm thế.”

Một số người nghe Fazil nói với Kadife “chúng tôi yêu chị”, những người khác cả quyết là cậu đã nói “tôi yêu chị”. Dù có thể đó là chuyện thêu dệt ra để giải thích hành vi của Lam tiếp đó.

Lam gầm lên: “Không ai ở thành phố này được nói đến chuyện tự sát.” và ra khỏi phòng, không thèm nhìn về phía Kadife lấy một lần. Cuộc họp chấm dứt ngay, những người tụ tập trong phòng vội vã và ồn ào tóa ra ngoài.

TÔI KHÔNG THỂ, CHỪNG NÀO CÒN CÓ HAI LINH HỒN NGỰ TRONG THỂ XÁC TÔI

Tình yêu, sự hèn kém và việc Lam biến mất

Ka rời khách sạn Lâu Đài Tuyết lúc năm giờ kém mười lăm, trước khi Turgut Bey và Kadife từ cuộc họp ở khách sạn Châu Á quay về. Còn mười lăm phút nữa mới đến giờ hẹn gặp Fazil, nhưng hạnh phúc tràn trề khiến ông không ngồi yên nổi. Ông rẽ trái đi khỏi phố Atatürk, lang thang đến tận sông Kars và trên đường đi ông quan sát đám người trong các quán trà, những màn ti vi đang chạy, dãy cửa hàng tạp phẩm và hiệu ảnh. Ông bước lên cây cầu sắt hút mấy điếu Marlboro liền mà không thèm để tâm đến trời lạnh, và mơ màng nghĩ đến cuộc sống hạnh phúc với Ipek ở Frankfurt. Trong công viên đối diện, nơi ngày xưa các nhà giàu ở Kars xem trượt băng, bây giờ là bóng tối ghê sợ ngự trị.

Fazil đến hơi muộn và trong một thoáng nhập nhoạng Ka lại nhầm cậu với Necip. Họ cùng đi vào quán trà Anh Em Hạnh Phúc, và Fazil kể cho Ka nghe chi tiết cuộc gặp gỡ tại khách sạn Châu Á. Đến đoạn cậu cho rằng Kars sẽ đi vào lịch sử thế giới, Ka đột ngột chặn cậu lại như khi người ta cần nghe một tin trên radio, và viết bài thơ “*Toàn nhân loại và những tình cầu*”.

Theo các ghi chép sau này, Ka cho bài thơ này miêu tả nỗi phiền muộn của một thành phố hoang phế không có vị trí trong lịch sử, mở đầu tương tự như cảnh đầu một số phim Hollywood đã xem và rất say mê hồi còn bé. Sau tiêu đề, thoát tiên ống kính thu từ xa hình trái đất chậm chậm quay, rồi tiến dần lại gần, sau đó chợt hiện ra một đất nước - và trong cuốn phim Ka quay từ thời thơ ấu trong tưởng tượng thì dĩ nhiên nước đó là Thổ Nhĩ Kỳ: màu xanh của biển Marmara, Hắc Hải và Bosphorus hiện lên, và trong khi máy quay phim ngày càng lại gần thì người ta thấy Istanbul, quận Nişantaşı nơi ông sống tuổi thơ, người cảnh sát giao thông ở phố Teşvikiye, con phố Thi Sĩ Nigâr bé tẹo. Mái nhà và cây cối (ngắm từ trên xuống mới đẹp sao!), quần áo trên dây phơi, áp phích quảng cáo đồ hộp Tamek, máng nước gỉ sét, tường nhà không trát vữa mà quét hắc ín, và dần dần đến lượt cửa sổ của Ka. Ông kính máy quay vượt qua cửa sổ vào trong nhà, rảo qua căn phòng đầy sách, đồ vật và thảm bụi bặm,

quay đến Ka đang ngồi viết bên chiếc bàn kê trước cửa sổ đối diện, rồi qua vai đến tận mũi nhọn của ngòi bút máy, và ta có thể đọc được những dòng cuối của bức thư đang viết ĐỊA CHỈ NƠI TA ĐI VÀO LỊCH SỬ THẾ GIỚI THÌ CA: THI SĨ Ka, SỐ 1618 PHỐ THI SĨ NIGÂR, NIŞANTAŞI, ISTANBUL, THỒ NHỈ KỲ. Độc giả tinh ý sẽ thấy ngay bài thơ này tuy nằm trên trục LÝ TRÍ, nhưng lại ở trong phạm vi ảnh hưởng của TUỞNG TUỞNG.

Cuối câu chuyện cậu tường thuật lại, Fazil kể về điều làm cậu thực sự đau lòng: cậu cực kỳ xốn xang vì đã nói là mình sẽ tự sát nếu Kadife bỏ khăn trùm ra. “Tôi đau lòng không chỉ vì tự sát là mất lòng tin vào Thượng đế, mà vì tôi không hề muốn làm việc đó. Có gì tôi lại nói ra điều mà tôi không tin?” Sau khi nói với Kadife, cậu thầm cầu nguyện: “Con hối hận, Thượng đế hãy rửa lòng thương con!” Nhưng lúc nhìn vào mắt cô ở cạnh cửa thì cậu run lên bần bật.

“Kadife có tin là tôi yêu cô ấy không?”

“Cậu yêu Kadife?”

“Ông biết là tôi từng yêu Teslime ở thế giới bên kia, và người bạn đã chết Necip của tôi yêu Kadife. Tôi xấu hổ vì chưa đầy một ngày sau khi bạn chết đã yêu người yêu của bạn. Tôi cũng biết là chỉ có một lời giải thích duy nhất cho chuyện đó và nó khiến tôi sợ. Ông cho tôi biết làm sao ông có thể biết chắc là Necip đã chết?”

“Tôi đã nhìn kỹ lỗ đạn trước khi đặt tay vào xác và hôn lên hai má.”

“Có thể linh hồn Necip giờ đang sống trong tôi,” Fazil nói. “Ông nghe này. Tối qua tôi không thích kịch và cũng chẳng xem tivi. Tôi lên giường đi ngủ sớm. Trong giấc ngủ tôi hiểu ra rằng Necip đã gặp đại hạn. Khi lính xông vào nhà ngủ của chúng tôi thì tôi không nghi ngờ gì nữa. Lúc gặp ông ở thư viện tôi đã biết là Necip chết rồi, vì linh hồn nó đã nhập vào cơ thể tôi. Lúc đó là buổi sáng sớm. Đám lính càn vào nhà ngủ không làm gì tôi cả. Buổi đêm tôi ngủ ở nhà bạn bố tôi từ hồi trong quân đội. Chú ấy người Varto và sống ở phố Chợ. Sáu tiếng sau khi Necip chết, vào lúc sáng sớm tôi nhận thấy mình mang nó trong người. Tôi đang nằm ngủ trên giường khách thì chợt bị một cơn chóng mặt ngăn, rồi tôi có một cảm giác rất lạ, rất ấm áp tận sâu bên trong. Bạn tôi đã đến với tôi, nó ở trong tôi. Như sách ngày xưa nói, linh hồn một người rời bỏ thể xác sáu tiếng sau khi chết. Suyuti đã viết là linh hồn biến ảo như thủy ngân, và cho đến ngày tận thế nó phải ở Barzah, đường biên giữa thế giới bên này và bên kia. Song linh hồn Necip đã nhập vào tôi. Tôi tin chắc là thế. Và tôi cũng sợ, vì chuyện đó không thấy nói trong kinh Koran. Nhưng nếu không đúng thế thì làm sao tôi có thể yêu Kadife nhanh như vậy. Và cũng do đó tự sát vì cô ấy đâu phải là ý nghĩ riêng của tôi. Ông có tin là linh hồn Necip đang sống trong tôi không?”

“Nếu cậu tin thế,” Ka thận trọng nói.

“Tôi chỉ nói với riêng ông. Necip đã tiết lộ các bí mật của nó với ông chứ không cho ai khác biết. Tôi xin ông cho tôi biết sự thực: Necip chưa bao giờ nói với tôi là nó có những nghi vấn mang tính vô thần. Nhưng có thể nó nhắc đến chuyện đó trước mặt ông. Có bao giờ Necip nói - xin Thượng đế tha tội - là nó nghi ngờ sự tồn tại của Allah không?”

“Nó không nói về ý nghi ngờ nào như vậy, mà về chuyện khác. Như nó đã nói với tôi, tình cờ nó nghĩ đến sự không tồn tại của Thượng đế vô vàn kính yêu, giống như một người tượng tượng ra cái chết của bố hay mẹ mình mà trào nước mắt và thấy sung sướng từ nỗi đau ấy.”

“Bây giờ tôi cũng trong tình trạng đó.” Fazil ngắt lời ông. “Và tôi tin chắc rằng linh hồn Necip đã truyền vào tôi nghi ngờ ấy.”

“Nghi ngờ như thế không đồng nghĩa với thuyết vô thần.”

“Nhưng đến giờ thì tôi cũng thấy các thiếu nữ tự sát là đúng,” Fazil buồn bã nói. “Tôi vừa nói là tôi sẵn sàng tự sát. Tôi không muốn gọi Necip là người vô thần, nhưng bây giờ tôi nghe tiếng một người vô thần trong tôi khiến tôi rất hoảng sợ. Tôi không biết ông có phải là người vô thần, nhưng ông đã sống ở châu Âu, đã làm quen nhiều trí thức, nhiều người uống rượu và sử dụng ma túy. Xin ông nói cho tôi nghe một lần nữa: người vô thần cảm nhận gì?”

“Ở đó không ai suốt ngày bận tâm nghĩ đến tự sát.”

“Không phải suốt ngày, nhưng đôi lúc tôi muốn tự sát.”

“Vì sao?”

“Vì tôi luôn nhớ đến Kadife, ngoài ra không còn gì khác nữa. Lúc nào tôi cũng thấy Kadife trước mắt! Lúc làm bài về nhà, lúc xem ti vi, lúc dạo trời tối, ở những nơi hoàn toàn không liên quan đến Kadife - tất cả nhắc tôi nhớ đến cô ấy, và tôi khổ sở vô cùng. Trước khi Necip chết đã thế rồi. Thực sự tôi chưa bao giờ yêu Teslime, mà chỉ yêu Kadife. Nhưng tôi chôn vùi tất cả trong lòng vì Kadife là mối tình của bạn tôi. Cũng chỉ vì nó luôn mồm nói đến Kadife mà khơi dậy lửa tình trong tôi. Khi quân lính xông vào nhà ngủ, tôi tin là có thể chúng đã giết Necip, và đúng thế, tôi thấy vui mừng. Không phải vì bây giờ tôi có thể công khai tình yêu đối với Kadife, mà vì tôi cảm thấy căm thù Necip, người đã chôn ngòi cho mối tình này trong tôi. Giờ thì Necip chết rồi, tôi được tự do, nhưng hậu quả là tôi càng yêu Kadife hơn. Từ lúc ngủ dậy là tôi đã nghĩ đến cô ấy và ngày càng ít nghĩ đến bất kỳ chuyện nào khác hơn. Lạy trời, tôi phải làm gì đây!” Fazil lấy hai tay ôm mặt và khóc.

Ka châm một điếu Marlboro và cảm nhận một sự bàng quan ích kỷ. Nhưng ông vẫn đưa tay ra vuốt tóc Fazil một lúc lâu.

Có người lại gần họ, một mắt nhìn họ còn mắt kia hướng ra ti vi: mặt vụ Saffet. “Thằng bé không việc gì phải khóc. Tôi không nộp thẻ căn cước của nó vào đồn mà đem theo người đây,” ông ta nói. Không thấy Fazil phản ứng, Ka cầm lấy tấm thẻ mà Saffet lấy trong túi và chìa ra. “Sao nó lại khóc?” Saffet hỏi, nửa vì công việc và nửa vì quan tâm. “Vì chuyện yêu đương,” Ka nói. Câu trả lời làm tên mặt vụ yên tâm ngay. Ka nhìn theo cho đến khi ông ta ra khỏi quán trà.

Sau đó Fazil hỏi phải làm gì để thu hút sự chú ý của Kadife. Và cậu nói là cả thành phố biết Ka yêu chị cô, Ipek. Ka thấy lòng say mê của Fazil thật vô vọng và lảm lạp, khiến ông thoáng lo sợ tình yêu của mình đối với Ipek cũng mịt mù như vậy. Ông khô khan lặp lại đề nghị của Ipek “Hãy là chính mình!” cho Fazil lúc này đã thối nức nở.

“Nhưng tôi không thể, chừng nào còn có hai linh hồn ngụ trong thể xác tôi,” Fazil nói, thêm vào đó, linh hồn vô thần của Necip đang dần chiếm thể thương phong. Nhiều năm qua tôi vẫn nghĩ là các bạn tôi sai lầm khi dính dáng đến chính trị, giờ thì tôi muốn cùng phe Hồi giáo chính trị làm gì đó chống lại đảo chính. Nhưng tôi cảm thấy mình làm chuyện đó chỉ để Kadife hài lòng. Tôi thấy sợ vì không thể nghĩ đến gì khác ngoài Kadife. Chẳng phải vì tôi hoàn toàn không quen Kadife, mà vì tôi thấy mình như một kẻ vô thần, không còn tin vào gì khác ngoài tình yêu và hạnh phúc.”

Khi Fazil lại bắt đầu khóc nữa, Ka tự hỏi có nên nói với cậu rằng không nên để lộ tình yêu đối với Kadife trước mặt thiên hạ và nên cẩn trọng giữ mình trước Lam. Ông cũng đoán là Fazil biết quan hệ giữa Lam và Kadife, một khi đã biết cả chuyện giữa ông và Ipek. Và nếu biết tình hình rồi thì vì lý do thứ bậc trong chính trị Hồi giáo ở Ka cậu không bao giờ được phép yêu Kadife.

“Chúng tôi nghèo và hèn kém, toàn bộ vấn đề là ở đó,” Fazil nói trong cơn thịnh nộ khác

thường. “Cuộc sống nhỏ nhoi của chúng tôi không có chỗ trong lịch sử loài người. Một ngày nào đó tất cả chúng tôi, những người sống ở thành phố Kars tội nghiệp này sẽ chết rấp. Sẽ chẳng ai nhớ đến chúng tôi, chẳng ai quan tâm đến chúng tôi cả. Chúng tôi chỉ là những con rối vô tích sự, sẵn sàng cắn xé nhau vì một vấn đề như phụ nữ nên đội gì lên đầu, chà đạp nhau trong những cuộc cãi vã vô nghĩa và tầm thường. Tất cả sẽ quên chúng tôi đi. Khi nhận ra rằng chúng tôi sẽ biến khỏi thế giới này mà không để lại tầm tích sau khi đã sống một cuộc đời ngu dại khủng khiếp, tôi hoàn toàn thấu hiểu rằng trên đời này chỉ có tình yêu. Lúc đó, mọi cảm nhận của tôi về Kadife còn hành hạ tôi kinh khủng hơn nữa, khi nghĩ trên thế gian này tôi chỉ tìm được an ủi trong vòng tay cô ấy. Còn Kadife thì không chịu rời khỏi tâm trí tôi.”

“Ừ, những suy nghĩ đó hợp với một kẻ vô thần lắm,” Ka nói không chút thương hại.

Hoặc là Ka không nhớ lại những gì họ bàn luận sau đó, hoặc ông không ghi lại. Trong ti vi đang có một phim quay lén cảnh trẻ con Mỹ bị trượt trên ghế xuống, đập vỡ bể cá, rơi ùm xuống nước, ngã vì đâm phải gấu vảy, tiếng cười từ băng ghi âm rò lên sau hậu trường. Như những người khác trong quán trà, Fazil và Ka quên hết mọi chuyện và thích thú theo dõi những đứa trẻ Mỹ.

Trong lúc Ka và Fazil xem trong vô tuyến một chiếc xe tải bí mật luồn qua rừng thì Zahide vào quán trà. Bà rút một phong bì màu vàng ra và đưa Ka, Fazil không để ý đến. Ka mở phong bì, lấy ra mẫu giấy và đọc: thư của Ipek. Kadife và Ipek muốn gặp ông ở hiệu bánh ngọt Đời Mới lúc sáu giờ. Còn hai mươi phút nữa. Zahide được Saffet cho biết là Ka đang ở quán trà Anh Em Hạnh Phúc.

Fazil nói khi Zahide đã đi khỏi: “Cháu bà ấy ở lớp tôi. Nó mê trò may rủi đến phát cuồng, không bỏ qua trận chơi gà hay đấu chó nào nếu có đặt cược.”

Ka đưa cậu thẻ căn cước mà ông nhận được từ Saffet. “Tôi được gọi về ăn tối ở khách sạn.” Ông nói và đứng dậy.

Fazil hỏi không chút hy vọng: “Ông sẽ gặp Kadife chứ?” Cậu xấu hổ khi thấy nét mặt Ka lộ vẻ ngán ngẩm và thương hại. Lúc Ka ra khỏi quán, cậu hét với theo: “Nếu gặp cô ấy thì ông hãy nói với cô ấy là tôi sẽ tự sát nếu cô ấy để lộ tóc ra. Nhưng không phải vì cô ấy để lộ tóc ra, mà vì tôi sung sướng được tự sát vì cô ấy!”

Cho đến lúc hẹn còn thì giờ, do đó Ka rẽ vào một phố cắt ngang. Trong khi đi qua phố Bờ Kênh ông nhìn thấy quán trà, nơi ông đã viết bài thơ “*Ngõ mơ*” hồi sáng. Ông bước vào, nhưng không nghĩ ra vần thơ mới nào như mong đợi. Theo một linh tính đột ngột, ông rời khỏi quán trà ít khách đặc sệt khói thuốc qua cửa sau. Ka đi qua mảnh sân đầy tuyết tối om, bước qua bức tường thấp và đi lên bậc tam cấp, rồi xuống tầng hầm trong tiếng sủa của con chó bị xích.

Một bóng đèn sáng lơ mờ. Ngoài mùi than và cừu Ka còn ngửi thấy rượu Raki. Cạnh lò sưởi ồn ào lở nhổ mấy bóng người. Ông không ngạc nhiên khi thấy giữa những hòm bìa cứng viên mật vụ mũi khoằm của Bộ an ninh quốc gia đang ngồi uống Raki cạnh cô gái Georgia bị lao và chồng cô. Chính họ cũng không có vẻ ngạc nhiên khi thấy Ka xuất hiện. Người đàn bà ốm đội trên đầu một chiếc mũ đỏ duyên dáng. Cô mời Ka trứng luộc và bánh mì cắt lát mỏng, còn chồng cô rót cho ông một ly Raki. Trong lúc Ka bóc quả trứng luộc rần đanh, viên mật vụ mũi khoằm nói tăng ngảm lò sưởi này là góc ấm áp nhất ở Kars, một thiên đường thực thụ.

“*Thiên đường*” là đầu đề bài thơ mà Ka viết ra trong khoảng im lặng sau đó, không đặt bút nghĩ và không sửa một chữ. Đối với ông, khi đặt bài này lên trục TUỔNG TUỔNG cách xa trung tâm bông tuyết, không có nghĩa thiên đường là một tương lai trong tưởng tượng, mà là nơi những tưởng tượng trong hồi ức được lưu lại và sống động. Trong những năm về sau, mỗi lần nhớ lại bài thơ này Ka lại liệt ra một số hồi ức. Ví dụ như kỳ nghỉ hè hồi nhỏ, những hôm trốn

học, hay cùng em gái leo lên giường với bố mẹ, hoặc mấy bức hình ông vẽ hồi bé, chuyện ông làm quen một cô gái trong buổi liên hoan ở trường, sau đó gặp lại và hôn cô ra sao.

Trên đường tới hiệu bánh ngọt Đồi Mới, ông nghĩ đến tất cả những chuyện đó và Ipek. Ở đó Ipek và Kadife đã ngồi đợi ông sẵn. Ipek xinh đẹp quá, khiến Ka - cũng vì tác động của rượu Raki uống lúc đói - thoáng cảm thấy hạnh phúc đến rung rung nước mắt. Ka không chỉ thấy hạnh phúc vì được ngồi cùng bàn với hai chị em xinh đẹp mà còn thấy tự hào. Ông ước gì những tay bán hàng người Thổ mệt mỏi hằng ngày tươi cười chào ông ở Frankfurt nhìn thấy ông cạnh hai cô gái này. Nhưng trong nhà hàng, nơi ông hiệu trưởng đại học sư phạm bị bắn chết trước đó một hôm, chẳng có ai ngoài ông già bồi bàn. Suốt thời gian ngồi cạnh Ipek và Kadife trong hiệu bánh Đồi Mới, hình ảnh chính mình và hai chị em xinh đẹp - cho dù một người đội khăn trùm đầu hiện lên trong đầu ông như chiếc gương chiếu hậu hiện hình chiếc ôtô lẳng nhặng đi sau.

Trái với Ka, hai cô gái hoàn toàn không thư thái chút nào.

Nghe Ka nói là ông được Fazil cho biết những gì diễn ra tại khách sạn Châu Á, Ipek nói tóm tắt.

“Lam giận dữ rời buổi họp. Bây giờ Kadife rất hối hận vì những gì mình đã phát biểu ở đó. Chúng em đã cho Zahide đến chỗ trốn của Lam nhưng anh ấy không có mặt ở đó. Không thể tìm được Lam.” Ipek bắt đầu nói như một cô chị lớn tuổi chỉ muốn giúp em gái, nhưng lúc này trông cô cũng lo lắng vô cùng.

“Nếu tìm được thì hai người muốn gì ở anh ta?”

“Trước tiên em muốn chắc chắn rằng anh ấy còn sống và không bị bắt.” Ipek nói. Cô nhìn qua Kadife đang chực khóc òa lên bất cứ lúc nào. “Anh hãy kiểm tin tức về Lam, nói cho anh ấy biết Kadife sẽ làm tất cả những gì anh ấy muốn!”

“Hai người thuộc Kars hơn tôi nhiều.”

“Nhưng chúng em là phụ nữ, mà trời thì tối rồi.” Ipek nói. Anh đã quen với thành phố này. Anh hãy tìm quán trà Người Cung Trăng và Chào Mừng ở phố Halit Paşa, nơi học sinh trường tôn giáo là người Hồi giáo chính trị hay đến. Ở đấy bây giờ đầy bọn cảnh sát chìm, nhưng cảnh sát chìm thì cũng ưa lê la buôn chuyện. Nếu có gì xảy ra với Lam thì anh sẽ nghe được.”

Kadife rút khăn tay ra chùi mũi. Ka nghĩ là cô sẽ khóc ngay bây giờ.

“Anh hãy kiểm tin tức về Lam cho bọn em!” Ipek nói. “Nếu chúng em về muộn sẽ làm bố lo. Bố đợi anh về ăn tối đấy.”

“Ông nhớ tìm đến các quán trà ở quận Bayrampaşa nhé!” Kadife nói khi đứng dậy. Giọng cô run run.

Nỗi lo lắng và tuyệt vọng của hai cô gái có chút gì đó yếu ớt và hấp dẫn khiến Ka cùng đi với họ một nửa quãng đường từ hiệu bánh về khách sạn Lâu Đài Tuyết vì ông không thể dứt ra đi một mình được. Không chỉ vì sợ mất Ipek, mà một sự đồng lõa bí hiểm gắn ông với họ: họ cùng làm một việc sau lưng ông bố. Ông tưởng tượng ra cảnh sẽ có một ngày Ipek cùng mình đi Frankfurt, Kadife đến thăm họ và tất cả cùng nhau dạo chơi ở phố Berliner, lượn từ quán cà phê này sang quán khác.

Ông hoàn toàn không tin rằng sẽ làm được công việc đã trao. Quán trà Người Cung Trăng mà ông dễ dàng tìm ra thì tầm thường và tẻ nhạt đến nỗi ông quên bém tại sao lại đến đây. Ông

ngồi xem ti vi một lúc lâu. Có mấy người ở độ tuổi sinh viên trong quán, song không ai ra ngồi cùng bàn với ông, mặc cho Ka nói vu vơ về bóng đá để bắt chuyện, thậm chí còn đặt ngay bao thuốc và bật lửa lên bàn xem có ai hỏi xin không. Ông ra khỏi quán khi hiểu ra rằng chẳng mọi được tin tức nào, ngay cả từ người bồi bàn mắt lác, và đi qua quán Chào Mừng ngay gần đó. Ở đây cũng có bọn trẻ đang theo dõi trận bóng đá ấy trong ti vi đen trắng. Nếu không nhận ra những mẩu tin cắt từ báo ra và lịch thi đấu năm nay của đội Karsspor dán trên tường chắc Ka không thể nhớ hôm qua đã ngồi đây với Necip để chuyện trò về sự tồn tại của Thượng đế và ý nghĩa thế giới. Ông thấy đã có vài câu nối thêm vào bài thơ tối qua do một nhà thơ khác viết ngay bên cạnh. Ka chép nó vào vở:

Hiển nhiên là mẹ sẽ không từ thiên đường bay xuống ôm chúng ta vào lòng.

Và ông bố vô thần của chúng ta sẽ đánh mẹ hằng ngày không tiếc thương.

Nhưng có sao đâu: mẹ vẫn tỏa sáng hồn ta, vì số phận chúng ta là thế.

Và một khi ta ngập trong cúrt thì Kars là thiên đường.

“Ông làm thơ à?” chủ quán trà ở quầy đối diện hỏi.

“Anh đoán khá đấy,” Ka nói. “Anh biết đọc ngược à?”

“Đọc xuôi chiều tôi còn không biết nữa là. Tôi bỏ học, già rồi vẫn chưa biết đánh vần. Giờ thì muộn rồi.”

“Ai viết bài thơ mới trên tường kia?”

“Một nửa trong số lũ trẻ tới đây là nhà thơ.”

“Sao hôm nay chúng nó không đến?”

“Hôm qua bị lính bắt sạch rồi. Một số trong tù, một số trốn mất. Ông có thể hỏi mấy người bên bàn kia. Toàn cảnh sát chìm cả đấy họ biết mọi chuyện.”

Anh ta chỉ qua hai thanh niên đang hăng hái bàn chuyện bóng đá, nhưng Ka không lại gần bắt chuyện mà đứng dậy đi khỏi quán. Ông thích thú ngắm tuyết lại bắt đầu rơi. Ông không tin sẽ tìm ra dấu vết gì của Lam ở các quán trà trong quận Bayrampaşa. Trong ông dâng lên niềm xót xa như tối hôm mới đến Kars, nhưng cũng có cả hạnh phúc. Mong đợi một bài thơ đến, ông lướt đi chậm chạp như trong mơ, qua mặt các ngôi nhà bê tông xấu xí thảm hại, bãi đỗ xe phủ đầy tuyết, cửa kính đóng băng của các quán trà, hiệu cắt tóc và tạp hóa, sân vườn có tiếng chó tru lên từ ngày người Nga còn ở đây, cửa hàng phụ tùng máy kéo và xe ngựa, bán thêm cả pho mát. Ông có cảm giác rằng tất cả những gì vừa nhìn thấy sẽ lung linh trước mắt ông cho đến cuối đời: áp phích bầu cử của đảng Tổ quốc, khung cửa sổ nhỏ kéo rèm kín bưng, tờ quảng cáo dán từ mấy tháng lên cửa kính đóng băng của hiệu thuốc Khoa Học “Đã có thuốc tiêm phòng cúm Nhật Bản,” và tờ kêu gọi chống tự sát in trên giấy vàng. Sự mẫn cảm sâu sắc để đón nhận từng khoảnh khắc, cảm giác ngay lúc này vạn vật đang hòa quyện với nhau và bản thân mình cũng là một thành tố của thế giới tươi đẹp và sâu lắng này - tất cả mạnh mẽ đến nỗi Ka tin rằng một bài thơ đang đến. Ông vào một quán trà ở đường Atatürk. Nhưng không có thêm bài thơ nào.

MỘT KẺ VÔ ĐẠO Ở KARS

Sợ bị ăn đạn

Vừa rời khỏi quán trà, đột nhiên Ka sững lại trước mặt Muhtar.

Đang tư lự đi ngoài đường, Muhtar đã thấy nhưng không nhận ra mặt ông ngay trong mưa tuyết dày đặc. Còn Ka thì thoát tiên định tránh qua một bên. Rồi họ cùng tiến một bước lại gần nhau và ôm nhau như hai bạn cố tri.

“Cậu có chuyển lời tôi nhắn đến Ipek không?” Muhtar hỏi. Cô ấy bảo sao? Mình vào quán đi, và cậu kể cho tôi biết.”

Trông Muhtar không có vẻ bị quan chút nào, mặc cho vụ đảo chính xảy ra, bản thân bị cảnh sát đánh và hoãn tranh cử ghế thị trưởng. “Tại sao người ta không bắt giữ tôi ấy hả? Khi nào hết tuyết đường lại thông và quân lính rút đi thì sẽ tiến hành bầu cử: lý do thế đấy! Cậu hãy nói cho Ipek biết thế nhé!” Muhtar nói khi hai người ngồi vào quán trà. Ka nói là ông sẽ chuyển tin cho Ipek và hỏi Muhtar có nghe tin gì về Lam không.

“Tôi là người đầu tiên mời anh ta về Kars. Đạo trước anh ta toàn ở chỗ tôi mỗi lần về đây,” Muhtar tự hào nói. “Nhưng từ khi bị báo chí Istanbul gọi là phần tử khủng bố thì khi về đây anh ta không bắt liên lạc với bọn tôi nữa để tránh làm hại đến đảng. Tôi chẳng biết anh ta làm gì cả. Ipek nói gì về chuyện tôi nhờ cậu nhắn lại?”

Ka nói là Ipek không trả lời rõ ràng về lời cầu hôn lặp lại của Muhtar.

Trên mặt Muhtar hiện lên một vẻ tựa như đang kể những điều rất khác thường; ông nói, Ka nên biết cô vợ cũ của ông là người nhạy cảm, tinh tế và đồng cảm đến mức nào. Giờ thì Muhtar hối tiếc sâu sắc đã đối xử không phải với vợ trong một quãng đời khủng hoảng. Rồi nói: “Về Istanbul cậu sẽ tự tay đưa Fahir những bài thơ mà tôi đã gửi cậu chứ?” Ka gật đầu và ánh mắt Muhtar trở nên thân thiện và buồn rầu như một ông già.

Thay vì ngượng ngập trước mặt Muhtar, Ka cảm thấy vừa thương hại vừa kinh tởm khi thấy Muhtar rút một tờ báo từ trong túi ra và nói với giọng đắc chí: “Ở địa vị cậu thì tôi sẽ không nhõm nhõm đi lại trong thành phố như vậy đâu.”

Ka chộp lấy số báo Thành phố biên giới của ngày mai còn chưa khô mực từ trong tay Muhtar và hấp tấp đọc: “Các nhà cách mạng đại thắng ở nhà hát... Những ngày hòa bình ở Kars... Hoãn bầu cử... Người dân đón chào cách mạng...” Rồi ông đọc trên trang nhất bản tin mà Muhtar lấy ngón tay chỉ vào:

KÊ ĐƯỢC GỌI LÀ “NHÀ THƠ” KÀ ĐẾN THÀNH PHỐ CỦA CHÚNG TA LÀM GÌ TRONG NHỮNG NGÀY LỘAN LẠC NÀY? DÂN KARS BẤT BÌNH VÌ TIN ĐẮNG HỒM QUA VỀ “THI SƠI” ẤY.

Lầm tin đồn thổi đã đến tai chúng tôi về kẻ được gọi là nhà thơ Ka, người đã phá hỏng buổi tối của người dân Kars bằng bài thơ ngớ ngẩn và nhố nhăng mà hắn ta trình bày giữa vở kịch mang tinh thần Atatürk do nghệ sĩ vĩ đại Sunay Zaim và đoàn kịch của mình trình bày thành công tối qua trước cử tọa phần khích đồng thời cướp mất bình yên cho của thành phố Kars. Người dân Kars tự hỏi vì có gì mà nhân vật mờ ám từng trốn khỏi Thổ Nhĩ Kỳ và nhiều năm nay sống ở Đức lại đột nhiên xuất hiện ở đây như một tên gián điệp - giữa những ngày này, khi người dân Kars từ bao lâu vẫn đoàn kết chung sống nay lại bị các thế lực bên ngoài lôi cuốn vào cuộc chiến huynh đệ tương tàn khiến xã hội chúng ta chia rẽ thành các khối thế tục và toàn thống, Kurd, Thổ và Azerbaijan, cũng như làm hồi sinh luận điệu về vụ thảm sát người Armenia mà lẽ ra chúng ta nên quên đi từ lâu rồi. Có đúng là trước đây hai hôm hắn đã gặp các học sinh trường tôn giáo ở ga - tiếc thay, họ là những người quá dễ bị kích động - và nói với họ rằng (xin Thượng đế tha tội!) “Tôi là người vô thần, tôi không tin vào Thượng đế, nhưng tôi cũng không tự sát; chẳng nào Allah cũng không có thật”? Tự do tư tưởng ở châu Âu chẳng lẽ lại thể hiện trong sự phủ nhận Thượng đế, vì có kẻ cho rằng nhiệm vụ của người trí thức là làm vấy bẩn các giá trị thiêng liêng của nhân dân? Mi nhận tiền của các thế lực Đức, không có nghĩa là mi có quyền chà đạp lên tín ngưỡng của dân tộc này! Hay mi giấu danh tính thật của mi vì xấu hổ là người Thổ, và sử dụng cái tên bịa đặt là “Ka” bắt chước tên nước ngoài? Theo tin do các độc giả gọi điện đến tòa báo và bức xúc thông báo, kẻ theo đuôi phương Tây ấy đã tới thành phố chúng ta với mục đích gieo rắc bất hòa trong chúng ta giữa những ngày khó khăn này, đi gõ cửa các gia đình nghèo khó nhất ở khu ổ chuột và kích động nhân dân vùng dậy, thậm chí còn nói xấu Atatürk, người đã đem lại cho chúng ta tổ quốc này, nền cộng hòa này. Toàn thành phố Kars tha thiết muốn biết kẻ gọi là nhà thơ hiện đang ở khách sạn Lâu Đài Tuyết, đến thành phố thúng ta để làm gì. Giới trẻ của Kars tẩy chay những kẻ phỉ báng Thượng đế và Đức tiên tri Mohammed của chúng ta (xin Thượng đế tha tội!).

“Cách đây hai mươi phút, lúc tôi đi qua chỗ Serdar Bey thì hai con trai ông ấy đang in tờ này,” Muhtar nói, không có vẻ như chia sẻ nỗi lo sợ của Ka mà như vui sướng thấy một chủ đề lý thú.

Ka cảm thấy rất cô đơn, ông chăm chú đọc lại bản tin một lần nữa.

Hồi còn mơ mộng đến sự nghiệp văn chương rực rỡ, Ka vẫn nghĩ đến chuyện bị công kích dữ dội vì các cải cách hiện đại ông sẽ đưa vào nghệ thuật thi ca Thổ (giờ đây Ka thấy đó là một khái niệm mang tính dân tộc chủ nghĩa ngớ ngẩn và thảm hại), và thái độ thù nghịch hoặc ngu dốt ấy sẽ tạo ra một hào quang quanh mình. Mặc dù những năm về sau Ka cũng có ít tiếng tăm nhưng vì chưa bao giờ phải đối đầu với những lời phê bình hung hãn kiểu ấy nên lúc này ông thấy đau lòng nhất vì cái tên “*thi sơi*”.

Sau khi Muhtar khuyên ông không nên chạy đi chạy lại như tấm bia hứng đạn rồi bỏ mặc ông một mình ở quán trà, Ka thấy sợ mình có thể bị ăn đạn bất cứ lúc nào, ông rời quán trà và tự lự đi tiếp dưới những bông tuyết khổng lồ rơi hờ hững như trong phim quay chậm.

Ở tuổi thanh xuân, chết vì những nguyên nhân trí thức hay chính trị, hoặc chết vì những điều mình tự tay viết ra, đối với Ka là một trong những đỉnh cao tâm linh mà đời người có thể đạt được. Đến tuổi ba mươi, sau khi chứng kiến nhiều bạn bè và người quen bị tra tấn đến chết vì những nguyên tắc đại đột hay thậm chí xấu xa, bị những băng đảng chính trị hạ thủ ngoài phố hay ăn đạn trong các cuộc tấn công nhà băng, hoặc tồi tệ hơn, một quả bom tự tạo phát nổ ngay trong tay họ, thì Ka đã ly khai khỏi những tư tưởng ấy. Do đã sống lưu vong từ nhiều năm vì những lý do chính trị mà chính ông đã hết tin tưởng, trong đầu óc Ka chính trị và tinh thần hy sinh quên mình không còn dính dáng gì với nhau. Khi báo Thổ ở Đức đưa tin về một phóng viên nào đó bị giết hại - “rất có thể” bởi thủ phạm Hồi giáo chính trị - thì ông thấy cảm phần, và ông kính nể người đã chết, song không hề thấy khâm phục phóng viên đó chút nào.

Tưởng tượng ra một nòng súng vô hình nào đó thò qua lỗ thủng bầm đầy băng tuyết trong một bức tường ở góc phố Halit Paşa cắt phố Kâzım Karabekir, nhắm vào mình, và đột nhiên mình trúng đạn, nằm giãy chết trên vỉa hè ngập tuyết, ông cố hình dung xem báo chí İstanbul

sẽ viết gì về sự kiện này. Có lẽ văn phòng thống sứ và đại diện địa phương của Bộ an ninh quốc gia sẽ lơ đi khía cạnh chính trị của vụ việc để khỏi gây bẽ bối và tránh né trách nhiệm của mình, còn báo chí Istanbul - nếu không định bình tán về chuyện nạn nhân là một thi sĩ - có thể sẽ đưa tin này - cũng có thể không. Ngay cả khi các nhà thơ đồng nghiệp của ông và phóng viên tờ Cộng hòa có gắng sức bới ra quy mô chính trị của vụ này (ai sẽ viết bài này nhỉ? Fahir? Hay Orhan?) thì điều đó cũng đủ làm giảm thiểu ý nghĩa vị thế của ông trên văn đàn, còn nếu người ta có coi ông là một nhà thơ tên tuổi đi nữa, thì cái chết của ông sẽ được đăng vào trang văn hóa chẳng ma nào đọc.

Giả sử thực sự có một nhà báo Đức tên là Hans Hansen tồn tại trên đời này và giả sử Ka có quen ông ta thì tờ *Frankfurter Rundschau* sẽ đưa tin này, và sẽ là tờ báo phương Tây duy nhất. Mặc dù ông tự an ủi trong tưởng tượng là thơ mình có thể sẽ được dịch sang tiếng Đức và in trong *Akzente*, Ka biết rõ rằng đó là một cái chết thảm hại nếu nguyên nhân của nó là bài báo nhố nhăng này trong tờ Thành phố biên giới. Và đáng sợ hơn cả là chết vào đúng thời điểm đang trỗi lên hy vọng được hạnh phúc bên Ipek ở Frankfurt.

Một loạt văn sĩ nạn nhân của phe Hồi giáo chính trị trong những năm qua hiện ra trước mắt ông, và mặc dù lòng thương cảm khiến ông trào nước mắt, Ka vẫn thấy tất cả khá ấu trĩ: niềm phấn khích của một nhóm đã bỏ đạo và trở thành vô thần, và cố gắng vạch ra các “mâu thuẫn” trong kinh Koran (ông bị hành quyết bằng một viên đạn vào gáy), cơn thịnh nộ của một tổng biên tập gọi phụ nữ trùm đầu và đeo mạng che mặt trong các bài báo của mình là “quạ đen” (một buổi sáng, một băng đạn đã kết liễu tính mạng cả ông ta và lái xe), và kỳ vọng của một nhà báo muốn điều tra quan hệ giữa phong trào Hồi giáo chính trị và Iran (khi xoay chìa khóa khởi động ô tô, ông đã bị nổ tan thành từng mảnh). Ka không hằn giận báo chí Istanbul và phương Tây hoàn toàn không quan tâm đến các phóng viên bị một viên đạn vào đầu trong một ngõ hẻm tỉnh lẻ, mà ông căm tức vì xã hội của chính mình đã quên phắt ngay đám nhà văn nạn nhân của các cuộc ám sát máu me. Ông ngạc nhiên nhận ra rằng điều tốt nhất là hãy lẩn vào một xó và cố mà sống hạnh phúc.

Khi đi ngang qua tòa báo Thành phố biên giới ở phố Faikbey, Ka thấy số báo ngày mai được dán bên trong một tấm cửa kính đã cạo sạch băng. Ông đọc lại bài báo viết về mình một lần nữa rồi bước vào. Anh con trai cả của Serdar Bey đang buộc dây một tập báo vừa in xong. Ka bỏ mũ xuống để anh ta nhận ra mình và phúi tuyết đọng đầy trên vai áo xuống.

“Bố tôi không có nhà.” cậu em trai nói, tay cầm giẻ lau máy đi từ buồng sau ra. “Ông uống trà nhé?”

“Ai viết bài báo về tôi trong số báo ngày mai?”

“Có bài báo về ông ạ?” cậu em trai ngạc nhiên hỏi.

“Đúng đấy”, người anh mỉm cười hài lòng và thân thiện. Anh ta có cặp môi dày như em mình. “Hôm nay tất cả các bài đều do bố tôi viết.”

“Nếu báo ngày mai được phát hành...” Ka nói, ông nghĩ một lát: “thì sẽ có hậu quả không lành cho tôi.”

“Tại sao ạ?” người anh hỏi. Anh ta có làn da rất mềm mại và đôi mắt cực kỳ ngây thơ, nhìn người khác một cách ấu trĩ và chân thành. Ka nhận ra rằng ông chỉ có thể moi được tin gì đó từ hai anh em này bằng những câu hỏi thân mật và đơn giản như của trẻ con. Và ông được biết là cho đến bây giờ mới chỉ có ba người mua báo là Muhtar Bey, một cậu bé do trụ sở đảng Tổ quốc cử đến, và cô giáo dạy văn về hưu Nuriye Hanım - tối nào bà cũng ghé qua đây. Nếu đường thông thì báo này sẽ được đưa ra xe buýt chở đi Ankara và Istanbul, nhưng bây giờ còn phải đợi cùng các bưu kiện của hôm qua, số còn lại sẽ được hai con trai Serdar Bey giao đi

khắp Kars; nghĩa là nếu ông bố muốn thì cho đến sớm mai chắc chắn họ sẽ ra được một ấn bản mới; Serdar Bey vừa ra khỏi văn phòng và sẽ không quay lại ăn tối. Ka nói là ông không ở lại uống trà được, mua một số báo rồi bước ra ngoài bóng đêm lạnh lẽo chết chóc của Kars.

Thái độ vô ưu và trong trắng của hai chàng trai khiến Ka tương đối yên tâm. Những bông tuyết vẫn chậm chậm rơi trong khi ông tự hỏi với mặc cảm tội lỗi, liệu mình có hèn quá mức không. Nhưng trong đáy lòng ông biết rằng rất nhiều văn sĩ đã phải từ giã thế giới này chỉ vì sa vào ngõ cụt mang tên tự hào và dũng cảm, họ đã rủi ro đón một nắm đạn chì vào đầu và ngực, hoặc nhằm tưởng bưư kiện dựng bom là một gói quà của người hăm mộ. Ví dụ như thi sĩ Nurettin trước đây mấy năm, một người hăm mộ châu Âu nhưng không quan tâm lắm đến chính trị; khi một bài viết thời bồng bột mang chút hơi hướng “khoa học” mà thực ra khá ngô nghê của ông bị một tờ báo Hồi giáo chính trị moi ra và trích đăng lệch lạc cho là “phỉ báng tôn giáo” thì Nurettin - chỉ vì không muốn mang tiếng hèn - đã hăng hái bênh vực những ý tưởng cũ mèm nọ. Rồi thì bầu nhiệt huyết Atatürk của ông được báo chí thế tục thần quân đội nâng lên vị trí người hùng - cũng rất hợp ý Nurettin, rồi cuộc có một hàng dài đầy ấn tượng nối đuôi theo chiếc quan tài trống rỗng: Nurettin bị xé thành hàng nghìn mảnh vụn bởi một quả bom bọc trong túi chất dẻo gắn vào bánh trước ô tô ông. Khi mở mấy tờ báo Thổ ở thư viện Frankfurt, qua những dòng tin vẫn ở trang cuối Ka biết được kết thúc của loại sự việc như thế này ở tỉnh lẻ: đối với các nhà báo địa phương, các bác sĩ theo chủ nghĩa duy vật và các nhà phê bình tôn giáo to mồm, mê muội vì ý tưởng chứng tỏ lòng dũng cảm và lo bị người ngoài cho là hèn, hoặc hy vọng có thể thu hút mối quan tâm của dư luận thế giới “cứ như Salman Rushdie” thì đâu cần đến một khẩu súng ngắn bình thường, nói gì đến một quả bom tinh vi như ở thành phố lớn! Những thanh niên cuồng tín thịnh nộ có thể bóp cổ nạn nhân bằng tay không trong một ngõ tối hay đâm chết họ bằng dao găm. Do vậy Ka bóp óc nghĩ xem sẽ phát biểu gì, nếu ông có điều kiện trả lời trên báo Thành phố biên giới, một mặt tránh nhận một lỗ xuyên qua ngực áo, mặt khác cũng cứu vớt được danh dự của mình (“Tôi là người vô thần, nhưng chắc chắn không sỉ nhục Đấng tiên tri”? “Tôi không theo tín ngưỡng nào, nhưng tôi tôn trọng tôn giáo”?) Khi rùng mình nhìn lại đằng sau vì nghe tiếng chân bước của ai đó đang lội tuyết lại gần mình, ông thấy ông giám đốc công ty xe buýt mà ông đã biết mặt khi đến bí thất của trưởng lão Saadettin vào giờ này hôm qua. Ka nghĩ ngay đến chuyện nhờ ông này chứng minh là mình không phải vô thần, và thấy xấu hổ bởi ý nghĩ đó.

Đầy cảm kích trước vẻ đẹp của những bông tuyết lớn như sự lặp lại vô tận của một điều kỳ diệu bình dị, Ka thậm rã đi xuôi phố Ataturk. Sau này Ka sẽ tự hỏi vì sao mình luôn giữ trong tâm trí vẻ đẹp của tuyết ở Kars, những cảnh tượng mà ông thấy như trên một tấm bưu ảnh u sầu và vĩnh cửu trong khi đi lang thang trên vỉa hè ngập tuyết (ở cuối phố ba đứa trẻ kéo xe trượt tuyết lên ngược dốc, trong cửa kính hiệu ảnh Hùng Sáng phản chiếu ánh sáng xanh của cây đèn giao thông duy nhất ở Kars).

Trước cửa vào hiệu may ngày xưa mà Sunay chọn làm trụ sở chính, Ka thấy một xe tải quân sự và hai lính gác. Mặc dù ông nói đi nói lại với hai người lính gác đứng trên ngưỡng cửa để tránh tuyết rằng ông muốn gặp Sunay, song họ huých ông bắn ra như một thằng nhà quê ngớ ngẩn định vào mề nheo với lãnh đạo bộ tổng chỉ huy. Ka muốn nhờ Sunay ngăn phát hành tờ báo.

Người ngoài muốn hiểu nổi bức dọc và hoảng sợ của Ka cần chứng kiến ông thất vọng ra sao. Thực ra ông đã muốn về khách sạn thật nhanh, nhưng trước khi bước đến góc phố đầu tiên thì ông lại rẽ vào quán trà Thống Nhất bên tay trái. Ông ngồi xuống bàn giữa lò sưởi và gương treo trên tường, viết bài thơ “*Bị bắn chết*”.

Sau này ông ghi chú rằng động lực chính của bài thơ là “Nỗi sợ hãi tinh tuyền”, và bố trí bài đó vào giữa trục TUỜNG TUỜNG và trục HỒI ỨC trên tinh thể tuyết sáu cánh, song khiêm nhường lờ đi lời tiên đoán hàm chứa trong đó.

Đồng hồ chỉ bảy giờ hai mươi khi Ka viết xong bài thơ và ra khỏi quán trà Thống Nhất trở về khách sạn Lâu Đài Tuyết. Ông nằm ra giường, quan sát những bông tuyết chậm chậm rơi trong ánh sáng từ đèn đường và từ chữ T màu hồng, hình dung sẽ hạnh phúc với Ipek ở Đức ra sao và cố gắng tự trấn an. Mười phút sau ông xuống tầng dưới vì ước muốn được gặp lại Ipek ngay lập tức quá mạnh mẽ, thấy Zahide đặt nôi xúp vào giữa bàn và xung quanh bàn là cả gia đình cùng một người khách quây quần, thấy cả mái tóc nâu đỏ của Ipek sáng bừng lên. Khi ông ngồi vào chỗ được mời, cạnh Ipek, trong phút chốc ông tự hào cảm thấy cả bàn biết đến tình yêu giữa mình và Ipek. Sau đó ông mới nhận ra rằng vị khách ngồi đối diện mình là Serdar Bey, chủ bút báo Thành phố biên giới.

Serdar Bey lắc tay ông với nụ cười thân mật đến nỗi Ka thoáng nghi ngờ những gì mới đọc trong báo. Ông đưa đĩa ra xin xúp đặt tay dưới bàn lên đùi Ipek, ghé đầu lại gần đầu cô đón nhận mùi hương và sự hiện diện của cô, rỉ tai cô rằng rất tiếc không được tin gì về Lam. Ngay sau đó ánh mắt ông giao nhau với ánh mắt Kadife ngồi ngay cạnh Serdar Bey và hiểu rằng trong tích tắc đó Ipek đã chuyển cho cô thông tin nọ. Ông bực mình và hơi cáu, song vẫn nghe Turgut Bey phàn nàn về cuộc họp mặt tại khách sạn Châu Á. Ý Turgut Bey cho rằng cuộc họp mặt ấy chỉ là một vụ khiêu khích, rồi ông nói thêm, dĩ nhiên cảnh sát đã biết hết mọi chuyện. “Nhưng tôi hoàn toàn không hối hận đã có mặt trong hội nghị lịch sử này,” ông nói. “Tôi rất mừng khi được tận mắt chứng kiến rằng số người tiềm năng có quan tâm chính trị ít ỏi ra sao, bất kể già hay trẻ. Tôi đến đó kỳ thực để phản đối cuộc đảo chính quân sự, và ở đó tôi đã có ấn tượng rằng người ta hoàn toàn không thể làm chính trị với lớp người thảm hại nhất, kém trình độ nhất và thiếu tổ chức nhất thành phố này được, và bên quân sự đã có lý khi không trao tương lai thành phố vào tay lũ này. Tôi kêu gọi tất cả, trước tiên là Kadife, hãy suy tính lần nữa cho kỹ trước khi dây dưa vào chính trị ở đất nước này. Thêm nữa, trước đây ba mươi lăm năm ở Ankara người ta đã biết người đàn bà bực phẫn quá thì mà các bạn vẫn thấy đứng quay chiếc nón kỳ diệu trong tivi là nhân ngãi của ngoại trưởng đương nhiệm Fatin Rüştü Zorlu. Ông này về sau bị xử tử.”

Sau hơn hai mươi phút ngồi cùng mọi người bên bàn, Ka rút tờ báo Thành phố biên giới trong túi ra. Máy vô tuyến vẫn chạy nhưng quanh bàn im hẳn.

“Tôi cũng định nhắc tới chuyện ấy, nhưng không rõ nên làm thế nào để ông khỏi hiểu nhầm và khó chịu,” Serdar Bey nói.

“Serdar, Serdar, ông lại nhận lệnh từ đâu vậy?” Turgut Bey hỏi. “Vị khách của chúng ta có đáng bị thế đâu. Ông đưa cho ông ấy tờ báo đi, bảo ông ấy đọc lên xem ông ấy đã làm trò gì.”

“Tôi muốn mọi người biết rằng tôi không tin lấy một lời trong bài tôi viết.” Serdar Bey nói và cầm tờ báo Ka trao cho. “Các vị sẽ xúc phạm tôi nếu nghĩ là tôi tin vào bài báo ấy. Xin ông Turgut Bey hãy nói cho ông khách đây biết rằng chuyện này không phải nhằm vào cá nhân, và nhà báo ở Kars buộc phải viết những bài như vậy.”

Serdar luôn theo lệnh của văn phòng thống sứ trát bần lên người khác,” Turgut Bey nói. “Giờ thì đọc lên đi!”

“Nhưng tôi không tin lấy một câu nào trong đó,” Serdar Bey tự hào phát biểu. “Cả các độc giả của chúng tôi cũng không tin. Vậy nên không việc gì phải sợ cả.”

Serdar đọc to bài báo, nhấn mạnh vài đoạn một cách linh tính hoặc mỉa mai. “Thấy chưa, chẳng việc gì phải sợ cả!” ông kết luận.

“Ông là người vô thần?”, Turgut Bey hỏi Ka.

“Bố ơi, vấn đề không phải ở đó,” Ipek giận dữ nói. “Nếu báo này được phát hành thì ngày mai

người ta sẽ bắn anh ấy ngay giữa phố.”

“Chẳng có gì xảy ra cả đâu, cô bé ời,” Serdar Bey nói. “Quân đội đã thu gom hết các phần tử Hồi giáo chính trị và phản động ở Kars rồi.” Ông quay sang Ka: “Tôi đọc được trong mắt ông là ông không khó chịu, ông cũng biết tôi kính trọng nghệ thuật và nhân cách của ông, ông đừng đánh giá oan tôi bằng thước đo của châu Âu vì nó không hợp với chúng tôi! Những kẻ ngu xuẩn tưởng rằng chúng ở Kars là ở châu Âu, trong vòng ba ngày chúng sẽ bị bắn chết hết và quên luôn, ông Turgut Bey cũng biết rõ đấy! Báo chí ở Đông Anatolia đang có vấn đề lớn. Dân Kars không mua và đọc báo của chúng tôi. Có mỗi các cơ quan chức trách của nhà nước đặt mua dài hạn báo này. Tất nhiên chúng tôi phải cung cấp loại tin tức mà người đặt mua báo muốn đọc. Mọi nơi trên trái đất này, thậm chí cả ở Mỹ, trước tiên báo phải đăng các tin tức mà độc giả mong muốn. Nếu độc giả đòi ông đưa tin dối trá thì không ai trên đời này lại viết sự thật để bị giảm số lượng phát hành. Giả sử phải viết sự thật thì việc gì mà tôi lại không làm, nếu nhờ đó tăng lượng báo bán ra? Ngoài ra, cảnh sát cũng không cho phép chúng tôi viết sự thật ở Ankara và Istanbul chúng tôi có một trăm rưỡi người đọc xuất thân từ Kars. Chúng tôi phóng đại thêm là những người ở đó thành đạt và phú quý ra sao và tô vẽ ra thêm để họ tiếp tục đặt báo. Một lúc nào đó chính họ cũng tin vào lời dối trá ấy, nhưng đó là chuyện khác.” Ông ta cười phá lên.

“Ai đặt viết tin này? ông nói toạc ra đi!” Turgut Bey nói.

“Thưa ông, ai cũng rõ việc bảo vệ nguồn tin là quy định quan trọng nhất của ngành báo ở phương Tây.”

“Các con gái tôi rất mến vị khách này.” Turgut Bey nói. “Nếu ngày mai ông phát hành tờ báo này, chúng sẽ không bao giờ tha thứ cho ông. Và nếu những kẻ toàn thống phát rồ mà hạ sát vị khách của chúng tôi thì ông có cảm thấy phải chịu trách nhiệm không?”

“Ông sợ đến thế hay sao?” Serdar Bey hỏi và mỉm cười nhìn Ka. “Nếu sợ đến thế thì tốt nhất ngày mai ông đừng ra đường!”

“Thay vì vị khách của chúng tôi, có lẽ không nên cho tờ báo ra đường thì hơn,” Turgut Bey nói. “Ông đừng phát hành nữa!”

“Các khách đặt báo sẽ bực mình.”

“Được.” Turgut Bey nói như theo một gợi ý chợt nảy ra. “Bất cứ ai đã đặt báo này thì ông cứ gửi cho họ. Ông in bản mới cho những người còn lại, nhưng bỏ phần tin dối trá và kích động nói về vị khách của chúng tôi đi!”

Ipek và Kadife cũng ủng hộ ý này. “Tôi tự hào khi thấy báo mình được coi trọng như vậy,” Serdar Bey nói. “Nhưng ông phải nói cho tôi hay, ai sẽ đảm nhận phí tổn cho ấn bản mới?”

“Bố tôi sẽ mời ông và hai con trai của ông ăn tối ở nhà hàng Đất Xanh,” Ipek nói.

“Đồng ý, nếu tất cả các vị cùng đi,” Serdar Bey nói. “Nhưng phải đợi đến khi đường thông trở lại và chúng ta thoát được đám diễn viên ấy! Kadife Hanim cũng phải có mặt đấy. Kadife Hanim, cô có thể điền vào chỗ trống trên báo một bài tuyên bố ủng hộ vụ đảo chính ở nhà hát không? Có lẽ độc giả của chúng tôi sẽ rất thích đọc bài ấy đấy!”

“Kadife không viết đâu, nhất định không.” Turgut Bey nói. “Ông chưa biết tính con gái tôi hay sao?”

“Kadife Hanim, cô có thể nói là sau vụ đảo chính ở nhà hát số người tự sát ở Kars sẽ giảm đi không? Độc giả của chúng tôi sẽ rất hài lòng. Ngoài ra cô vẫn luôn phản đối các thiếu nữ Hồi

giáo tử mà.”

“Tôi không phản đối tự sát nữa,” Kadife ngắt lời ông.

“Thế thì cô đã thành người vô thần rồi hay sao?” Serdar Bey hỏi. Ông định nhờ đó mà chuyển sang đề tài khác, nhưng còn đủ tỉnh táo nhận ra mọi người quanh bàn bắt đầu khó chịu với mình.

“Được tôi hứa sẽ không phát hành tờ báo này,” ông nói.

“Ông in bản mới?”

“Ngay sau khi tôi rời khỏi đây, trước khi về nhà !”

“Chúng tôi cảm ơn ông,” Ipek nói.

Một sự im lặng kỳ dị kéo dài. Ka hài lòng: đây là lần đầu tiên từ nhiều năm qua ông có cảm giác là thành viên của một gia đình. Ông nhận ra rằng, cái mà người ta gọi là gia đình dựa trên niềm vui sướng được cùng nhau bám trụ, mặc cho mọi bất hạnh và vấn đề không có giải pháp. Và ông tiếc rằng đã bỏ lỡ chuyện đó trong đời. Liệu ông có sống hạnh phúc với Ipek được đến cuối đời không? Nhưng hạnh phúc không phải thứ ông tìm kiếm, ông cảm nhận rõ điều ấy sau ly Raki thứ ba, thực tế có thể nói là ông ưa sự bất hạnh hơn. Cốt lõi ở đây là sự hàn gắn vô vọng, là một tế bào tạo ra từ hai con người, cách biệt với toàn bộ thế giới. Ông cảm thấy có khả năng cùng Ipek xây dựng một cộng đồng như thế, chỉ cần họ ngủ với nhau liên tục vài tháng liền. Tối nay ngồi cùng bàn với hai chị em, cảm nhận sự hiện diện của họ và sự mềm mại của cơ thể họ, biết được mỗi tối về nhà không còn cô đơn, chờ đón niềm thỏa mãn nhục cảm và tin tưởng rằng ngày mai báo không được phát ra - tất cả khiến Ka hạnh phúc vô biên.

Trong cơn hưng phấn ấy Ka nghe những mẩu chuyện và tin đồn kể ra bên bàn không như tin dữ, mà chỉ như những truyện cổ tích rợn người: một thằng bé làm ở nhà bếp kể cho Zahide nghe có nhiều người bị bắt đưa đến sân vận động, cửa vào sân ngập quá nửa trong tuyết, họ bị bắt ở ngoài trời cả ngày nhằm khiến họ phát bệnh càng nhiều càng tốt và thậm chí chết cồng. Để cảnh cáo, vài người bị bắt dựa vào tường trong lối đi tới phòng thay đồ và bắn tới nhũn cả người. Các nhân chứng của không khí kinh hoàng mà Z. Tay Sắt và đồng bọn gieo rắc khắp thành phố còn kể lại nhiều chuyện có thể là cường điệu: trụ sở hội Luỡng Hà, nơi thanh niên Kurd theo chủ nghĩa dân tộc tập tành văn chương và văn nghệ dân tộc bị tấn công, do không ai có mặt nên chúng đánh đập tàn nhẫn ông già chuyên nấu trà và ngủ qua đêm ở đó, mặc dù ông ta không dính gì đến chính trị. Hai thợ cắt tóc và một người thất nghiệp cách đây mấy tháng bị thẩm vấn vì nghi lấy sơn bôi bắn tượng Atatürk ở cửa vào khu thương mại Atatürk, nhưng không bị bắt giam, sau khi bị đánh suốt đêm đến sáng hôm sau đã thú tội và khai thêm các vi phạm khác nữa: họ dùng búa đập gãy mũi tượng Atatürk trong sân trường trung cấp công nghiệp, viết bậy lên áp phích Atatürk treo trên tường quán trà Mười Lăm Người, lập kế hoạch dùng rìu phá hủy tượng đài Atatürk đối diện sở thống sứ. Trong hai thanh niên người Kurd, nghe nói đã viết khẩu hiệu chính trị lên tường ở phố Halit Paşa sau vụ đảo chính ở nhà hát. Một người bị bắn chết, người kia sau khi bị bắt đã ăn đòn cho đến khi bất tỉnh. Một thanh niên thất nghiệp khác bị lôi đến bắt xóa khẩu hiệu trên tường trường tôn giáo, đã bị bắn vào chân khi định bỏ trốn. Tất cả những ai nói xấu quân lính và diễn viên hoặc loan các tin đồn thất thiệt trong các quán trà đều bị mật thám chỉ điểm, vậy mà vẫn cứ lưu truyền nhiều tin đồn cường điệu, giống như trong mọi thời kỳ của thảm họa và chết chóc; người ta kể về mấy thanh niên Kurd bị chết khi quả bom đang cầm trong tay phát nổ, về các thiếu nữ trùm khăn tự sát để phản đối cuộc đảo chính quân sự, hay về một xe tải chở đầy thuốc nổ bị chặn lại khi đang lao về phía đồn cảnh sát İnönü.

Trước đó Ka cũng đã nghe chuyện đánh bom cảm tử bằng xe tải chở thuốc nổ nên ông chú ý

nghe chuyện này, ngoài ra thì suốt buổi tối ông chỉ tận hưởng sự thanh thản trong khi ngồi cạnh Ipek.

Đêm đã khuya, sau Serdar Bey là cả Turgut Bey và hai cô gái đứng dậy về phòng. Lúc ấy Ka thoáng nghĩ đến chuyện mời Ipek về phòng mình. Nhưng vì sợ một câu từ chối làm vẩn đục cảm giác hạnh phúc của mình nên ông ra khỏi phòng mà không hề nhìn sang Ipek.

KADIFE SẼ KHÔNG CHẤP NHẬN ĐÂU

Người môi giới

Ka hút thuốc trong khi ngó ra cửa sổ. Tuyết đã ngừng rơi, và sự im lìm bình an ngự trị trên con phố vắng ngập tuyết dưới ánh đèn đường nhợt nhạt. Ka ý thức được rằng sự bình an mà ông đang cảm nhận được trong mình liên quan tới tình yêu và hạnh phúc nhiều hơn là vẻ đẹp của tuyết. Hơn thế nữa, ông thấy mình nhẹ bồng vì ở đây, trên đất Thổ Nhĩ Kỳ, ông hòa tan vào một biển người giống mình. Thậm chí ông đủ hạnh phúc để tự thú với mình rằng cảm giác vượt trội so với những người ấy - vì ông từ Đức và Istanbul về - làm ông mạnh lên.

Có tiếng gõ cửa. Ka ngạc nhiên thấy Ipek đứng trước mặt.

“Em không ngủ được vì lúc nào cũng phải nghĩ đến anh,” Ipek nói và bước vào phòng.

Ngay lập tức Ka biết rằng họ sẽ ngủ với nhau đến tận sáng mà không bận tâm đến Turgut Bey cũng đang ở ngay dưới một mái nhà. Thật khó tin là ông đã ôm cô vào lòng mà trước đó không phải may mắn chịu đựng nỗi giày vò vì chờ đợi. Trong đêm ấy, bên cạnh Ipek, Ka ngộ ra một nơi bên ngoài hạnh phúc, và những kinh nghiệm sống và yêu của ông từ trước đến nay không đủ để thám hiểm mảnh đất bên ngoài thời gian và đam mê ấy. Lần đầu tiên trong đời, ông thấy lòng mình tràn ngập bình an như vậy, ông quên đi những phóng túng tình dục và ảo cảnh có được từ phim ảnh hay sách báo khiêu dâm. Khi ông và Ipek làm tình Ka phát hiện ra một nhạc khúc mà trước đó ông không hề biết vẫn tồn tại trong mình, và ông chuyển động theo nhịp điệu của nó mà tiến tới. Giữa chừng ông thiếp đi, trong những giấc mơ có hơi hướng địa đàng về những kỳ nghỉ hè ông thấy mình chạy, thấy mình bắt tử, thấy mình ăn quả táo trong khi ngồi trên một chiếc máy bay rơi và biết sẽ không đủ thì giờ ăn hết, và bừng tỉnh với hương táo tỏa ra từ làn da ấm của Ipek, nhìn vào mắt cô từ khoảng cách sát gần đang phản chiếu ánh sáng của tuyết hắt vào từ bên ngoài, và khi thấy cô đã tỉnh và đang lẳng lẽ ngăm mình thì Ka cảm thấy họ như hai con cá voi nằm yên bên nhau trong nước cạn lấp xấp. Mỗi lúc ấy ông mới nhận ra bàn tay của hai người đang lồng chặt vào nhau.

Vào một trong những khoảnh khắc mà họ tỉnh dậy giữa chừng và ngăm nhìn nhau, Ipek nói: “Em sẽ thừa với bố. Em sang Đức với anh.”

Một lát lâu sau Ka không ngủ được. Ông điếm lại toàn bộ đời mình như một bộ phim có hậu.

Ở đâu đó trong thành phố có tiếng nổ làm rung chuyển chiếc giường, căn phòng và cả khách sạn. Xa xa văng tiếng đạn súng máy. Tuyết nuốt bớt tiếng động. Họ nằm quần lấy nhau và đợi.

Lát sau, khi Ka thức dậy thì tiếng súng đã im. Ông ra khỏi giường hai lần để hút thuốc và cảm thấy khí lạnh từ cửa sổ phả vào thân thể đang ướt mồ hôi của mình. Ông không nghĩ ra vần thơ nào. Ka hạnh phúc hơn bất kỳ thời điểm nào trong đời.

Sáng sớm, tiếng đập cửa ầm ầm làm ông tỉnh ngủ. Ipek không nằm cạnh ông nữa. Ka không nhớ mình thiếp đi lần cuối, nói chuyện với cô lần cuối và tiếng súng lặng đi khi nào, cũng không biết lúc này là mấy giờ.

Cavit ở quầy lễ tân đứng trước cửa, báo có một sĩ quan vào khách sạn để đón Ka đến tổng hành dinh của Sunay Zaim. Sĩ quan đó đang đợi ở tầng dưới. Ka không vội; ông cạo râu đã.

Ông thấy đường phố vắng tanh ở Kars còn mê đắm và kiều diễm hơn sáng hôm qua. Ở đoạn trên của phố Atatürk ông thấy một ngôi nhà có cửa ra vào và cửa sổ bị phá bung, mặt tiền thủng lỗ chỗ vết đạn.

Ở xưởng may Sunay Zaim kể cho ông nghe về vụ đánh bom cảm tử. “Thằng cha đáng thương đó đi nhằm vào một nhà phía trên thay vì vào đây. Quả bom đã xé banh hẳn ra nên chúng tôi chưa biết được hẳn là người Hồi giáo chính trị hay người của đảng Công nhân Kurd.”

Ka nhận ra ở Sunay ánh hào quang ngây thơ của các diễn viên nổi tiếng vốn quá coi trọng chính mình. Ông ta râu ria nhẵn nhụi, trông tươi tỉnh, sạch sẽ và cương nghị. “Chúng tôi đã tóm được Lam,” ông nói và nhìn xoáy vào mắt Ka.

Ka không muốn lộ ra rằng ông vui mừng đón nghe tin này, nhưng điều đó không lọt qua mắt Sunay. “Hắn là một người xấu,” Ông nói. “Đã xác định rõ hắn là người sai giết ông hiệu trưởng đại học sư phạm. Một mặt hắn ta tuyên bố phản đối tự sát, mặt khác hắn tổ chức đám thanh niên ngu xuẩn và nghèo đủ để sẵn sàng đánh bom cảm tử. Bộ an ninh quốc gia không hề nghi ngờ rằng hắn đã đem đủ thuốc nổ về Kars để giật tung cả thành phố. Đêm hôm bắt đầu cách mạng hắn đã lặn thẳng khỏi nhân viên an ninh, nghe nói giờ hắn trốn ở một nơi không ai biết. Chắc ông đã nghe nói về cuộc họp ngớ ngẩn ở khách sạn Châu Á tối qua.”

Ka gật đầu một cái rất kịch, ông có cảm giác như họ đang trên sân khấu.

“Mục tiêu đời tôi không phải là trừng phạt bọn tội phạm, phản động và khủng bố,” Sunay nói. “Tôi có một vở muốn đem diễn từ nhiều năm nay, vậy nên hôm nay tôi mới đứng đây. Có một tác giả người Anh tên là Thomas Kyd. Nghe đồn Shakespeare đã thưởng vở *Hamlet* của ông ấy. Tôi đã tìm ra thêm một vở kịch bị ngộ nhận và quên lãng của Kyd, vở *Bí kịch Tây Ban Nha*. Nội dung nói về mối thù nghịch đả máu và phục thù, kết thúc bằng tự tử, và nó có chứa kịch lồng trong kịch. Funda và tôi đã đợi mười lăm năm để có dịp diễn vở này.”

Funda Eser vào phòng, ngậm một liều thuốc cấm bớt dài.

Ka kính cẩn cúi rạp xuống chào làm bà ta khoái chí ra mặt. Ka không đề nghị, nhưng đôi vợ chồng thuật tóm tắt lại vở kịch.

“Tôi đã đơn giản hóa vở này để khán giả thích thú khi xem, cũng để động viên và dạy bảo họ nữa.” Sunay nói. “Mai chúng tôi diễn vở này ở Nhà hát nhân dân, toàn thành phố sẽ theo dõi qua truyền hình trực tiếp.”

“Tôi cũng muốn xem,” Ka nói.

“Chúng tôi muốn Kadife tham gia diễn. Funda sẽ là tình địch độc ác của cô ấy... Kadife sẽ đòi khăn lên sân khấu. Rồi cô sẽ vùng lên chống lại các tục lệ hủ lậu vốn là nguyên nhân của mỗi thù hận, và trút bỏ khăn trước mắt mọi người.” Sunay quảng chiếc khăn tưởng tượng xuống đất với động tác long trọng.

“Thế thì lại có chuyện xảy ra!” Ka phản đối.

“Ông không phải lo! Hiện nay chúng ta có một ban quân quản.”

“Đằng nào thì Kadife sẽ không chấp nhận đâu,” Ka nói tiếp.

“Chúng tôi biết Kadife yêu Lam.” Sunay nói. “Nếu Kadife để hờ tóc ra tôi sẽ cho thả Lam ngay lập tức. Sau đó họ sẽ trốn đi đâu đó thật xa và sống hạnh phúc với nhau.”

Trên mặt Funda Eser hiện lên vẻ âu yếm đặc trưng cho các bà cô tốt bụng trong loại kịch sụt mướt của Thổ luôn sung sướng khi giúp các đôi tình nhân trẻ chạy trốn. Ka thoáng hình dung ra Funda có lập trường tương tự đối với tình yêu giữa ông và Ipek.

“Mặc dù vậy tôi không tin Kadife sẽ chịu bỏ khăn trùm đầu trong một buổi truyền hình trực tiếp,” ông nói.

“Trong hoàn cảnh này, chúng tôi cho rằng ông là người duy nhất có thể thuyết phục nổi cô ấy,” Sunay nói. “Thương lượng với chúng tôi cũng như thương lượng với quỷ dữ. Ngược lại thì cô ta biết rằng ông cũng đồng tình với các thiếu nữ trùm khăn. Và ông mê chị cô ta.”

“Không chỉ phải thuyết phục riêng Kadife, mà cả Lam nữa. Nhưng trước tiên phải nói chuyện với Kadife đã.” Ka giải thích trong khi vẫn bận rộn vì thái độ thẳng tuột thô thiển trong câu cuối cùng.

“Ông muốn làm thế nào thì tùy,” Sunay nói. “Tôi trao quyền quyết định cho ông, và thêm một xe quân sự nữa. Ông có quyền nhân danh tôi thương lượng.”

Im lặng.

Sunay nhận ra Ka chìm trong suy nghĩ.

“Tôi không muốn dây vào chuyện này.” Ka nói.

“Tại sao?”

“Có thể vì tôi hèn. Hiện tại tôi rất hạnh phúc. Tôi không muốn làm bia hứng đạn của lũ toàn thống. Bọn chúng sẽ nói là một thằng vô thần đểu cáng đã thuyết phục được Kadife bỏ khăn trùm đầu và bắt học sinh của chúng ngồi xem, và ngay cả khi tôi trốn sang Đức thì chúng cũng sẽ bắn tôi giữa đêm ngay ngoài phố.”

“Trước tiên chúng sẽ bắn tôi,” Sunay tự hào. “Nhưng tôi hài lòng thấy ông tự gọi mình là đồ hèn. Tôi cũng cực hèn, thật đấy! Ở đất nước này chỉ những kẻ hèn nhát mới sống sót được thôi. Nhưng như mọi kẻ hèn nhát, con người vẫn tưởng tượng ra một ngày đẹp trời sẽ làm được một việc cực kỳ anh hùng, đúng không nào?”

“Hiện tại tôi rất hạnh phúc,” Ka lặp lại. “Tôi không muốn thành người hùng chút nào. Mơ ước về hành động anh hùng là niềm an ủi của kẻ bất hạnh. Những người như chúng ta khi nói muốn

thành người hùng, nghĩa là họ sắp giết ai đó hoặc là giết mình.”

“Được nhưng chẳng lẽ tận đáy lòng ông không biết là hạnh phúc không dài lâu hay sao?” Sunay ngoan cổ.

“Tại sao anh làm vị khách của chúng ta sợ?” Funda Eser ngắt lời ông.

“Tôi biết, chẳng hạnh phúc nào dài lâu cả.” Ka thận trọng nói. “Nhưng hôm nay tôi không có ý định sắm vai người hùng để người ta giết tôi chỉ vì trong tương lai có thể sẽ bất hạnh.”

“Nếu ông xa lánh việc này thì chúng sẽ không giết ông ở Đức, mà ở ngay đây! Ông đã đọc báo hôm nay chưa?”

“Người ta viết là hôm nay tôi sẽ chết à?” Ka mỉm cười.

Sunay đưa Ka xem tờ Thành phố biên giới ông đã đọc hôm qua.

“Một kẻ vô đạo ở Kars!” Funda Eser đọc với vẻ lâm ly.

“Đó là đợt in đầu tiên của hôm qua.” Giọng Ka tự tin. “Sau đó Serdar Bey đã quyết định làm lại bản mới và đính chính lại.

“Ông ta đã không làm được, và sáng nay ra bản này đây.” Sunay nói. “Không bao giờ được tin lời một nhà báo cả. Nhưng chúng tôi bảo vệ ông. Bọn Hồi giáo chính trị không thể chống lại binh sĩ được nên chúng sẽ bắn một người vô thần làm nô bộc cho phương Tây.”

“Ông đã bắt Serdar Bey viết bài này chứ gì?” Ka hỏi.

Sunay bĩu môi, nhướn mày và ném cho ông một ánh mắt bị xúc phạm, như một người bị sỉ nhục danh dự. Nhưng Ka nhận ra ông ta tự thưởng lãm mình trong vai trò của một chính khách gian xảo đang giật dây các mưu đồ nho nhỏ.

“Nếu ông chịu trách nhiệm bảo vệ tôi đến cùng thì tôi sẽ nhận việc môi giới,” Ka nói.

Sunay hứa và ôm ông, chúc mừng ông bước chân vào hàng ngũ Jacobin và nói, ông sẽ cử hai bảo vệ luôn bám sát Ka.

“Nếu cần, họ sẽ bảo vệ ông trước chính ông nữa!” Sunay nói thêm đầy kích động.

Họ ngồi xuống uống một tách trà thơm ngào ngạt bàn thảo mọi chi tiết của việc môi giới và thuyết phục. Funda Eser lộ rõ vui mừng, tựa như có một diễn viên tài thánh vừa gia nhập đoàn kịch của bà. Bà kể vài câu về sức mạnh của vở *Bi kịch Tây Ban Nha*, nhưng Ka không chú ý nghe lắm mà chỉ ngó ra ánh sáng trắng diệu kỳ lọt qua khung cửa sổ cao của xưởng may.

Ka thất vọng khi thấy hai binh nhì khổng lồ có súng đi theo khi ông rời xưởng. Ông cứ mong đợi một trong hai người là sĩ quan hoặc mặc đồ dân sự tử tế. Có một nhà văn nổi tiếng mấy năm trước khi lên ti vi đã phát biểu rằng nhân dân Thổ ngu si và ông không tin vào Thượng đế. Ka đã thấy ông đi giữa hai cận vệ lịch thiệp được nhà nước cử ra bảo vệ ông ta trong hai năm cuối đời; họ không chỉ xách cặp cho ông, mà còn mở cửa cho ông với điệu bộ trang trọng mà Ka cho rằng rất xứng đáng với một tác giả đối lập nổi tiếng, đỡ ông lên cầu thang, che chắn ông trước địch thủ cũng như những người hâm mộ quá phấn khích. Hai người lính leo lên ô tô quân sự ngồi cạnh Ka thì ngược lại, họ hành xử không giống người bảo vệ ông, mà như cai tù.

Vào đến khách sạn Ka lại có cảm giác hạnh phúc đã tràn ngập tâm hồn ông lúc sáng sớm. Mặc

dù muốn gặp lại Ipek ngay, ông vẫn có ý định tìm cách nói chuyện riêng với Kadife trước, vì ông có cảm giác giấu giếm Ipek chuyện gì thì cũng giống như phản bội tình yêu của họ, dù chỉ là một việc rất nhỏ. Tuy nhiên khi nhìn thấy Ipek ở tiền sảnh thì ông quên luôn ý định đó.

“Em còn đẹp hơn là trong hồi ức của anh,” Ka nói và say mê ngắm cô. “Sunay có gọi điện cho anh, nhờ anh làm môi giới.”

“Trong chuyện gì?”

“Tối qua Lam đã bị bắt,” Ka nói. “Tại sao trông em hoảng hốt vậy? Không nguy hiểm gì cho mình cả. Tất nhiên Kadife sẽ buồn. Nhưng em hãy tin là anh nhẹ cả người.” Ông kể vắn tắt những gì nghe được ở Sunay, giải thích về vụ nổ và tiếng súng mà họ nghe thấy hồi đêm. “Sớm nay em đi khỏi mà không đánh thức anh. Đừng sợ, anh sẽ tìm ra giải pháp cho mọi chuyện; sẽ không có ai hề hấn gì cả. Mình sẽ đi Frankfurt và sống hạnh phúc. Em đã thừa chuyện với bố chưa?” Ông kể thêm là sẽ tiến hành thương lượng, Sunay trao nhiệm vụ cho ông đến chỗ Lam, nhưng trước tiên ông nhất định phải nói chuyện với Kadife đã. Nỗi kinh hoàng hiện ra trong mắt Ipek cho thấy cô lo lắng cho ông, khiến ông sung sướng.

“Mấy phút nữa em bảo Kadife lên phòng anh.” Ipek nói rồi quay đi.

Vào đến phòng. Ka thấy giường đã dọn. Căn phòng nơi ông trải qua đêm hạnh phúc nhất đời mình, ngọn đèn đêm yếu ớt, rèm cửa nhợt nhạt - tất cả giờ đây tắm trong một ánh sáng khác hẳn của tuyết. Ngay cả sự im lặng cũng có vẻ khác lạ, nhưng ông vẫn hít được mùi sau đêm làm tình còn đọng trong không khí. Ông nằm xuống giường, nhìn lên trần và cố tưởng tượng chuyện gì sẽ xảy ra với mình nếu không thuyết phục nổi Kadife và Lam.

Kadife chưa bước hẳn vào phòng đã lên tiếng: “Ông cho tôi biết tất cả những gì về chuyện Lam bị bắt! Người ta có hành hạ anh ấy không?”

“Nếu người ta hành hạ anh ấy thì đã không cho tôi gặp mặt.” Ka giải thích. “Họ sắp đến đón tôi đi rồi. Lam bị bắt sau buổi họp ở khách sạn, đó là tất cả những gì tôi biết.”

Kadife nhìn qua cửa sổ xuống con phố ngập tuyết. “Bây giờ thì ông hạnh phúc, còn tôi bất hạnh,” cô nói. “Biết bao chuyện đã thay đổi từ khi chúng ta gặp nhau ở buồng kho!” Ka nhớ lại lúc hai người gặp nhau trong phòng 217, khi Kadife đe dọa ông với khẩu súng lục trong tay và bắt ông cởi đồ ra, tựa như đó là một kỷ niệm cũ dễ chịu gắn bó hai người.

“Chưa hết đâu, Kadife” Ka nói. “Những người xung quanh Sunay đã thuyết phục ông ấy tin rằng Lam liên quan đến vụ giết ông hiệu trưởng đại học sư phạm. Ngoài ra nghe nói còn có một hồ sơ gửi về Kars, chứng minh Lam đã hạ sát người dẫn chương trình người Izmir.”

“Ai là những người xung quanh Sunay?”

“Một số người của Bộ an ninh quốc gia ở Kars. Hai, ba người bên quân đội có quan hệ với họ. Nhưng Sunay không phải bù nhìn của họ đâu. Ông ta có tham vọng nghệ thuật. Tôi nói nguyên lời ông ấy. Tối nay ông ấy sẽ diễn một vở ở Nhà hát nhân dân và muốn mời cô đóng một vai. Cô đừng nhản mặt, mà hãy nghe đây! Vở này được truyền trực tiếp cho cả thành phố Kars xem. Nếu cô chịu lên sân khấu và nếu Lam thuyết phục được học sinh trường tôn giáo đến xem mà không phá rối buổi biểu diễn, thì Sunay sẽ thả Lam. Mọi chuyện sẽ được xí xóa, không ai bị rầy rà gì. Ông ta đã chọn tôi đứng ra làm môi giới.”

“Vở kịch đó như thế nào?”

Ka kể cho cô biết về Thomas Kyd và *Bi kịch Tây Ban Nha*, rồi nói là Sunay đã biên soạn lại, đại

khái như ông ấy vẫn làm từ nhiều năm nay khi lưu diễn ở Anatolia, Thổ hóa Comeille, Shakespeare và Brecht bằng múa bụng và những chuyện tiểu lâm tục tĩu.”

“Trong buổi truyền trực tiếp này nhất định tôi phải sắm vai người đàn bà bị hãm hiếp, nguyên nhân phát sinh thù hằn, đúng không?”

“Không. Cô sẽ là thiếu nữ nổi loạn, thoát tiên trùm khăn như phụ nữ Tây Ban Nha thời xưa, nhưng sau đó chán ghét cảnh thù hằn và vứt bỏ tấm khăn trong một phút căm phẫn.”

“Đối với chúng tôi thì trùm khăn mới chính là dấu hiệu nổi loạn.”

“Kadife, đây là kịch. Và trên sân khấu thì cô có thể để lộ tóc được!”

“Tôi hiểu ông muốn tôi làm gì. Nhưng ngay cả khi chỉ là vở kịch, thậm chí là kịch trong kịch đi nữa thì tôi cũng không để lộ tóc ra.”

“Kadife, cô nghe đây này, hai ngày nữa là hết tuyết, đường lại thông, và ai đang ngồi trong tù sẽ rơi vào tay những kẻ không biết thương hại là gì. Nghĩa là cho đến cuối đời cô sẽ không gặp lại Lam. Cô đã nghĩ kỹ chuyện đó chưa?”

“Tôi sợ sẽ đồng ý, nếu tôi suy nghĩ kỹ.”

“Thêm vào đó cô có thể đội tóc giả dưới khăn. Sẽ không ai thấy tóc cô đâu.”

“Giả sử tôi chấp nhận đội tóc giả thì tôi đã làm thế như một số cô gái khác để được phép vào đại học.”

“Bây giờ vấn đề không phải cứu danh dự của cô trước cổng trường đại học, mà cô sẽ làm việc này để cứu Lam.”

“Liệu Lam có muốn được cứu bằng cách để tôi bỏ khăn trùm ra?”

“Anh ấy sẽ muốn.” Ka nói. “Danh dự của Lam không bị vấy bẩn khi cô để tóc ra, vì không ai biết đến quan hệ giữa hai người.”

Qua vẻ giận dữ trong ánh mắt Kadife, ông biết là đã đánh trúng chỗ yếu của cô, nhưng rồi cô mỉm cười một cách lạ lùng, và ông giật mình vì sợ hãi và ghen tuông, ông chỉ lo Kadife sẽ nói với ông một lời tồi tệ về Ipek. “Kadife, chúng ta không có nhiều thời gian,” nỗi sợ hãi ấy thúc ông nói. “Tôi biết cô đủ thông minh và mẫn cảm để đi qua vụ này một cách an toàn. Tôi nói với cô với tư cách một người đã sống tị nạn chính trị từ nhiều năm. Cô hãy nghe tôi: cuộc sống không phải là để bảo vệ các nguyên tắc mà để ta hạnh phúc.”

“Nhưng thiếu nguyên tắc, thiếu đức tin thì không ai hạnh phúc được.” Kadife nói.

“Đúng thế. Nhưng khi con người không có giá trị gì ở một đất nước tàn bạo như nước ta thì hiển mình cho đức tin là ngu xuẩn. Các nguyên tắc cao cả và đức tin trong trắng chỉ dành cho người ở những nước giàu thôi.”

“Hoàn toàn ngược lại. Người dân ở những nước nghèo chẳng có gì ngoài đức tin để bám vào.”

Ka suýt định nói rằng cái để họ gửi gắm đức tin không có thật song ông nói khác đi: “Nhưng cô không thuộc vào lớp người nghèo, Kadife. Cô từ Istanbul về mà.”

“Vì vậy tôi làm những gì mà tôi tin là đúng. Tôi không thể đóng kịch. Nếu tôi định để lộ đầu ra

thì tôi chắc chắn sẽ làm đến cùng.”

“Thôi được. Nhưng nếu không có khán giả nào trong nhà hát thì cô nghĩ sao? Dân Kars chỉ nhìn trong vô tuyến, ống kính thoát tiên chỉ chiếu tay cô đưa lên đầu. Sau đó cắt cảnh, và người ta thấy một phụ nữ từ phía sau trông giống cô, đầu trần.”

“Đó là một meo vật còn đáng xấu hổ hơn đội tóc giả,” Kadife nhận xét. “Rốt cuộc thì ai cũng nghĩ là tôi bỏ khăn ra sau vụ đảo chính.”

“Tuân lời răn tôn giáo hay bán khoán vì điều mọi người nghĩ, đối với cô cái gì quan trọng hơn? Nhờ meo ấy mà cô không thật sự để hở tóc ra. Nhưng nếu cô chỉ lo lắng về những gì người ngoài nói thì chúng ta sẽ nói cho tất cả nghe, khi vụ bê bối này qua đi, rằng đó là một kỹ xảo trong phim. Nếu biết là cô gánh mọi khó khăn này lên vai để cứu Lam thì học sinh trường tôn giáo sẽ lại càng tôn kính cô hơn.”

“Ông có bao giờ biết,” Kadife hỏi với giọng khác hẳn, “là ông nói ra những điều mà ông không hề tin, trong lúc ông muốn thuyết phục ai đó bằng được?”

“Có. Nhưng lần này thì không.”

“Nhưng ông có cần rút lương tâm khi rốt cuộc đã thuyết phục được một người bằng cách lừa phỉnh người ấy hay không? Vì ông không chừa cho người ấy lối thoát nào cả?”

“Kadife, vấn đề không đơn thuần là cô không có lối thoát. Cô thấy đấy, là người có lý trí cô không thể làm khác được. Bọn người xung quanh Lam sẽ treo cổ Lam không hề run tay; cô không thể cho phép xảy ra chuyện ấy.”

“Vậy thì chúng ta hãy nói thế này, tôi lột khăn ra trước mặt thiên hạ, tôi đã đầu hàng. Làm sao tôi biết được là họ sẽ thả Lam ra? Làm sao tôi tin được vào lời hứa của nhà nước này?”

“Cô nói đúng. Tôi sẽ bàn với họ chuyện ấy.”

“Ông bàn chuyện gì với họ, và bao giờ?”

“Sau khi gặp Lam tôi sẽ đến chỗ Sunay.”

Cả hai im lặng một hồi lâu, rõ ràng là Kadife về đại thể đã chấp nhận mọi điều kiện. Song để thật chắc chắn, Ka nhìn đồng hồ lần nữa để Kadife thấy.

“Lam ở chỗ Bộ an ninh quốc gia hay bên quân đội?”

“Tôi không rõ. Có gì khác nhau đâu?”

“Có thể lính không tra tấn anh ấy.” Kadife nói. Rồi im lặng một lát. “Tôi muốn ông trao cho anh ấy vật này.” Cô đưa ông một chiếc bật lửa kiểu cổ khảm trai và một bao Marlboro đỏ. “Bật lửa này của bố tôi. Lam sẽ thích nó lắm đấy.”

Ka cầm bao thuốc nhưng để lại bật lửa. “Nếu tôi đưa bật lửa thì Lam sẽ biết là tôi đã nói chuyện với cô trước.”

“Anh ấy cũng cần biết thế.”

“Thế thì anh ấy cũng hiểu chúng ta đã bàn chuyện gì, và muốn biết cô quyết định ra sao. Tôi thì sẽ không cho anh ấy biết đã gặp cô và cô nhận bỏ khăn ra theo một kiểu nào đó để cứu anh

ấy đâu.”

“Vì anh ấy sẽ không chấp nhận?”

“Không. Cô cũng rõ là Lam đủ khôn ngoan và thông minh để hiểu chuyện cô giả đồ trút khăn ra nhằm cứu anh ấy. Nhưng Lam sẽ không chấp nhận chuyện tôi không hỏi anh ấy mà lại đi hỏi cô trước.”

“Đây không chỉ là một đề tài chính trị, mà còn là chuyện riêng tư, hoàn toàn động đến đời tư của tôi. Lam sẽ hiểu.”

“Ngay cả khi anh ấy hiểu thì cô cũng rõ rằng anh ấy muốn được tôi hỏi trước cô. Anh ấy là người Thổ và là người Hồi giáo chính trị. Tôi không thể đến đó và nói *'Kadife đã quyết định bỏ khăn ra để anh được thả tự do.'* Lam phải tin là được tự mình ra quyết định. Tôi cũng sẽ cho anh ấy biết phương án tóc giả và cắt cảnh. Anh ấy cần phải tin tưởng rằng cô làm thế để cứu danh dự của mình và coi đó là một giải pháp. Bây giờ vấn đề là quan điểm danh dự của anh ấy, chứ không phải của cô. Nếu cô cần để lộ tóc ra, anh ấy sẽ muốn mọi người phải biết rằng đó là ý anh ấy.”

“Ông ghen với Lam, ông căm ghét anh ấy,” Kadife nói. “Ông thậm chí không coi anh ấy là một con người nữa. Như những người thế tục, ông coi tất cả những ai không theo phương Tây là mọi rợ, vô đạo lý, dưới trướng, và chỉ muốn cải hóa họ bằng roi vọt. Ông vui sướng khi thấy tôi khuất phục trước vũ lực quân sự để cứu Lam. Thậm chí ông chẳng thêm che giấu niềm vui sướng vô đạo đức ấy nữa.” Mắt cô ánh lên căm thù. “Nếu trong vụ này Lam là người nên quyết định trước, tại sao ông - cũng là một người Thổ - không đến thẳng chỗ anh ấy mà lại đến gặp tôi?” Ông có cần tôi nói vì sao không? Vì trước hết ông muốn thấy tôi quyết định xin khuất phục. Điều đó sẽ đưa ông lên thế thượng phong trước mặt Lam, vì ông vốn sợ anh ấy.”

“Đúng là tôi sợ anh ấy, Kadife, nhưng những gì còn lại trong lời cô là bất công. Giả sử tôi đến chỗ Lam trước rồi sau đó mới báo cho cô biết là anh ấy quyết định cô phải bỏ khăn ra, như một mệnh lệnh, ắt là cô sẽ không tuân lệnh.”

“Ông không phải là người môi giới, ông cùng một giuộc với lũ áp bức.”

“Tôi chỉ muốn một điều, Kadife ạ: an toàn ra khỏi thành phố này. Cả cô bây giờ cũng đừng nên tin vào bất cứ gì khác. Cô đã minh chứng đủ trước toàn bộ Kars rằng cô thông minh, kiêu hãnh và dũng cảm. Chùng nào ra khỏi đây, Ipek và tôi sẽ đi Frankfurt. Để sống hạnh phúc ở đó. Và tôi nói cả với cô nữa, hãy làm gì mà cô phải làm để có hạnh phúc. Lam và cô, nếu ra khỏi đây hai người dễ dàng tìm được cuộc sống hạnh phúc khi tị nạn chính trị ở một thành phố châu Âu nào đó. Bố cô sẽ đi theo, tôi tin chắc như vậy. Nhưng trước tiên cô phải tin tôi đã.”

Trong khi ông nói về hạnh phúc, một giọt lệ từ mắt Kadife lăn xuống má cô. Cô mỉm cười theo một kiểu khiến Ka phát sợ rồi lấy bàn tay chùi nhanh nước mắt. “Ông tin chắc là chị tôi sẽ bỏ Kars ra đi?”

“Tôi tin chắc,” Ka nói, mặc dù biết là hoàn toàn không đúng.

“Tôi không bắt buộc ông phải đưa cho anh ấy chiếc bật lửa và nói là đã trò chuyện trước với tôi,” Kadife nói với giọng của một nàng công chúa kiêu hãnh nhưng phục thiện. “Nhưng tôi muốn thật chắc chắn rằng Lam được thả tự do khi tôi bỏ khăn trùm đầu ra. Lời bảo lãnh của Sunay hay ai đó chưa đủ. Chúng ta quá biết nhà nước Thổ này rồi.”

“Cô là người rất thông minh, Kadife ạ. Trong tất cả những người ở Kars cô là người xứng đáng được sống hạnh phúc nhất.” Trong đầu ông thoáng qua ý nghĩ: và Necip cũng thế, nhưng ông

lại quên ngay. “Đưa tôi chiếc bật lửa! Có thể tôi tìm được cách đưa cho Lam. Nhưng cô hãy tin cây tôi!”

Khi Kadife chìa chiếc bật lửa ra, bắt giác họ ôm nhau. Ka âu yếm chạm vào cơ thể Kadife, mảnh mai và nhẹ hơn chị cô rất nhiều và ông phải thật cố gắng để không hôn cô. Đúng lúc đó có tiếng gõ cửa mạnh, và ông nghĩ: may mà mình đã tự chủ được.

Ipek đứng trước cửa và báo có một xe quân sự đến để đón Ka. Để đoán ra có gì đã xảy ra trong phòng, cô nhìn vào mắt Ka và Kadife thật lâu dò hỏi. Ka đi ra mà không hôn Ipek. Đến cuối hành lang, ông ngoảnh đầu lại, lòng đầy cắn rứt và đặc thẳng, và thấy hai chị em lặng lẽ ôm nhau.

TÔI KHÔNG LÀM TAY SAI CHO AI CẢ

Ka và Lam trong buồng giam

Hình ảnh Kadife và Ipek ôm nhau mãi không rời khỏi đầu óc Ka. Ông lên chiếc xe quân sự, ngồi cạnh tài xế. Khi xe dừng trước đèn hiệu giao thông duy nhất ở Kars, tại góc phố Atatürk cắt phố Halit Paşa, Ka nhìn từ ghế cao vào các căn hộ tầng trên của ngôi nhà Armenia cổ như một kẻ chuyên đi nhìn lén vào nhà người khác. Cánh cửa sổ không quét sơn được mở ra thông khí, và tấm rèm phất phơ nhẹ nhàng trong gió để lộ ra một khe hở, và Ka mừng rỡ tưởng bên trong đang diễn ra một cuộc họp chính trị bí mật. Khi một bàn tay phụ nữ trắng trẻo hấp tấp kéo rèm và đóng cửa sổ lại thì Ka đã tưởng tượng được rõ ràng chuyện gì đang xảy ra trong căn phòng sáng đèn: hai nhân vật chỉ huy có kinh nghiệm của phe dân tộc chủ nghĩa Kurd ở Kars đang giảng giải cho một cậu học nghề ở quán trà có anh trai bị bắn chết hôm qua trong một cuộc bỏ rập. Cậu bé ngồi cạnh lò sưởi và toát mồ hôi như tắm, người quần đầy băng gạc “Gazo”, đang được cố thuyết phục rằng rất dễ dàng đi qua một cửa ngách lọt vào Sở cảnh sát rồi cho quả bom ôm trong người phát nổ.

Trái với Ka nghĩ, chiếc xe quân sự không rẽ về phía Sở cảnh sát ấy và cũng không đi về phía trụ sở trang trọng của Bộ an ninh quốc gia xây từ những năm đầu của nền cộng hòa. Nó đi hết phố Atatürk, rẽ vào phố Faikbey rồi đi tiếp tới Bộ chỉ huy quân sự nằm chính giữa trung tâm. Miếng đất rộng này hồi thập kỷ sáu mươi định dùng làm công viên sau vụ đảo chính năm 1971 được xây tường vây quanh và biến thành khu trại lính, với đám trẻ con buồn chán đi xe đạp giữa các cây dương mảnh khảnh trước dãy nhà công vụ, nhà mới của Bộ chỉ huy và thao trường.

Nhờ vậy mà ngôi nhà mà Pushkin từng ở khi đến Kars cũng như dãy chuồng ngựa mà bốn chục năm sau Sa hoàng ra lệnh xây cho đoàn kỳ binh Cô-dắc không bị phá đi, như tờ báo Đất nước tự do thân quân đội thuật lại.

Buồng giam Lam ở ngay cạnh dãy chuồng ngựa lịch sử ấy.

Ka xuống xe trước một ngôi nhà đá cổ xinh đẹp, một cây trúc đào cổ thụ rủ những cành nặng trĩu tuyết sà xuống mái. Vào trong nhà, hai người đàn ông lịch sự mà Ka đoán chính xác là người của Bộ an ninh quốc gia lấy bằng gạc buộc vào người ông một máy nghe lén khá lạc hậu so với thời kỳ những năm chín mươi. Vừa chỉ cho ông nút bật máy họ vừa đẩy ông hãy làm ra vẻ thương xót tình cảnh của tù nhân trong buồng giam và muốn giúp đỡ anh ta - trong giọng họ không pha chút chế giễu. Đồng thời ông phải thuyết phục anh ta thú nhận các tội ác đã phạm phải và tổ chức để thu vào bằng. Ka không dám tin rằng hai người đàn ông này không rõ tại sao ông đến đây.

Trong ngôi nhà đá nhỏ được dùng làm Bộ chỉ huy kỳ binh thời Sa hoàng có cầu thang đá lạnh ngắt nổi xuống tầng hầm. Dưới đó có một buồng giam khá lớn, không cửa sổ, ngày xưa dùng để giam lính phạm kỷ luật. Dạo đầu thời kỳ cộng hòa buồng này thỉnh thoảng làm kho, hồi thập kỷ năm mươi làm hầm tránh bom kiểu mẫu cho trường hợp có chiến tranh nguyên tử. Ka thấy nó sạch sẽ và dễ chịu hơn mong đợi.

Buồng giam đủ ấm nhờ một chiếc lò sưởi điện hiệu Arçelik do Muhtar, đại lý khu vực, tặng cho khu trại lính để giữ quan hệ tốt. Nhưng Lam lúc này đang nằm trên giường vẫn kéo chiếc chăn lính sạch sẽ đắp kín người. Lúc Ka bước vào anh ta nhồm dầy, xỏ chân vào đôi giày đã bị tháo dây, lắc tay ông rất khách sáo nhưng vẫn mỉm cười và chỉ tay ra chiếc bàn formica kê cạnh tường với điệu bộ dứt khoát của một người sẵn sàng đàm phán.

Họ ngồi xuống hai chiếc ghế kê đầu bàn. Khi nhìn thấy một chiếc gạt tàn bằng thiếc đầy ắp đầu mẩu thuốc lá. Ka rút bao Marlboro ra đưa cho Lam và nói ông có cảm tưởng Lam được đối xử tốt. Lam đáp, anh không bị tra tấn, rồi châm lửa trước cho Ka rồi mới cho mình. “Lần này ông làm gián điệp cho ai vậy?” anh mỉm cười thân mật.

“Tôi đã bỏ công tác gián điệp rồi,” Ka nói. “Bây giờ tôi làm môi giới.”

“Còn tệ hơn. Gián điệp chuyển đủ loại tin tức lấy tiền, đa số những tin ấy chẳng có giá trị gì cả. Còn người môi giới thì ngược lại chuyên tọc mạch thọc mũi vào những chuyện quan trọng và cứ làm ra vẻ trung lập. Lần này ông được lợi lộc gì?”

“Tôi được rời khỏi thành phố thảm hại này một cách an toàn.”

“Lời báo đảm này cho một người vô thần từ phương Tây đến đây làm gián điệp chắc chỉ có thể của Sunay.”

Ka nghe câu ấy và đoán rằng Lam đã đọc số mới nhất của *Thành phố biên giới*. Ông cảm ghét nụ cười đều đặn của Lam. Tên đồ đệ hung hăng của luật Sharia này sao lại có thể yên bình và vui vẻ như vậy khi đã rơi vào tay nhà nước Thổ không biết thương hại là gì - như hắn đã kêu ca trước đó - và nhất là khi đã bị truy tố vì hai vụ giết người? Ngoài ra thì Ka hiểu tại sao Kadife say mê hắn ta như vậy, ông thấy Lam đẹp trai chưa từng thấy.

“Ông môi giới chuyện gì?”

“Chuyện thả anh.” Ka nói và bình tĩnh tóm tắt lại đề nghị của Sunay. Để chừa chỗ thương thảo, ông không hề nhắc đến khả năng Kadife có thể đội tóc giả khi bỏ khăn ra, cũng không nói đến những kỹ xảo có thể áp dụng trong khi truyền hình trực tiếp. Khi kể về mức độ nghiêm trọng của tình hình và sức ép của những phe cứng rắn lên Sunay đòi treo cổ Lam ngay khi có dịp, ông cảm thấy một niềm vui thầm kín, và thấy có lỗi vì điều đó, ông vội bổ sung thêm, Sunay là thằng điên nhất hạng và mọi sự sẽ yên ổn trở lại khi tuyết tan hết và đường lại thông. Sau này ông tự hỏi, liệu mình có nói những lời đó để làm vừa lòng bên Bộ an ninh quốc gia.

“Nghĩa là rõ ràng phương tiện duy nhất có thể cứu tôi là chứng diện của Sunay,” Lam nói.

“Đúng.”

“Vậy hãy nói với ông ta là tôi từ chối đề nghị của ông ta. Cảm ơn ông đã bỏ công sức tới đây.”

Ka thoáng nghĩ là Lam sẽ đứng dậy bắt tay ông và tiễn ông ra cửa. Họ im lặng.

Lam nhẹ nhõm đu đưa trên hai chân ghế sau. “Nếu ông không ra khỏi thành phố thảm hại này một cách an toàn được vì môi giới không thành thì không phải lỗi tại tôi, mà vì ông đã tự đánh giá mình quá cao và ba hoa khoe chuyện vô thần của ông. Ở đất nước này người ta chỉ có thể tự hào là vô thần khi đã nắm chắc sự ủng hộ của quân đội thôi.”

“Tôi không phải loại người tự hào là vô thần.”

“Thế là tốt.”

Họ lại im lặng hút thuốc. Ka cảm thấy mình chẳng làm gì được nữa ngoài đứng dậy ra khỏi phòng. Ông cố dấm ăn xôi hỏi Lam: “Anh không sợ chết?”

“Nếu đó là lời dọa thì: không! Nếu là câu hỏi vì quan tâm thân mật thì: có, tôi có sợ! Nhưng bọn đàn áp này sẽ treo cổ tôi lên bất kể tôi làm gì. Giờ thì hết cách rồi.”

Lam mỉm cười thân mật đến nỗi khiến Ka lúng túng. Ánh mắt anh nói: xem kìa, tình cảnh tôi tệ hơn tình cảnh ông nhiều, mặc dù vậy tôi vẫn bình tĩnh hơn ông nhiều! Ka nhúc nhích nhận ra rằng sự chộn rộn và lo lắng của ông liên quan đến hy vọng tìm được hạnh phúc như viên kẹo ngọt ngào trong mình, từ khi ông say mê Ipek. Lam không có hy vọng nào như thế sao? ông tự nhủ: mi sẽ đếm đến chín, rồi đi - một, hai... Đếm đến năm thì ông nhất quyết là mình sẽ không đem nỗi Ipek sang Đức nếu như không thuyết phục nổi Lam.

Như có người mách bảo, ông bắt đầu tuôn ra đủ thứ chuyện trên đời, nhắc đến một người môi giới thất bại hồi bé ông đã xem trong một phim Mỹ đen trắng, nói chuyện bản tuyên bố viết ở khách sạn Châu Á có cơ may được in ở Đức (sau khi biên tập lại cẩn thận), chuyện con người đôi khi vì ngoan cố và đam mê nhất thời mà quyết định sai và sau này phải hối hận, ví dụ như ông hồi ở cấp ba vì một cơn bực mình mà rời bỏ đội bóng rổ và không trở lại, hôm ấy ông ra eo biển Bosphorus và nhìn lâu, rất lâu xuống mặt nước, ông kể mình yêu Istanbul đến chừng nào, vịnh Bebek bên bờ Bosphorus vào buổi tối mùa xuân đẹp ra sao, và còn nhiều chuyện khác nữa. Ông cố gắng không nản chí và cầm miệng trước ánh mắt lạnh lẽo của Lam nhìn mình, và cuộc chuyện trò ấy giống như lần bàn thảo cuối cùng trước giờ hành hình.

“Ngay cả khi chúng tôi đáp ứng đủ các đòi hỏi oái ăm nhất mà bọn họ đặt ra thì họ vẫn nuốt lời thôi,” Lam nói. Anh chỉ vào tập giấy và cây bút trên bàn. “Họ muốn tôi ghi lại toàn bộ chuyện đời mình, mọi tội ác của mình, tất cả những gì tôi muốn phát biểu. Nếu họ nhận ra trong đó thiện chí của tôi thì có thể tôi được ân xá như một tội nhân ăn năn. Tôi luôn thương hại những kẻ ngu xuẩn đã tin vào lời nói dối ấy, ly khai sự mạng của mình trong những ngày cuối cùng và phản lại cả cuộc đời mình. Nhưng nếu tôi chết thì hậu thế cũng nên biết một, hai sự thật về tôi.”

Trên bàn có vài tờ đã viết, Lam cầm một tờ lên. Vẻ mặt anh bây giờ lại nghiêm trang như buổi tối đưa ra tuyên bố trên báo Đức: Tôi muốn tuyên bố rõ cho tới ngày 20 tháng Hai này, ngày tôi bị hành quyết, tôi không hối hận chút gì trong những việc mà tôi đã làm từ xưa đến nay, một phần trong hoạt động chính trị của tôi. Tôi là con trai thứ hai của bố tôi, thư ký ở Sở tài chính Istanbul cho đến khi về hưu. Tuổi nhỏ và thời thanh niên của tôi diễn ra trong thế giới

giản dị và lặng lẽ của người cha là thành viên bí mật của bí thất dòng Cerrahi. Hồi trẻ tôi chống lại bố và theo phái tả, khi học đại học tôi đi theo những sinh viên vũ trang và ném đá vào thủy thủ từ các tàu chiến Mỹ lên bờ. Cũng dạo đó tôi kết hôn, rồi ly hôn, và tôi đã sống qua cơn khủng hoảng đó. Nhiều năm trời tôi sống lặng lẽ, không ai để ý, làm một kỹ sư điện. Vì căm thù phương Tây nên tôi kính trọng cuộc cách mạng ở Iran. Tôi trở về với đạo Hồi. Tôi tin vào giáo chủ Khomeini. người đã nói rằng hôm nay cần bảo vệ đạo Hồi hơn cầu nguyện và ăn kiêng. Tôi lấy cảm hứng từ các bài viết của Frantz Fanon về bạo lực, về những chuyến hành hương của Sayyid Kutub để phản đối áp bức, và từ Ali Shariati. Sau vụ đảo chính quân sự tôi xin tị nạn ở Đức, rồi lại quay về. Tôi hơi khập khiễng chân phải vì một vết thương trong cuộc chiến đấu bên cạnh người Chechnya chống quân Nga ở Grosny. Trong khi quân Serbia bao vây Sarajevo tôi đã đến đó; cô Merzuka người Bosnia mà tôi thành hôn ở đó đã theo tôi về Istanbul. Vì không bao giờ ở thành phố nào quá hai tuần, bởi phải hoạt động chính trị và tin vào triết lý hành hương của Đảng tiên tri, cuối cùng tôi cũng chia tay với vợ thứ hai. Sau khi cắt quan hệ với các nhóm Hồi giáo đã đưa tôi đến Chechnya và Bosnia, tôi đi khắp Thổ Nhĩ Kỳ. Mặc dù tin rằng nếu cần thiết thì phải giết hết mọi kẻ thù của đạo Hồi cho đến nay tôi chưa bao giờ giết ai hay sai giết ai. Cựu thị trưởng Kars bị sát hại bởi một tay xà ích người Kurd loạn óc, quá căm giận vì ông ta định cấm xe ngựa trong thành phố. Tôi đến Kars vì các thiếu nữ tự sát. Tự sát là tội lớn nhất trong mọi tội. Sau khi tôi chết, các bài thơ của tôi sẽ nhắc người ta về tôi, tôi muốn những bài ấy được xuất bản. Merzuka giữ tất cả. Chấm hết.” Anh ngừng lời.

“Anh không việc gì phải chết,” một lúc sau Ka lên tiếng. “Vì lý do ấy mà tôi tới đây.”

“Vậy thì tôi kể cho ông nghe một chuyện khác,” Lam nói. Tin chắc rằng Ka chăm chú lắng nghe, anh châm một điếu mới. Liệu anh có biết rõ là Ka mang bên ngực một chiếc máy nghe lén đang âm thầm làm việc như một bà nội trợ mẫn cán?

“Ở Munich có một rạp phim, sau nửa đêm thứ Bảy chuyên chiếu suất đúp giảm giá; tôi thường đến đó,” Lam nói. “Có một người Ý ngày xưa đã làm phim *Trận đánh Algier* về người Pháp đàn áp dã man người Algeria ra sao. Ở rạp này người ta đã chiếu bộ phim cuối cùng của ông, nhan đề *Cháy!*. Phim này nói về các mưu đồ của thực dân Anh trên một đảo Caribe trồng mía và một cuộc nổi dậy do họ châm ngòi. Trước tiên họ chọn ra một thủ lĩnh da đen để tổ chức khởi nghĩa chống lại người Bồ Đào Nha, sau đó họ tràn ra khắp đảo và nắm quyền kiểm soát. Sau khi cuộc khởi nghĩa đầu tiên thất bại, người da đen lại vùng dậy lần nữa, bây giờ họ chống lại người Anh, song họ lại thua khi người Anh đất trụi hòn đảo. Người thủ lĩnh của cả hai cuộc khởi nghĩa bị bắt và sắp bị treo cổ. Marlon Brando là người ban đầu đã chọn ra viên thủ lĩnh, kích động khởi nghĩa và giật dây mọi trò chùng ấy năm trời cũng như cuối cùng đã đập tan cuộc vùng dậy thứ hai theo ý người Anh. Đúng lúc đó thì Marlon đột nhập vào lều, nơi viên thủ lĩnh bị giam, cắt đứt dây trói và thả ông ta ra.”

“Tại sao?”

Lam nhăn mặt. “Tại sao à? Để ông ta không bị treo cổ! Marlon biết rõ, khi một người da đen bị treo cổ thì người đó sẽ thành huyền thoại và dân bản xứ sẽ lấy tên anh ta làm khẩu hiệu phản kháng thêm nhiều năm sau. Nhưng người thủ lĩnh da đen biết Marlon cắt dây trói vì lý do ấy nên từ chối tự do và không chạy trốn.

“Anh ta có bị treo cổ không?” Ka hỏi.

“Có, nhưng cảnh hành quyết không chiếu,” Lam nói. “Thay vào đó là cảnh tên tay sai Marlon Brando bị một người bản xứ đâm chết khi đang định rời đảo. Hắn cũng định cảm dỗ người da đen kia bằng tự do, hết như ông đang làm với tôi đây.”

“Tôi không làm tay sai,” Ka nói, không giấu nổi cảm giác bị chạm nọc.

“Ông đừng phật lòng vì khái niệm '*tay sai*'. Nói cho cùng thì tôi là tay sai của Hồi giáo chính trị!”

“Tôi không làm tay sai cho ai cả,” Ka nói, lần này không hối tiếc sự nhạy cảm của mình.

“Thế có nghĩa là bọn họ không cho một loại thuốc đặc biệt nào vào thuốc lá để tôi bị ngộ độc, để tinh thần tôi bị dao động hay sao? Cái tốt nhất mà người Mỹ đem đến cho thế giới là Marlboro đỏ. Nếu có thể thì tôi muốn được hút Marlboro cho đến khi chết.”

“Nếu anh biết điều thì anh sẽ còn được hút Marlboro bốn chục năm nữa !”

“Đó là ý tôi khi nói ra chữ '*tay sai*'.” Lam nói. “Một trong những nhiệm vụ chính của tay sai là quảng mồi nhử sự biết điều của mọi người.”

“Tôi chỉ định nói cho anh rõ mức độ biết điều khi để bọn phát xít điên loạn với bàn tay dẫm máu giết mình. Ngoài ra, tên anh cũng chẳng thành khẩu hiệu phản kháng cho bất cứ ai cả đâu. Người ở đây hiền lành như những con chiên và tận hiến cho tôn giáo của mình, nhưng rốt cuộc họ sẽ không tuân lệnh tôn giáo mà chỉ làm những gì nhà nước ra lệnh thôi. Tất cả những kẻ kích động khởi nghĩa, những người vùng dậy bảo vệ tôn giáo của mình bị nguy khốn, những phần tử vũ trang được huấn luyện bên Iran - bọn họ sẽ không để lại được lấy một nắm mồ, ngay cả khi tên tuổi họ để lại chút tiếng vang như Said Nursi. Ở đất nước này, xác những lãnh tụ tôn giáo có thể tạo ra khẩu hiệu phản kháng được vút lên phi cơ và ném xuống nơi nào đó ngoài biển. Anh cũng biết rõ mà. Những nắm mồ ở Batman sau khi thành đích hành hương của đồ đệ Hezbollah đã bị san thành bình địa sau một đêm. Bây giờ tìm chúng ở đâu?”

“Trong trái tim nhân dân”

“Toàn lời rỗng tuếch, chỉ hai mươi phần trăm dân xứ này bầu Hồi giáo chính trị, lại còn dưới dạng một đảng ôn hòa!”

“Nếu đảng ấy ôn hòa thì ông hãy giải thích cho tôi, tại sao họ sợ và gây đảo chính quân sự! Việc môi giới trung lập của ông cũng chỉ đến đây là điểm dừng.”

“Tôi đúng là người môi giới trung lập!” Ka bắt giác cao giọng.

“Không phải, ông là gián điệp phương Tây. Ông là nô lệ của bọn châu Âu không chấp nhận được thả tự do, và như những nô lệ chính cống, ông còn không biết mình là nô lệ nữa. Vì ở Nişantaşı ông đã hơi Âu hóa và học được cách khinh rẻ tôn giáo và truyền thống dân mình nên ông cho mình là chủ nhân của dân tộc này. Theo quan điểm của ông thì ở đất nước này muốn làm người tốt và có đạo đức trong sạch không cần đến tôn giáo, Thương đế và chia sẻ cuộc sống với nhân dân, mà cần học đòi phương Tây. Có thể ông phát biểu một vài câu chống áp bức đối với phe Hồi giáo chính trị và người Kurd nhưng trong thâm tâm ông ủng hộ đảo chính quân sự.”

“Tôi có thể thu xếp cho anh chuyện này: Kadife đội tóc giả dưới khăn, không ai thấy tóc cô ta khi bỏ khăn ra cả.”

“Các người sẽ không dụ được tôi uống rượu vang đâu!” Bây giờ Lam cũng cao giọng. “Tôi sẽ không thành người Âu và cũng không bắt chước họ. Tôi sẽ sống cuộc đời riêng của mình và là chính mình. Tôi tin tưởng rằng con người cũng có được hạnh phúc mà không cần bắt chước người Âu và biến thành nô lệ của họ. Có một chữ mà những kẻ hăm mộ phương Tây ưa dùng để hạ thấp nhân dân: muốn thành người Âu, trước tiên ta phải là một cá nhân; nhưng chúng bảo ở Thổ Nhĩ Kỳ không có cá nhân. Được, thế thì tôi coi việc mình bị hành quyết như thế đó. Tôi chống lại phương Tây với tư cách cá nhân. Vì là một cá nhân nên tôi khước từ việc bắt chước

phương Tây.”

“Sunay tin tưởng vào vở này đến mức tôi có thể thu xếp một chuyện khác nữa: Nhà hát nhân dân sẽ để trống, ống kính sẽ chiếu tay Kadife đưa lên khăn trùm, sau đó sẽ dùng kỹ xảo cắt ghép để chiếu mái tóc của một người khác.”

“Thật đáng ngờ khi thấy ông vất vả ra sao để cứu tôi.”

“Tôi rất hạnh phúc,” Ka nói và thấy tội lỗi như một kẻ dối trá. “Tôi chưa bao giờ hạnh phúc như vậy trong đời. Tôi muốn giữ gìn hạnh phúc ấy.”

“Cái gì làm ông hạnh phúc?”

Ka không đưa câu trả lời mà sau này ông mới nghĩ ra là khôn ngoan hơn: vì tôi làm thơ, hay: vì tôi tin vào Thượng đế. Mà ông bật ra: “Vì tôi đang yêu. Người yêu tôi sẽ cùng đi Frankfurt.” Ông vui mừng một thoáng vì đã thổ lộ được chuyện yêu đương trước một người ngoài cuộc.

“Người yêu ông là ai?”

“Ipek, chị của Kadife.” Ka nhận ra Lam biến đổi sắc mặt. Lập tức ông hối tiếc đã buông lỏng mình trong niềm phấn khích.

Họ im lặng.

Lam lại chiêm điều thuốc nữa. “Quả là một món quà của Thượng đế khi một người hạnh phúc đến mức muốn chia sẻ hạnh phúc ấy với một người khác sắp bị hành hình. Cứ cho là tôi chấp nhận các đề nghị mà ông đem lại để ông an toàn thoát khỏi thành phố này mà không bị phá vỡ mất hạnh phúc, và Kadife sẽ lên sân khấu với một phương thức thích hợp để không bị tổn hại đến danh dự của mình, và hạnh phúc của chị cô ấy vẫn được giữ gìn. Làm sao tôi biết được rằng bọn họ sẽ giữ lời và thả tự do cho tôi?”

“Tôi biết trước là anh sẽ hỏi câu đó,” Ka kích động thốt lên. Ông giữ im lặng một hồi, đưa ngón tay lên môi và ra hiệu cho Lam hãy ngồi yên và chú ý, ông mở khuy áo khoác và bấm nút dùng máy ghi âm dưới áo len cho Lam thấy rõ. “Tôi bảo lãnh,” ông nói. “Trước hết họ thả anh ra, Kadife lên sân khấu khi anh báo ra từ nơi ẩn nấp là anh đã tự do. Nhưng trước tiên anh phải viết một lá thư là anh đồng ý với thỏa thuận ấy và đưa tôi để tôi thuyết phục được Kadife.” Tất cả các chi tiết ấy nảy ra trong óc ông khi nói. “Tôi sẽ đòi bằng được họ thả anh ra theo điều kiện của anh và ở nơi nào anh chọn,” ông thì thào. “Anh hãy trốn ở một nơi không ai tìm ra được, cho đến khi đường thông trở lại. “Hãy tin vào tôi!”

Lam chìa cho ông một tờ giấy lấy trên bàn. “Ông viết rằng ông, Ka, là người môi giới và bảo lãnh, nếu Kadife bỏ khăn trùm đầu trên sân khấu mà không bị tổn hại danh dự thì bù lại tôi sẽ được thả tự do và rời khỏi Kars một cách an toàn. Có hình phạt nào cho người bảo lãnh, nếu ông không giữ lời hứa và tôi bị lừa?”

“Bất cứ chuyện gì xảy ra với anh thì cũng sẽ xảy ra với tôi,” Ka nói.

“Viết như thế đi!”

Ka cũng chìa cho Lam một tờ giấy. “Còn anh hãy viết là anh đồng ý với thỏa thuận mà tôi đã miêu tả, và tôi báo cho Kadife biết thỏa thuận này, cũng như nhường cho Kadife quyết định tối hậu! Nếu Kadife đồng ý thì cô ấy ghi vào một tờ giấy và ký tên, sau đó anh được thả như anh yêu cầu, trước khi cô ấy bỏ khăn ra. Viết đi! Anh sẽ không bàn chuyện được thả ở đâu và như

thế nào với tôi mà với một người khác anh tin tưởng hơn tôi. Tôi đề nghị Fazil, người anh em cắt máu ăn thề của Necip đã chết.”

“Đó là thằng bé si mê Kadife và viết thư cho cô ấy thứ gì?”

“Đó là Necip, nó chết rồi. Nó là một người đặc biệt do Thượng đế cử đến,” Ka nói. “Fazil cũng vậy, là một người tốt.”

“Nếu ông nói thì tôi tin,” Lam nói và bắt đầu viết vào tờ giấy đặt trước mặt.

Lam viết xong trước. Khi Ka viết xong tờ bảo lãnh, ông thấy ánh mắt Lam lại thoáng vẻ nhạo báng, nhưng ông không bận tâm, ông thấy hạnh phúc vô biên sau khi đã giải quyết được vấn đề này để được cùng Ipek rời khỏi thành phố. Họ lặng lẽ đổi cho nhau tờ giấy. Khi thấy Lam dứt giấy vào túi mà không đọc, ông cũng làm theo rồi bật lại máy ghi âm để Lam cũng nhìn thấy.

Họ yên lặng hồi lâu. Ka nhớ lại những lời cuối cùng mình đã nói trước khi tắt máy. “Tôi biết trước là anh sẽ hỏi câu đó.” Ông nói. “Nhưng nếu những người trong cuộc không tin nhau thì làm sao dẫn đến thỏa thuận được. Anh phải tin là nhà nước đã hứa với anh thì sẽ giữ lời.”

Họ mỉm cười nhìn vào mắt nhau. Những năm về sau, mỗi khi nhớ lại giây phút ấy Ka lại hối tiếc rằng niềm hạnh phúc đã che mắt không cho ông thấy cơn thịnh nộ của Lam, và ông tin rằng mình sẽ không đặt câu hỏi tiếp theo nếu biết anh ta giận dữ đến nỗi nào: “Kadife sẽ làm đúng thỏa thuận này chứ?”

“Cô ấy sẽ làm đúng,” Lam đáp với ánh mắt tóe lửa căm hờn.

Họ lại lặng yên.

“Sau khi đã ra một thỏa thuận khả dĩ cột tôi vào cuộc sống thì ông hãy kể cho tôi nghe về hạnh phúc lớn lao của mình đi,” Lam nói.

“Cả đời tôi chưa từng yêu ai như thế,” Ka nói. Ông thấy lời mình ấu trĩ và vụng dại, nhưng vẫn nói tiếp. “Và đối với tôi cũng không có khả năng nào khác trên đời để có hạnh phúc ngoài Ipek.”

“Hạnh phúc là gì?”

“Là anh thấy một thế giới, nơi ta quên được mọi gian khổ và đày ải. Là ôm một người trong tay như ôm cả một thế giới...” Ka giải thích. Ông còn muốn nói nữa, nhưng Lam đứng phắt dậy.

Đó cũng là lúc trong Ka hiện lên bài thơ “Cờ”. Ông thoáng nhìn qua Lam, rút cuốn vở trong túi ra viết vội vã. Trong khi ông viết những dòng thơ về hạnh phúc và quyền lực, thông thái và kỳ vọng thì Lam nhìn qua vai ông xem có chuyện gì. Ka cảm thấy ánh mắt của anh ta, và đưa vào bài thơ cả ánh mắt ấy. Ông hiểu là Lam không nhận ra điều đó, nhưng ông ước gì anh ta ít nhất cũng ngộ ra rằng tay ông chịu một lực khác từ trên cao thúc đẩy. Nhưng Lam ngồi ở mép giường và rít một điếu thuốc như một kẻ thực sự bị tuyên án tử hình.

Xong xuôi, Ka muốn thổ lộ lòng mình lần nữa, theo một linh tính bột phát mà sau này ông hay kiểm lại nhưng không sao hiểu nổi.

“Đã nhiều năm nay tôi không làm thơ,” ông nói. “Bây giờ ở Kars mọi ngã đường đến với thơ đều rộng mở. Tôi tin điều đó gắn liền với tình yêu trước Thượng đế mà tôi nhận thấy trong mình khi tới đây.”

“Tôi không muốn xúc phạm ông, nhưng tình yêu của ông trước Thượng đế xuất phát từ tiểu

thuyết phương Tây,” Lam trả lời. “Nếu ở đây ông tin vào Thượng đế như một người Âu thì ông đã tự biến mình thành trò cười, ông không thuộc về xứ này, tựa như ông không phải là người Thổ nữa. Hãy cố trở thành như mọi người, lúc đó ông sẽ tin vào Allah.”

Ka cảm thấy anh ta căm ghét mình. Ông lấy mấy tờ giấy trên bàn và gấp lại. Ông nói là phải đến nói chuyện gấp với Kadife và Sunay rồi gõ cửa buồng. Khi cửa mở, ông quay lại nhìn Lam và hỏi có nhắn Kadife chuyện gì đặc biệt không.

Lam mỉm cười: “Chú ý chó để ai giết ông!”

ÔNG SẼ KHÔNG CHẾT THẬT ĐÃY CHỨ?

*Một bản giao kèo hàm chứa sự sống và trò chơi,
nghệ thuật và chính trị.*

Trong khi các nhân viên của Bộ an ninh quốc gia từ từ gỡ chiếc máy nghe lén khỏi người Ka ở tầng trên, họ giật cả mấy sợi lông ngực cùng băng dính ra, và bất giác Ka hòa theo thái độ mỉa mai và chuyên nghiệp của họ và khinh mạn nhận xét về Lam. Ông hoàn toàn không nhắc đến thái độ thù nghịch của anh ta đối với mình.

Ông bảo lái xe về khách sạn và đợi mình ở đó. Giữa hai vệ sĩ, ông đi xuyên qua khu trại lính. Trên bãi đất rộng phủ tuyết trước khu chung cư sĩ quan là lũ trẻ ầm ĩ lấy tuyết ném nhau. Ở rìa sân, một cô bé gầy gò mặc măng tô gọi nhớ đến chiếc áo len đỏ đen mà ông mặc hồi lên lớp ba đang cùng hai bạn gái lăn một hòn tuyết to tướng lại để đập người tuyết. Không khí trong vắt, lần đầu tiên sau trận bão kinh khủng mặt trời đã hơi hửng lên.

Vào khách sạn là ông đi tìm Ipek ngay. Cô đang trong bếp, khoác một chiếc yếm và gi-lê như nữ sinh cấp ba ở Thổ Nhĩ Kỳ ngày xưa vẫn mặc. Ông đứng ngắm cô và chỉ muốn ôm cô, nhưng không chỉ có họ trong phòng. Vậy ông tóm tắt những gì diễn ra từ sáng đến giờ mọi việc tiến triển có lợi cho Kadife, và cũng cả cho họ. Báo đã được phát hành, nhưng bây giờ ông không sợ bị giết nữa. Ông còn định nói nữa thì Zahide vào bếp và nhắc đến hai vệ sĩ đứng ngoài cửa. Ipek sai bà mời họ vào nhà và mời trà, giữa lúc chạy đi chạy lại cô hẹn sẽ lên phòng gặp Ka sau.

Khi lên đến phòng, Ka treo áo khoác lên và nhìn lên trần nhà trong khi nằm đợi Ipek. Tuy biết rằng Ipek sẽ lên ngay vì họ còn nhiều chuyện cần bàn, Ka vẫn cảm thấy bị quán. Mới đầu ông tưởng tượng rằng Ipek không lên được vì bất ngờ gặp bố, sau đó ông sợ cô không muốn lên. Lại lần nữa cảm giác đau nhói từ dạ dày lan tỏa khắp người ông như thuốc độc. Nếu đó là sự giãy vò của tình yêu làm người ta quen gọi thì nó không hứa hẹn chút hạnh phúc nào. Ông ý thức được rằng những đợt bối rối và bị quán như thế sẽ tái hiện nhiều hơn và mạnh hơn khi tình yêu của ông với Ipek trở nên mãnh liệt hơn. Ông nghĩ, sự thiếu tự tin này, nỗi sợ bị lừa dối và thất vọng này có liên quan gì đây với điều kẻ khác mô tả bằng chữ ‘yêu’? Nhưng hình như chỉ có

mình ông cảm nhận nó một cách thất bại và thảm thương, còn mọi kẻ khác đều tự hào và khoe khoang về nó, nên có lẽ trên đời này chỉ có ông một mình một lối, và điều đó làm ông rất mực ưu phiền. Tệ hơn nữa là không chỉ ý nghĩ ông ngày càng điên loạn hơn trong khi chờ đợi (Ipek không đến, Ipek chẳng nào cũng không thích đến, Ipek chỉ đến để bày một trò khác, tất cả - Kadife, Turgut Bey và Ipek - đang bàn tán về ông và coi ông như một địch thủ cần thanh toán), mà ông còn ý thức về sự điên loạn đó. Ví dụ như ông quặn ruột khi nghĩ rằng Ipek có người yêu khác, và tưởng tượng ra chuyện đó một cách rõ rệt đến khổ sở, đồng thời nửa kia của lý trí nói với ông rằng ý nghĩ ấy của ông chẳng qua là do bệnh hoạn. Để nỗi đau bớt đi và những hình ảnh tưởng tượng trước mắt ông biến đi (ví dụ như Ipek không muốn gặp ông nữa, nói gì đến chuyện chuyển đi Frankfurt), ông phải vận dụng hết phần lý trí chưa bị tình yêu làm chao đảo (tất nhiên nàng yêu mình, nếu không yêu thì tại sao nàng có thể đam mê mãnh liệt như vậy?) để cứu mình khỏi tình trạng bối rối và sợ hãi. Nhưng chỉ lát sau là một nỗi lo mới lại tràn đến và phá tan bình an nội tại vừa đạt được.

Nghe thấy tiếng chân ngoài hành lang, ông không nghĩ đó là Ipek, mà ai đó đưa tin nhắn là Ipek không đến. Ông nhìn Ipek trong khung cửa, vừa nhẹ người vừa thù hận. Mười hai phút chờ đợi lê thê làm ông hoàn toàn kiệt sức. Ka đủ nguôi đi khi nhận ra Ipek đã đánh phấn và tô son.

“Em đã thừa chuyện với bố và nói sẽ sang Đức.” Ipek nói.

Ka đang dễ bị cuốn theo những hình ảnh bi quan trong trí óc nên thoát tiên ông tự ái; ông không thể hiểu nổi lời Ipek vừa nói. Chính điều đó lại khiến Ipek nghi ngại, phải chăng tin mới mà cô đưa lại không làm ông vui, tệ hơn nữa, nỗi thất vọng ấy làm Ipek có mình vào vỏ. Nhưng tận đáy lòng cô biết Ka say mình như điên dại và ngay từ giờ đã bị cột chặt vào cô như một thằng bé năm tuổi bám vào mẹ. Cô cũng thấu hiểu rằng một trong những lý do khiến Ka muốn đưa cô về Frankfurt không phải chỉ vì căn hộ yên ấm ở đó, mà là hy vọng lánh xa những cặp mắt soi mói, có cô cho riêng mình.

“Anh yêu, có chuyện gì vậy?”

Những năm về sau, mỗi khi đau khổ vì tình yêu giày vò Ka hồi tưởng hàng nghìn lần Ipek đặt câu hỏi đó dịu dàng và âu yếm ra sao. Giờ thì ông thuật lại chi tiết những lo lắng chứa chất trong lòng, nỗi sợ bị bỏ rơi, những cảnh tượng kinh hoàng hiện ra trước mắt mình.

“Nếu ngay từ bây giờ anh đã bị giày vò như vậy thì chắc là một phụ nữ ngày xưa đã từng làm anh đau đớn?”

“Có đôi chút, nhưng bây giờ anh đã thấy sợ nỗi đau do em đem lại.”

“Em sẽ không để anh chịu đau đớn,” Ipek nói. “Em yêu anh, em sẽ cùng anh sang Đức, và mọi việc sẽ ổn cả.”

Cô ôm Ka đến ngạt thở, và họ làm tình một cách tự nhiên đến khó tin. Bây giờ Ka không cảm thấy cần phải làm cô đau nữa, và ông êm ái vuốt ve làn da trắng mềm mại của cô, nhưng cả hai đều ý thức rằng họ không yêu mãnh liệt được như đêm qua.

Ka nhớ đến kế hoạch môi giới của mình. Ông tin chắc rằng lần đầu tiên trong đời ông có thể đạt được hạnh phúc, và hạnh phúc ấy biết đâu sẽ được dài lâu nếu ông hành động tương đối khéo léo và thoát khỏi Kars an toàn cùng người yêu. Ông đắm chìm trong ý nghĩ ấy và ngạc nhiên khi cảm thấy một bài thơ mới đến trong khi nhìn ra cửa sổ và hút thuốc. Trước cặp mắt âu yếm và cảm phục của Ipek, ông chép thật nhanh những gì vừa nghĩ ra.

Bài thơ với tựa đề “*Tình yêu*” này Ka sẽ đọc sáu lần trong những buổi đọc thơ ở Đức. Người nghe kể lại với tôi rằng tình yêu nói đến trong bài thơ này không hẳn xuất phát từ thiện cảm,

mà từ sự chênh lệch giữa thỏa mãn và cô đơn hay giữa tin cậy và sợ hãi. Và nó liên quan nhiều đến khoảng tối khó hiểu trong đời Ka và mối quan tâm đặc biệt đến một phụ nữ (chỉ có một người duy nhất hỏi tôi phụ nữ đó là ai). Ghi chép của Ka về bài thơ này xoay quanh kỷ niệm về Ipek, về nỗi nhớ nhung, về các chi tiết quần áo và điệu bộ của cô có ý nghĩa gì đối với ông. Một trong những lý do khiến tôi có ấn tượng mạnh khi gặp Ipek lần đầu tiên là tôi đã đọc nhiều lần mấy dòng ghi chép nói trên.

Sau khi Ipek vội vã mặc quần áo và đi gọi em gái không lâu thì Kadife xuất hiện. Ông giải thích cho Kadife đang mở to mắt vì xúc động rằng không có gì phải lo ngại cả, người ta đối xử tốt với Lam. Ông bảo ông phải nói chuyện lâu để thuyết phục Lam, và ông tin chắc Lam là một người vô cùng gan dạ. Sau đó như linh tính mách bảo, ông trình bày tường tận câu chuyện dối trá mà ông đã sắp xếp sẵn trong đầu: thoát tiên khó nhất là thuyết phục Lam tin rằng Kadife chấp nhận thỏa thuận này. Ông kể, Lam nói là thỏa thuận này với anh thể hiện sự thiếu tôn trọng Kadife và phải nói chuyện với Kadife trước đã, và khi Kadife nhướn mày ngạc nhiên thì Ka nói - để lời nói dối hiệu nghiệm hơn - ông không chắc Lam thực có ý ấy. Đến đoạn này ông nói thêm, nếu Lam tranh cãi lâu với ông về danh dự của Kadife - dù chỉ làm ra vẻ như vậy thì điều đó thể hiện sự tôn trọng quyết định của phụ nữ là một điểm tích cực ở Lam. Ka mừng vì có thể nhồi nhét những lời dối trá đó vào những kẻ bất hạnh này đang xả thân vì những xung đột chính trị vô nghĩa ở một thành phố ngu xuẩn, chính cái thành phố đã dạy cho ông, dù rất muộn, rằng điều quan trọng nhất trong cuộc sống là hạnh phúc. Nhưng ông cũng xót xa vì Kadife, dũng cảm và sẵn sàng hy sinh hơn ông đến thế, lại uống lấy những lời dối trá ấy, và ông dự cảm rằng rốt cuộc ông sẽ bất hạnh. Do đó ông chấm dứt bằng lời vô hại nữa: Lam đã rí tai nhờ ông chào Kadife. Ông nhắc lại lần nữa mọi chi tiết đã thỏa thuận và hỏi ý kiến cô.

Kadife nói: “Tôi sẽ để lộ tóc ra theo cách mà tôi cho là đúng.”

Ka có cảm giác sẽ sai lầm nếu lơ hẩn điểm này đi, do vậy ông nói, có lẽ Lam sẽ ủng hộ chuyện Kadife đội tóc giả hoặc làm kiểu gì đó tương tự, nhưng ông im bật khi thấy Kadife nổi giận. Đã thỏa thuận là Lam được thả tự do và trốn ở một nơi chắc chắn, sau đó Kadife sẽ để lộ tóc ra (theo cách cô muốn). Liệu Kadife có nên viết ngay mấy dòng và ký, theo như cô hiểu? Ka đưa cô tờ giấy do Lam viết để cô đọc và lấy đó làm mẫu. Một cảm tính sâu sắc dâng lên trong ông khi thấy Kadife xúc động đọc dòng chữ từ tay Lam. Trong khi đọc, có lúc cô hít hơi từ tờ giấy nhưng cố không để Ka nhận thấy. Do có ấn tượng là Kadife bắt đầu lưỡng lự, ông nói rằng ông cần tờ giấy này để thuyết phục Sunay và những người xung quanh ông thả tự do cho Lam. Có thể bên quân đội và nhà nước sẽ bất bình vì vụ khấn trù, nhưng cả thành phố Kars này đều tin tưởng rằng cô dũng cảm giữ lời hứa. Ông ngắm nhìn Kadife hăm hở viết lên tờ giấy trắng ông đưa cho. So với buổi tối trước đây hai hôm, khi ông lần đầu gặp cô và cùng cô đi qua phố Hàng Thịt chuyện trò về thiên văn học, Kadife đã già hẳn đi.

Cất tờ giấy vào túi xong, Ka nói với cô rằng vấn đề tiếp theo là phải tìm ra một nơi trốn cho Lam nếu Sunay đồng ý thả tự do. Liệu cô có sẵn sàng giúp?

Kadife nghiêm trang gật đầu.

“Cô đừng lo.” Ka nói. “Cuối cùng tất cả chúng ta sẽ hạnh phúc.”

“Con người không phải lúc nào cũng hạnh phúc khi làm việc chính đáng.” Kadife nói.

“Làm việc chính đáng là đã đủ đem lại cảm giác hạnh phúc,” Ka đáp lại. Ông tưởng tượng ra cảnh Kadife sắp tới sẽ đến Frankfurt và chứng kiến chỉ cô và ông hạnh phúc ra sao. Ipek sẽ mua cho Kadife một chiếc áo choàng mùa hè đom đóm ở cửa hàng Kaufhof, mọi người sẽ cùng nhau đi xem phim, rồi vào một nhà hàng ở phố Kaiser ăn xúc xích và uống bia.

Ngay sau khi Kadife đi khỏi. Ka mặc áo choàng đi xuống nhà, lên chiếc xe quân sự. Hai vệ sĩ

ngồi ngay sau ông. Ka tự hỏi, liệu ông có quá nhất gan khi nghĩ sẽ bị tấn công nếu ra đường một mình. Nhìn từ buồng lái ra, đường phố Kars không có gì đáng sợ cả, ông thấy phụ nữ xách túi lưới đi chợ, trẻ con nghịch ném tuyết, người già bám vào nhau đi cho khỏi trượt ngã; và mơ đến cảnh nắm tay Ipek ngồi xem phim trong rạp.

Ông gặp Sunay cùng người đồng mưu đảo chính là thượng tá Osman Nuri Tay Vero. Với giọng lạc quan xuất phát từ tưởng tượng hạnh phúc của mình, Ka báo cáo rằng ông đã giải quyết xong mọi chuyện, Kadife đồng ý nhận vai trong vở kịch này và cởi khăn trùm đầu, còn Lam sẵn sàng đồng ý đền bù điều đó để đổi lấy tự do. Ka cảm thấy giữa Sunay và viên thượng tá có một sự đồng thuận chỉ có thể tồn tại giữa những người tri kỷ từng đọc những cuốn sách giống nhau hồi trẻ. Ông giải thích một cách thận trọng nhưng không hề khiêm nhượng rằng vấn đề không hề đơn giản chút nào. “Trước tiên tôi phải mượn lòng tự hào của Kadife, sau đó của Lam,” ông nói. Ông trao cho Sunay những tờ giấy họ viết. Trong khi Sunay đọc, Ka cảm thấy ông ta đã có tí rượu, mặc dù chưa đến buổi trưa. Ông ghé đầu lại gần miệng Sunay và tin chắc ngửi thấy mùi Raki.

“Thằng cha này muốn được thả trước khi Kadife lên sân khấu và bỏ khăn ra,” Sunay nói. “Khôn đấy chứ!”

“Kadife cũng đòi vậy,” Ka nói. “Tôi đã thử mọi cách nhưng không thương lượng được gì khác hơn.”

“Tại sao chúng ta, những người đại diện cho nhà nước, lại phải tin chúng?” Osman Nuri Tay Vero hỏi.

“Họ cũng mất lòng tin vào nhà nước như vậy thôi.” Ka trả lời. “Nếu cả hai bên cùng nghi ngờ thì sẽ không có cách nào giải quyết.”

“Sao Lam không nghĩ rằng hẳn ta đơn giản sẽ bị treo cổ lên để cảnh cáo, và sau này người ta sẽ buộc tội chúng tôi, một tay diễn viên nát rượu và một thượng tá bất mãn đã tự tiện hành động nhân danh đảo chính?” Osman Nuri Tay Vero hỏi.

“Anh ta rất giỏi khi muốn ra vẻ khinh thường cái chết. Vì vậy tôi không rõ anh ta thực sự nghĩ gì. Nhưng Lam có nhắc nếu đem treo cổ, anh ta sẽ biến thành một vị thánh, một thần tượng.”

“Thử hình dung là mình thả hẳn ra,” Sunay nói. “Làm sao chúng ta có thể tin là Kadife giữ lời hứa và diễn vai của mình trên sân khấu?”

“Ít nhất thì chúng ta có thể tin lời cô ấy hơn tin Lam, vì cô ta là con gái Turgut Bey, người từng hiến tính mạng mình cho danh dự và sự nghiệp, và vì thế phải sống khốn khổ. Nhưng nếu bây giờ ông nói là ông đã thả tự do cho Lam thì có thể bản thân Kadife sẽ không biết tối nay cô ấy sẽ lên sân khấu hay không. Cô ấy hay có kiểu thịnh nộ bất chợt, đưa ra những quyết định bột phát.”

“Ông nghĩ nên làm gì?”

“Tôi biết là ông bày ra cuộc đảo chính này không chỉ vì lý do chính trị, mà vì nó đẹp, và vì nghệ thuật nữa,” Ka nói. “Từ chuyện đòi của Sunay Zaim tôi suy ra rằng ông ấy bắt tay vào chính trị vì nghệ thuật. Nếu bây giờ ông chỉ muốn làm chính trị đơn thuần thì ông không được phép chấp nhận rủi ro thả Lam ra. Nhưng ông cũng biết khi Kadife lột khăn trùm đầu trước toàn thành phố Kars thì đó vừa là chiến thắng của nghệ thuật vừa sẽ có hiệu quả chính trị sâu rộng.”

“Nếu cô ta lột khăn trùm đầu thì chúng ta thả Lam. Nhưng phải bảo đảm tối nay toàn Kars sẽ

xem vở này!” Osman Nuri Tay Vero nói.

Sunay ôm hôn người đồng chí lâu năm của mình. Sau khi viên thương tá ra khỏi phòng. Sunay nắm tay Ka kéo sang một phòng khác: “Tôi muốn ông kể lại tất cả cho vợ tôi nghe!”

Funda Eser đang diễn tập một đoạn thoại với dáng điệu hùng tráng trong một căn phòng trống trải, lạnh lẽo mặc dù có lò sưởi điện. Bà nhận thấy Sunay và Ka theo dõi bà từ cửa, nhưng không để bị cắt ngang trong khi trình diễn. Ka không thể chú ý đến lời thoại vì ông hoàn toàn bị cuốn hút bởi lớp sơn phấn quá dày, phục trang xẻ cổ sâu để lộ ngực trần và dáng vẻ cường điệu của bà.

“Đoạn độc thoại bi thương của kẻ bị hãm hiếp phục thù trong *Bi kịch Tây Ban Nha* của Kyd.” Sunay tự hào nói. “Có thêm thắt chút ít theo vở *Người tốt ở Tứ Xuyên* của Brecht, nhưng chủ yếu dựa trên những sáng tạo hư cấu của tôi. Tối nay, khi Funda trình diễn thì Kadife sẽ lau nước mắt bằng góc chiếc khăn mà cô chưa đủ dũng cảm giặt xuống.”

“Nếu Kadife Hanim sẵn sàng thì chúng ta có thể bắt đầu tập ngay,” Funda Eser nói.

Vẻ khao khát trong giọng bà không chỉ đánh thức trong Ka ý niệm về tình yêu của bà đối với sân khấu, mà còn khiến ông nhớ lại những người không muốn Sunay đóng vai Atatürk nhắc đi nhắc lại chuyện bà ta đồng tính ái. Giống một nhà chỉ đạo nghệ thuật hơn là một kẻ đảo chính. Sunay thông báo rằng Kadife còn chưa xác định có “nhận vai” hay không. Một sĩ quan phụ tá vào phòng báo là đã đưa chủ báo *Thành phố biên giới* Serdar Bey đến.

Khi thấy ông ta đứng trước mặt, Ka cảm thấy một ước muốn mãnh liệt mà lần cuối cùng trước đó nhiều năm ông đã từng có ở Thổ: cho hấn một quả đấm vào mặt. Nhưng họ được mời đến bên chiếc bàn có Raki và pho mát cừu trắng được bày biện kỹ lưỡng từ trước, Ka hiểu rằng cử chỉ ấy không thích hợp ở bàn này. Người ta ăn uống và nói chuyện thể giới với vẻ tự tin, thanh thản và vô cảm vốn chỉ thấy ở những bậc cầm quyền quen coi việc quyết định số phận người khác như một chuyện mặc nhiên.

Như Sunay mong muốn, Ka nhắc lại cho Funda Eser nghe những gì ông nói về nghệ thuật và chính trị. Khi nhà báo định chép lại những lời mà Funda Eser phản kích đón nhận để sau này viết vào báo mình thì Sunay gạt đi một cách thô bạo. Ông đòi trước tiên phải đính chính những lời dối trá về Ka xuất hiện trên mặt báo hôm trước. Serdar Bey hứa sẽ viết ngay một tin mới rất tích cực và in lên trang đầu, để những độc giả vốn đã đăng trí sẽ quên ngay chút ấn tượng xấu nếu có về Ka.

“Nhưng tin chính phải là vở kịch của chúng tôi tối nay.” Funda Eser xía vào.

Serdar Bey nói, dĩ nhiên ông sẽ viết và đăng tin này như mong đợi, nhưng kiến thức của ông về sân khấu cổ điển và hiện đại cực kỳ sơ sài. Tốt nhất là Sunay Zaim cho ông biết tối nay có gì diễn ra, nghĩa là tự mình đọc tin cho ông chép để trang nhất ngày mai sẽ không có lỗi. Ông lịch sự nhắc là ông sẽ thuật lại với độ chính xác nhất, vì trong cuộc đời nhà báo của mình ông đã tường thuật rất nhiều sự việc trước khi nó kịp xảy ra. Do tình hình cách mạng đòi hỏi bắt đầu in báo lúc bốn giờ nên họ còn bốn tiếng nữa.

“Tôi không cần nhiều thì giờ để tóm tắt những gì sẽ xảy ra tối nay,” Sunay nói. Ka nhận ra ông ta đã dốc tuột một ly Raki vào họng khi mới ra đến bàn. Ông thấy trong mắt Sunay sự đau khổ và đam mê khi ông tợp ly thứ hai.

“Nhà báo hãy viết đi!” Sunay rống lên. Và trong khi nhìn Serdar Bey như đe dọa, ông hét: “Tít bài: CHẾT TRÊN SÂN KHẤU!” (ông nghĩ một lúc.) “Tít phụ, co chữ nhỏ hơn:” (Suy nghĩ.) “DIỄN VIÊN NỔI TIẾNG SUNAY ZAIM BỊ BẮN CHẾT TRONG BUỔI BIỂU DIỄN HÔM QUAY!” Ông nói với

sự nồng nhiệt khiến Ka khâm phục. Trong khi kính cẩn chăm chú nghe Sunay và không hề một lần mỉm cười, Ka giúp nhà báo ở những đoạn ông ta không hiểu. Đôi lúc Sunay dừng lại ngẫm nghĩ xem cần nói gì tiếp và trợ giúp bằng một ly Raki, và tới khi hoàn thành bài báo thì đã mất thêm một tiếng nữa.

Trong chuyến thăm Kars nhiều năm sau tôi đã kiếm được bản cuối cùng từ tay Serdar Bey:

CHẾT TRÊN SÂN KHẤU?

DIỄN VIÊN NÓI TIẾNG SUNAY ZAIM BỊ BẮN CHẾT TRONG BUỔI BIỂU DIỄN HÔM QUA!

Trong buổi biểu diễn lịch sử tối qua tại Nhà hát nhân dân giữa cơn nhiệt huyết khai sáng. Cô gái trùm khăn Kadife thoát tiên vút bỏ khăn, sau đó chĩa súng vào Sunay Zaim, người diễn kẻ ác và bóp cò. Khán giả Kars kinh hoàng theo dõi truyền hình trực tiếp.

Sunay Zaim và đoàn kịch của ông tối qua lại làm dân Kars bất ngờ với buổi biểu diễn thứ hai kể từ khi họ đến thành phố của chúng ta trước đây ba hôm và đem lại trật tự và khai sáng đến Kars với vở kịch từ sân khấu vươn ra ngoài đời, cách mạng và sáng tạo. Trong vở đã biên tập lại của nhà soạn kịch Anh bị lãng quên oan ức Kyd, người từng gây ảnh hưởng đến cả Shakespeare, tình yêu của Sunay Zaim đối với sân khấu khai sáng đã đạt đỉnh cao tuyệt đối và đồng thời cả điểm kết. Từ hai mươi năm nay Sunay Zaim hiến mình cho sự hồi sinh của sân khấu khai sáng trong những thị tứ hẻo lánh ở Anatolia, trên những sân khấu trống trơn và quán trà. Vở kịch hiện đại xúc động mang ảnh hưởng của người Jacobin Pháp và Anh này đã gây kích động mạnh đến nỗi Kadife, nữ thủ lĩnh ngoan cố của các cô gái trùm khăn, đột ngột quyết định vút khăn ra trên sân khấu và chĩa súng bắn hết ổ đạn vào người diễn vai kẻ ác - diễn viên vĩ đại Sunay Zaim, bị lãng quên như Thomas Kyd vĩ đại - trước những cặp mắt khiếp đảm của toàn thành phố. Vì dân Kars vẫn nhớ mồn một rằng những khẩu súng bắn trong buổi diễn trước đó hai hôm là súng thật. nên lần này họ kinh hoàng hiểu rằng Sunay Zaim thực sự bị bắn chết. Vậy nên cái chết trong kịch của diễn viên Thổ Nhĩ Kỳ vĩ đại Sunay Zaim được trải nghiệm sâu sắc hơn cả cuộc sống. Khán giả Kars vốn rất rõ rằng vở này thể hiện sự cứu rỗi nhân loại khỏi tay truyền thống và tôn giáo đàn áp, nay không đủ khả năng chấp nhận rằng Sunay Zaim - khi đã bị đạn xuyên lỗ chỗ và thấy máu khắp nơi nhưng vẫn diễn tiếp - thực sự đã chết. Nhưng họ biết rằng sẽ không bao giờ có thể quên được lời cuối cùng của ông trước khi chết, cũng như việc ông dâng hiến cuộc sống của mình cho nghệ thuật.

Serdar Bey đọc lại tin đã được Sunay chỉnh sửa lần cuối cho cả bàn nghe. “Tất nhiên tôi sẽ đăng tin này trên báo ngày mai như ông ra lệnh.” ông nói. “Nhưng lần đầu tiên tôi hy vọng sau khi đã viết và đăng hàng chục tin trên báo là chuyện này sẽ không xảy ra! Ông sẽ không chết thật đấy chứ?”

“Tôi tìm cách đến được vị trí mà nghệ thuật thực sự rất cuộc phải đạt được, là trở thành một huyền thoại,” Sunay nói. Thêm vào đó là sáng sớm mai cái chết của tôi sẽ chẳng làm ai ở Kars quan tâm, khi tuyết đã tan hết và đường sá thông trở lại.”

Ánh mắt ông và vợ thoáng giao nhau. Hai vợ chồng nhìn vào mắt nhau trong một tình đồng cảm sâu xa làm Ka phát ghen tị. Liệu Ipek và ông có phát triển được sự đồng cảm như vậy, hạnh phúc đến như vậy không?

“Ông đi đi, và làm cho xong mọi việc để in báo,” Sunay nói. “Sĩ quan phụ tá của tôi sẽ đưa ông một tấm ảnh tôi cho số báo lịch sử này.”

Sau khi nhà báo đi khỏi, ông không còn dùng giọng nhấn mạnh mỉa mai mà Ka cho là tác dụng của quá nhiều Raki nữa. “Tôi chấp thuận các điều kiện của Lam và Kadife.” ông nói. Thấy Funda Eser nhướn mắt dò hỏi, ông giải thích là do Kadife hứa sẽ bỏ khăn trùm đầu nên ông sẽ thả tự do cho Lam trước.

“Kadife Hanlm rất gan dạ. Em biết là chúng em sẽ hiểu nhau ngay trong khi tập,” Funda Eser nói.

“Chúng ta cùng đến chỗ cô ấy,” Sunay nói. “Nhưng trước đó Lam phải được thả, đi trốn và báo

với Kadife Hanim là đã xóa sạch mọi dấu vết. Phải có thời gian đấy.” Như vậy Sunay tỏ ra không quan tâm đến mong mỏi của Funda Eser được bắt đầu tập ngay với Kadife. Ông tiếp tục tranh luận với Ka về việc tổ chức thả tự do cho Lam ra sao. Qua các ghi chép của Ka tôi nhận ra rằng ông phần nào tin vào lòng chân thành của Sunay. Nghĩa là, Ka không hề hình dung sau khi Lam được thả sẽ bị Sunay sai bám chân, xác định chỗ trốn và bắt lại khi Kadife đã để lộ tóc trên sân khấu. Suy đoán của tôi là kế hoạch ngầm ấy đã được hình thành rất chậm, và chủ mưu là đảm an ninh - với hệ thống micro giấu khắp nơi và gián điệp hai mang. Họ tìm cách nắm được diễn biến và biết đâu còn cố lôi kéo thượng tá Osman Nuri Tay Vero về phía mình nữa. Họ không đủ sức mạnh quân sự để vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng thay cho Sunay. viên thượng tá bất mãn và một số sĩ quan bạn bè khác, nhưng với sự trợ lực của các tay chân đã luồn vào mọi nơi họ cố gắng hạn chế mọi cơn điên rồ “nghệ sĩ” của Sunay. Serdar Bey đã đọc qua điện đài cho các bạn ông ta ở Bộ an ninh quốc gia nghe bản tin được thảo ra nồng nặc mùi Raki trước khi tung nó lên mặt báo, gây ra xáo động lớn, tuy trong đó không bao gồm chút bản khoản nào về tình trạng thần kinh của Sunay. Nhưng cho đến phút cuối, không ai rõ họ được thông tin đến mức nào về chủ định của Sunay thả Lam.

Tuy nhiên hôm nay tôi tin rằng các chi tiết ấy không ảnh hưởng quan trọng tới kết cục câu chuyện chúng ta đang theo dõi, do vậy tôi sẽ không đề cập quá tỉ mỉ kế hoạch thả tự do Lam nữa. Chỉ cần nói rằng Sunay và Ka ấn định, việc này sẽ do viên sĩ quan phụ tá người Sivas của Sunay và Fazil thực hiện. Mười phút sau khi các mật vụ cho Sunay biết địa chỉ của Fazil, một xe quân sự đưa cậu ta đến. Trông Fazil tái đại đi, giờ đây Ka không thấy cậu ta có nét gì giống Necip nữa. Ông cùng sĩ quan phụ tá của Sunay rời xưởng may qua cửa sau đến khu trại lính để cắt đuôi các mật thám. Mặc dù phe an ninh nghi ngờ Sunay làm trò nhố nhăng nào đó nhưng họ không xoay sở kịp trước diễn biến quá nhanh và không kịp bố trí đủ người. Sau này Ka được biết rằng người ta dẫn Lam khỏi buồng giam ở sở chỉ huy, chuyển lời Sunay cảnh báo “Đừng có giở trò!” rồi đưa lên xe tải quân sự, viên sĩ quan phụ tá người Sivas cho xe đỗ ở chân cầu sắt bắc qua sông Kars như Fazil quyết định theo lời dặn trước, Lam leo khỏi xe và đi vào cửa hiệu tạp hóa với cửa kính mặt tiền bày bóng nhựa, bột giặt và quảng cáo xúc xích, rồi luồn ra cửa sau; ngay lúc đó chiếc xe ngựa đi tới và Lam trốn xuống dưới tấm bạt che, nằm cạnh những bình gas của hãng Aygas. Ngoài Fazil không ai biết chiếc xe ngựa chở Lam đi đâu. Mất một tiếng rưỡi để bố trí và thực hiện mọi việc. Gần ba rưỡi, khi hàng cây trúc đào và dẻ đã nhòe bóng và đêm tối nhập nhạng mà quái trùm lên đường phố Kars thì Fazil đến báo cho Kadife là Lam đã ẩn ở một nơi chắc chắn. Bên cánh cửa từ sân vào bếp khách sạn cậu quan sát Kadife như ngắm một người ngoài hành tinh, nhưng cũng như đã không biết đến sự tồn tại của Necip, cô chẳng để ý tới Fazil. Cô nhảy cẫng lên vui sướng và chạy lên phòng mình. Vừa lúc đó Ipek ra khỏi phòng Ka sau một tiếng đồng hồ ở đó. Tôi sẽ kể ở đoạn đầu chương mới về một tiếng đồng hồ ấy, khoảng thời gian ông chìm trong - như người bạn thân mến của tôi sau này tin chắc - hạnh phúc tột đỉnh bởi viễn cảnh về hạnh phúc sau này.

LỜI THOẠI DUY NHẤT ĐÊM NAY LÀ MÁI TÓC KADIFE

Chuẩn bị buổi diễn cuối cùng.

Tôi đã có dịp nhắc rằng Ka thuộc về những người sợ hạnh phúc, vì biết đâu sau này sẽ chịu đau khổ. Chúng ta biết rằng vì vậy mà Ka cảm nhận được hạnh phúc sâu sắc nhất khi tin chắc rằng hạnh phúc này rồi sẽ nhanh chóng tuột khỏi tay, chứ không phải khi trải nghiệm nó. Sau khi chia tay Sunay và quay về khách sạn Lâu Đài Tuyết với hai vệ sĩ tháp tùng, Ka vẫn còn nghĩ rằng mọi việc đang tiến triển đúng theo kế hoạch và tràn ngập hạnh phúc vì sắp gặp lại Ipek, song đồng thời cũng xuất hiện nỗi sợ đánh mất hạnh phúc ấy. Tôi phải nói thật kỹ về cả hai trạng thái tâm hồn này khi nói về bài thơ của bạn tôi viết lúc ba giờ chiều thứ Năm đó trong phòng khách sạn. Ông có ghi chú bài thơ “*Con Chó*” này lấy cảm hứng từ con chó mực ở ga mà ông nhìn thấy lần thứ hai trên đường từ xưởng may về. Bốn phút sau ông lên phòng và viết bài thơ trong khi nỗi đau tình như thuốc độc ngấm dần ra khắp cơ thể và ông chao đảo giữa mong đợi hạnh phúc và nỗi sợ mất mát.

Bài thơ kể về tính Ka rất sợ chó ngày bé, về một con chó xám đuổi theo ông ở công viên Maçka hồi ông lên sáu, về một thằng bé độc ác cùng tuổi gần nhà hay suýt nó đuổi trẻ con. Sau này Ka nghĩ tính sợ chó là đòn trừng phạt cho những ngày tháng thơ ấu hạnh phúc. Một nghịch lý trong đó khiến ông thích thú: đá bóng ngoài phố, hái dâu, sưu tầm ảnh cầu thủ bóng đá trong phong kẹo cao su để đem cá cược, là những trò vui con trẻ được nhân lên gấp bội bởi những con chó nanh ác đang đe dọa, Thiên đường và Địa ngục tồn tại ở cùng một nơi.

Bảy, tám phút sau khi nghe tin Ka về nhà, Ipek lên phòng ông. Đó là quãng thời gian chấp nhận được đối với Ka vì ông không rõ Ipek có biết mình đã về hay không và ông còn chưa nhẫn nhủ gì cô cả; ông còn vui hơn nữa vì họ gặp lại nhau trong khi ông chưa có thời giờ nghĩ rằng cô đến trễ hay thậm chí quyết định bỏ ông. Thêm vào đó mặt cô rạng ngời một niềm hạnh phúc không dễ xóa mờ. Ka nói với cô, mọi chuyện tiến triển tốt, và cô cũng nói với ông hết như vậy: Ipek hỏi chuyện Lam và ông xác nhận anh ta sắp được thả. Tin đó làm cô vui mừng thêm, như bất kỳ điều gì khác ông nói ra. Như một đôi lứa hạnh phúc với nỗi sợ ích kỷ rằng người khác buồn và bất hạnh sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc riêng, họ thuyết phục lẫn nhau là mọi sự sẽ ổn thỏa, và còn đi xa hơn nữa, sẵn sàng tro tráo quên hết các khổ ải và đổ máu đã xảy ra để khỏi làm vẩn đục hạnh phúc của mình. Họ tham lam ôm nhau và hôn nhau hết lần này đến lần khác, nhưng tránh không ngã xuống giường để làm tình. Ka nói với Ipek rằng một khi đã ở Istanbul cô sẽ được cấp phát thị thực sang Đức trong vòng một ngày. ông quen một người ở phòng lãnh sự Đức nên họ không cần phải cưới ngay để nhận thị thực, sang đến Frankfurt họ sẽ kết hôn khi nào họ muốn. Họ còn tính chuyện Turgut Bey và Kadife sẽ giải quyết mọi chuyện ở đây rồi sang Frankfurt, và sẽ chọn khám sạn nào để ở. Giữa lúc họ choáng váng vì hạnh phúc và bàn luận những chi tiết khiến Ka cũng phát ngượng vì chúng quá xa vời thì Ipek nói đến những quan ngại chính trị của bố cô, ông sợ ai đó vì thù hận mà đánh bom, và khuyên Ka không nên lộ mặt ra phố nữa. Họ hứa với nhau sẽ lên đường trong chuyến xe đầu tiên rời thành phố. Họ cầm tay nhau, nhìn ra những con đường phủ tuyết trên núi ngoài xa.

Ipek cũng trả lời rằng cô đã bắt đầu gói hành lý. Ka nói, cô không nên mang theo thứ gì từ bạn đầu, song có nhiều đồ vật đã theo Ipek từ ngày còn thơ mà thiếu chúng cô sẽ thấy hụt hẫng. Trong khi họ đứng bên cửa sổ ngắm các nẻo đường tuyết phủ (con chó gây cảm hứng cho

bài thơ lúc xuất hiện, lúc biến mất).Ka ép cô phải liệt kê vài thứ ra: đồng hồ đeo tay đồ chơi do mẹ cô tặng các con gái ở Istanbul và do Kadife đã đánh mất chiếc của mình, nên nó càng thêm giá trị, chiếc áo len xanh dương lông dê hảo hạng do một ông bác đã mất đem về từ Đức, ở Kars cô không mặc được vì nó bó sát người, chiếc khăn trải bàn thêu kim tuyến mà mẹ cô đặt làm của hồi môn, cô mới trải nó ra được một lần vì ngay hôm đó Muhtar để rơi mứt anh đào lên, mười bảy lọ con con đựng rượu mạnh hoặc nước hoa mà cô sưu tầm không chủ định và sau này biến thành một dạng bùa hộ mệnh chống cái nhìn độc địa, ảnh hồi thơ ấu, chụp cô ngồi trong lòng bố hay mẹ (Ka rất thích xem, khi nào có điều kiện, chiếc áo dài nhung thê đen cùng Muhtar mua ở Istanbul và Muhtar chỉ cho cô mặc ở nhà vì phần lưng hở rất sâu, chiếc khăn quàng lụa xa-tanh có viền đăng ten do cô mua để che phần cổ hở, nhằm làm Muhtar đổi ý. đôi gang tay da lộn chưa bao giờ xỏ tay vào vì sợ bùn đất ở Kars làm hỏng, và chiếc mặt dây chuyền ngọc lớn mà cô đang đeo - nói đến đây Ipek lấy ra khoe với Ka.

Nếu tôi nhắc đến bữa tiệc do thị trưởng Kars mở bốn năm sau ngày hôm ấy, và trong bữa tiệc tôi ngồi đối diện Ipek, thấy cô đeo chính viên ngọc lớn đó trên một sợi xa-tanh đen, thì xin các bạn đừng coi là chuyện lan man. Ngược lại, chính lúc đó ta mới đi sâu vào cốt lõi câu chuyện: Ipek đẹp lắm, tôi và các bạn được tôi dẫn dắt vào chuyện này đều không tưởng tượng ra nổi đâu. Ở buổi tiệc này lần đầu tiên tôi được thấy mặt nàng, lòng tôi tràn ngập ghen tương, sùng sờ và bối rối. Câu chuyện rời rạc về cuốn vở chép thơ đã mất của người bạn yêu quý đột nhiên trở thành chuyện khác, một câu chuyện được đam mê sâu lắng đốt sáng lung linh. Có lẽ trong khoảnh khắc rung động đó tôi đã quyết định viết cuốn sách mà các bạn đang cầm trên tay này chăng?

Song lúc ấy tôi đâu biết gì tới quyết định trong tâm hồn mà chỉ thả mình trôi đến những bến bờ hoàn toàn ngập chìm trong sắc đẹp của Ipek. Sự bất lực xâm chiếm ta khi đứng trước một phụ nữ quá đỗi xinh đẹp, nổi ngất ngây và một tình cảm siêu nhiên chiếm hữu tôi tuyệt đối. Tôi nhận thức rất rõ rằng đám khảm khứa, tất cả những ai đến đây để nói vài lời với một nhà văn đến thăm thành phố hoặc mượn cớ đó để kiếm dịp tán gẫu với nhau, đều chỉ đang làm ra vẻ; và những câu thơ rỗng tuếch chỉ được nói ra để tự đánh lạc hướng chính mình và tôi khỏi đề tài thực sự và duy nhất: sắc đẹp của Ipek. Tôi quẫn quại vì ghen tuông cháy bỏng, và tôi sợ nó sẽ biến thành tình yêu: như người bạn Ka đã khuất, tôi cũng muốn trải qua tình yêu với một cô gái đẹp như thế, ít nhất là trong một khoảnh khắc ngắn ngủi. Ý nghĩ trong thâm tâm tôi cho rằng Ka đã sống uống những năm cuối đời, nay biến đổi trong nháy mắt: “Chỉ một người có tâm hồn sâu sắc như Ka mới chiếm được tình yêu của một phụ nữ như Ipek.” Liệu tôi có thể quyến rũ được Ipek về Istanbul không? Tôi có thể hứa kết hôn với nàng, hoặc làm một người tình bí mật của nàng đến đoạn kết cay đắng, nhưng nhất định tôi muốn chết cùng nàng. Trán nàng rộng và cương nghị, cặp mắt mở to, miệng nàng dịu dàng như Melinda khiến tôi không dám nhìn lâu... Nàng nghĩ gì về tôi nhỉ? Liệu Ka và nàng có bao giờ nói về tôi không? Chưa uống ly đầu mà tim tôi đã rộn ràng. Nhưng tôi cảm thấy ánh mắt nghiêm khắc của Kadife ngồi gần đó ném về phía mình. Tôi phải quay về câu chuyện của mình đã.

Họ đứng đó trước cửa sổ, và Ka lấy sợi dây chuyền đeo vào cổ Ipek, hôn cô thật lâu và nhắc lại khá lơ đãng như một lời cầu nguyện rằng ở Đức họ sẽ rất hạnh phúc. Đúng lúc đó Ipek thấy Fazil lao qua cổng lối vào sân. Cô đợi một chốc rồi đi xuống gặp em gái bên cửa bếp. Chắc đây là lúc Kadife báo cho cô tin vui là Lâm đã được thả. Sau đó họ lên phòng mình. Tôi không rõ họ nói chuyện gì và làm gì. Ở phòng mình, lòng Ka tràn ngập những bài thơ mới và hạnh phúc giờ đã nắm chắc trong tay, khiến lần đầu tiên ông không đem hết khả năng tưởng tượng của mình theo dõi xem hai chị em Ipek làm gì trong khách sạn Lâu Đài Tuyết.

Về sau tôi có xem báo cáo của nha khí tượng thấy lúc đó thời tiết dịu đi trông thấy. Mặt trời đã tỏa hơi ấm suốt ngày lên những nhũ băng rủ từ máng nước và cành cây, và trước khi tắt nắng rất lâu người dân thành phố đã xôn xao là đêm nay đường sẽ được dọn thông, và cuộc đảo chính ở nhà hát sắp kết thúc.

Những người còn nhớ đến sự kiện này nhiều năm sau đã kể lại cho tôi hay, tối hôm đó kênh *Truyền hình biên giới* Kars mời dân cư thưởng thức vở mới của đoàn kịch lưu động Sunay Zaim ở Nhà hát nhân dân ngay sau chương trình thời tiết. Lo ngại vì sự kiện máu me trước đó hai ngày mà dân Kars không dám đến xem vở mới, người ta đã để biên tập viên trẻ và quen mặt của nhà đài Hakan Özge công bố không cho phép gây chuyện gì ảnh hưởng tới khán giả, lực lượng an ninh được bố trí quanh sân khấu để giữ trật tự, mọi người ở Kars có thể từng gia đình vào cửa miễn phí để xem vở kịch có tính giáo dục cao này. Nhưng kết quả chỉ làm người ta sợ thêm, đường phố còn vắng bóng người sớm hơn. Tất cả đều tin chắc ở Nhà hát nhân dân sẽ lại xảy ra bạo lực và hỗn loạn và trừ những người đủ điên rồ muốn trở thành nhân chứng sự kiện bằng bất cứ giá nào (tôi phải nói thêm vào là số này hoàn toàn không nhỏ, rất một lũ trẻ ranh móc túi, dân phái tả chán chường ưa bạo lực, các cụ già mang rằng giả hăng hái muốn có mặt bằng được khi có vụ giết người, những môn đệ Atatürk biết mặt và hâm mộ khuynh hướng cộng hòa của Sunay qua tivi) thì dân Kars chủ yếu muốn theo dõi buổi tối hôm ấy qua truyền hình trực tiếp. Hôm đó Sunay và thượng tá Osman Nuri Tay Veo gặp nhau lần nữa, và do linh cảm Nhà hát nhân dân tối ấy sẽ vắng người nên họ ra lệnh lấy xe tải quân sự chở học sinh trường tôn giáo đến, cũng như bắt một số lượng nhất định học sinh và công chức từ các trường trung học và nhà tập thể giáo viên phải mặc áo vest đeo cà vạt đến nhà hát.

Sau buổi họp, một số người chứng kiến Sunay nằm ngủ trên đồng vải thừa, giấy gói hàng và thùng bìa rỗng trong một căn phòng nhỏ bụi bặm của xưởng may. Lý do không phải rượu, mà vì từ nhiều năm nay Sunay đã luyện cho mình một thói quen, trước những buổi diễn lớn và đặc biệt quan trọng ông luôn nằm lên nền cứng và gãi gât một lát, vì ông tin rằng đêm êm sẽ làm cơ thể oải ra. Trước khi ngủ, ông và vợ đã lớn tiếng cãi nhau về lời thoại của vở kịch mà ông vẫn chưa đưa ra phương án cuối cùng. Sau đó ông cho xe tải quân sự chở bà đến khách sạn Lâu Đài Tuyết tìm Kadife để bắt đầu tập diễn. Vừa bước vào khách sạn, Funda Eser với tư thế của một bà lớn thông thạo khắp chốn mọi nơi đã xộc ngay vào phòng hai chị em và tạo ngay được một không khí thân hữu giữa đàn bà bằng giọng lạnh lạnh của mình, tôi có thể hiểu chuyện đó, vì bên ngoài sân khấu bà sử dụng khả năng diễn xuất của mình có tác động lớn lao hơn nhiều. Dĩ nhiên sắc đẹp của Ipek không lọt qua mắt và tim bà, nhưng óc bà còn bận bịu với vai diễn của Kadife tối nay. Tôi đoán là bà nắm vững được ý nghĩa của vai này, vì chồng bà rất coi trọng nó. Từ hai chục năm nay Funda Eser luôn đóng vai phụ nữ bị đàn áp và bị làm nhục, lên sân khấu chỉ có một mục đích: kêu gọi đám đàn ông với bộ điệu của nạn nhân. Có chồng, ly hôn, trùm khăn hay lộ tóc - với bà chỉ là những thủ pháp để đạt được cùng một mục đích tầm thường: đẩy vai nữ chính vào tình trạng đáng thương tới nỗi không đàn ông nào cưỡng lại nổi cô ta. Khó mà nói được bà hiểu thấu đáo những vai mang tinh thần Atatürk và khai sáng mà bà vẫn đóng. Nhưng so với bà thì tác giả của những vai rập khuôn ấy cũng không nghĩ ra được vai trò gì sâu hơn và tinh tế hơn cho phụ nữ ngoài gọi tình và bốn phận xã hội. Những vai trò ấy được Funda Eser sử dụng ngoài đời với một hiệu quả kinh hồn, và với một mức độ mà ngay cả những kịch tác gia của bà cũng không hình dung được.

Vào chuyện một lúc là bà đề nghị ngay Kadife bỏ khăn trùm ra. Khi cô để lộ tóc ngay không chần chừ, bà rú lên rồi cả quyết là tóc cô bóng mượt và đầy sức sống đến khó tin, khiến bà không thể rời mắt ra được. Bà đặt cô ngồi trước gương và giải thích trong khi chải tóc cô bằng chiếc lược giả ngà, rằng trên sân khấu thực ra lời nói không quan trọng bằng hình ảnh. "Hãy để mái tóc cô nói lên điều gì cần nói, nó sẽ làm đàn ông phát điên!" Và bà trấn an Kadife đang rối trí bằng một cái hôn lên tóc cô. Funda Eser quá thông minh để biết là nụ hôn ấy đủ cho mầm mống cái ác ẩn chứa trong Kadife nảy nở sinh sôi, và bà đủ kinh nghiệm để kéo cả Ipek vào trò chơi này: bà rút một chai cognac nhỏ trong túi ra và rót vào các ly trà Zahide bùng đến. Thấy Kadife phản đối, bà khiêu khích: "Nhưng tối nay cô còn để lộ tóc ra cơ mà!" Khi Kadife òa khóc bà hôn liên tục lên má, gáy và tay cô. Rồi để hai chị em vui lên, bà ngâm *Nữ phục vụ viên trình trắng*, tác phẩm bậc thầy chưa công bố của Sunay", song hai chị em chỉ vì thế mà buồn hơn chứ chẳng vui hơn. Khi Kadife nói: "Tôi muốn học lời thoại," Funda Eser đáp lời thoại duy nhất đêm nay là mái tóc dài và đẹp tỏa sáng rạng ngời của Kadife khiến đàn ông Kars phải choáng váng ngẩn nhìn. Đám phụ nữ trong nhà hát sẽ điên lên vì ghen tị và say mê đến nỗi muốn nhảy

lên sân khấu mà chạm vào nó. Bà đổ thêm chút cognac vào ly của mình và Ipek. Bà nói, bà đọc ra được trên nét mặt của Ipek niềm hạnh phúc, còn trong ánh mắt của Kadife bà có thể thấy phần nộ và lòng dũng cảm. Trái lại bà không thể quyết định ai đẹp hơn ai. Niềm phấn khích của Funda Eser kéo dài đến lúc Turgut Bey bước vào phòng mặt đỏ vì giận dữ.

“Trên ti vi vừa thông báo, Kadife, thủ lĩnh của các thiếu nữ trùm khăn tối nay trong vở diễn sẽ để lộ tóc ra,” ông nói. “Đúng thế không?”

“Ta sẽ xem trên tivi chứ!” Ipek nói.

“Ông cho phép tôi tự giới thiệu,” Funda Eser nói. “Tôi là Funda Eser, bạn đời của diễn viên nổi tiếng Sunay Zaim vừa trở thành thị trưởng. Trước hết tôi xin chúc mừng ông đã nuôi nấng được hai cô con gái kiệt xuất và tuyệt vời này khôn lớn. Tôi xin có lời góp ý, ông không phải lo lắng chút nào vì quyết định dũng cảm của Kadife.”

“Những kẻ toàn thống cuồng tín ở thành phố này sẽ không bao giờ thứ lỗi cho con gái tôi!” Turgut Bey nói.

Tất cả cùng sang phòng ăn, nơi lát nữa họ sẽ ngồi xem ti vi. Ở đó Funda Eser cầm tay Turgut Bey và hứa với ông - nhân danh chồng bà là người đã nắm chắc thành phố này trong tay - mọi việc sẽ tốt đẹp cả. Sau đó Ka bước vào khi nghe tiếng ồn ở phòng ăn, ông nghe Kadife sung sướng thông báo Lam đã được thả. Không để ông hỏi thêm, Kadife nói là cô sẽ giữ lời hứa lúc sáng và bây giờ cùng tập với Funda. Mười phút tiếp theo - trong khi tất cả xem vô tuyến, chuyện trò lộn xộn và Funda Eser bằng vẻ duyên dáng của mình cố thuyết phục Turgut Bey đừng cản con gái lên sân khấu buổi tối - được Ka tính vào những phút hạnh phúc nhất đời mình. Ông hoàn toàn tin tưởng rằng mình sẽ hạnh phúc, và tưởng tượng mình là thành viên của gia đình vui vẻ này. Vẫn chưa đến bốn giờ, nhưng buổi tối đã len vào phòng ăn có trần cao và tường dán giấy cổ sẫm màu như một giấc mơ thơ ấu đầy hạnh phúc, và Ka mỉm cười khi nhìn vào mắt Ipek.

Đúng lúc ấy Ka thấy Fazil hiện ra ở cửa bếp. Để tâm trạng vui tươi của mọi người không bị phá hỏng, ông toan đẩy cậu vào bếp để hỏi chuyện. Nhưng Fazil không để Ka nắm tay kéo đi. Cậu đứng trong khung cửa bếp và làm ra vẻ đang tự lự xem tivi, kỳ thực chăm chú theo dõi đám người vui vẻ với ánh mắt sừng sốt pha lẫn giận dữ. Rốt cuộc khi Ka đẩy được Fazil vào bếp thì Ipek cũng nhìn thấy và đi theo họ.

“Lam muốn nói chuyện với ông lần nữa,” Fazil nói. Rõ ràng cậu ta khoái chí đã chọc phá được người khác. “Anh ấy đã thay đổi ý kiến về một điểm.”

“Về điểm nào?”

“Anh ấy sẽ tự nói với ông. Mười phút nữa xe ngựa sẽ vào đến sân để đón ông đi.” Nói xong Fazil ra khỏi bếp.

Tim Ka đập thình thịch. Không chỉ vì hôm nay ông không định rời khách sạn nữa, mà còn vì đơn giản ông nhát gan và sợ sẽ làm hỏng cả.

“Anh đừng đi!” Ipek vô hình trung nói ra điều Ka nghĩ. Bây giờ thì bọn họ đã biết chiếc xe ngựa ấy rồi. Mọi việc sẽ hỏng hết mất.”

“Không, anh đi,” Ka đáp.

Vì sao ông nói thế, mặc dù không muốn? Ngày xưa ông hay giơ tay khi giáo viên đặt những câu hỏi mà ông không biết trả lời, hoặc không mua cái áo len ông thích mà lấy một cái khác

bằng giá tiền mặc dù biết là không ưa bằng. Có thể vì tò mò, có thể vì nỗi sợ hạnh phúc thường trực.

Khi họ cùng nhau lên phòng ông mà không nói cho Kadife biết về tình hình mới. Ka mong Ipek nhanh trí nói hay làm gì đó khiến ông thay đổi ý kiến và bình tâm ở lại khách sạn. Song lúc họ cùng nhau nhìn ra cửa sổ thì cô chỉ lặp lại ý cũ với những lời cũ: “Anh đừng đi, hôm nay anh đừng ra khỏi khách sạn nữa, anh làm nguy hiểm đến hạnh phúc của chúng mình” và đại loại như vậy.

Ka lắng nghe cô như một người mộng du và ngó ra ngoài.

Khi chiếc xe ngựa tiến vào sân, ông bức xúc nghĩ, hạnh phúc biến thành bất hạnh mới nhanh chóng làm sao. Tuy không hôn Ipek nhưng ông không quên ôm cô tạm biệt trước khi ra khỏi phòng, đi qua bếp và không để hai vệ sĩ đang đọc báo ngoài sảnh thấy mình rồi nằm xuống dưới tấm bạt dày chiếc xe đang ghét.

Đừng ai nghĩ rằng tôi dùng đoạn phi lộ trên để chuẩn bị tinh thần cho độc giả đón nghe chuyện chuyến xe sẽ biến đổi đời Ka một cách khốc liệt, và việc ông chiều theo đòi hỏi của Lam là một bước ngoặt lớn như thế nào. Tôi hoàn toàn không tin: Ka vẫn còn nhiều dịp để đảo ngược những gì xảy ra với ông ở Kars, và tìm ra cái mà ông coi là hạnh phúc của mình. Song sau khi các sự kiện đã ra kết quả và ông ân hận điểm lại chúng trong đầu nhiều năm về sau thì ông nhớ lại hàng trăm lần rằng giả sử Ipek bên cửa sổ phòng nói được một lời lọt tai thì ông đã không tới chỗ Lam nữa. Nhưng thế nào là một lời lọt tai thì ông không hề biết.

Điều đó chứng tỏ chúng ta có lý khi hình dung ra Ka, lúc này đang nằm dưới tấm bạt xe ngựa, là một người cam chịu số phận. Ông lấy làm tiếc đang nằm đây, ông giận chính mình và cả thế giới, ông rét run, lo bị ốm, và không mong đợi điều gì tốt lành ở Lam. Như trên chuyến đi xe ngựa đầu tiên, ông mở mọi giác quan tiếp nhận tiếng động của phố xá và mọi người, nhưng không hề quan tâm chiếc xe sẽ đưa mình đến đâu.

Xe dừng lại. Nghe tiếng gõ của xà ích ông chui khỏi tấm bạt và đi vào một ngôi nhà xiêu vẹo, sơn tróc lở như nhiều ngôi nhà ông đã thấy, và vẫn không biết mình đang ở đâu. Ông leo một cầu thang hẹp xoáy tròn ốc lên hai tầng gác (về sau, trong một phút bình yên hơn, ông nhớ đã nhìn thấy ánh mắt một đứa trẻ nghịch ngợm qua khe cửa khép hờ trước cửa một hàng giày dép), đi qua một cánh cửa mở và đứng trước mặt Hande.

“Tôi đã quyết tâm không bao giờ rời bỏ cô gái ấy - là bản thân mình.” cô mỉm cười.

“Quan trọng là cô có hạnh phúc.”

“Tôi hạnh phúc vì ở đây tôi được làm cái mình muốn,” Hande nói. “Trong mơ tôi không còn phải sợ anh là một cô gái khác.”

“Cô ở đây không nguy hiểm sao?” Ka hỏi.

“Cũng có, nhưng người ta chỉ tập trung tinh thần vào cuộc sống được khi có nguy hiểm,” Hande nói. “Tôi đã hiểu ra là tôi không tập trung tinh thần vào cái gì mình không tin, ví dụ như để đầu trần. Ngay lúc này tôi sung sướng được chia sẻ một lý tưởng với Lam. Ông có thể làm thơ ở đây không?”

Cuộc nói chuyện bên bàn ăn trước đó hai ngày, lúc họ mới làm quen nhau lần đầu tiên, đã quá xa trong trí nhớ Ka, khiến ông phải nhìn cô một lúc lâu, tựa như đã quên hết. Hande định nhấn mạnh sự gần gũi giữa cô và Lam đến mức nào? Cô mở cửa thông sang phòng bên, Ka đi vào và nhìn thấy Lam đang xem một chiếc tivi đen trắng.

“Tôi tin chắc là ông sẽ đến,” Lam hài lòng nói.

“Tôi không biết vì sao tôi đến,” Ka nói.

“Vì ông không bình tâm,” Lam trả lời với giọng kẻ cả.

Họ nhìn nhau đầy căm hờn. Không ai trong họ không nhận thấy Lam đang trong tâm trạng vui vẻ, còn Ka thì hối tiếc đã có mặt ở đây. Hande ra khỏi phòng và đóng cửa lại.

“Tôi muốn ông ra lệnh cho Kadife không lên sân khấu diễn trò kinh tởm tối nay,” Lam nói.

“Lẽ ra anh có thể chuyển thông báo đó qua Fazil!” Ka nói. Nhìn nét mặt Lam ông biết anh ta không nhớ Fazil là ai. “Thằng bé ở trường tôn giáo ấy.”

“À,” Lam nói. “Nhưng Kadife sẽ không tin nó. Cô ấy sẽ không tin ai ngoài ông. Kadife chỉ tin sự việc nghiêm trọng đến mức nào trong mắt tôi nếu là do ông nói lại. Có thể cô ấy đã quyết định không bỏ khăn ra rồi cũng nên, muộn nhất là sau khi thấy sự kiện đó được bố cáo trên ti vi và bị lợi dụng một cách kinh tởm.”

Ka nói với vẻ vui mừng không giấu nổi: “Lúc tôi rời khỏi khách sạn thì Kadife đã bắt đầu tập diễn.”

“Ông nói với cô ấy là tôi hoàn toàn phản đối! Kadife không tự nguyện đi đến quyết định bỏ khăn trùm đầu, mà chỉ để cứu mạng sống của tôi. Cô ấy đã ký vụ mua bán này với một nhà nước trước đó bắt một tù nhân chính trị làm con tin, nhưng cô ấy không bị cột vào lời mình nữa.”

“Tôi sẽ nói lại,” Ka nói, “nhưng tôi không đoán được cô ấy sẽ làm gì.”

“Ông định nói với tôi rằng ông không chịu trách nhiệm cho những gì Kadife làm theo ý riêng chứ gì?” Ka im lặng. “Nếu tối nay Kadife lên sân khấu và bỏ khăn ra thì cả ông cũng sẽ phải chịu trách nhiệm. Vì ông là một trong những người đã để ra cuộc trao đổi này.”

Lần đầu tiên từ khi đến Kars, Ka thấy thanh thản: rốt cuộc kẻ ác đã mở miệng nói ác, như mọi kẻ ác vẫn làm, và hắn không làm ông bất ngờ nữa. Để Lam yên tâm, ông nói: “Anh nói đúng, họ đã bắt anh làm con tin!” và cố nghĩ cách ra khỏi phòng này mà không làm Lam nổi giận.

“Và ông đưa cô ấy thư này,” Lam nói và chìa ra một bì thư.

“Có thể Kadife không tin vào thông điệp nhắn miêng của tôi.” Ka cầm bì thư. “Một ngày nào đó, nếu ông tìm được đường quay về Frankfurt thì ông phải thuyết phục Hans Hansen đăng bằng được bản tuyên bố mà nhiều người đã chịu nguy hiểm để ký tên vào.”

“Tất nhiên.”

Ông thấy trong mắt Lam có vẻ gì đó không thỏa mãn. Sáng sớm nay, khi ngồi trong buồng giam như một người bị án tử hình thì nội tâm hắn bị xáo trộn. Bây giờ mạng sống của hắn đã được cứu thoát, nhưng hắn đã dính trước vết chàm của sự bất hạnh, để biết rằng trong phần đời còn lại hắn sẽ không làm được gì khác ngoài nổi giận. Ka nhận ra quá muộn là Lam linh cảm được ông biết nỗi bất hạnh ấy của mình.

“Bất cứ đâu. dù ở đây hay ở châu Âu yêu quý của ông, ông cũng sẽ bắt chước bọn châu Âu và quy lụy xin được chúng che chở!”

“Được hạnh phúc là tôi thấy đủ.”

“Thế thì đi đi, đi ngay đi,” Lam hét lên. “Nhưng hãy biết là không ai có được hạnh phúc khi thấy chỉ cần được hạnh phúc là đủ!”

VUI KHI CÙNG KHÓC

Ka và Ipek ở khách sạn

Ka quyết định đi bộ về. Ông lấy nhiều nước rửa mặt cho sạch hết máu mũi chảy xuống môi và cằm, nói câu tạm biệt thân mật với lũ kẻ cướp và sát nhân trong phòng trước khi khiêm nhường rời đi như một người tự tiện đến thăm. Dưới vầng sáng nhàn nhạt trên phố Atatürk, ông loạng choạng đi như kẻ say, quên chân rẽ sang phố Halit Paşa và khóc òa lên khi nghe “Roberta” của Peppino di Capri vọng ra từ cửa hàng tạp hóa. Vừa lúc đó ông đi ngược lại anh nông dân mảnh khảnh đẹp trai ngồi cạnh ông trên chuyến xe buýt từ Erzurum về Kars ba hôm trước đã để cho ông ngã đầu vào lòng ngủ. Trong khi cả thành phố còn mãi xem Marianna, Ka gặp luật sư Muzaffer Bey ở phố Halit Paşa, sau đó thấy cả ông chủ công ty xe buýt và người bạn già trên phố Kâzım Karabekir mà ông đã làm quen ở bí thất của trưởng lão Saadettin. Qua ánh mắt những người ấy, Ka nhận ra mắt mình còn ngấn nước. Suốt thời gian ấy Ka đi qua những cửa kính đóng băng, quán trà chật ních người, hiệu chụp ảnh gợi nhớ những ngày khá khẩm hơn của thành phố trong dĩ vãng, đèn đường chập chờn, cửa hàng tạp hóa trưng bày các tầng pho mát hình bánh xe, và dù không nhận thấy chúng ở góc phố Kâzım Karabekir và phố Montenegro, ông cũng nhận ra những cái đuôi của mình vẫn kiên trì.

Trước khi bước vào khách sạn ông bảo đảm với hai vệ sĩ đứng trước cửa là mọi việc đều ổn. Ông lên phòng tránh chú ý để không bị ai nhìn thấy. Vừa ngã vật ra giường là ông khóc nức lên. Đối với Ka, câu con trai ẻo lả kỳ bí của một phụ nữ Bạch Nga, lớn lên không cha cũng không anh chị em, từ cấp ba đã bắt đầu dùng ma túy, cổ vể bằng quan với mọi sự, nhưng lạ thay cái gì cũng biết; một gã khác đẹp trai, trầm lặng; luôn tự hài lòng với chính mình, trong kỳ huấn luyện cơ bản ở quân đội hay chơi khăm Ka, ví dụ như giấu mũ sắt của ông. Trong bài thơ này ông phân tích sợi dây nối ông với những người ấy tạo bởi sự căm ghét công khai và một tình yêu giấu giếm, và ông cố lý giải sự hỗn độn trong đầu mình bằng chữ “*Ghen*” - nhan đề của bài thơ và kết hợp cả hai tình cảm trên. Song vấn đề dường như nằm dưới lớp sâu hơn: Ka có cảm giác tâm hồn và tiếng nói của những người ấy sau một thời gian đã thâm nhập vào ông.

Ra khỏi tòa nhà, Ka vẫn chưa biết mình đang ở đâu; một lát sau ông nhận ra mình đã ra đến phố Halit Paşa. Bất giác ông quay lại nhìn ngôi nhà Lam đang trốn trong đó.

Trên đường về khách sạn ông cảm thấy thiếu an toàn vì không có hai người vệ sĩ đi theo. Trước tòa thị chính một ô tô dân sự đỗ cạnh ông và mở cửa sau. Ka dừng chân.

“Ka Bey, ông đừng sợ, chúng tôi là người của sở Cảnh sát. Mời ông lên xe, chúng tôi đưa ông về khách sạn.”

Ka đang còn suy nghĩ, liệu bây giờ để cảnh sát bảo vệ về đến tận khách sạn có an toàn hơn chẳng, thì cửa trước cũng mở ra. Một người béo phịch bước ra, ông ta làm Ka nhớ đến ai đó (có thể là ông chú họ xa bên nội ở Istanbul... đúng rồi, chú Mahmut). Người này nắm tay ông lôi một cách thô bạo vào xe, chẳng hợp gì với những lời lịch sự lúc nãy. Khi xe chuyển bánh, Ka bị hai quả đấm giáng vào đầu. Hay ông bị cộc đầu khi lên xe? Ông sợ quá. Trong xe tối mò một cách khó hiểu. Ai đó, không phải “chú Mahmut”, mà một người khác ngồi ghế trước đang chửi rủa rất tục. Hồi Ka còn bé, ở phố Thi Sĩ Nigâr cũng có một người chửi bới như thế khi bóng rơi vào vườn ông ta.

Ka im lặng và tưởng tượng mình là một đứa trẻ. Chiếc xe (không phải hiệu Renault như xe dân sự của cảnh sát Kars, mà là một chiếc Chevrolet xa xỉ to đùng đời 56) phóng qua các ngõ tối ở Kars như để nạt nộ một đứa bé không vâng lời, rẽ vào cua rồi đỗ trong một sân sau. Ông được lệnh “Nhìn về đằng trước!”. Người ta tóm chặt tay ông, dẫn ông lên hai cầu thang. Lên đến tầng trên thì Ka tin chắc những người này không phải là người Hồi giáo chính trị (họ lấy đâu ra một chiếc ô tô như thế. Cũng không phải người của Bộ an ninh quốc gia, vì rõ ràng là họ - hay một bộ phận trong họ - cộng tác với Sunay. Một cánh cửa mở ra, cửa khác đóng lại và Ka thấy mình đứng trong một ngôi nhà Armenia cổ có trần cao, cửa sổ trông ra phố Atatürk. Trong phòng có một chiếc tivi đang bật, trên bàn đầy đĩa bắn, vỏ cam và táo, một máy phát điện có tay quay - sau này ông mới biết đó là dụng cụ tra tấn bằng điện, một hay hai khẩu súng ngắn, bình, gương... ông hiểu là mình đã rơi vào tay một đội đặc nhiệm, nhưng yên tâm trở lại khi thấy Z. Tay Sắt ở cuối phòng: một tên sát nhân, song cũng là một khuôn mặt quen.

Z. Tay Sắt sắm vai một cảnh sát tử tế. Ông ta rất lấy làm tiếc phải đưa Ka về đây bằng phương thức này. Ka đoán là chú Mahmut béo phì sắm vai tên cảnh sát độc ác, vì vậy ông cực kỳ chú ý vào các câu hỏi của Z. Tay Sắt.

“Sunay dự định làm gì?”

Ka thuật lại thật sinh động vở *Bi kịch Tây Ban Nha* của Kyd, đến tận từng chi tiết ngoài lề.

“Vì sao lão điên này lại thả Lam ra?” Ka giải thích, Sunay làm thế đổi lấy lời hứa Kadife sẽ bỏ khăn trùm đầu ra trên sân khấu trong buổi truyền trực tiếp. Giữa cơn hứng thú, ông sử dụng một thuật ngữ cò vua một cách khoe khoang: đây là một cú “*thí xe*” cực kỳ táo bạo, đáng khâm phục. Nhưng cũng là một nước đi nguy hiểm đối với phe Hồi giáo chính trị ở Kars.

“Làm sao chúng ta biết được là cô gái ấy sẽ giữ lời hứa?”

Ka nói Kadife đã hứa lên sân khấu, nhưng không ai có thể chắc chắn điều gì về chuyện tháo khăn cả.

“Chỗ trốn mới của Lam ở đâu?” Ka nói ông không hề biết gì.

Sau đó Ka bị hỏi hai vệ sĩ ở đâu khi ông được đưa lên xe, và ông đi từ đâu về.

“Tôi đi dạo buổi tối,” Ka nói; và khi ông khẳng khẳng giữ vững câu trả lời này thì Z. Tay Sắt lặng lẽ rời khỏi phòng, đúng như ông đoán trước. Chú Mahmut quắc mắt giận dữ tiếp quản công việc. Ông ta cũng có cả một kho câu chửi tục tĩu như người đàn ông ngồi ghế trên trong ô tô. Những câu chửi bới ấy được gắn kèm với cả phân tích chính trị, các mối quan tâm cao cả của đất nước lẫn những lời đe dọa, hết như một đứa trẻ dốc bừa xốt cà chua lên mỗi món ăn, không cần bận tâm đó là đồ mặn hay đồ ngọt.

“Ông có hiểu rõ việc mình làm khi chứa chấp một tên khủng bố Hồi giáo chính trị với bàn tay đầm máu ăn tiền của Iran hay không?” chú Mahmut hỏi. “Ông biết là nếu nắm được chính quyền thì bọn chúng sẽ làm gì với những kẻ tự do ủy mị bị Âu hóa như ông không?” Ka nói, ông

biết rồi, nhưng chú Mahmut vẫn thuật lại thật tỉ mỉ cho ông hay: đám mullah ở Iran ngày xưa từng cộng tác với những người dân chủ và cộng sản, về sau chúng bằm họ thành thịt bằm và nướng lên, đút thanh thuốc nổ vào đít họ và cho nổ tung thành từng mảnh, bắt lũ gái làm tiền và dân đồng tính dựa cột, cấm mọi sách báo trừ ấn phẩm tôn giáo, những phần tử trí thức như Ka trước tiên bị gọt tróc đầu, sau đó tước hết các tập thơ rồi... Đến đây ông ta xỏ thêm một tràng tục tĩu nữa và diễn một vẻ ngán ngẫm, hỏi Ka Lam đang trốn ở đâu, và ông vừa đi đâu về. Khi Ka lặp lại mấy câu trả lời cũ, chú Mahmut còng tay Ka lại với vẻ mặt ngán ngẫm như ban nãy. “Thế thì xem tao làm gì với mày nhé!” Ông ta nói và khởi sự một màn tra tấn hơi hợt, không giận dữ cũng chẳng thích thú, bạt tai ông và đấm vào mặt ông.

Hy vọng là tôi không làm bạn đọc bức mình khi thành thực chép lại năm nguyên nhân quan trọng mà tôi tìm được trong các ghi chép sau này của Ka, vì sao trận đòn ấy đối với ông không hề hấn gì lắm:

1. Theo hình dung của Ka về hạnh phúc, số lượng niềm vui và đau khổ chứa trong đó tương đương với nhau. Trận đòn mà ông phải đón nhận có nghĩa là giá phải trả để cùng Ipek đi Frankfurt.

2. Bằng cảm giác chỉ thấy ở giai cấp thống trị, Ka dự đoán chính xác là các nhân viên đội đặc nhiệm lấy cung ông phân biệt giữa ông và đám du thủ du thực, trộm cắp và những kẻ bần cùng ở Kars, do đó họ sẽ không đánh đập tra tấn ông thậm tệ, tránh để lại dấu vết khả dĩ gây ra vấn đề về sau.

3. Ông cũng dự đoán đúng rằng trận đòn mà ông phải chịu chỉ làm tăng thêm sự âu yếm của Ipek.

4. Hai hôm trước, lúc gần tối hôm thứ Ba, khi thấy Muhtar mình đầy máu me ở Sở cảnh sát ông đã ngó ngàng nghĩ rằng, nếu bị cảnh sát đánh thì sẽ xóa đi mặc cảm tội lỗi sinh ra từ thảm trạng ở đất nước này.

5. Ông thấy vô cùng tự hào trong tình cảnh một tù chính trị bị tra tấn khi hỏi cung nhưng không khai nơi trú ẩn của người đang trốn.

Trước đây hai chục năm thì có lẽ nguyên nhân cuối cùng sẽ có ý nghĩa hơn đối với Ka; bây giờ tình cảnh ấy không còn hợp thời và làm Ka khá ngượng. Vì máu mặt mũi chảy xuống môi khiến ông nhớ lại thời thơ ấu ông bị chảy máu mũi lần cuối là khi nào? Trong khi chú Mahmut và đám còn lại bỏ mặc ông trong góc phòng nhập nhaoang và tụ tập trước màn hình vô tuyến, Ka nhớ đến cánh cửa sổ và những năm tuyết ném trúng mũi ông hồi bé, và một cú đấm vào mũi trong một lần đánh nhau trong trại lính. Trời tối dần. Z. Tay Sắt và đồng bọn ngồi xem Marianna trên ti vi, và Ka hài lòng ngồi đó với cái mũi chảy máu, bị đòn và hạ nhục, như một đứa trẻ bị bỏ quên.

Cũng có lúc ông thấy sợ bọn họ sẽ soát người ông và tìm thấy mẫu giấy của Lam. Cảm lạnh và đầy cảm giác có lỗi, ông xem Marianna một hồi lâu cùng mọi người, và nghĩ rằng cùng lúc này Turgut Bey và hai cô con gái cũng đang làm thế.

Giữa phút chiếu quảng cáo, Z. Tay Sắt đứng dậy khỏi ghế, vớ chiếc máy phát điện trên bàn, chỉ cho Ka xem và hỏi ông có biết dùng nó làm gì không. Không được trả lời, ông ta giải thích rồi im lặng một hồi, như một ông bố cầm roi dọa con.

“Ông có biết tại sao tôi thích Marianna không?” Ông ta hỏi khi bộ phim tiếp tục. “Vì cô ấy biết hình muốn gì. Trái lại, bọn trí thức như các ông làm tôi phát ón, vì các ông không biết mình muốn gì. Các ông nói đến 'dân chủ' rồi lại cộng tác với những người ủng hộ Luật Hồi giáo thiêng liêng. Nói đến 'nhân quyền' rồi lại thương lượng với bọn sát nhân và khủng bố... Các ông

nói đến Châu Âu rồi quay sang nhìn nốt lỗ Hôi giáo chính trị cầm thù Châu Âu... Các ông nói đến 'nam nữ bình quyền' nhưng lại ủng hộ những người đàn ông bắt vợ trùm khăn lên đầu. Ông không làm cái gì ông nghĩ và lương tâm ông bảo, mà tưởng tượng ra rằng: Tôi sẽ hành xử như một người Âu trong hoàn cảnh này, nhưng ông làm sao có thể là một người Âu được! Ông biết người Âu sẽ làm gì không? Giả sử Hans Hansen đăng lời tuyên bố ngu xuẩn của các ông và người Âu coi trọng việc này, cử một ủy ban tới Kars, thì trước tiên ủy ban này sẽ cảm ơn quân đội đã không để đất này lọt vào tay bọn Hồi giáo chính trị. Song tất nhiên lũ khốn kiếp này về đến châu Âu sẽ phàn nàn là ở Kars không có dân chủ. Một mặt các ông kêu ca về quân đội, mặt khác cũng chỉ nhờ có quân đội mà các ông tin tưởng được rằng bọn Hồi giáo chính trị không biến các ông thành thịt băm. Nhưng những điều đó chắc ông đã hiểu cả, vì vậy tôi không tra tấn ông.”

Ka đoán là bây giờ đến lượt “người tử tế” và ông sắp được thả, nhanh chân về chỗ Turgut Bey và hai con gái ông, cùng xem nốt đoạn cuối Marianna với họ.

“Nhưng trước khi cho ông về khách sạn với người yêu ông, tôi muốn nói cho ông hay vài điều về tên sát nhân và khủng bố mà ông đã cùng thương lượng và che giấu. Và ông hãy nhớ kỹ lời tôi.” Z. Tay Sắt nói. “Trước tiên ông hãy ghi nhớ rằng ông chưa bao giờ đặt chân vào văn phòng này. Đẳng nào chúng tôi cũng dọn khỏi đây trong vòng một giờ tới. Địa điểm mới của chúng tôi là tầng trên cùng trong nhà ngủ của trường tôn giáo. Chúng tôi đợi ông ở đó. Biết đâu ông sẽ nhớ lại nơi Lam ẩn náu và nơi ông vừa ‘đi dạo buổi tối’ về, và ông muốn chia sẻ bí mật đó với chúng tôi. Lúc còn tỉnh táo Sunay đã cho ông biết, người hùng đẹp trai mắt màu lam của ông đã hạ sát không thương tiếc một thằng dẫn chương trình ngu xuẩn trên tivi vì hắn nói xấu Đẳng tiên tri của chúng ta, và còn tổ chức giết ông hiệu trưởng đại học sư phạm để ông được vui thú mục sở thị nữa. Nhưng hãy còn một chuyện nữa được các nhân viên nghe lén chăm chỉ của Bộ an ninh quốc gia ghi chép lại chi tiết mà Sunay không cho ông hay, có thể để khỏi làm tan nát trái tim ông. Nhưng chúng tôi nghĩ là nếu ông biết thì tốt.”

Giờ thì chúng ta đã đến một điểm mà trong bốn năm sau Ka sẽ nhận xét: “Giá cuộc đời như một cuốn phim có thể quay ngược lại tới điểm ấy, và kể từ đó mọi sự sẽ khác đi!”

“Ipek Hanim. người mà ông muốn mang trốn đi Frankfurt và hưởng hạnh phúc, ngày xưa từng là người tình của Lam,” Z.Tay Sắt nhẹ nhàng nói. “Theo hồ sơ nằm trước mặt tôi thì quan hệ của họ bắt đầu trước đây bốn năm. Hồi đó Ipek Hanim còn là vợ Muhtar Bey, người vừa hôm qua tình nguyện rút ứng cử chức thị trưởng. Thằng cha cự phải tả và thi sĩ dở khôn dở dại này, xin ông thứ lỗi, tiếc thay không hề biết rằng Lam, người mà hắn vô cùng khâm phục và đón làm khách tại gia vì có dự định tổ chức các thanh niên Hồi giáo chính trị, đã say sưa âu yếm vợ hắn trong khi hắn mãi ngồi bán lò sưởi điện trong cửa hàng đồ gia dụng.

Đó là những câu đã chuẩn bị sẵn, không thể là sự thực! Ka nghĩ.

“Người đầu tiên - dĩ nhiên là sau các nhân viên nghe lén - biết được mối tình bí mật này là Kadife Hanim. Quan hệ giữa Ipek Hanim và chồng cũng không còn tốt đẹp gì, cô ta lấy cớ em gái về xin vào đại học để cùng cô dọn đến nhà riêng. Trước sau Lam vẫn luôn luôn về thành phố để ‘tổ chức các thanh niên Hồi giáo chính trị’ và vẫn ở nhà Muhtar. Mỗi khi Kadife đến trường thì đôi chim cu lại gặp nhau ở nhà mới. Mọi việc tiếp diễn đến khi Turgut Bey đến thành phố và đưa hai con gái về khách sạn Lâu Đài Tuyết.Kadife nhập bọn các thiếu nữ trùm khăn. Cô thể chỗ chị. Chúng tôi có bằng chứng về một thời quá độ, khi tay sờ khanh mắt xanh này đồng thời có quan hệ với cả hai chị em.”

Ka lấy hết sức bình sinh ngoảnh cặp mắt ướm của mình khỏi tia nhìn của Z. Tay Sắt. Ông ngó ra những bóng đèn đường u sầu chập chờn trên phố Atatürk phủ tuyết, lúc này ông mới nhận ra có thể nhìn dọc từ đầu phố đến cuối phố.

“Tôi kể cho ông chuyện này để thuyết phục ông rằng, vì ủy mị mà không chịu khai ra nơi ẩn náu của tên sát nhân đã man ấy là sai.” Z. Tay Sắt nói. Như mọi thành viên đội đặc nhiệm, ông ta càng hành hạ được người khác thì lại càng lắm lời hơn. “Tôi thực sự không có ý định làm ông suy sụp. Nhưng khi đã đi khỏi đây có thể ông nghĩ những tin này không phải của bộ phận nghe lén thu thập được - trong bốn chục năm trở lại đây bọn họ đã gài micro khắp Kars - mà là chuyện nhỏ nhặt do tôi phết ra. Có thể, để niềm hạnh phúc ở Frankfurt không bị tì vết, Ipek Hanim sẽ thuyết phục ông rằng tất cả đều là nói dối. Ông có một trái tim ủy mị, và có thể nó sẽ tan vỡ, nhưng để ông không nghi ngờ sự thật trong những lời tôi vừa kể, tôi sẽ đọc vài đoạn trích đầy sức thuyết phục từ những lời thủ thỉ mà nhà nước chúng ta đã tốn công ghi âm và các thư ký đã vất vả đánh máy lại - nếu ông cho phép.

Này nhé: ‘Anh yêu, anh yêu nhất đời, những ngày vắng anh không phải là cuộc sống’, cô ta nói hôm 16 tháng Tám trước đây bốn năm, một ngày hè nóng nực, có lẽ sau lần chia tay nhau đầu tiên... Khi Lam hai tháng sau về thành phố để thuyết trình về đề tài Đạo Hồi và sự che giấu cõi riêng tư của phụ nữ, trong một ngày hắn đã gọi điện cho cô ta hơn tám lần từ các cửa hàng và quán trà; và họ chỉ nói với nhau mỗi một chuyện rằng họ yêu nhau đến chừng nào. Hai tháng sau, lúc Ipek Hanim cân nhắc khả năng cùng anh ta trốn đi và không quyết định được, cô nói với hắn ‘Trong đời mỗi người chỉ có một tình yêu chân chính, và anh là tình yêu chân chính đó của đời em.’ Một lần khác, vì ghen với vợ hắn là Merzuka, cô ta nói cô không thể ngủ với hắn khi *bố cô còn ở trong nhà*. Nhưng vỡ nặng nhất đây: trong hai ngày gần đây cô ta đã gọi điện cho hắn ba lần. Có thể hôm nay cũng gọi điện lần nữa. Biên bản ghi âm của những cuộc gọi gần nhất tôi không có đây nhưng chuyện đó không quan trọng; ông có thể hỏi Ipek Hanim xem họ nói gì. Tôi xin lỗi ông lắm lắm, tôi thấy thế là đủ rồi. Xin ông đừng khóc nữa! Người của tôi sẽ mở khóa còng, ông rửa mặt đi. Nếu ông muốn, họ sẽ đưa ông về nhà.”

CHÚNG TÔI THỰC SỰ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH LÀM ÔNG SUY SỤP

Cuộc thăm viếng miễn cưỡng

Ka nhẹ người khi ra khỏi phòng Lam, nhưng ngay sau đó ông cảm thấy giữa hai người có một mối ràng buộc quý quái không chỉ liên quan đến sự thích thú và ghê sợ, và trong lúc Ka rời khỏi Lam thì ông day dứt nhận ra rằng mình sẽ nhớ hắn. Ông thấy Hande ngây thơ và dốt nát, mặc dù trước mặt ông cô tỏ ra đầy thiện chí và ý tưởng nghiêm túc, nhưng rồi ông bỏ ngay thái độ kiêu căng ấy. Với cặp mắt mở to, Hande nhờ ông gửi lời chào Kadife, nhấn cô rằng trái tim Hande luôn bên cô, bất kể tối nay Kadife trên ti vi (đúng, cô không nói “ở nhà hát” mà nói thẳng là “trên ti vi”) có để lộ tóc ra hay không. Cô còn chỉ dẫn thêm phải đi đường nào để tránh sự chú ý của cảnh sát mật.

Ka rời căn hộ vội vã và bồn chồn, nhưng khi ở tầng dưới một bài thơ hiện ra trong đầu thì ông ngồi ngay xuống bậc thang đầu tiên trước cửa căn hộ có xếp giày dép, rút trong túi ra cuốn vở và ghi lại.

Đó là bài thơ thứ mười tám mà Ka viết ở Kars. Nếu thiếu những ghi chép của Ka tự viết cho mình thì không ai hiểu được bài thơ chứa đầy những ám chỉ về những người mà Ka vừa yêu vừa ghét: cậu ấm một nhà thầu xây dựng giàu có ở trường trung học từng giật giải thi cưỡi ngựa ở vùng Balkan, được chiều chuộng đến hư người, nhưng toát ra một vẻ độc lập gây ấn tượng hấp dẫn. Rồi khi đã nguôi, ông đồng tai nghe một, hai phút, những tiếng động từ ngoài đường vọng vào, quãng thời gian ấy ông thấy dài đằng đẵng như hồi bé phải chờ đợi. Có tiếng gõ cửa. Ka đứng dậy.

Ipek đến. Cô nghe cậu nhân viên lễ tân kể là trông Ka rất lạ nên vội đến ngay. Cô vừa nói vừa bật đèn và ngắm khuôn mặt Ka. Ipek giật mình im lặng. Họ không nói gì một hồi lâu.

“Anh đã nghe nói về quan hệ giữa em và Lam,” Ka thì thào.

“Anh ta kể cho anh à?” Ka tắt đèn.

“Quân của Z. Tay Sắt đã bắt cóc anh.” Ông thì thào. “Họ nói là từ bốn năm nay họ nghe trộm điện thoại nhà em.” Ông quãng mình xuống giường và nói: “Anh chỉ muốn chết thôi!” Ông òa lên khóc.

Khi Ipek vuốt tay lên tóc ông, Ka còn khóc dữ hơn. Nhưng họ cùng cảm thấy nhẹ nhõm như một người đánh mất thứ gì và tâm niệm là đằng nào cũng chẳng còn gì để mong đợi nữa. Ipek nằm xuống giường và vòng tay ôm lấy ông. Họ cùng khóc một lúc, và cảm thấy gần gũi với nhau hơn nữa.

Trong phòng tối Ka hỏi Ipek và cô kể lại chuyện mình. Cô nói mọi tội va do Muhtar cả. Không chỉ vì Muhtar lôi Lam về Kars và mời đến nhà, mà còn muốn người anh hùng Hồi giáo ấy công nhận vợ ông là một người tuyệt vời ra sao. Thêm nữa, hồi đó Muhtar đối xử với vợ cực kỳ tồi và đổ cho cô tội không sinh nở.

Như chính Ka cũng nhận thấy, Lam dễ dàng tìm ra lời lẽ lọt tai và anh ta có đủ tố chất để bắt mất hồn một người phụ nữ bất hạnh.

Sau khi họ có quan hệ với nhau, Ipek đã cố gắng tránh kết cục tệ nhất, trước hết để Muhtar không biết chuyện - vì cô vẫn quan tâm và không muốn xúc phạm Muhtar. Rồi tới lúc ngọn lửa tình ngùn ngụt dần dần nguôi dịu, và lúc đó cô chỉ lo lắng một điều là giải thoát cho mình. Ban đầu, sự vượt trội của Lam so với Muhtar làm anh ta hấp dẫn; Ipek luôn xấu hổ khi Muhtar nói những cuội về các đề tài chính trị trong khi chẳng hiểu biết gì. Khi Lam đi khỏi, Muhtar luôn khen ngợi anh ta và nói anh ta phải về Kars thường xuyên hơn nữa, hối thúc Ipek đối xử với anh ta tốt hơn và thăm thiết hơn nữa. Cả khi cô đã đến ở cùng Kadife, Muhtar vẫn không hiểu ra tình thế. Không có những người khác như Z. Tay Sắt nói cho thì có lẽ Muhtar chẳng bao giờ biết gì. Ngược lại thì Kadife lanh lợi ngay từ hôm đầu về đây đã hiểu mọi chuyện, và cô bắt liên lạc với các thiếu nữ trùm khăn chẳng qua cũng chỉ để gần gũi Lam mà thôi. Ipek linh cảm thấy Kadife, từ bé đến giờ vốn luôn trong tình trạng cạnh tranh với chị, có vẻ thích thú Lam. Nhận thấy Lam cũng thích cô bé, cô bắt đầu xa lánh. Cô nghĩ rằng nếu Lam để ý đến Kadife thì cô sẽ thoát khỏi anh ta. Cô bỏ hẳn được quan hệ với Lam khi bố cô trở về.

Câu chuyện này biến quan hệ giữa Lam và Ipek trở thành một bước lầm lỡ trong quá khứ, và Ka suýt tin vào điều đó, song giữa chừng Ipek lại xúc động thốt lên: “Thực ra Lam không yêu Kadife, mà yêu em!” Miễn cưỡng nghe xong câu ấy, Ka hỏi cô bây giờ nghĩ gì về “Thằng đểu” đó, và Ipek trả lời, cô không muốn nói chuyện này nữa, tất cả là dĩ vãng, và cô muốn cùng Ka sang Đức. Lúc đó Ka nhớ lại trong những ngày gần đây Ipek vẫn gọi điện cho Lam, nhưng Ipek nói, làm gì có chuyện đó, và Lam có đủ kinh nghiệm hoạt động để biết rằng nếu anh ta gọi điện thì sẽ làm lộ nơi trú ẩn. “Chúng mình sẽ không bao giờ có hạnh phúc cả!” Ka nói. “Có chứ, mình sẽ

sang Frankfurt và sống hạnh phúc ở đó!” Ipek không đáp và ôm ông. Ipek kể rằng lúc đó Ka tin cô, song lập tức ông lại khóc.

Ipek ôm ông chặt hơn, và cả hai cùng khóc. Sau này Ka viết, hồi ấy có lẽ cả Ipek cũng mới phát hiện lần đầu tiên trong đời rằng ôm nhau khóc, cùng dạo bước trên hoang mạc không người giữa cảm giác bại trận và một cuộc đời mới sẽ cho niềm vui cũng nhiều như nỗi buồn. Đột nhiên ông càng thấy yêu cô hơn. Nhưng trong khi Ka ôm Ipek trong vòng tay và khóc, một góc tâm trí ông vẫn nghĩ tới việc phải làm sắp tới, và ông chú ý lắng nghe những tiếng động ngoài phố. Đã sắp sáu giờ, báo *Thành phố biên giới* đã in xong, xe cào tuyết trên đường đi Sarikamış đã bắt đầu dọn thông đường. Kadife - được Funda Eser âu yếm dỗ dành, đã leo lên xe tải quân sự để đi đến Nhà hát nhân dân - bắt đầu tập với Sunay rồi.

Mãi nửa tiếng sau Ka mới nói xong cho Ipek biết được rằng Lam gửi một thông báo cho Kadife. Suốt trong lúc ôm nhau cùng khóc như vậy họ đã gần như sắp ngủ với nhau, nhưng một cơn pha lẫn sợ hãi, nghi ngờ và ghen tuông đã chặn họ lại. Ka hỏi Ipek đã gặp Lam lần cuối lúc nào, cả quyết một cách cứng đầu quá đáng là ngày nào cô cũng bí mật nói chuyện với hắn, gặp hắn, ngủ với hắn. Sau này Ka nhớ lại là ban đầu Ipek giận dữ phản ứng những câu hỏi và buộc tội ấy, vì thấy ông không tin cô, nhưng sau đó cô nhận thấy nội dung nghĩa đen lời Ka nói không quan trọng bằng ý nghĩa cảm xúc ẩn chứa trong đó và phản ứng dịu dàng hơn. Cô dường như dịu đi bởi chính sự âu yếm của mình, và thậm chí còn sung sướng khi bị ông hành hạ bằng những câu lục vấn và trách cứ. Trong bốn năm cuối cùng của cuộc đời mình, đầy hổ thẹn và cắn rứt, Ka rồi sẽ tự thú với mình rằng cả đời ông lấy những lời xúc phạm nhằm vào người khác làm thước đo tình cảm của họ với mình và lúc này cũng vậy. Trong lúc không ngừng gặng hỏi Ipek và trách móc bằng cái giọng run run rằng cô yêu Lam hơn yêu mình, kỳ thực Ka không quan tâm đến câu trả lời bằng việc đo xem cô còn kiên nhẫn với ông bao lâu nữa.

Ipek nói: “Vì em từng quan hệ với Lam nên anh trừng phạt em bằng những câu hỏi như thế.”

“Em chỉ muốn có anh để quên hắn,” Ka nói và chết điếng khi nhận ra qua vẻ mặt Ipek rằng nhận định này là đúng, song ông không mất bình tĩnh. Cơn bùng phát đã trả lại cho ông sức mạnh.

“Lam có một tin cho Kadife,” ông nói. “Hắn muốn Kadife phá lời hứa, không lên sân khấu và dĩ nhiên không bỏ khăn trùm ra. Hắn hoàn toàn phản đối.”

“Ta không nên chuyển cho Kadife tin này,” Ipek thốt lên.

“Tại sao không?”

“Một mặt nhờ việc này mình đang được Sunay bảo vệ hết mức. Mặt khác chuyện này cũng lợi cho Kadife, vì em muốn giữ khoảng cách giữa nó và Lam.”

“Không phải,” Ka nói. “Em muốn hai người đó chia tay.” Ông có thể thấy tính ghen tuông giờ đây không còn được Ipek khoan thứ nữa và sẽ hạ thấp ông trong mắt cô, nhưng không tìm mình được nữa.

“Em đã cắt chuyện Lam từ lâu rồi.”

Ka nghĩ, vẻ cao đạo trong giọng Ipek chẳng thật chút nào. Nhưng ông trấn tĩnh và quyết tâm không nói điều ấy với cô. Nhưng một giây sau ông thấy chính mình đang nhìn ra cửa sổ và nói ra câu ấy. Ông còn tuyệt vọng hơn vì không tìm nổi cơn ghen tuông và giận dữ của mình. Ông chỉ muốn khóc, nhưng ông căng thẳng đợi câu trả lời của Ipek.

“Đúng là đã có một thời gian em rất yêu anh ấy,” Ipek nói. “Nhưng bây giờ thì tất cả đã qua đi

từ lâu, em ổn rồi. Em muốn cùng anh đi Frankfurt.”

“Trước em yêu hẳn đến mức nào?”

“Rất yêu,” Ipek trả lời ngắn gọn và im lặng cương quyết.

“Kể đi, trước em yêu hẳn đến mức nào!” Mặc dù không còn thanh thản, ông vẫn cảm thấy Ipek không thể quyết định nên trả lời chân thực, giữ thể nhùng nhằng với Ka, chia sẻ nỗi đau tình yêu với ông hay xúc phạm ông một cách xứng đáng.

“Em yêu anh ấy và trước đó chưa từng yêu ai đến vậy,” cuối cùng cô cũng nói ra được và nhìn qua hướng khác.

“Có thể vì em chưa từng quen ai ngoài Muhtar,” Ka đáp lại. Chưa nói hết câu Ka đã thấy hối hận. Không chỉ vì ông biết sẽ làm Ipek đau đớn, mà ông còn nhận ra là cô sẽ trả miếng bằng một câu khốc liệt.

“Vì em là người Thổ nên trong đời em không có nhiều cơ hội giao lưu với nhiều đàn ông. Còn anh thì nhất định đã làm quen nhiều cô gái tự do hơn ở châu Âu. Em không hỏi anh về ai trong số họ cả, nhưng em tin họ đã dạy anh rằng một người yêu mới sẽ xóa sạch những người yêu cũ.”

“Anh là người Thổ.” Ka nói.

“Đó thường là câu xin lỗi cho một chuyện xấu xa, hay là lời thoái thác.”

“Vì vậy anh sẽ quay về Frankfurt,” Ka trả lời, tuy không tin vào lời mình.

“Và em sẽ đi cùng anh. Mình sẽ sống hạnh phúc ở đó.”

“Em muốn đến Frankfurt để quên hẳn đi.”

“Em nghĩ mình sẽ yêu anh sau một thời gian cùng nhau đến Frankfurt. Em không như anh, em không si mê ai sau hai ngày được. Nếu anh đủ kiên nhẫn với em, nếu anh không làm tim em tan vỡ vì những cơn ghen tuông kiểu Thổ thì em sẽ rất yêu anh.”

“Nhưng bây giờ em không yêu anh,” Ka nói. “Em vẫn còn yêu Lam. Hẳn có gì đặc biệt?”

“Em rất mừng khi thấy anh thật sự muốn biết. Nhưng em sợ phản ứng của anh khi nghe em trả lời.”

“Đừng sợ.” Ka nói mà không tin lời mình. “Anh yêu em với tất cả tấm lòng.”

“Em chỉ chung sống được với một người đàn ông vẫn yêu em sau khi nghe em nói câu này.” Ipek im lặng một lát, không nhìn Ka nữa mà ngó ra ngoài phố phủ tuyết. “Lam rất dịu dàng, rất suy tư và hào phóng,” cô nói với giọng cực kỳ trù ối. “Anh ấy không muốn ai chịu khổ. Vì hai con chó con mất mẹ mà anh ấy khóc cả một đêm. Anh hãy tin em, anh ấy là một người độc nhất vô nhị.”

“Hẳn không phải kẻ sát nhân hay sao?”

“Ngay cả một người chỉ biết anh ta chút xíu so với em cũng hiểu đó là một chuyện ngớ ngẩn buồn cười. Anh ấy không thể làm ai đau. Anh ấy là một đứa bé. Thích các trò chơi, mê mải trong tưởng tượng như một đứa bé. Nhại điệu bộ người khác, kể những mẩu chuyện trong

Sách về các Vua hay *Mesnevi*. Sau cái mặt nạ bên ngoài là nhiều tính cách đáng chú ý. Anh ấy có ý chí cứng cỏi, thông minh, kiên định, rất mạnh mẽ và rất thú vị... Xin lỗi, anh yêu đừng khóc, đủ rồi, anh đừng khóc nữa.”

Ka thôi khóc trong một lúc, nói ông không tin là hai người có thể cùng nhau sang Frankfurt được. Một không khí im lặng kỳ lạ dài đằng đẳng lan tỏa trong phòng, đôi khi bị ngắt quãng bởi tiếng nức nở của Ka. Ông nằm trên giường, quay lưng lại cửa sổ và cuộn tròn như một đứa trẻ. Được một lát, Ipek nằm xuống cạnh ông và ôm ông từ sau lưng.

Thoạt tiên Ka định nói “Thôi đi!” song ông lại thì thầm: “Ôm anh chặt vào!” Ka cảm thấy dễ chịu khi áp má vào chiếc gối ẩm nước mắt. Nằm trong vòng tay Ipek cũng cho ông cảm giác tương tự. Ông ngủ thiếp đi, và cô cũng vậy.

Khi họ thức dậy thì đã bảy giờ, cả hai đều có cảm giác rằng họ vẫn còn cơ may để tìm được hạnh phúc. Nhưng họ không thể nhìn thẳng vào mặt nhau, cả hai đều tìm cách rút lui.

“Quên đi, quên hết đi, thế thôi!” Ipek nói.

Ka không hiểu đó là dấu hiệu của vô vọng hay tin tưởng sẽ quên được quá khứ. Ông tưởng Ipek sắp đi mất. Ông biết rất rõ là ngay đến cuộc sống bất hạnh cũ ông cũng không thể bắt đầu lại nổi, nếu ông từ Kars trở về Frankfurt mà thiếu Ipek.

“Em đừng đi vội, ở lại với anh thêm một lát.”

Sau một khoảng im lặng ngượng ngập, họ lại ôm lấy nhau.

“Trời ơi, trời ơi, rồi chuyện sẽ đi đến đâu?” Ka nói.

“Sẽ ổn cả thôi,” Ipek đáp. “Cứ tin em!” Ka cảm thấy cơn ác mộng này sẽ chấm dứt nếu ông lắng nghe như một đứa trẻ những lời của Ipek.

“Đi nào, em chỉ cho anh xem những đồ em sẽ gói vào vali đi Frankfurt,” Ipek nói.

Ka thấy dễ chịu khi được ra khỏi phòng. Lúc xuống hết cầu thang trước khi vào căn hộ của Turgut Bey, Ka thả tay Ipek ra nhưng vẫn thấy tự hào khi được mọi người coi là một đôi khi đi qua tiền sảnh. Họ vào thẳng phòng Ipek. Cô rút trong ngăn kéo ra chiếc áo len xanh mà cô không mặc được ở Kars, trải nó ra, rũ sạch những mảnh băng phiến, bước ra trước gương và ước lên người.

“Em mặc vào đi,” Ka nói.

Ipek cởi chiếc áo len rộng ra và chui vào chiếc áo xanh bó chên. Một lần nữa Ka chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cô.

“Em sẽ yêu anh đến cuối đời chứ?” ông hỏi.

“Vâng.”

“Bây giờ em mặc chiếc áo dài dạ hội mà Muhtar chỉ cho phép mặc ở nhà đi!”

Ipek mở tủ lấy chiếc áo dài đen bằng nhung trên móc xuống, nhẹ nhàng kéo phéc mơ tuya và cẩn thận mặc vào.

“Em thích anh nhìn em như thế,” cô nói khi ánh mắt hai người giao nhau trong gương.

Lòng đầy phẫn khích và ghen tuông, Ka chiêm ngưỡng tấm lưng dài của người đàn bà, cái xoáy trên gáy ngay dưới chân tóc, dưới chút nữa thấp thoáng bóng xương sống và hai hõm nhỏ trên bờ vai khi cô khoanh tay sau gáy lấy dáng, ông cảm thấy cực kỳ hạnh phúc, nhưng cũng thấy mình quá đỗi tồi tệ.

“Kìa, áo dài nào thế kia!” Turgut Bey đột ngột bước vào phòng. “Ta diện cho vũ hội nào thế nhỉ?” Nhưng vẻ mặt ông không có gì vui vẻ. Ka thích thú cho rằng đó là biểu hiện ghen tuông của người cha.

“Sau khi Kadife ra khỏi nhà, những lời thông cáo trên ti vi còn hung hăng hơn,” Turgut Bey cho biết. “Con bé lên sân khấu tối nay là một sai lầm lớn.”

“Bố ơi, cho con biết tại sao bố cũng phản đối Kadife để lộ tóc ra?”

Tất cả đi qua phòng khách và ngồi trước ti vi. Phát ngôn viên hiện lên và thông báo, buổi truyền hình trực tiếp tối nay sẽ chấm dứt một bi kịch vốn làm tê liệt cuộc sống xã hội và tinh thần của chúng ta, và một hành động kịch tính tối nay sẽ giải phóng dân chúng ở Kars khỏi những thành kiến tôn giáo vốn ngăn cách họ với cuộc sống hiện đại và bình đẳng nam nữ. Tối nay sẽ diễn ra một khoảnh khắc lịch sử thần kỳ hy hữu khi cuộc sống và sân khấu hòa tan làm một. Lần này dân Kars không có gì phải sợ, vì Sở cảnh sát và Cơ quan hành chính lâm thời đã huy động mọi biện pháp an ninh có thể để bảo vệ đêm diễn. Hơn nữa, mọi người vào cửa miễn phí. Trong một cuộc phỏng vấn rõ ràng được quay từ trước, ông phó giám đốc Sở cảnh sát xuất hiện trên màn hình. Mái tóc bợ phờ của ông hôm nọ ra cách mạng nay được chải cẩn thận, sơ mi là trắng, cà vạt thắt tử tế. Ông thông báo rằng dân Kars tối nay có thể thoải mái đến xem buổi trình diễn nghệ thuật danh giá. Ngoài ra ông cho biết ngay lúc này đã có nhiều học sinh trường tôn giáo đến Sở cảnh sát và hứa với lực lượng an ninh sẽ vỗ tay một cách kỷ luật nhưng phần chần chừ vào các đoạn thích hợp, như thói quen bình thường ở các nước văn minh và châu Âu. Lần này sẽ không dung thứ các trò quá khích, thô bạo, hò hét. Dân thành phố Kars đại diện cho truyền thống văn hóa nghìn năm dĩ nhiên là biết xem kịch thế nào cho đúng. Rồi ông biến mất.

Người dẫn chương trình xuất hiện, nói về vở kịch được công diễn tối nay, kể chuyện vai chính Sunay Zaim đã chuẩn bị vở này bao năm trời. Trên màn hình hiện ra các bảng quảng cáo nhàu nhĩ của những vở Jacobin mấy năm trước, trong đó Sunay Zaim đóng Napoleon, Robespierre hay Lenin, cả những ảnh đen trắng của ông và vợ (ngày xưa cũng mảnh mai ra phết!) cùng vài kỷ vật mà Ka cho rằng họ tha theo trong vali khắp các chuyến lưu diễn: vé vào cửa, tờ in chương trình, mấy bài báo hồi Sunay còn hy vọng được đóng Atatürk, ảnh chụp những cảnh trong các vở bi kịch diễn tại quán cà phê. Bộ phim phi lộ này khá tẻ và gợi nhớ đến các chương trình văn hóa của kênh truyền hình quốc gia. Nhưng còn có một tấm ảnh luôn xuất hiện, rõ là mới chụp và đẹp hơn thật, cho thấy Sunay với điệu bộ kiên định không thương xót chùng cho mọi độc tài trên đời dù là từ Đông Âu, chân Phi hay Cận Đông. Người dân Kars xem tivi từ sáng đến tối đã tin ngay rằng Sunay đem lại trật tự và hòa bình cho thành phố, sẵn sàng làm tội tở cho nhân dân và bắt đầu tin tưởng vào tương lai một cách khó hiểu. Lúc này trên màn ảnh liên tục xuất hiện lá cờ từng được kéo lên trước đây tám mươi năm, sau khi quân Ottoman và quân Nga rút khỏi thành phố, dân Armenia và dân Thổ tàn sát lẫn nhau, và người Thổ tuyên bố thành lập quốc gia mới. Không rõ ai tìm ra lá cờ ấy. Lá cờ bị mối xông và đầy vết ố bẩn trên màn hình này là cái làm Turgut Bey bực mình nhất.

“Cha này điên rồi. Hắn sẽ đẩy tất cả chúng ta xuống vực mất thôi, Kadife không nên lên sân khấu!”

“Đúng thế, nó không được phép,” Ipek nói. “Nhưng nếu mình nói đó là ý của bố thì nó lại càng làm già và bỏ khăn ra. Bố biết Kadife mà.”

“Thế mình phải làm gì?”

“Ka phải đến nhà hát ngay và thuyết phục Kadife không được lên sân khấu,” Ipek nói, rồi cô quay sang Ka và nhướn mày.

Từ lâu Ka không nhìn lên ti vi mà chỉ ngắm Ipek. Ông lúng túng vì không hiểu có gì Ipek thay đổi ý kiến.

“Nếu con bé muốn bỏ tóc ra thì cứ làm thế ở nhà khi tình hình đã ổn định trở lại.” Turgut Bey nói với Ka. “Nhất định tối nay Sunay lại làm chuyện khiêu khích gì đó. Tôi rất hối hận đã để bị Funda Eser thuyết phục và trao con gái cho lũ điên này.”

“Ka sẽ đến nhà hát và thuyết phục Kadife, bố ạ.”

“Ông là người duy nhất còn có thể tác động đến Kadife, vì Sunay tin tưởng ông. Mũi ông bị sao thế?”

“Tôi bị trượt ngã trên tuyết,” Ka bứt rứt nói.

“Ông bị bầm cả trán nữa kìa.”

“Ka ở ngoài phố suốt ngày,” Ipek giải thích.

“Ông hãy kéo Kadife ra một góc, đừng để Sunay biết,” Turgut Bey nói. “Ông đừng nói đó là ý kiến của chúng tôi, và nói nó cũng đừng bảo với Sunay đó là ý ông. Bảo nó đừng tranh luận với Sunay làm gì, mà phải tìm một cách thoái thác. Tốt nhất là nói bị ốm và hứa mai sẽ bỏ khăn trùm đầu ở nhà. Ông nói với Kadife là chúng tôi rất yêu nó, con bé bé bỏng của tôi!” Mắt Turgut Bey chợt ngấn nước.

“Bố ơi, cho phép con nói chuyện một mình với Ka được không ạ?” Ipek hỏi và kéo Ka ra bàn ăn tối. Zahide mới trải xong khăn bàn.

“Anh nói với Kadife rằng đây là đòi hỏi của Lam vì anh ấy bị ép và đang trong tình thế khó khăn!”

“Trước tiên em hãy cho anh biết tại sao em thay đổi ý kiến, Ka phản công.

“Anh yêu, anh đừng bận tâm vì chuyện ấy. Em chỉ thấy bố em có lý, thế thôi. Đối với em bây giờ thì quan trọng hơn cả là bảo vệ Kadife trước mọi rủi ro.”

“Không,” Ka ngò vức. “Đã có chuyện gì đó xảy ra khiến em đổi ý.”

“Anh không việc gì phải sợ. Nếu Kadife để lộ tóc ra thì nó sẽ làm việc ấy sau này ở nhà.”

“Nếu Kadife tối nay không để lộ tóc ra,” Ka thận trọng nói. “thì sau này cô ấy cũng không bỏ khăn ở nhà. Em biết quá đi chứ.”

“Quan trọng hơn cả là Kadife an toàn về đến nhà.”

“Anh sợ,” Ka nói, “sợ em giấu anh chuyện gì.”

“Anh yêu, em không làm chuyện ấy. Em yêu anh mà. Nếu anh muốn có em thì em đi ngay cùng anh đến Frankfurt. Thời gian sẽ cho anh thấy em gắn bó với anh và yêu anh, anh sẽ quên hết

những vấn đề hôm nay và tin cậy em, nếu anh yêu em.” Cô đặt tay mình vào tay Ka. Bàn tay cô ẩm và nóng. Ka không tin nổi mình gần Ipek đến mức nào, gần đôi mắt và tấm lòng tuyệt diệu của cô đang phản chiếu trong tấm gương trên tủ.

“Anh gần như chắc chắn là sẽ có chuyện tồi tệ xảy ra,” ông nói.

“Tại sao?”

“Tại anh rất hạnh phúc. Anh không ngờ được là ở Kars anh đã làm mười tám bài thơ. Nếu anh viết được một bài nữa thì sẽ hoàn thiện, và đó sẽ là một cuốn thơ tự nó viết ra. Anh cũng tin là em muốn cùng anh sang Đức, và anh cảm thấy còn một niềm hạnh phúc lớn hơn nữa đang chờ anh. Có quá nhiều hạnh phúc tho anh, và anh có cảm giác nhất định sẽ xảy ra một chuyện tồi tệ.”

“Chuyện gì cơ?”

“Em sẽ gặp Lam khi anh đi khỏi đây để thuyết phục Kadife.”

“Vớ vẩn!” Ipek trả lời. “Em còn không biết anh ấy ở đâu.”

“Anh đã bị đánh vì không khai ra chỗ Lam ẩn náu.”

“Anh cũng không được phép lộ ra với ai,” Ipek nhú mày lại. Anh sẽ nhận ra là đã lo ngại một cách vớ vẩn.”

“Thế nào đây, ông không đến chỗ Kadife à?” Turgut Bey gọi. “Còn một tiếng mười lăm phút nữa là mở màn. Trên ti vi thông báo là đường sắp thông lại rồi đấy.”

“Anh không muốn đến nhà hát, anh không muốn đi khỏi đây” Ka thì thầm.

“Anh hãy tin em, mình không thể đi khỏi đây nếu để Kadife ở lại trong tình trạng bất hạnh,” Ipek nói. “Như thế mình cũng không hạnh phúc được. Anh đi đi, ít nhất thì hãy cố gắng thuyết phục nó để chúng mình không bị lương tâm cắn rứt.”

Một tiếng rưỡi trước đây, lúc Fazil mang tin của Lam đến, em còn nói là anh không nên đi.”

“Anh nói nhanh lên, em làm gì để chứng minh với anh là em không đi khỏi đây khi anh ra nhà hát?” Ipek hỏi.

Ka mỉm cười. “Em đi lên phòng anh, anh khóa cửa lại và cầm chìa khóa theo người.”

“Được.” Ipek vui vẻ thốt lên và đứng dậy. “Bố ơi, con lên phòng con nửa tiếng, và bố đừng lo, Ka sẽ ra nhà hát ngay bây giờ để nói chuyện với Kadife... Bố không cần đứng dậy, bọn con phải lên tầng trên có chút việc.”

“Thượng đế phù hộ các con,” Turgut Bey nói, nhưng giọng ông run rẩy.

Ipek nắm tay Ka, không thả ra khi qua tiền sảnh và kéo ông theo lên tầng trên.

“Cavit đã thấy mình, liệu cậu ta nghĩ gì nhỉ?” Ka nói.

“Anh không phải bận tâm,” Ipek vui vẻ nói. Cô lấy chìa khóa từ tay Ka, mở cửa vào phòng. Trong phòng còn thoang thoang mùi đêm qua của họ. “Em sẽ đợi anh ở đây. Anh hãy giữ mình! Và chớ cãi nhau với Sunay!”

“Anh có nên nói với Kadife rằng mình và bố không muốn Kadife lên sân khấu, hay Lam không muốn?” Ka hỏi.

“Lam không muốn.”

“Vì sao?”

“Vì Kadife rất yêu Lam. Anh đến đó để bảo vệ em gái em trước hiểm nguy. Quên chuyện ghen tuông đi.”

“Nếu anh làm được thế.”

“Chúng mình sẽ rất hạnh phúc ở Đức,” Ipek nói. Cô vòng tay qua cổ Ka. “Mình sẽ đi xem phim ở rạp nào hả anh?”

“Rạp Filmmuseum chiếu buổi muộn tối thứ Bảy, phim nghệ thuật Mỹ nguyên bản, mình sẽ đến đó.” Ka kể. “Trước đó mình ăn Döner với dưa chuột dầm chua ngọt ở một nhà hàng gần ga. Xem xong phim, về nhà mình sẽ bật hết kênh này đến kênh kia trong ti vi và nghỉ ngơi. Rồi mình ngủ với nhau. Nếu khoản trợ cấp xã hội của anh và tiền kiếm được từ những buổi đọc thơ đủ cho cả hai thì mình chẳng phải làm gì khác ngoài yêu nhau.”

Ipek hỏi ông đầu đề sách, và Ka nói cho cô biết.

“Nghe hay đấy,” Ipek nói. “Nào, anh yêu, đi đi kéo bố em lo và tự đi đến đó.”

Ka khoác áo lên và ôm Ipek.

“Anh không sợ nữa,” ông nói dối. “Nhưng đề phòng mọi trường hợp: nếu có vấn đề gì xảy ra thì anh đợi em trên chuyến tàu đầu tiên rời thành phố.”

“Nếu em ra được khỏi phòng này,” Ipek cười.

“Em nhìn ra cửa sổ cho đến khi anh đi khuất góc nhé?”

“Được.”

“Anh rất sợ sẽ không gặp lại em.” Ka nói trong khi đóng cửa, ông rút chìa khóa và đút vào túi áo.

Ông để hai vệ sĩ đi trước vài bước để dễ quay đầu lại nhìn lên cửa sổ có Ipek. Ông thấy Ipek đứng bất động nhìn mình từ cửa sổ phòng 203 ở tầng trên. Đèn bàn rọi ánh sáng màu mật ong lên bờ vai cô run rẩy vì lạnh giữa hai dây áo dài nhung đen nhánh.

Đứng giữa luồng ánh sáng màu da cam từ chiếc đèn bàn bên giường ngủ, cô như một hiện thân của niềm hạnh phúc trước mắt Ka. Hình ảnh ấy Ka sẽ ôm ấp mãi trong bốn năm cuối cùng cuộc đời mình.

Ka không bao giờ gặp lại Ipek nữa.

LÀM GIÁN ĐIỆP HAI MANG CHẮC KHÔNG ĐƠN GIẢN

Chương bỏ dỏ

Lúc Ka đi đến Nhà hát nhân dân, đường phố đã vắng bóng người, cửa sắt trước các cửa hiệu - trừ vài nhà hàng - đã hạ xuống. Mấy khách cuối cùng của các quán trà mệt mỏi sau một ngày dài hút thuốc và uống trà, không rời mắt khỏi màn hình vô tuyến mặc dù họ đã đứng dậy. Ka thấy ba xe cảnh sát đỗ trước nhà hát, đèn xanh xoay lạng lã, và thấp thoáng bóng một chiếc xe tăng dưới hàng cây trúc đào phía chân dốc xa xa. Bóng đêm đã chiến thắng cái lạnh, nước rỏ giọt xuống vỉa hè từ chóp các nhũ băng trên máng nước. Bước dưới sợi cáp truyền hình trực tiếp căng ngang phố Atatürk, Ka bước vào nhà hát trong khi lần chiếc chìa khóa từ trong túi ra và nắm chặt trong lòng bàn tay.

Nhóm cảnh sát và lính xếp hàng dọc tường khán phòng trống rỗng đồng tai nghe tiếng vọng từ sân khấu tập. Ka ngồi xuống ghế và theo dõi Sunay phát âm rõ ràng với giọng trầm ấm, nghe Kadife trả lời kém chắc chắn và yếu ớt và Funda Eser luôn xía vào chỉ đạo ('Nói cho tình cảm vào, Kadife thân mến ời!') trong khi vẫn xếp lại đạo cụ cho đúng vị trí trên sân khấu (một gốc cây, một bàn trang điểm có gương).

Khi Funda Eser và Kadife tập với nhau. Sunay nhận ra đốm sáng từ điều thuốc của Ka và xuống ngồi cạnh ông. "Đây là giờ phút hạnh phúc nhất trong đời tôi." Sunay nói. Ông có mùi Raki nhưng hoàn toàn không say. "Tập bao lâu cũng được, quan trọng nhất là ta cảm thấy gì khi bước lên sân khấu. Kadife chắc chắn có năng khiếu về ứng diễn."

"Tôi đem đến một tin của bố cô ấy và một bùa hộ mệnh chống lại cái nhìn độc địa," Ka nói. "Cho phép tôi nói chuyện riêng với cô ấy được không?"

"Chúng tôi biết là lúc này ông đã cắt đuôi được đoàn hộ tống và lặn mất. Tuyệt đang tan, đường sắt sắp hoạt động trở lại. Nhưng trước đó vở kịch này sẽ được công diễn," Sunay nói. "Lam đã có một nơi trú ẩn tốt rồi chứ" ông mỉm cười bồi thêm.

"Làm sao tôi biết được."

Sunay nói, ông sẽ gọi Kadife ra, rồi quay lại sân tập. Đèn sân khấu sáng lên. Ka có cảm giác giữa ba người trên sân khấu tồn tại một lực hấp dẫn mạnh mẽ. Ông giật mình thấy Kadife quá nhanh chóng thâm nhập thế giới hướng ngoại này. Ông mừng tượng sẽ có nhiều cảm tình hơn với Kadife nếu cô không mặc chiếc măng tô xấu xí như những cô gái trùm khăn vẫn hay mặc, mà mặc váy để lộ một chút đôi chân dài như của chị cô khi đã để lộ tóc ra. Song khi Kadife rời sân khấu xuống ngồi cạnh ông thì đột nhiên Ka nhận ra lý do tại sao Lam bỏ Ipek để yêu em gái cô.

"Kadife, tôi đã gặp Lam. Sau khi được thả ra anh ấy đã có chỗ trốn. Anh ấy không muốn cô tới nay lên sân khấu và để lộ tóc ra. Anh ấy cũng đưa tôi chuyển một bức thư cho cô." Ka thậm thụt dúm cho cô bức thư như một học sinh chuyển tài liệu quay cóp trong giờ thi để Sunay không để ý, nhưng Kadife mở thư một cách công khai. Rồi cô đọc và mỉm cười. Mãi một lúc sau Ka mới thấy những giọt lệ trong cặp mắt thịnh nộ của Kadife.

“Bố cô cũng có ý ấy, Kadife ạ. Quyết định bỏ khăn ra của cô có đúng đến mấy thì tối nay vẫn là sai khi làm việc đó trước mắt các học sinh giận dữ của trường tôn giáo. Hôm nay Sunay sẽ gây sự với tất cả. Cô ở đây là hoàn toàn không cần thiết. Nói với ông ta là cô bị ốm đi.”

“Không cần phải thoái thác làm gì. Sunay đã nói trước là tôi có thể về nhà nếu muốn.”

Ka nhận ra cơn giận dữ và thất vọng ghê gớm đang hiện rõ trên mặt Kadife không chỉ là cơn hờn dỗi của một cô bé bị cấm diễn kịch ở trường trong phút cuối.

“Cô thực sự muốn ở lại đây hay sao. Kadife?” Tôi sẽ ở lại đây và diễn cho hết vở này.”

“Cô biết là bố cô sẽ rất buồn?”

“Đưa cho tôi cái bùa hộ mệnh!”

“Tôi bịa ra chuyện ấy để được nói chuyện riêng với cô thôi.”

“Làm gián điệp hai mang chắc không đơn giản.”

Ka đọc được nỗi thất vọng trên mặt Kadife, đồng thời cũng ý thức được một cách đau đớn là ý nghĩ cô đang vợ vắn tận đâu xa. Ông muốn nắm vai và ôm cô nhưng không đủ dũng khí làm bất cứ việc gì.

“Ipek đã kể cho tôi nghe về quan hệ ngày xưa giữa cô ấy với Lam,” Ka nói.

Kadife lặng lẽ rút bao thuốc, chậm rãi đưa một điếu lên môi và châm lửa.

“Tôi đã đưa anh ấy bao thuốc và bật lửa,” Ka vụng về tiếp lời. Hai người im lặng một lúc lâu. “Cô làm việc này vì quá yêu Lam phải không? Kadife, anh ấy có gì để cô yêu đến thế, cho tôi biết đi Kadife!”

Ka im bật. Ông hiểu là nói vô ích và mỗi lời nói ra chỉ làm tình thế tệ hại thêm.

Từ trên sân khấu Funda Eser gọi, đã đến lượt Kadife.

Kadife nhìn Ka với cặp mắt đắm lệ rồi đứng dậy. Phút cuối cùng họ ôm nhau. Ka ý thức rõ sự hiện diện của Kadife, còn cảm thấy mùi hương của cô trong khi theo dõi diễn biến trên sân khấu, nhưng tâm trí ông không đặt vào vở kịch và ông không hiểu câu nào cả. Lòng ông tràn ngập sự thiếu vắng, ghen tuông và ăn năn, khiến ông mất hết tự tin và tư duy logic. Ông lờ mờ nhận ra tại sao mình đau khổ, nhưng ông không rõ có gì mà nỗi đau khổ ấy lại xé lòng xé gan đến mức này.

Ông hút một điếu thuốc và nghĩ rằng những năm chung sống với Ipek sẽ mang dấu ấn của nỗi đau hủy diệt này - dĩ nhiên với điều kiện là ông đem được Ipek đi Frankfurt. Ông hoàn toàn rối trí, đi ra phòng vệ sinh, nơi ông gặp Necip hai ngày trước đó, đi vào phòng vệ sinh cũ. Ông mở cánh cửa sổ trên cao và vừa hút thuốc vừa ngắm bầu trời đen.

Lúc đó ông không tin nổi khi thấy một bài thơ mới đang đến với mình. Ông xúc động chép vào quyển vở xanh mong đợi sẽ tìm thấy trong đó an ủi và hy vọng. Nhưng khi đã kết thúc, nhận ra cảm giác hủy diệt không giảm đang loang dần trong tim, ông bức xúc rời Nhà hát nhân dân.

Ông nghĩ mình sẽ tìm được thanh thản khi đi bộ dọc phố phủ tuyết trong không khí lạnh. Hai vệ sĩ đi cạnh ông trong lúc nỗi bức xúc càng mạnh lên. Đến đây thì tôi phải chấm dứt chương này để câu chuyện của chúng ta dễ hiểu hơn. Không có nghĩa là Ka không làm gì đáng kể lại

nữa, mà trước tiên tôi phải xác định vị trí của bài thơ cuối cùng mà Ka vội vã chép vào vở, bài “*Nơi tận cùng thế giới*”, trong cuốn thơ sẽ đặt tên là *Tuyết* của ông.

MỖI NGƯỜI CÓ MỘT BÔNG TUYẾT

Cuốn vở xanh lá cây bị mất

“*Nơi tận cùng thế giới*” là bài thơ thứ mười chín, bài cuối cùng Ka sáng tác ở Kars. Chúng ta biết rằng Ka chép mười tám bài, kể cả vài chỗ thiếu, vào cuốn vở xanh luôn đem theo người, ngay lúc ông vừa nghĩ ra. Chỉ có bài thơ làm trong đêm nổ ra cách mạng là ông không chép lại được. Trong số những lá thư Ka viết ở Frankfurt cho Ipek và không bao giờ gửi đi có hai bức nhắc đến chuyện Ka đơn giản không sao nhớ lại được bài thơ “*Nơi không có Allah*” mà ông phải tìm lại bằng được để hoàn tất cuốn thơ. Và ông sẽ rất vui nếu Ipek xem lại cho ông cuộn băng video ghi lại của *Truyền hình biên giới* Kars. Khi tôi đọc thư này trong phòng khách sạn ở Frankfurt, tôi có cảm giác Ka có đôi chút bất an khi tưởng tượng Ipek có thể nghĩ mình viện có video với thơ ca để viết thư tán tỉnh cô.

Tôi tìm được bông tuyết trong một cuốn vở tình cờ vớ được ngay đêm hôm ấy, sau khi chênh choáng chút hơi men đem mấy cuộn băng video Melinda về phòng. Tôi đã ghép bông tuyết ấy vào cuối chương 29 của tiểu thuyết này. Mấy hôm sau khi đọc lướt những cuốn vở ấy tôi cho rằng đã hiểu ra chủ ý của Ka khi xếp các bài thơ theo mười chín điểm trên tinh thể tuyết.

Được biết từ sách vở mà ông đọc sau này khi rời khỏi Kars, là từ khi một bông tuyết sáu cạnh kết tinh trên trời cho đến khi rơi đến mặt đất, biến dạng và tiêu tan thường mất tám đến mười phút, cũng như ngoài gió, độ lạnh và độ cao của mây, quá trình hình thành mỗi tinh thể còn chịu nhiều yếu tố chưa được nghiên cứu hết. Ka rút ra mối quan hệ giữa con người và bông tuyết. Bài thơ “*Tôi, Ka*” được ông sáng tác trong thư viện Kars khi nghĩ đến một tinh thể tuyết. Sau này Ka nghĩ rằng trung tâm của ngôi sao tinh thể - cuốn thơ *Tuyết* của mình - chính là bài thơ ấy.

Vẫn dựa trên logic ấy, ông quy mỗi bài thơ “*Thiên đường*”, “*Cờ*” và “*Hộp sô-cô-la*” vào một vị trí trên tinh thể tuyết tưởng tượng. Để làm việc đó, ông vẽ ra một tinh thể tuyết riêng dựa theo hình các bông tuyết trong sách vở, sau đó ông xếp tất cả các bài thơ sáng tác ở Kars lên chỗ của chúng. Hệt như cấu trúc của cuốn thơ mới, tất cả những gì đã biến con người ông thành thi sĩ Ka, được vẽ lên tinh thể tuyết này. Theo quan điểm của ông, mỗi người phải có một bông tuyết như vậy, một dạng bản đồ tâm linh của cuộc đời. Các trục HỒI ỨC, LÝ TRÍ và TƯỜNG TƯỢNG Ka mô phỏng từ sơ đồ cây tri thức con người của Bacon. Ông cũng viết rất cụ thể và tường tận về những nỗ lực của mình nhằm giải thích ý nghĩa của các điểm trên nhánh rẽ của hình lục lăng này.

Vì vậy ba cuốn vở ghi chép về các bài thơ Ka viết ở Kars không chỉ là kết quả nghiên cứu ý

nghĩa của bông tuyết, mà còn là suy ngẫm về cuộc đời riêng. Ví dụ như khi tìm chỗ cho bài thơ “*Bị bắn chết*” ông ưu tiên trước hết là giải thích về nỗi sợ đã sinh ra bài thơ, sau đó ông phân tích tại sao đặt bài thơ ấy và nỗi sợ ấy lệch về phía trục TƯỢNG TƯỢNG, ở nhánh trên bên phải trục HỒIỨC, ở gần và trong phạm vi ảnh hưởng của bài thơ “*Nơi tận cùng thế giới*”. Có thể thấy qua những giải trình đó một niềm tin sâu xa rằng thơ của ông đã được tạo ra dưới tác động củanhững lực lượng bên ngoài bí ẩn. Theo ý Ka, đằng sau cuộc đời của mỗi người ẩn chứa một sơ đồ như thế và một bông tuyết như thế, và ông cho rằng thông qua phân tích bông tuyết của từng người có thể minh chứng mạch lạc, trông xa thì ai cũng giống ai song trong thực tế con người rất khác nhau, kỳ quái và khó hiểu.

Tôi sẽ không bàn nhiều hơn mức cần thiết trong tiểu thuyết này về các ghi chép của Ka viết đầy hàng trang về cuốn thơ và cấu trúc tinh thể tuyết của riêng mình. (Việc đặt bài thơ “*Hộp sô-cô-la*” lên trục TƯỢNG TƯỢNG có ý nghĩa gì? Bài “*Toàn nhân loại và những tinh cầu*” đã tạo dáng cho ngôi sao tinh thể của Ka ra sao? v.v.) Hồi thanh niên Ka đã cười nhạo các thi sĩ tự coi trọng mình quá đáng và sinh thời đã khổ công biến mình thành tượng đài không ai thêm ngấm vì họ tin rằng mỗi vần thơ ngổ ngẩn do họ viết ra sẽ là đối tượng nghiên cứu trong tương lai. Vậy nên sau khi miệt thị các nhà thơ - vốn theo đòi các huyền thoại tân thời - chuyên viết loại thơ khó hiểu suốt nhiều năm ròng, việc Ka dành ra bốn năm cuối đời chuyên giải thích các thi phẩm của mình chỉ có thể tha thứ được bằng một số nguyên có. Đọc cẩn thận các ghi chép của Ka sẽ có thể nhận rõ rằng Ka không cho là mình đã tự nghĩ ra tất cả các tình cảm và vần thơ viết ra ở Kars. Ông tin là những bài thơ ấy đã từ một nơi nào khác bên ngoài “đến” với ông và bản thân ông chỉ là công cụ để chúng được chép ra - hay trong một trường hợp là đọc ra, như các thi sĩ hiện đại trước ông đã từng trải nghiệm. Ở nhiều đoạn ông viết rõ, các ghi chép của ông là để phân tích ý nghĩa và tìm ra sự đối xứng huyền bí của các bài thơ, cũng như để ông thoát khỏi sự “bị động” của mình. Nhưng còn có một nguyên có thứ hai cho việc ông giải trình thơ mình: chỉ sau khi đã hiểu được ý nghĩa của những bài thơ đã viết ở Kars thì ông mới lấp được những khoảng trống trong sách, những vần thơ còn khuyết và bài “*Nơi không có Allah*” đã quên trước khi kịp chép lại. Vì từ khi quay lại Frankfurt ông không có thêm bài thơ nào đến với mình nữa.

Xem các thư từ và ghi chép của Ka có thể thấy sau bốn năm ông đã phân tích xong logic của các bài thơ và hoàn tất cuốn sách. Vì vậy trong khi ngồi uống đến tận sáng trong khách sạn Frankfurt và giờ xem lướt mọi giấy tờ lấy ra từ căn hộ của Ka, tôi cho rằng các bài thơ của Ka phải nằm đâu đó trong đống này. Tôi lại lục tung đống đồ đạc lần nữa. Tôi giờ các trang vở, khám mấy bộ quần áo cũ kỹ, băng video Melinda, cà vạt, sách, bật lửa (nhờ vậy nhận ra là tôi đem theo từ nhà Ka cả chiếc bật lửa của Kadife nhờ gửi cho Lam). Gần sáng tôi ngủ rũ, trải qua những cơn ác mộng và hình ảnh trong mơ đầy khát vọng (trong một giấc mơ tôi nghe Ka nói: “Trông cậu già quá”, và tôi thấy sợ).

Gần trưa tôi mới tỉnh dậy; chợ đến hết ngày tôi đi thu lượm tin tức về Ka trên phố xá đầy tuyết ẩm mà không có Tarkut Ölçün trợ giúp. Hai phụ nữ từng có quan hệ với Ka trong tám năm trước khi ông về Kars cũng sẵn sàng tiếp chuyện tôi ngay - tôi kể với họ dự định muốn viết tiểu sử người bạn tôi. Nalan, người yêu đầu tiên của Ka, chẳng những không biết gì về cuốn thơ mà thậm chí còn không biết là ông từng làm thơ. Cô đã có chồng, họ mở hai cửa hàng Döner và một văn phòng du lịch. Khi tôi nói chuyện với riêng Nalan, cô tả Ka là người khó gần, ưa cãi cọ, đồng bóng và cực kỳ nhạy cảm; sau đó cô khóc một chút (cô thương Ka thì ít mà tiếc tuổi xuân đã hiến cho các lý tưởng phái tả thì nhiều).

Như tôi đoán trước cả Hildegard, người yêu thứ hai còn độc thân cũng không biết gì về những bài thơ cuối cùng và cuốn thơ *Tuyết* của Ka. Với vẻ điệu đà và kêu gọi (làm tôi dờ áy náy khi phóng đại lên kể với cô rằng Ka là một thi sĩ cực nổi tiếng ở Thổ Nhĩ Kỳ) cô cho biết từ sau khi chia tay với Ka, cô không bao giờ quay lại Thổ Nhĩ Kỳ nghỉ hè nữa; rằng Ka là một cậu bé cực thông minh, cô đơn, đầy rối loạn; Ka sẽ không bao giờ tìm thấy được một hỗn hợp giữa người tình và người mẹ, mà có tìm được chẳng nữa thì rồi cũng rời bỏ thôi; rằng dễ say mê Ka ra sao

thì cũng khó sống chung với ông như vậy. Chưa khi nào Ka nhắc đến tên tôi trước mặt cô (chẳng hiểu vì sao tôi đặt câu hỏi này cũng như bây giờ lại nhắc đến). Có một chi tiết mà tôi không để ý trong suốt cuộc trò chuyện kéo dài một tiếng mười lăm phút, đó là bàn tay phải thon thả của cô thiếu một đốt ngón trỏ. Cuối buổi Hildegard chỉ cho tôi xem khi bắt tay và mỉm cười nói thêm, trong một cơn giận dữ Ka đã chế nhạo cô về khuyết tật đó.

Sau khi hoàn thành cuốn sách và trước khi đem những bài thơ chép tay trong vở ra đánh máy lại sạch sẽ. Ka tiến hành một chuyến đi đọc thơ như đã từng làm với các cuốn trước: qua Kassel, Braunschweig, Hannover, Osnabrück, Bremen và Hanburg. Cắt tôi cũng nhờ Tarkut Tarkut Ölçün và nhà cộng đồng Thổ, nơi mời tôi, giúp tổ chức vội vã mấy “tối đọc sách” tại mấy thành phố trên.

Giống như Ka kể lại trong một bài thơ, tôi lấy chỗ ngồi bên cửa sổ trong một toa ghế tàu hỏa, khâm phục (như Ka ngày xưa) sự đúng giờ, sạch sẽ và tiện nghi thanh tao của tàu hỏa Đức, da diết ngắm những bình nguyên phản chiếu trong cửa kính, những xóm làng nhỏ im lìm trong thung lũng có nhà thờ, đám trẻ con mặc áo mưa sặc sỡ đeo cặp ở các ga xép. Tôi kể với hai người Thổ do hội phái đến đứng hút thuốc đón tôi ở ga mình muốn làm đúng những gì Ka đã làm trước đây bảy tuần trong chuyến đọc thơ. Ở mỗi thành phố, cũng như Ka, tôi thuê phòng trong một khách sạn nhỏ rẻ tiền, nói chuyện ở một nhà hàng Thổ với những người mời tôi về chính trị và chuyện người Thổ không quan tâm đến văn hóa - tiệc thay - ăn Bôrek với rau ba lăng và Döner, sau đó đi qua những đường phố lạnh lẽo vắng người, tưởng tượng mình là Ka đang đi dọc phố để cố quên nỗi đau về Ipek. Tối đến, trong buổi hội ngộ “văn chương” có mười lăm hay hai mươi người tham dự vì quan tâm đến chính trị, văn học hay bất kỳ cái gì có dính dáng đến Thổ, tôi hồ hững đọc vài trang trong cuốn tiểu thuyết mới nhất và đột ngột hướng cuộc chuyện trò về thơ, cho biết tôi là bạn của thi sĩ lớn Ka mới bị sát hại ở Frankfurt, và hỏi: “Có ai nhớ gì đến những bài thơ cuối cùng mà Ka đã trình bày mới đây?” Đa số những người tham dự tối đó không có mặt ở buổi đọc thơ của Ka, còn những người đã có mặt thì đến để hỏi chuyện chính trị, hoặc đơn giản là ngẫu nhiên ghé đến. Họ không nhớ thơ của ông mà nhớ đến chiếc áo choàng xám tro ông không bao giờ cởi, nước da tái tái, tóc bù xù và cử chỉ thất thường. Trong một thời gian ngắn, không phải cuộc đời hay thơ, mà cái chết của Ka trở thành khía cạnh lý thú nhất của bạn tôi. Tôi lắng nghe nhiều lý thuyết cho rằng ông bị sát hại bởi người Hồi giáo chính trị, mật vụ Thổ, người Armenia, bọn đầu trọc Đức, người Kurd hay người Thổ theo chủ nghĩa dân tộc. Tuy nhiên trong số người tham dự lần nào cũng có ai đó khôn khéo, thông minh và miễn cảm, từng thật sự lắng nghe Ka. Từ những người bạn văn chương có ý quan tâm ấy tôi cũng không biết được gì có lợi hơn là Ka đã làm xong cuốn thơ mới, ông trình bày các bài “*Ngõ mơ*”, “*Con chó*”, “*Hộp sô cô la*”, “*Tình yêu*” và họ thấy những bài ấy rất, rất lạ lẫm. Đôi khi Ka cũng kể là ông viết những bài thơ ấy ở Kars và những người nặng lòng hoài hương trong số khách tham dự hiểu đó là một lời nhẩn nhủ. Một phụ nữ trên ba mươi tuổi, tóc đen, đã ly hôn, một con, sau buổi đọc thơ của Ka (và sau này của tôi) đã bắt chuyện khá lâu. Bà ta nhớ là Ka có nhắc đến một bài thơ mang đầu đề “*Nơi không có Allah*” và theo như bà kể thì Ka chỉ đọc một đoạn bốn câu trích từ bài thơ dài ấy, chắc để tránh phản ứng không lợi. Mặc cho tôi gắng hỏi, nữ độc giả thơ rất quan tâm ấy cũng chẳng nhớ gì ngoài chuyện Ka nói đến “một khung cảnh vô cùng ghê rợn”. Người phụ nữ ấy ngồi hàng ghế đầu trong buổi đọc thơ ở Hamburg và bảo đảm là Ka đọc thơ mình từ một cuốn vở màu lá cây.

Tôi cũng đi đúng chuyến tàu đêm như Ka từ Hamburg về Frankfurt. Tôi ra khỏi ga, đi dọc phố Kaiser như Ka và vào những cửa hiệu sex (trong thời gian một tuần tôi ở đó có thêm một băng video mới của Melinda). Tôi dừng bước ở vị trí bạn tôi bị bắn chết và tự nói với mình một điều mà tôi vẫn tin một cách vô thức là có thực: khi Ka ngã xuống, nhất định tên sát nhân đã lấy đi cuốn vở xanh trong túi ông và chạy trốn. Trong một tuần ở Đức, đêm nào tôi cũng đọc hàng giờ các ghi chép về thơ và hồi ức về Kars của Ka. Bây giờ thì niềm an ủi duy nhất là một trong những bài thơ dài trong cuốn sách đang nằm đợi tôi trong kho lưu trữ video của đài truyền hình Kars.

Về đến Istanbul, đêm nào tôi cũng đón nghe chương trình thời sự cuối cùng xem thời tiết ở Kars ra sao, hình dung ra sẽ được đón tiếp ở đó như thế nào. Các bạn đọc cuốn này không nên nghi là tôi đang dần dần trở thành một cái bóng của Ka, khi tôi nói là sau chuyến đi xe buýt dài một ngày rưỡi tôi đến Kars vào cuối chiều, xách túi vào lấy phòng ở khách sạn Lâu Đài Tuyết (không thấy bóng hai chị em bí hiểm lẫn ông bố) và đi rất lâu dọc vỉa hè phủ tuyết như Ka đã làm cách đây bốn năm (nhà hàng Đất Xanh đã biến thành một quán bia nhộp nhúa). Sự khiếm khuyết khả năng miễn cảm đối với thi ca lẫn nỗi u buồn của tôi (mà Ka đôi khi bóng gió nhắc đến) không đủ phân cách hai chúng tôi, mà phân cách cả thành phố Kars sâu muộn của Ka với thành phố Kars nghèo nàn trước mắt tôi. Nhưng bây giờ đã đến lúc tôi phải nói đến một người đã nhận thấy hai chúng tôi giống nhau và gắn hai chúng tôi với nhau.

Lần đầu tiên tôi thấy mặt Ipek tại bữa tiệc của ông thị trưởng đón tôi. Ước gì tôi dối được lòng mình rằng cơn choáng váng của tôi là do rượu Raki, tội vạ đổ cho rượu hết, và tôi còn có cơ hội, trong khi nổi ghen tị của tôi với Ka thực sự vô căn cứ. Trong lúc các bông tuyết, ẩm ướt và không hề thi vị như Ka tả, rơi trước cửa sổ phòng tôi ở khách sạn Lâu Đài Tuyết xuống vỉa hè lầy lội, tôi tự hỏi hết lần này đến lần khác, vì sao tôi không hiểu ra nổi từ các ghi chép của bạn tôi là Ipek xinh đẹp nhường ấy. Những gì tôi bắt giắc ghi vào vở, một động tác “giống như Ka” - một nhận xét luôn lơ vẩn trong đầu tôi ngày đó - rất có thể gọi là khởi đầu cho cuốn sách các bạn đang đọc: tôi nhớ là mình tìm cách kể về Ka và mối tình của ông với Ipek tựa như Ka kể chuyện chính mình. Trong một góc của lý trí mờ mịt tôi nghĩ rằng dồn hết sức vào những vấn đề nội tại của một cuốn sách hay bài văn là phương pháp công hiệu để tôi lánh xa tình yêu. Trái với những điều người ta thường nói, vẫn có thể tránh xa tình yêu nếu như ta thực sự muốn vậy. Nhưng muốn làm được thế thì ta phải thoát khỏi được cả người đàn bà đã hút hồn ta lẫn bóng ma của người thứ ba đã đánh thức tình yêu ấy trong ta. Lúc đó tôi đã hẹn gặp Ipek từ lâu để nói chuyện về Ka, vào chiều hôm sau, tại tiệm bánh ngọt Đồi Mới.

Cũng có thể tôi chỉ tưởng tượng rằng đã nói với Ipek là tôi muốn nghe về Ka. Trong tiệm bánh vắng tanh, vẫn chiếc ti vi đen trắng cũ chiếu cảnh một đôi tình nhân ôm nhau trước cầu Bosphorus. Ipek cho biết ngay từ đầu, nói về Ka là chuyện không dễ dàng gì với cô. Nổi đau đớn và thất vọng mà cô chịu đựng chỉ có thể giải bày trước một người đủ kiên nhẫn lắng nghe. Cô yên tâm được biết tôi là người rất thân với Ka và vì những bài thơ của Ka mà đi đến tận thành phố Kars này. Vì nếu thuyết phục được tôi tin là cô không làm gì trái với Ka thì ít nhất cô cũng giải thoát được phần nào bứt rứt trong lòng. Tuy vậy cô vẫn thận trọng nói thêm, nếu tôi không thông cảm thì cô sẽ rất đau đớn. Cô mặc váy dài nâu và thắt chiếc thắt lưng rộng bản lồi một trên áo len, giống như hôm cô bung đồ ăn sáng cho Ka sau đêm nổ ra “cách mạng”. (Tôi nhận ra bộ quần áo này vì đã đọc những ghi chép của Ka về các bài thơ.) Về mặt cô nửa thách thức, nửa u buồn, khiến tôi nhớ đến Melinda. Tôi lắng nghe cô kể một hồi lâu, rất lâu.

CHỊ SẼ ĐÓNG GÓI HÀNH LÝ

Qua cặp mắt của Ipek

Khi Ka đi sau hai vệ sĩ tiến về phía Nhà hát nhân dân, dừng bước, quay lại và nhìn lên

hướng Ipek một lần nữa, cô vẫn lạc quan tin rằng cô sẽ rất yêu Ka. Đối với Ipek, cảm giác có thể được yêu một người đàn ông còn tích cực hơn thực tế yêu người đó, và thậm chí còn hơn cảm giác say mê đắm đuối, do đó cô cảm thấy mình đang đứng trước ngưỡng cửa dẫn đến một cuộc đời mới và một hạnh phúc dài lâu.

Vì vậy trong hai mươi phút đầu kể từ khi Ka đi khỏi, cô không hề lo lắng gì: chuyện người tình ghen tuông khóa cô vào phòng làm cô thích thú hơn là ngỡ ngàng. Cô nghĩ đến chiếc vali của mình; cô muốn đóng gói hành lý ngay lập tức, vì cô cứ mừng tượng có thể thanh toán để lại em gái và bố ở đây và nhanh chóng cùng Ka đi khỏi Kars một cách trôi chảy, nếu lúc này để hết tâm trí mình vào những đồ vật mà cô không muốn rời chúng ra cho đến cuối đời.

Sau nửa tiếng mà Ka vẫn chưa quay lại, Ipek châm một điếu thuốc. Cô thấy mình ngu xuẩn khi tự nhủ là mọi chuyện sẽ ổn thỏa. Cảm giác ấy mạnh hơn lên khi bị giam trong một căn phòng khóa trái, và cô bực bội với Ka, với cả chính mình. Nhìn thấy Cavit ra khỏi khách sạn làm gì đó, cô đã toan mở cửa sổ ra gọi cậu ta, nhưng khi cô quyết định thì cậu ta đã đi khuất. Ipek tự an ủi chắc Ka sẽ về bất cứ lúc nào.

Bốn mươi lăm phút sau khi Ka đi, Ipek đẩy cánh cửa sổ đóng cứng băng ra và gọi một cậu bé đi ngang qua - một học sinh trường tôn giáo tình cờ không bị chở đến Nhà hát nhân dân - nói là cô đang ở phòng 203 và nhờ cậu báo tin cho người ở tầng trệt khách sạn. Cậu ta ngờ vực nhìn Ipek song vẫn đi vào nhà. Một lát sau điện thoại trong phòng đổ chuông.

“Con làm gì trên ấy?” Giọng Turgut Bey trong máy. “Tại sao con không gọi điện khi bị khóa trong phòng?” Một phút sau Turgut Bey lên mở bằng chìa khóa dự phòng.

Ipek kể với bố là cô định cùng Ka đến Nhà hát nhân dân. nhưng Ka khóa cô vào phòng vì sợ cô đến đó sẽ gặp nguy hiểm, cô tưởng là điện thoại trong khách sạn không hoạt động vì cả thành phố bị cắt.

“Điện thoại trong thành phố hoạt động trở lại rồi,” Turgut Bey nói.

“Ka đi từ lâu rồi, con lo lắm,” Ipek nói. “Mình nên đến nhà hát xem Kadife và Ka có chuyện gì không.”

Mặc dù đang vội vã, một lát lâu sau họ mới ra khỏi khách sạn. Thoạt tiên Turgut Bey không tìm được gắng tay, sau đó ông nói, Sunay có thể hiểu nhầm nếu ông không đeo cà vạt. Trên đường đi ông đòi Ipek đi chậm thôi, thứ nhất vì ông không có sức, và sau đó cũng để cô nghe những lời khuyên của ông rõ hơn.

“Bố đừng cãi nhau với Sunay,” Ipek nói. “Bố chớ quên ông ta là một người Jacobin cực đoan đột nhiên được trao nhiều quyền hành.”

Turgut Bey nhớ đến niềm hứng khởi mà ông cảm nhận được hồi thanh niên trong những cuộc họp chính trị kiểu này khi thấy đám đông trước cửa nhà hát, toàn cảnh sát, binh lính, học sinh và dân bán hàng rong được xe buýt chở đến. Đã từ lâu họ không thấy đông người tụ họp như thế này. Ông bám tay con gái chặt hơn và nhìn quanh tìm một nhóm nào đó mà ông có thể gia nhập hoặc một cuộc tranh luận khả dĩ biến ông thành một phần của phong trào. Khi nhận ra đám đông xung quanh đều lạ mặt, ông chen bừa lên, đẩy dúi dúi một thằng bé đứng chắn cửa và lập tức thấy xấu hổ.

Khán phòng chưa đông nhưng Ipek có cảm giác không lâu nữa cả nhà hát sẽ là một biển người, và tất cả những người cô quen mặt sẽ tụ họp ở đây như trong một cơn mê. Cô bối rối vì không thấy Ka và Kadife đâu cả. Một viên đại úy kéo họ sang bên.

“Tôi là bố của Kadife Hanım đóng vai chính,” Turgut Bey kêu ca. “Tôi phải nói chuyện với nó ngay.”

Turgut Bey xử sự như một ông bố muốn ra tay trong phút cuối, trước khi con gái ông lên diễn vai chính trong một vở kịch đáng xấu hổ ở trường, còn viên đại úy khiếp sợ như một giáo viên biết điều chấp nhận quyền làm bố của ông. Họ đợi một lát trong căn phòng có treo ảnh Atatürk và Sunay trên tường, thì một mình Kadife bước vào và Ipek biết ngay là tối nay em cô sẽ lên sân khấu, bất kể họ định làm gì chống lại.

Ipek hỏi tìm Ka. Kadife nói, ông đã quay về khách sạn sau khi họ nói chuyện với nhau. Ipek nhận xét không hiểu tại sao hai bên không gặp nhau trên đường tới đây, nhưng họ cũng không đi sâu thêm vào chuyện ấy vì Turgut Bey bắt đầu khẩn khoản xin con gái đừng lên sân khấu, mắt ướm rướm.

“Sau khi mọi chuyện đã được công bố mà không lên diễn thì còn nguy hiểm hơn, bố ạ,” Kadife nói.

“Con quá biết bọn học sinh trường tôn giáo sẽ nổi đóa ra sao, và tất cả sẽ căm thù con nếu con bỏ khăn ra, đúng không Kadife?”

“Nói thẳng ra là con thấy nực cười khi sau chừng ấy năm bố vẫn bảo con nên trùm khăn.”

“Chẳng có gì đáng cười cả, Kadife yêu của bố.” Turgut Bey đáp “Nói với họ là con bị ốm.” Nhưng con không ốm...”

Turgut Bey khóc. Ipek có cảm giác bố cô chỉ khóc vờ vĩnh, như mỗi khi tìm ra khía cạnh đa cảm của một sự việc và chìm sâu vào đó. Sự đau khổ được Turgut Bey phơi bày ra có gì đó nông cạn và đồng thời quá chóng vánh, khiến Ipek cảm thấy nếu sự việc hoàn toàn đảo ngược thì ông vẫn có thể rơi nước mắt ngay được. Đức tính này vốn làm bố cô đáng yêu, nhưng trước vấn đề hai chị em cô đang nóng lòng bàn luận thì nó thiếu nghiêm túc một cách đáng ngượng.

“Ka đi khỏi đây lúc nào?” Ipek hỏi thì thào.

“Phải về đến khách sạn từ lâu rồi mới đúng.” Kadife cũng trả lời rất thận trọng.

Họ nhìn vào mắt nhau đầy sợ hãi.

Bốn năm sau, trong tiệm bánh Đồi Mới, Ipek cho tôi biết, cả hai chị em lúc đó không nghĩ đến Ka mà nghĩ đến Lam, họ nhận ra điều ấy trong ánh mắt của nhau và hoảng sợ vì thế. Còn ông bố thì không quan trọng. Tôi coi lời thú tội ấy của Ipek như một sự gần gũi và cảm thấy phải nhìn kết cục câu chuyện của mình với cặp mắt của Ipek chứ không thể khác được.

Hai chị em im lặng một hồi lâu, sau đó Ipek hỏi: “Ka nói là cả Lam cũng phản đối, đúng không?” Kadife nhìn chị mình với ánh mắt như muốn nói: bố nghe thấy rồi đấy. Cả hai nhìn bố và hiểu rằng Turgut Bey trong khi khóc vẫn chăm chú theo dõi tiếng thì thầm của hai con gái và đã nghe thấy tên Lam.

“Bố cho hai chị em con nói chuyện riêng hai phút thôi nhé?”

“Trí khôn của hai con luôn thắng trí khôn của bố,” Turgut Bey nói, ông ra khỏi phòng nhưng không đóng cửa.

“Em đã suy nghĩ kỹ chưa?” Ipek hỏi.

“Em đã suy nghĩ rất kỹ rồi,” Kadife trả lời.

“Nhưng có thể em không bao giờ gặp lại anh ấy,” Ipek nói.

“Em không tin,” Kadife đáp thận trọng. “Với lại em rất giận anh ấy.”

Ipek ý thức đầy đau đớn rằng giữa Kadife và Lam đã có một quãng dài bí mật chứa đầy cãi cọ, làm lạnh, giận dữ, đỉnh cao và vực thẳm. Từ bao nhiêu năm rồi? Cô không thể biết câu trả lời chính xác, và cô không muốn tiếp tục tự hỏi Lam đã đồng thời có quan hệ với cả hai trong bao lâu. Cô thoáng nghĩ đến Ka đầy âu yếm, ông sẽ làm cô quên đi Lam ở Đức.

Trong giây phút đặc biệt có sự cảm thông giữa hai chị em.

Kadife cảm nhận rõ ràng Ipek nghĩ gì. “Ka rất ghen với Lam.” Cô nói. “Anh ấy thực sự yêu chị lắm đấy.” Ban đầu chị không thể tin là sau một thời gian ngắn anh ấy có thể yêu chị như vậy,” Ipek nói. “Nhưng bây giờ thì chị tin.”

“Chị đi với anh ấy sang Đức đi!”

“Về đến nhà là chị sẽ đóng gói hành lý,” Ipek nói. “Em có thực sự tin là Ka và chị sẽ hạnh phúc ở Đức không?”

“Có,” Kadife trả lời. “Nhưng chị đừng kể thêm gì nữa về quá khứ. Bây giờ anh ấy đã biết quá nhiều, và còn phỏng đoán nhiều hơn nữa.”

Ipek ghê sợ cách xử sự đắc thắng của Kadife, cứ như là cô hiểu rõ cuộc sống hơn chị. “Nghe em nói cứ như diễn xong em sẽ không về nhà nữa.”

“Tất nhiên em sẽ về nhà,” Kadife nói. “Nhưng em cứ ấn tượng là chị sẽ đi ngay.”

“Em có linh cảm Ka đi đâu không?”

Họ nhìn vào mắt nhau và Ipek có cảm giác cả hai đều sợ điều họ đang nghĩ trong đầu.

“Em phải đi đây,” Kadife nói. “Em còn phải hóa trang nữa.”

“Chị vui mừng vì em bỏ khăn ra ít hơn là vì em vứt cái áo mưa tím này đi,” Ipek nhận xét.

Kadife lượn hai bước như khiêu vũ khiến gấu chiếc áo mưa cũ dài chấm mắt cá bay tung lên. Khi hai chị em thấy Turgut Bey mỉm cười trong khi quan sát các con gái mình qua khe cửa, họ liền ôm hôn nhau.

Có lẽ Turgut Bey buộc phải chấp nhận là con gái ông sẽ lên sân khấu. Lần này ông không khóc mà cũng chẳng khuyên bảo gì, ông ôm hôn con gái của mình rồi rời khán phòng đầy chật người hết sức vội vã.

Khi đi qua đám đông cạnh cửa ra vào và trên đường về nhà Ipek luôn chăm chú nhìn quanh, vì cô hy vọng sẽ thấy Ka hoặc ai đó để cô hỏi về Ka. Nhưng cô không thấy ai.

Trong lúc Turgut Bey ngồi trước ti vi đợi vở kịch, Ipek gói hành lý đi Đức. Cô cố không nghĩ đến việc Ka đang ở đâu, mà thử hình dung họ sẽ hạnh phúc nhường nào ở Đức trong khi lựa quần áo và đồ vật trong tủ ra. Về sau cô kể với tới: “Giống như Ka sa vào tuyệt vọng vì những lý do ngớ ngẩn, tôi cũng lạc quan trong bốn mươi lăm phút tiếp theo vì những lý do ngớ ngẩn hết như vậy.”

Ngoài những thứ đã định đem đi Đức từ trước, cô còn nhồi thêm tất và đồ lót vào vali. Tuy cũng đoán là đồ ở Đức tốt hơn nhiều, song bây giờ cô nghĩ biết đâu mình không quen dùng chúng. Bất chợt cô nhìn ra cửa sổ và thấy chiếc xe tải quân sự đã nhiều lần tới đón Ka đang tiến dần về phía khách sạn.

Cô đi xuống gác. Bố cô cũng đứng cạnh cửa. Một công chức mũi khoằm mặc đồ dân sự, râu ria cao nhẵn nhụi mà cô chưa bao giờ thấy mặt, nói: “Thưa ngài Turgut,” và ấn vào tay bố cô một phong bì dán kín.

Turgut Bey tái mét mặt và run rẩy mở phong bì. Một chiếc chìa khóa lộ ra. Thấy đó là thư gửi con gái ông, Turgut Bey đưa nó cho Ipek.

Bốn năm sau Ipek đưa tôi bức thư đó, một mặt để tự thanh minh, mặt khác cô thật lòng ước sao bài viết của tôi về Ka phản ánh sự thật.

Thứ Năm, tám giờ

Ông Turgut Bey, tôi xin ông, vì tất cả chúng ta ông hãy lấy chìa khóa này giải phóng Ipek khỏi phòng tôi và đưa cô ấy thư này! Tôi xin ông thứ lỗi. Kính thư.

Em yêu, anh không thể thuyết phục được Kadife. Quân lính đã đưa anh ra ga để bảo vệ chính anh. Đường đến Erzurum đã dọn thông, họ ép anh phải đi khỏi đây bằng chuyến tàu đầu tiên lúc tám rưỡi. Bây giờ em phải sửa soạn xong chiếc túi của anh, vali của em và đến đây. Xe quân sự sẽ đón em lúc chín giờ mười lăm. Chớ đi ra đường! Đến đây đi! Anh rất yêu em. Chúng mình sẽ hạnh phúc.

Người đàn ông mũi khoằm nói anh ta sẽ quay lại sau chín giờ, rồi đi.

“Con có đi không?” Turgut Bey hỏi.

“Con lo cho anh ấy quá.” Ipek nói.

“Anh ấy được lính bảo vệ sẽ không sao cả đâu. Con sẽ bỏ gia đình ra đi à?”

“Con tin là con sẽ hạnh phúc bên anh ấy.” Ipek nói. “Kadife cũng nghĩ như vậy.”

Cô đọc lá thư lần nữa, tựa như nó chứa đựng những bằng chứng của hạnh phúc, rồi bắt đầu khóc. Nhưng cô cũng không rõ hẳn tại sao mình khóc. “Có thể vì tôi khó lòng để bố tôi và em gái ở lại đây.” Cô nói với tôi nhiều năm sau. Khi đó Ipek hoàn toàn cuốn hút vào câu chuyện, còn tôi quan tâm căn kẽ đến từng cảm xúc nhỏ nhất của cô. “Có thể tôi cũng sợ những điều tôi nghĩ đến.” cô nói thêm.

Sau khi đã khô nước mắt, Ipek và Turgut Bey lên phòng cô, kiểm tra lần cuối những đồ đạc cần cho vào hành lý, sau đó họ qua phòng Ka và xếp mọi đồ đạc của ông vào chiếc túi du lịch đồ sầm. Lúc này họ hồ hởi nhắc đến tương lai và hy vọng sau khi Ipek đi khỏi, Kadife sẽ nhanh chóng hoàn tất khóa học ở trường và cùng Turgut Bey đến Frankfurt thăm Ipek.

Khi hành lý đã xong, cả hai vào phòng khách và ngồi trước màn hình để xem Kadife.

Hy vọng vở kịch không dài, để trước khi phải ra tàu con kịp thấy nó chấm dứt mà không có sự cố gì xảy ra giữa chừng.” Turgut Bey mong đợi.

Họ không nói thêm lời nào nữa trong lúc ngồi sát cạnh nhau trước ti vi như mọi khi xem

Marianna. Nhưng Ipek hoàn toàn không thể tập trung vào những gì cô thấy trong ti vi. Hai mươi lăm phút đầu của buổi truyền trực tiếp, sáu vài năm chỉ còn đọng lại trong trí óc cô hình ảnh Kadife lên sân khấu với khăn trùm đầu và áo dài đỏ, và cô nói: “Vâng, nếu bố muốn thế!” Vì biết tôi thực sự quan tâm ngày đó cô nghĩ gì nên Ipek nói: “Tất nhiên là tâm trí tôi để ở nơi khác!” Khi tôi hỏi đi hỏi lại, nơi khác là ở đâu, cô nhắc đến chuyến đi xe lửa với Ka, và nỗi sợ hãi của cô. Nhưng cũng như tự cô ngày ấy không rõ mình sợ gì, mấy năm sau cô cũng không giải thích nổi điều đó cho tôi. Mọi cửa sổ của ý thức cô mở toang, cô tiếp thu được tất cả trừ màn hình trước mặt mình và sững sờ ngắm mọi vật quanh mình, chiếc bàn con, nếp gấp trên rèm cửa, hết như một người đi xa lâu ngày nay trở về và thấy ngôi nhà, căn phòng, mọi đồ đạc của trình sao mà lạ lùng, nhỏ xíu, biến dạng và cũ kỹ. Khi thấy mình đang nhìn căn phòng mình với cặp mắt của một người lạ, Ipek nhận ra rằng cuộc sống đã cho phép cô đi đến một nơi mới hẳn kể từ tối nay. Như cô đã giải thích cho tôi tại tiệm bánh ngọt Đồi Mới. Theo ý cô đó là mình chứng bất di bất dịch, rằng tối hôm ấy cô thực sự muốn cùng Ka đi Frankfurt.

Khi có tiếng chuông cửa khách sạn, Ipek chạy ra mở. Chiếc xe quân sự được cử đến đưa cô ra ga đến quá sớm. Cô hốt hoảng nói với viên công chức mặc thường phục, cô sẽ quay lại ngay. Cô chạy lại với Turgut Bey, ngồi xuống cạnh ông và ôm ông.

“Xe đến chưa?” Turgut Bey hỏi. “Nếu hành lý đã xong rồi thì con vẫn còn thì giờ.” Với ánh mắt vô hồn, Ipek theo dõi một hồi lâu Sunay trên màn hình. Cô không thể ngồi yên, chạy về phòng mình, xếp nốt giày đi trong nhà và túi kim chỉ trên bậu cửa sổ vào vali, rồi ngồi khóc trên mép giường.

Sau này cô kể với tôi là khi quay về nhà cô đã quyết tâm cùng Ka rời khỏi Kars. Cô thanh thản vì đã rũ bỏ được mọi nghi ngại và lưỡng lự trong lòng, nay chỉ còn muốn ngồi trước màn hình ti vi với bố những phút cuối cùng ở thành phố này.

Và khi Cavit báo là còn một người nữa đợi cô ngoài cửa thì Ipek không bận tâm chút nào. Và Turgut Bey chỉ gọi con gái lấy một chai Coca-cola trong tủ lạnh và hai chiếc ly.

Cho đến chết cô cũng không quên được vẻ mặt Fazil lúc đứng bên cạnh cửa bếp, Ipek nói với tôi như thế. Ánh mắt của cậu, một mặt cho thấy một thảm họa đã xảy ra, mặt khác nó nói lên một điều mà Ipek chưa bao giờ cảm nhận trước đó: Fazil giờ đã trở thành một người thân cận, một người trong gia đình.

Fazil nói: “Họ đã giết Lam và Hande rồi! Chỉ mình Lam lẽ ra có thể ngăn cản được thuyền Kadife.”

Fazil khóc trong khi Ipek dờ dại nhìn. Cậu kể, theo linh tính mách bảo cậu đã đi đến đó, và khi thấy một đám lính cậu nhận ra chúng đang vây nơi Lam trú ẩn cùng Hande. Nhất định hai người bị chỉ điểm, vì nếu không thì không thể có nhiều lính được huy động đến như thế. Không, bọn chúng không theo chân cậu vì khi cậu đến nơi thì sự việc đã kết thúc từ lâu. Fazil kể, cùng với lũ trẻ con từ các nhà hàng xóm cậu nhìn thấy xác Lam trong ánh đèn pha của lính.

Sau đó cậu hỏi, “Cho tôi ở lại đây được không? Tôi không muốn đi bất cứ đâu nữa”. Ipek lấy thêm một chiếc ly cho Fazil. Cô mở tung tủ và ngăn kéo để tìm cái mở chai chắc chắn không có trong đó. Cô nhớ là đã xếp vào vào chiếc áo hoa mà cô mặc hôm gặp Lam lần đầu tiên.

Cô để Fazil vào phòng và ngồi cạnh cửa bếp, trên chiếc ghế đầu Ka đã ngồi hôm tối thứ Ba viết một bài thơ trước mắt mọi người khi đã chệnh choáng say. Rồi cô im lặng một hồi, cảm nhận nỗi đau đang loang dần trong người như chất độc trong cơ thể một bệnh nhân. Trong khi Fazil câm lặng từ xa theo dõi Kadife trên màn hình, Ipek đưa cho cậu rồi sau đó cho bố một ly Coca-cola. Mắt cô thu lại tất cả như một máy quay phim từ bên ngoài.

Ipek về phòng mình và đứng im một phút trong bóng tối.

Cô lấy chiếc túi của Ka ở tầng trên xuống và đi ra phố. Trời lạnh. Cô nói với viên công chức mặc thường phục đang đợi trong xe quân sự trước cửa rằng cô sẽ không rời khỏi thành phố.

“Chúng tôi có nhiệm vụ đón bà và đưa ra ga kịp giờ,” viên công chức nói.

“Tôi đã thay đổi ý định, tôi không đi nữa, xin cảm ơn. Nhờ ông đưa cho Ka chiếc túi này!”

Cô vào phòng, chưa kịp ngồi xuống cạnh bố đã nghe tiếng ô tô đi khỏi.

“Con bảo họ đi rồi.” Ipek nói, “con không đi đâu.”

Turgut Bey ôm cô. Họ xem vở kịch trên ti vi một lúc nữa, tuy không hiểu gì lắm. Gần hết hồi I, Ipek nói: “Ta đến chỗ Kadife đi! Còn phải cho nó biết tin!”

PHỤ NỮ TỰ SÁT VÌ KIÊU HÃNH

Hồi chót

Trong phút cuối cùng, Sunay đổi tên vở kịch mà ông đã viết và dựng lấy cảm hứng từ *Bi kịch Tây Ban Nha* của Kyd và từ một số tác phẩm khác; và đầu đề mới này chỉ được nhắc đi nhắc lại trên ti vi trong nửa tiếng cuối cùng. Do đó đám đông trong nhà hát không biết đầu đề mới. Một phần khán giả là những người hiếu kỳ, bị lính áp tải bằng xe buýt đến đây hoặc tin vào những lời tuyên bố hứa hẹn của quân đội trên ti vi, hay muốn tận mắt chứng kiến mọi chuyện xảy ra (vì có tin đồn trong thành phố là buổi truyền trực tiếp này thực ra đã ghi băng sẵn, đem từ Mỹ sang).

Ngay cả khi giả sử đã biết đầu đề thì họ cũng khó liên hệ giữa nó với vở kịch mà cả thành phố đều xem và đều chẳng hiểu mấy.

Bốn năm sau lần trình diễn đầu tiên và duy nhất vở này, tôi lấy được cuốn video từ kho lưu trữ của Truyền hình biên giới Kars.

Cũng khó tóm tắt câu chuyện của nửa đầu vở *Bi kịch ở Kars*. Vở kịch nói về vụ nợ máu ở một thị tứ nhỏ, “lạc hậu, nghèo và ngu tối”, nhưng không giải thích tại sao mọi người tàn sát lẫn nhau, họ không thống nhất được về điểm gì, và cả những kẻ giết người lẫn đông đảo nạn nhân đều không đưa ra lý giải nào. Chỉ có Sunay nổi giận với đám quần chúng đã sa đà vào trò nợ máu man rợ ấy và vì thế cãi nhau với vợ. Sau đó tìm sự đồng cảm ở một cô gái trẻ khác (Kadife). Sunay đóng vai một người đàn ông thương lưu có đầu óc khai sáng và vị thế quyền lực, song vẫn giữ các quan hệ với giới bình dân, kể chuyện tiểu lâm và nhảy múa với họ, thậm

chỉ còn cùng họ tranh luận về ý nghĩa cuộc đời và những điều thông thái khác. Ông còn diễn tho họ xem những cảnh trích từ Shakespeare, Victor Hugo và Brecht, để có được “kịch trong kịch” giống như Kyd. Ngoài ra ông còn lồng vào một số đoạn độc thoại ngắn giáo huấn về giao thông nội đô, phép tắc bên bàn ăn, những tính cách đặc trưng mà người Thổ và người Hồi không tài nào bỏ được, thành quả của Cách mạng Pháp, ý nghĩa tích cực của tiêm chủng, bao cao su và Raki. Nói cả chuyện mỹ phẩm và nước gội đầu thực ra chỉ là nước nhuộm màu, lại thêm cả cảnh múa bụng của một gái làm tiền giàu có; nhưng tất cả đều không giải thích gì thêm cho những chuyện giết chóc được tô điểm vào, và những cơn phấn hứng như vậy nối nhau liên tiếp và rối rắm đến mức cuối cùng khó mà tin được chúng có một trật tự gì hay không.

Điểm duy nhất khả dĩ giữ được mạch của vở kịch liên tục rối tung bởi những pha hài và ngẫu hứng, cũng như để khán giả hứng thú theo dõi - đó là diễn xuất tài tình của Sunay. Mỗi khi vở diễn chùng xuống, ông lại vùng lên với những điệu bộ gợi nhớ đến các vai nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sân khấu của mình, tính sổ với những kẻ đã đẩy nhân dân và đất nước đến nông nỗi này, khắp khiêng một cách bi ai từ đầu này đến đầu kia sân khấu và thuật lại hồi ức từ thời thanh xuân của mình, tuôn ra những dòng viết về tình bạn của Montaigne, hoặc nỗi cô độc của Atatürk. Mặt ông đầm đìa mồ hôi. Mấy năm sau, bà giáo Nuriye Hanim yêu sân khấu và lịch sử (từng say mê chứng kiến buổi biểu diễn tối nổ ra “cách mạng”) kể với tôi là từ ghế ngồi của bà ở hàng thứ nhất có thể nhận rõ hơi thở nồng nặc mùi Raki của Sunay. Nhưng theo bà, điều đó không chứng tỏ là nghệ sĩ lớn ấy say rượu, mà ông đang phung phấn”. Những người tràn đầy hăm mộ trong hai ngày này đến nỗi bất chấp nguy hiểm đến đây trực tiếp xem ông - đám công chức hạng trung ở Kars, phụ nữ ly hôn, môn đệ Atatürk trẻ từng xem ông hàng trăm lần trên tivi, đàn ông ưa phiêu lưu và quyền thế - đều nói rằng một luồng hào quang từ ông tỏa xuống những hàng ghế đầu, và không ai dám nhìn lâu vào mặt ông đang tóe lửa.

Cả Mesut, cậu học sinh trường tôn giáo bị ép lên xe tải chở tới Nhà hát nhân dân (chủ trương phản đối chôn người vô thần và người có đạo cùng nghĩa trang) mấy năm sau cũng kể cho tôi nghe đã nhận thấy hấp lực toát ra từ Sunay như thế nào. Có thể cậu ta thú nhận được điều đó vì, sau bốn năm tích cực hoạt động trong một nhóm Hồi giáo chính trị nhỏ chuyên tổ chức hoạt động vũ trang, cậu đã thất vọng trở về Kars làm việc trong một quán trà. Theo quan điểm của cậu, có gì đó không giải trình nổi ở Sunay làm mê hoặc các học sinh trường tôn giáo, tuy họ không dám công khai thừa nhận điều này. Có thể vì Sunay nắm trong tay quyền lực tuyệt đối, một điều mà chính họ muốn có. Hoặc những cảm đoán của ông đối với phong trào của họ đã giải phóng họ khỏi cảm dổ muốn tự mình gây ra bạo loạn. Mesut nói với tôi: “Thực ra ai cũng vui mừng sau mỗi vụ đảo chính quân sự.” Theo cậu thì đám thanh niên ấn tượng nhất vì Sunay mặc dù nắm quyền cao nhất trong tay vẫn lên sân khấu và bộc lộ cả tim gan mình ra với quần chúng.

Mấy năm sau, khi xem băng video thu buổi diễn đó ở đài Truyền hình biên giới Kars, tôi cũng cảm nhận được khán giả đã quên đi hết những căng thẳng cá nhân giữa bố và con, giữa người cầm quyền và người có tội, tôi nhận thấy ai ai cũng chìm vào im lặng sâu lắng trong khi nghĩ đến các hồi ức và hy vọng khiếp sợ riêng, và lúc đó trỗi dậy một tình cảm hòa đồng thần thánh chỉ có người nào sống ở những nước chịu sự cai trị độc đoán và dân tộc chủ nghĩa cực đoan mới hiểu nổi. Nhờ sự hiện diện của Sunay, có thể nói trong khán phòng không có ai là người lạ nữa; vô hình trung tất cả đều được cột chặt với nhau bởi một lịch sử chung.

Nhưng mạch tình cảm này có nguy cơ bị Kadife chặt đứt, bởi đơn giản là người dân Kars chưa thể làm quen được với sự hiện diện của cô trên sân khấu. Chắc người quay phim cũng cảm thấy thế nên trong những khoảnh khắc phấn khích anh ta toàn hướng ống kính vào Sunay chứ không tiếp cận Kadife. Khán giả chỉ coi cô như một nàng hầu trong các vở hài kịch khi cô phục vụ các vai khác có ý nghĩa quyết định trong kịch bản. Trong khi đó họ vẫn rất tò mò muốn biết Kadife sẽ làm gì, vì từ trưa đến giờ họ luôn được thông báo là trong vở này cô sẽ bỏ khăn trùm ra. Đã có nhiều tin đồn thổi, ví dụ như Kadife bị bên quân đội ép làm việc này, hoặc thậm chí cô

sẽ không lên sân khấu. Kể cả ai chỉ hơi hơi nghe nói về sự đối kháng của các cô gái trùm khăn mà không hề biết danh tính họ thì trong nửa ngày vừa qua cũng biết hết về Kadife. Vì thế nhiều người thất vọng vì thoát tiên cô rất mờ nhạt và tuy mặc váy dài màu đỏ rực song vẫn trùm đầu.

Trong đoạn đối thoại giữa Sunay và Kadife ở phút thứ hai mươi của vở kịch, lần đầu tiên có thể thấy người ta chờ đợi gì ở cô: khi chỉ còn mình họ trên sân khấu, Sunay hỏi Kadife “Đã quyết tâm rồi hay chưa.” và nói “Tôi không chấp nhận chị tự sát chỉ vì điên giận”.

Kadife trả lời: “Khi đàn ông ở thành phố này giết nhau như thú vật và cả quyết rằng hành động ấy chỉ vì sự yên ả của thành phố, thì việc tôi tự sát có can gì đến ai?” rồi đi vào cánh gà ngay, tựa như chạy trốn trước Funda Eser đang bước vào.

Bốn năm sau ở Kars tôi có thể hỏi chuyện mọi người về diễn biến tối hôm đó. Với đồng hồ trong tay, tôi tái tạo chính xác từng phút buổi diễn cho khớp với những sự kiện bên ngoài và tính ra rằng, ở đúng cảnh Kadife nói ra câu ấy Lam đã nhìn thấy cô lần cuối cùng. Vì dựa vào lời kể của hàng xóm và nhân viên an ninh về vụ bố ráp này thì Lam và Hande đang xem ti vi khi có tiếng chuông ở cửa. Theo báo cáo chính thức, khi thấy cảnh sát và lính Lam đã chạy ngược vào nhà, lấy vũ khí và bắt đầu khai hỏa; ngược lại theo hàng xóm và mấy thanh niên Hồi giáo chính trị sẽ đưa anh lên ngôi huyền thoại trong một thời gian ngắn thì Lam hét “đừng bắn!” và toan che chở cho Hande. Song đội đặc nhiệm do Z. Tay Sắt chỉ huy xông vào không chỉ hạ sát Lam và Hande trong vòng một phút, mà còn bắn nát cả căn hộ. Trừ mấy đứa trẻ con tò mò, không ai trong những nhà kế cận bận tâm vì tiếng súng - không chỉ vì người dân Kars đã quen những vụ bố ráp buổi đêm, mà cũng vì giờ phút này không ai trong thành phố tập trung vào chuyện gì khác ngoài chương trình truyền trực tiếp từ Nhà hát nhân dân. Vĩa hè ngoài đường vắng ngắt, song sát bảo vệ đã hạ xuống, mọi quán trà đều đóng cửa trừ quán có ti vi.

Biết mọi con mắt ở thành phố này đang đổ dồn vào mình, Sunay trở nên tự tin khác thường. Còn Kadife vì có cảm giác chỉ tìm được vị trí của mình trên sân khấu trong phạm vi được Sunay cho phép, cô bám chặt vào ông. Cô chỉ có thể làm được những gì mình muốn nếu tận dụng các cơ hội do Sunay tạo ra. Nhưng tôi không rõ Kadife thực sự nghĩ gì, vì trái với chị mình, cô tránh nói chuyện với tôi về những ngày đó. Những người dân Kars - trong bốn mươi phút tiếp theo đã nhận ra Kadife đã quyết tâm hai việc khó khăn: bỏ khăn ra và tự sát - dần dần chuyển sang khâm phục cô. Do Kadife hiện lên tuyến trước, vở kịch nửa sự phạm, nửa phản kháng kiểu khôi hài của Sunay và Funda Eser chuyển theo hướng bị kịch nghiêm trọng hơn. Ngay cả khi bản ngã của Kadife, “cô gái trùm khăn” chưa bị quên hẳn, nhiều người sau nhiều năm vẫn còn giữ cảm tình với Kadife cho tôi biết là nhân cách mới mà Kadife thể hiện trên sân khấu tối hôm đó đã chiếm được vị trí trong lòng dân Kars. Mỗi lần Kadife xuất hiện tất cả đều im lặng tuyệt đối, và trong các gia đình mọi người hỏi nhau: “Cô ấy vừa nói gì thế? Cô ấy vừa nói gì thế?” khi họ không nghe rõ một câu nào đó.

Giữa một trong những khoảnh khắc im lặng ấy, có thể nghe thấy tiếng còi của chiếc tàu hỏa sắp rời Kars sau bốn ngày gián đoạn. Ka ngồi trong một toa tàu mà ông bị lính cưỡng ép phải leo lên. Khi người bạn thân của tôi không thấy Ipek từ trên chiếc xe tải xuống mà chỉ nhận được chiếc túi của mình, ông khẩn khoản xin nhóm lính bảo vệ cho mình được nói chuyện với Ipek, và khi không được phép, ông đã thuyết phục họ cho xe quay về khách sạn lần nữa. Khi chiếc xe không chở ai quay lại, ông xin các sĩ quan ra lệnh tàu đợi năm phút. Lúc tiếng còi báo hiệu tàu chuyển bánh vang lên, Ka òa khóc. Trên chiếc tàu từ từ tăng tốc, đôi mắt nhòa lệ của ông còn hướng về đám đông trên sân ga và cửa ra vào ở phía đài kỷ niệm Kâzım Karabekir tìm một người phụ nữ cao cao tay cầm vali mà ông tưởng tượng ra là đang đi về phía mình.

Tàu đi nhanh hơn,lại một hồi còi nữa. Lúc đó Ipek và Turgut Bey đang trên đường từ khách sạn Lâu Đài Tuyết đến Nhà hát nhân dân. “Tàu khởi hành đây.” Turgut Bey nói. “Vâng,” Ipek đáp, “đường cũng sắp thông rồi. Ông thống sứ và chỉ huy trưởng sẽ trở về thành phố.” Cô còn nói là vụ đảo chính vô nghĩa sẽ chấm dứt và tất cả sẽ bình thường trở lại, nhưng không phải vì

cô cho rằng những câu ấy quan trọng, mà cô không muốn bố cô cho rằng cô nghĩ đến Ka nếu cô không nói gì. Bản thân cô cũng không rõ mình nghĩ đến Ka bao nhiêu và nghĩ đến cái chết của Lam bao nhiêu. Cô cảm thấy trong mình một nỗi đau, nó kinh khủng hơn là chỉ bỏ lỡ một cơ hội đến với hạnh phúc. Và cô căm thù Ka ghê gớm. Cô hầu như không nghĩ ngờ chút nào các lý do khiến cô căm thù. Bốn năm sau, khi miễn cưỡng phải nói chuyện với tôi về những lý do ấy, cô bực mình khi nghe tôi hỏi và phê phán. Cô nói, sau tối hôm đó cô hiểu ngay có lẽ không sao yêu được Ka lần nữa. Khi nghe hồi còi của chuyến tàu đưa Ka ra khỏi thành phố, Ipek không cảm thấy gì về Ka ngoài thất vọng sâu sắc; có lẽ cô cũng hơi ngạc nhiên. Giờ đây cô chỉ muốn được chia sẻ với Kadife nỗi đau này.

Turgut Bey nhận thấy Ipek không ưa sự im lặng. “Cả thành phố cứ như không người,” ông nói.

“Một thành phố ma,” Ipek trả lời, chỉ để nói ra một câu gì đó.

Một đoàn ba xe quân sự rẽ vào phố và đi qua chỗ họ. Turgut Bey coi đó là bằng chứng đường đã thông. Để lắng qua chuyện khác hai bố con ngó theo ánh đèn của đoàn xe cho đến khi chúng đi khuất vào bóng đêm. Theo kết quả tra cứu của tôi sau này, xác Lam và Hande để trên chiếc xe tải GMS đi giữa.

Nhờ ánh sáng từ chiếc đèn pha bị lệch của chiếc xe Jeep đi cuối, Turgut Bey thấy số ngày mai của tờ Thành phố biên giới treo trong cửa kính tòa báo. Ông dừng lại và đọc: “CHẾT TRÊN SÂN KHẤU! Diễn viên nổi tiếng Sunay Zaim bị bắn chết trong đêm biểu diễn hôm qua.”

Sau khi đọc tin này hai lần, họ vội chạy đến Nhà hát nhân dân: lại vẫn mấy chiếc xe cảnh sát cũ đứng gần cửa và phía thân dốc vẫn là bóng của chiếc xe tăng hôm qua.

Khi vào nhà hát họ bị khám vũ khí trong người. Turgut Bey nói ông là bố của “nữ diễn viên chính”. Hồi II đã bắt đầu. Họ tìm được hai chỗ ở hàng cuối cùng.

Ở hồi II này vẫn còn mấy chuyện tiểu lâm và cảnh vui vẻ do Sunay sáng tác dành sẵn trong mấy năm qua; thậm chí Funda Eser còn nhại múa bụng. Nhưng không khí vở kịch đã rất trang nghiêm, và im lặng bao trùm khắp nhà hát, do những màn Sunay và Kadife diễn với nhau.

“Mặc dù vậy chị phải giải thích cho tôi biết lý do chị muốn tự sát chứ.” Sunay nói.

“Người ta không bao giờ biết chính xác được những điều này,” Kadife trả lời.

“Tại sao?”

“Nếu biết được chính xác tại sao tự sát và nếu bày tỏ rõ ràng được lý do thì người ta đã không tự sát,” Kadife nói.

“Không, hoàn toàn không đúng!” Sunay phản kháng. Có những người tự sát vì tình, những người khác không chịu nổi đòn roi của chồng hoặc do nghèo đói hành hạ họ.”

“Ông xem xét cuộc đời quá đơn giản,” Kadife bác lại. “Thay cho tự sát vì tình, người ta chỉ cần đợi ít lâu là tình yêu sẽ không còn giằng xé. Nghèo đói cũng không phải nguyên nhân thực thụ. Những người không chịu nổi đòn roi có thể lấy trộm ít tiền của chồng rồi bỏ trốn, như thế giản dị hơn nhiều.”

“Thôi được vậy lý do thực sự là gì?”

“Tất nhiên lý do thực sự của mọi cuộc tự sát là lòng kiêu hãnh. Ít nhất thì với đàn bà.”

“Vì lòng kiêu hãnh của họ bị tổn thương trong tình yêu?”

“Ông không hiểu gì hết!” Kadife đáp. “Phụ nữ không tự sát vì lòng kiêu hãnh của họ bị tổn thương, mà để chứng tỏ họ kiêu hãnh chừng nào.”

“Vì thế mà các bạn gái của chị tìm đến cái chết?”

“Tôi không thể phát ngôn thay họ. Mỗi người có động cơ riêng. Nhưng mỗi lần nghĩ đến chuyện mình tự sát, tôi lại cảm thấy họ có thể cũng đã nghĩ như tôi. Khoảnh khắc tự sát là thời điểm người ta thấm thía nhất nỗi cô đơn của một người phụ nữ, và thấm thía nhất làm phụ nữ nghĩa là như thế nào.”

“Chị đã thúc đẩy các bạn gái tự sát bằng những lời ấy sao?”

“Họ đã tự nguyện chọn cái chết, quyết định đó hoàn toàn của họ.”

“Ai cũng biết là ở Kars không người nào được tự do quyết định cả, ai cũng tìm cách trốn khỏi đòn roi và gia nhập vào một cộng đồng bảo vệ mình. Kadife, chị hãy thú nhận là đã bí mật giao lưu với họ và thúc đẩy họ tự sát!”

“Làm sao thế được?” Kadife phản đối. “Tự sát chỉ khiến nỗi cô đơn của họ sâu sắc thêm. Một số ông bố không công nhận những cô gái tự sát là con gái mình, thậm chí có nhà không đọc kinh cho người chết nữa.”

“Vậy là chị sẽ tự sát để chứng tỏ với họ rằng họ không cô đơn và đây là một hành động tập thể? Kadife ạ, chị im lặng...Nhưng nếu chị tự sát và không nói tại sao chị làm việc ấy thì liệu thông điệp mà chị quảng bá có thể bị hiểu sai?”

“Tôi không muốn quảng bá thông điệp nào bằng cái chết tự nguyện của tôi cả,” Kadife nói.

“Mặc dù vậy nhiều người nhìn theo chị và tò mò muốn biết, ít nhất thì chị cho biết lúc này đang nghĩ gì.”

“Phụ nữ tự sát để chiến thắng,” Kadife nói. “Ngược lại thì đàn ông tự sát khi không còn hy vọng chiến thắng nữa.”

“Chị nói đúng,” Sunay trả lời và rút khẩu súng ngắn hiệu Kirikkale từ túi quần ra. Cả khán phòng nín thở nhìn khẩu súng bóng loáng. “Chị có bắn chết tôi bằng khẩu súng này không, nếu chị thấy tôi đã đại bại?”

“Tôi không muốn phải vào tù.”

“Nhưng đằng nào chị cũng sẽ tự sát cơ mà?” Sunay hỏi. “Vì tự sát nên chị sẽ xuống địa ngục. Vậy thì chị không việc gì phải sợ các hình phạt của thế giới bên này lẫn bên kia.”

“Ông không hiểu, phụ nữ tự sát chính vì thế đấy.” Kadife đáp, “vì họ tự giải phóng mình khỏi mọi loại hình phạt.”

“Trong giây phút nhận ra thất bại của mình, tôi muốn được chết dưới tay chính một người phụ nữ như thế này.” Sunay nói và trang trọng quay về phía khán giả. Ông ngừng lời để tạo kịch tính. Rồi ông bắt đầu kể dài dòng một chuyện tình ái của Atatürk nhưng ngắt ngang khi thấy khán giả bắt đầu uể oải.

Sau khi hồi II kết thúc, Turgut Bey và Ipek đi đến phía sau cánh gà gặp Kadife. Căn phòng lạnh

buổi này là nơi tập luyện ngày nào của các nghệ sĩ Moscow và Saint Petersburg, diễn viên Armenia trình diễn kịch Molière, vũ nữ và nhạc công trước từng lưu diễn ở Nga.

“Em tưởng chị đi rồi,” Kadife nói với Ipek.

“Bố tự hào về con gái yêu của bố, con thật tuyệt vời,” Turgut Bey nói và ôm Kadife. “Nhưng nếu ông ấy đưa súng cho con và nói ‘bắn tôi đi!’ thì bố sẽ đứng dậy cắt ngang vở diễn và hô Kadife, đừng bắn!”

“Sao lại thế hả bố?”

“Bởi vì có thể súng đã nạp đạn!” Turgut Bey nói. Ông kể lại tin đăng trên số ngày mai của báo Thành phố biên giới mà họ vừa đọc được “Đó là cái tin mà Serdar viết ra với hy vọng nó sẽ xảy ra, và bố không sợ nó có thể thành sự thật,” Turgut Bey nói. “Đa số các tin ông ta viết rất cuộc đều sai. Nhưng dĩ nhiên Sunay là người sai ông ta viết tin đó, và có thể không chỉ để quảng cáo. Có thể ông ta thực sự muốn con giết ông ta trên sân khấu thì sao? Con gái yêu của bố, đừng bắn nếu con không chắc là súng không có đạn! Ipek không đi, chúng ta sẽ còn ở thành phố này lâu. Con đừng chọc tức bọn toàn thống một cách không cần thiết!”

“Vì sao Ipek lại không đi?”

“Vì chị con yêu bố và em gái, yêu gia đình ta hơn.” Turgut Bey nói và nắm tay Kadife.

“Bố ơi, bố cho phép bọn con nói chuyện riêng nữa nhé?” Ipek ngắt lời ông. Cô nhận ra vẻ kinh hoàng hiện trên mặt Kadife khi chưa dứt lời. Trong lúc Turgut Bey ra chỗ Sunay và Funda Eser vừa bước vào căn phòng cao và bụi bặm từ đầu kia, Ipek kéo Kadife sát lại gần mình. Nhận thấy hành động ấy khiến em gái mình sợ, cô nắm tay Kadife và kéo ra một góc khuất sau màn che. Funda Eser đi tới với chai cognac và ly.

“Cô rất xuất sắc, Kadife ạ,” bà ta nói. Hai người cứ tự nhiên!”

Ipek ra hiệu cho Kadife ngày càng ngờ ngác hơn hãy ngồi xuống, và nhìn vào mắt em gái mình với ánh mắt báo hiệu tin dữ. Rồi cô nói: “Hande và Lam đã bị giết.”

Trong một thoáng, ánh mắt của Kadife lạc đi. “Hai người ở cùng một nơi à? Ai đưa tin này?” Cô im bật khi thấy nét mặt nghiêm trọng của Ipek.

“Fazil, thằng bé ở trường tôn giáo. Chị tin ngay, vì nó đã tận mắt trông thấy.”

Mặt Kadife không còn hột máu. Ipek đợi một lát để Kadife hấp thu được tin này, rồi nói nhanh: “Ka biết nơi Lam ẩn náu và không quay lại khách sạn sau khi gặp em lúc nãy. Chị tin là Ka đã nói cho đội đặc nhiệm chỗ trốn của Lam và Hande. Vì thế chị không đi khỏi đây cùng người ấy.”

“Sao chị biết được?” Kadife cãi. “Có thể một người khác chứ không phải anh ấy mật báo.”

“Có thể. Chị cũng đã suy nghĩ tương tự. Nhưng trong thâm tâm, cảm tính chị cho rằng Ka là người chỉ điểm, khiến chị tin rằng lý trí không thể thuyết phục chị tin điều ngược lại. Chị không đi cùng tới Đức vì chị hiểu ra rằng sẽ không thể yêu người ấy được.”

Kadife kiệt lực. Ipek thấy em gái mình bây giờ mới ý thức được trọn vẹn rằng Lam đã chết. Kadife che mặt bằng cả hai tay và khóc nức nở. Ipek ôm em gái và khóc, tuy nhiên tận đáy lòng mình cô biết là hai người không khóc vì cùng lý do. Ngày xưa, khi không ai trong họ muốn rời bỏ Lam và xấu hổ vì cuộc ganh đua không khoan nhượng ấy, đã có đôi lần họ đã khóc như

thế. Bây giờ Ipek cảm thấy cuộc đấu tranh kinh khủng ấy đã chấm dứt: cô sẽ không đi khỏi Kars. Cô chợt thấy mình già sọm đi. Lúc này cô biết mình mong muốn điều gì: trở thành sẵn sàng thỏa hiệp, già và khôn ngoan, không muốn gì ở thế giới này nữa.

Giờ đây Ipek không lo lắng cho Kadife đang khóc ngất đi nữa. Cô nhận ra nỗi đau của em gái còn sâu sắc hơn và tàn phá hơn so với nỗi đau của mình. Lòng cô tràn ngập cảm giác biết ơn - hay cũng là cảm giác phục thù? - vì chính cô không ở trong hoàn cảnh của Kadife. Nhưng cô cũng thấy xấu hổ ngay vì thế. Nhân viên nhà hát cho chạy băng nhạc như trong các đoạn quảng cáo giữa phim để bán thêm nước ngọt và lạc rang: bài “Baby, come closer, closer to me” hai chị em thường nghe từ hồi nhỏ ở Istanbul. Đạo ấy họ muốn học tiếng Anh tử tế, song không ai đạt mục đích. Ipek thấy Kadife khóc dữ hơn khi nghe bản nhạc này. Qua khe hở của màn che, cô thấy bố và Sunay đang chuyện trò phía cuối căn phòng nhập nhoạng tối, còn Funda Eser rót thêm rượu vào ly.

“Chào cô Kadife Hanim, tôi là thượng tá Nuri Tay Vero.” một quân nhân luống tuổi đột ngột khoát màn bước vào và lên tiếng. Ông cúi rạp sát đất để chào như trong phim. “Thưa quý cô, tôi làm gì đây để giảm nhẹ nỗi đau của quý cô? Nếu quý cô không muốn diễn nữa thì tôi xin báo một tin mừng: đường đã thông, quân đội sắp đến thành phố.”

Về sau, trước tòa án quân sự, Osman Nuri Tay Vero sẽ lấy câu vừa rồi làm bằng chứng cho cố gắng của ông nhằm bảo vệ thành phố trước phe đảo chính quân sự.

“Xin cảm ơn ông, tôi ổn thỏa mọi bề.” Kadife đáp.

Ipek có cảm giác rằng ngay lúc đó Kadife đã nhiễm chút điệu bộ kiểu cách của Funda Eser. Ngoài ra cô khâm phục nỗ lực tự trấn tĩnh của Kadife đang ép mình đứng dậy, uống một cốc nước và đi lại như bóng ma nhà hát trong phòng phục trang rộng thênh thang.

Lúc hồi III bắt đầu, Ipek muốn đưa bố đi khỏi đây trước khi ông quay lại nói chuyện với Kadife, nhưng trong phút chót Turgut Bey đã hiện ra: “Con đừng sợ, họ là những người tân tiến.” Ông ám chỉ Sunay và đoàn kịch.

Mở đầu, Funda Eser hát bài hát của người phụ nữ bị làm nhục cuốn hút những khán giả cho rằng vở kịch từ đầu đến giờ vẫn quá “cao đạo” và khó hiểu. Như mọi khi, một mặt bà nhỏ lệ và nguyên rửa lũ đàn ông, mặt khác bà miêu tả sống động từng chi tiết những gì đã xảy ra với mình. Sau đó đến hai bài hát và mục nhại quảng cáo, chủ yếu làm bọn trẻ con khoái chí (vì cho rằng khí mê-tan của công ty Aygaz làm bằng rơm!). Tiếp theo, sân khấu tối đi, hai lính có vũ trang xuất hiện khiến người ta nhớ đến đám lính lên sân khấu trong buổi diễn trước đó hai hôm. Họ khuôn chiếc giá treo cổ đặt vào giữa sân khấu; cả khán phòng ngơ ngác im lặng. Sunay, trông rõ khắp khiêng, và Kadife bước ra dưới giá treo cổ.

“Tôi không ngờ là mọi sự xảy ra dồn dập như vậy,” Sunay nói.

“Đó là lời thú nhận rằng ông đã thất bại với những gì mong muốn, hay chỉ là ông đã già và mệt mỏi rồi và tìm cách để chết một cách phong nhã?” Kadife hỏi.

Ipek nhận thấy Kadife đang huy động một nguồn sức mạnh không ngờ.

“Cô rất thông minh, Kadife ạ,” Sunay nhận xét.

“Điều đó làm ông sợ chứ gì?” Kadife căng thẳng và giận dữ hỏi.

“Đúng.” Sunay trả lời như đang tán tỉnh cô.

“Ông không sợ trí thông minh của tôi, mà sợ bởi tôi là chính mình,” Kadife nói. “Vì ở thành phố này đàn ông không sợ trí thông minh của đàn bà, mà sợ họ làm những gì họ muốn.”

“Trái lại mới đúng.” Sunay phản kháng. “Tôi làm cuộc cách mạng này để phụ nữ tự quyết định vận mệnh mình như ở châu Âu. Vì thế bây giờ tôi muốn cô bỏ khăn trùm đầu ra.”

“Tôi sẽ bỏ tóc ra,” Kadife trả lời. “Sau đó tôi sẽ tự treo cổ để chứng tỏ rằng tôi không làm thế vì bị ông bắt ép, mà cũng chẳng vì tôi bắt chước phụ nữ châu Âu.”

“Nhưng Kadife ơi, cô quá biết rằng người Âu sẽ vỗ tay hoan nghênh cô vì cô hành động như một cá nhân và chọn cái chết tự nguyện chứ? Người ta đã biết rõ là cô cũng rất muốn đưa ra một bản tuyên bố trước báo chí Đức trong buổi họp được cho là bí mật tại khách sạn Châu Á. Họ còn cho rằng cô đã tổ chức cho các thiếu nữ sau này tự sát, giống như đã làm với các cô gái trùm khăn.”

“Chỉ có một thiếu nữ tự sát tham gia đối kháng cùng các cô gái trùm khăn, đó là Teslime.”

“Bây giờ cô sẽ là người thứ hai.”

“Không, vì tôi sẽ bỏ khăn trùm đầu ra trước khi tự sát.”

“Cô đã suy nghĩ kỹ chưa?”

“Rồi,” Kadife nói. “Tôi đã suy nghĩ rất kỹ.”

“Vậy thì chắc cô đã suy tính chuyện này: ai tự sát, người đó phải xuống địa ngục. Cô hoàn toàn có thể thanh thản giết tôi trước vì đằng nào cô cũng xuống địa ngục.”

“Không,” Kadife đáp. “Tôi không tin là tôi xuống địa ngục nếu tôi tự sát. Và tôi sẽ giết ông như trừ khử một con vi trùng, một kẻ thù của nhân dân, của tôn giáo và phụ nữ!”

“Cô dũng cảm nói ra điều mình nghĩ. Nhưng tín ngưỡng của chúng ta cấm tự sát.”

“Đúng thế, chương ‘Phụ nữ’ trong Koran thiêng liêng ra lệnh: “Các người không được tự sát!” Kadife trả lời. “Nhưng điều đó không có nghĩa là Allah tối cao không thứ lỗi cho các thiếu nữ tự sát và đẩy họ xuống địa ngục.”

“Có nghĩa là cô tìm cho mình một lối thoát hiểm bằng cách xuyên tạc Koran?”

“Ngược lại mới đúng.” Kadife nói. “Một số thiếu nữ ở Kars đã tự sát vì họ không được trùm khăn như họ muốn. Thượng đế vĩ đại rất công minh và nhận ra nỗi đau của họ. Nếu tôi mang tình yêu Thượng đế trong tim thì ở Kars này không có chỗ cho tôi, do vậy tôi sẽ tự hủy diệt mình như những người khác từng làm.”

“Cô biết rõ rằng các bề trên của chúng ta sẽ nổi giận sau khi đã vượt qua băng tuyết lạnh lẽo đến thành phố Kars nghèo khổ của chúng ta giảng đạo và khuyên can những phụ nữ tuyệt vọng đừng tự sát chứ, Kadife? Còn kinh Koran...”

“Tôi không tranh luận về tôn giáo với những người vô thần hoặc do sợ hãi mà làm ra vẻ có lòng tin!”

“Cô nói đúng. Tôi không dă động tới đề tài này để can thiệp vào sự mộ đạo của cô, mà vì tôi lo cô có thể không thanh thản giết tôi vì sợ bị xuống địa ngục.”

“Ông không phải lo, tôi sẽ giết ông hoàn toàn thanh thản.”

“Tốt.” Sunay hơi bị xúc phạm. “Tôi xin tiết lộ cho cô biết kết luận từ sau hai mươi lăm năm công tác sân khấu của tôi. Không một khán giả nào từng nghe nổi một đoạn đối thoại dài đến từng này mà không thấy mệt mỏi. Nếu cô đồng ý thì ta bắt tay vào việc đi.”

“Được!”

Sunay rút khẩu Kirikkale, chỉ cho Kadife và khán giả xem. “Cô sẽ bỏ khăn ra ngay bây giờ. Sau đó tôi đưa cô khẩu súng này, và cô sẽ bắn chết tôi...Vì chuyện này lần đầu tiên diễn ra trong một buổi truyền hình trực tiếp nên tôi muốn nói với khán giả một lần nữa họ cần phải biết rằng...”

“Ta làm ngắn gọn đi,” Kadife cắt ngang. “Tôi không thể nghe được đàn ông kể lý do khiến các thiếu nữ tự sát nữa.”

“Cô nói đúng đấy.” Sunay nói và mân mê khẩu súng trong tay. “Tuy vậy tôi muốn nói hai điều để không ai phải sợ một cách vô lý nếu người đó đã đọc tin trong báo và tin vào lời đồn đại. Cô xem này, Kadife, đây là ổ đạn của súng. Cô thấy đấy, không có đạn bên trong.” Ông rút ổ đạn ra khỏi súng đưa cho Kadife xem và lắp lại chỗ cũ. “Cô thấy là không có đạn trong đó rồi chứ?” Ông hỏi như một nhà ảo thuật bậc thầy.

“Tuy vậy ta phải làm cho chắc,” Sunay nói. ông rút ổ đạn ra lần nữa và chỉ cho khán giả xem như một nhà ảo thuật trưng bày cái mũ và con thỏ. “Tôi muốn nhân danh cá nhân nói lần cuối. Cô vừa nói là cô sẽ giết tôi một cách thanh thản. Chấn chấn cô ghê sợ tôi vì tôi đã bày ra cuộc đảo chính quân sự này và bắn vào nhân dân, chỉ vì mọi chuyện không giống như ở phương Tây. Nhưng tôi muốn cô biết rằng tôi làm việc đó vì nhân dân.”

“Thôi được,” Kadife trả lời. “Bây giờ tôi bỏ khăn ra. Xin mọi người chú ý.”

Một nét đau đớn thoáng hiện trên mặt cô, rồi cô giật chiếc khăn trùm khỏi đầu bằng một động tác gọn ghẽ.

Cả khán phòng im phăng phắc. Sunay ngơ ngác nhìn Kadife một giây như bị bất ngờ. Rồi hai người quay sang phía khán giả như hai diễn viên vụng về quên lời thoại.

Toàn thành phố kinh sợ ngẩn mái tóc hung dài và tuyệt đẹp của Kadife. Lần đầu tiên người quay phim lấy hết dũng khí hướng trực diện ống kính vào Kadife và chiếu cận cảnh. Trên mặt cô hiện rõ sự ngỡ ngàng của một phụ nữ bị bung khuy áo dài giữa đám đông. Người ta nhận rõ cô đang cắn răng chịu đựng.

“Ông cho tôi xin khẩu súng,” cô sốt ruột nói.

“Đây thưa cô.” Sunay đáp. Ông nắm nòng súng và chìa cho cô. “Cô phải bóp cò ở đây!”

Sunay mỉm cười khi Kadife cầm vũ khí. Tất cả chờ đợi họ đối thoại tiếp. Chắc cũng nghĩ vậy nên Sunay nói tiếp: “Cô có mái tóc tuyệt đẹp, Kadife ạ.”

“Bản thân tôi cũng muốn che nó đi, không để kẻ nào khác được nhìn thấy,” vừa lúc Kadife bóp cò.

Một tiếng nổ vang lên. Cả thành phố trầm trồ nhìn Sunay lão đảo khuỷu xuống như trúng đạn thật.

“Thật ngu xuẩn!” ông nói. “Họ không hiểu gì về nghệ thuật hiện đại và sẽ không bao giờ thành người hiện đại.” Trong khi khán giả đợi đoạn độc thoại dài lúc Sunay hấp hối, Kadife gí súng sát vào người Sunay và bắn bốn phát. Thân thể Sunay nảy lên với mỗi phát đạn rồi lại sụp xuống đất. Bốn phát đạn nối nhau liên tiếp.

Những khán giả còn chờ một đoạn thoại dài khả dĩ mang lại ý nghĩa cho cái chết của Sunay, nay hết hy vọng khi thấy mặt ông đầm đìa máu sau phát súng thứ tư. Là người coi tính chân thực của sự việc cũng như hiệu quả sân khấu quan trọng ngang lời thoại, bà Nuriye Hanim đứng phắt dậy để vỗ tay hoan hô Sunay, nhưng kinh hoàng nhìn thấy mặt ông đầm máu và ngồi phệt xuống.

“Hình như tôi đã giết chết ông ấy rồi,” Kadife nói với khán giả.

“Làm tốt đấy!” Một học sinh trường tôn giáo hét lên từ hàng ghế phía sau.

Lực lượng an ninh bị cuốn hút vào sự kiện trên sân khấu đến nỗi không phát hiện ra đứa học sinh phá đám ngồi đâu, mà cũng chẳng để ý điều tra tiếp. Khi bà Nuriye Hanim - sau hai ngày liền khâm phục Sunay trên ti vi và hôm nay bắt chấp tất cả ngồi hàng ghế đầu để quan sát ông bằng được ở tầm gần - bắt đầu nức nở thì cả Kars mới nhận ra rằng trò diễn trên sân khấu hoàn toàn có thực.

Hai người lính luống cuống chạy ngược chiều nhau, kéo màn đóng sân khấu lại.

HÔM NAY CHẲNG AI Ở ĐÂY ƯA KA NỮA

Kars - bốn năm sau

Ngay sau khi sân khấu đóng màn, Z. Tay Sắt và đồng bọn bắt Kadife, đưa cô qua cửa sau ra phố Kâzimbey Nhỏ “để giữ an toàn cho chính đương sự”, lên chiếc xe tải quân sự về ban quân quản, nơi Lam bị giữ hôm trước. Mấy tiếng sau, khi mọi ngả đường đến Kars đều đã dọn sạch, các đơn vị được cử đến Kars để đàn áp vụ “đảo chính quân sự” vào đến thành phố mà không vấp phải bất cứ sự kháng cự nào. Viên phó thống sứ, chỉ huy quân sự và các viên chức lãnh đạo từng sao nhãng trách nhiệm trong vụ này bị bãi nhiệm ngay. Một loạt lính tráng và nhân viên Bộ an ninh quốc gia cộng tác với “bọn đảo chính” bị bắt giam, mặc cho họ cãi là đã làm việc đó “vì dân tộc và quốc gia”. Mãi sau đó ba hôm Turgut Bey và Ipek mới được phép thăm Kadife. Ngay khi sự việc xảy ra, Turgut Bey đã nhận ra Sunay chết thật trên sân khấu, mặc dù vậy ông vẫn hy vọng Kadife không bị dính líu và ngay tối hôm đó đã cố xin đưa Kadife về nhà. Sau nửa đêm, khi không thành, ông bám tay con gái đi qua đường phố vắng ngắt về nhà. Trong lúc ông ngồi khóc. Ipek mở vali lấy đồ đạc cất lại vào tủ.

Hầu hết dân Kars theo dõi diễn biến trên sân khấu chỉ biết Sunay đã chết thật sau giây phút hấp hối ngắn ngủi khi đọc bài báo trên Thành phố biên giới hôm sau. Sau khi đóng màn, đám đông rời Nhà hát nhân dân đầy nghi ngại nhưng im lặng và trật tự. Ti vi không nhắc lại sự kiện của ba ngày cuối, và vì từ những ngày có thiết quân luật, dân Kars đã quen chuyện nhà nước và các đơn vị đặc nhiệm tổ chức “săn bọn khủng bố” ngoài phố, lùng quét và ra tuyên bố, chỉ vài bữa sau họ không còn nhớ đến ba ngày ấy như một giai đoạn đặc biệt nữa. Ngoài ra sáng hôm sau ban chỉ huy ra lệnh tiến hành một cuộc điều tra trách nhiệm, và bộ phận thanh tra của phủ thủ tướng bắt tay vào việc, khiến dân toàn thành phố hiểu rằng biết điều thì không tranh luận về khía cạnh chính trị của cuộc “đảo chính sân khấu” nữa, mà chỉ nói về sự kiện ở nhà hát và nội dung nghệ thuật. Mỗi quan tâm chủ yếu của họ là: làm sao Kadife có thể bắn chết Sunay Zaim sau khi tất cả rành rành chứng kiến ông rút ổ đạn rỗng vào súng?

Việc này có lẽ đáng ngạc nhiên đến ảo thuật hơn là nhanh tay, và báo cáo điều tra của viên thiếu tá do Ankara cử về đã làm sáng tỏ ít nhiều, như đã giúp tôi khi viết ra nhiều đoạn trong sách.

Sau buổi tối hôm đó Kadife không muốn nói chuyện về những gì đã xảy ra với Ipek và Turgut Bey khi họ đến thăm, với các công tố viên hay luật sư - dù chỉ để được bảo vệ trước tòa, vì vậy viên thiếu tá đã hỏi chuyện nhiều người (giống như tôi đã làm bốn năm sau), nói đúng hơn là ghi lại lời họ khai báo, thẩm tra mọi khả năng và lời đồn đại.

Để bác lại nhận định cho rằng Kadife chủ tâm làm ngược ý Sunay Zaim và giết ông, thoát tiên viên thiếu tá chứng minh rằng tin đồn cô rút một khẩu súng khác nhanh như chớp từ trong túi hoặc lắp một ổ đạn mới vào súng là không có thật. Ngay cả khi trên mặt Sunay lộ vẻ ngạc nhiên, cuộc khám xét của lực lượng an ninh cùng các đồ vật tìm thấy trong người Kadife và băng ghi video đã xác nhận rằng tối hôm đó chỉ có một vũ khí duy nhất và một ổ đạn duy nhất

được sử dụng. Giả thiết được dân Kars ưa thích - một người khác bắn Sunay từ một góc khác cùng lúc Kadife bóp cò - bị bác bỏ bởi báo cáo nghiên cứu đạn đạo và kết quả mổ tử thi từ tận Ankara gửi về. Những tài liệu nói trên chứng minh đạn găm trong cơ thể Sunay được bắn từ chính khẩu súng lục Kirikkale trong tay Kadife. Những lời cuối cùng của Kadife “Hình như tôi đã giết chết ông ấy rồi.” khiến cô trở thành người hùng hay nạn nhân huyền thoại trong mắt nhiều người dân Kars, còn viên thiếu tá phụ trách điều tra thì cho đó là bằng chứng của một tai họa ngộ sát. Và tựa như muốn vạch đường cho công tố viên sắp khởi tố, ông ta đánh giá chi tiết hai khái niệm “cố sát” và “động cơ hèn hạ” theo hướng triết luận và pháp lý, rồi giải trình rằng những phát ngôn của Kadife trong vở này được bày cho cô từ trước hoặc thông qua một số mẹo để gợi ý cô nói ra - nghĩa là không phải lời cô, mà là lời của chính diễn viên Sunay Zaim. Là người lấp ổ đạn vào súng sau hai lần cả quyết là ổ rỗng, Sunay Zaim đã đánh lừa Kadife và cả thành phố. Nghĩa là “ổ đạn đầy đạn!” Đó là lời của viên thiếu tá đã bị về hưu non sau đó ba năm.

Trong cuộc nói chuyện tại nhà ông ở Ankara, khi tôi nhắc đến các tác phẩm của Agatha Christie bày đầy trên giá, ông nói chủ yếu là tiêu đề sách làm ông thích. Dĩ nhiên, để một ổ đạn đầy trông như rỗng là ngón ảo thuật cừ khôi của một diễn viên. Những màn bạo lực không run tay do Sunay Zaim và tông phạm thi hành nhân danh một nền chính trị phương Tây và mang tư tưởng Atatürk (cộng cả Sunay, số người chết là 29) đã khùng bố người dân Kars đến mức họ sẵn sàng gọi một cốc cạn là cốc đầy. Trên quan điểm đó không chỉ Kadife là tông phạm của sự kiện xảy ramà cả các cư dân của Kars từng đặc chí ngắm Sunay bị giết trên sân khấu và tin là đang xem kịch, mặc dù ông ta đã báo trước cái chết của mình.

Trong báo cáo của mình, viên thiếu tá cũng đề cập tới một tin đồn khác: Kadife đã giết Sunay để rửa thù cho Lam, và ông cho rằng, ta không được phép ấn một khẩu súng lục nạp đạn vào tay người khác và cả quyết rằng súng không có đạn, sau đó lại buộc tội họ. Đáp lại lời khen ngợi của đám Hồi giáo chính trị và chỉ trích của phe cộng hòa thế tục, rằng Kadife mưu mẹo giết Sunay còn chính mình không tự sát, viên thiếu tá nói, không được nhầm lẫn nghệ thuật và thực tế. Cả Sunay lẫn Kadife đều biết chiếc giá treo cổ trên sân khấu làm bằng bìa, điều đó loại trừ phỏng đoán rằng Kadife bỏ kế hoạch tự sát sau khi giả đồ chọn con đường tự sát rồi giết Sunay.

Bản tường trình chi tiết của viên thiếu tá do Bộ tư lệnh cử xuống được các công tố viên và thẩm phán quân đội hết sức khâm phục đón nhận. Nhờ vậy Kadife không bị tuyên án vì giết người với mục đích chính trị, mà chỉ phải nhận ba năm một tháng tù do ngộ sát. Sau khi ngồi tù hai mươi tháng cô sẽ được thả. Thượng tá Nuri Tay Vero không may mắn như thế, với tội danh lập bằng đảng tội phạm giết người chiếu theo điều 313 và 463 Luật hình sự Thổ Nhĩ Kỳ, ông chịu án rất nặng. Sau sáu tháng nhờ luật ân xá, ông ta được thả ra. Mặc dù được thông báo hậu quả nặng nề nếu nói lộ ra vụ này, song những năm về sau mỗi khi gặp các bạn cũ và đã uống đủ mức là ông nhắc lại, “ít nhất” thì ông cũng đã dám làm cái việc mà mỗi quân nhân mang tư tưởng Atatürk đều thầm mơ ước, và ở mức không quá trớn, ông buộc tội đồng đội mình khiếp sợ bọn toàn thống, trì trệ và hèn nhát.

Các sĩ quan, hạ sĩ quan và một số viên chức bị dính líu vào vụ này - mặc dù phản kháng rằng họ là người ái quốc và làm theo lệnh - bị tòa án binh bắt chịu các mức phạt khác nhau vì tội lập bằng đảng, giết người và các tội khác; họ cũng được thả trong cùng đợt ân xá. Trong số họ có một người - một trung úy đầu óc viển vông, sau này theo Hồi giáo chính trị - sau khi được ra tù đã xuất bản hồi ký nhiều kỳ (“Tôi cũng là một người Jacobin cực đoan”) trong báo Hồi giáo chính trị *LiênHiệp*. Vì lý do nói xấu quân đội nên hồi ký này cũng bị cấm đăng tiếp. Được biết là thủ môn Vural ngay từ ngày đầu nổ ra cách mạng đã làm việc cho chi nhánh địa phương của Bộ an ninh quốc gia. Tòa án công nhận các thành viên khác của nhóm kịchchỉ là “nghệ sĩ bình thường”.

Funda Eser bị suy nhược thần kinh sau khi chồng bị giết. Bà ta nổi điên chỉ trích, buộc tội và

tổ cáo mọi người, do đó bị đưa vào khoa thần kinh của quân y viện Ankara theo dõi mất bốn tháng.

Nhiều năm sau khi giọng bà được cả nước biết qua nhân vật phù thủy trong một bộ phim trẻ em nhiều tập do bà lồng tiếng, Funda Eser kể cho tôi nghe rằng bà vẫn còn ầu ầu vì chồng bị chết do “tai nạn nghề nghiệp” trên sân khấu và sinh thời bị ghen tị gièm pha mà không được đóng vai Atatürk; bà chỉ có thể tự an ủi rằng người ta đã lấy những tư thế do ông sáng tạo ra làm mô hình cho nhiều bức tượng Atatürk trong mấy năm qua. Trong báo cáo của viên thiếu tá cũng nhắc đến sự dính líu của Ka nên thẩm phán tòa án binh đã triệu tập ông đến tòa làm nhân chứng, sau hai phiên đầu không thấy ông đâu, tòa đã ký lệnh bắt.

Thứ Bảy nào Turgut Bey và Ipek cũng đến thăm Kadife bị giam ở Kars. Vào những ngày hè và xuân đẹp trời, ông giám đốc trại giam nhân từ cho phép họ trải khăn dưới gốc cây dâu trong sân trại giam, họ ăn món ớt nhồi thịt do Zahide nấu, mời các phạm nhân khác cùng ăn thịt viên, lấy trứng luộc già chơi trò đăm trứng trước khi bóc vỏ và nghe những bản prelude của Chopin trong chiếc máy cassette Philips đã được Turgut Bey đem sửa lại.

Để khỏi phải coi trại giam của con gái mình như một nơi đáng xấu hổ, Turgut Bey coi nó là một trường nội trú mà mọi công dân khả kính đều phải trải qua trên bước đường trưởng thành, và đôi khi đem theo một người quen như nhà báo Serdar Bey. Sau khi Fazil được đến cùng vài lần, Kadife đòi cậu có mặt trong mọi dịp khác. Hai tháng sau khi ra tù, cô cưới chàng trai trẻ hơn mình bốn tuổi ấy. Nửa năm tiếp theo, họ sống trong một phòng khách sạn Lâu Đài Tuyết, và Fazil làm việc tại lễ tân. Khi tôi đến Kars họ đã cùng con chuyển đi chỗ khác. Mỗi sáng Kadife bế thằng bé Ömercan sáu tháng tuổi đến khách sạn và làm việc ở đây một chút, trong khi Ipek hay Zahide cho nó ăn và Turgut Bey chơi với cháu ngoại.

Để tránh phụ thuộc vào bố vợ, Fazil làm việc thêm ở hiệu ảnh Hùng Sáng và Truyền hình biên giới Kars. Khi kể chuyện này với tôi cậu mỉm cười: “Chức danh là 'trợ lý chương trình' nhưng thật ra tôi là thằng sai vặt hạng sang.”

Một ngày sau hôm đặt chân tới Kars và được thị trưởng mở tiệc đón mừng, buổi chiều tôi gặp Fazil ở nhà mới trên phố Hulusi Aytekin. Trong khi tôi ngắm các bông tuyết chậm chậm rơi xuống lâu đài và sông Kars, Fazil ngậy thơ hỏi tôi về Kars làm gì; còn tôi thì rất lúng túng vì tưởng cậu ta nói về Ipek, người đã hút hồn tôi trong bữa tiệc tối qua ở chỗ ông thị trưởng. Tôi kể hơi cường điệu về các bài thơ Ka viết ở Kars, và có thể tôi sẽ viết một cuốn sách về những bài thơ ấy.

Cậu thân mật hỏi: “Nếu những bài thơ ấy không còn nữa thì làm sao ông viết sách về chúng được?”

“Tôi cũng không biết nữa,” tôi đáp. “Trong kho lưu trữ của đài truyền hình nhất định có một bài.”

“Thế thì tối nay tôi sẽ tìm được nó cho ông. Hôm nay ông đã đi qua khắp các phố. Chắc ông đang định viết một tiểu thuyết về những người ở đây?”

Tôi lúng túng đáp: “Tôi chỉ đến những nơi Ka nhắc tới trong thơ thôi.”

“Nhưng trông mặt ông tôi biết ông muốn kể về chúng tôi, nghèo khó và khác biệt hẳn với những người sẽ đọc tiểu thuyết này ra sao. Và tôi không muốn xuất hiện trong một cuốn tiểu thuyết kiểu ấy.”

“Tại sao không?”

“Ông có biết gì về tôi đâu! Và ngay cả khi ông biết tôi và kể về tôi thì các độc giả phương Tây của ông cũng chẳng biết làm gì hơn là thương hại tôi nghèo khó. Ví dụ như họ sẽ cười về việc tôi muốn trở thành tác giả một truyện khoa học giả tưởng Hồi giáo. Tôi không muốn được miêu tả là một người đáng thương và bị chê cười khinh mạn.”

“Tất nhiên là không.”

“Tôi biết ông bức mình.” Fazil tiếp lời. “Xin ông đừng khó chịu về những lời tôi nói, ông là một người tốt. Nhưng bạn ông cũng là một người tốt, có thể ông ấy cũng mến chúng tôi, song rốt cuộc đã làm một điều tồi tệ.”

Tôi cho rằng Fazil không chân thực khi nói việc Ka có vẻ như đã chỉ điểm Lam cũng là một chuyện tồi tệ đối với chính cậu, vì cậu ta chỉ có thể cưới Kadife khi Lam bị giết. Nhưng tôi ngậm mồm.

Sau khi nghỉ một hồi lâu, tôi hỏi: “Làm sao cậu chắc chắn lời buộc tội Ka là đúng?”

“Cả Kars đều biết,” giọng Fazil nhẹ nhàng, gần như dịu dàng, không có vẻ trách móc Ka hay tôi.

Trong mắt cậu tôi thấy Necip. Tôi nói với cậu là mình sẵn sàng xem cuốn khoa học giả tưởng mà cậu muốn đưa tôi (Fazil đã hỏi tôi có muốn xem những gì cậu viết không, nhưng nói là không đưa tôi bản thảo mà muốn ngồi cạnh tôi trong khi đọc).

Buổi tối chúng tôi ngồi bên bàn, nơi Fazil và Kadife đã ăn và xem ti vi trước đó. Tôi im lặng đọc năm mươi trang đầu tiên trong tiểu thuyết khoa học giả tưởng mà Necip từng mơ đến trước đây bốn năm và hôm nay Fazil bắt tay vào viết.

“Thế nào ạ, có ổn không?” Fazil chỉ hỏi một lần duy nhất như muốn xin lỗi. “Nếu ông thấy chán thì thôi!”

“Không, hay đấy,” tôi nói và tò mò đọc tiếp.

Sau đó chúng tôi cùng nhau đi dọc phố Kâzım Karabekir ngập tuyết, và tôi nhắc lại một cách chân thành là tôi thích tiểu thuyết của cậu.

“Có lẽ ông nói thế để tôi vui lòng,” Fazil nhận xét, song mặt cậu ngời hạnh phúc. “Nhưng ông đã làm một việc tốt cho tôi, và tôi muốn trả ơn. Nếu ông muốn viết tiểu thuyết thì ông được phép nhắc đến tôi. Với điều kiện tôi được nói trực tiếp với độc giả của ông một điều.”

“Nói gì cơ?”

“Tôi chưa biết. Khi nào tôi nghĩ ra lúc ông còn ở Kars thì tôi sẽ nói cho ông.”

Chúng tôi chia tay và hẹn tối nay gặp nhau ở *Truyền hình biên giới* Kars. Tôi nhìn theo Fazil vội chạy về hiệu ảnh Hùng Sáng.

Trong cậu tôi thấy bao nhiêu phần Necip? Liệu cậu có còn cảm thấy trong mình có Necip như đã nói với Ka? Con người có thể nghe tiếng nói một người khác trong mình đến mức nào?

Sáng sớm tôi đi đi lại lại trên các phố ở Kars, nói chuyện với những người đã tiếp Ka và vào các quán trà ngày xưa ông đã vào; rất nhiều khi tôi có cảm thấy mình đang chính là Ka. Tôi vào quán trà Anh Em từ sớm, nơi Ka viết bài *“Toàn nhân loại và những tình cầu”* và hình dung ra vị trí của mình trong vũ trụ như bạn tôi đã làm. Cavit ở quầy lễ tân khách sạn Lâu Đài Tuyết nói là

tôi cũng lấy chìa khóa phòng một cách “hấp tấp như ông Ka”. Ông chủ hiệu tạp hóa gọi khi tôi đi qua một con phố nhỏ: “Cố phải ông là ông nhà văn từ Istanbul đến không?” Ông chuyện trò với tôi như đã làm với Ka ngày trước, và cũng muốn tôi viết rằng tin đăng trên báo về vụ tự sát của con gái ông, Teslime, là sai. Và ông cũng mời tôi uống Coca-cola như đã mời Ka. Bao nhiêu phần là tình cờ và bao nhiêu phần là tưởng tượng của tôi? Có lần tôi nhận ra mình đang đi qua ngõ Baytarhane và ngó lên cửa sổ bí thất của trưởng lão Saadettin, rồi leo lên những bậc thang dốc mà Muhtar nói đến trong bài thơ của mình để hiểu ra Ka nghĩ gì lúc ông tới đây.

Vì đã tìm được những bài thơ Muhtar đưa Ka trong chỗ giấy tờ của ông ở Frankfurt, tôi chắc ông đã không gửi chúng cho Fahir. Vậy mà Muhtar ngay sau khi chúng tôi làm quen nhau được năm phút đã kể Ka là một người “khả kính” ra sao, rồi nói ngay là Ka rất khen ngợi thơ ông trong thời gian ở Kars và đã nồng nhiệt giới thiệu cho một nhà xuất bản quan trọng ở Istanbul.

Về mặt buôn bán thì ông hài lòng, và hy vọng trong kỳ bầu cử tới sẽ được một đảng Hồi giáo chính trị mới thành lập (đảng Phồn vinh ngày xưa đã bị cấm) bầu làm ứng viên thị trưởng, cũng như sẽ trúng cử. Nhờ sự tiếp đón thân mật và trang trọng của Muhtar, chúng tôi được vào thăm Sở cảnh sát (có điều không được xuống tầng hầm) và nhà thương an sinh xã hội, nơi Ka từng hôn Necip đã chết. Trong khi chỉ cho tôi xem những phòng còn sót lại của Nhà hát nhân dân mà ông đã biến thành kho để đồ gia dụng, Muhtar thú nhận một phần “trách nhiệm” về chuyện phá dỡ ngôi nhà cả trăm năm tuổi này, song ông cố an ủi tôi rằng ngôi nhà này đảng nào cũng không phải “kiến trúc Thổ, mà là Armenia”. Ông lần lượt đưa tôi đi xem tất cả những nơi Ka từng nhớ lại mỗi lần tha thiết mong tái ngộ Ipek và Kars, chợ rau quả phủ tuyết, xưởng đóng móng ngựa và bán đồ kim khí ở phố Kâzım Karabekir. Rồi ông giới thiệu tôi với địch thủ chính trị của mình, Muzaffer Bey, ở khu thương mại Halit Paşa và từ biệt. Nghe xong lịch sử cộng hòa của Kars do cựu thị trưởng kể như đã kể với Ka, khi về qua hành lang tối tăm khó chịu của tòa nhà, tôi gặp một người ở cạnh cửa *Hội những người yêu súc vật* ra bắt chuyện, gọi tôi là “Orhan Bey”, mời tôi vào nhà và kể chuyện trước đây bốn năm chứng tỏ anh ta có trí nhớ tuyệt vời. Tôi nghe chuyện ông hiệu trưởng đại học sư phạm bị bắn chết, chuyện Ka đến đây và ngồi vào góc phòng chơi gà để suy tư.

Tôi thấy khó nhọc khi nghe kể chi tiết khoảnh khắc Ka nhận ra mình yêu Ipek trước khi chính tôi sắp gặp cô. Vì thế trước khi lên đường đến tiệm bánh ngọt Đồi Mới tôi ghé vào quán bia Đất Xanh và uống một ly Raki, hy vọng tìm được sự thư thái và rũ bỏ được nỗi sợ bị lôi cuốn vào một chuyện tình. Song vừa ngồi đối diện Ipek trong tiệm là tôi nhận ngay ra những biện pháp cẩn trọng ấy còn gây ra nhiều nguy hiểm hơn. Ly Raki trong dạ dày bỗng làm tôi điên đảo hơn là thư thái. Mắt Ipek rất to trên khuôn mặt trái xoan mà tôi rất ưa. Trong lúc cố gắng thấu hiểu vẻ đẹp của cô, một vẻ đẹp kỳ lạ hơn nhiều so với các tưởng tượng của tôi về cô từ hôm qua khi mới gặp, tôi càng vô vọng thêm khi nhớ lại những điều tôi đã biết căn kẽ về mối tình Ka đã trải qua cùng Ipek. Nhưng nó chỉ đau đớn gợi ra một mặt yếu khác của tôi: trong khi Ka là một thi sĩ thực thụ, sống hoàn toàn hợp lẽ với bản lĩnh mình, thì tôi chỉ là một người viết tiểu thuyết với tâm hồn tương đối đơn giản, mỗi sáng mỗi tối làm việc vào các giờ nhất định như một thư ký đánh máy. Có thể vì thế mà tôi thuật lại bằng những màu sắc êm mắt cuộc sống điều độ của Ka ở Frankfurt, sáng nào cũng dậy đúng giờ, đi qua những con phố đó, ngồi bên chiếc bàn đó trong thư viện đó và làm việc.

“Thực sự là tôi đã quyết tâm đi cùng anh ấy về Frankfurt,” Ipek nói và kể ra một loạt chi tiết chứng minh cho quyết định của cô kết thúc bằng việc xếp vali. “Nhưng hôm nay tôi khó có thể nhớ lại vì sao tôi lại thấy anh ấy dễ thương.” Cô nói. “Tôi cũng rất tôn trọng tình bạn của ông và sẵn sàng giúp ông khi viết sách.”

“Nhờ chị mà Ka đã viết được một cuốn sách tuyệt vời ở Kars.” Tôi nói để tìm cách gợi cô kể nhiều hơn. “Anh ấy đã nhớ lại từng phút trong ba ngày ấy và chép lại đầy nhiều cuốn vở, chỉ thiếu mấy giờ cuối cùng trước khi rời thành phố thôi.”

Với sự cởi mở đến kinh ngạc, không hề giấu giếm gì, vẻ khó nhọc vì phải bày ra đời tư của mình và tính thật thà khiến tôi khâm phục, Ipek thuật lại cặn kẽ những giờ cuối cùng của Ka ở Kars, như cô đã trải qua hay hình dung ra.

“Chị không có bằng chứng chính đáng nào để bỏ quyết định đi Frankfurt,” tôi nhận định và cố không nói giọng trách cứ.

“Có những việc người ta hiểu ngay bằng cảm tính.”

“Chị là người đầu tiên nhắc đến cảm tính,” tôi nói và kể cho cô nghe, tựa như muốn xin lỗi, rằng theo các lá thư Ka viết cho cô nhưng không bao giờ gửi đi và tôi buộc phải đọc để viết được sách thì trong năm đầu tiên trở về Đức mỗi đêm Ka phải uống hai viên thuốc ngủ vì ông không chợp mắt được mỗi khi nghĩ đến cô; ông uống rượu đến say mèm và mỗi khi đi trên các phố Frankfurt thì chốc chốc lại tưởng một người phụ nữ phía xa là Ipek, cho đến cuối đời, hằng ngày những khoảnh khắc hạnh phúc được trải nghiệm bên Ipek luôn hiện ra và kéo dài hàng giờ như một cuộn phim quay chậm, ông cảm thấy rất hạnh phúc những lúc quên được cô trong chỉ năm phút, cho đến lúc chết ông không có quan hệ với một phụ nữ nào nữa. Sau khi mất cô, ông thấy mình “không phải là người mà là ma”. Khi nhận ra ánh mắt của cô nhìn mình dịu lại đầy thông cảm, đồng thời van vãn: “Xin ông đừng nói tiếp nữa!” và cặp mày cô nhíu lại như được nghe một câu hỏi khó, tôi kinh hoàng nhận ra mình đã không kể tất cả những chuyện ấy để Ipek chấp nhận Ka, mà chấp nhận chính tôi.

“Cứ cho là anh bạn ông rất yêu tôi,” cô nói, “nhưng không đủ để tìm cách quay lại Kars lần nữa.”

“Có lệnh bắt anh ấy.”

“Không quan trọng. Anh ấy sẽ ra tòa và khai báo, và sẽ không bị vấn đề gì hết. Xin ông đừng hiểu sai, anh ấy không về đây là đúng, nhưng Lam đã nhiều lần bí mật quay về Kars để gặp tôi mặc dù đã có lệnh xử bắn anh ấy.”

Tôi vô cùng đau khổ khi nhận ra nét buồn bã thực sự trên mặt cô, và cặp mắt nâu nhạt của cô sáng lên khi nhắc đến tên Lam”.

“Nhưng anh bạn ông không phải sợ ra tòa.” cô nói như có ý định an ủi tôi, “nói cho đúng, anh ấy quá rõ tội thực sự của anh ấy là gì, lý do thực sự tôi đã không ra ga.”

“Chưa bao giờ có bằng chứng là anh ấy có tội.” tôi nói.

“Tôi hiểu rõ, đó cũng chính là lý do ông thấy mình có tội,” cô nói giọng thâm hiểm trong khi đút thuốc lá và bật lửa vào túi, ra dấu là cuộc trò chuyện của chúng tôi đã kết thúc. Tôi nói “thâm hiểm” vì khi nghe cô nói xong thì tôi hiểu là mình chịu thua, và cô biết rằng tôi không ghen với Ka, mà thật ra với Lam.

Sau này tôi kết luận là Ipek không nói bóng gió đến chuyện ấy mà là tôi đã tự để cảm giác tội lỗi áp đảo mình quá mức.

Ipek đứng dậy. Cô thật cao lớn, chưa kể đến những nét đẹp khác. Cô khoác áo choàng lên vai.

Tôi cực kỳ rối trí. “Tối nay chúng ta sẽ gặp lại nhau, đúng không ạ?” Tôi luống cuống hỏi một câu hỏi hoàn toàn thừa.

“Tất nhiên, bố tôi rất mong ông đến.” Cô nói rồi đi khỏi với dáng đi tuyệt vời chỉ mình cô có.

Tôi tự nhủ, tôi buồn là vì cô thật sự tin Ka “có tội”. Nhưng tôi đã tự dối lòng. Mục đích chính của tôi khi nói về Ka như “một người bạn thân đã khuất”, chẳng qua là để dần dần sáng tỏ những khiếm khuyết, tính cứng đầu và “tội” của ông, để trong khi xua đuổi những ký ức về ông tôi sẽ cùng cô bước lên một con tàu và lần đầu tiên cùng nhau vượt sóng. Nhưng giấc mơ đưa Ipek đến Istanbul hôm đầu tiên của tội đã xa vời lắm rồi. Những gì tôi mong ước lúc này chỉ là nỗ lực chứng minh bạn tôi “vô tội”. Ở mức độ nào đó, nỗ lực ấy đồng nghĩa với chuyện tôi đã chấp nhận rằng mình không ghen với Ka, mà với Lam.

Tôi càng đau khổ hơn khi dạo trên đường phố Kars lúc bóng đêm buông xuống. Đài *Truyền hình biên giới* Kars đã chuyển về một tòa nhà mới, đối diện trạm xăng trên phố Montenegro. Trong vòng hai năm, không khí bẩn thỉu, ướt át, tối tăm và tù hãm của thành phố này đã ngự trị trong các lối đi của tòa nhà bê tông ba tầng được người dân Kars coi là dấu hiệu của sự chuyển mình.

Fazil thân mật chào tôi trên lầu hai, giới thiệu ngay tám nhân viên của nhà đài rồi nói: “Các đồng nghiệp của tôi muốn phỏng vấn ngắn cho chương trình thời sự buổi tối.” Tôi nghĩ là chuyện này có ích cho công việc của tôi ở Kars. Trong khi ghi băng cuộc trò chuyện năm phút, có thể vì được nghe Fazil kể trước nên người dẫn chương trình thanh niên Hakan Özge đột ngột hỏi: “Nghe nói ông đang viết một cuốn tiểu thuyết về sự kiện ở Kars?” Nhưng tôi chỉ trả lời một cách mập mờ. Chúng tôi không hề đi đến Ka.

Chúng tôi vào phòng giám đốc, tìm ra cuốn băng ghi hai tối truyền hình trực tiếp từ Nhà hát nhân dân - theo quy định, trên gáy băng video có ghi ngày tháng - và cầm đi. Tôi ngồi vào một phòng nhỏ bí hơi, trước chiếc tivi cũ, vừa uống trà vừa xem trước tiên *Bi kịch ở Kars* với Kadife, khâm phục những “Tiểu phẩm phê phán” của Sunay Zaim và Funda Eser nhạo báng mấy mẫu phim quảng cáo rất thịnh hành hồi đó. Tôi tua lại và xem nhiều lần cảnh Kadife bỏ khăn ra rồi ngay sau đó bắn chết Sunay. Cái chết của ông quả thật như một phần của vở kịch. Ngoài hàng ghế đầu tiên, không ai trong khán phòng có thể thấy được ổ đạn rỗng hay đầy.

Khi xem băng kia, tôi nhận ngay ra nhiều cảnh nhỏ trong *Tổ quốc hay khăn trùm*, cảnh nhái, chuyện phiêu lưu của thủ môn Vural, múa bụng của Funda Eser đáng yêu là những trò giải trí mà đoàn kịch lặp đi lặp lại trong các chuyến lưu diễn. Hầu như không hiểu được lời thoại vì tiếng hò hét, hô khẩu hiệu và ồn ào trong khắp khán phòng. Tuy nhiên sau khi tua lại băng nhiều lần tôi vẫn chép ra giấy được bài thơ mà Ka trình bày và sau này đặt đầu đề “*Nơi không có Allah*”. Fazil hỏi tại sao Necip đứng dậy và định nói gì đó trong khi Ka đọc thơ, và tôi đưa cậu đọc những gì từ bài thơ tôi đã chép lại được.

Chúng tôi xem hai lần đoạn binh lính bắn vào khán giả.

“Ông đã tới nhiều nơi ở Kars,” Fazil nói, “bây giờ tôi chỉ cho ông một nơi nữa.” Cậu nói với vẻ mặt hơi ngượng ngịu nhưng đầy bí mật, có thể tôi cũng đưa cả Necip vào sách, vì vậy cậu muốn chỉ cho tôi xem nhà ngủ đã bị đóng ở trường tôn giáo, nơi Necip đã sống phần lớn những năm cuối đời mình.

Khi chúng tôi đội tuyết đi dọc phố Gazi Ahmet Muhtar, tôi thấy một con chó đen như than với vết trắng trên trán, nhận ra đó là con chó trong một bài thơ của Ka. Ở hiệu tạp hóa gần đó tôi mua bánh mì và trứng luộc già, bóc trứng thật nhanh để ném cho con chó. Nó vui sướng vẫy cái đuôi cụp ngọn.

“Thấy con chó chạy theo. Fazil nói: “Con chó này ở ga đây. Lúc này tôi không nói vì ngại ông sẽ không đi cùng: nhà ngủ bây giờ trống trơn. Sau đêm cách mạng bọn chúng đã đóng cửa, bảo đây là ổ chứa khủng bố và phản cách mạng. Từ bữa đó không ai ở đây nữa, do đó tôi cầm theo một chiếc đèn pin của phòng ghi băng.” Cậu bật đèn, và con chó vẫy đuôi khi ánh đèn chiếu vào cặp mắt buồn bã của nó. Cánh cửa vào sân bị khóa. Nhà ngủ này ngày xưa là một lầu đài

Armenia, sau đó là phòng lãnh sự Nga và cũng là nhà ở của viên lãnh sự cùng con chó của mình. Fazil nắm tay tôi nhảy qua một bức tường thấp. “Ngày xưa, đêm đến là chúng tôi hay trốn qua chỗ này.” Cậu nói và chỉ vào một khung cửa sổ cao đã vỡ kính. Cậu khéo léo trèo qua, chiếu đèn loang loáng trong đó rồi kéo tôi vào cùng. “Ông đừng sợ, trong này chỉ có chim thôi,” cậu nói. Các tấm cửa kính phủ đầy bụi và tuyết không cho ánh sáng lọt qua, một số cửa bị đóng vắn kín.

Bên trong ngôi nhà tối như mực, song Fazil leo lên cầu thang một cách thành thạo, và hắt ánh đèn pin về phía sau chiếu sáng đường đi cho tôi như nhân viên rạp phim. Khắp nơi có mùi bụi bặm và ẩm mốc. Chúng tôi đi qua những cánh cửa đã bị đập toang ra, tàn tích của cuộc cách mạng trước đó bốn năm, luồn giữa những chiếc giường tầng gỉ sét. Tường phòng lỗ chỗ vết đạn, những con bọ câu làm tổ trong góc tường và ông lò sưởi đập cánh bay loạn xạ. Fazil chỉ tôi xem hai chiếc giường tầng trên cạnh nhau: “Đây là giường tôi, giường kia của Necip. Để những người khác không bị thức giấc khi chúng tôi thủ thủ, đôi khi chúng tôi nằm cùng giường, cùng ngắm bầu trời sao và nói chuyện với nhau.”

Qua khe hở giữa một tấm kính bị vỡ có thể thấy những bông tuyết lớn chậm chậm rơi trong ánh sáng từ một ngọn đèn đường.

Tôi ngấm nhìn chăm chú và sùng kính.

Mãi rất lâu sau Fazil mới cất tiếng: “Và đây là tầm nhìn từ giường Necip.” và chỉ vào một lối đi nhỏ xíu bên dưới. Tôi nhìn xuống một lối đi rộng hai thước, có lẽ không thể gọi là ngõ, kẹp giữa ngân hàng nông nghiệp và bức tường hậu không cửa sổ của một nhà hàng xóm. Một chiếc đèn ống trên lầu nhà băng tỏa ánh sáng tím xuống nền đất lầy lội. Người ta đặt một tấm bảng đỏ giữa lối đi với dòng chữ “Cấm đi” để tránh nhầm lẫn lối đi với đường phố. Tận cuối lối đi - mà Fazil nói rằng Necip đã lấy cảm hứng từ đó cho khung cảnh “Tận cùng thế giới” - có một cái cây đen trụi lá; đúng lúc chúng tôi nhìn ra thì nó sáng đỏ lên một giây như bốc cháy. “Đèn quảng cáo màu đỏ của hiệu ảnh Hùng Sáng bị hỏng từ bảy năm nay.” Fazil thì thầm. “Thỉnh thoảng nó nháy sáng lên rồi lại tắt. Từ giường Necip trông ra, gốc cây trúc đào kia tựa như bắt lửa. Đôi khi Necip mơ về hình ảnh đó cho đến sáng và thả hồn mình vào tưởng tượng. Nó gọi những gì mình nhìn thấy là ‘*thế giới kia*’ và thỉnh thoảng sau một đêm mất ngủ như thế lại nói với tôi: ‘Tớ đã quan sát thế giới kia suốt đêm!’ Nó đã kể lại chuyện đó với bạn ông, nhà thơ Ka, và ông ấy đưa ý ấy vào bài thơ của mình. Khi xem băng video, tôi nhận ra ngay điều đó, vì vậy tôi đưa ông tới đây. Nhưng bạn ông đặt đầu đề bài thơ ‘*Nơi không có Allah*’ là một sự xúc phạm Necip.”

“Tôi tin chắc Necip đã thuật lại cho Ka hình ảnh này là ‘*Nơi không có Allah*’” tôi trả lời.

“Tôi không thể tin là Necip đã chết như một người vô thần,” Fazil nói dè dặt. “Mặc dù quả là nó vẫn có những hoài nghi.”

“Cậu không nghe thấy tiếng Necip trong mình nữa à?” tôi hỏi. “Cậu không sợ dần dần biến thành người vô thần mà không biết, như người đàn ông trong truyện à?”

Fazil không hài lòng thấy tôi biết những hoài nghi mà trước đây bốn năm cậu ta đã kể cho Ka hay. “Bây giờ tôi đã có vợ, và một đứa con,” cậu nói. “Tôi không quan tâm đến mấy chuyện ấy như ngày xưa nữa.” Tuy nhiên cậu hối hận ngay vì đã đối xử với tôi như với một người từ phương Tây tới với ý định dụ dỗ cậu theo chủ nghĩa vô thần. “Ta nói chuyện ấy sau,” Fazil thân mật nói. “Bố vợ tôi đợi chúng ta đến ăn, ta không nên đến muộn.”

Tuy vậy trước khi xuống tầng dưới cậu vẫn chỉ cho tôi những mảnh vỡ của chai Raki và mấy chiếc ghế đẩu trong góc phòng làm việc rộng rãi ngày xưa của viên lãnh sự Nga. “Z. Tay Sắt và đội đặc nhiệm của hắn còn trụ lại đây mấy hôm sau khi đường thông trở lại và giết thêm nhiều người Hồi giáo chính trị và người Kurd theo chủ nghĩa dân tộc.” Cho đến phút ấy tôi đã cố

quên được chi tiết này, nó khiến tôi sợ, tôi không muốn nhớ đến những giờ cuối cùng của Ka ở Kars.

Con chó đen thui đợi chúng tôi ở cổng và đi theo đến tận khách sạn.

“Ông đã mất vui,” Fazil nói. “Tại sao vậy?”

“Trước bữa ăn cậu lên phòng tôi nhé? Tôi muốn đưa cậu một thứ.”

Khi lấy chìa khóa ở chỗ Cavit, tôi nhìn qua khe cửa để ngó vào phòng Turgut Bey sáng đèn, bàn ăn đã bày biện xong. Tôi nghe tiếng khách khứa nói chuyện và cảm thấy Ipek đã có mặt.

Trong vali tôi có bản sao do Ka chụp lại những lá thư của Necip viết cho Kadife trước đây bốn năm. Tôi đưa chúng cho Fazil. Về sau tôi mới hiểu ra, tôi làm việc ấy để hồn ma của Necip ám ảnh cậu ta, hết như hồn ma của bạn tôi vẫn làm tôi xáo động.

Trong khi Fazil ngồi ở mép giường đọc thư, tôi lấy một cuốn vở của Ka trong vali và xem lại hình tình thể tuyệt mà tôi đã thấy trước đó ở Frankfurt. Thế là tôi được tận mắt trông thấy những gì lẽ ra đã phải biết từ lâu trong thâm tâm. Ka đặt bài thơ “*Nơi không có Allah*” đúng lên trục HỒI ỨC. Có nghĩa là ông đã đi vào nhà ngủ có Z. Tay Sắt đang ở đó, nhìn qua cửa sổ của Necip và phát hiện ra nguồn gốc thực sự của “khung cảnh” đó ngay trước khi rời khỏi Kars. Những bài thơ mà ông đặt trên trục HỒI ỨC đều nói về kỷ niệm riêng về Kars của Ka hoặc về thời thơ ấu. Vậy là rốt cuộc tôi đã tin một điều mà cả Kars đã tin chắc từ lâu: sau khi không thuyết phục được Kadife ở Nhà hát nhân dân, bạn tôi đã đến nhà ngủ này để tiết lộ nơi trú ẩn của Lam cho Z. Tay Sắt đang đợi ở đó, trong khi Ipek bị khóa trong phòng ông.

Tôi tin chắc là trông mình cũng ngỡ ngác như Fazil lúc ấy.

Có thể nghe bập bõm tiếng khách khứa ở phòng dưới, tiếng thở dài sầu muộn của thành phố Kars từ ngoài phố vọng vào. Fazil và tôi cả hai đều im lặng đắm chìm trong ký ức riêng, cúi gằm trước sự tồn tại áp đảo của những nguyên bản đam mê hơn, phức tạp hơn và hiện thực hơn của mình.

Tôi nhìn ra cửa, ngắm tuyết rơi và nói với Fazil, ta phải đi thôi Fazil đi trước, vai rũ xuống như vừa gây một tội ác. Tôi nằm ra giường và tưởng tượng Ka nghĩ gì trên đường từ cửa Nhà hát nhân dân đến nhà ngủ, cảnh ông không nhìn nổi vào mắt Z. Tay Sắt trong khi nói chuyện, cùng lên đường đến đó với nhóm tập kích vì không biết địa chỉ, đứng từ xa miêu tả ngôi nhà nơi Lam và Hande ẩn náu. Những hình dung đó khiến tôi thật sự đau buồn. Hay là còn tệ hơn? Liệu có thể nào gã “tiểu thuyết gia thư ký” đang ngắm ngẫm hời dạ trước sự sa ngã của thi sĩ cao siêu?

Nhưng càng nghĩ thế chỉ tổ làm tôi thêm căm ghét mình hơn, vậy nên tôi vội hối mình nghĩ sang chuyện khác.

Đi xuống nhà Turgut Bey theo lời mời của ông, tôi còn bối rối hơn nữa bởi sắc đẹp của Ipek. Tôi xin nhắc đến buổi tối ấy một cách ngắn gọn. Giám đốc Sở bưu chính Recai Bey - con người văn minh quan tâm đến hồi ký và sách vở nói chung - Serdar Bey, Turgut Bey và tất cả mọi người đối xử với tôi cực kỳ thân thiện, trong khi tôi uống quá nhiều. Cứ mỗi lần ngắm nhìn Ipek ngồi đối diện là cổ gò đó trong tôi tan vỡ. Tôi ngưng ngưng xem mình được phỏng vấn trong chương trình thời sự, hoa tay hoa chân vụng về. Như một phóng viên mệt mỏi và không tin vào công việc của mình, tôi lấy máy thu âm luôn mang theo người trong thời gian ở Kars ghi lại các cuộc đàm đạo với chủ nhà và khách khứa khác về lịch sử Kars, công tác làm báo ở Kars hoặc đêm nổ ra cách mạng trước đó bốn năm. Vừa ăn món xúp đậu của Zahide nấu, tôi vừa cảm thấy mình đang trong một tiểu thuyết về tình lẻ hời thập kỷ bốn mươi. Tôi nhận thấy

Kadife chín chắn hơn và trầm lặng hơn sau khi ra tù. Không ai nhắc đến Ka - và cái chết của ông - khiến tôi tuyệt vọng hơn nữa. Giữa buổi Kadife và Ipek có lần đứng dậy để trông chừng thằng bé Ömercan đang ngủ trong phòng sau. Tôi toan theo chân họ song văn sĩ của chúng ta - vốn uống “như một nghệ sĩ” - đã say mềm đến nỗi không nhắc nổi chân nữa.

Mặc dù vậy tôi vẫn nhớ rõ một chi tiết trong buổi tối này.

Lúc đã rất khuya, tôi nói với Ipek là rất muốn xem phòng 203 của Ka ngày trước. Tất cả im lặng nhìn hai chúng tôi.

“Được,” Ipek nói. “Ông đi với tôi!”

Cô lấy chìa khóa ở lễ tân. Tôi theo cô lên tầng. Cửa phòng mở. Rèm cửa, cửa sổ, tuyệt. Mùi giắc ngủ, xà phòng và chút bụi bặm. Lạnh căm. Trong khi Ipek sẫm soi tôi một cách ngờ vực song vẫn thân thiện, tôi ngồi xuống mép giường, nơi bạn tôi từng sống những giờ phút hạnh phúc nhất đời mình, khi ông và chính người đàn bà này yêu nhau. Nếu đúng lúc này tôi chết ở đây? Tỏ tình với Ipek? Cứ đứng đây mà nhìn ra cửa sổ? Vâng, mọi người đợi ta ở bàn tiệc. Vâng, chúng ta sẽ xuống ngay bây giờ. Tôi nói mấy câu vô nghĩa khiến Ipek mỉm cười thích thú. Trước nụ cười dịu dàng của cô, tôi thốt ra những lời xúc động mà trong khi nói tôi nhớ là đã chuẩn bị chúng từ trước.

Khônggìtrongcuộcổnghìlàconngườihạnhphúctrừtìnhyêukể
cảnhữngcuốnđiểuthuyếtanhtaviếtrahaynhữngthànhphốanhtadến
thăm...tôicôđơnquánnếutôinóivớichịrằngtôimuốnnởlạithànhphố này
bênchịsuốtđờithìchịnóisao?

“Ông Orhan,” cô nói. “Tôi cũng định yêu Muhtar lắm nhưng không thành, tôi đã rất yêu Lam nhưng không thành, tôi tưởng mình sẽ rất yêu Ka nhưng không thành, tôi ước gì có một đứa con nhưng không thành. Tôi không tin mình sẽ yêu say đắm được ai đó nữa. Tôi chỉ muốn chăm sóc thằng cháu Ömercan nữa thôi. Tôi cảm ơn ông, cho dù chắc ông cũng không hẳn thực sự nghĩ vậy.”

Tôi cảm ơn cô đã lần đầu không dùng chữ “anh bạn ông” mà nói ra tên “Ka”. Tôi muốn hẹn cô trưa mai ở tiệm bánh ngọt Đời Mới, hoàn toàn chỉ để nói về Ka. Tiếc thay, cô bận, nhưng là một chủ nhà tử tế cô hứa sẽ cùng mọi người tối mai ra ga tiễn và chia tay tôi.

Tôi nồng nhiệt cảm ơn cô và thú thực là không đủ sức quay lại bàn nữa (thêm nữa tôi sợ sẽ bật khóc). Tôi vật ra thường và thiếp đi ngay.

Sáng sớm tôi ra khỏi khách sạn, không người nào thấy và đi dạo khắp Kars, đầu tiên với Muhtar, sau đó với Serdar và Fazil. Ít nhất thì hình ảnh tôi trong mục thời sự buổi tối trên tivi cũng làm dân Kars khá yên tâm nên tôi đã dễ dàng thu thập được một số chi tiết cần thiết cho cuốn sách. Muhtar giới thiệu tôi làm quen một ông dược sĩ về hưu, tổng biên tập của *Ngọn giáo* - tờ báo Hồi giáo chính trị đầu tiên của Kars với 75 ấn bản bán ra. Sau khi nghe kể về sự suy thoái của phong trào Hồi giáo bởi các biện pháp phi dân chủ và trường tôn giáo cũng không thu hút được nhiều học sinh như ngày xưa, tôi lại nhớ đến chuyện Necip và Fazil lập kế hoạch giết ông già dược sĩ, vì ông này đã hai lần hôn Necip một cách kỳ quái. Cả ông chủ khách sạn Vườn Hoa Kars từng hót lẻo về khách của mình với Sunay nay cũng viết cho báo này. Khi người ta kể chuyện cũ, ông nhắc tôi nhớ đến một chi tiết mà tôi suýt quên: kẻ sát hại ông hiệu trưởng đại học sư phạm trước đây bốn năm may sao, không phải người ở Kars. Ngoài những hình ảnh ghi lại trong khi diễn ra hành động đâm máu ấy. danh tính anh ta, một người làm quán trà ở Tokat, còn được xác định bởi bản nghiên cứu đạn đạo của Ankara, vì vũ khí ấy cũng được sử dụng trong một vụ giết người khác và người ta đã bắt được chủ sở hữu vũ khí. Người đàn ông sau khi khai Lam đã mời anh ta đến Kars đã được xác nhận trước tòa là bị bệnh thần

kinh. do vậy bị đưa vào bệnh viện tâm thần Bakirköy ba năm; sau đó anh ta được thả, chuyển đến Istanbul, mở quán trà Vườn Hoa Tokat, viết chuyên mục cho một tờ báo ủng hộ các thiếu nữ trùm khăn.

Có lẽ phong trào đối kháng của nhóm thiếu nữ trùm khăn ở Kars trước đây bốn năm suy yếu dần sau khi Kadife để lộ tóc ra, và nếu sau này có dấu hiệu phục hồi thì cũng không mạnh như ở Istanbul vì những người trung thành với ý tưởng ấy đã bị đuổi khỏi trường đại học hoặc chuyển sang các trường khác trong nước.

Gia đình Hande cự tuyệt không tiếp tôi.

Do những bài hát được trình bày trong những ngày cách mạng trở thành nổi tiếng khắp nơi, nhân viên cứu hỏa với giọng hát khỏe ngày xưa nay là ngôi sao trong chương trình “Bài ca từ biên giới Thổ” phát hàng tuần trên *Truyền hình biên giới* Kars. Chương trình này được thu tối thứ Ba và phát ra vào cuối chiều thứ Sáu. Khi biểu diễn, ông được người bạn thân đệm đàn dây saz. Đó là nhân viên thường trực yêu nhạc của bệnh viện Kars và khách quen tại bí thất của trưởng lão Saadettin. Nhà báo Serdar cũng giới thiệu tôi với “Bốn mắt”, cậu bé đã lên sân khấu trong đêm nổ ra cách mạng. Sau đó bố cậu cấm cậu tham gia diễn kịch ở trường. Hôm nay đó là một chàng trai chững chạc, tuy vẫn làm nghề giao báo. Nhờ anh ta mà tôi biết những người xã hội chủ nghĩa chuyên đọc báo chí in ở Istanbul nay đang làm gì: vẫn luôn kính trọng - như từ xưa đến nay - cuộc đấu tranh sinh tử của người Hồi giáo chính trị và người Kurd dân tộc chủ nghĩa với nhà nước, thảo ra những nghị quyết nửa vời không ai thèm đọc. và vỗ ngực khoe những gian khổ và chiến công ngày xưa. Hầu như mỗi người mà tôi tiếp chuyện đều có vẻ mong đợi một người hùng giàu tinh thần hy sinh sẽ ra tay cứu mọi người trước nạn thất nghiệp, nghèo đói, tham nhũng và đổ máu. Và do tôi là một tiểu thuyết gia ít nhiều có tên tuổi nên cả thành phố đánh giá tôi bằng thước đo tượng tượng dành cho nhân vật vĩ đại đó, họ khiến tôi cảm nhận rằng họ không ưa gì một số thói tật mà tôi đã mắc phải ở Istanbul: tính phiêu lãng vô lo, chỉ tập trung vào việc riêng, và tật đãng trí. Đáng lẽ tôi còn theo ông thợ may Maruf về nhà sau khi ngồi cùng ông ở quán trà Thống Nhất và nghe hết chuyện đời của ông, để làm quen với các cháu ông và uống rượu với chúng, rồi thì phải ở lại thành phố thêm hai hôm nữa để thuyết trình ở buổi họp do các môn đệ trẻ của Atatürk tổ chức vào các tối thứ Tư, hát hết những điệu thuốc lá được người ta thân mật mời và hàng trăm tách trà (mà tôi cũng cố làm được một phần). Đồng đội của bố Fazil trong quân ngũ, một người quê Varto, kể trong bốn năm qua nhiều người Kurd dân tộc chủ nghĩa đã bị giết hoặc tống vào ngục, và không ai theo du kích nữa. Không một ai trong số những thanh niên có mặt tại buổi họp ở khách sạn Châu Á còn ở lại thành phố trừ đứa cháu thiện cảm và mê cá cược của Zahide đã giới thiệu tôi với những người mê chơi gà. Và tôi uống luôn hai cốc trà đựng Raki được mời ở đó.

Trời đã tối, trước giờ tàu khởi hành rất lâu tôi chậm chậm đi như một du khách quá đổi cô đơn và bất hạnh về khách sạn dưới trời mưa tuyết, lên phòng mình xếp hành lý. Khi đi qua cửa bếp, tôi làm quen mặt vụ Saffet đang được Zahide múc cho một đĩa xúp như mọi tối. Ông ta hôm nay đã về hưu, biết tôi là ai vì tối qua có xem ti vi và muốn nói với tôi vài câu. Chúng tôi cùng nhau đến quán trà Thống Nhất, và Saffet kể rằng ông vẫn làm việc theo hợp đồng cho nhà nước. Ở Kars, ai làm mặt vụ thì không bao giờ có điểm dừng, ông mỉm cười kể, các tổ chức an ninh ở thành phố rất tò mò muốn biết tôi sẽ kích động chuyện gì trong chuyến đi này (những “vụ Armenia” ngày xưa, cuộc nổi dậy của người Kurd, các nhóm toàn thống, đảng chính trị?) và ông sẽ kiếm được ít tiền nếu tôi thật thà kể cho ông nghe đôi điều.

Tôi ngập ngừng kể cho ông về Ka, nhắc lại chuyện ông theo Ka sát từng bước trước đây bốn năm và hỏi ông chuyện Ka.

“Ông ấy là người rất tốt, yêu mọi người và chó,” Saffet nói. Nhưng trong tâm trí thì ông ấy ở Đức. Một người rất kín đáo. Hôm nay ở đây chẳng ai ưa Ka nữa cả.”

Chúng tôi lặng yên một hồi. Tôi thận trọng hỏi ông có biết gì về Lam không và được biết là cách đây mấy năm có một số người từ Istanbul tới đây hỏi về Lam, giống như tôi về đây vì Ka.

Nhưng kẻ thù Hồi giáo chính trị của nhà nước đã cố đi tìm mộ Lam vô ích, xác anh ta chắc đã bị vớt từ máy bay xuống biển để tránh biến nấm mộ thành điểm hành hương. Fazil đến ngồi cùng bàn chúng tôi và kể, cậu cũng nghe được những tin đồn tương tự và thấy nói là những thanh niên Hồi giáo chính trị ấy đã trốn sang Đức, vì họ nhớ rằng Lam đã từng làm một cuộc hành hương tới đó. Ở Berlin họ lập ra một nhóm Hồi giáo chính trị cực đoan phát triển mạnh; tờ *Hành hương* xuất bản ở Đức in trên trang nhất tuyên ngôn của họ thề sẽ trả thù những người chịu trách nhiệm về cái chết của Lam. Có thể phỏng đoán rằng chính họ đã giết Ka.

Tôi nhìn ra tuyết rơi ngoài trời và hình dung ra bản thảo viết tay duy nhất cho tập thơ *Tuyết* của bạn tôi nằm trong tay một phần tử của nhóm *Hành hương* ở Berlin.

Một mật vụ khác ra ngồi cùng bàn nói với tôi rằng mọi tin đồn đại về ông ta đều là chuyện bịa. Ông ta đã yêu chân thành Teslime và chắc chắn sẽ cưới cô làm vợ nếu cô không tự sát. Ông ta khẳng định mình không “thong manh” và không hiểu vì sao Teslime lại không chịu cưới mình. Tôi chợt nhớ ra chuyện Saffet tịch thu thẻ học sinh của Fazil ở thư viện thành phố trước đây bốn năm. Ka đã ghi lại trong vở, nhưng chắc họ đã quên vụ này từ lâu. Khi Fazil và tôi trở ra đường phố phủ tuyết, hai cảnh sát ấy cũng theo cùng - tôi không rõ vì họ có cảm tình với chúng tôi hay vì thói quen nghề nghiệp - và kêu ca về cuộc sống, sự trống trải, rắc rối về tình yêu và tuổi già. Họ không đội mũ, và tuyết đọng trên mái tóc bạc lưa thưa của họ mà không tan đi. Tôi hỏi, thành phố trong bốn năm qua có nghèo đi hoặc xơ xác hơn. Fazil nói, người ta xem tivi nhiều hơn, người thất nghiệp ngồi nhà thay vì ra quán trà, xem phim nước ngoài miễn phí qua chảo vệ tinh. Ai cũng tiết kiệm để đủ tiền mua một ăng-ten vệ tinh màu trắng to như cái chảo lấp cạnh cửa sổ - sự thay đổi duy nhất trong cơ cấu thành phố. Mỗi người chúng tôi mua ở hẻm Đồi Mới một bánh sừng bò nhân hồ đào ngon tuyệt - từng là cái giá phải trả cho mạng sống của ông hiệu trưởng đại học sư phạm - và ăn thay cho bữa tối.

Sau khi hai cảnh sát chắc chắn rằng chúng tôi ra ga và chia tay, chúng tôi đi trên đường phố Kars u sầu, thoáng vài ánh đèn tuýp dưới hàng cây dẻ và trúc đào với những cành trụi tuyết, qua mặt tiền các cửa hiệu đóng cửa, quán trà không khách, nhà Armenia bỏ hoang và các tấm cửa kính bày hàng đóng băng. Do không có cảnh sát bám đuôi, chúng tôi rẽ vào những đường ngang. Tuyết hầu như đã ngừng rơi nay lại đổ mạnh hơn. Đường phố không người và phút chia tay Kars đau buồn khiến tôi cảm thấy có lỗi, tựa như tôi bỏ lại Fazil ở thành phố hoang này. Một con chim sẻ chập chờn liệng ra sau tấm màn băng rủ xuống từ hai cành trúc đào trần trụi bay giữa những bông tuyết chậm chạp rơi, lướt trên đầu chúng tôi rồi biến mất. Đường phố trống trơn dưới một lớp tuyết mới và mềm lạnh im đến nỗi chúng tôi không nghe được tiếng động nào ngoài hơi thở của mình ngày càng to vì mệt, và tiếng chân bước. Trong một đường phố chạy giữa nhà ở và cửa hiệu, sự im lặng này tạo ấn tượng như ta đang di chuyển trong mơ.

Có một lúc tôi dừng bước giữa đường và dõi mắt theo một bông tuyết mà tôi chọn ra giữa trời cho đến khi nó chạm đất, đúng lúc Fazil chỉ cho tôi một tấm áp phích bột bột treo từ nhiều năm bên trên cửa quán trà Chào Mừng.

CON NGƯỜI LÀ TUYỆT TÁC CỦA THƯỢNG ĐẾ.

TỰ VẤN LÀ BÁNG BỔ THƯỢNG ĐẾ!

“Vì cảnh sát hay ngồi quán này nên không ai chạm vào áp phích cả.” Fazil nói.

“Bạn có cảm thấy mình là một tuyệt tác không?” Tôi hỏi.

“Không. Chỉ Necip là tuyệt tác của Thượng đế thôi. Sau khi Thượng đế gọi nó về bên Người, tôi đã bất sợ bị biến thành kẻ vô thần và bị giảm ý chí được yêu Người hơn nữa. Thượng đế phải tha lỗi đó cho tôi.”

Chúng tôi cầm lẫn đi đến tận ga dưới những bông tuyết lơ lửng như treo trong thinh không. Tòa nhà đá hoành tráng từ thời kỳ đầu của nền cộng hòa mà tôi đã nhắc đến trong *Cuốn sách đen* đã bị phá dỡ, thay vào đó người ta dựng lên một tầng bê tông xấu xí. Muhtar và con chó đen như than đã đứng đợi chúng tôi ở đó.

Mười phút trước khi tàu chạy, Serdar Bey đến và đưa tôi những số *Thành phố biên giới* cũ có nói đến Ka, đề nghị tôi nhắc đến trong sách thành phố Kars với những lo toan của nó nhưng đừng làm xấu mặt thành phố và người dân ở đây. Thấy Serdar Bey rút quà trong túi ra. Muhtar cũng dấm dúi - tựa như đó là một hành vi xấu xa - ấn vào tay tôi một túi nylon đựng chai nước hoa, gói pho mát Kaşar tròn đặc sản và một bản cuốn thơ riêng đầu tiên kèm chữ ký mà ông tự bỏ tiền in ở Erzurum. Tôi mua một cái bánh mì kẹp cho con chó mực mà người bạn thân yêu của tôi đã nhắc đến trong một bài thơ của mình, sau đó đi mua vé tàu. Trong khi còn chó vừa vẫy đuôi vừa ăn bánh. Turgut Bey và Kadife rảo bước đi tới. Tới phút cuối cùng họ mới nghe Zahide kể là tôi đã ra khỏi khách sạn. Chúng tôi nói toàn những câu cụt ngủn về vé tàu, đường đi và tuyết. Turgut Bey ngượng ngập trao cho tôi ấn bản mới của tiểu thuyết *Mối tình đầu* của Turgenev mà ông dịch từ tiếng Pháp trong những năm bị giam. Tôi vuốt ve thằng bé Ömercan đang được Kadife bế trên tay. Trên chòm tóc của mẹ nó lộ ra dưới chiếc khăn Istanbul thanh lịch đọng những bông tuyết.

Tôi quay sang Fazil vì ngại nhìn lâu vào mắt vợ cậu ta, và hỏi cậu muốn gửi gắm gì nếu một ngày nào đó tôi bắt tay vào một cuốn tiểu thuyết về những gì xảy ra ở Kars.

“Chẳng có gì cả!” cậu nói dứt khoát.

Thấy tôi buồn, cậu nhượng bộ. “Tôi nghĩ đến một chuyện, nhưng ông sẽ không thích đâu...” cậu nói. “Nếu ông để tôi xuất hiện trong một cuốn tiểu thuyết nói về Kars thì tôi muốn nói với độc giả rằng họ không nên tin những gì ông viết về tôi, về tất cả chúng tôi. Không ai hiểu được chúng tôi khi xa cách như thế.”

“Đảng nào cũng chẳng có ai tin vào tiểu thuyết kiểu ấy.”

“Có chứ, họ sẽ tin,” cậu hấp tấp nói. “Để tự thấy mình khôn ngoan, vượt trội và có nhân tính, họ sẽ muốn tin rằng chúng tôi ngớ ngẩn và đáng yêu, và như thế họ sẽ thông cảm với chúng tôi và còn thấy chúng tôi đáng mến. Nhưng nếu ông viết những gì tôi sắp nói ra thì ít nhất họ sẽ còn giữ một chút nghi ngại.”

Tôi hứa sẽ đưa lời cậu vào tiểu thuyết.

Kadife lại gần tôi khi thấy tôi thoáng ngược nhìn về phía cửa ga. “Nghe nói ông có một cô con gái nhỏ xinh đẹp tên là Rüya,” cô nói. “Chị tôi không đến được, nhưng đã gửi lời chào con gái ông. Và tôi có đem cho ông kỷ vật này từ sự nghiệp sân khấu sớm chấm dứt của tôi.” Cô trao cho tôi một tấm ảnh nhỏ chụp cô với Sunay trên sân khấu.

Nhân viên đường sắt huyết còi. Rõ ràng tôi là hành khách duy nhất lên tàu. Tôi ôm từng người một. Phút cuối cùng Fazil ấn vào tay tôi những băng video đã sao lại và cái bút bi của Necip.

Tôi cầm nhiều quà tặng đến nỗi phải chặt vật lăm mới lên tàu được. Tất cả đứng trên sân ga

và vẫy theo tôi. Tôi nhô người ra cửa sổ và vẫy lại. Phút chót tôi thấy con chó mực thè lưỡi màu hồng khỏi mõm và băng nhắng chạy cạnh tàu đến tận cuối sân ga.

Sau đó tất cả khuất đi sau làn mưa tuyết ngày càng dày đặc.

Tôi ngồi xuống ghế, nhìn thấp thoáng sau mưa tuyết ánh sáng ngả màu da cam từ những ngôi nhà ngoại ô cuối cùng, những căn phòng tối tăm đầy người xem vô tuyến, làn khói mỏng manh lay lắt bốc lên từ ống khói thấp lè tè trên những mái nhà phủ tuyết và bật khóc.

4/1999 - 12/2001

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>